



tủ sách việt văn mới



văn học nghệ thuật

VIỆT VĂN MỚI



số đặc biệt
Xuân Giáp Ngọ



tủ sách việt văn mới
2014



nguyệt san việt văn mới

văn học nghệ thuật

số 7

XUÂN GIÁP NGỌ

tháng 1 năm 2014

tiến thảo . lý thị minh châu . vũ đảm . trúc linh lan . vũ lưu xuân . tô mặc giang . quý thể .
huỳnh long sơn . nguyễn ngọc tuyết . trần hậu . phan trang hy . trần minh nguyệt . nguyễn
hoàng trung . nguyễn mỹ nữ . trần văn lệ . nguyễn lệ uyên . hoàng gia cương . đào phạm
thùy trang . hồ chí bửu . phùng phương quý . dung thị vân . thâm tâm . bùi đẹp . mang viên
long . bàng ái thơ . bích ngân . đình hương . huy định . lê văn trung . hồ thủy . nguyễn đoan
tuyết . nguyễn nguyên an . thanh chương . từ vũ . hạc thành hoa . trần nhuận minh . phạm
phù sa . đào hữu thức . đào thị thanh tuyền . nguyễn tam phù sa . khái nguyên . ngọc hải .
vương hoài uyên . như hoài . từ kế tường . vũ hồng . bảo lễ . khái triều . đàm lan . ngô đình
miên . trạch an trần hữu hội . phạm vũ . triệu văn đời . phan văn thanh . phan . bùi thanh
minh . nguyễn khôi . hồng vinh . nguyễn mai . dương leh . hoàng bích nga . kiêm thêm . hoàng
vũ đông sơn . đặng đình túy . huyền viêm . tuệ chương hoàng long hải . toan ánh . tiến thảo . lý
thị minh châu . vũ đảm . trúc linh lan . vũ lưu xuân . tô mặc giang . quý thể . huỳnh long sơn .
nguyễn ngọc tuyết . trần hậu . phan trang hy . trần minh nguyệt . nguyễn hoàng trung .
nguyễn mỹ nữ . trần văn lệ . nguyễn lệ uyên . hoàng gia cương . đào phạm thùy trang . hồ chí
bửu . phùng phương quý . dung thị vân . thâm tâm . bùi đẹp . mang viên long . bàng ái thơ .
bích ngân . đình hương . huy định . lê văn trung . hồ thủy . nguyễn đoan tuyết . nguyễn
nguyên an . thanh chương . từ vũ . hạc thành hoa . trần nhuận minh . phạm phù sa . đào hữu
thức . đào thị thanh tuyền . nguyễn tam phù sa . khái nguyên . ngọc hải . vương hoài uyên .
như hoài . từ kế tường . vũ hồng . bảo lễ . khái triều . đàm lan . ngô đình miên . trạch an trần
hữu hội . phạm vũ . triệu văn đời . phan văn thanh . phan . bùi thanh minh . nguyễn khôi .
hồng vinh . nguyễn mai . dương leh . hoàng bích nga . kiêm thêm . hoàng vũ đông sơn . đặng
đình túy . huyền viêm . tuệ chương hoàng long hải . toan ánh .

tủ sách việt văn mới 2014

nguyệt san

VIỆT VĂN MỚI
văn học nghệ thuật

số 7

15 tháng 01 năm 2014

hộp thư toà soạn
newvietart@gmail.com

tổng thư ký toà soạn : Nguyễn Mai 

chủ nhiệm : Từ Vũ

tủ sách việt văn mới 2014



**TỪ VŨ VÀ TOÀN BAN BIÊN TẬP VIỆT VĂN MỚI
THÂN KÍNH CHÚC QUÝ VĂN, THI, HOẠ, NHẠC... SĨ
MỘT NĂM GIÁP NGỌ 2014
AN KHANG THỊNH VƯỢNG VÀ HẠNH PHÚC**



***Mất Hoàng Sa trước hoặc sau cũng phải có ngày lấy lại,
Đánh mất Văn Hoá thì con đường diệt chủng sẽ chẳng còn xa !***

Từ Vũ

CẢNH ĐÀO NGUYỄN HUỆ

TIẾN THẢO

Nghĩa quân Tây Sơn vào Thăng Long đã mấy hôm. Bầu trời rực lên một màu cờ đỏ. Để khích lệ tinh thần của các tướng sĩ trước trận thư hùng quyết chiến quyết thắng với hai mươi vạn quân Thanh. Nguyễn Huệ đã tổ chức cho quân sĩ ăn Tết Kỷ Dậu trước vào ngày 30 tháng chạp. Hôm nay, ngày mồng bảy tháng giêng là ngày khao quân như lời hẹn ước.

Trong nỗi hân hoan của nghĩa quân, trong niềm vui chung của dân tộc quét sạch được giặc Thanh xâm lược, dân chúng nô nức đổ ra đường. Từng đoàn người trẻ già, trai gái kéo nhau đi như thác lũ, tiến về kinh thành dâng quà bánh, rươi thịt... cùng những lời tung hô, chúc tụng.

Mặc dầu như vậy, không khí trận mạc vẫn còn bao phủ đất Đê Đô. Ở ngoại thành nhiều nơi lửa khói còn âm ỉ cháy, nhà cửa đổ nát, cầu cống bị hư hại ngổn ngang. Dầu Tôn Sĩ Nghị nghe các nơi khác thất trận nhanh chóng thảm hại, khiếp đảm không kịp mặc áo giáp, bỏ lại cả ấn tín cùng đám tàn quân chạy thoát nhưng Sầm Nghi Đống và nhiều tay chân dưới trướng đã chết. Tử thi của giặc đứ đờ trợn mắt, đứ đờ há mồm, vất vẻo còn nằm rải rác quanh các đồn bót, dưới chân thành, giữa ao hồ, quanh những lùm cây bụi chuối hoặc ở phía sông Hồng trôi lênh bênh nghẽn dòng nước, bốc mùi nồng nặc còn phải gom góp chôn cất nhiều ngày nữa mới xong.

Đêm đã vào canh hai, trời đầu xuân trở rét. Mảnh trăng thượng tuần chiếu xuyên qua những tàng cây đại thụ cùng với những đuốc lửa cầm rải rác trong Hoàng cung vẽ những vết bóng dài trên khoảng sân Đại triều lát gạch đầy rêu mốc. Nguyễn Huệ vẫn còn khoác chiếc Hoàng bào sạm đen màu thuốc súng, khuôn mặt chữ điền hằn lên bao nét ưu tư thời thế, nghĩ suy bao việc phải làm, và như thầm nói:

Tự biết rằng, mình vốn xuất thân chân đất áo vải, bước ra từ ruộng đồng sông nước, nhưng ngẫm lại kể từ khi cùng với anh em dấy binh khởi nghiệp, biết bao lần xông pha trận mạc, vào Nam ra Bắc. Lần đầu chỉ vì ghét thói chuyên quyền nên ra đây diệt Trịnh phù Lê. Điều ấy muôn dân đã hiểu. Rất tiếc, là triều thần nhà Lê đã quá yếu hèn để cho bọn lòng thần tranh bá đồ vương làm điều trái đạo, gây khổ dân lành...

Đây là lần thứ hai Nguyễn Huệ đặt chân lên đất Bắc với tâm trạng vui buồn lẫn lộn. Vui là thấy nhân dân bao giờ cũng sẵn sàng đứng về phía chính nghĩa với khát vọng giữ vững độc lập, hoà bình, hạnh phúc cho tổ quốc. Buồn là buồn cho vận nước qua hai trăm năm nghiêng ngửa, nổi da xáo thịt. Chỉ vì bảo vệ lợi ích riêng tư, tranh giành quyền thống trị mà cả Trịnh lẫn Nguyễn không nói được với nhau một lời hoà hoãn trước những yêu cầu bức thiết của lịch sử dân tộc là thống nhất trong hoà bình, đã để xảy ra huynh đệ tương tàn với những trận huyết chiến xương chất thành núi máu chảy thành sông, đến nỗi một cây lau nhỏ cũng trở nên giới hạn chia đôi đất nước. Giận là giận lũ Mãn Thanh xâm lược tham tàn bạo ngược. Nhưng lại bầm gan tím ruột trước những tên vì mưu đồ cá nhân mà quên hết ơn nghĩa như Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm. Còn

Lê Chiêu Thống vô tài bất tướng, hoang phí vô độ, dâng đất cho ngoại bang, quên lời dặn của tổ tiên mình là đừng để mình quân Lê Thánh Tôn, còn in rõ trên vách đá: “Ta phải giữ gìn cho cẩn thận đừng để cho ai lấy một phân núi, một tấc sông của vua Thái Tổ để lại”.

Nguyễn Huệ đang suy nghĩ miên man, chợt có cơn gió mạnh thổi qua, cây lá rì rào. Nguyễn Huệ sực tỉnh, ngửa mặt nhìn lên muốn gọi vào trời cao đất rộng những loài hoai bão của mình. Ôi! Đây là Hoàng thành từng in dấu bao vị hoàng đế cũ. Nào là Điện Kính Thiên nguy nga tráng lệ, nào là phủ chúa. Trịnh nơi mà một thời gian dài nắm giữ hết mọi giường mỗi quốc gia đẩy vua Lê vào thế bù nhìn, nào là cung Tây Long, cung Khánh Thụy với mỹ nữ sắc nước hương trời.

Và cũng chính tại mảnh đất này, bao thời qua với các vị minh quân “Nhất hô bá ứng” làm nên những chiến công lẫy lừng, vang vọng mãi núi sông. Hình bóng của vua Lý Thái Tổ hiện về uy nghi với luận điểm sâu sắc của chiếu dời đô: “Mưu toan nghiệp lớn, tính kế lâu dài cho con cháu đời sau”, cùng bao hình bóng khác Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi... như chuyển thêm ý chí, chuyển thêm sinh lực, thắp sáng tâm hồn Nguyễn Huệ giữa đêm trừ tịch.

Ngoài xa kia, mặt nước Hồ Tây, Hồ Hoàn Kiếm phẳng lặng dần, chỉ có Sông Hồng vẫn cuộn sóng với màu nước bầm cuốn phăng ra biển bao nhiêu thứ ô uế còn sót lại. Các doanh trại của giặc ở hai bên bờ sông Hồng, ở Khương Thượng, Hà Hồi, Ngọc Hồi... Ở Tây Long cung... phút chốc đã tan tác. Nghĩ đến đó, Nguyễn Huệ thấy lòng mình rộn ràng hẳn lên. Hương ngọc lan, hương sứ, hương ngâu và hương của biết bao loài kỳ hoa dị thảo từ vườn Thượng uyển đưa sang thơm thoảng như cỏ cây cũng muốn chia sẻ những nhọc nhằn gian nan lửa đạn của đấng quân vương.

Trên đường Trung lộ, Nguyễn Huệ bước thêm mấy bước nữa rồi xoay người lại, thấy ở phía cổng Đoan Môn có hai người tiến vào. Đó là Đại tư mã Ngô Văn Sở và Mưu thần Ngô Thì Nhậm. Gặp Nguyễn Huệ, hai người cung kính vái chào rồi cả ba cùng tiến vào Điện. Khi ba người bước lên khỏi bậc thềm thấy trong đó có nhà thơ Ngô Thế Lân, các tướng Phan Văn Lân, Đặng Văn Chân, đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, đô đốc Lộc, đô đốc Long và nhiều người khác từ bốn phương mới tụ hội.

Đây là cuộc hội kiến sau chiến thắng, Nguyễn Huệ gặp lại cận thần tướng sĩ của mình trong lòng thấy rất vui, tự tay rót rượu mời mọi người. Ai nấy đều phấn chấn, hai tay nâng rượu ngang mày chúc Hoàng đế vạn vạn tuế, rồi tất cả uống cạn ly để thể hiện tình vua tôi một dạ.

Giữa đêm khuya với giọng đồng dục, Nguyễn Huệ nói:

Trận đánh đã qua đi nhưng công việc còn ngổn ngang trăm thứ. Trăm triệu tập các khanh vì cuộc đình nghị này rất quan trọng. Trước hết là để nghe việc quân trong mấy ngày qua, sau nữa là để bàn luận công việc an dân sắp tới...

Nguyễn Huệ truyền lệnh là phải tiếp tục bố trí quân sĩ canh phòng cẩn mật, truy đuổi tàn quân, trấn an dân chúng. Mặc dầu hôm nay là ngày khao quân nhưng ở các doanh trại không được để quân sĩ quá chén, say sưa bỏ quên nhiệm vụ, có hành vi không tốt, lời ăn tiếng nói xấu ảnh hưởng đến dân chúng, phải luôn luôn giữ nguyên phép quân, phép nước...

Sau khi nghe các tướng bẩm báo tình hình các mặt trận, Nguyễn Huệ nói tiếp:

Việc mấy ngày qua ta đã rõ. Nay các người cùng ta bàn bạc những việc sắp tới. Chiến thắng vĩ đại vừa rồi đem lại niềm vui, gây được lòng tin trong thiên hạ, nhưng thắng lợi đó mới chỉ là bước đầu. Nó có thể trở thành vô nghĩa nếu ta không đem được cơm áo và hạnh phúc yên vui cho trăm họ. Thống nhất giang sơn là bức thiết nhưng thống nhất lòng người mới là quan trọng.

Như các khanh đã biết, đất nước ta trải qua bao năm chia cắt, dân ta chịu cảnh loạn ly, núi xương sông máu, ruộng đất bỏ hoang, đói cơm rách áo, khổ khổ trăm bề. Nay thời thế tạm yên, muôn dân đang kỳ vọng vào trẫm, nhưng biết rằng nếu một mình trẫm e khó lòng gánh vác. Ta muốn các người cùng ta lo cho trăm họ, làm sao để trong một thời gian ngắn nước ta trở nên cường thịnh, muôn dân được sung sướng và làm mất ý chí xâm lược của quân thù.

Ta biết quân Thanh vì muốn rửa nhục mà sẽ dồn sức tấn công ta lần nữa; các công thần của Lê Trịnh vì quen mùi danh lợi, tiếc rẻ quá khứ, sẽ cấu kết với nhau gây khó khăn cho ta ở phía Bắc Hà. Còn ở Nam Hà, Nguyễn Ánh lợi dụng thời cơ chúng ta đang bận việc quân ở đất Bắc mà lần chiếm đất Gia Định và nhiều nơi khác, lại còn cho người liên lạc với bọn Tây San, Xiêm La xin cứu viện. Trước mắt là bọn Lê Chiêu Thống sẵn sàng nổi dậy cho giặc. Càng nghĩ ta càng đau lòng.

Riêng ta, trước sau chỉ một ý chí là muốn cứu vớt muôn dân ra khỏi vòng nước lửa, khi đất nước thanh bình ta sẽ dùng xiêm theo, hia cổ ngao du sơn thủy ngắm cảnh yên vui của dân chúng hai miền. Bởi ta đâu có chí làm quan. Lần đầu ra Bắc, khi xong việc ta đã trao quyền lại cho vua Lê. Ta đâu có muốn danh lợi gì đâu! Mong khanh tướng hiểu lòng ta. Và rồi đây khi ta quay về Phú Xuân, các người ở lại đất Bắc phải ra sức vỗ về dân chúng.

Mọi người lắng nghe hết sức cảm động, rơm rớm nước mắt.

Ngô Thế Lân vốn là nhà thơ được nhiều người tặng danh hiệu “Dật sĩ” vì ông muốn giữ gìn khí tiết trước cảnh băng hoại của triều thần nên ông từ chối lời mời của chúa Nguyễn. Về sau ông thấy cuộc khởi nghĩa Tây Sơn có chính nghĩa mới chịu ra hợp tác.

Từ buổi đầu của cuộc đình nghị, với khuôn mặt trầm tư, ông dăm dăm nhìn xuống ly rượu đặt trước mặt, bỗng như sức tỉnh, đôi mắt bừng lên, chậm rãi nói:

Thưa bề hạ, vừa rồi nghe bề hạ nói, hạ thần như cỏi được tắm lòng. Mấy năm trước đây, dưới sự cai quản của chúa Nguyễn, hạ thần đã chứng kiến cảnh thối nát, bất công, tham nhũng của bọn nha lại; đũa nào cũng chỉ lo cho mình nhà cao cửa rộng, giàu sang phú quý, trong lúc dân chúng thất lương buộc bụng vì sưu cao thuế nặng, vì chinh chiến khổ sở trăm bề. Cảm thương dân đen, hạ thần có đề xuất nhiều ý kiến nhưng như gió vào nhà trống. Nay hạ thần muốn bày tỏ lại mong bề hạ soi xét: “Chúng ta nên lập kho ở nhiều nơi, lúc thóc rẻ thì đóng vào, lúc thóc đắt thì bán ra. Làm như thế để giữ giá thóc ổn định, khuyến khích được người nông dân sản xuất, ruộng đất sẽ được cày bừa trở lại không còn cảnh hoang hoá như bấy lâu nay”. Nghề canh cửi ta cũng làm tương tự như vậy. Nhờ đó dân sẽ có cơm ăn áo mặc, đời sống khắp nơi sẽ dần dần ổn định. “Việc trị quốc cũng như việc trị bệnh. Người thầy thuốc giỏi không phải chỉ là người chữa bệnh giỏi mà còn là người biết mạng sống hay chết, cũng như công việc trị một thì trước hết phải xem xét cái căn bản của gỗ” xã hội ta bấy lâu nay chẳng khác gì một con bệnh nặng, như một khu nhà có nhiều mối mọt. Lời của bề hạ cũng đã chỉ ra căn do ấy. Hạ thần tin rằng khi ta định được bệnh sẽ bốc được thuốc hiệu nghiệm.

Nghe Ngô Thế Lân bẩm tấu. Nguyễn Huệ rất tâm đắc; khi lời vừa dứt, Nguyễn Huệ đập tay xuống bàn, cười to một tiếng sảng khoái.

Ngô Thì Nhậm ngồi bên cạnh bỗng giật mình. Ông cúi xuống lấy trong dây vải ra cuốn “Xuân thu quân kiếm”. Một quyển sách mà khi viết, ông đã đặt hết tâm huyết vào đó. Bây giờ ông muốn bày tỏ với mọi người điều gan ruột của mình.

Ông nói: “Tôn chí của kinh Xuân thu là làm sáng tỏ đạo lớn của vua, cha để dựng cái nghĩa lớn trời đất. Đó là trời không có hai mặt trời, nước không có hai vua, nhà không có hai chủ, tôi không có hai bề trên, mọi sự mọi vật phải có gốc rễ”. Và “phàm những việc quan hệ đến gốc của nền chính trị và tính mạng của nhân dân sai một ly đi một dặm”.

Ngô Thì Nhậm nói một hơi dài. Mọi người chăm chú lắng nghe và hiểu ý là ông phê phán Lê Trịnh và chỉ ra con đường trị quốc an dân. Nguyễn Huệ cầm chiếc bình lên, với tay rót thêm rượu cho Ngô Thì Nhậm như để thể hiện sự đồng tình và tán thưởng.

Khi quân Thanh âm thầm tiến vào Bắc Hà, Ngô Thì Nhậm và Ngô Văn Sở chủ trương bỏ thành Thăng Long để rút quân về Tam Điệp. Lúc Nguyễn Huệ mang đại quân đến Nghệ An đã không quả trách mà còn khen hai người biết hành xử hợp lý để bảo toàn lực lượng, để tạo ra sự chủ quan khinh địch của giặc. Khi tổ chức phản công địch, Ngô Văn Sở được cử chỉ huy đạo quân tiên phong đi bên cạnh Nguyễn Huệ. Trong buổi đình nghị, Ngô Văn Sở nói:

Bề hạ có lần chỉ dạy: “Quân lính cốt hoà thuận không cốt đông”. Nay đến tiếp tục củng cố và phát triển quân đội ta cần phát huy sức mạnh đoàn kết của tướng sĩ; tổ chức rèn luyện binh lính cho thật tinh nhuệ, rèn thêm vũ khí, đúc thêm súng đạn, đóng thêm chiến thuyền... Thăm dò vũ khí ở các nước để bắt chước, để cải tiến vũ khí của ta. Được như thế thì còn lo gì không dẹp yên nội loạn, đập tan xâm lược.

Sau ý kiến của Ngô Văn Sở, tướng Phan Văn Lân và các đô đốc Tuyết, Long cũng đề xuất nhiều kế sách xây dựng đất nước.

Để trấn an dân chúng nhất là những người có dính dấp tới chính quyền của vua Lê chúa Trịnh, cũng như tư tưởng chiêu hiền đãi sĩ “Dựng nước lấy việc học làm đầu, trị nước chọn nhân tài làm

gấp” – Nguyễn Huệ nói với Ngô Thì Nhậm viết chiếu hiểu dụ các quan văn võ cựu triều, chiếu cầu hiền, chiếu lập học, chiếu khuyến nông...

Cuộc đình nghị kéo dài đến canh ba. Gà phía ngoại thành đã gáy ran. Nguyễn Huệ dặn thêm một số công việc rồi đi vào phòng nghỉ. Ai nấy đều bái tạ lùi về phía sau.

Quá mệt mỏi vì phải trải qua những trận đánh thần tốc và với nhiều công việc cần giải quyết, Nguyễn Huệ muốn được ngủ một giấc thật sâu để lấy lại sức nhưng không tài nào ngủ được. Ông trằn trọc mãi giữa đêm khuya khoắt với bao hình ảnh chập chờn cùng với bao nỗi nhớ không nguôi.

Ông nhớ về mảnh đất Tây Sơn nơi chôn rau cắt rốn đã mấy đời, có sông Côn in bóng tre trúc chảy giữa cánh đồng lúa rì rào xanh thắm, có gốc me già, giếng nước trong cùng bên Trầu lưu dấu tuổi thơ. Nhớ về mảnh đất Phú Xuân có núi Ngự thông reo, có dòng Hương dịu dàng xanh biếc, có núi Bân – nơi lập đàn đọc chiếu lên ngôi. Với Nghệ An là quê cũ, tổ tiên gốc gác họ Hồ, mồ mả cha ông còn được đất thiêng ôm ấp giữ gìn, và Tam Điệp! Ở núi ấy, ông với các mưu thần tướng sĩ đã từng nói lời gan ruột, đã cùng uống chung chén rượu trước khi tiến quân ra đất Bắc và đáng thương biết bao nhiêu những người lính đã hy sinh nằm lại dọc đường hành quân, không còn có mặt hôm nay, vĩnh viễn không còn được gặp lại vợ con thân thuộc.

Nguyễn Huệ lại nhớ đến Ngọc Hân. Chưa đầy ba năm cũng chính ở khung cảnh này, Nguyễn Huệ và Ngọc Hân nói với nhau những lời ngọt ngào hạnh phúc giữa đêm tân hôn. Thương cho nàng bởi những lời dèm pha, châm chọc của Hoàng thân quốc thích. Bây giờ người vợ trẻ tuổi còn trắng tròn, làn da trắng mịn, đôi má hồng hồng, đôi mắt đắm đuối đang ở tận Phú Xuân xa ngái. Chắc lúc này nàng cũng quạnh quẽ, buồn nhớ nơi cung cấm.

Nghĩ đến đó Nguyễn Huệ muốn rời bỏ tất cả, muốn được chấp cánh đại bàng để bay về tức khắc bên nàng. Nguyễn Huệ cảm thấy bồn chồn, chống tay ngồi dậy, tựa lưng vào vách và như thầm nói:

Nếu ta còn bận việc quân mà chưa về được thì ta cũng nên gửi tin thắng trận cho nàng biết để khỏi trông, hay ít ra cũng phải gửi cho nàng một món quà đầu xuân để làm vui lòng nàng.

Nguyễn Huệ suy nghĩ mãi chẳng biết gửi món quà gì. Đối với nàng là một công chúa được chịu chuộng nhất của vua cha thì ngọc ngà châu báu, vải vóc lụa là chắc nàng không thiếu thứ gì. Ông cố tìm trong trí nhớ của mình có thứ gì mà nàng thích, bỗng chợt nhớ tới một kỷ niệm đẹp đã có từ mấy mùa xuân trước, khi Nguyễn Huệ dìu Ngọc Hân đi dạo dưới những vườn đào của đất Hà Thành. Lúc ấy, khuôn mặt nàng thật rực rỡ với nụ cười tươi thắm thực sự. Nàng đưa tay nâng nhẹ những cành đào đầy nụ hoa chớm nở và thổ lộ với tình quân đây là loài hoa mà nàng thích nhất, và kể chuyện đã có lần trốn khỏi cung cấm để ra ngắm đào ở Nhật Tân bị vua cha tìm về quả phạt vì tội tự ý ra khỏi hoàng thành.

Thật vậy, mỗi độ tết đến giữa đất Hà Thành này biết bao kỳ hoa dị thảo nở muôn hồng nghìn tía nhưng chẳng có loại nào sánh nổi với hoa đào. Ngoài cái vẻ đẹp bên ngoài, hoa đào còn ẩn chứa bao nhiêu điều muốn nói ở bên trong. Có phải đây là loài hoa mang cốt cách của người chiến sĩ?

Mấy năm nay ở Phú Xuân, Tết đến chỉ có hoa mai. Chắc là nàng mong hoa đào lắm mà không dám đòi hỏi; mà ở trong ấy thì lấy đâu ra hoa đào? Nay ta đang ở đất Bắc chắc nàng càng nghĩ về hoa đào nhiều hơn nữa, và Nguyễn Huệ quyết định dứt khoát món quà ấy phải là một cành đào.

Mới tờ mờ sáng, giữa tiết trời đầu xuân lạnh lạnh lấm tấm mưa, Nguyễn Huệ khoác áo dạ, chậm rãi dạo qua các lối trong hoàng cung để nhìn ngắm những khóm đoá nở đầy hoa, rồi bỗng nhiên dừng lại thật lâu trước Điện Kính Thiên, ở đó có một cội hoa đào thật tuyệt mỹ. Nguyễn Huệ chọn một cành ưng ý – một cành đào nở muôn còn nhiều nụ búp, rồi sai quân cấp tốc lên đường mang về Phú Xuân.

... Nghe vó ngựa đồ đồn ở phía ngoại thành, Nguyễn Huệ cảm thấy lòng dễ chịu và ấm áp. Mong Phú Xuân hiểu được nỗi nhớ thương của mình.

TIẾN THẢO

CÁNH ÉN MÙA XUÂN

LÝ THỊ MINH CHÂU

Con đường len lỏi qua những cánh rừng nối các buôn bản vùng cao lại với nhau giống như con rắn khổng lồ trên lưng có vệt vảy trắng. Hàng cây xanh hai bên đường đưa tay vẫy vẫy, mùa này bắt đầu gió. Gió lùa qua ô cửa xe phần phật, Thu đưa tay đón, thích thật. Cảm giác mát rượi theo cánh tay vào phả khắp người Thu. Cái nóng bởi hơi người, bởi chật chội tạm thời tan biến đâu đó. Thu gác tay lên thành cửa mơ màng.

Tia nắng lửng chiều xiên xiên hình như cũng muốn vui đùa với chiếc xe thì phải. Nó chạy vun vút phía bên kia hàng cây hay thông thả bước như người du nhân, rồi đột ngột tiến lên hay đột ngột dừng lại. Thì ra, xe chạy bao nhiêu nắng theo bấy nhiêu, xe nhanh nắng nhanh, xe chậm nắng chậm, xe dừng nắng cũng dừng. Thật là thú vị khi phát hiện ra điều này, Thu khen mình một nụ cười. Rồi khi xe chạy cập theo mé sông thì nắng lại nhảy ùm xuống nước, những tia nắng xinh xinh khi nãy gom lại thành hình ông mặt trời, băng băng trên nước như một đóm lửa tinh quái, hắt ngược vào mắt Thu cái nhìn giễu cợt. Nhắm mắt lại không thèm chơi với nắng nữa, Thu nghĩ về người ta.

Người ta là cán bộ Phòng giáo dục của một huyện gần nơi trường đại học Sư phạm mà Thu từng theo học. Trong một chuyến thực hành dã ngoại, người ta đã làm quen với Thu. Đó là năm cuối của học kỳ. Chẳng biết có phải là yêu hay không nhưng người ta thường đưa đón Thu những khi người ta rảnh rỗi, những chiều thứ sáu hay những ngày cuối tuần. Người ta không đẹp và có vẻ khó thân thiện nhưng chẳng hiểu sao Thu lại thích người ta. Tuần nào không gặp người ta Thu rất buồn. Có lẽ vì cuộc sống xa nhà, quen khép kín trong bốn bức tường gác trọ, ít có dịp đi đây đi đó nên khi có ai vồn vã sẵn đón, Thu làm sao có thể từ chối. Ai đó từng bảo tình yêu là liều thuốc đắng nhưng ngọt ngào. Có lẽ điều này rất đúng với Thu, chúng đan xen nhau, chen lẫn nhau, chúng làm cho Thu cảm thấy bất an sao ấy.

Ngày đó, người ta hứa với Thu đủ điều, nào là sẽ giúp lo cho Thu chỗ dạy ổn định, giúp lo cho Thu thăng tiến...vân vân và vân vân...Người ta hứa nhiều lắm và Thu cũng tin nhiều lắm.

Ngày đó, Thu làm gì có nhiều tiền để gọi điện thoại thoải mái, cần liên hệ với người ta thì Thu nhắn tin. Người ta bảo :“ Anh thích nghe tiếng em nói cơ, tiếng của con chữ rắc rối lắm, khi thì em nhắn có dấu khi thì không, đoán tới đoán lui mệt cả óc. “ Vậy là, người ta bao cấp tiền điện thoại cho Thu từ đó. Chưa bao giờ Thu gọi mà người ta không trả lời, nếu có bận bịu gì thì người ta cũng bảo :” Anh đang họp, tí nữa anh gọi lại. “ Còn bây giờ, cũng số điện thoại ấy nhưng chỉ là những tiếng tí..tít..vu vơ. Nhắn tin thì người ta không trả lời. Thì ra chiếc điện thoại có quá nhiều chức năng. Khi đem người ta đến với nhau, chiếc điện thoại trở thành chiếc cầu nối cho hai tâm hồn. Khi muốn chia tay ai đó hay không muốn bị quấy rầy, chiếc điện thoại biết từ chối khéo léo bằng cách im lặng. Sau nhiều ngày buồn bã, Thu quyết định chia tay người ta một cách dứt khoát. Thu thay số điện thoại của mình và đăng ký công tác đến vùng sâu, vùng xa này. Có thể thiên hạ bảo Thu trốn chạy, có thể người ta vui khi biết Thu đã đi xa, còn Thu thì đinh ninh là người ta đã thay dạ đổi lòng. Mặc, ai nghĩ gì nghĩ, đã dứt khoát rồi thì phải kiên định. Tuy là con gái nhưng Thu không thích đặt để mình vào chỗ yếu đuối. Thu đâu phải là yếu điệu thực nữ thành phố, Thu

là con nhà nông chính hiệu kia mà. Quen vất vả gian lao rồi, quen cuộc sống thiếu thốn rồi, còn gì nữa đâu để mà lo sợ.

Xe rẽ vào con đường nhỏ, nhiều ổ voi, ổ gà. Đêm đã xuống, thị trấn vàng vọt ánh đèn đường màu đã quỳ. Không gian sống ở nơi này có vẻ trầm lắng, xe cộ thưa thớt, thiên hạ còn lờn nhong những bộ đồ ngủ nhăn nhó ra đường. Vài quán cà phê cũng thưa thớt khách, tiếng nhạc vui cũng hoá thành buồn. Chắc bây giờ ngôi trường nơi Thu đến đã đóng cửa, còn chẳng là ông gác đàn. Xe vào bến, khách đã xuống hết, Thu cũng xuống mà chưa biết phải làm sao, ông tài xế hỏi Thu về đâu ông giúp.

- Ở đây có nhà nghỉ trọ qua đêm không chú.

- Cô từ xa đến ?

- Dạ, cháu về dạy học ở trường phổ thông trung học nơi đây.

Ai mà chẳng biết, ở những thị trấn nghèo và dân cư thưa thớt như thế này thì chỉ có một trường trung học công lập.

- Tôi đưa cô đến đó để người ta sắp xếp, việc gì phải nghỉ nhà trọ, nhà trọ ở đây bản lắm cô giáo à, toàn là con buôn trọ thôi.

Lần đầu tiên được gọi là cô giáo, Thu then ửng má, cô đưa tay vuốt vuốt mái tóc loà xoà của mình, còn đang chần chừ thì ông tài xế đã giục :

- Lên xe đi, tới đó không ai lo thì tới chỗ trọ cũng đâu muộn.

Nghe có lý, Thu lên xe. Ông tài xế vui vẻ chuyện trò :

- Trước đây tôi cũng dạy học.

- Sao không tiếp tục hả chú hay là chú đang “ tăng gia ” thêm ?

- Tôi nghỉ dạy lâu rồi cô ạ, thời bao cấp kia. Hồi đó, khó khăn lắm, đâu được như bây giờ.

- Cháu có nghe, nhưng nhiều người vẫn bám trụ được mà chú.

- Cô nói đúng, bởi nhà họ khá. Còn tôi, khi có đứa con thứ hai thì đuối, nhà vợ giàu có, vợ tôi không quen cảnh túng thiếu nên cứ nằng nặc bảo tôi kiếm công việc khác.

Xe dừng lại trước cổng trường, ông không bóp còi mà xuống xe bấm chuông. Không đúng như Thu dự đoán, ông gác đàn ôm đồm :

- Phải cô Thu không.

- Dạ cháu đây ạ.

- Thầy hiệu trưởng dặn tôi khi nào cô đến thì gọi điện cho thầy. Cô vào đây.

Vừa nói ông vừa dỡ cái xách nặng trĩu trên tay Thu, Thu quay lại cảm ơn ông tài xế nhiệt tình, ông vẫy tay chào trước khi cho xe lao đi.

- Cô dùng trà ?

- Cho cháu xin cốc nước lọc thôi ạ, uống trà ban đêm cháu không ngủ được. Hơn nữa bụng trống hoác chưa ăn gì, uống trà say chết.

Ông gác đàn nhìn quanh quẩn, ánh mắt ông báo cho Thu biết là chỗ ông không có gì để đãi khách. Thu đưa mắt tinh nghịch nhìn ông thông cảm. Có tiếng xe máy nổ bong bong ngoài sân, ông gác đàn ngồi yên một chỗ chỉ ngoái đầu ra cười. Thu biết đó không phải là thầy hiệu trưởng nhưng Thu vẫn đứng dậy gật đầu chào người trung niên mới vào.

- Đây là thầy Song, dạy hoá. Còn đây là cô Thu, mới đến.

Ông gác đàn làm cử chỉ đẹp. Song đưa tay bắt tay cô thật lâu :

- Cô đi đường có mệt không ?

- Dạ, chút xíu.

- Đường xá ở đây còn khiên tốn lắm cô ạ.

Song quay sang ông gác đàn :

- Anh giúp cột hành lý của cô giáo lên xe tôi. Tôi đưa cô ấy về cư xá.

Rồi Song quay sang Thu :

- Thầy hiệu trưởng đã bố trí cô ở đó cùng phòng với một cô giáo còn độc thân.

Song bắt tay tạm biệt ông gác đàn : “ Đi nghe anh. “ rồi quay sang Thu, Song nhỏ nhẹ : “ Ta đi thôi “, và Song đi trước. Ông gác đàn chợt nhớ ra điều gì, vội vọng theo : “ Cô giáo chưa ăn gì đâu đó thầy Song “. Rồi ông cao giọng sành điệu : “ Quán Phở bà Lúc giờ này chắc còn “. Song cười, cho xe vút đi.

Bên bát phở nghi ngút khói, Song ôn tồn :

- Nghe nói cô ở trên tỉnh sao lại xuống đây, trên đó điều kiện sống không tốt hơn à ?
- Có đấy thầy ạ, nhưng xin vào trường có tiếng tăm một chút thì chẳng dễ tí nào. Em không có khả năng...
- Gọi bằng anh thôi, cho thân thiện cô ạ, chữ thầy thiêng lắm chỉ dành cho học trò. Tôi không “ đứng đắn “ đến độ cô phải gọi thế đâu.
- Nhưng...

Song đã hiểu sai từ này :

- Tôi năm nay ba mốt, chắc chỉ hơn cô vài tuổi...

Thu không trả lời trực diện câu hỏi của Song :

- Chắc nhà thầy gần đây..
- Nửa, đã bảo...
- Em quên
- Cũng gần cô ạ.

Song lắp lửng. Khi quán chẳng còn ai, hai người ra về. Song dừng xe trước dãy nhà liền kề cấp bốn, đây là chung cư của các thầy cô giáo. Trước hàng hiên nhà nào cũng có vài chậu hoa lan. Máy giò kim điệp đang hoa đung đưa theo gió, màu vàng của nó trở nên sáng loáng dưới ánh đèn điện. Đẹp quá. Chẳng hàng rào, chẳng cổng kín, hoa cứ phới phới đua sắc đua hương mà chẳng ai lấy cắp. Một khái niệm đẹp về cư dân nơi này vừa đến với Thu, chả bù nhà ở phố rào sắt bùng bít trước sau, không tù túng mới là chuyện lạ.

Thu được bạn chung phòng đón trước cửa, đó là cô gái Stiêng, nước da ngăm ngăm, thân hình đầy đặn. “ Không việc gì phải nhận xét vội “, hai người cười với nhau. Cô gái giúp Thu mang hành lý vào nhà. Cô vồn vã :

- Bạn ăn cơm chưa, mình dọn.
- Dạ cảm ơn chị, em ăn rồi, thầy Song vừa mời phở.
- Bữa nay anh Song hào phóng quá ta.
- Này này, quên đi nghe cô giáo, khi trước tôi cũng đón cô, cô nhớ tôi mời cô ăn gì nào ?”.
- Lâu quá, em quên mất rồi
- Tội tui chớ, Lam.

Rồi Song băng quơ không biết với ai :

- Bên phòng tôi có sẵn nước nóng, qua lấy về tắm, khỏi phải nấu.

Thì ra Song cũng ở nơi này, Thu vui lên vì có bạn, ít nhất thì hai người cũng đã ngồi chuyện trò với nhau khá lâu. Trong lúc hai chị em loay hoay sắp xếp đồ đạc thì Song ra về lúc nào không biết. Khi cánh tủ áo ọt ẹp kịp đóng lại cũng là lúc Song xách vào một xô nước nóng hôi hổi.

- Nóng lắm đây, pha nước thêm vào.
- Phiền thầy quá.
- Lại nữa...điện nấu chớ tui có nấu đâu.

Thu lí nhí cảm ơn.

Hai năm làm cô giáo ở thị trấn bé nhỏ này tưởng đâu phải gian lao vất vả lắm, tưởng đâu thiếu thốn lắm, ngược lại, Thu được nhiều cái hơn mình tưởng. Tình người. Đó là cái quý nhất, giàu sang cũng không mua được. Kể đến là lòng thơm thảo, từ lễ to lễ nhỏ của họ tộc, thầy cô giáo nào được mời thì cũng được ngồi chiếu trên, cùng mâm với trưởng làng, trưởng bản. Hết gạo, hết mắm có phụ huynh học sinh giúp đỡ, thường thì biếu tặng. Có bó rau ngon họ cũng mang đến, có trái cây đầu mùa nào mà Thu và các thầy cô giáo ở đây không được ăn. Người ta biếu tặng thầy cô giáo một cách tự nguyện, chẳng phải để nhờ cậy gì. Hai ba giờ khuya đi chợ, tiện đường, họ

để lên thêm nhà cô giáo vài thứ nông sản hay con cá được móc cần thận trên song cửa. Thu làm sao biết ai tặng cho mình, còn người cho cũng đâu cần thầy cô giáo phải biết họ là ai. Không muốn nhận cũng không thể. Cứ thế, ân tình càng ngày càng sâu, Thu chưa bao giờ có ý nghĩ rời xa nơi này. Hai năm qua, Thu đã nhận quá nhiều sự chăm sóc của Song. Song chưa bao giờ ngỏ lời yêu cô cả, nhưng ánh mắt Song đã nói hết những lời say đắm đó. Thu không dám so sánh Song với *người ta*, chỉ thoáng lơ mơ là Song chân thành và hay giúp đỡ người khác. Từ chuyện chăm sóc giò hoa, vun xới dây trầu cho tới chuyện leo lên nóc nhà lợp lại mái dột cho gia đình neo đơn nào đó đâu phải là chuyện hiếm gặp. Song là vậy, vui vẻ, hoà đồng, có chút mặc cảm tự ti. Gia đình Song nghèo, ở cái quê cũng nghèo, trời hành vài cơn bão mỗi năm sao mà không nghèo được. Song còn mẹ già ở đó, Song từng tâm sự với Thu : “ Anh năn nỉ hoài mà mẹ anh chẳng chịu lên đây. Đã vậy, bà còn nói : Tao ở nhà, có chị mày qua lại là được rồi, mồ mả tổ tiên ở đây cả mà mày bảo tao đi đâu. Cứ bay nhảy chán đi, khi nào thích thì về. “.

Quê Song nghe nói ở xa lắm, cách một tết Song mới về thăm mẹ một lần. Năm nay Song rủ Thu cùng về quê ăn tết nhưng Thu chưa nhận lời. Khác Song, Thu năm nào cũng đón giao thừa ở quê, không về một lần chắc mẹ cũng không trách mắng, chỉ cần gọi điện thoại báo cho bà là được. Thu nghĩ vậy.

Những ngày cuối năm nơi này thật nhộn nhịp, lúa được mùa, được giá, người dân thi nhau sắm sửa hên đón cái tết thật linh đình. Ai cũng bảo :” Nhớ đến cô giáo nhé, ngày nào cũng được, chẳng phải kiêng cử gì đâu. “. Thu vâng dạ cho xong chuyện để khỏi phật lòng người ta, cô cũng không quên rào trước đón sau : “ Nếu cháu về quê, thì hên bác sang năm vậy nhé. “

Ai cũng lo sắp xếp hành trang cho cuộc trở về, Thu cũng thế. Đang loay hoay với đủ thứ quà biếu của phụ huynh học sinh thì nghe Lam to nhỏ với ai đó ngoài hiên : “ Chú tìm Thu hả, nó ở trong nhà. “. *Người ta* đến tìm Thu, xin Thu tha lỗi cho *người ta* đã không vì Thu mà hết lòng, hết dạ. *Người ta* có nỗi khổ tâm riêng. *Người ta* vin ra nhiều lý lẽ để bào chữa cho hành vi sai trái của mình. *Người ta* tha thiết mời Thu về thành phố ăn tết với *người ta*, mọi chuyện sẽ tốt đẹp cả thôi nếu Thu đồng ý. Thu đang phân vân chưa biết chọn câu trả lời nào thích hợp nhất mà không làm *người ta* cảm thấy khó chịu thì Song đến. Song hờn hờ bắt tay *người ta*, càng hờn hờ hơn khi nghe Thu bảo :

- Anh nhớ lấy vé xe cho em luôn nhé.
- Không thay đổi chứ ?

Thu gật đầu dứt khoát.

Phía bên kia sông nắng thật đẹp, cánh đồng lúa xanh mơn mơn thoả thích rì rào, đôi cò trắng vỗ cánh bay tít về tận chân trời. *Người ta* đưa mắt nhìn về xa xôi. Một cánh én làm sao nên được mùa xuân.

LÝ THỊ MINH CHÂU



HỒN ĐẤT

VŨ ĐÀM

Đêm giao thừa, đình làng Trung sáng trưng bởi ánh điện, chỉ những ngày Tết, ngày hội làng, người ta mới thắp thêm mấy bóng điện cho sáng, còn ngày thường thì dùng đèn dầu hoặc nến. Đình làng Trung được xây dựng từ năm 1802, thờ thần hoàng là cụ Võ Hào Liên- người có công đánh tan bọn cướp hay cướp bóc dân vạn chài trên khúc sông Hồng chảy qua làng Trung. Dân làng truyền bảo rằng, cụ thần hoàng rất linh thiêng, ai ăn ở nhân đức, gặp hoạn nạn gì, đến đình làng cầu khẩn, đều được cụ phù hộ; còn kẻ ăn ở bất nhân, đến cầu khẩn, cho dù mâm cao cỗ đầy thì cụ cũng không phù hộ. Vì thế vào những ngày mùng một, ngày rằm âm lịch hàng tháng, nhất là ngày hội làng, ngày Tết, đình làng Trung đông người đến thắp hương cầu khẩn.

Vận bước chân vào cổng đình làng cũng là lúc giờ khắc giao thừa thiêng liêng đã gần đến. Rất nhiều người đã tụ tập ở đình làng để thắp hương tưởng nhớ công lao của thành hoàng làng, cầu khẩn thần hoàng phù hộ một năm mới an khang, thịnh vượng rồi xin lửa bằng một cây đuốc, rước về nhà, thắp đèn hoặc đốt nến trên ban thờ để lấy may. Tục lệ này ở làng có từ rất lâu, Vận đã từng theo ông nội, theo bố đi xin lửa, nay Vận đi xin lửa cho chính cái gia đình mà mình làm chủ. Ngay cả trong những năm chiến tranh, tục lệ này vẫn diễn ra chỉ có điều thay vì ngọn đuốc sáng trưng cả đường làng thì người ta đốt cây đuốc nhỏ hoặc cây đèn dầu được che sáng để tránh máy bay Mỹ phát hiện.

Tiếng chào hỏi, chúc mừng năm mới râm ran cả sân đình, Vận đi vào trong đình, chưa kịp thắp hương thì khựng người lại khi thấy ông Bách cũng đang khẩn vái thành hoàng làng với vẻ

mặt thành kính. Trên ban thờ có đặt một bọc gì, chắc là của ông Bách. Chả nhẽ ông Bách đem cúng thần hoàng làng bằng cái gói này, mà nó là cái gì thế nhỉ? Vận cố đoán mò đoán non xem là gói gì nhưng chịu không đoán nổi. Vận lúi vào một góc tối quan sát, khăn vải xong, ông Bách cầm ba tờ giấy bạc mệnh giá một trăm ngàn đồng bỏ vào hòm công đức. Đúng là Việt kiều có khác, công đức những ba trăm ngàn, trong khi người làng chỉ năm ngàn, mười ngàn. Ông Bách đi ra, tay không quên cầm một gói được bọc bằng vải đỏ. Đợi cho ông Bách đi khỏi đình làng, Vận đi lại ban thờ, đặt lễ gồm một đĩa xôi, nải chuối, chai rượu và mười ngàn. Vận thắp hương, cầu khẩn thành hoàng làng phù hộ độ trì cho bản thân, vợ con năm nay được mạnh khỏe, mọi tai qua nạn khỏi, làm ăn phát đạt, xây lại được cái nhà. Khấn xong, Vận đi ra cửa, trò chuyện với mấy người làng một lúc rồi quay vào hạ lễ. Xôi, chuối thì Vận mang về còn mười ngàn thì bỏ hòm công đức. Trước khi ra về, Vận cũng như mọi người không quên xin lửa thành hoàng làng, Vận lấy cái đóm, châm lửa từ ngọn đèn dầu trên bàn thờ rồi châm vào cây đuốc của mình. Vận vội vã đi về nhà. Vợ Vận đã sắp sẵn mâm cơm cúng giao thừa, Vận châm lửa từ cây đuốc vào cây nến, thắp hương cầu khẩn tổ tiên, ông bà bằng những lời mà Vận khấn ở Đình làng. Hương cháy rất cong, Vận lấy làm sung sướng lắm, hy vọng năm nay nhà mình sẽ được nhiều phúc, lộc. Cúng giao thừa xong, Vận thì thầm với vợ:

- Nhà nó này, giao thừa năm nay, ông Bách cũng đến đình làng thắp hương, khi về mang theo một cục gì bọc vải đỏ to lắm!

- Thế hả? - Chi vợ ngạc nhiên không kém.

Hai vợ chồng vừa trò chuyện xoay quanh cái gói bọc vải đỏ của ông Bách vừa trách móc ông kệt xỉ, khi nghe tin ông từ nước Mỹ về, hiện ở nhà ông Hải - trưởng họ, hai vợ chồng Vận và con cái đến thăm, mang tiếng là cháu họ mà chỉ được ông Bách cho gói kẹo và mảnh vải may áo cho hai đứa con.

- Cục vàng! - Bỗng vợ Vận thốt lên như thể đang cuộc vườn, bỗng dưng đào được vàng.

- Vàng? Ở đâu? - Vận mắt tròn mắt dẹt nhìn vợ.

Vợ Vận kể với chồng rằng, nghe nói ngày xưa ông Bách đi ở cho địa chủ Hào, có lần ông Hào kêu mất vàng, lộc cổ ông Bách ra đánh sừng cả dít, không tìm lại được vàng nên đã đuổi ông Bách đi. Hồi đó ai cũng nghĩ ông Bách bị oan. Những ngày đầu, ông Bách sống lẩn vẩn ở đình làng, ăn đồ người ta cúng, đêm chui vào cái hốc trong gốc đa ngủ. Những ngày đó, chính mẹ vợ tương lai của Vận được giao trọng trách quét tước sân đình và vợ Vận cũng hay theo mẹ đi quét lá đa nên đã tận mắt nhìn thấy ông Bách ngồi ăn xôi dưới gốc đa. Thì ra những ngày ấy, ông Bách chịu cảnh sống tủi nhục để tìm cách chôn giấu vàng ăn cắp được của nhà ông Hào trong khuôn viên đình làng. Sau đó, ông Bách biệt tăm khỏi làng mấy mươi năm, nay mới có dịp về quê với cái mác Việt kiều, ông Bách đào vàng lên, khấn xin thành hoàng cho mang đi! Nghe vợ nói, Vận bảo, thôi đúng rồi, ông Bách đã chôn vàng ở đình làng thì muốn mang đi phải cúng lễ xin phép thần hoàng, thần nào mà ông Bách công đức những ba trăm ngàn; ông lại còn đểo ít vàng bán đi nên mới có tiền thăm hỏi người già cô đơn trong làng, lại còn ủng hộ quỹ khuyến học của xã mười triệu đồng! Thế mà vợ chồng Vận, tiếng là cháu họ mà chẳng được ông Bách cho đồng nào? Vợ Vận bàn với chồng, tìm cách lấy cắp được cục vàng của ông Bách, chỉ có thế mới thoát được kiếp nghèo, ngóc đầu, ngẩng mặt được với dân làng. Vận nghe vợ bàn thế, bằng lòng ngay, cục vàng ấy mà bán đi sẽ có bạc tỷ trong tay chứ chả ít. Vợ chồng Vận sẽ xây một ngôi nhà to nhất làng, có cổng sắt, hàng rào dây thép gai; trong nhà trang bị toàn đồ ngoại, từ ti vi, tủ lạnh, máy điều hoà, bồn tắm, xe máy, rồi nuôi chó bécgiê để nó trông nhà. Sáng sáng vợ chồng, con cái Vận sẽ đèo nhau bằng xe máy ra phố chợ ăn phở hoặc cháo lòng tiết canh chứ không thèm ăn khoai lang luộc hoặc cơm nguội như mọi khi để dân làng phải trợn mắt lên mà thèm! Rồi có khi Vận cũng sẽ sắm một cây vợt để thỉnh thoảng đi lên phố huyện đánh tennis để tỏ ra là giới thượng lưu! Vận thì vẽ ra viễn cảnh vậy còn vợ Vận thì toan tính sẽ lên Hà Nội, đi thăm mỹ viện, tu bổ lại nhan sắc, cái khuôn mặt trông cũng xinh nhưng phải tội cái mũi tẹt quá, mũi sẽ được nâng lên, cả cái ngực lép kẹp này cũng sẽ được nâng lên thành căng phồng như ngực gái đôi mươi, cả đời lam lũ nhiều rồi, nay có tiền cũng phải biết hưởng thụ chứ!

Ý định đi ăn cắp cục vàng đã được vợ chồng Vận nhất trí cao, nhưng lấy được cục vàng bằng cách nào thì quả là nan giải, mấy chục phương án được đưa ra, cuối cùng vợ chồng Vận nhất trí với phương án kiếm một cục đá, lấy miếng vải đỏ bọc vào rồi đánh tráo cục vàng của ông Bách vào sáng mồng một Tết.

Sáng mùng một Tết, vợ chồng Vận dậy sớm hơn mọi năm để làm cơm cúng nhà sớm còn sang nhà ông trưởng họ sớm. Ông trưởng họ thấy vợ chồng, con cái Vận sang thấp hương ở từ đường và chúc Tết gia đình mình sớm hơn mọi năm những cả buổi thì lấy làm lạ lắm. Vận bảo, phận làm con cháu, ngày giỗ tổ, ngày Tết phải thấp hương cho các cụ trước, có như vậy các cụ mới phù hộ cho. Ông trưởng họ cười tươi, nói rằng ai cũng nghĩ được như vợ chồng Vận thì cái họ Đào này chả mấy lúc mà hiển đạt.

Theo như sự dặn dò của chồng, đang lúc mọi người, trong đó có cả ông Bách đang đông vui trò chuyện thì vợ Vận bế đứa con gái hai tuổi ra sân, giẫm mạnh vào chân con làm đứa bé khóc ré lên, ông Bách và mọi người vội chạy ra lấy kẹo và tiền mừng tuổi dỗ dành mãi đứa bé mới nín. Tranh thủ thời cơ, Vận mở tủ, lục cái túi du lịch của ông Bách, đánh tráo được gói vàng, giấu kín trong túi áo rét. Mọi người quay vào nhà, ông Bách bảo với vợ chồng Vận thông cảm cho ông, sức khỏe của ông không được khỏe nên ông không đến nhà thăm hai cháu được. Vận bảo không có gì, vả lại là hàng con cháu, vợ chồng, con cái Vận phải có trách nhiệm đến thăm hỏi ông. Ông Bách hỏi thăm vợ chồng Vận làm ăn thế nào, mới hay nhà của vợ chồng Vận bị bão làm hư hỏng nặng, chưa có tiền sửa chữa. Ông Bách đi lại phía tủ, chân tay Vận run bắn lên, nhưng rất may, ông Bách chỉ lấy cái ví, móc tiền ra đưa cho Vận:

- Bác còn năm trăm đô, định mua quà mang về Mỹ nhưng thôi, tặng vợ chồng cháu để sửa nhà.

Vận ngỡ như vừa thoát khỏi trái núi khổng lồ đè lên người, cảm ơn ông Bách rồi rít rồi xin phép ra về ngay. Sợ ông Bách phát hiện ra rồi sang nhà truy tìm, Vận mang cái xẻng ra sau vườn đào một cái lỗ sâu tới nửa mét chôn ngay cục vàng. Lại còn đánh cả một cây chuối non trồng lên để ngụy trang.

Mùng bốn Tết, ông Bách mới lên Hà Nội, bay về Mỹ, vợ chồng Vận vẫn chưa dám đào cục vàng lên, sợ ông Bách ra sân bay, kiểm lại thấy thiếu cục vàng lại quay về truy tìm hoặc báo công an thì nguy. Hôm sau, mùng năm, Vận bảo vợ ra đào cục vàng nhưng vợ can là ngày xấu nên đợi đến ngày mùng sáu mới quyết định đào. Sáng sớm tinh mơ ngày mùng sáu, sương còn giăng kín mặt đất, hai vợ chồng Vận cầm cái xẻng đi ra sau vườn, Vận dặn vợ canh chừng nhìn xung quanh, hễ thấy có ai là hắng giọng để Vận còn liệu tính. Trời lạnh nhưng mồ hôi lấm tấm trên trán Vận, không phải do sức nóng của sự vận động cơ bắp mà do sức nóng của cục vàng đang làm Vận hồi hộp. Vận đang đào, bỗng vợ vận ho lên một tiếng, Vận vội ngòl thụp xuống miệng hố, thì ra có người đi qua ngõ, vợ Vận tưởng họ vào nhà mình nên đánh động cho chồng biết. Đào xong cục vàng, vợ chồng Vận đi như ma đuổi vào trong buồng, đóng cửa, chốt thật chặt, Vận còn hé hé nhìn ra ngoài xem có ai không? Không có ai, nhưng vợ chồng Vận cũng không dám bật điện, vợ Vận bấm đèn pin, Vận run rẩy lần giở từng lớp vỏ đỏ, nhẹ nhàng, nhẹ nhàng từng tí một như thể các nhà khảo cổ học đang lần giở một bảo bối quốc gia vừa khai quật thấy. Sắp đến lần vải cuối cùng, cả hai vợ chồng Vận đều căng mắt, tim đập rộn rã, một giọt mồ hôi trên trán Vận lăn cả xuống miếng vải.

- Anh mở ra đi!

Vợ Vận không còn đủ kiên nhẫn, giục chồng, Vận nhắm mắt kéo lột lần vải cuối cùng. Cả hai vợ chồng Vận trở mắt khi thấy "cục vàng" chỉ là cục đất? Thì ra tuy là sống ở Mỹ nhưng ông Bách vẫn luôn tưởng nhớ về quê hương. Thành hoàng làng rất linh thiêng, ông xin thành hoàng cục đất mang sang Mỹ, chờ khi an giấc ngàn thu, không được về chôn cất ở trên mảnh đất quê hương thì cũng có cục đất này đắp lên mộ!

VŨ ĐÀM



MÙA XUÂN ĐẾN MUỘN

TRÚC LINH LAN

Ngắm mãi bóng mình lồ lộ qua tấm gương tử áo, Dâu chép miệng khen thầm sao mình còn đẹp dữ vậy cà! Một nỗi khao khát còn như hòn than đỏ giấu trong lớp bụi tro, chỉ cần đặt vào ít rơm khô nó sẽ bùng lên thành ngọn lửa chói chang nóng bỏng, đánh thức mọi rung động, khơi dậy sự ham muốn trong từng đường gân thớ thịt hằng lâu bị lãng quên trong đời sống thô ráp cục mịch, tất bật miếng ăn, bởi cơm áo gạo tiền, bởi cái nhìn báng bổ bề ngoài, cân nhắc đánh giá nhau bằng khoản tiền thu nhập, bằng phong cách tiêu xài và bằng căn biệt thự tọa lạc trên mảnh vườn cây kiểng đẹp mắt, cùng với công ty trách nhiệm hữu hạn mà Dâu đang làm giám đốc. Dâu đưa mắt nhìn ra sân trước, kim phượng vàng, trúc đào hồng tươi từng chùm mát rượi. Trượt qua khoảng sân là bầu trời rộng, nổi cô đơn của Dâu âm thầm lạc lõng nơi đó. Đến gần bốn mươi tuổi của người đàn bà thôi chồng, Nỗi khát khao tự trung sự ham muốn đến gần như ham hố những cử chỉ vuốt ve, nuông chiều gần gũi và gì nữa nếu không là những buổi sáng muộn mằn nằm khẽnh trên giường nhắm mắt nhớ lại những gì đã diễn ra đêm qua với chồng hoặc mơ mộng hơn một người đàn ông đẹp trai trong bộ phim nào đó đã xem, cuộn hơi thở còn bốc khói. Trong ký ức dâu đó là những thứ mà dâu không hề có.

Buổi sáng như dòng sông chảy chậm, mơ hồ xa xa tiếng chim hót. Dâu lặng thầm nghe ngóng dường như phân biệt được cả tiếng tách cánh của bông hoa vừa nở trong vườn khi chạm phải ánh nắng nồng nàn của mặt trời trải rộng. Dâu đưa tay đề lên ngực nghe nhịp đập trái tim dồn dập, cảm giác lượng máu đang luân lưu dồn tập lên đầu rần rật âm vang. Đưa tay khép cách cửa, bước qua quãng sân, theo con đường viền cỏ đến khoảng hàng dương nhìn qua bên kia còn xanh màu cây lá. Bờ sông khi triều nước rút, dải cát khô mịn êm dịu đón những bước chân lang thang của Dâu. Lăn theo bờ, rải rác hến đen mắc cạn. Ngọn gió sớm mai hây hây lùa vào làm Dâu bất giác đưa tay lên chạm mái tóc ngắn củn cởn của mình hiện tại mà hồi tiếc một thời tóc thả gió bay. Dâu đây tiếng ru hời từ chiếc thuyền chài cất lên: “ Ầu ... ơ ... bướm vàng đậu nhánh mù u, lấy chồng càng sớm à ... ơ ... tiếng ru càng buồn ...”. Dâu nghe tiếc cái thời con gái của mình. Cô

chậm chậm trở lại con đường cũ về nhà. Đưa con gái của Dâu, Hồng Mận chắc còn nường trên giường nệm bọc vải hoa. Gì chứ ngủ phải thập phần chăm chút, Dâu nghĩ như thế khi bỏ ra khoảng tiền lớn để sắm bộ nệm dày, êm ái, mái điều hoà, với ý nghĩ ngả mình lên đó sẽ ươm hái những giấc mơ đẹp. Con bé chắc còn mãi mơ lại những bước nhảy với đám bạn trai, vì đêm qua nó xin phép Dâu đi dự sinh nhật đứa bạn thân con chủ khách sạn nào đó, tổ chức rất linh đình, có cả khiêu vũ. Nhìn mái tóc mang hình triền sóng hoang dã, đôi môi cong cớn của Hồng Mận, con bé rực rỡ trong bộ váy dạ hội, Dâu chợt nhớ đến thời con gái của mình, Dâu chưa một lần được sống theo ý của mình, dù một chút riêng tư. Cha mẹ Dâu đã quyết định thay cho Dâu mỗi thứ từ cái ăn, cái mặc, học hành, đi chơi... kể cả chuyện cưới chồng. Sau đó, chồng Dâu đã sống dùm Dâu cả quãng đời yêu thương. Cho đến một ngày không còn lý do nào để ràng buộc với chồng, khi cả hai quan niệm hai cách sống trái ngược nhau dần dần lộ rõ cách biệt. Nó trở thành lực cản, rạn nứt, cuối cùng vỡ vụn ra, lâu dần cảm giác như người này hành hạ người kia, trở thành vách ngăn ngày này qua ngày khác thêm kiên cố vững chắc. Giải pháp cuối cùng là cuộc ly hôn, mỗi người mỗi ngả, Hồng Mận theo mẹ. Tất cả như dòng sông chảy ngược vừa đủ để Dâu nhận ra chính mình đã hoang phí tuổi thanh xuân bởi những định kiến xưa cũ. Dâu đã cuộn mình trong tổ kén, bình lặng trôi theo dòng thời gian cho đến khi mọi việc xảy ra Dâu thấy mình nhẹ nhõm, thanh thản và sung sướng đến rơi nước mắt. Cô thật sự sống cho mình, tìm lại những cảm xúc đã mất bằng những đoạn phim tình yêu say đắm, lãng mạn qua những kinh nghiệm dày dặn của Đào- cô bạn đã ba lần gây đổ hạnh phúc gia đình. Và cũng từ một lần thật tình cờ, sau một ngày mệt mỏi vì công việc, xơ cứng, chán chường, cô đơn, trống vắng, Dâu bắt ghế ra ban công tầng trên nhìn lên khoảng không bao la của vòm trời, những mái nhà thấp cận kề xung quanh, ánh mắt Dâu ngừng lại ở một vách phòng thấp chênh chếch phía hông nhà Dâu, cô bắt gặp giây phút yêu đương của đôi vợ chồng trẻ. Những cử chỉ âu yếm một thời Dâu đã trải qua thật bình thường đơn điệu đến nỗi Dâu không hề bận tâm, vậy mà bây giờ Dâu cảm thấy tim mình co thắt, nóng lên, diễn biến cảm xúc thật lạ lùng, Dâu cảm thấy sợ hãi với chính mình, cô tìm cách né tránh, nhưng từ sâu thẳm tâm hồn thúc giục Dâu, trách hờn Dâu, sao trước đây Dâu không dám sống thật với mình.

Kể từ đêm đó, Dâu không còn là người đàn bà nhút nhát cam chịu nữa, cô lao vào cuộc sống một cách cuồng nhiệt, hết mình và phóng túng, chẳng thềm quan tâm đến sự dè bủ chê bai phía bên chồng, cũng chẳng để vào tai những lời giáo huấn lê thê của họ hàng bên ngoại. Dâu càng ngày càng rực rỡ, càng quyến rũ, cô kêu hãnh và tự tin lao vào cuộc chơi.

Những bước chân trần của Dâu chậm chậm quay về căn nhà có vòm hoa giấy- giàn hoa đã từng bầu bạn với nỗi cô đơn của chính Dâu. Nhưng buổi sáng hôm nay, những cánh hoa chập chờn trong gió như đàn bướm lao xao vui mắt như linh cảm có điều gì khang khác ở Dâu. Cô nghe tiếng nổ êm ái của chiếc Future đang lòng vòng qua khúc ngoặt rồi thẳng gấp ngay trước cổng nhà mình. Người đàn ông bước vội xuống xe, đưa tay gỡ chiếc nón bảo hiểm bóng nhoáng máng vào tay lái, gãi nhanh nhẹn kéo khoen dây kéo to bản của túi áo gió màu cam đỏ lấy điều thuốc châm lửa, vừa phà hơi thuốc nồng đậm khoái trá, hắn vừa đưa mắt nhìn xuôi ngược để xác định vị trí kiểm tìm và vén tay áo xem đồng hồ về nôn nóng. Hơi một chút ngạc nhiên và bối rối, khi nhìn thấy Dâu trong chiếc áo thun cổ rộng và chiếc quần sọt trắng ngắn khỏi gối đứng trước mặt- người đàn bà mà một lần hắn đã mê muội. Còn Dâu thì cũng rất ngạc nhiên vì chưa bao giờ cô cho những loại người như thế này biết nơi ở của mình, người đàn ông mở lời:

-Chào Vân người đàn bà xinh đẹp.

Nghe người đàn ông gọi tên, Dâu chợt nhớ lại buổi chiều phim ở nhà Đào. Căn phòng tối bùng đầy rượu bia, thuốc lá cùng với những trò chơi của những kẻ cô đơn dư giả. Lần đó, Dâu mang tên Vân, những gương mặt dờ dẫm, những ánh mắt hoang dại, bàn tay tham lam khao khát... Họ đã ngã vào lòng nhau để cùng thỏa mãn những ham muốn, rồi lẳng lặng ra đi không ai màng đến ai, không ai ràng buộc ai và cũng không ai nhớ thương ai cả. Vậy mà giờ đây, đối diện Dâu là người đàn ông đêm đó, cô lừng khừng một lúc rồi cũng quyết định:

-Vào nhà chơi một chút chứ Du?!

Gã đàn ông cũng tỏ vẻ ngần ngại nhưng rồi cũng đá chân chống, ngoan ngoãn dẫn xe theo sau Dâu vào nhà. Dâu nghe có tiếng nước rào rào trong phòng tắm, chắc hẳn con bé Mận trong đó, nó bảo sáng nay có bạn trai đến rủ đi ăn sáng trước khi đến trường. Hai người bước vào phòng khách, Dâu nghiêng đầu nhìn Du:

-Uống một chút gì nhé, cà phê?

-Nếu được chính tay Vân pha thì còn gì bằng.

Dâu bước đi ỏng ẹo như một con rắn cái vờn mồi, lòng Du dâng lên nỗi thèm khát mơ hồ. Du đưa mắt nhìn xung quanh, phòng khách bày biện sang trọng, chứng tỏ chủ nhân là người giàu có, hẳn nhìn chăm chú bức tranh khổ thân treo trên tường, rồi thông thả chiêm ngưỡng nhả khói. Khi cà phê được mang lên, cũng là lúc Mận vừa tắm xong, quàng chiếc khăn lông hồng trên cổ, xoa hai tay vào tóc cho mau khô, liếc mắt nhìn lên phòng khách thấy dáng quen của Du, cô vút chiếc khăn lông lên tú chạy ra mừng:

-Anh Du đến rồi hả, chờ em có lâu không?

Du rút tiếp một hơi thuốc rồi cười thật tươi:

-Hân hạnh được quen biết cả hai người đẹp.

Mận tròn mắt:

-Ua, bộ anh quen má em hả?

-Má ?

Mắt Dâu tối sầm lại, cô như mất hết sức lực, niềm kiêu hãnh tan biến đau mắt, chỉ còn lại người mẹ thảm hại, còn gã đàn ông thì dở khóc dở cười, hẳn nhìn Dâu tỏ ý cầu cứu. Những cuộc chơi với nhiều vòng xoáy góc ngách cuốn hút Du làm cho anh ta say mê hương vị chiến thắng, thắng dễ dàng, nhẹ hẫng vì anh ta có tiền, có mã điển trai, lời lẽ ngọt ngào, biết vuốt ve khéo gọi...để cuối cùng chiếm đoạt thân xác người bạn tình với những lời hứa hẹn ngọt ngào, hào phóng, nhưng sau đó thì im lặng "bốc hơi" không một chút gì luyến tiếc. Mận là con nai vàng ngơ ngác trước tầm ngắm trong cuộc săn mới của Du. Lúc này, Dâu đang mím chặt môi, ngăn nổi tức giận trào lên khi thấy trước mắt mình những chiếc móng nhọn hoắc của con diều hâu lơ lửng chờ chụp xuống cầu xé tằm thân non nớt của con gà con tội nghiệp, gạt ly cà phê sang một bên, Dâu đứng bật dậy, mặt cô tái dần đi, dang tay giáng vào mặt Du một cái tát nẩy lửa, miệng gầm gừ:

-Đi về...Đi ngay. Cấm! Cấm bén mảng tới đây, nghe chưa!

Tưởng được Dâu đỡ lời, nào ngờ lại nhận lại vẻ mặt hung dữ của Dâu, Du hốt hoảng, cuống cuống lùi ra, tiếng máy xe nổ thật to chạy vụt nhanh ra cổng, nhỏ dần rồi tan biến vào không gian nhanh như cơn lốc. Mận ngơ ngác trước thái độ của mẹ, chưa bao giờ mẹ có thái độ thô bạo như thế, cô lắp bắp:

-Sao vậy má? Anh Du làm sao vậy, mà má cũng kỳ làm gì hằm hằm như đuổi khách không bằng, Anh ấy chỉ đến rủ con đi ăn sáng thôi mà. .

-Con quen hẳn lúc nào?

-Hôm sinh nhật nhỏ Hạ.

-Con có biết hẳn là người thế nào không?

-Mới quen mà điều tra chi kỹ vậy má?

-Má không muốn con quen hạng người này.

-Má thiệt kỳ, tự do của má có khi nào con xâm phạm đến đâu, sao má chen vào đời tư con dữ vậy. Anh Du là hạng người thế nào làm sao má biết mà má cấm không cho con quen?

-Má...Má...

-Má chưa già mà hủ quá. Thôi con không tranh luận với má nữa, con thay đồ đi học đây.

Tiếng xe máy rồ vọt đi đầy giận dữ làm Dâu bàng hoàng, Dâu không biết phải nói với con là mình quen với Du trong trường hợp nào đây. Mận không còn là đứa con gái nhỏ ngày nào lẻo đẻo nắm tay mẹ thút thít khóc đi ra khỏi phòng toà án xử lý hôn. Con bé nhút nhát sợ sệt trước đám đông, lúc nào cũng đòi có mẹ kề bên vỗ về. Bao lâu rồi, Dâu không chú ý tới con, cứ nghĩ nó còn bé như ngày nào, cho nó tiền ăn quà, tiền mua sắm là đủ. Có tiếng điện thoại reo lên, Dâu vẫn ngồi thừ ra đó không thèm nhắc máy, chuông đổ một lúc rồi ngưng, chiếc máy điện thoại di động để trước mặt cô lại run lên, cầm lấy nó Dâu đưa mắt nhìn số điện, sức nhớ lại chuyện công ty Dâu bật máy nói:

-A lô, À tôi đến ngay.

Cuộc họp kéo dài cả ngày, rồi khách khứa, tiệc tùng mãi đến gần nửa đêm Dâu mới về tới nhà, thấy phòng con gái đèn đã tắt, Dâu bước đến gõ cửa nhưng không có tiếng trả lời. Cô bước về

phòng mình buông người xuống nệm mệt mỏi. Nằm lơ mơ, Dâu nghe tiếng xe dừng lại, rồi tiếng cửa kéo nhẹ, tiếng chân rón rén lên cầu thang, cô biết con gái đã về. Hôm nay nó về trễ hơn mọi hôm, có lẽ tâm trạng nó không được vui, chắc còn đang giận mẹ nên không bước qua chào. Dâu nằm yên, cô muốn con mình thật bình tĩnh, mẹ con sẽ tâm sự dễ hơn.

Thật sự thì Mận cũng không giận mẹ lắm, con bé chỉ không thích thái độ của mẹ đối với Du như thể trước mặt mình. Mận đã lớn rồi mà mẹ cứ xem Mận như con bé mẩu giáo, cấm không cho quen với người này, ngăn không cho giao tiếp với người kia... Mận thay đồ bước vào nhà tắm, nước lạnh làm nó tỉnh táo hơn, vì giận mẹ nó không thèm đi học, bỏ đi lang thang, tìm bạn bè nhảy nhót, uống rượu giải sầu. Trong sàn nhảy, Mận đã nhìn thấy Du đang ôm ấp, âu yếm thân mật với một người phụ nữ trạc tuổi mẹ nó, khi nhìn thấy Mận, hắn đã nhăn nhó cười "Con gấu con kia ời, hãy trở về với gấu mẹ vĩ đại của mình đi". Qua đám bạn, nó biết được Du là một tay "Đông-giăng trong tình trường. Nghĩ lại, Hắn bị mẹ đuổi ra khỏi nhà là quá may cho hắn. Mận là đứa con gái ngoan, yêu mẹ, chăm học, nhưng cũng rất nông nổi bởi được cưng chiều, nó ghét bị kìm cặp chặt chẽ, và cũng dễ tủi thân khi bị bỏ quên. Từ lúc ra toà chứng kiến cuộc chia tay của hai người thân, ba Mận kiên quyết không nhận nuôi con vì không muốn vướng bận bởi gia đình mới. Từ đó Mận không hề thấy ba đến thăm, Mận đã coi như mình không có ba trên đời, dù đôi lúc nhìn cảnh cha con các bạn cùng lứa tíu tít dặt tay khi tan học về, Mận thêm thường đến phát khóc. Còn mẹ, khi Mận hiểu cuộc đời mẹ khổ như thế nào trong gia đình chồng, bà nội quá khắc nghiệt, các bà cô thì hung dữ hay ăn hiếp má, ba lại thô lỗ, cộc cằn đầy tính gia trưởng, mỗi lần nghĩ đến là Mận ứa nước mắt thương mẹ vô cùng. Nhưng thời gian gần đây, Mẹ cứ tiệc tùng liên miên quên mất Mận, trong khi dạo này Mận cũng rất cần có mẹ tâm sự chia sẻ những buồn khổ của tuổi mới lớn. Tự nhiên Mận ứa nước mắt, Mận ước được mẹ ôm trong vòng tay như lúc còn bé. Bước ra khỏi phòng tắm, Mận đã thấy mẹ đứng trước cửa phòng đợi mình tự bao giờ. Dâu mỉm cười nói:

-Má yêu cô công chúa của má quá.

Mận choàng tay qua eo mẹ, ngã đầu vào vai lí nhí:

-Con xin lỗi mẹ, tối nay con gặp hắn ở... Dâu ngắt lời

-Thôi con, đừng nhắc đến chuyện đó. Má tin ở con gái mình, đêm nay má vui lắm.

Dâu hôn lên má con như áp môi lên một loài trái cây đang hòm hòm chín trong vườn nhà, thành quả mà Dâu đã chăm chút gần cả đời. Một thứ tình cảm thiêng liêng bị bỏ quên chìm khuất lâu nay chợt nhiên nổi dậy như con sóng, nó sáng trong lấp lánh xô dạt hết nỗi đam mê, khát vọng trong tâm tư Dâu. Dâu vẫn là mẹ, là mẹ, dẫu rằng có là một mẹ điên thì đứa con gái trong lòng mình đây vẫn gọi mình bằng mẹ, không thể bỏ mặc nó sống và lớn lên như loài cỏ dại. Ai cũng có quyền sống theo nỗi đam mê riêng mình, nhưng lối sống ấy không thể lem luốc, bọn nhơ đóng cặn trên tấm gương soi mà kẻ gần gũi nhất là người trong gia đình mình soi rọi vào đó mỗi ngày. Nghĩ đến đây, Dâu bỗng vỡ ra những giọt nước mắt, những giọt nước mắt ân hận mà Dâu muốn mọi người hãy tha thứ, lau khô cho chị bằng tấm lòng bao dung, độ lượng. Dâu xiết thật chặt tấm thân con gái, khi ngủ gương mặt Hồng Mận rất ngây thơ hồn nhiên, mới ngày nào còn bé tí mà nay đã trở thành một thiếu nữ, cô hôn lên má con... và cả hai chìm vào giấc mơ đẹp.

TRÚC LINH LAN



CỘI HOÀNG MAI

VŨ LƯU XUÂN

Ông cụ tuổi ngoài bảy mươi, cái tuổi *cổ lai hy*, sống thêm ngày nào lờn ngày đó, mà cũng chẳng biết là lờn hay là nợ. Cụ ngồi trong phòng khách, trầm ngâm nhìn tách trà bốc khói. Vừa lúc ấy người con trai trưởng bước vào nhà, tay khệ nệ ôm chậu hoa:

-Con biết bố thích mai, nên mua về một chậu để bố thưởng tết.

Chậu mai kiểu bonsai, dáng Hạc bay, gốc cổ thụ, uốn cong, sù sì, nhánh uyển chuyển, những bông vàng nở rục, chen lẫn với lá xanh biếc, kèm ít nụ nụ bấp, mới vừa độ hàm tiếu. Cụ nheo đôi mắt không còn đủ sáng, vẻ ngạc nhiên:

-Đã tết đâu mà hoa nở sớm vậy kìa, tới mong một liệu có còn không?

-Bố ơi, mai đất sét đấy, nở quanh năm suốt tháng, chẳng bao giờ tàn.

-Đất sét à? Lạ nhỉ, kể cũng khéo.

-Tay nghệ nhân này thật tài hoa, thổi được cái hồn vào gốc mai.

-Cái hồn, thật vậy hả?

Ông cụ mơ màng, lắng đọng, rồi chợt ngâm khẽ:

-Ký lư quá tiểu kiều
Độc tích mai hoa sáu
Cưỡi lừa qua cầu nhỏ
Riêng tiếc cách mai gầy.

Người con trai trưởng, ở tuổi năm mươi, là cầu nối giữa hai thế hệ già trẻ. Cầu nối nhưng cũng có nhiều đoạn đứt khúc, nên cả ba thế hệ, dù chung một mái nhà, lắm lúc chẳng thể đến với nhau. Nghe giọng ngâm khàn đục, run rẩy, ông thoáng băng khuâng:

-Con nghe mấy câu này rất quen, không nhớ lúc trẻ đã đọc ở đâu?

-Trong Tam Quốc chí của La Quán Trung đó, đoạn tả cảnh ông bố vợ Khổng Minh đạp tuyết tìm mai.

Ông cụ ngậm ngùi, như nói một mình:

-Ngày đông, tháng giá, khoác tấm áo hồ cừu, đi hàng dặm đường tuyết rét mướt, mới tìm được cội mai già. Tìm cái đẹp đâu có dễ phải không con. Cánh mai gầy guộc mong manh, nở đấy, rồi phút chốc có thể tả tơi trước cơn gió lộng.

Cụ ngừng lại, rồi tiếp:

-Bố chợt nhớ bốn câu thơ của Vũ Hoàng Chương:

**Mai Tuyết là hai nàng bạc mệnh
Lấy xuân làm mộ nắng làm tang
Nàng niu đưa tới nguồn say đắm
Chỉ một đêm đông gió phũ phàng.**

Người con trai góp ý:

-Cuộc sống hồi hải ngày nay đâu còn biết đến cái thú tao nhã của cổ nhân, mà cũng chẳng ai buồn tìm, họ cho là gàn dở, hâm hâm, không ăn được.

Ông cụ giọng ngậm ngùi:

-Với người xưa, cái đẹp rất mong manh, nên được trân trọng. Bây giờ thì cái đẹp mua bằng tiền nằm tênh hênh trên mặt bàn. Còn gì để *riêng tiếc*.

Người con chột cảm khái:

-Thời gian của người già đọng lại. Thời gian của người trẻ trôi đi bỗng bênh.

-Ừ, đọng lại!

Cụ ngẩng lên nhìn con trai:

-Tôi phải về anh ạ.

-Bố lại nhớ mẹ chứ gì. Con đã nói mãi mà bố không nghe. Bố cứ rước bàn thờ mẹ lên đây, rồi sớm tối ông cháu quây quần với nhau, chả hơn sao. Bố cũng già rồi.

Cụ thở dài:

-Bà ấy chẳng chịu đâu. Lúc sống đã ghét đất Sài Gòn ồn ào, xô bồ. Bây giờ mất rồi, bố không muốn trái ý mẹ con. Mà còn mấy gốc mai, ai lo?

-Thì mấy đứa cháu con chú Ba, chúng nó lớn rồi mà.

Người con đâu có hiểu tới ngọn ngành, đối với cụ ông, cụ bà, mai không phải là cây cỏ vô tri, mà là duyên, là nợ, gắn bó với nhau gần trọn cuộc đời. Nghe con nói, cụ không trả lời, chỉ cười trừ, rồi khẽ ngâm mấy câu của Lê Cảnh Tuân:

**Lữ quán khách ngưng tại
Khứ niên xuân phục lai
Quy kỳ hà nhật thị?
Lão tận cổ hương mai.**

Con có hiểu không? Bài thơ ý nói: thân mãi lưu lạc quán trọ đất khách mà xuân lại đến, biết ngày nào mới trở về, chỉ lo cội mai quê nhà ngày càng mòn mỏi, già lão hết rồi. Ta không phải Cảnh Tuân đời Hồ, đi sứ phương Bắc biên biệt, cũng không ở trọ đất khách, mà sao chẳng thể nguôi nổi nhớ cội mai quê nhà.

Giọng ông cụ chột bắn khoăn:

- Năm nay mưa trái mùa, thiếu bàn tay chăm sóc, có lẽ chưa tết mai đã nở hết cả rồi.

Cuối cùng, đúng ngày ông tảo, cụ trở về ngôi nhà cổ, tĩnh lặng, nằm khuất giữa khoảng bóng mát đầy lá và hoa. Ở đây, thời gian hình như không chịu theo năm tháng trôi đi, và muôn hình bóng cũ cũng đọng lại, không chịu trôi đi.

Trên con đường nhỏ, lẫn khuất giữa hàng mai, hoa nở đầy cành, những cánh hoa mỏng manh rơi rụng trải vàng lối cỏ. Cụ dừng chân, ngắm từng gốc mai thờ dài, xót xa, mỗi gốc mai dường như đều lưu dấu một kỷ niệm.

Len lỏi giữa hàng mai, cụ bước lên thềm, mở rộng cánh cửa ngôi nhà xưa, ánh nắng lùa vào, trong suốt như chất mật vàng. Việc đầu tiên, cụ bước vào gian thờ, lặng lẽ đứng trước bức ảnh bán thân cụ bà, thấp ba cây nhang. Đôi mắt cụ bà rạn vết chân chim, làn môi phũ từng sợi khói, chột nheo nheo như cười, cụ có một ấn tượng rất lạ, vẻ như hoang đường: hình như mỗi lần cụ đi xa về, khuôn mặt dịu dàng, phúc hậu trên bàn thờ lại có phần tươi hơn, lung linh, ấm áp. Cụ bước tới khung hình lớn treo bên cạnh, khung hình gần đầy kín dấu vết kỷ niệm những ngày tháng hạnh phúc. Hàng năm, không bao giờ thay đổi, kể cả lúc bước vào tuổi vãn niên, cứ đứng mông mườì tháng giêng âm lịch, hai cụ lại chụp hình kỷ niệm ngày cưới, ngay dưới cội lão mai năm nào, rồi trang trọng lồng trong khung kính. Khung hình đầy dần, và ngừng lại đúng con số năm mươi. Năm

mười năm, một nửa thế kỷ, hạnh phúc không phủ chút mây mờ. Rồi cụ bà dứt áo mà đi, để lại căn nhà chột trống vắng với chiếc bóng vật vờ của cụ ông hết ra, lại vào. Và khu vườn mà cụ đã đặt tên là *Hoàng mai trang*, bây giờ chỉ còn lưu được một nửa sinh khí của người ở lại.

Từ gian thờ, cụ trầm ngâm bước tới gốc lão mai trồng ngay phía cổng, cội mai tuổi cũng xấp xỉ bằng cụ. Nhớ chuyện năm xưa, cha mất từ thuở hai mươi, việc chăm lo vườn hoa phó thác cho chàng trai trẻ. Nỗi nghiệp cha, lòng yêu hoa như tổ chất di truyền đã thấm vào máu, chàng trai trẻ càng lúc càng thêm gắn bó với vẻ đẹp của tùng, cúc, mai, lan. Đặc biệt anh rất yêu mai, anh đã lang thang khắp nơi đi tìm các giống quý, từ đó, trong vườn có đủ loại: hoàng mai, tứ quý, chiếu thủy, quế điệp... Nhiều lần, anh lặn lội vào sâu trong rừng, tìm gốc mai quý. Năm ấy, vừa đầu mùa mưa, anh may mắn bắt gặp một cội hoàng mai bên bờ suối. Chen lặn với cây rừng, mai không cao, thân bằng bắp chân, lá lòa xòa ngang đầu người, nhưng dáng rất đẹp. Anh cẩn thận đào một vòng bán nguyệt xung quanh gốc, cắt đứt phân nửa rễ cái, rễ con, rồi cắm một cái bảng đề tên dưới gốc. Năm sau cũng đầu mùa mưa, anh dẫn người em kế vào rừng, tìm đến chốn xưa, cây mai vẫn còn đó, xanh tốt. Người em thắc mắc:

-Anh thật cầu kỳ, tìm được cây đẹp, để lại giữa rừng, lỡ mất thì sao.

-Mất cũng đành, đó là duyên số. Nếu đánh ngay một lúc, thân cây động, chột đi, không thể nào hồi phục được như cũ. Nghề chơi đòi hỏi công phu là vậy đó mà.

Lần này, anh tiếp tục đào phần còn lại, rồi cùng em bứng cả cây khiêng về. Cây mai được trồng ngay lối cổng vào. Trước hết, anh đào một hố lớn, đổ đầy đất đen, tưới phân chuồng ngâm oải. Qua một mùa mưa, mai hồi sức, xum xuê. Thu đến, mai bắt đầu rụng lá, rồi lại đâm chồi, nảy lộc lúc chớm xuân. Cây mai quý có dáng đặc biệt, thân phân làm hai nhánh uyển chuyển quyện vào nhau, theo thể *phụ thê tương hợp*. Cành đủ kiểu, cả *Văn lẫn Võ* (nhánh ngang, nhánh đứng), tượng trưng cho sự phối hợp cương nhu, cành *Quân* lẫn cành *Thần* (ngắn, dài), biểu hiệu của lễ nghi trên, dưới, cành *Phụ* lẫn cành *Tử* (lớn, nhỏ), thể hiện tình nghĩa cha con.

Đúng ngày rằm tháng 10 Âm Lịch năm ấy, anh ngắt hết lá, để dồn nhựa cho các nhánh ra hoa. Rằm tháng chạp, lại trẩy thêm ít lá nữa. 23 tháng chạp, nụ mai bung vỏ lụa. Từ 27, mai lác đác nở, và mùng một tháng giêng, sắc mai vàng rực trên cành ôm lấy *nhụy âm dương*. Thế là hoàn hảo, đáng để những tay chơi cảnh say mê, trầm trồ. Tết năm đó, vị lão Nho cuối trào, vốn mê mai, đã tới nhà anh. Cụ trầm ngâm bên tách trà men bích ngọc, có câu thơ chữ Hán: *Hàn mai xuân tín tảo*, tức là cảnh mai mùa lạnh đã nở báo tin xuân sớm về, rồi trang trọng khai bút bằng hai câu của Cao Chu Thần:

**Thập tái luân giao cầu cổ kiếm
Nhất sinh đề thứ bách mai hoa.**

Cụ ôn tồn cất nghĩa:

-Thuở xưa, Bá Quát là bậc tài hoa, ngang tàng, đã bỏ mười năm chu du tìm kiếm cổ, ông không biết khom lưng trước cường quyền, vậy mà suốt đời vẫn phải cúi mình trước vẻ đẹp của loài *Bách Hoa Khôi*, giống hoa nở đầu tiên trong năm âm lịch, ngay từ tiết Lập xuân, trời miền Nam còn vương vất chút khí lạnh.

Cũng Tết năm đó, ngay sáng mùng hai, vừa bước ra vườn, anh đã thấy một bóng áo vàng đang ngậy ngát bên cội hoàng mai. Hồn mai lẫn hồn người như quyện vào nhau, tạo thành vẻ đẹp lãng đãng, không chút bụi trần. Thấy anh bước tới, cô gái giật mình, ngẩng lên:

-Gốc mai đẹp quá, để cả đời em chưa gặp bao giờ. Dáng đã đẹp, hoa lại nở kín từ trong ra ngoài.

Anh cười:

-Té ra cô cũng mê hoa mai, đáng xếp vào hàng tri kỷ.

-Hình như cái tên đã vận vào thân, bố mẹ đặt tên em là Hoàng Mai, có lẽ vì thế mỗi lần gặp gốc mai đẹp, hầu như không bao giờ dứt áo ra được.

Anh lẩm bẩm:

-Hoàng Mai, Hoàng Mai...

Cô gái ngập ngừng:

-Giá mà anh chiết cho em một cành làm giống.

Trong lúc phấn khởi, anh đáp không cần suy nghĩ:

-Được, tôi sẽ chiết cho cô một cành thật đẹp. Nhưng phải đợi lâu, cô có chờ được không?

- Điều ấy em biết. Lúc chiết, em sẽ phụ anh chăm sóc. Nhà em mới dọn tới vùng này.

-Thảm nào...Mà này.

-Gì vậy anh?

-Đừng nói chiết mai thiên hạ cười cho. Từ xưa tới nay, dù bó bầu cách nào, đoạn chiết cũng không chịu ra rễ.

-Thật hử, tiếc quá.

Anh cười bí mật:

-Chưa hẳn đã hết cách, dòng họ tôi có một bí quyết tổ truyền, tôi chưa thử bao giờ, nhưng nghe đâu rất hiệu nghiệm.

Thật ra anh không dám chiết cành, chỉ sợ cây đau, âu cũng là duyên số. Cô gái quay đi, anh còn thần thờ ngó theo.

Ra giêng, lúc hoa rụng gần hết, anh bắt đầu uốn cành. Sẵn thể *phu thê tương hợp*, anh uốn cho tán lá xòe ra như dáng *loan phụng tề phi*. Anh trồng cây không phải để bán, nên cẩn thận uốn từng chút một, phải mấy năm mới hoàn toàn vừa ý.

Tháng tư năm ấy, anh bắt đầu công việc chiết cành. Trước hết ra phố chợ cân một thang thuốc bắc theo đơn bí truyền, rồi sắc ba chén nước còn nửa chén. Sau khi chọn được cành khỏe mạnh, lớn hơn ngón tay cái, ở giữa tầng tán phoir ra ngoài ánh sáng. Đúng ngày nắng đẹp, anh dùng dao sắc khoanh hai vòng, cách gốc cành non gang, và cách nhau khoảng hai lóng tay, anh lột sạch lớp vỏ, phoir 4 ngày. Suốt thời gian đó, sáng tối anh lấy thuốc sắc từ từ tưới cho lóng cây từng chút một, rồi mới bó bầu. Bầu làm bằng đất bùn ao phoir khô, đập nhỏ nhào lẫn với bã thuốc và phân chuồng đã oải, lấy rơm, tro trấu làm chất độn, sau đó bao kín lại bằng mảnh bố. Quả nhiên lóng cây đâm rễ, thế là thành công, mọi người đều cho là kỳ tích. Tháng rưỡi sau, lớp rễ trắng nõn đã mọc dày, chuyển sang màu vàng ngà, anh cưa cành chiết, tước bớt ít lá, giâm vào sọt tre, cẩn thật che phân nửa ánh sáng, rồi mỗi ngày đều đặn tưới hai lần. 20 ngày sau, anh bỏ bớt mái che để cây quen dần ánh sáng tự nhiên, và một tháng sau, bắt đầu tưới phân thật loãng. Giâm đủ hai tháng, anh hì hục khiêng cây sang nhà cô, đúng vào mùa mưa, trồng ngay dưới cửa sổ phòng cô ngủ, để sáng sáng, cô có thể thấy cây, nhớ người. Từ khi chiết cành tới lúc trồng cây xuống đất, tổng cộng gần bốn tháng trời, thời gian đủ để lòng người càng lúc càng mềm ra. Vậy mà hai năm sau, đúng mùng mười tháng giêng, cô mới lên xe hoa về với anh, năm 18 tuổi, giữa lúc gốc hoàng mai nở rộ, và tán lá đã có hình dáng chim loan, chim phượng vũ cánh bay lên. Từ đó, khu nhà cổ lấy tên là Mai hoa trang.

Hơn nửa thế kỷ biên biệt trôi qua. Cụ nhớ có lần đã nói:

-Bà biết đấy, lúc trẻ, tôi đã phải bỏ biết bao công sức mới đánh được gốc mai đem về. Ngày xưa, để cây cả năm giữa rừng, chả ai đụng tới. Bây giờ nếu có rào lại thì còn mất cả cây lẫn rào. Nếu cây mất, tôi đã chẳng có bà, mà chúng ta cũng chẳng có mấy đứa lau nhau, đúng không?

Cụ bà nhìn cụ ông, cặp mắt già vẫn còn sót lại ít nhiều tình tứ.

- Người xưa gọi là *duyên trời*, vậy đó.

Sáng mùng mười tháng giêng, lúc nắng đã lên cao, trong vất, còn phảng phất chút heo may lạnh của mùa đông đọng lại, cụ bác ghé ra cổng, giống như năm xưa, thơ thần ngồi đợi cụ bà từ phiên chợ tỉnh trở về.

VŨ LƯU XUÂN



BÊN KIA MÙA XUÂN

TÔ MẠC GIANG

Em trở lại muôn màng trên lối nằng
Nghe tiếng đời trong áo lụa thời gian.
Thương hoa xưa một thuở nhớ cung đàn
Vài lá cỏ dậu mềm trong suối biếc.
Và mùa xuân, ôi ! mùa xuân diễm tuyệt
Cánh chim nào ngơ ngác buổi hoàng hôn,
Rót xuống chiều thăm thẳm tiếng Chiêu quân
Sầu đất lạ một mình thương núi lạnh !

Em trở lại ngậm ngùi bên cô quạnh
Con dốc ngày xưa, con dốc vu quy
Giòng sông đỏ, giòng sông buồn quay đi..
Những bến đỗ ngại ngừng ai ngóng đợi ?
Mong làm chi gió về mang nỗi nhớ !
Trái tim này, xin gửi cánh chim sương
Đóa trăng này, man mác giữa trùng dương
Như mắt bướm thẹn thùng đêm hợp cấn !

Em trở lại với hồn xuân bất tận
Phút đam mê như một thuở yêu người.
Sắc, hương xưa lồng lộng cuối bờ môi
Theo con sóng ngập ngừng trong giấc ngủ.

Những ngày ở Huế, 1960

TÔ MẠC GIANG

BẠCH MAI

QUÝ THỀ

Má tôi nói gốc bạch mai đó có tuổi lớn hơn bà. Khi bà còn là một đứa con gái nhỏ thường theo người lớn đến mấy sòng bài để được ăn hàng thì thấy cội mai đã là một cây cao và to, nay má tôi hơn chín chục, cây mai đã quá trăm tuổi từ lâu. Mấy đứa bé muốn hái hoa để chơi đồ mua bán hàng phải bắc ghế đứng lên. Đó là gốc bạch mai trong phủ Tuy Lý Vương, dân gian gọi là phủ Ba Cửa ở Vĩ Dạ, Huế.

Sau nhiều năm trở về tôi mới nhìn thấy gốc mai trắng, một cái cây già lão cần cỗi, đã lâu không được người chăm bón. Phủ thờ hồi đó hoang tàn cùng với triều đại nhà Nguyễn. Phủ thờ chẳng còn gì nhiều, chỉ là căn nhà ngói năm gian, dài như cái rạp hát. Bên trong có vài cái tủ gỗ, mặt gương bể cả, chứa hàng trăm bản khắc gỗ bộ sách của Ngài Tuy Lý và bàn thờ ngài. Tuy Lý Vương huý là Miên Trinh, một vị vương ưu tú, rất có thể lực, song không ra tham chính, trị nước chỉ sành và yêu chuộng văn thơ. Gốc bạch mai đứng ở cạnh cửa đi vào ở bên hông nhà, làm chỗ cột dây phơi quần áo. Tôi nhớ lúc đó cây to cỡ cột nhà, chiều cao chỉ độ ba mét, đến đây hình như nó bị bom đạn hay ai đó chém ngang, không cao lên được nữa. Từ nơi ấy nứt ra nhiều nhánh con, trông giống như công chúa đội vương miện xanh.

Thú thật tôi chỉ mới nghe nói hoa mai màu trắng, chưa thấy cây bạch mai nở hoa lần nào. Sau này về Nha Trang tôi quen một nhà thầu khoán cũ giàu có, ông về hưu vui thú điền viên, ông có một khu vườn cây cối hoa lá tốt tươi, trồng nhiều gốc mai. Ông bạn già chỉ tôi xem một cây mai, nói đó là gốc thanh mai (mai xanh). Lúc này chưa phải mùa mai nở hoa, cây thanh mai chẳng có điểm gì đặc sắc. Mùa xuân năm ấy ông bạn già đặt tiệc thưởng hoa, tôi được mời đến xem mai nở, trong đó có cây thanh mai. Tôi tò mò muốn xem đoá hoa mai xanh. Thế nhưng đến nơi tôi vô cùng thất vọng. Chữ thanh mai làm tôi nghĩ tới đoá hoa thực sự màu xanh, không xanh lắm như nước biển thì ít nữa cũng xanh ngọc thạch, xanh lá non hoặc màu xanh lá già hay lá úa. Tôi nghi ngờ đây không phải là cây thanh mai chính hiệu. Những đoá hoa của nó có màu vàng nhạt, vàng nhẹ, vàng chanh, nhìn và tưởng tượng mới thấy ửng lên chút xanh xao sâu bên trong. Một màu xanh còn nằm trong màu vàng, màu xanh mơ hồ.

Từ đó tôi nghĩ người chơi hoa, chơi chim, chơi đồ cổ, thường tưởng tượng, li kỳ hoá sự việc, và cường điệu hoá nó lên, khoác cho chúng cái tên lạ, chỉ để thoả mãn tự ái. Từ đó tôi bắt đầu nghi ngờ về những hiện tượng phi thường trong thiên nhiên, cuộc đời này không dành chỗ cho sự huyền ảo mơ mộng.

Năm ấy tôi được mời làm giám khảo trong cuộc thi hội hoa xuân. Cuộc thi có nhiều bộ môn, non bộ, đá cảnh, hoa lan, hoa xương rồng... Trong cuộc thi này, ai cũng chú trọng tới hoa mai vì ấy là mấy ngày trước tết. Thực đúng là hội hoa xuân, nhiều thứ hoa lá, cây trái, nhất là mai, đủ loại to nhỏ, mai vườn, mai núi, mai biển ...

Sau khi đoàn giám khảo đi một vòng quan sát và cho điểm vào sổ tay của mỗi người, một vị giám khảo già kể tai tôi nói nhỏ :”Đẹp thì có đẹp, nhưng toàn là hoàng mai, chậu, gốc, thân, cành, hoa, lá đều tương tự như nhau, thực khó mà chọn lựa, lấy cây nào, bỏ cây nào. Phải chỉ có khóm bạch mai...” Ai cũng đồng ý, nếu có khóm bạch mai thì thế nào nó cũng chiếm ngôi hoa hậu, lĩnh

giải thưởng mấy triệu bạc. Tôi nghĩ đến gốc bạch mai trong phủ Tuy Lý Vương ước mong: "Ừ, phải chi..."

Còn ba ngày nữa là tết, tôi ra chợ mua mai về chưng phòng khách và cắm lên bàn thờ ông bà. Tôi vừa đi chăm mai về nên thấy mai ở chợ đều xoàng mà giá lại đắt. Tôi thử trả bị người bán chê bai, tôi giận dỗi bỏ về.

Cuối đường tôi gặp một ông lão, dáng tiên phong đạo cốt, mặt mũi hồng hào, râu trắng như tuyết. Ông đẹp như một vị lão tiên trên non bồng đem hoa xuống trần gian bán. Ông lão đứng giữa phố phường ngựa xe tấp nập trông thật lạc lõng tội nghiệp. Tay ông cầm cành mai lớn, gốc cây bằng cổ tay, cao mấy thước, đầy búp, vài đoá mai vàng rụt rè nở một cách thăm dò. Có lẽ ông cụ đứng trong nắng bán mai đã mấy giờ rồi, trông mỗi một, bên cành mai. Tôi dừng lại thăm dò, hỏi: "Cụ bán cành mai này sao?". Ông lão gật đầu. Tôi hỏi, sao không bảo con cháu đi bán, cụ nói chẳng có đứa nào. Tôi xem mai, hỏi giá, ông lão nói: "Mai nhà, đau lòng lắm mới chặt đi bán. Ông cho bao nhiêu cũng được...". Tôi xem cành mai, nó là mai vườn, có nhiều búp non hứa hẹn khi nở sẽ rất rôm rả, sáng nay, hai bảy tháng chạp, chỉ mới vài nụ hé mở để lộ cái màu vàng nghệ, một màu vàng khoẻ khoắn, hứa hẹn nhiều cánh, có thể đây là giống mai vàng đa cánh, mai vườn được chọn lọc và chăm sóc kỹ lưỡng. Tôi mua cành hoa với một giá đắt, và tôi cũng tự vỗ về tự ái của mình về việc mua cành mai cốt để giúp ông cụ.

Ông già bán mai xong, đứng lên đổ thùng nước cắm hoa ra đường rồi xỏ chân vào đôi guốc gỗ đóng quai da bò. Ông không kêu xe mà đi bộ. Tôi hỏi nhà ông bảo gần đây. Tôi nói chở cụ về, cụ gật đầu. Tôi đưa cành mai cho ông lão cầm hộ, lấy xe chở ông, đi được một đoạn ông bảo tôi rẽ vào xóm nhỏ, dừng trước một vườn cây. Ông già cảm ơn đi vào, dáng thiếu nảo, như người đang bệnh.

Hôm sau và hôm sau nữa thêm một vài cái nụ nở, đúng là hoa nhiều cành, màu vàng nghệ khoẻ khoắn. Hình như chúng chỉ nở đôi ba nụ, nở một cách thăm dò, còn đợi đến chính tết. Tôi biết ông cụ là một chủ vườn rất giàu kinh nghiệm trong việc cắt cành tạo dáng và trảy lá. Cả nhà tôi lo việc sắm tết, tôi lo bày biện bàn thờ ông bà, đem bộ lư đồng đi đánh bóng, vợ tôi lo bánh mứt. Thời buổi này ai cũng bị cái thuyết thực dụng chi phối. Nhà nào cũng chỉ làm việc đơn giản là đem tiền đi mua sắm, không ai chịu bỏ công ra làm thứ gì. Tôi không thích như vậy, chúng tôi muốn làm bánh mứt cho trong nhà có không khí xuân, cho con cháu được dịp nấu bánh chưng, canh nồi bánh chưng đón giao thừa.

Đêm đó tôi ngồi thức canh nồi bánh chưng, ba giờ khuya mới chợp mắt. Tôi ngủ nơi phòng khách. Trong mơ hay không phải trong mơ, hay nửa mơ nửa tỉnh, tôi nghe tiếng than thở của nhiều người, âm thanh nhỏ xôn xao rúc rích. Lại chưa lại có tiếng thút thít, tiếng nhiều đứa con trai gái và trẻ con khóc. Tiếng khóc nhỏ lắm, vì vu như có như không. Riu rít như tiếng loai côn trùng. Lúc đó tôi cho chỉ là chuyện huyền hoặc trong mơ, tôi ngủ.

Sáng, khi cánh cửa lá sách bằng gỗ trong ra. Một lúc sau sáng hơn, có lẽ bên ngoài một buổi sáng mùa xuân còn đứng chờ, chưa chịu đi vào phòng. Tôi đã thức, mở một con mắt rồi hai con mắt. Tôi trông thấy cành mai trắng toát! Tôi dụi mắt nhìn cho kỹ, ngẫm nghĩ, hay tại cái ánh sáng ban mai xanh xao từ cửa sổ chiếu vào làm cho những bông hoa thấy trắng lên. Tôi ngồi dậy mở đèn, ngọn đèn nê-ông thước hai rất sáng. Những bông hoa màu trắng. Tôi vẫn còn nghi ngờ. Hay vì ánh sáng ngọn đèn huỳnh quang không thực, nó đánh lừa mắt người? Tôi mở tung cửa sổ, ánh sáng và cả ánh nắng tràn vào. Trời ơi! Mai nở rộ trắng cành, thực đúng là "Cành mai trắng mộng" (tên một tập thơ của Vũ Hoàng Chương). Những đoá hoa như được cắt bằng giấy trắng, nhiều cánh trắng như bông. Đâu đó xôn xao tiếng người, tiếng xe cộ của người đi hái lộc đầu xuân.

Tôi kinh ngạc về hiện tượng kì di này. Ngay ngày đầu xuân tôi trở lại ngôi nhà ông cụ bán mai. Từ xa tôi đã trông thấy rất nhiều người chen chúc trước cánh cửa gỗ, nơi chiều qua tôi đưa ông cụ về. Tôi chen vào, thấy có treo tấm bảng báo tang. Đến đây tôi đã hiểu vì sao cảnh mai trắng mộng./.

QUÝ THỂ



thơ

XUÂN THA HƯƠNG

HUỲNH LONG SƠN

Một mình nơi đất khách tha hương
Nhìn người vui chạnh nhớ cố hương
Kỷ niệm hiện về trên sóng rượu
Lòng riêng luống những nỗi đoạn trường

Bùi ngùi nhớ lại những xuân xưa
Mùa xuân của tuổi "ăn chưa no"
Tối hăm tám rủ nhau đi chợ tết
Đêm ba mươi nấu bánh đợi giao thừa.

Những mùa xuân mộng đã qua rồi
Không bao giờ trở lại người ơi
Loạn ly xuân có về nơi đó
Cạn chén mừng xuân
Xuân tết ơi!

Sóc Trăng Mừng một tết năm 1973

HUỲNH LONG SƠN

ĐÊM XUÂN

NGUYỄN NGỌC TUYẾT

Hai người đã đi qua bao nhiêu đường phố từ lúc gặp lại nhau? Chị không biết, và anh chắc cũng không biết. Chỉ biết cả hai đã đi bên nhau rất lâu, rất lâu. Dù sao cũng có thắm vào đầu so với hai mươi mấy năm không gặp. Ừ, hơn hai mươi năm, chị nghĩ, sao mình không tưởng là đã có một khoảng thời gian mịt mù như vậy. Sao mình cứ thấy như gần đây thôi, hai đứa còn đi học chung, vào thư viện đọc sách chung, cả đi chơi dưới mưa cũng chung nữa. Vậy mà...

- Có phải mình không gặp nhau lâu lắm rồi hả anh?

Chị như muốn xác định lại thời gian bằng câu hỏi có vẻ ngớ ngẩn này.

Đang bước đi chậm rãi, anh giật mình quay qua nhìn chị:

- Phương hỏi gì?

Nhìn vẻ mặt ngơ ngác của anh, chị bật cười, lắc lắc đầu:

- Không, là em hỏi anh về ăn Tết được bao lâu?

Anh gật đầu, cười theo:

- Cũng chưa biết. Trong vòng một tháng thôi. Mình làm nghề tự do mà. Muốn ở thêm thì đi gia hạn. Vui ở, buồn đi vậy mà.

- Vẫn còn lãng mạn, tài tử vậy sao? Chưa rách tả tơi đôi giày vạn dặm à?

- Nói chơi thôi. Phương vẫn nhớ, như xưa hả?

Đang đi, chị hơi khựng lại, chậm một bước chân. Chị nhìn kỹ anh hơn. Mặt anh vẫn bình thản, phẳng phất một nét vui. Chị mỉm cười, tiếp tục bước. Không, anh chỉ buột miệng nói một câu bình thường thôi, chả có gì ấp ủ trong cái chữ "như xưa" ấy cả. Bởi, anh cũng như chị, sau bằng ấy năm xa cách, chắc chắn phải hiểu rằng không hề có chút gì như xưa cả. Nhưng mà, cái ngày xưa ấy mới thật vui nhộn, thật trẻ trung đầm thắm làm sao! Nó đầy ắp và đẹp đẽ đến nỗi ban tối, khi vừa trông thấy anh, chị ngỡ thời gian như ngừng lại, tim chị như ngừng đập. Sự mừng rỡ làm chị choáng váng, bênh bồng. Và cứ thế, sau vài câu hỏi han bình thường, hai người bạn đã đi hết con đường này sang đường khác trong cái đêm rộn ràng của một năm sắp tận cùng này.

Anh quay sang chị, hỏi:

- Phương nè, cái quán cà phê gì có nhạc thật hay gần bờ sông ấy có còn không? Hay mình vào đó đi.

Chị cười buồn:

- Không còn đâu! Chủ của nó dời nhà đi nơi khác rồi. Thịnh thoảng em có gặp ngoài đường. Anh ấy không còn hào hoa phong nhã như những bản nhạc đặt trong băng cho mình nghe đâu. Quán cà phê giờ thành một công ty thực phẩm bách hóa gì đó. Anh hiểu mà, từ đó đến nay... Bao nhiêu là nước chảy qua cầu rồi...

- Ừ, bao nhiêu nước chảy qua cầu. Cách nói quen thuộc của bọn mình ngày nào ấy mà.

"Bọn mình, bọn mình"... Cho tới lúc hai người vào một quán cà phê mới mở ở bờ sông, hai chữ ấy vẫn như nhảy nhót, reo vui trong đầu chị.

- Phương ơi, bọn mình đến thư viện mượn sách đi.

- Phương ơi, bọn mình qua công viên chơi đi.

- Phương ơi, chủ nhật này vào vườn Ồi hái trái cây ăn nghe.

Ôi, cái tiếng “bọn mình” của ngày xưa! Bao nhiêu là triu mến, là sự âm áp bạn bè, là niềm mơ ước tuổi xuân...Cả một chút e ấp dễ thương của tình yêu đầu đời nữa chứ. Sống bao năm trên đất khách quê người anh vẫn còn nhớ đó sao?

Bởi vì cái “bọn mình” năm đó chỉ là những thiếu niên trên dưới mười bảy tuổi đó thôi. Hai người quen nhau từ những năm học cuối cấp, trong lớp luyện thi. Năm ấy gia đình anh và chị vẫn còn chưa khó khăn lắm dù đã là thời bao cấp. Khi cả hai vào đại học thì cuộc sống càng thất ngật. Cha anh đi học tập về, gia đình sống lây lất qua ngày bởi của cải dành dụm đã hết. Nhà chị cũng rơi vào cảnh túng thiếu. Dù vậy, họ vẫn giữ được tình bạn, hay nói khác hơn, tình bạn thân thiết như một ốc đảo yên bình cho cả hai rúc vào, cố gắng tin rằng cuộc đời bên ngoài vẫn không có gì thay đổi. Tối tối, anh chị vẫn tay trong tay đi dọc bờ sông này, có khi xuống tận bến phà, ngồi trên bậc đá chờ trăng mọc, bàn luận đủ mọi thứ. Tưởng như những lời nói sẽ xua đi những cái mới, những đổi thay mà cả hai đều chưa thể chấp nhận, tưởng như những lời nói sẽ làm nhẹ bớt nỗi hoang mang chệnh choáng của một sự “Đổi đời”. Nhưng cuộc sống vẫn diễn ra đúng qui luật của nó. Nó cuốn trôi, nó sàng lọc, nó hình thành mọi thứ mà không hề đợi ai, không hề vị nể hay thương hại kẻ nào. Trong cơn lốc, cả hai người rồi cũng bị cuốn theo, tan tác mỗi người mỗi ngả. Anh theo cả nhà ra nước ngoài. Từ đó chị không biết gì về anh nữa. Mãi cho đến hồi tối này... Vậy mà không hiểu sao, từ chập tối đến giờ, đi bên anh với những câu nói ngắt quãng, những lời đối đáp lom bươm chuyện nọ xọ chuyện kia, chị vẫn có cảm giác gần gũi thân thuộc lạ. Có lẽ các giác quan của chị chưa đến nỗi nào chẳng? Hay chính anh chẳng thay đổi gì lắm?

Ngồi trong quán, lặng lẽ nhìn anh tiếp tục quây ly cà phê đá mỗi lần đưa lên miệng uống, thói quen ngày nào của anh, chị ngẫm lại cuộc đối đáp của hai người và thấy đúng là buồn cười. Phương sống thế nào? Bình thường. Vợ con anh sao rồi? Vợ ly dị, con có chồng ở riêng. Chồng Phương đâu mà đi một mình đêm Giao thừa? Không còn chồng nữa. Nói thật hay hù anh vậy? Tùy, nghĩ sao cũng được. Lại muốn chơi trò cút bắt như xưa hả? Anh này, còn nhỏ nhít gì đâu. Ôi, đường “nhà tắm” đây phải không, mình hay đứng đực mưa chỗ này, anh yêu con đường này nhất đó. Không, giờ là đường Ngô Hữu Hạnh. Cái tên cũng được, nhưng anh thích gọi đường nhà tắm hơn. Hoài cổ vậy sao bỏ đi không nói một lời? Tình thế bắt buộc, vất vả lắm mà. Phương chắc cũng chẳng thêm giận đâu phải không? kẻ tồi tệ như anh, bị lãng quên là đáng mà. Mấy lần gửi thư về, có thấy Phương trả lời đâu. Mỗi đứa một đời riêng, vương bận làm gì!...

Cứ thế, câu chuyện chẳng ra đâu vào đâu, như lời nói đùa cho vui của hai người bạn vẫn thường gặp nhau. Nhưng chị cảm nhận được sự dò xét, nỗi quan tâm trong những lời bắt chọt ấy. Nhìn anh, chị có cảm giác anh đã từng đau khổ, vì có gì thì chị không thể biết, nhưng rõ ràng là anh không có cái vẻ của kẻ sống “nhì nhằng” bình thường như anh muốn tỏ ra trước chị. Có một lúc, chị thật tình muốn nắm lấy tay anh, ước muốn mãnh liệt đến nỗi chị phải nắm chặt tay mình lại. Ôi, cái nắm tay ngày xưa thoải mái, tự nhiên là vậy mà bây giờ... Không, chị mỉm cười buồn bã, mình không trẻ con, mình đã thật sự già đi, thế thôi.

Khi hai người ra khỏi quán nước, trời đã khuya. Trái với những đêm bình thường, đêm nay càng về khuya, càng sát giờ đón năm mới, phố xá càng đông nghẹt. Những dòng người cứ tiếp tục tủa ra, tủa ra, đủ màu đủ sắc. Thành phố như một bầy ong vỡ tổ với muôn vạn tiếng cười nói, la hét. Đã lâu chị không ra đường ban đêm nên thấy choáng váng cả người. Mình giống như loài gấu Bắc cực vừa ra khỏi hang sau giấc ngủ đông dài, thật dài. So với anh, kẻ rời xa đất nước chị nào có hơn gì. Tệ thật! Tệ thật! Chị lẩm bẩm.

- Phương vừa nói gì?

- Không... Em muốn hỏi lâu ngày xa quê về đây chắc anh thấy lạ?

Anh gật đầu, trầm ngâm:

- Ừ, đúng là nhiều cái lạ lắm. Nhà cửa, đường phố, quán xá gì cũng thay đổi hết. Anh đi muốn lạc đường luôn. Phương có tin không?

- Dĩ nhiên là tin chứ. Lạc đường trên chính thành phố của mình thì có gì đáng khoe đâu.

- Lại dở giọng chua cay rồi, cô bạn đánh đá ơi!

“Cô bạn đánh đá”? Cách gọi của thời đi học ấy mà. Nhưng mình làm gì còn được như vậy. Làm sao anh biết mình đã trải qua những gì, và mình chán ngán như thế nào... Thôi bỏ đi, bỏ đi. Chị lắc đầu:

- Anh thấy sao, những đổi mới hiện giờ?

- Anh chưa biết bên trong nhưng bộ mặt thành phố mình quả là đẹp hơn, tươi sáng, khang trang hơn nhiều phải không?

- Tất nhiên, bao nhiêu gian khó, phải tiến lên chứ anh. Em là kẻ vô tích sự nhất mà vẫn cảm nhận được. Anh ở xa về chắc cảm nhận rõ hơn. Anh nói thử coi, cái gì thay đổi rõ nhất nào?

- Nhịp sống, đương nhiên là tốc độ đó, em hiểu không? Tất cả đều có vẻ nhanh hơn, dứt khoát hơn, mạnh mẽ hơn. Gì thì gì chứ anh vẫn thấy mừng. Thà có đi, có sai còn hơn dậm chân hoài một chỗ. Em đồng ý không?

“Em đồng ý không?”, lại một câu nói đầu môi của ngày xưa. Chao ôi, giá mà chị có cuộn chỉ thần, chị sẽ quay ngược thời gian hai mươi mấy năm về trước để thấy mọi thứ vẫn y nguyên, tình bạn, tình yêu, tuổi trẻ... Nhưng ngay vị hoàng tử trong truyện cổ tích còn không quay ngược được thời gian, chị thì có quyền phép gì! Hai người vẫn đi, vẫn đi chậm rãi trong biển người rộn ràng của những giờ phút cuối năm. Anh lúc nhìn quanh quất, hăm hở, lúc lại liếc nhìn chị. Còn chị, hồn dâng đầy kỷ niệm, cố hình dung lại chuyện cũ, đáng xưa.

*Trí băng quơ nghĩ thoáng nhưng buồn nhiều:
“Chân hết đường thì lòng cũng hết yêu”..*

Mấy câu thơ của Huy Cận một thuở xa xưa sao mà như muốn nói dùm tâm hồn chị lúc này. Chị và anh đã đi đến cuối đường rồi ư? Mà sao chị lại nghĩ vậy. Thực ra con đường đã rẽ lối từ mấy mươi năm qua rồi đó thôi. Sao chị cứ trở đi trở lại ý nghĩ vớ vẩn này. Có ích lợi gì đâu. Mình càng già, càng lẩm cẩm ra rồi. Thôi, mặc kệ anh nghĩ gì, nhớ gì, mình chỉ biết là mình đang đi trong đêm giao thừa, đang sống những giây phút tận cùng của năm bên cạnh một người vô cùng thân thiết vừa trở lại sau một khoảng cách cả nửa vòng trái đất, mình phải hưởng cho trọn vẹn, cho xứng đáng với chính mình...

Nghĩ đã dứt khoát, chị kéo tay anh rẽ vào ngôi chùa lớn hai người mới đi qua:

- Sắp Giao thừa rồi, mình vào hái lộc đi anh.

- Lại vẫn hái lộc đầu năm kia à?

Chị cười dòn:

- Sao lại không! Trước đây mình chẳng từng chen lấn để hái được bất cứ lá hoa gì trong chùa để lấy hên năm mới sao?

Thấy vẻ ngẩn ngơ của anh, chị lại cười vui:

- Anh đừng lo. Bây giờ các chùa tiến bộ rồi, chùa nào cũng để sẵn một số chậu cây cảnh cho khách thập phương vào hái lộc, chẳng phải xô đẩy như trước đâu.

Cầm cành lộc từ chùa ra, chị lại đi sát bên anh. Cả hai như được bao phủ trong mùi hương trầm sực nức của bao nhiêu thếp hương được đốt lên khắp nơi. Pháo sáng, pháo bông rực trời. Cả đường phố bừng sáng như ban ngày. Ánh sáng làm hồng cả mặt người, làm rực rỡ thêm những tờ giấy đỏ dán đầy trên từng góc cột, từng cánh cửa nhà. Chỉ thiếu có tiếng pháo dây nổ vang trời.

Anh chợt ngừng bước, nắm lấy tay chị:

- Bao nhiêu năm qua, hình như lúc nào anh cũng mừng rỡ ra cảnh này. Những con phố đông nghẹt, mùi hương trầm, hương hoa sực nức, những cánh cửa dán đầy giấy hồng điều khoe từng câu đối đỏ. Anh cứ mơ mình đang đi trong rừng người ấy, giữa phố phường quen thuộc ấy, trong màu sắc long lanh của hoa Tết, đặc biệt nhất là mùi hương ngào ngạt này. Mà có lẽ không chỉ là hương nhang, hương hoa mà như là tất cả mọi thứ hòa quyện lại trong một nỗi nhớ quê dài dằng dặc, không cùng. Em có hiểu được không hả Phương?

Không đợi chị trả lời, anh ghé vào một sạp ven đường, mua mấy cây pháo bông, châm lửa đốt ngay rồi đưa cho chị một cây. Hai người đứng giữa phố, cây pháo trong tay cứ lóe sáng, lóe sáng, bắn tung lên đủ màu như cầu vồng ngũ sắc. Họ đứng đó, nhìn nhau, nhìn nhau, mắt lấp lánh những tia sáng rực rỡ, hơi thở phập phồng hương vị đêm xuân, không biết rằng phút giao thừa đã qua, một năm mới vừa bắt đầu...

NGUYỄN NGỌC TUYẾT

TRẦN HẬU

LY RƯỢU CUỐI NĂM

Chiều cuối năm buồn ra Chợ Đũi
Ta mời ta những ly rượu đầy
Quên quên hết trò đời dâu bể
Với nỗi sầu vạn kiếp khôn khuây
Uống nửa ly này mừng ta sống
Hay cũng là đang chết giữa hư vô
Cuộc đời đây hay là giấc mộng
Mà ngày xưa Trang Tử mơ hồ
Uống nữa vội gì ta đã say
Uống như hảo hớn cả vò đầy
Ngại chi giữa chợ đời chen lấn
Sài Gòn ai đã biết gì ai
Anh hùng ai nhỉ? Còn ôm mộng
Xoay trục kiền khôn lại Thuấn Nghiêu
Đất nước còn dài cơn lộn độn
Bèo mây ta, bạn vẫn lâu bền
Rót thêm ly nữa mừng tiên tổ
Quê hương thần thoại bốn ngàn năm
Hồn có linh thiêng về chứng kiến
Con cháu u mê lũ chết bầm
Ừ! Nghe hình như cũng đã khuya
Có bước chân ai lạc lối về
Nâng chén giang hồ thôi từ tạ
Đèn đường dờ dật thấp cơn mê.

(Uống rượu với bạn tại chợ Đũi-Q3-SG71)

TRẦN HẬU

BẢNG LÃNG NHƯ HOA MÙA XUÂN

PHAN TRANG HY

Như lệ thường, gần đến Tết, tôi chạy xe vòng quanh phố. Mọi thứ như đang vươn sức xuân. Mảng tường nhà ai đang được sơn lại. Con phố nhỏ ấm và sáng hơn. Cờ hoa rợp phố như thể đất nước được mùa.

Nhìn người ta mua sắm Tết cũng là điều thú vị với tôi. Tưởng chừng như tôi đang sắm Tết. Nào là kẹo mứt ; nào là bánh chưng, bánh tét ; nào là chả giò ; nào là mọi thứ... Hàng hóa như theo người về nhà vui Tết. Một chút rượu làm hân hoan mọi nỗi lòng trong năm mới ; một chút hạt dưa làm hồng môi ngọt của ai ; và cả một chút tờ báo xuân trải lòng người cùng Tết ...

Tôi gửi xe và vào chợ hoa xuân. Đây hoa ! Hoa ngợp trước mắt tôi. Ngày thường dễ gì thấy hoa như thế ! Ước gì trên những con đường lớn Đà Nẵng cũng có hoa đẹp quanh năm ! Chỉ toàn là cái đẹp, toàn sự tốt lành đang ẩn hiện trên mỗi loài hoa, ai mà chẳng thích ?

Tết đến mà có một chậu mai chưng thật là tuyệt ! Và tôi cố tìm cho được một chậu vừa ý mà lại vừa túi tiền. Có mai, căn nhà như sáng thêm lên, như mùa xuân ngập cả nhà. Vợ chồng con cái gắn chặt nhau hơn trong những lần mai nở. Và bè bạn nói những điều tốt đẹp cho nhau khi Tết đến xuân về. Đại gì ta nói xấu nhau ! Sao ta không nói tốt về nhau, nếu được ?

Đang chú mục vào một chậu mai, đang thưởng thức để tìm thêm cái đẹp, cái tốt trong mai để đem về còn khoe với vợ con, bằng hữu. Bỗng nhiên, có cái vỗ vai của ai đó làm tôi giật mình . Quay lại nhìn, tôi ngờ ngợ thấy gương mặt quen quen. Ấp úng, tôi hỏi : “ Ông ... Ông là ..? ”. Người đàn ông giờ đối diện với tôi cũng ấp úng : “ Xin lỗi có phải ... Ông là ...”. Tôi thấy quen quá, nên nói luôn : “ Tôi là An ”. Người đàn ông nói : “Tôi là Thanh, bạn cũ của ông đây!”. Hai chúng tôi mừng nhau không thể tả .

Chúng tôi tìm một quán nước gần đó để trò chuyện. Tôi được biết Thanh từ thành phố Hồ Chí Minh về quê ăn tết. Hắn ta – tôi phải gọi như thế để nhớ lại cái thuở còn thanh niên – về quê lần này tiện thể vừa để tìm người yêu cũ. Gần 20 năm mà hắn vẫn không quên cô ấy dù đã cả hai đã có gia đình. Hắn chỉ cười buồn và trải lòng cho tôi nghe.

... Kể từ dạo ấy, cái thuở hai đứa hắn cảm lòng nhau. Lòng của hắn như có kiến đốt. Hắn ăn cũng không ngon, hắn cười cũng chưa hết cở. Nói tương tư thì không đúng lắm, hắn chưa đến nỗi phải nằm liệt giường bởi yêu. Vả lại, yêu mà bị bệnh thì ai dám yêu. Yêu như thế quả là khổ sở. Mỗi lần ra đường, đầu óc hắn vẫn vẩn vơ. Ngó thấy ai có cái dáng dấp của cô ấy thì hắn mừng, tưởng như là gặp cô ấy. Nhiều khi buồn, hắn băng quơ lấy xe chạy vòng vòng khắp phố, không biết là chạy đi đâu. Hắn chạy xe qua nhà cô ấy bao nhiêu lần, hắn cũng không nhớ hết. Mỗi lần như thế, hắn đều ước ao gặp cô ấy. Điều ước ấy có lúc xảy ra nhưng là những lúc tình cờ. Tình cờ mà gặp nhau, còn cố tình cũng chưa thể gặp nhau, âu đó cũng là cơ duyên, hắn nghĩ vậy. Và chuyện của hắn, ban đầu cũng là sự tình cờ của những lời bông đùa, như ngọn gió bốn cột trên cành hoa xuân, như ngọn nắng đùa trên cỏ, như cánh diều băng khuâng treo gió trên nắng mùa xuân và như sự bông đùa của gái trai muôn thuở. Nhưng rồi, như sự ngẫu nhiên của trái tim,

của sự chân thành, chúng đã yêu nhau. Yêu nhau thôi, yêu nhau tha thiết, yêu bằng cả ngôn ngữ của tình yêu, yêu bằng mắt bằng lời, bằng cả nỗi lòng thơ ca của chúng. Kể cũng lạ, bình thường hẳn ít viết, viết không nổi một câu thơ, thế mà khi chúng yêu nhau thì không biết có sao, hẳn lại làm thơ, làm rất nhiều thơ, mà bài nào cũng được. Lần đầu tiên cô ấy đọc thơ hẳn, cô ấy chỉ cười, nụ cười bây giờ hẳn vẫn còn có cảm giác ngọt lịm. Còn gì đẹp bằng khi có kẻ tri âm, tri kỷ. Và mặc nhiên chúng coi nhau là tri kỷ, tri âm.

Không biết sao hẳn biết cả tên cha, tên mẹ, tên em trai, em gái của cô ấy, biết cả số nhà, số điện thoại. Và cô ấy biết hẳn thích gì. Kể cả chuyện riêng tư, cô ấy cũng kể hẳn nghe.

Thế nhưng !

Đời mà ! Biết bao sự “thế nhưng” trong cuộc đời này. Chúng yêu nhau, quả là vậy ! Thế nhưng chúng vẫn không thể sống cùng nhau. Yêu nhau mà sống được với nhau thì quả là tuyệt rồi ! Thế nhưng, đâu có phải yêu nhau là phải sống với nhau. Nhiều lúc hẳn tự an ủi cho riêng mình, như là một sự ru lòng mình yên tĩnh.

Đã 20 năm xa cô ấy. Hẳn đếm ngón tay là đã 20 năm ; hẳn tặc lưỡi là đã 20 năm. Nơi cô ấy ở trước đây giờ đã khác. Người cũng khác, toàn là người lạ. Hẳn cảm thấy buồn buồn. Để gì gặp cô ấy để khen cô ấy có cái áo đẹp ; để gì gặp cô ấy để cả ngày hẳn trọn niềm vui. Như một định mệnh, lẽ hợp tan là thường tình của trời đất. Hẳn biết cái quy luật ấy, cố nín lặng chịu đựng nỗi nhớ của riêng mình.

Đặt ly cà phê xuống bàn, tôi hỏi hẳn:

- Thế ông không yêu vợ ông sao ?

Hẳn trở mắt nhìn tôi, chững chững:

- Sao không yêu ? Không yêu vợ con thì yêu ai ?

Tôi gắng hỏi :

- Thế sao ông còn nhớ cô ấy ?

Giọng hẳn như lạc vào cổ tích :

- Kỉ niệm, ai mà không nhớ ! Vả lại, cái tôi của thằng đàn ông đầy tham lam lắm ông ạ ! Nhất là trong tình yêu ! Có vợ có con rồi mà vẫn muốn có người yêu như là sự khẳng định mình với trần gian này, không biết tôi nói như thế có quá không ?

Im lặng...

Và tôi. Tôi không thể giấu lòng mình. Tôi cũng có vợ có con rồi ; tôi cũng muốn quên “ cô ấy của tôi ”, nhưng đâu dễ gì quên. Chỉ có kẻ vô tình mới không để ý đến nhau, mới dễ quên nhau. Và chỉ có kẻ dừng dừng, đâu cần ai để nhớ !

Tôi nhớ như in, hầu như ngày nào tôi cũng ghé quán cà phê cô ấy. Nắng cũng như mưa, thời tiết dẫu thay đổi nhưng tôi cứ như là đúng hẹn cùng cô ấy. Chỉ có thể thôi mà tôi đã cảm lòng bởi sự chân thành của cô ấy. Rồi, Đà Nẵng chỉnh trang đô thị. Nơi cô ấy bán được giải tỏa để mở rộng đường. Cô ấy không còn bán cà phê, cô ấy chuyển sang làm nghề khác. Tôi không còn có để gặp cô ấy. Chỉ còn nỗi nhớ xôn xang. Nhiều lúc đi trên đường, bất chợt, tôi thấy một số xe của ai đó, nếu chỉ cần có một con số hoặc chỉ cần màu xe gần giống xe cô ấy là tôi lại nghĩ đến cô ấy, hoặc nhiều lúc tôi làm thơ, thơ đâu chẳng thấy, chỉ thấy trên giấy toàn là tên cô ấy.

Tôi vẫn vợ nghĩ về cô ấy, nghĩ về tình yêu. Tình yêu cũng như hoa kia. Bạn có thể thích hoa, nhưng đâu có thể đem về nhà tất cả hoa mình thích.

Chỉ cần một cành hoa, nhà bạn cũng Tết rồi !

Tôi bắt tay chào Thanh. Tôi vào chợ hoa xuân. Trên đường về nhà, trên xe, một chậu mai vàng cùng tôi chào đón mùa xuân.

Tháng Giêng – 2009

PHAN TRANG HY

XUÂN MỚI

TRẦN MINH NGUYỆT

Cơn mưa bất chợt làm mọi người đang ngược xuôi trên đường bị ướt sũng. Mai ngủ dậy muộn nên vội vàng chạy xe đến công ty cũng không kịp nghĩ đến cơn mưa mà mang theo áo . Nàng chạy băng trên đường bất chấp cả mưa, gió. Mai không muốn mọi người trong công ty nhìn cô đến muộn với ánh mắt thương hại một chút nào.!

Mọi chuyện đến và đi giống như một giấc mơ . Mai hiểu điều đo sẽ xảy ra, vậy mà cô vẫn thấy lòng buồn chi lạ. Cô vẫn đi làm, vẫn cười, vẫn nói cùng mọi người, nhưng khi có một mình lý trí không thắng nổi con tim, Mai khóc thật nhiều, Và chỉ có nước mắt mới giúp được cô với đi được nỗi đau đang dần xé trong tim.

Khi còn là con gái, cô giống như một con sơn ca vậy- hồn nhiên, yêu đời, suốt ngày hát ca , vui cùng đất trời, không hề lo nghĩ. Nét mặt lúc nào cũng rạng ngời hạnh phúc. Vậy mà mới 3 năm lập gia đình chung sống cùng Nam, Mai trở nên tiêu tụy, thân xác rã rời, và đôi mắt thâm quầng buồn vương lúc nào lệ cũng như rướm rướm lệ.

Nam,- Chồng cô, một kĩ sư tin học, dạy tin học cho một trung tâm, thu nhập cũng khá. Anh là con trai cả của gia đình, sau Nam còn 6 đứa em nữa. Đứa nhỏ nhất đã 16 tuổi rồi. Mẹ chồng cô đã mất khá lâu. Ba chồng cũng thường đau yếu, không làm gì ra tiền nữa. Kinh tế gia đình một tay anh gánh vác. Mai về sống cùng anh, làm con dâu, cô đã nguyện với lòng mình, toàn tâm, toàn ý lo cho gia đình nhà chồng, xem những đứa em chồng như là em ruột của mình.

Cuộc đời vốn không phẳng lặng yên ả như nước mặt hồ thu. Mấy cậu em trai rồi việc, bất hòa, gây gổ đánh nhau luôn. Mai không có một ngày bình yên nào cho cuộc sống gia đình hạnh phúc. Thậm chí, ăn cũng bữa đói, bữa no- giấc ngủ muộn màng chập chờn đầy mộng mị. Vì làm việc quá sức, sinh hoạt không đều độ- ăn ngủ cũng thất thường, Cái thai trong bụng cô bị sảy, chết lưu khi vừa được 3 tháng. Sức khỏe của Mai từ đó suy yếu dần dần- tiền bạc dành dụm được từ thời con gái cũng dần cạn hết.. Cô chỉ còn có tiền lương lãnh mỗi tháng nên không còn đủ chi phí cho gia đình nữa. Từ đó những lần cãi vã , đi đến xô xát ngày càng nhiều hơn. Và một chiều sau giờ

làm việc trở về nhà Mai bỗng thấy cậu em kè Nam đã đập nát cửa sổ tạm ở phòng cô- lấy mền chiếu, quần áo của cô quăng ra ngoài sân. Cậu em còn lớn tiếng bảo vợ chồng cô phải dọn đi ra khỏi nhà. Nhưng Nam, chồng cô – vì nặng tình nhà, và lo sợ ba buồn- nên đã đồng ý chỉ ra một tháng 2 triệu cho cậu em, xem như thuê nhà để ở. Dầu vậy-vợ chồng Mai vẫn phải lo việc ăn uống, ơn nghĩa cho gia đình. Đã khổ lại gặp cảnh khổ hơn- Mai luôn bị ốm đau nhưng không dám đi bệnh viện để chữa trị! Cô tự tìm kiếm những lá thuốc nam nghe người mách bảo mà nấu uống qua ngày....

Nam thờ ơ, yếu ớt đến nỗi ai nói gì cũng nghe theo và tin một cách mù quáng vào bói toán.! Nhà rối như tơ vò, vậy mà anh cứ đi coi hết thầy này, đến thầy kia- và bầy mần cổ cúng luôn vì nghe thầy bảo cậu em bị ma nhập nên quấy phá ?. Nam không chia sẻ ,an ủi với nỗi khổ của Mai, mà chỉ quan tâm đến bản thân, lo cho gia đình anh thôi. Đã vậy, Nam còn ghen tuông vô cớ , khiến Mai càng thêm khổ tâm! Là kế toán trưởng của công ty, thỉnh thoảng Mai cũng có những cuộc họp bất thường, những lần gặp gỡ xã giao- và mỗi lần như vậy, Nam đã trút lên cô bao điều cay đắng phũ phàng. Mai chỉ biết cắn răng- âm thầm chịu đựng. vì không còn biết làm gì hơn. Cô nghĩ, nếu nói ra- chỉ thêm buồn, thêm xấu hổ hơn mà thôi. Nhớ lại- lúc mới cưới nhau- Nam đã đi xem bói, nghe thầy nói cô có số hồng nhan, nên Nam càng tin nhảm- càng hành hạ- làm khổ nhiều hơn!, Lúc nào cô cũng bị Nam nói những lời cay độc khó nghe về các mối quan hệ của cô ở công ty

Cha chồng của Mai rất đau buồn vì các cậu con không có công việc làm, sinh chuyện hư hỏng- luôn kinh cãi bất hòa mà.Ông không có cách nào khuyên bảo được nên bệnh tiểu đường trở nặng. Đôi khi thấy con gây gổ, đánh nhau, \-nóng lòng vào can ngăn- nhưng ông cũng đã bị chúng đánh trúng luôn. Từ hôm bị “nhận” chiếc ghế ném lại từ xa của cậu con giữa- gầy tay phải băng bột, ông đã thật sự thất vọng về những đứa con không còn có trái tim của mình. Bệnh tiểu đường của ông ngày càng nặng- cộng với nỗi muộn phiền thất vọng cùng cực- ông đã trút hơi thở cuối cùng vào giữa đêm mà không ai hay biết?

Sau tang lễ 3 hôm, Nam kiểm chuyện trách cứ cô. Anh bảo cô không sinh con được, không lo chu toàn cho cha mình,- ngày nào cũng đi từ sáng sớm đến chiều tối mới về đến nhà. Nói tóm, Nam đã hằn học, chi chiết với Mai nhiều chuyện mà cô không hề có! Mai cảm thấy mình bị oan, bị bỏ rơi-niềm hy vọng cho một mái ấm gia đình đã thật sự tan vỡ trong ước mơ ngày đêm của cô!

Quê của Mai ở xa- tận ngoài Thanh Hoá - nên cô không thể về nhà cha mẹ xin che chở nương náu được. Ngày cô đi làm việc ở công ty. Ăn ở luôn trong phòng dành riêng. nhưng cô rất sợ khi đêm về. Hằng đêm -một mình cô lang thang quanh mấy ngã đường dọc theo công viên -hết nơi này đến nơi khác- cho tới tận khuya mới về phòng trọ một mình. Cô luôn tin vào số phận và chỉ với lòng tin chân thành như vậy cô mới có thể tìm chút niềm an ủi mà đi hết quãng đường còn lại của đời mình...

Và nhân duyên an lành dành cho người nhân hậu đã thật sự đến với Mai vào một buổi chiều đầu Xuân năm ấy-khi cô tình cờ gặp lại Lương –người bạn thời sinh viên năm nào đã hơn một lần ngỏ lời yêu cô trong đêm liên hoan giả từ trường trong góc quán café Vãn. Lương đã rất vui mừng nhận ra Mai . Anh xin phép đến ngồi cùng bàn với Mai- trò chuyện. Lương cho biết anh vẫn chưa lập gia đình- và vẫn chân thành đến với cô khi biết đời cô đã một lần dang dở, đau khổ!

Lương nhìn Mai với đôi mắt trĩu nặng yêu thương : “ Em hãy quên quá khứ đi-vì nó đã qua rồi! Hãy cùng nhau sống hết lòng cho hiện tại em nhé? Trước mắt chúng ta là tương lai- ngày mai cũng sẽ tốt đẹp như thế...”

Và Mai đã ngã đầu lên vai anh- khóc sụt sướt :

- Em cảm ơn Anh ! Mai thì thầm-Anh đã cho em mùa Xuân –mùa Xuân của một đời người anh ạ!

TRẦN MINH NGUYỆT

CÂY MAI NHÀ NỘI

NGUYỄN HOÀNG TRUNG

Cơn buồn ngủ chợt ập đến. Tân không cách gì cưỡng lại được. Thế là dự định nhìn quê hương thay đổi, sau bao nhiêu năm xa cách dọc trên đường về, tối hôm qua chàng nói với Lan lúc chia tay không tài nào thực hiện. Chung quanh Tân, tiếng ồn ào thăm hỏi nhau, kể chuyện làm ăn nơi xa xứ, lạ lùng lúc thua, lúc được của những người đồng hương, đi cùng một chuyến xe cuối năm trở về quê hương chừng như chững lại. Lúc này, chàng chỉ còn nghe tiếng gió thổi ngược chiều với hướng xe chạy. Đa số khách đi chuyến cuối cùng này là những kẻ kém may mắn trong chuyện bương chải làm ăn. Tâm tự nhủ "trong số đó có chàng". Suốt cả ngày, Tân ngồi thu mình vào chiếc ghế có một bên là thành xe ngủ gà ngủ gật, nghe đủ thứ kinh nghiệm. Từ cái khó của anh đạp xích lô đường Cộng Hoà Tân Bình về cuộc khủng hoảng thừa xe hon đa ôm, xe tắc xi vừa nhanh vừa rẻ lại không bị đường cấm. Đến anh ngư phủ vùng biển Phú Thọ, Ba Làng An mộng làm ông chủ vườn café lên Đakmil, Đắc Lắc gặp buổi cấm rừng sa vào cơn sốt rét. Cô thợ may đợi lãnh lương cuối năm đến mỗi mòn nhận tiền tạm ứng. Những nỗi bất hạnh khác nhau của nhiều cảnh đời trong mọi người đến với nhau chung một chuyến xe.

Khi xe qua khỏi đèo Bình Đê, một hai lần Tân mở choàng mắt, cố tỉnh táo nói với anh phụ xe : " cho tôi xuống ngã Ba sông Vệ ", cô gái ngồi hàng phía trước quay lại :
- Em cũng xuống ngã ba sông Vệ, mà sợ ngủ quên. Có gì nhờ anh nhắc hộ.
- Tôi cũng đang sợ ngủ quên đây Nói xong Tân lại lơ mơ trong giấc ngủ chập chờn. Chàng mơ thấy mình đi lạc giữa một rừng mai vàng tỏa hương thơm ngát. Mỗi nụ hoa vàng bé bỏng khẽ rung những cánh mỏng dịu dàng. Giữa những cây mai, có cây mai cổ thụ già hàng trăm năm. Cây mai như cây mai nhà nội...Gió bỗng thổi mạnh...trời đất tối sầm. Những bông mai rụng vàng cả đất rừng...và ô kìa Cây mai cổ thụ rụng mình, đất rung chuyển và cây mai tróc gốc bay... Chàng muốn níu lại...chàng với được một sợi rễ dài...cây mai kéo chàng bay xa...bay tít lên tận trời cao...chàng chóng mặt, buông tay ngã nhào xuống đất...

Giật nảy mình, Tân thức giấc. Bầu trời ngoài khung cửa xe nhỏ hơn khung cửa phòng chàng nhìn ra khoảng sân hẹp có cây mai chiếm gần hết chỗ, cành lá vươn tung bốn phía.

Hồi mới đến cư ngụ đất này, các em Tân còn thơ dại, công việc tập đoàn, hợp tác thời bao cấp thì nhiều mà gia đình chàng thiếu lao động. Trong khi ba chàng cứ hay đi khắp nơi, cố tìm cho được một cây mai con đem về trồng trước sân nhà. Ở xứ này, dễ đâu tìm được một cây mai, ai cũng thế.

Song ba chàng vẫn cứ quyết tâm bỏ công đi kiếm, cuối cùng ông cũng mang được một cây con đem về trồng ở đây. Các em Tân lớn lên, chúng thấy nó, hàng năm mỗi độ xuân về những cánh hoa mai vàng tươi trong nắng mới - thật là đẹp tuyệt. Nhưng chẳng đứa nào thích kiểu trồng của ông ba, hàng ngày, ba chàng chăm sóc cây mai tốt tươi, chẳng có vẻ gì là "xương mai" trong thành ngữ "Mình hạc xương mai" cả. Lại còn dừng ngay trước cửa ra vào, chắn ngang đường đi lối lại. Nhất là vào mùa mưa phòng khách nhà Tân luôn bị thiếu ánh sáng, lũ em Tân có đứa đòi thay đổi vị trí của cây mai ra góc sân ngoài, có đứa đề nghị đưa vào chậu kiểng. Chúng nó mua vài cuốn sách nói về kỹ thuật trồng bonsai, cây kiểng mang về thuyết phục ba chàng. Nhưng ông ba nhất định không nghe với lời giải thích ngắn gọn "Ba trồng cây mai là để nhớ quê". Năm nào ba chàng cũng canh được thời điểm "trẩy lá". Để mỗi sáng mùng một Tết, khi anh em Tân tụ họp chúc tuổi Ba Mẹ, nhìn ra cửa thấy trên những cành mai nở những bông hoa đầu tiên trong mùa xuân.

Vườn ông nội Tân ở ngoài quê cũng có cây mai vàng cổ thụ. Tân còn nhớ như in trong trí, hàng năm cứ vào ngày mùng một tết, mỗi lần được theo ba mẹ về mừng tuổi ông bà nội, Tân thường cùng với anh em con cô con bác trèo lên cây mai đùa giỡn. Làm những cánh mai vàng rơi kín một khoảng sân. Những cánh hoa mai màu vàng tươi, sáng lên trong nắng mùa xuân, lá lơi bay trước gió. Ngày đó Tân đã không cảm nhận được cái đẹp như thế nào, nhưng màu vàng của hoa và nắng thực sự hấp dẫn chàng. Còn bây giờ, mấy năm trở lại đây, từ khi có những người Việt bỏ nước ra đi trở về quê cũ xây mồ mả tổ tiên, ba chàng thường hay bồn chồn than thở. "Người ta đi xa hàng vạn dặm mà còn có ngày trở lại, đến ơn đáp nghĩa tổ tiên còn mình sống trên đất nước này, loanh quanh cơm áo riết rồi trở thành những kẻ lưu đày biệt xứ". Mỗi năm qua đi, ba chàng già hơn so với tuổi. Ông vẫn chăm chút cho cây mai nhưng Tân tưởng chừng như niềm vui về một mùa xuân của ba chàng không còn nữa. Để bù cho nỗi khát khao một lần trở về quê cũ là thái độ nôn nóng của ba trước cuộc đời. Mấy năm liền, cây mai trước cửa nhà bị ông "trẩy" lá sớm, trổ hoa sớm. Như năm nay, chưa là những ngày cuối năm, mà cây mai đã trổ lộc đâm chồi, lá non ra xum xuê như cây rừng.

Hồi đầu tháng chạp, khi nhìn cây mai trước nhà nở rộ, mẹ chàng lo lắng :

- Hay là tết này con thu xếp về quê, tiện thể đón thím Hoa vào đây chơi với gia đình mình một thời gian. Tội nghiệp thím, từ ngày dòng họ ly tán, còn lại một mình ngoài quê gánh vác chuyện hương hỏa từ đường nhà chồng, (bà thờ dài) Con nghĩ, ba con không lẩn thẩn trước tuổi sao được - anh em có liệu định tính qua năm, tháng ba tết thanh minh đưa ba về thăm mồ mả tổ tiên.

Và vì vậy chàng đã về quê trong ngày cuối năm như thế này.

Cùng xuống xe ở ngã ba sông Vệ với Tân có cô gái ngồi hàng ghế trên. Những cơn gió nhẹ, mang cái lạnh của nước sông buổi sớm mai thổi lên làm chàng tỉnh táo để chịu hắt sau một ngày đêm ngồi xe. Tân hỏi trống không : - Giờ này đã có xe về Mỹ Hoà chưa ?

Cô gái nhìn chàng ngạc nhiên :

- Anh cũng về Mỹ Hoà ?

- Vâng - Chàng trả lời

- Mà sao em không biết.

- Làm sao cô biết cho hết.

- Không (cô gái giọng quả quyết) tất cả những người ở Mỹ Hoà em đều biết - cô nói tiếp - cái xóm nhỏ chỉ còn vài trăm gia đình sống với nhau hết đời nọ qua đời kia.

- Nhưng cô lại không biết tôi.

- Vậy là anh không ở đó.

- Quê tôi ở đó, tôi về Mỹ Hoà ăn tết.

- Lạ thật, cô gái tròn mắt nhìn Tân dò hỏi rồi nói tiếp:

- Hôm nay đã là ngày cuối năm, nếu muốn đi xe anh phải đợi những người đi chợ sớm xin theo về.

- Thế cô định đợi xe hay đi bộ?

- Đã về đến đây rồi, em không đợi được, phải đi bộ thôi.

Tân cùng đi bộ chung đường với cô gái về Mỹ Hoà. Hai mươi năm rồi, trở về quê cũ. Tân lại được đi trên đường đất quanh co dọc theo bờ sông, mà ngày xưa chàng đi học. Quê hương chàng thế đó vẫn ruộng mía bãi dâu, vườn dừa, vườn cà, bờ tre như hàng bao nhiêu năm trước. Có điều bây giờ thì người đông hơn, nhà cửa nhiều hơn, còn tất cả vẫn y nguyên êm đềm. Bầu trời mùa xuân trong xanh khoáng đạt, cơn gió mùa xuân mát dịu, giòng sông trôi lững lờ quanh co, ánh nắng ban mai đang tràn lan khắp trên vạn vật. Thỉnh thoảng, Tân thấy có những cây mai đã nở hoa vàng chào xuân mới. Ba chàng hay nói : "Mai là một loại cây rừng dễ trồng nhưng nếu phải tính toán để có được những bông hoa đầu tiên nở lúc giao thừa là một chuyện hết sức khó. Chẳng những phải "trẩy" lá muộn hơn mấy ngày". Tân nghĩ đến cây mai nhà ông nội, phải hơn trăm tuổi rồi, không biết có ai "trẩy" lá để cho hoa nở vào dịp tết này .

Cô gái đồng hành với Tân kể cho chàng nghe đủ thứ chuyện, cô còn nói :

- Sống ở Sài gòn, suốt ngày gục đầu vào cái bàn máy may, lúc nào cũng kim chỉ, đường may, em như không được sống đúng với độ tuổi của mình. Bây giờ về đây, em nói bù cho một năm sống cam nín như cỗ máy may.

Khi về đến đầu làng, cô gái nói với Tân:

- Em kể chuyện này buồn cười lắm. Hồi mấy năm trước, cây mai nhà một bà già ở gần gia đình em bị kẻ trộm đào trong một đêm rồi mang đi đâu không ai biết. Sáng ra thấy mất cây mai bà già khóc nức nở như cha chết. Rồi cả tuần bà đi khắp làng trên xóm dưới, gặp ai cũng thăm hỏi cây mai, vào nhà nào cũng nói chuyện cây mai.

Tân bàng hoàng nghĩ đến thím Hoa, cô gái đi bên cạnh chàng vẫn thản nhiên nó tiếp :

- Cây mai nhà bà to như cây cổ thụ ai dẫu ở nơi nào cho được. Em chắc tụi thanh niên trong làng ghét bà, có cây lớn như thế mà không bao giờ cho ai lấy một cành vào dịp tết, chúng đào phá cho bỏ ghét. Chớ ai làm gì được với gốc mai già, thế mà bà vẫn đi tìm cả năm. Sau đó...

- Sau đó thì sao - chàng ngắt lời cô gái

- Bà già đi xin cả trăm cây mai con khắp làng, đem về trồng nơi khoảng sân rộng trước nhà thành nhiều hàng dài. Ai hỏi thì bà nói : trồng thật nhiều để lỡ có mất trộm cũng không mất hết được. Vừa rồi, trong làng có người nói chắc ai đó đã đào gốc mai của bà đem đi bán "bon sai".

Đến khúc quanh Tân chia tay cô gái, đi thêm một đoạn đường nữa, chàng về tới nhà ông nội. Từ ngoài cổng chàng đã nhận được bà thím đang loay hoay cúng, rước ông bà ở gian nhà thờ giữa.

Gốc mai cổ thụ đã không còn như cô gái nói. Tội nghiệp ba, thế mà mới sáng hôm qua ông còn nhắc Tân nhớ đi xem cây mai năm nay được mấy thước hoành.

Chàng bước vội qua khoảng sân rộng, chung quanh dưới chân chàng là màu xanh non lẫn lộn của hàng trăm cây mai con đang vươn mình khoe lộc trong nắng.

12-01-1998

NGUYỄN HOÀNG TRUNG



TIẾNG HỒ BÀI CHÒI ĐÊM CUỐI NĂM

NGUYỄN MỸ NỮ

Tôi về lại xóm hồi chiều. Mới hơn năm giờ mà trời đã sẫm. Mùa đông mau tối lắm. Chợ tan. Người bưng, kẻ gánh hấp tấp đi qua đường đất đỏ, qua cầu rẽ vào lối nhỏ để rồi mất hút vào trong những ngôi nhà.

Quê tôi tại đây nhưng tôi đâu có ở luôn. Chỉ một năm vài ba lần về, hồi giỗ chạp, hoặc khi có công chuyện gì đó. Nhưng tôi ưa nhất là được về trong những dịp tết và khoảng thời gian cuối năm. Tháng chạp nơi một cái vùng nửa quê, nửa chợ như nơi này có nhiều cái thương lắm và lạ lắm, quen lắm và cảm động lắm. Người dân quê tôi vốn chắc thật. Muốn “ăn” tết thì phải lo làm vì tiền đâu mà đi mua. Với lại, bột, đường, gạo, nếp, kiêu, gừng... nhà nào cũng có sẵn. Trồng được, chế biến được và từ đó mà có: thầu kiêu mặn, cháo gừng rim, chục đòn bánh tét, mấy phong bánh đậu... Bình thường ban đêm ở nhà quê hay đi ngủ sớm nhưng đêm tháng chạp mọi người đều thức, cả xóm đều thức. Thức để làm mứt, “dện” bánh, xay bột... Trong rất nhiều âm thanh của những đêm cuối năm, tôi thích nhất tiếng rang của bỏng. Bỏng là gọi theo người Bắc chứ người miền Trung của tôi thì kêu là nổ và nổ ở đây chính là nếp. Người ta rang nếp để đóng bánh khô. Chỉ với một chảo nếp rang mà tôi nghe được rất nhiều âm thanh. Tiếng dũa đảo qua đảo lại cứ xào xào, xào xào. Tiếng củi nổ lép lép, lép lép. Và thú vị nhất là tiếng lụp bụp, lụp bụp của những hạt nếp lúc đã rang tới. Những âm thanh khi thừa thớt, lúc liên hồi. Tôi quán mền thật chặt, nằm thật im, lắng nghe. Rồi tiếng gió rít trên những lùm cây và cái lạnh căm căm khi giáp tết. Tất cả: những âm thanh, những tiếng động... thân quen, gần gũi ấy đã đưa tôi vào giấc ngủ say trong rất nhiều đêm tháng chạp, thuở còn ấu thơ và cho đến bây giờ. Ngoài bánh nổ còn gọi là bánh khô, người dân quê tôi còn làm rất nhiều loại bánh khác như: bánh tổ, bánh đậu xanh, bánh rế, bánh hồng... Trong số ấy, đặc biệt nhất là bánh in được gói bằng giấy xanh, đỏ, tím, vàng và còn được gọi là bánh “táp lô” vì khuôn đóng bánh không khắc bất cứ một cái gì, chỉ trơ trọi là cái hình chữ nhật. Nguyên liệu cũng chỉ có bột nếp, đường, mè nhưng “dện” bánh phải thật chặt tay rồi sấy, phơi cho kỹ. Cái bánh ngó chắc nụi và cứng ngắt nên để được rất lâu, bởi đó đã có người nói đồn là cắn bánh mè răng và liệng bánh bể đầu. Đây là loại bánh mà người dân quê tôi rất thích nên gia đình nào cũng lo “dện” thật nhiều. Cỡ rằm tháng chạp trở lên đi ngang qua khoảng sân của tất cả những ngôi nhà ở đây, tôi luôn có cảm giác dễ chịu, sung sướng khi bắt gặp những hàng bánh in đủ sắc màu được phơi rất thú vị, ngay ngắn nằm khoe mình trong cái ấm áp của nắng xuân.

Chính vì rất thích cái không khí, hơi hướng, sự nhộn nhịp, trời đất ở quê vào những ngày cận tết nên tôi hay có cái lệ về sớm, để được hưởng nhận cho bằng hết những gì mà quê nhà đã đem đến, đã ban cho. Trong đó không thể không kể đến sự đón chào, ngóng đợi của tôi đối với những tiếng hô bài chòi của một người đàn ông ở chợ Tân Thành vào giữa đêm giao thừa. Những tiếng hô bài chòi mà chỉ cần nhớ đến cả người tôi đã bắt nổi da gà. Tôi biết người đàn ông hô bài chòi ấy vì nhà ông Năm Đồng ở sát bên nhà nội của tôi ở dưới Cừu Lợi. Dù ở cạnh nhau nhưng hoàn cảnh của hai nhà thì rất là khác biệt. Nhà nội tôi bề thế, khá giả chừng nào thì nhà ông Năm lại nghèo khó, túng bấn chừng đấy. Nội cái nhà trường mà ông tôi cất cho ba có chỗ đàn đúm bạn bè, đàn ca tài tử chơi cũng lớn gấp mấy lần căn nhà của gia đình ông Năm Đồng, vậy mà phải nhét đến bảy, tám con người ta gồm mẹ ông, vợ chồng ông và năm đứa con lít nhít. Má tôi vốn tính hay thương người thấy vậy đâu có đành lòng nên cứ lên đút qua hàng rào hồi tộ bánh canh, hồi đĩa bánh xèo vỏ, hồi song cháo. Hiểu ý nhau rồi nên chỉ cần nghe má tôi “ới” lên một tiếng là mấy đứa nhỏ bên đó đã lật đật chạy ra và bưng đồ vô nhà. Hồi rảnh thấy bà cũng có bện xơ dừa chút đỉnh, còn ông Năm Đồng thì làm đủ chuyện và chuyện nào làm cũng giỏi. Ông leo dứa thoăn

thoát và hái dừa cũng thiệt lạnh. Ông đi biển cũng được vì đã quen với sóng nước đầu từ hồi nhỏ. Thôi thì mùa nào cá nấy, không sót một loại nào: cá hổ, cá ngừ, cá sơn thóc, cá hồng, cá bè, cá thu... Cá thu thì có thu ầu, thu ngừ, thu bông... Ông nội tôi ưa ăn cháo cá rựa và má tôi làm món này rất khéo. Má băm thật nhuyễn con cá kể cả xương, ướp gia vị rồi tào sớ, chế nước và bỏ nắm gạo, chừng cháo chín nêm nếm xong má còn khử dầu phộng thơm lừng và phi hành vàng rộm chế lên mặt nên ngó hấp dẫn lắm. Khi ăn rắc thêm một chút tiêu cho nó cay cay mới đã cái miệng. Bà nội tôi lại ưa cá ngừ nấu ngọt ăn bún tươi. Cũng nấu kiểu quê tôi nghĩa là bắc song nước nấu cho thiệt sôi mới bỏ cá vô, vớt bọt hạ lửa không quên thả mấy trái ớt bột đỏ xoe chừng ăn mới dầm. Nước được nêm muối chứ không nêm mắm, sớ chua và phải ăn nóng. Chén nước vô chén bún, vừa lua đều đầu đũa, vừa vẻ từng miếng cá ngừ chấm với nước mắm nhĩ nguyên chất. Ngon thiệt là ngon! Cái ngọt lừ của nước và cái thơm béo của cá cứ nằm mãi trên đầu lưỡi, kể rằng không tan đâu cho được.

Hình ảnh ông Năm Đồng đối với tôi, hồi đó có rất nhiều và đậm nét. Mỗi lần nhớ và nghĩ đến ông là tôi hình dung ra ngay một người đàn ông cao lổng khổng, cái đầu cạo trọc lóc nhưng lại để râu ria xồm xoàm. Ngó bắt ghê! Tụi nhỏ như tôi hồi đó đâu có đứa nào ưa ông nếu không muốn nói là sợ, vậy mà ông nội tôi hết mực thương quý ông. Trúng nhà tôi đâu còn ai. Cô, chú tôi tập kết ra bắc. Nhà chỉ có cô út, còn nhỏ nên đâu biết gì. Ba tôi lại mất sớm, khi má tôi hầy còn nằm cữ và tôi mới được đúng một tháng tròn. Nên mọi công chuyện đều phải cậy nhờ tới ông Năm Đồng. Làm cái gì nội tôi cũng biểu, sai ông. Tôi lớn dần lên với sự hiện diện thường xuyên của một người đàn ông rất là dị hợm ở ngay trong ngôi nhà của mình. Một con người mà không có cách gì tôi ưa cho nổi. Hồi đó tôi cũng thuộc loại “ngon lành” ở quê chứ đâu phải là thường. Với người ngoài tôi là cháu đích tôn của một dòng họ danh giá, còn với trong nhà tôi là “hủ mắm treo đầu giàn” của ông bà nội, má và cô út. Ai cũng tìm cách gây cảm tình với tôi, lấy lòng tôi ngoại trừ ông Năm Đồng. Bởi vậy ông ở nhà trên, tôi ở nhà dưới, ông Năm đứng ngoài ngõ tôi lại ở trong vườn... Và cái kiểu đó thiệt không khác gì như trốn tìm, đuổi bắt nhau vậy. Thấy ớn sao đâu!

Giao cho ông Năm coi khu vườn mộ của gia đình tôi đầu năm trước thì năm sau ông nội tôi mất. Tôi còn nhớ đám tang của ông nội tôi lớn lắm. Nhà đông nghịt người. Có rất nhiều người bà con tới giúp đâu cần gì ông Năm vậy mà ông như ra vẻ ta đây, đi đứng “đình huỳnh” lắm. Chỉ có cái bộ làm lì thì vẫn như hồi giờ, khiến tôi đã bắt mắt sẵn lại thêm phần bắt mắt hơn nhưng phải công nhận ông đã giúp cho má và cô út tôi rất nhiều công chuyện trong nhà. Có ông khu vườn mộ được coi ngó thiệt là kỹ lưỡng. Lũ chần bô hết dám vô phá và nói gì tụi nó, ngay cả lũ học trò tụi tôi cũng sợ ông đến tái cả mặt. Ông luôn có mặt ở khu vườn mộ chỉ trừ mấy bữa đi biển. Mấy bữa đó ông giao cho con trai là anh Đẩu. Trúng anh Đẩu làm biếng sao mà làm biếng, cứ chui vô cái chòi nhỏ được cất ở cuối khuôn đất, ngủ khi mặc sức cho tụi tôi “hát bộ”. Có một lần tôi đi theo đám bạn cùng lớp vô khu vườn mộ, hái chuối mới chín hươm hươm ăn chơi. Ăn xong không hiểu sao mấy đứa đều nổi đau bụng dữ quá và rử ra một chỗ khuất, tụt quần... Không may ông Năm Đồng phát hiện ra chuối bị bẻ, xách cây roi đi lùng và bắt gặp. Thấy ông tụi tôi sợ quá. Chết cha một cái tội phá cây trái đã tày đình, lại thêm cái tội “ị giắc” vậy có nước mà chết với lão Năm Đồng. Ngó cái roi của lão mới ớn mình, ớn mấy làm sao và có lẽ quá khiếp nên phân không cách gì ra được mà nước tiểu lại ra. Tụi tôi không sao nín nổi nên đành phải...tè. Ông cúi người, chò hỏ sẫm soi cái mông của từng đứa một, hết nhìn phía trước lại nhìn phía sau và ngật ngẹo cười: “Lũ bay...đái hé! Tao tưởng bay ỉa tao quánh óc”.

Bộ dạng của ông khi đó thiệt tụi tôi đã “tè” hết nước chứ nếu còn, chắc... và mãi về sau này, nhớ lại tôi vẫn còn phải tùm tùm cười, khi có một mình, còn với số đông thì bật lên những trận cười sảng khoái, khi nghe tôi kể lại. Đó cũng là lần duy nhất tôi được nhìn thấy ông Năm Đồng cười. Sợ là vậy mà tôi vẫn rất ngạc nhiên vì không ngờ ông cười rất là đẹp và có duyên, coi bộ đâu có hung lắm, ngó hiền hiền mà cách cũng dễ gần thôi. Từ bữa đó trở đi, tôi có hơi ưa ông Năm Đồng. Thấy ông tôi đã không còn quýt cái mặt, lút lút bỏ đi như trước đây nữa và có đôi lúc còn dòm chừng coi ông làm cái gì và chăm bẵm dõi theo một cách thích thú. Bữa chiều nếu không mắc công chuyện, sau khi ăn cơm xong, tôi thường thấy ông bận bộ bà ba đen ra ngồi chòm hóm ở ngoài hiên nhà mình, dòm sững về phía trước như ở đó có một cái gì hay lắm vậy, vì miệng ông khi ấy há ra, hàm râu rậm thì động đậy liên hồi mà hai bàn tay thì vịn vịn, bức rức không yên. Đó cũng là khoảng thời gian tôi sợ nhất trong ngày vì theo lệnh của cô út, tôi phải lên gian nhà trên vô gian thờ thấp nhang. Chạng vạng. Không khí ở đó thâm u, mờ tối và lạnh lạnh làm sống lưng tôi

nổi hết gai ốc, bởi đó bữa nào cũng vậy tôi ráng bậm gan làm cho xong rồi ù té chạy. Nếu như đó là thứ công chuyện mà tôi ghét nhất thì việc theo má đi coi hái dứa để xin những trái dứa rớt xuống bị nứt, bẻ ra chia cho đám bạn và trông tới đám giỗ, canh ông Năm Đồng mổ heo xong, cho cái bong bóng heo thổi chơi lại là mấy chuyện tôi ưng nhất trên đời. Cũng may một tháng tôi có đủ ba mươi cái chạng vạng phải lên gian thờ thắp nhang thì nhà nội tôi cũng có được một, hai cái đám giỗ và dứa của gia đình tôi thì có mà bạt ngàn.

Chiến tranh ào tới vùng quê yên tĩnh và thanh bình của tôi, bắt đầu bằng những tiếng súng nổ thưa thớt ở cả hai bên, rồi ngày một dày đặc hơn. Ở ngoài đường lộ đã có bóng dáng lính Cộng hòa vào ban ngày, còn ở trong thôn xóm đã xuất hiện du kích và cán bộ nằm vùng vào ban đêm. Má xin phép bà nội đưa tôi về phía ngoại ở Qui Nhơn để tránh đạn, bom. Bà nội tôi hoảng hốt. Cô tôi thì giận dữ. Năm đó tôi đã mười hai tuổi, đã kịp hiểu ra những gì cần phải hiểu nhưng tính tình thì rất khác mấy đứa trong xóm hay cùng trường. Tôi rất thương nội, má và cô út nhưng không biết vỗ vập ồn ào, cũng không biết âm thầm thủ thủ. Tôi thấy khó nói ra cho người khác hiểu cái ý của mình nên nín làm thinh cho rồi và càng ngày nín làm thinh càng nhiều hơn. Trong nhà không ai hỏi tôi lấy một tiếng là tôi muốn đi hay ở lại và thích được ở với ai để tôi có thể trả lời. Chỉ thấy mọi người đều khóc. Má tôi vốn rất mềm yếu nên khóc nhiều nhất và khóc không cần dấu giếm. Bà nội của tôi thì khóc lặng lẽ hơn. Còn cô tôi vốn tính “bồng chảng” nên khóc ào ào. Chỉ có tôi là không làm sao khóc được. Tôi cũng chẳng hiểu được vì sao.

Sự việc trong gia đình tôi dằng dãi như thế thêm một thời gian ngắn nữa thì một sáng ngủ dậy, ngó sang bên cạnh chỗ má nằm thấy trống không. Tôi chợt hiểu ngay và vùng dậy, băng qua ngõ, chạy ào qua mấy cánh đồng và hướng về phía cổng ga xe lửa ở chợ Tam Quan. Nơi tôi vẫn thấy người ta đón xe đi ra Quảng Ngãi hay vô Qui Nhơn, mỗi lần được má hay cô út chở ra quốc lộ. Ra đến nơi, tôi ngồi phịch xuống hè đường và lơ lảo ngó xe chạy ra rồi chạy vô được một đôi thì thấy cô tôi hớt hải đi kiếm, gặp được và dẫn tôi về. Suốt con đường trở lại nhà nội cô tôi khóc dầm dết, còn tôi thì làm thinh. Chiều đó. Một mình tôi ra khu vườn mộ và thấy ông Năm Đồng đang ở mộ của ba. Cái đầu trọc lóc của ông sao cứ gục xuống tấm bia? Khi tôi đến sát gần, nghe động, ông ngước mặt lên và tôi thấy trên đó là đầm đìa nước mắt. Chiều đó. Tôi ngồi miết ở mộ ba rồi qua mộ ông nội ngồi tiếp nhưng không hề khóc. Cứ ngồi im như vậy rất lâu mà trong nhà cũng không có ai đi kiếm nhưng tôi biết có một người luôn trông chừng tôi. Những chiều sau. Tôi không ra khu vườn mộ nữa. Đi học về tôi xuống phía sau nhà, đứng lì bên cạnh chuồng heo và ngóng về hướng Qui Nhơn. Rồi một chiều có một người đặt tay lên vai tôi, bóp khẽ và nói bằng cái giọng cụt ngủn, khàn khàn, đứt quãng: “Thôi, vô nhà đi con. Vô ăn cơm kẻo nội và cô mày trông”. Đó là lần đầu sau bao nhiêu năm sống gần ông Năm Đồng, tôi được nghe một câu nói nhẹ nhàng nhất của ông và câu nói ấy đã khiến tôi bật lên tiếng khóc nức nở. Đó cũng là chạng vạng lần thứ nhất tôi lên nhà trên vô gian thờ thắp nhang mà không hề thấy run sợ một chút nào nhưng thật đau buồn, tôi đâu còn được những chạng vạng như vậy nữa trong cuộc đời của mình, vì sau đó không bao lâu, quê tôi chìm ngập trong đạn, bom khói lửa. Cô út đành đưa nội và tôi rời Cửu Lợi, vội vã đến mức không gặp được ông Năm Đồng để từ giã lấy một câu.

Sau giải phóng tôi về Tam Quan ngay nhưng phải đến năm 1986 tôi mới được ăn tết ở đây. Đó là cái tết đầu tiên đánh dấu cho cuộc sống bình yên của tôi, sau cả một quãng đời lao đao với quá nhiều khóc liệt, kể từ lúc bỏ Cửu Lợi mà đi. Ngày ấy tôi là một thằng nhỏ nhà quê ưa nín làm thinh và không sao giống được những đứa bạn cùng lớp, cùng thôn xóm với mình thì năm, bảy năm sau, mười, mười hai năm sau tôi cũng thế. Có khác chăng là thằng nhỏ đó đã lớn hơn. Lớn hơn với sự cô đơn sâu và rộng hơn, nỗi trầm tư dày hơn và lạ hơn cùng bước song hành với những hư hỏng dữ dội, những hoang đường kinh khủng. Tôi đã trả giá đắt quá cho những trải nghiệm đắng cay, những cuồng ngông chát chúa và những mê đắm chết người bằng cả một phần đời đáng ra là tươi đẹp nhất của mình nên ngậm ngùi xiết bao khi về lại Tam Quan, vào những ngày cuối cùng của tháng chạp, khi mà nhà cửa, vườn tược của gia đình tôi dưới Cửu Lợi đã bị tàn phá tan hoang và phải đón năm mới ở Tân Thành. Một ngôi nhà mà gia đình cô tôi đã mua lại ở gần cầu, đường cái và chợ.

Đêm cuối năm ở quê nhà xao xuyến quá! Tôi không sao chợp mắt được dù lúc chiều có uống mấy ly rượu trong mâm cúng rước với ông dượng. Thường ngày uống sắn sắn tôi rất dễ ngủ và tôi luôn cho rằng không có cái sướng nào bằng cái sướng được đánh thẳng một giấc không biết trời trăng là gì cả khi đã ngà ngà say. Thế mà đêm cuối năm đó, cái trạng thái ấy cũng có và sự

mắt ngủ cũng có luôn. Trần trọc, thao thức mãi trên giường, tôi lắng nghe thật rõ tất cả những âm thanh ở chung quanh mình: tiếng võng đưa kịt kịt từ một ngôi nhà hàng xóm, tiếng chó sủa, tiếng ai mở mê sảng trong đêm, tiếng một cành cây dòn khô, khẽ gãy. Đêm ba mươi ở đây mọi người đều ở hết trong nhà và phải tới gần nửa đêm tất cả các ngôi nhà mới mở rộng cửa để sửa soạn cúng giao thừa, bởi đó bầu không khí bên ngoài hết sức yên ắng. Và bỗng nhiên trong cái tĩnh lặng ấy có tiếng hô bài chòi, nhừa nhựa khăn khăn, giọng hô đích thực là của một người đàn ông, có những chữ bị nuốt, tiếng không thoát ra được, cứ như nghẹn. Tôi lắng nghe thêm và nhận ra tiếng hô bài chòi đó phát xuất từ phía chợ. Tôi không thích bài chòi dù là dân ở đây nhưng giữa cái không khí u trầm, sâu lắng của một đêm cuối năm, giữa giấc ngủ không sao tới được, giữa những trăn trở ngổn ngang, giữa khi giờ giao thừa cận kề tiếng hô bài chòi như thể đánh thức tất cả các giác quan có ở trong con người tôi. Và thật mãnh liệt, như có một ma lực nào đó, khiến tôi tung mền ngồi dậy mở cửa bước ra ngoài. Cái lạnh dữ dội ập đến làm tôi phải cúi gập người xuống một lát mới tiếp tục đi được. Tôi lần theo tiếng hô bước dần ra phía chợ. Đứng tần ngần rất lâu ở cổng rồi nghĩ sao tôi lại quay đi. Suốt chặng về tiếng hô bài chòi cứ đuổi theo, bám riết lấy khiến toàn thân tôi gờn gợn cái cảm giác nhột nhột, bức bối, khó chịu đến vô cùng. Không dừng được tôi trở ra chợ một lần nữa và quyết tìm cho ra người hô bài chòi. Không hiểu người đàn ông ấy đang ngồi, nằm ở đâu, trong cả khu chợ tối tăm và ẩm thấp này. Tôi lần mò qua từng sạp hàng, lều quán, chân, tay, trán và mình va đập lên hết cái này đến cái khác. Không sao tìm ra!!! Đến là quỷ quái thật. Ở bên ngoài tiếng hô theo gió vang xa nghe to hơn ở ngay trong chợ, nghe cứ âm âm nện rền rền, đảo chao. Tiếng hô bài chòi như sóng đánh đập dềnh lên tâm hồn làm cho tôi bước đi ngả nghiêng, chới vơi. Đi không vững đã đành mà đứng ngồi lại cũng vẫn thấy lắc lư. Những tiếng hô như thả lời, như níu giữ. Lúc nghe thật xa đâu như không phải trong chợ mà có khi như sát ngay bên giờ tay ra là nắm được. Lần quần miết không thấy gì tôi đành rời chợ với cái mệt rũ, nỗi buồn và sự thất vọng... Tôi chầm thêm một miếng thuốc nữa rồi trở về nhưng khi đi qua nhà, tôi không muốn vào mà đi luôn ra cây cầu gần đó và đứng lại dòm xuống mặt nước đen ngòm bên dưới. Cái lạnh cộng với sương đêm và những làn hơi nước từ dưới sông phả lên thấm hết vào trong người, buốt căm. Đã vậy, gió lớn quá, ở tứ phía thổi lên tôi tới tấp. Từ một chỗ đứng trên cầu, tôi đổi mắt hướng về phía chợ, về tiếng hô bài chòi vẫn đang cất lên trong đêm, rười rượi và thảm thiết.

Năm đó, năm 1986. Tôi đã đón giờ phút linh thiêng nhất của một năm không phải ở nhà với cô dượng và các em tôi mà ở trên cầu Tân Mỹ một mình. Có một điều lạ là sau mười hai giờ đêm, tiếng hô bài chòi thật náo nê và oái oăm đó bỗng nín bặt một cách khó hiểu và lạnh lùng. Sớm mừng một Tết, ngồi chụm lửa với cô nơi gian bếp nhỏ, tôi hỏi về người đàn ông hô bài chòi ở chợ đêm hồi hôm. Cô lặng im rất lâu, thở dài rồi mới đứng đính kể. Thì ra là ông Năm Đồng! Mấy năm chiến tranh ác liệt. Ông và gia đình quyết bám trụ ở quê không chịu tản cư lên trên Hoài Sơn, Hoài Châu với bộ đội, du kích mà cũng không vô Bình Định, Qui Nhơn với lính ngụy, dù cả thôn Cửu Lợi đã bỏ đi hết. Mẹ, vợ và năm đứa con của ông đã chết trong một trận càn. Ông may mắn sống sót nhưng lại hóa điên. Bọn lính nói ông là người cách mạng giả bộ khùng khùng để đi lấy tin nên bắt nhốt ở đâu không rõ. Sau giải phóng ông được thả ra nhưng không thấy về Tam Quan, ngoại trừ đêm ba mươi, mà cũng không ghé tới đâu dù ở đây họ hàng, bà con của ông cũng còn nhiều. Chỉ nép mình trong chợ và hô bài chòi khan khan. Qua nửa đêm là đi.

Tôi ngồi nghe mà chết điếng, cô tôi cũng buồn thiu. Có ý nghĩ như tiếng hô bài chòi của ông Năm Đồng từ hồi hôm hãy còn vương lại cho mãi cho tới sáng này. Từ một đêm cuối cùng của năm cũ vẫn còn vọng âm qua tận buổi sáng đầu tiên của năm mới và để lại trong tâm hồn của cô cháu tôi bao nỗi niềm ân trắc. Một người cùng quê. Một người lảng giềng. Những câu bài chòi. Một khu chợ và một đêm ba mươi. Cái lạnh giá và những kỷ niệm về người đàn ông đó... Cả một vùng ký ức quay về nơi tâm hồn tôi, từ một giọng hô bài chòi nhừa nhựa, khăn khăn. Và bởi tất cả những điều đó, tôi đã trải qua một cái Tết hết sức ngẩn ngơ và ngậm ngùi. Rất may rồi cảm giác ấy cũng qua đi như ý muốn tìm cho ra ông Năm Đồng cũng đã không còn, dẫu tôi vẫn về Tam Quan ăn Tết. Vẫn có những đêm cuối năm lạnh cóng, đứng lóng ngóng trước khu chợ lô xô hàng quán và lều sạp. Lô xô gió và bóng đêm. Lô xô tiếng hô bài chòi và hoài niệm... Những tháng chạp của năm 87, 88, 89... rồi đến 98 tôi đều có mặt ở quê. Tôi về bằng xe Honda nên nổ máy ồn ào trên quốc lộ và nổ to hơn khi rẽ qua con đường đất đỏ để dừng lại ở một ngôi nhà gần cầu. Có một người đàn ông cũng về quê nhưng không âm ỉ như tôi. Rất lặng lẽ kín thẳm và nép ở đâu đó trong

khu chợ tòi tàn và tối tăm nhưng những tiếng hô bài chòi đêm cuối năm của ông thì làm chuyển động tâm hồn của tất cả mọi người. Cái rưng rức sao mà trĩu nặng đến thế, ám ảnh đến thế... Còn với riêng tôi, vẫn là nỗi bàng hoàng y hệt như lần đầu được nghe.

Cô tôi đã mất. Tôi có những đêm ba mươi đứng ở cầu Tân Mỹ, một mình, dõi mắt nhìn về Cửa Lợi, về nhà nội và khu vườn mộ mà nước mắt ứa ra. Trong cái lạnh căm của thời tiết. Cái lồng lộng của những luồng gió từ dưới sông phả tới. Tiếng hô bài chòi của người đàn ông ấy vẫn vẳng đến tận chỗ tôi đứng, lẻ loi. Tôi nhận ra mỗi năm giọng hô của ông Năm Đồng một yếu hơn, hụt hơn hay bị đứt hơi, tắt nghẽn giữa chừng và trái tim tôi như bị ai bóp chặt, nhói đau khi hình dung đến một đêm ba mươi nào đó. Tiếng hô bài chòi ấy bỗng nhiên nín bật.

NGUYỄN MỸ NỮ



thơ

LÊ NHIÊN HẠO

TỪ NAY NGÀY TẾT

Buồn quá từ nay ngày Tết Nhất nhìn hoa mai nở báo mùa Xuân, ai cười mà nói hoa như ngọc chỉ nắng vàng thôi, nắng chứa chan...Ôi nắng vàng soi lưng bàn tay che ngang con mắt giấu chân mày, hôm nao em hỡi em còn nhớ hay ngủ quên rồi, giấc ngủ say...Giấc ngủ ngàn năm chẳng trở mình, có chăng là cỏ buổi Thanh Minh, có chăng mây vẫn niềm thao thức thỉnh thoảng bay ngang trước cổng thành.

Thành xưa Vua dựng ngăn chân giặc, nay, đó thành xưa, trang sử xưa! Em sẽ là rêu xanh bám đá, anh còn kỷ niệm thấy như mơ...Thành xưa sẽ đổ hay không đổ, tim cứng hay mềm cũng nát tan. Sẽ có một ngày không phải Tết, tôi không còn nữa bước lang thang - ở đâu, góc biển hay chân núi tôi nhắm mắt mờ nỗi nhớ nhung, thơ có thể nào trong gió chướng, xin em níu nhé, nói nhau cùng...

Nói nhau mình đã là mây khói, mây khói bên trời quẩn quện nhau...Ngày Tết, hoa mai ai có hái, còn thương, xin gửi nước qua cầu!

LÊ NHIÊN HẠO

CƯỚI VỢ ĂN TẾT

NGUYỄN LỆ UYÊN

1.

Trước ngày giỗ cha, chị Đông giờ máy, thông thả gọi cho từng người: các em phải về trước một ngày để phụ với má, không được đưa nào vắng mặt. Tám cuộc gọi được phân đều chừng ấy từ không hơn kém Có lẽ không phải do chị tiếc tiền khi phải nói nhiều mà, chỉ vì ngắn gọn thì quyền uy được khẳng định một cách rõ ràng hơn? Và dù là gái đã xuất giá nhưng là chị cả nên cái sự quyền huynh thế phụ được chị thấu tóm và phát huy đến mức tối đa trong gia đình có tới tám cô con gái nắm bím tóc nhau, kẻ trước người sau lần lượt ra đời để reo vui, bổ sung thêm quân số cho bà Trưng bà Triệu. Còn tôi là đứa con trai duy nhất được chắt mót như anh dân nghiện ngựa cổ, dốc dít chai cho rót vào họng giọt cuối cùng của bữa rượu tàn. Tuổi tôi chỉ nhỉnh hơn đứa con gái đầu chị Đông có sáu bảy năm. Đó cũng là lý do để đôi lúc chị giả tảng không coi tôi là đứa em út út mà đối đãi ở hàng con cháu!

Lệnh điều động của chị được mọi người răm rắp thực hiện giống như một cuộc dạo chơi tình cảm. Chị Ty về trước tiên trên chiếc Civic bóng loáng với những bánh trái chạt cốp sau. Trong khi chồng kê nệ bụng những túi nặng thì chị ngó nghiêng, miệng hát nghêu ngao bài Back to Sorento, như thể hai ông bà vừa lái xe từ vạn dặm về chốn quê nhà? Sau đó chừng nửa tiếng, chị Khánh bước xuống taxi với chiếc bụng vượt quá mặt, lặc lè ôm bụng và ôm bó hoa ly to tướng khó nhọc bước vào sân. Chị Nam đi xe máy đeo theo chị Sâm lủng lẳng giỏ trái cây. Ba bà còn lại có lẽ đang ở trong cái spa nào đó để ủi mặt, duỗi tóc trước khi về sì sụp lễ cha, và câu nói cửa miệng của ba bà này sẽ là: cuối năm, công chuyện cơ quan ngập đầu. Câu nói sẽ bay xẹt qua lỗ tai các ông chồng mang bộ mặt thỏa hiệp và đồng cảm với công chuyện bộn bề giả hiệu của vợ trước khi lọt vào lỗ tai má tôi. Chị Minh áp út, đẹp nhất nhà dắt tay ông anh rể vừa mới cưới nhau cách không lâu, như thể nếu chị không cầm tay anh dẫn đường thì rất có thể anh sẽ nhầm chị Minh với ai đó trong nhà, giả hoặc anh không biết lối nào vào nhà mà không lộn qua nhà hàng xóm? Cách thể hiện tình yêu của anh chị Minh, chính yếu là chị Minh, có hơi vẻ sên sên, cải lương một chút nhưng lại thích hợp với khung cảnh trời mây ở đất quê đồng nội nếu chỉ duy nhất có hai người trong khoảng không gian này.

Thường ngày căn nhà vắng teo, đã rộng càng thênh thang hơn khi chỉ có má và tôi; còn giờ này thì ồn ào, náo nhiệt cứ như đám đông người đang chen lấn nhau xem hát áng. Mỗi năm chỉ duy nhất có hai lần được làm ồn là dịp giỗ cha và ngày tết. Nhưng hai cái ồn cũng hơi khang khác tí đỉnh. Cái ồn trước có chút ngùi ngùi vì mùi nhang, mùi khói đốt vàng mã, thỉnh thoảng vài giọt nước mắt bị dồn nén trước kia nay được dịp rịn ra tựa như nước lổ mọi rỉ ra từ bờ ruộng cao làm đậm thêm màu đỏ đôi đèn sáp nhều giọt ngập ngừng trên bàn thờ. Còn cái ồn sau là tiếng cười của ba thế hệ cộng lại thành niềm vui cùng những hạnh phúc riêng tư khoe mẽ, theo thông lệ muôn thuở: đầu năm mới chỉ có vui cười. Có buồn cũng phải giấu kỹ dưới dít giường chờ ra giêng!

Lúc tôi bụng nia lá gói bánh ngang qua chỗ chị Đông ngồi xào nhừ trên bếp lò, chị liếc tôi buông thông một câu kiểu anh chặn vịt ném cây sào cắm sâu sau dít bày vịt đang lội qua ranh giới hạn: "Mày thì liệu cái thần hồn". Tôi giả bộ như không nghe chị nói gì, quay ngoắt lại định bụng kéo anh Minh ra quán đầu ngõ.

- Này không nghe thiệt hả?

- Chị bảo gì ạ?

- Giỏi, giống cha in đúc, chỉ khéo cái giả lơ. Nói cho mà biết, kỳ giỗ này tao mời chị tư Lam và cái con bé đó sang ăn giỗ cha. Nghiêm túc một chút đừng có trẻ con nữa.

- Chị mời ai thì ảnh hưởng gì tới em? Bộ chị tưởng em tiếc đôi đũa, cái chén sao?

Chị Đông gõ đôi đũa xào nhưn đang cầm trong tay lên vành chảo kêu rùng rục như người mắc cụt:

- Sao? Nói vậy mà nghe được à? Hăm tám hăm chín rồi, nhỏ nhít gì nữa. Có nghe nói tam thập nhi lập không? Đâu còn là đứa trẻ con? Cũng phải vợ con rồi lo làm ăn chứ bắt ai nuôi mãi.

-Thì em làm việc em nuôi em chứ ai nuôi em?

-Còn má?

-Má sao?

-Ai chăm sóc?

-Chớ ai vô. Tám bà cộng lại thì được mấy ngày trong ba trăm sáu lăm...

-Á, à dám trả treo, lại bày thói phân bì chứ gì? Em lòi đâu ra cái kiểu ấy về nhà này, hả?

-Thì rõ vậy chớ còn gì nữa.

-Không đôi co. Các chị và má đã quyết rồi.

-Quyết cái gì?

-Mời chị Tư và con bé đó qua chơi nhà, tiện dịp mấy chị mày coi mắt luôn - Chị Đông xuống giọng - Hiền, đẹp, nét na, tốt nghiệp khoa Văn loại khá. Hợp, chị nghĩ rất xứng đôi. Chỉ ngặt nỗi chị Tư hơi nhỏ hơn má tới hơn hai chục tuổi, nhưng không sao. Má nghe nói đã ưng rồi - Tôi cười thầm sao chị không nói bằng tuổi chị có dễ hình dung không, nhưng sợ chị giận, bèn nói ngang:

-Thích thì chị lấy cái con nhỏ gì đó đi, can dự gì đến em? - Nói và tôi bỏ đi.

Chị Đông há hốc miệng nhìn theo như thể tôi đang hoá kiếp từ con người bình thường sang loài động vật khác một cách từ từ, thông thả nhẩn nha, thông thả hoá kiếp. Dưới mắt chị lúc này, có lẽ tôi là con tắc kè trên ngọn cây, đổi màu và lẩn nhanh đâu đó ngay trước mắt không thể nhìn thấy?

Anh Minh thấy bộ mặt nhăn nhó của tôi ngoài thêm giềng, bèn lên tiếng:

-Kỳ này em bị khủng bố nặng rồi.

Tôi không phản ứng, bỏ ngay ý định rủ anh ra ngồi quán.

2.

Má tôi đứng trước bàn thờ lâm râm khấn vái những gì đó thật lâu. Khói nhang quện đặc gian thờ. Những chân nhang trong bát hương đỏ thắm, hai cây nến đỏ thắm, màu sáng cây đèn hột vịt phải nhờ đến ngọn néon mới nhìn rõ ảnh thờ cha tôi treo trên cao, phía dưới giá đỡ tượng Phật bà Quan Âm. Vẻ đẹp trai, phong lưu vẫn rung rinh đâu đó trên khuôn mặt chữ điền, đôi mày rậm, miệng như nở nụ cười từ bộ râu vênh ngược, nom giống một quý ông ở thời kỳ Phục hưng. Khổ nỗi, hình ảnh bộ râu quý tộc bị chiếc khăn xếp và áo dài hoa văn chữ Thọ trên bức chân dung đã phá cách vẻ đẹp mã một cách khó coi, không hợp với khuôn mặt luôn nhìn thấy điều gì cũng dung dị, đẹp; đời cứ như bông hoa không bao giờ tàn vậy. Bức chân dung ấy còn mang cả đôi mắt sáng ngó thẳng về phía con, rể đứng sắp hàng kẻ trước người sau, như muốn nói: Cha rất hài lòng vì các con. Đôi mắt ấy cũng ngó về phía má tôi và nói thật to: Dù anh đang ngồi trong khung kính nhưng tim anh vẫn dành trọn cho em. Tôi nghĩ, rất có thể má có nhìn thấy và nghe được những điều này qua linh cảm, vì thỉnh thoảng má đưa tay lên mắt, thỉnh thoảng sụt sịt. Có thể là do khói nhang nghi ngút, có thể là má nhớ thực lòng. Không nhớ, không thương yêu nhau sao lại khóc, lại lăm con thế?

Tiếng nói nhỏ nhưng vang như tiếng chuông khiến ngọn nến đang cháy thẳng đứng bỗng lay nghiêng, chao qua trái qua phải chực rụng xuống bàn: Mẹ ơi, khói ngợp thờ quá mẹ ơi! Tiếng chị Sâm quát khẽ: Im, ráng thêm chút nữa, đừng ồn. Lại một giọng nữa cất lên, giọng con gái: Đói quá mẹ ơi, cúng gì lâu thế?

Khói đám đông con cháu trước bàn thờ cha tôi từ từ thể nghiêm trang bỗng rục rịch, chuyển động tại chỗ, chỉ thấy phần trên. Vậy chắc cũng đủ để cha tôi thấy được sự ấm cúng hạnh phúc của gia đình nếu ông còn có thể nhìn thấy từ bức ảnh lồng kính, treo trên cao?

(...) Lễ cúng trôi qua chậm chạp như khúc bi ca lối nhịp và kết thúc bằng những cái vái lạy, vàng mã đốt khói um đầy nhà, muối gạo ném vãi trắng sân. Khách khứa đã tới gần đủ. Các chú bác,

những người thân trong gia tộc đầu hơn mười người được chị Đông sắp ngồi ở chiếc bàn tròn lớn ngay đầu hồi tây, nơi trước kia cha tôi và các chú bác hay ngồi nhâm nhi ly rượu, tách trà nói chuyện đông tây. Anh Đông và anh Ty thay mặt gia đình ngồi tiếp. Gian phòng khách ở dưới bày một bàn khác có má tôi, cô Sáu, các anh chị và hai mẹ con bà bạn chị Đông.

Thừa lúc mọi người không chú ý, tôi vẩy Khôi, con chị Sâm ra chỗ để xe. Thích quá, nó hét to: dạ để con tìm chiếc mũ. Tiếng la của nó khiến mọi người chú ý. Và vì tôi là nhân vật đang được canh giữ cẩn mật, nên khi tiếng thằng bé vừa dứt, chị Đông đã đứng sát cạnh như bà nữ cảnh sát hình sự đang tác nghiệp: Mày làm cái trò gì vậy, thằng khỉ? Tôi nghe hai hàm răng chị riết lại thành tiếng: vào nhà ngay. Khôi chưng hửng, nhưng chẳng kéo quần tôi, còn chị Đông thì ép sát người níu dây thắt lưng đẩy tôi vào nhà như đẩy tên tử tù lên xe cày. Thôi đành lòng vậy, tôi thâm nhủ.

Chị ấn tôi ngồi xuống chiếc ghế trống, giữa chị Khánh và chị Quế, đối diện với mẹ con bà Tư, cố ý để hai phía “đối tác” có thể nhìn rõ mặt mũi, cử chỉ của nhau. Chị Đông mào đầu bằng những câu nghi thức vòng vèo từ thời ông Bành Tổ, Khổng Tử rồi mới vào phần chính là trước ăn giỗ sau để quen biết, thân tình nhau hơn. Tôi xoay xoay cái chén trống trơn ước chi chị biến ngay thành đàn ông thì cái nhà này đỡ đi nhiều việc, ít nhất là không phức tạp hoá mọi chuyện. Bình thường, những khi cả nhà họp mặt đông đủ thì đến cả chén dưa, ghế đầu cũng rung rinh cười theo tiếng cười của tất cả mọi người, đến cả má cũng hào phóng tham gia. Còn bữa nay, phần bắt đầu theo nghi thức ngoại giao khiến không khí nặng nề; tiểu lâm như chị Quế, chị Sâm cũng ngồi cầm dưa giữ lễ.

Thấy chị Đông to nhỏ gì với bà Tư, tôi chợt nghĩ và đứng dậy cầm ly bia:

-Con mời má, mời chị Tư, mời cô và các anh chị...

Chị Đông giật thót người, thiếu chút nữa là đánh rơi đôi đĩa xuống đất. Chị há hốc miệng nhìn tôi rồi ngó lên trần nhà. Tôi thấy mặt chị tái đi đến tội nghiệp. Chị Quế huých khuỷu tay vào hông tôi, nói nhỏ “điên”. Tôi đá vào chân chị có vẻ hơi mạnh, chị đau suýt bật thành tiếng la, trong khi những ly bia cứ lừng lững trên tay một cách khó hiểu.

Thật lòng, tôi không có thành kiến gì với mẹ con bà bạn chị, nhưng do cung cách thái quá của người chị kiêm bảo mẫu khiến tôi trở thành thằng nhỏ thật sự. Giây phút đặng đặng trôi qua như những ngum bia đang ngất ngừ trôi lọt xuống bao tử.

Không khí vui vẻ được nối trở lại. Mọi người xúm vào vừa hỏi thăm mẹ con bà Tư vừa gấp thức ăn chăm chút cho hai người như cố xoá lấp phần lỗi không đáng có do tôi gây ra lúc này.

Giờ tôi mới để ý quan sát hai mẹ con bà bạn chị Đông. Bà ta trạc tuổi chị, lưỡng quyền hơi cao, đôi mày được chăm sóc quá kỹ khiến mỗi khi bà cười, các nếp nhăn dưới khoé mắt dính sát vào đuôi chân mày một cách khó coi. Có lúc tôi tưởng tượng phía đuôi mày là phần ngọn của chiếc cần trúc đang lòng thông với dây nhợ lưỡi câu bên dưới. Tuy vậy bà có duyên nhờ chiếc miệng lúc nào cũng muốn cười với tất cả những ai đang đối diện với nó. Cô con gái chắc bằng tuổi hoặc hơn Hà My – con gái đầu anh chị Đông – chút đỉnh; nước da màu bông bầu, mũi cao, mắt sáng, khuôn mặt trái xoan, phúc hậu; nhưng hình như phía dưới khoé mắt có nốt ruồi nhỏ bị cố tình che lấp bởi lớp phấn dày. Nếu quả thật đây là nốt ruồi thì cô ta bị liệt vào hàng ngũ của đám phụ nữ có số trích lệ khắp phu, theo như quyển sách tướng số phụ nữ mà tôi đã đọc ở đâu đó? Loại phụ nữ này, ngày xưa ông bà rất kiêng kỵ, còn thời nay có thể sẽ khác đi. Nhưng đó sẽ là cái cớ để thoái thác, để nói với mọi người rằng: tôi là con độc đinh, thuộc loại quý hiếm của gia đình cần bảo vệ, không thể biến tôi thành vật hiến tế dưới bàn tay cô ta được. Tóm lại là không thể vợ con.

Thật lòng mà nói, tôi không ác cảm gì với cô ta và cũng không thấy có điều gì làm xôn xang cõi lòng, chỉ thấy cô lẻ loi, tội nghiệp, khép nép trong không khí không bình thường.

Thấy tôi chú ý quan sát hai nhân vật đặc biệt trong bàn ăn, hết chị Quế rồi chị Khánh quay sang khuyến khích: Chị thấy đám này được đấy, chỉ cần tìm hiểu thêm tí tí... Chị cho 8/10. Tôi trả lời nếu 10/10 thì thành hoa hậu thế giới rồi. Chị Khánh: chị thấy má có vẻ hài lòng. Thì đó là cặp mắt xanh hay mắt hồng của má, tôi trả lời. Chị Khánh: vậy, chị cũng thấy con bé có vẻ hiền, em tìm hiểu từ từ. Mẹ đang mong có cháu nội đó, em biết không?

Cách nói của chị Khánh se se, ngùi ngùi giống anh thợ cày cầm chiếc dùi nướng đỗ trên lửa dùi từ từ vào ống tre tươi, kêu xèo xèo làm hoang mang cõi lòng. Tôi sờ chỗ bụng nhô cao của chị: ước chi chị là anh trai em nhỉ?

Cuối buổi tiệc, lúc người nhà dọn lên đĩa trái cây tráng miệng, tôi chồm người bóc múi bưởi chia về phía bà bạn chị Đông, nói trống: xin mời; một múi khác về phía cô gái, người mà chị Đông muốn mang về làm em dâu, nói: mời chị. Các chị cười ồ. Tôi là kẻ đổ mặt trước tiên chứ không phải cô gái và lúng túng làm đổ phần bia thừa trong ly vải ra bàn, bởi tiếng cười đồng loạt cất lên chia về hướng tôi giống như những mũi tên của các chiến binh thời Trung cổ xông trận vậy.

Tôi rút êm bằng cách giả bộ đổ ly bia ngã mang xuống bếp, đi vòng ra sau vườn. Liếp vạn thọ non đang đâm nhánh chẳng mấy chốc sẽ nở xoè những bông vàng rực. Vậy mà tôi không làm được điều mà má và các chị mong đợi.

Sao vậy?

NGUYỄN LỆ UYÊN



thơ

HOÀNG GIA CƯỜNG

CHIỀU HỒ TÂY

*Sương vấn vương gò treo lửng lơ
Chờ ai tóc liễu xoả bên bờ ?
Chiều xuân nắng hé màu hư ảo
Thấp thoáng thuyền xa trôi gần ngơ !*

2/1994

HOÀNG GIA CƯỜNG

CHÚ BÉ BÁN HOA MAI

ĐÀO PHẠM THÙY TRANG

Tôi có thói quen, cứ chiều 30 tết là rảo một vòng chợ xem bà con mình mua bán ra sao, đồng thời để chọn mua một nhánh mai về đón giao thừa. Tôi thơ thẩn hết dãy hàng này đến dãy hàng khác. Các chủ hàng vừa bán vừa tranh thủ thu dọn hàng. Chỉ có mấy chị bán hàng rong là còn ngồi chờ khách với mớ dưa hấu còn sót lại cùng đôi gói thèo lèo đã gãy ba, gãy tư, những gói bánh in đã bong hết lớp giấy màu đỏ thắm những mong bán hết...

Tôi lại bước đi trong ánh mắt thất vọng của những cô chủ hàng tre trẻ, nụ cười các cô không còn tươi như hoa khi thốt lời mời chào, có lẽ các cô cũng biết vài thứ hàng còn ế lại đến bây giờ chỉ mong bán vớt vát mà thôi nên ngại nở nụ cười chào khách. Tôi lang thang đến khu bán hoa, chợt nghe thoảng mùi khói hương lễ rước ông bà của nhiều gia đình, chà... không biết những gia đình đó rước ông bà như vậy là sớm hay muộn nhỉ? Liệu có rước phải "ông bà cùi" không? Tôi còn nhớ ngày tôi còn nhỏ, chỉ giúp mẹ được vài việc vặt thì mỗi năm cứ đến ngày 30 rước ông bà là mẹ hối như thúc rằng phải giúp mẹ làm thức ăn nhanh để cúng cho sớm, mong được rước ông bà lành, ông bà thơm, bằng không sẽ rước "ông bà cùi" cho xem. Vừa làm tôi vừa hỏi mẹ: "ông bà mình thì mình rước lúc nào chả được, bộ ông bà hồng nhớ nhà để về hay sao mà mẹ sợ? Mà bộ ông bà mình hồi đó bị... cùi hả mẹ?". Mẹ tôi giận đỏ cả mặt, thét bảo im rồi đuổi tôi đi nơi khác không cho làm giúp, còn tôi thì vô tư vì được tự do nô đùa... Cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu sao hễ rước muộn thì sợ... ông bà cùi.

- Chú... chú làm ơn mua giùm cháu nhánh mai này...

Một chú bé khoảng mười hai, mười ba tuổi mặc độc nhất chiếc quần cụt cũ sờn, trên tay là nhánh mai khá to nhưng đã héo rũ những nụ, cái sắc vàng he hé chờ được xoè ra đón giao thừa giờ đã cháy nám trông thật quái queo. Nếu nhánh mai này gặp đúng người sành điệu và bán được đúng lúc thì chắc thằng bé cũng có một số tiền kha khá. Tôi nhìn mai chăm chú khiến thằng bé mừng quýnh, nó nài:

- Chú... chú mua giùm cháu nghen chú? Cháu đi cắt về trễ buổi chợ nên nó héo như vậy đó. Chú mua giùm. Thương em cháu quá, nó cứ ước cái bóp lông nho nhỏ để đựng tiền lì xì mà mai héo như vậy làm sao bán được...

Rồi thằng bé chợt quệt nước mắt, gương mặt đen nhẻm giờ thêm dòng lệ lăn dài thật tội nghiệp làm sao.

- Thôi nè, nín đi. Nhánh mai này bao nhiêu chú mua cho.

- Dạ... hồi sáng này cháu tính bán ba chục ngàn nhưng giờ như vậy chú... cho cháu năm ngàn thôi ạ!

- Năm ngàn? Tôi trố mắt.

- Dạ... dạ... thôi thì bốn ngàn cũng được!

- Bốn?

- Thôi... chú cho cháu ba ngàn đi chú... Híc... híc.... Vậy là chỉ mua được cho bé Út cái bóp lông thôi, còn mình phải mặc quần cụt cũ đi chơi rồi. Thằng bé quay đi lẩm bẩm thật nhỏ nhưng cũng đủ hai người nghe.

- Nè chú bé, sao khóc hoài vậy? Tôi đồng ý mua rồi mà. Tôi ngạc nhiên là vì chú bán rẻ quá đó. Thôi, tôi trả em mười ngàn.

Thằng bé cầm tiền nhìn tôi trân trân, hình như trong mắt nó long lanh nước nhưng không phải lệ buồn. Bất chợt nó hỏi tôi giọng cất cao:

- Mà chú mua làm chi vậy? Nhành mai này héo hết rồi, đâu có nở được, nếu là cháu thì...

Trời đất! Tôi bỗng thương cảm cho sự thật thà quá đỗi của chú bé, thói đời, người bán cần người mua, họ có thể “lăng xê” cho món hàng của mình bằng cách “ca đủ bài” hầu bán cho được. Chứ ai lại...

- Ủ thì mai héo, nhưng không có mai tươi biết làm sao? Nhà tôi còn một gói mai giả, tôi đem nhành mai này về gắn bông giả lên, thế là cũng có một bình mai như ai thôi mà. Em đừng bận tâm.

- Vậy... nhà chú ở đâu ạ? Chú bé trở nên dạn dĩ hơn.

- Em hỏi chi vậy? Nhà tôi gần đây thôi, trên con đường này, cuối khúc quanh nhìn bên tay phải có căn nhỏ màu xanh...

- Cộc, cộc, cộc...

Chưa giao thừa mà người bạn nào đến “xông đất” sớm thế? Tôi đang lom khom dọn những đĩa mứt, bánh lên bàn thờ dù thật sự chỉ mới hơn mười giờ thôi, nhưng tôi thích mình có thời gian dài hơn để được ngồi bên bình trà điểm lại những được – mất của năm qua.

- ... Chú, chú ơi...

- Ai đó?

- Dạ cháu đây ạ... chú mở cửa cho cháu với...

- À, chú nhóc “mai” vào đi cháu...

- Dạ... cháu có đem tặng chú nhành mai tươi này...

Thằng bé đặt vào tay tôi nhành mai không to như nhành mai buổi chiều nhưng thật nhiều nụ căng tròn điểm xuyết vài phiến lá non xanh mướt.

- Sao em không để chưng? Tôi đã mua lúc chiều rồi mà?

- Dạ, nhưng đây là mai thật, cháu chừa lại nhà chưng, chiết cho chú một nhánh thôi mà...

- Ủ được rồi, tôi cảm ơn em nhiều lắm. Em ngồi chơi ăn mứt đi.

- Dạ.

Thằng bé ngồi bên chiếc bàn con, tay nó xoe xoe chông tập, sách rồi chợt hỏi:

- Chú... chú... thầy... là thầy giáo à?

- Ủ. À... mà sao em biết, em học lớp mấy rồi?

- Tại vì em thấy mấy quyển tập này nên... nghĩ vậy. Còn em không có đi học. Thằng bé bỗng đổi cách xưng hô.

- Sao em không đi học, như vậy thiệt thòi lắm đó.

- Em ở nhà phụ mẹ.

- Mẹ em làm gì, còn ba em đâu?

- Em hông có ba. Mẹ em đi làm mướn suốt ngày cũng không đủ nuôi hai anh em em nữa...

- Ba em mất rồi à?

- Còn sống nhăn hà thầy, nhưng ông bỏ đi mấy năm nay rồi.

- Vậy à?

- Ông nói “Vợ người ta để tiền để bạc, còn vợ gì toàn để con với để nợ” nên ông bỏ.

- Em đừng nói vậy chứ, có tội với ba đấy!

- Em nói dối để mang tội sao? Ông nói mấy chục lần em nghe hoài chứ bộ.

Mặt thằng bé bỗng trở nên chai sạm, gương mặt nó lúc đó không ai có thể nghĩ là mười hai, mười ba tuổi. Tôi cố nén tiếng thở dài...

- Thôi em à, chuyện qua rồi, năm mới bỏ chuyện cũ đi. Em ngồi chơi ăn bánh mứt với tôi một chút rồi về kêu mẹ và em mong. À... mà em thích đi học không?

- Thích lắm chứ thầy! Mắt em sáng lên – nhưng làm sao mà đi được, phải chi...
 Tôi hiểu từ “phải chi” của em không chỉ một nghĩa đơn thuần, nhất là ánh mắt của em sao mà tha thiết quá.

- Từ nay, ban ngày em phụ giúp mẹ, ban đêm em tới đây tôi chỉ cho biết đọc biết viết. Tôi bảo chú bé “mai”.

- ...

- Em đừng lo chuyện tập vở, tôi cho em được mà. Em về thưa với mẹ, tôi cũng sẽ đến nói ít lời cho mẹ em đồng ý, nhé!

Thằng bé không nói thêm lời nào mà nhìn tôi bằng ánh mắt hàm chứa cả sự ngạc nhiên, thích thú, cảm ơn và xúc động khôn cùng. Riêng tôi buổi chợ chiều hôm nay sao mà ý nghĩa quá.

ĐÀO PHẠM THÙY TRANG



thơ

HỒ CHÍ BỮU

XUÂN THÌ THÂM

Tóc đang ngắn, nhưng sẽ dài trở lại
 Mái tóc thê xưa anh đã nâng niu
 Em vẫn thế, với nét buồn hoang dại
 Đã làm anh ngơ ngẩn biết bao chiều

Phố mùa xuân đang ngập ngừng đếm bước
 Khi em qua hoa lá cũng thẹn thùng
 Anh cũng thế – ngập ngừng – ai biết được ?
 Nói điều gì.. nhưng tim đập run run

Phố mùa xuân rất nhiều tà áo lụa
 Nhưng chỉ áo em đẹp nhất trên đường
 Nhiều má hồng, nhưng má em hồng quá
 Má em hồng hay tại nắng vương vương

Anh làm thơ nên cả đời mơ mộng
 Những mộng mơ đem chứa cả ga đời
 Lòng khinh bạc nhưng vẫn hoài hy vọng
 Nắng bên trời và nắng sẽ hồng thôi..

HỒ CHÍ BỮU

KẸ ĐÁNH CHUÔNG TRÊN ĐỀN THƯỢNG

PHÙNG PHƯƠNG QUÝ

Anh gằm gù trong cổ họng. Nhất định tao phải lên đền Thượng đánh chuông báo động. Loạn hết cả rồi. Chị liêu xiêu chiếc xe đạp buộc thúng xôi đằng sau, lách qua chiếc cổng hẹp. “Rồ vừa vừa thôi. Trông nhà cẩn thận cho tôi còn đi bán hàng. Lôi thôi là vào *tâm thần* đấy”. Chị nhón lên xe, lằm bằm. “Hoà bình ba vạn chín nghìn ngày rồi mà lúc nào cũng báo động với bắn súng. Khổ!”. Chẳng biết lời than khổ cho ai? Cho chị, hay ông chồng thương bệnh binh là nhân viên bảo vệ vừa nghỉ mất sức.

Anh quay vào nhà, mở chiếc đài bán dẫn ở đầu giường. Giọng con bé phát thanh viên léo nhéo đến ghét. Anh mở tiếp dàn loa thùng, hết cỡ. Tiếng nhạc bass đập uỳnh uỳnh muốn đẩy bung bức tường. Anh vung tay, hét lên. To lên! To nữa lên! À, còn chiếc ti vi. Tao mở ra nốt cho chúng mày thi giọng nhé. Chương trình VTV3 đang phát “chúng tôi là chiến sĩ”, anh em lính trẻ, quân phục gọn gàng đang múa hát tưng bừng. Anh cũng mở hết volumn. Hát đi anh em. Hát to lên cho chúng nó chạy trốn hết đi. Con mẹ ấy nó không nói đùa đâu. Bây giờ mà bị đưa vào bệnh viện tâm thần thì sợ lắm. Mớ âm thanh hỗn loạn làm anh dịu bớt nỗi bức rứt.

Tôi tuổi con ngựa, ưa đi chỗ này chỗ kia. Ai tới nhà chơi hỏi thăm tuổi anh thường nói thế. Hai thằng con trai học hành như cú. Tốn bao nhiêu tiền học thêm, học ném mà ngu vẫn hoàn ngu. Tụi nó mang gien mẹ. Ngày xưa, anh là học sinh giỏi nhất trường. Tốt nghiệp cấp ba xong, một lúc nhận hai giấy gửi về xã. Một giấy gọi đi du học ở Tiệp, một giấy gọi nhập ngũ. Anh chọn đi lính. Xong chiến tranh đi học cũng được chứ sao. Lý tưởng thanh niên thời đại là được cầm súng chiến đấu. Mấy cô bạn gái tiễn anh ra điểm tập trung nhận quân như tiễn một người hùng, mắt cô nào cũng đỏ hoe. Lính pháo binh vào được đến chiến trường Tây Nguyên đã là chiến công lớn. Vậy mà toàn núp kín một chỗ, mãi năm “bảy tư” mới ì dưng được ba trận ở Kon Tum thì anh bị thương. Nhưng mà nhất định sẽ chiến thắng. Buổi chiều ấy nằm dầm mình dưới sông Sa Thầy, anh nhìn lên trời thấy một màu đỏ rực, màu chiến thắng. Đồng đội thấy anh gào thét vùng vẫy dưới sông thì chạy xuống kéo lên. “Chiến thắng rồi! Chiến thắng rồi các đồng chí ơi. Bác Hồ muôn năm!”.

Trưởng phòng bảo vệ nhà máy giấy ngán nhất là khi thằng nhân viên nửa tỉnh nửa điên của mình vào phòng. Chẳng bao giờ nó nói được chuyện gì tử tế. Cũng chẳng bao giờ nó “nộp sù” cho trưởng phòng hàng tháng, vì thằng này không biết kiếm chác, cơ hội, cứ thẳng băng mực tàu mà làm việc. Thậm chí nó còn lên văn phòng, đập bàn ầm ầm. “Cuộn dây đồng 30 cân tôi nộp để đây, giờ đâu rồi? Kẻ trộm bỏ chạy mất, thì phải lập biên bản chứ. Giờ biên bản các anh không lập. Tang vật thì biến mất. Thế ra thêm một kiểu ăn cắp à?”. Phải vừa nịnh vừa giải thích mãi nó mới chịu về. Rồi Công ty giải quyết cho thằng bảo vệ ấy về nghỉ mất sức. May quá là may.

Hình như ngồi mãi một chỗ thần kinh con người ta nát như, hưởng hồ anh bị ảnh hưởng vết thương sọ não. Về nghỉ được ba tháng thì anh phát bệnh, vợ con hốt lên xe cứu thương cho vào bệnh viện tâm thần. Khỏi bệnh, anh về quê ven bờ sông Lô, chuyển hết đồ đạc trong ngôi nhà của

cha mẹ để lại, mang lên thị trấn. Bàn thờ, hoành phi, câu đối, bộ phản kinh, chiếc điều bát cổ của ông nội... Bà vợ chỉ biết lắc đầu. Chị cực kỳ tốt tính khi chăm sóc chồng. Chẳng gì cũng hơn chồng 4 tuổi. Ngày trước mê anh thương binh đẹp trai giỏi toán nên bằng mọi giá cho anh chàng vào tròng. Giờ người ta bệnh tật mà bỏ bê thì còn gì tình nghĩa. Chị làm cấp dưỡng cho nhà máy giấy. Hàng ngày không mất tiền ăn, còn mang đủ thứ thừa thãi đem về nuôi chồng và nuôi lợn. Hôm ấy vợ vừa ra khỏi nhà, anh ra ngõ gọi người đến bán tổng đôi lợn thôi thôi. Xong rồi, ra chợ thị trấn, gặp ngay con mẹ đi xe đạp chở hai sọt đồ gốm. Bác mua lọ hoa, chó sứ hay mua gì? Bát hương này đẹp, lại rẻ, bác mới lập bàn thờ? Mua tất! Mua tất! Chở cả xe này về nhà cho tôi. Con mẹ kia ngạc nhiên, sợ bị lừa. Lỡ thằng cha đưa mình về nhà rồi cưỡng hiếp thì sao? Nhưng rồi con mẹ đỏ mặt xấu hổ. Minh lòi thôi, lệch thẹo như con rô hoa mướp thế này, ai nó thèm. Anh quát to. Cô sợ tôi không trả tiền à? Nào! Hết bao nhiêu tôi trả luôn, nhanh lên cho tôi còn sắp xếp. Nhìn nắm tiền anh dí vào mặt, con mẹ kia lúng túng. Thôi thì vào nhà bác đã, em mới tính giá từng loại được.

Anh bày các loại bình, lọ, chó, sứ tử ra giữa nhà. Gần hai chục cái bát nhang được xếp theo từng bậc thang từ tầng hai xuống đất. Khói hương nghi ngút. Anh cởi trần, mặc độc quần đùi ngồi ở bậc thang cuối, cười thoả mãn. Chợt thấy vướng víu ngang bắp đùi, anh ngó xuống thấy *thằng nhỏ* thò đầu ra khỏi ống quần. Đầu tự nhiên nóng tung tung. Thằng mất nét, còn ló mặt ra làm gì nữa. Bấy, tám năm nay mày như pháo gậy nòng, có đánh trận nào đâu. Mà có đánh đồn thì cũng chẳng nên hồn. Hai thằng con mày sản xuất ra ấy, toàn lũ ngu. Đại học đéo gì mà sáu năm chưa xong. Tuần nào về cũng xin tiền. Nứt mắt ra đã gái gú. Tại mày! Tại mày! Tại mày! Anh giận dữ đập tan một bình hoa, cầm mảnh vỡ cửa diên loạn vào cục thịt mềm oặt. Máu chảy lênh láng làm anh nổi hứng. Tao cắt mẹ mày đi cho yên chuyện. Anh tụt quần vứt bỏ, đập hết bình này, lọ kia, vỡ được mảnh vỡ nào là cào cứa. Nghe tiếng la hét của anh, hàng xóm điện cho chị vợ về gấp. Anh lại bị tổng vào bệnh viện tâm thần.

Mỗi ngày anh phải uống 24 thuốc ngủ. Lượng thuốc đủ tiêu một mạng người bình thường, nhưng anh chỉ chợp mắt được vài tiếng đồng hồ. Người anh khô quắt, mắt lồi ra, uống nước như cợn. Lúc nào lên cơn là anh bỏ nhà đi chơi. Thường là chạy lên nhà chị bạn gần đó, nói huyền thuyên cả buổi, uống hết hai phích nước. Bà là giáo viên mà chả hiểu gì cả. Sắp loạn rồi. Sắp đến ngày tận thế rồi. Bán hết đi, cho hết đi. Này! Tôi cho bà chiếc đồng hồ "thủy quân lục chiến". Năm bảy năm tôi mua ở Đà Nẵng đúng một chỉ đấy. Thường lúc đó, chị bạn có kinh nghiệm cắt cơn cho anh rất hiệu quả. Cậu ngó qua xem con bé nhà chị nó học hành thế nào. Anh mừng rỡ nhận lời ngay. Đâu? Mang vở ra tao xem nào. Mày học Trung văn hay Nga văn? Cháu học Anh ngữ cậu ạ. Anh ngữ thì bố tao cũng chịu. Phương trình này giải sai rồi con ơi. Này! Mày có nhớ định lý Pitago không hả? Bình phương cạnh huyền bằng tổng bình phương hai cạnh cơ mà. Dốt! Dốt! Học hành thế này phí tiền phí của con ơi. Cô gái phục sát đất "ông rô" vẫn nhớ vanh vanh các định lý, quy tắc đại số, hình học, vật lý... Sau đó thì khóc tướng lên vì bị chửi. A! Mày khóc là sợ tao rô chứ gì? Còn lâu cậu mới rô con nhé. Mày chê tao rô thì tao về. Anh hằm hằm quay ra.

Hôm nay anh lại thấy bút rút trong người. Khốn nạn! Hai thằng con cùng lúc đòi mẹ chuẩn bị tiền cho chúng nó đi thực tập. Thực tập gì mỗi thằng xin ba triệu đồng? Bố chúng mày mỗi tháng được có hai trăm bảy tiền trợ cấp thôi. Khốn nạn! Hình như bà vợ chĩnh chu của anh có bồ. Đi đâu chả nghe người ta rì rầm nhức óc. Bà ấy đang kỳ hồi xuân. Anh thì nằm mình, tu gần chục năm rồi. Chiều qua thấy bà ấy son phấn, diện quần áo đẹp đi mãi đến tối mới về. Tham lam! Ông thầy chủ nhiệm cũ của anh ngày xưa giờ đã 70 tuổi mà còn tham lam. Về hưu thì ở nhà mà trông cháu. Cậy con gái làm giám đốc công ty thủy lợi lắm tiền, loe xoe đứng ra mở trường tư thực. Dạy đâu chưa biết, dân kêu ca còn quá chửi quân buôn gian bán lận. Học hành gì mà mỗi năm thu hàng tấn thóc của con nhà nông dân. Lại còn nghe ông thầy mèo mỡ với con bé văn thư bằng tuổi cháu ngoại. Bểng hoại hết. Giả dối hết. Lại thấy dưới quê, mất cha nó chính quyền xã. Chủ tịch, hai phó chủ tịch, cán bộ địa chính...thằng vào tù, thằng bị cách chức, kỷ luật, còn trơ lại mỗi Bí thư đảng uỷ. Thế thì làm cái đếch gì được nữa. Tham gì mấy đồng tiền chính sách của dân cơ chứ. Mị dân, lừa đảo. Nhức đầu quá! Phải như còn khẩu đội pháo 105 ly, anh kê vào đầu bắn cho mỗi thằng một phát. Lại còn mấy đứa học sinh thi nhau nhảy xuống sông tự tử nữa. Sướng quá hoá cuồng. Đồ cướp công cha mẹ. Chúng mày bức xúc điều gì? Oan ức điều gì? Bố chúng mày đây ba mươi năm công tác giờ mỗi tháng chỉ có mấy đồng phụ cấp, có thêm kêu ca đâu. Phải báo động chiến đấu thôi. Báo động số một. Anh em đâu hết cả rồi? Mới tùm tùm chơi tiền lên, giờ trôn đi đảng

nào? Phải gọi tất cả chúng nó về, cả thằng sống lẫn thằng chết. Anh đập tung cánh cổng sắt, chạy băng qua sân vận động của công ty đầy cỏ và rác. Nhảy qua một con mương, tiếp tục vượt qua đồi bạch đàn. Đỉnh núi xanh thẫm ngay trước mặt, nhanh nhanh lên còn kịp. Anh thở khò khè, hen tặc cổ họng.

Khắp nơi rậm rịch ngày lễ hội. Dọc con đường dưới chân núi, người ta đang dựng tạm những quán ăn che bạt, hoặc xây những ki ốt bằng ván. Băng rôn đỏ căng ngang đường “*Dù ai đi ngược về xuôi...*”. Pa nô vẽ hình tượng cha Rồng, mẹ Tiên dựng khắp bốn ngã về đền. Lối lên núi, mỗi nhát chổi tre chăm chút từng bậc đá. Ở những điểm nghỉ chân, mấy nhà vệ sinh bằng xi măng giả gỗ xanh đỏ tím vàng, đứng chen chân với rêu phong cũ. Anh cố lết đến cổng đền Thượng, nắm vật ra thêm đá, ngáp ngáp cái miệng cá ngáo ra thở. Anh chồm dậy, lao về phía ban thờ lộ thiên, trên đó có mấy quả táo và chai nước lọc. Nhanh lên! Sức mạnh thần bí trong người vực anh dậy. Chiếc chuông đồng nặng nề buông dưới mái ngói cong. Anh lấy hết sức vung cái chày gỗ.

- Boong! Boong... Boong!

- Boong! Boong...Boong!

Âm đồng trầm vang, dội vào cây lá. Chốc lát, cả khu rừng náo loạn vì tiếng chuông ba nhịp. Tất cả chim chóc, con người xung quanh núi chững lại, ngơ ngác, rồi hoảng hốt như nghe lại tiếng chuông báo động thời mấy chục năm trước, mỗi khi có máy bay địch tới ném bom. Ông thủ từ khăn áo tã tời, trong hậu cung lao ra. Lạy trời. Lạy phật. Có hoạ rồi. Sao lại có người đến đánh chuông lúc đang trưa thế này. Từ bao nhiêu năm nay có ai làm thế đâu? Nhà anh kia! Sao lại đánh chuông? Sức vóc ông già không giằng được cái chày ra khỏi tay kẻ hoang tưởng. Ông buông ra! Phải báo cho mọi người biết. Sắp loạn rồi! Sắp loạn rồi! Ông già chỉ còn cách chạy ra mép sân, gọi vọng xuống. Các chú công an ơi! Các chú công an ơi! Có người làm loạn. Giúp tôi với. Một người to béo, trạc năm mươi tuổi, mặc áo ba lỗ, quần màu cỏ úa, chui ra từ trong chiếc lều che bằng vải bạt xanh. Ông ta cũng vừa phát hiện tiếng chuông dồn dập trên đền Thượng. Vừa chạy vừa thở lên bốn chục bậc thang, người công an sững người khi nhận ra anh. Ôi giờ ời! Ông bảo vệ. Sao lại lên đây đánh chuông? Anh cũng nhận ra viên thiếu tá cảnh sát bảo vệ hay vào tăng cường trong nhà máy. Tôi nghỉ mất sức rồi. Thích đi đâu thì đi. Thôi đánh thế được rồi, xuống chỗ tôi uống nước. Từ ngày ông nghỉ, chẳng lúc nào mà ngồi với nhau. Anh buông chày gỗ, nghiêm khắc chỉ vào người viên thiếu tá. Muốn làm việc với tôi, phải đúng điều lệnh đội ngũ. Ăn mặc thế này à. Quân hàm, quân hiệu đâu? Viên thiếu tá hơi bực mình. Có hai cậu lính trẻ cũng vừa chạy lên, nên thiếu tá dừng đỉnh quay xuống. Thằng này đây hả thủ trưởng? Anh lập tức bị bẻ quặt tay ra phía sau, lúi xệch xuống đền. Ôi! Loạn rồi! Đánh chuông báo động đi. Đ. mẹ chúng mày. Đau tay tao quá.

Từ dưới chân đền ngược lên, một vị sư già thông thả bước. Chiếc áo dài, khăn đội đầu và cả chiếc túi khoác trên vai cùng một màu đà nhẵn dẹt. Màu đà thấp thoáng, lẫn vào không gian núi rừng. Vòng tràng hạt nhỏ trên bàn tay trắng bệch từng nấc, từng nấc. Xoay. Bậc đá cao, sắc mặt vị sư già tịnh không chút mỗi mết. Tràng hạt vừa xoay xong một nấc, sư già dựng cảnh giăng cò, la hét. Thấy anh nhăn mặt đau đớn, sư già chấp tay đứng lại, chắn ngang bậc đá đi xuống. A di đà phật! Xin hỏi chính quyền bắt người này vì tội gì ạ? Cậu lính trẻ cau có. Tội phá rồi trật tự trị an. Lên đền đánh chuông loạn cả lên. Sư hỏi làm gì? Thừa...đánh chuông trên đền sao có tội ạ! Mà thừa chính quyền, người này sắc diện không bình thường, đang bị bệnh rối loạn nội tâm. Xin phép cho nhà chùa được bảo lãnh. Anh đứng im không vùng vằng nữa, dịu đôi mắt đục ngầu. Bạch sư thầy vẫn khoẻ chứ ạ. Ba năm nay, con chưa về quê nên không vào chùa thăm sư thầy được. Rồi vắn mắt nhìn hai cậu lính. Sư thầy trụ trì chùa cổ An Đại ba trăm năm dưới quê tao đây. Đừng có hỗn. Hai người lính phải chờ sự can thiệp của viên thiếu tá. Ông ta bước tới, trên người bây giờ đã gọn gàng áo xống, quân hàm vàng chói. Sư thầy mới lên đền ạ. Thiếu tá cất tiếng chào. A di đà phật! Nhà chùa mới tới đây. Xin chính quyền cho nhận lại người này được không ạ? Thôi được! Sư nhận thì tôi yên tâm. Thả ông ấy ra.

Hai bóng người quay trở lên đền. Bóng anh liêu xiêu, tấp tễnh bên cạnh bóng vị sư già tự tại ung dung. Buổi trò chuyện với vị sư già trên đền Thượng kéo dài hết buổi chiều. Anh xuống núi, được sư già thuê xe ôm đưa về nhà. Vợ anh khóa cổng ngoài. Hàng xóm nói chị khóc cả ngày, nháo nhác vì không tìm thấy anh. Hình như chị đi trình báo công an rồi.

Anh không mở loa đài âm ỉ nữa, cũng không nổi cơn đập phá. Nhưng mỗi ngày vẫn phải uống 24 viên thuốc ngủ. Bà vợ vẫn đi bán xôi buổi sáng, lo việc nhà buổi chiều. Anh nhấc thằng cháu trên Hà Giang gửi về cho mấy cân chè tuyết. Buổi sáng, trời thánh ba se lạnh. Anh ngồi khoác chiếc áo bông lính cũ, vừa uống trà, vừa lẩm nhẩm đọc sách. Không phải những cuốn tạp chí cũ loè loẹt hình ảnh thiếu nữ mặc áo hai mảnh. Đó là cuốn *Kinh Nhật tụng* vị sư già tặng anh lần gặp gỡ ở đền Thượng. “ **Phật từ lực, chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng, nhược lâm mạng chung, tự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo...** ”. Anh bảo đó là bài kệ *Sám Nhất tâm*. Ngày nào cũng lẩm rầm đọc, chẳng biết có ngộ ra điều gì không!?

Trại sáng tác Vũng Tàu tháng 5/2012

PHÙNG PHƯƠNG QUÝ

thơ



DUNG THỊ VÂN

TÔI ĐẾM MÙA XUÂN

Tôi đếm mùa xuân giữa cuộc đời
Người xưa biền biệt nẻo mù khơi
Câu thơ vỡ vụn trên màu tóc
Lạnh lẽo đông về lá vẫn rơi
Mùa xuân ai đếm chiều luống tuổi
Nẻo đợi chờ hoa nắng rơi rơi
Đò dọc đò ngang miền ký ức
Về thôi anh biển tím mắt người

Rũ áo ngày xưa thay tóc rối
Men hương còn lại thoánh phai phôi
Quay đi ngoánh lại mờ năm tháng
Ô hay xuân lại thắm vành môi

DUNG THỊ VÂN

CHUYỆN HOA

THÂM TÂM

TRUYỆN VIẾT 73 NĂM TRƯỚC

Đôi lời về Tác Giả :

Thâm Tâm tên thật là Nguyễn Tuấn Trình, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1917 tại thị xã Hải Dương (nay là thành phố Hải Dương), tỉnh Hải Dương.

Xuất thân trong một nhà giáo nền nếp, thuở nhỏ, từ năm 1938, ông học tiểu học ở Hà Nội, từng vẽ tranh để kiếm sống. Từ những năm 1940, ông tham gia viết báo, viết văn và thường được đăng tải trên Tiểu thuyết thứ bảy, Ngày nay, Tiểu thuyết thứ năm và Truyền bá quốc ngữ... Ông từng thử sức trên nhiều thể loại nhưng thành công hơn cả vẫn là thơ. Thơ Thâm Tâm có nhiều giọng điệu, khi buồn da diết, khi trầm hùng, bi tráng, khi reo vui...

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Thâm Tâm tham gia văn hóa Cứu quốc, ở trong Ban biên tập báo Tiên Phong (1945-1946), sau đó ông nhập ngũ, làm thư ký tòa soạn báo Vệ quốc quân (sau là báo Quân đội Nhân dân).

Ông mất sau một cơn bệnh đột ngột ngày 18 tháng 8 năm 1950 trên đường đi công tác trong chiến dịch Biên giới, được đồng đội và nhân dân địa phương mai táng tại Bản Pò Noa, Xã Phi Hải, Huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng.

Thâm Tâm nổi tiếng với bài thơ Tống biệt hành. Sinh thời ông chưa in thơ thành tập. Sáng tác thơ của ông được xuất bản năm 1988 trong sưu tập Thơ Thâm Tâm.

Ngoài ra, Thâm Tâm còn có 3 bài thơ Gửi T.T.Kh., Màu máu Tygôn, Dang dở. Đây là những bài thơ tình hay nhất của Thâm Tâm gởi cho thi sĩ bí ẩn T.T.Kh. trong năm 1940. Trong các bài thơ, ông tự nhận là người tình cũ của T.T.Kh. Một số người còn cho rằng chính ông là T.T.Kh. Tuy nhiên, vẫn không ai biết chính xác là như thế nào.

Thâm Tâm được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2007

Hoa có rất nhiều loài, và nhiều thứ hương, sắc. Gặp ngày Tết hoa càng quý-giá hơn, bán được đắt lên gấp bội. Vì có những nhà quanh năm không chơi hoa, không biết đến hoa là gì, như một sa-mạc không biết đến bóng dừa, mà gặp dịp tết nhất, cũng chuốc mua được ít bông tươi-thắm để trang-hoàng trong phòng khách hoặc trên bàn thờ.

Cuộc đời không khô lạnh quá, một phần nhờ về màu-sắc. Cho nên ở đâu có hoa và ánh-sáng, là có sự vui sống rồi-rào. Thơ Đường ca-tụng về hoa, có câu rằng: "Cứ vô-tình thế mà cảm nỗi người, nếu lại biết nói thì có thể nghiêng được nước." Vốn có bản-chất linh-diệu ấy, nên hoa thường được các thi-nhân bảo là có hồn. Và mỗi khi ta nhớ lại một câu thơ nào có nhắc đến hoa, là trong trí lại hiển-hiện ra một hình người đẹp, mà màu hồng của má của môi, và của ngực đều làm bằng tất cả hoa!

Nên hoa lại ngon nữa! Cổ nhân thường nuốt từng nắm hoa mai, mà bảo: "để cho hàn-hương thấm rửa vào trong phế-phủ". Và kể riêng một thứ cúc đã có công dụng trong việc ẩm-thực nhiều rồi. Song ở đây, là những giờ trà dư tửu hậu. Thở hơi ấm của tân-xuân, và hưởng cái nhàn-nhã của vài ngày Tết, người ta có thể tỉ-mỉ thăm ngắm đến từng cánh tinh-vi.

Hoa lan bao nhiêu thức, ai sành chơi lắm mới nhận hết được đủ các giống. Nào Trần-mộng hoa đỏ, Mặc-lan hoa đen, Động-lan hoa phớt tím, Hội-diễm hoa trắng có chấm hồng, Hạc-đỉnh hoa như đầu hạc, còn thi Đại-kiều, Tiểu-kiều, Bạch-ngọc, Kiến-lan, Phong-lan, Hoàng-lan, vân vân... thứ giồng trong chậu, thứ để vào lẵng treo quanh giàn, mỗi hạng một vẻ và một mùi hương... Nhưng tựu trung, thường quý vì đắt tiền, và chỉ các cụ già hay chơi, một có là mất công lau vuốt rất tỉ-mỉ. Lan có giáng quý-phái và cổ-diễm, như những người tóc bạc phong-lưu. Mùi hương thường kín đáo như một đời ẩn-dật.

Những cánh hải-đường đỏ thắm, nụ chum-chúm từng núp ngon lành, và hoa trở lá-lời. Hãy nhẹ bàn tay, đừng dập-vùi thái quá, đừng gió mưa thái quá! Đây là một người gái đẹp không tiếc gì ta, đây là những giọt máu hồng; đêm tàn, rụng theo vài cánh máu. Bước chân xéo qua, quên đi...

Hoa cúc mang nhiều tên như lan: Bạch-hạc, Kim-bàn, Đại-đóa, Bạch-my đỏ có, tím có; thứ thì cánh bằng như xén, ấy là Cam-cúc; thứ thì nhỏ li-ti, ấy là Kim-cúc; và thứ cánh xoắn lại, thứ cánh thẳng đều, dày hoặc thưa... Hương thơm hắc, nhưng ý-nghị và kín đáo, như những thiếu-phụ khéo tề-gia nội-trợ, trang-diễm sơ-sài, mà rất giữ bền tình yêu như hoa rất lâu tàn-tạ.

Phù-dung chỉ có hai loại: một là Bát-diện, nhiều cánh và tươi màu; một nữa là Tam-sắc, vì hoa nở ra thoát sáng sắc trắng, càng về trưa càng hồng gắt, và đến chiều nhạt dần đi mà rụng. Vì hoa sống có một ngày, như kiếp phù-du, làm cho người ta nghĩ đến những sự chóng-vánh, những sự kết-liếu một đời non yếu! Cánh hoa yếu-ớt, mong-manh như tàn-lực mấp-máy trên đôi môi còn nồng hơi sữa một đứa trẻ ấu-thơ...

Những bông cầm-chượng, cánh như cắt bằng gấm, lụa, hoặc trắng như băng sương, vàng như nắng thu, hay là hồng của buổi lê minh, và ngà-ngà của một thứ mây giáng... Người ta bảo đây là một bầy gái nhỏ khoe áo trước gió xuân!

Hoa dạ-hợp thì chờ đến nửa đêm, kêu tách ra một tiếng, rồi bùng nổ trong chớp mắt. Nở xong, rất chóng rụng. Đừng bảo loài ấy tượng-trưng cho những cuộc xum vầy. Đây là đời những chiếc pháo nổ lên mà tan xác! Đây là đời anh-hùng mà yếu mệnh!

Hồng thì đại-khái có hồng bạch, hồng đơn, hồng quế, hồng nhung, vân vân... vừa trang-trọng, vừa kiều-diễm như một nàng hoa-hậu kiều-sa. Song cũng không giấu nổi cái buồn của bóng chiều.

Rồi đến thủy-tiên, cốt trắng như băng thanh ngọc khiết, lá xanh là những giải áo, và nhụy là những chiếc khăn vàng. Cái huyền-ảo của toàn-thể trước khói-hương, nhắc lại sự tích nàng Lý-phi-tiên bị dân làng mê-tín đem dâng cho Hà-Bá dưới sông Dương-tử; sau Phi-tiên chết, hóa thành những củ nở hoa, người ta gọi là Thủy-tiên. Cũng còn một tích khác nữa: có một nhà chia gia-tài, con lớn tranh hết phần em. Con út tủi thân ra ngồi khóc ở bờ sông. Bỗng có ông lão tóc bạc hỏi duyên-cớ rồi cho một thứ củ trắng bảo đem về trồng mà sinh-nhai, lại xưng tên là Thủy-tiên. Sau củ đó nở hoa, lấy tên ông lão đặt cho. Nhằm dịp tết, thiên-hạ thấy hoa đẹp, đua nhau mua bày chơi. Rồi sau thành lệ.

Ngày tết, thịnh-hành nhất, còn hoa mai và hoa đào, bán từng cành. Hoa mai đậm-bạc như một kẻ thanh-bần, song cao-khiết, những nhánh khẳng-khiu nhắc đến những thân-hình gầy yếu vì phong sương. Hoa đào cũng những cánh nhỏ như mai, song sắc đỏ thắm, và cũng có một sự tích:

Tại thôn Nhuệ-cái thuộc địa phận Hàng-châu, có gã Vương-sinh lấy vợ họ Đào rất đẹp. Vương yêu hoa thường cùng vợ vào rừng núi tìm những hương-sắc kỳ lạ. Một lần, gặp tết Nguyên-đán, hai người du xuân rồi nghỉ bước trên bờ suối, Vương chỉ cho vợ ngắm bóng nàng soi xuống dưới nước, và chàng ước có một thứ hoa đẹp như nàng, màu hồng tươi như màu áo đang mặc của nàng. Đào-thị mỉm cười, hứa đến lúc chết, thế nào cũng hóa ra loài hoa đó, để làm đẹp lòng chồng.

Không ngờ lời hứa nhằm giờ linh, nên ít lâu, Đào-thị mắc bệnh từ trần. Vương đem táng ở bờ suối. Về sau, suốt bờ suối mọc đầy một thứ cây, vào khoảng tháng chạp thì nở hoa, quả-nhiên màu hồng như sắc áo cũ của Đào-thị. Vương nhớ lời vợ, ngắt mấy cành về cắm lên bàn thờ và gọi tên là hoa đào. Mọi người trong thôn thấy hay cũng bắt chước. Sau vì thôn đó sản ra giống hoa ấy, mới nhân thế mà đổi thành là Đào-hoa-thôn.

Câu chuyện hoa xuân tới đây là hết. Những bó hoa sau mấy ngày tết, từ trên bình rơi xuống đồng rác... Không ai như các nhà thi-sĩ đọc trên cánh hoa những hình-ảnh xa vời, hay bóp nát ra vì một hờn giận đâu đâu! Không, hoa chỉ đến cho người ta ngắm những màu tươi, rồi hoa lại đi... Hoa đi như một nàng ca-kỹ hát xong ở một đám tiệc vui, rượu đã cạn hồ, tiếng cười đã hết...

BÙI ĐẸP sưu tầm

MÙA XUÂN Ở TRÊN CAO

MANG VIÊN LONG

Cứ một ký lô cọng lá dừa được vuốt sạch-Hiên mua lại với giá năm ngàn đồng. Mỗi ký cọng lá dừa, Hiên bó được ba cây chổi. Mỗi cây chổi đem ra chợ bán được năm ngàn loại tốt, và bốn ngàn loại thường. Hằng ngày vợ chồng Hiên ngồi suốt từ sáng sớm đến tối mịt, mỗi người bó được từ 15 đến 20 cây chổi!

Hiên thường nhận làm chổi lá dừa-còn Mân-chồng nàng, nhận làm chổi dó; vì chổi lá dừa dễ làm, nhẹ nhàng, và cũng “dễ ăn” hơn. Dó mua vào 350 ngàn đồng một ký, nếu được chọn vuốt chải ngay ngắn sạch sẽ trước, thì mỗi ngày Mân bó được 20 cây. Giá bán có 3 loại: Loại đặc biệt bán giá 22 ngàn đồng, loại tốt giá 20 ngàn, loại thường giá 17 ngàn đồng một cây. Hiên đã có lần tính thử, cứ một ký dó sẽ kiếm được một trăm ngàn đồng tiền công lãi. Mân đã có lúc làm quên trưa, một ngày bó được 20 cây! Trong hai chục cây chổi ấy-anh phải chia cho lão Năm- Bụng và dì Sáu hết hai chục ngàn đồng cho mỗi người một ngày tiền công còng lưng vuốt dó, làm sạch-sắp xếp ngay ngắn cho anh. Ngày đầu gọi lão Năm -Bụng và dì Sáu đến giúp- Mân nói với vợ: “Mình chia sẻ cơm cháo cho Bác Năm, dì Sáu nghe em? Mình kiếm được miếng cơm, thì hai người cũng có bát cháo mà! Còn con Nghĩa, thằng Tình-mình nên để cho con nó có thời gian mà học... Đòi tụi mình đã lỡ vậy-không lẽ để con cả đòi cầm đầu xuống mấy cọng dó, cọng lá dừa? Nhìn thấy tụi nó cầm cúi vào bó dó suốt ngày, anh không yên tâm được em à!”

Hiên ngược nhìn chồng với tia nhìn yếu ớt, chậm-vì nỗi buồn lo trĩu nặng và nhiều đêm thức khuya bên bó chổi trong ánh đèn điện tròn đỏ quạch:

- Em cũng đã nghĩ vậy mà! Hiên thở dài-tháng Chạp này công việc nhiều, chổi bán được-chúng không thể kham nổi đâu?

- Ăn uống thì quanh quẩn chỉ có mắm, với rau, thức khuya dậy sớm vậy, anh ngại Tết chúng đau thì thêm khổ!-Mân tiếp tục buột dây nhựa quanh bó chổi đang làm dang dở...

Lão Năm -Bụng sống một mình nơi góc phía sau hiên đình làng từ ngày vợ lão mất vì bệnh xơ gan! Lão đã phải bán đi thửa vườn và căn nhà tranh còn lại để trả tiền nợ đã vay lo chữa chạy thuốc men cho vợ từ nhiều tháng trước. Trả nợ xong, còn một ít để làm vốn kiếm ăn thì đưa con trai duy nhất lưu lạc ở Saigon nghe tin đã trở về gằm gù hạc sách lão rồi lấy hết khoản tiền còn lại mới chịu ra đi! Lão Năm buồn. Ngã bệnh-và chiếc bụng của lão ngày một lớn lên. Hàng xóm thường gọi tên thứ Năm của lão kèm theo chữ “ Bụng” để phân biệt với lão Năm- Kèn trong ban tang lễ của đình.Cả hai đều sống chui đụt hai bên ngôi đình làng như đôi bạn chí cốt-như hai đám rong bèo tình cờ bị trôi dạt vào chân cầu ...

Tình cảnh của dì Sáu cũng thật cay đắng: Trước, nhà dì cũng thuộc loại khá giả trong thôn. Ruộng đôi ba mẫu. Vườn cây ăn trái vài hecta. Vợ chồng dì sớm chiều trà thuốc thông dong một thời. Sau năm 75-ruộng thì giao nộp cho hợp tác xã,còn vườn cũng được “ hiến” để xây cất nhà kho . Gia đình dì Sáu được cấp cho một khoảnh đất ở cuối thôn. sau lưng ngôi trường tiểu học. Ông Sáu xin vào làm cai trường , còn dì Sáu thì hằng ngày với mẹt bánh kẹo cốc ổi ngồi trước cổng trường, kiếm từng đồng bạc lẻ của đám học sinh nghèo khó!

Hai cậu con trai của dì Sáu dần dà cũng đều tốt nghiệp đại học-nhưng cả hai đều ở lại Saigon kiếm việc làm, tìm người yêu , mua đất cất nhà- không đứa nào chịu về quê để gần gũi sớm hôm với vợ chồng dì cả! Sau ngày Ông Sáu mất vì cơn đột quỵ khi vẫn còn cầm trên tay cái dùi đang đánh trống tan trường-Cậu con trai trưởng về đem dì Sáu vào Saigon sống chung. Ai cũng vui mừng cho dì từ đây có cuộc sống an nhàn, hạnh phúc bên dâu con, cháu nội ở Saigon. Nhưng chỉ vì cái “ tật” nhỏ của dì để là cái cớ cho người con dâu hắt hủi dì ra mặt- Dì Sáu có “ tật” ghiền thuốc lá từ ngày còn ông Sáu bên cạnh. Mỗi lần muốn hút thuốc, Ông Sáu đều nhờ vợ mời lửa rồi đưa cho mình. Dì làm việc chăm thuốc cho chồng một cách thích thú, âu yếm.Còn ông Sáu thì hã hê nói hút thuốc vậy mới ngon. Vài năm sau-khi sinh thành con đầu, dì đã ghiền thuốc rồi! Ông Sáu mất-dì càng hút thuốc nhiều hơn.Có lần dì đã nói với Hiên: “ Dì biết đàn bà hút thuốc là hư hỏng,nhưng sao mỗi lần ngồi không, nhớ dượng mày-dì lại nhớ điệu thuốc ? “ Dì cười hồn nhiên: “ Đêm đêm dì ngồi với điệu thuốc như thấy có ông ấy bên cạnh vậy, cháu á! “. Chính vì cái “ tật” không rút bỏ được ấy mà người con dâu đã nặng lời với dì nhiều lần, để rồi dì phải lầm lũi trở về, sống cô độc trong căn nhà rách trước đột sau: “ Bà có đủ thói hư tật xấu vậy-không thể sống chung với tôi được đâu!”. Người con trai nghe lời vợ nói sang sảng ngay trước mặt mình-cũng chỉ im lặng. Dì đã khóc: “ Mẹ biết mẹ không còn xứng đáng với con-con cho mẹ về quê để gần gũi với bà con làng xóm được ngày nào hay ngày ấy, con ạ! “. Không sống được trong nhà của người con trưởng, dì khó có thể về ở chung với người con trai thứ vì người con dâu đã có lần nói thẳng với dì ngay ngày đầu mới chân ướt chân ráo vào Saigon: “ Mẹ liệu ở chơi vài hôm rồi về-ở đây sinh hoạt đả đở, mà tụi con còn phải lo cho con ăn học chi phí nhiều nữa, không gánh nổi thêm ai được nữa! “. Dì ngồi nghe mà nước mắt cứ rưng rưng- lòng điệp lặng; cảm thấy toàn thân như mềm nhũn đi- tan rã ra . Sau phút bàng hoàng như tia điện cực mạnh quét qua người-dì chỉ cười thầm-nghĩ, đất Saigon nhà cửa rộng rãi sang trọng vậy mà cũng không có một chỗ nhỏ nào cho mẹ mình?.Những thứ tiện nghi trang hoàng sang trọng đẹp đẽ kia đã choáng hết chỗ rồi? Chỉ với mẹt bánh kẹo, cốc ổi ngày nào cộng với chút tiền bồi dưỡng cho một lao công hạng bét-vợ chồng dì đã “ công” nổi hai đứa con qua bao tháng năm cơ mà?

Hiên loay hoay xếp lại nắm tiền nhàu nhò đang cầm trên tay-thoáng nở nụ cười mơ hồ trên gương mặt đờ đẫn vì mất ngủ.Hôm nay là phiên 18-còn 2 phiên chợ nữa là hết năm rồi! Hai phiên 23 và 28 là tiền lời rỗng mà vẫn còn gần một trăm cây chổi nữa...Những phiên giáp Tết-Hiên vừa đặt gánh chổi xuống lề đường phố chợ là người mua xúm lại -Hiên tất bật chào mời không kịp thở. Có người mua chổi cho cả năm vì kiêng đầu năm không mua được. Có người vừa về nhà mới-cũng mua.đến chục cây mỗi loại. Hiên cảm cúi với đồng chổi nắm tiền trong tay mặc cho khu chợ náo nhiệt với đủ thứ âm thanh rộn ràng của xe cộ, của mấy chiếc máy phóng thanh quảng cáo áo quần modern khuyến mãi-bánh kẹo, bột giặt, kem đánh răng - của mấy chiếc loa xách tay keo dính chuột , bột chùi đồng,bấm lỗ tai...Hiên dường như luôn mãi mê với những toan tính trong đầu mặc cho cái nắng đổ xuống mỗi lúc một gay gắt làm nóng bừng khuôn mặt , mặc cho mồ hôi chảy ròng ròng xuống đôi má xanh xao không kịp lau, mặc cho mọi người nhộn nhịp se súa áo quần lướt qua lượn lại phía trước, và cũng mặc cho mùa xuân đang réo gọi đâu đó quanh mình.

Hiên chỉ cảm thấy đói cồn cào trong ruột. Nàng ngược nhìn quanh một lượt như để tìm cái gì có thể mua ăn được, nhưng chỉ thấy toàn là người đông nghịt, chen chúc-nàng cảm thấy ngầy ngật-hơi chóng mặt, và cơn buồn nôn bắt đầu dấy lên-nhẹ nhàng. Đêm qua, Hiên đã gắng thức làm cho đến khi nghe tiếng gà gáy lần đầu sau nhà mới thu xếp công việc chui vào giường nằm. Mân trở giấc ôm hôn nàng thật lâu làm nàng không chớp mắt được. Một phần chân trái của Mân đã bị mất sau trận Dakto năm nào thường xuôi Hiên thao thức mỗi lần được Mân âu yếm, đòi hỏi! Một phần chân anh đã bị mất đi lâu rồi-có lẽ đã tan thành cát bụi ở bìa rừng hốc núi nào rồi nhưng nỗi buồn tủi cứ vẫn còn đeo đẳng suốt đời anh. Sau 75- nhiều người đã nhìn ngó vào khúc chân còn lại của anh như nhìn vào điều gì đáng ghê tởm. Nhiều lần gia đình Mân đã bị từ chối không cho nhận phần cứu trợ cấp cho gia đình nghèo vì không nằm trong diện “chính sách” để đền ơn đáp nghĩa. Hiên vì thế càng thương yêu cho nỗi bất hạnh của Mân như thương yêu cho chính bản thân cô cút cô độc hẩm hiu của mình. Nhớ năm nào- Mân tình cờ gặp Hiên tất tả diu dặt hai đứa em chạy ngược lên phố tránh bom đạn khi hiệp định Paris đang chuẩn bị ký kết. Sau đó không lâu, anh tìm lại căn nhà của người bác mà Mân đã giúp đưa chị em Hiên đến tạm trú để xin được hỏi nàng làm vợ. Cha mẹ Hiên đã ở lại quê mong giữ chắc hai bồ lúa vừa mới gặt phơi khô chưa kịp ăn một hạt, đã không còn nữa cùng với ngôi nhà cháy rụi! Người bác đã hoan hỉ đứng ra tổ chức lễ cưới cho Hiên nhanh chóng ngoài dự đoán của Mân. Ông bảo: “Chiến tranh mà cháu! Sống với nhau sớm được ngày nào thì mừng ngày đó! Thời của tụi bay sao mà khổ hung dữ vậy? Bác miễn hết mọi lễ lộc, chỉ cần cháu yêu thương đùm bọc chị em con Hiên thật lòng là quý rồi!”. Gần hai năm sau-tháng giêng năm 75, Mân bị thương ở Dakto. Và anh đã được trở về cùng Hiên trên cặp nạn gỗ...

Sáng nay Hiên ra đi sớm khi Mân và hai con chưa thức dậy- chưa có chút gì bỏ vào chiếc bụng trống từ sau bữa cơm chiều vội vã. Hiên buột mấy cây chổi còn lại thành bó lớn-đặt tam lên lề đường-chệnh choạng bước vào phía trong cổng chợ kiếm một cái gì để ăn...

Hiên cầm hai cào xe kéo phía trước-Tình và Nghĩa phụ đẩy từ phía sau. Chiếc xe cải tiến mua lại của HTX đã phế bỏ, Mân ra sức sửa sang mấy hôm- cũng đã giúp cho mẹ con Hiên nhiều chuyện như sáng nay. Chiều hôm qua, được nghỉ học-ngồi lán la nghe mẹ vừa bó những cây chổi cuối cùng cho phiên chợ cuối năm-vừa nhắc kể chuyện Tết-hai anh em Tình đều nao nức xin mẹ được đi coi chợ phiên Tết 28....

-Mẹ đã hứa đến phiên chợ cuối năm cho hai đứa con được đi theo mà, mẹ?-Tình thỏ thẻ -mắt nhìn dò xét vào khuôn mặt ưu tư im lìm của Hiên.

-Đúng rồi- Nghĩa reo lên, Mẹ cho tụi con phụ đẩy xe nhé?

Tình giật nhẹ bàn tay Hiên-“Sáng nay con nghe ba nói sẽ chở chổi lên chợ bằng xe cải tiến vì mẹ không gánh chổi một mình được hết mà?”.

Hiên dùng tay-nhìn thật chậm vào đôi mắt của Tình rồi đến Nghĩa-nàng như nhìn thấy trong đôi mắt thơ ngây của chúng mùa xuân vẫn còn trong trẻo, nguyên vẹn. Tuổi thơ của chúng thật hồn nhiên nhưng cũng thật lặng lẽ. Hiên ước mong nỗi khổ không đến quá sớm với chúng như bao lũ nhỏ đang lang thang trên các nẻo phố chợ mà nàng vẫn thường gặp. Hiên mừng thầm- khẽ cười: “Phiên cuối năm, phải dùng xe-nhưng hai con theo mẹ làm gì cho mệt? Mẹ kéo một mình cũng được mà? Một khúc nào, mẹ nghỉ khúc đó- Hai đứa ở nhà chơi, phụ ba quét dọn, tưới hoa-có khỏe hơn không?”

- Còn đến ba ngày tha hồ dọn dẹp mà, mẹ?-Tình cố nài nỉ.

- Anh Tình noi đúng đó mẹ-Nghĩa lại kéo tay Hiên, nhà mình có gì đâu mà để quét dọn?

Thật tình là ngôi nhà tranh vách đất nền lát gạch thẻ của vợ chồng Hiên không có gì để quét dọn cả! Nó trống trải với mấy thứ vật dụng cần thiết cứ càn nằm im lìm từ thuở nào-như cuộc đời trống trải đơn độc không mấy đổi thay của họ bấy lâu..Chạy lo cho miếng ăn, manh áo,bút mực, thuốc thang cho gia đình qua ngày đã là khó rồi-lấy gì mà sắm sửa?. Hiên nhìn thấy sự nghèo khó của mình đã phần nào không che dấu được đôi mắt thơ trẻ của con-nàng vui vẻ: “Được rồi! Nhưng phải dậy sớm nghe chưa? Phải ăn no vào thì mới đẩy xe được-nếu không hai đứa còn làm nặng thêm xe của mẹ nữa thì bỏ phiên chợ...”

Buổi sáng. Gà gáy canh tư...

Chiếc xe của mẹ con Hiền đã qua được khỏi con đường hẻm lầy lội tăm tối, rẽ qua con đường bê tông rộng dẫn lên quốc lộ. Con đường sáng lờ mờ. Chiếc xe lọc cọc lọc cọc gõ đều trong buổi sớm còn ẩm đục hơi sương gây gây lạnh. Người đi chợ gồng gánh, thồ chở, thấp thoáng trong cỏi im lặng của đất trời cuối Chạp như những bóng ma chập chờn nhẩn nại trên đường. Không có một tiếng nói nhỏ nào trong cái vắng lặng buồn tênh của buổi sớm mai miền thôn dã. Ai ai cũng chật kín nỗi lo, toan tính trong chiếc đầu đã mụ mẫm cả tháng nay rồi! Tết gần kề mà mưa gió vẫn chưa nguôi. Hai cơn bão lũ dữ dần nối tiếp 9 và 10 đã quét sạch cả sự nghiệp gầy dựng cả đời của nhiều gia đình mà mới chỉ ngóc đầu lên là đã thấy Tết đến! Người mất đi vừa tròn một trăm ngày chưa nguôi buồn thương thì xuân lại về! Trên đường, chỉ có tiếng gió. Gió khua động hàng tre hai bên đường nghe rõ từng chập, ào xào-như lời thì thầm của làng xóm còn đang mê ngủ trong nỗi bàng hoàng bão lũ vừa đi qua. Tình cảm thấy hơi nóng râm rang trong người, mồ hôi cũng bắt đầu thấm ướt hai bên gò má. Tình cầm cúi dang hai tay đẩy mạnh xe để phụ cho em-nghĩ, phía trước mẹ chắc cũng đã thấm mệt lắm rồi! Chợ còn bao xa?-Tình muốn cất tiếng hỏi mẹ-nhưng sợ chiếc xe sẽ nặng thêm, chạp mất buổi chợ phiên cuối cùng.

Tiếng Nghĩa bỗng vọng lên bất chợt:

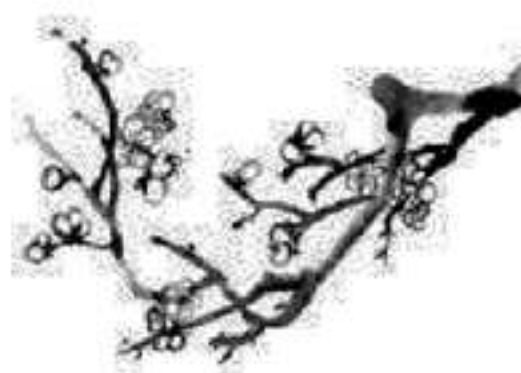
- Mẹ ơi! Có phải phiên này mẹ mua áo quần mới cho con không?
- Ủ!
- Mua cho con đôi giép nữa nhé? Giép cũ của con bị đứt quai lâu rồi!
- À...
- Anh Tình có được mua đồ Tết không, mẹ?
- Có!
- Mẹ mua bánh kẹo như nhà con Minh nữa chứ, mẹ?
- Ủ!
- Mẹ có mua gì cho ba không?
- Có!
- Mẹ mua gì?
- Để mẹ bán được hết xe chổi này rồi sẽ tính, con à!
- Nếu mẹ bán không hết thì sao?
- Gắng ngồi đến chiều, thế nào cũng hết mà con !
- Mẹ có mua gì cho mẹ không?
- Không!
- Sao mẹ không mua đôi giép? Đôi giép mẹ đứt quai lâu rồi mà?
- Mẹ cột lại....

Nghĩa im lặng. Nó cầm cúi gắng sức đẩy- nghe hơi thở mình nặng nề, thoi thóp trong lồng ngực. Chiếc xe đã trườn lên mặt quốc lộ lọc cọc lọc cọc tiến vào khu chợ tràn ngập ánh điện. Nghĩa ngược nhìn lên bầu trời thấy đã ửng chút nắng- từng đám mây xám vẫn vũ còn sà thấp bay lơ lửng trên đầu...

Nó chợt cảm thấy mùa Xuân hình như còn ở khuất trên ấy-rất xa-trên cao...

Quê nhà, những ngày vào xuân...

MANG VIÊN LONG





thơ

BÀNG ÁI THƠ

KHÚC TÌNH XUÂN

Mùa xuân từ đất trời
Hoà vào lòng người
Hoà điệu nhạc hồn tôi
Âm thanh mùa xuân
Tìm vào im lặng
Âm hưởng nhân lên
Thoảng trong mưa xa
Tan trong khoảng vắng
Tôi ngồi suy tư
Những gì chất chứa
Nốt nhạc tình mùa xuân
Thì thầm tìm vào trú ngụ
Tim tôi hát lời thơ
Trong tôi đá tan hoà
Từ điệu âm quyến rũ
Tình xuân, tình người
Với khúc nhạc lòng giao thoa !

BÀNG ÁI THƠ

KHOẢNH KHẮC CUỐI NĂM

BÍCH NGÂN

Chị không tập trung lo cho bữa cơm chiều như mọi ngày. Cứ bồn chồn. Có thể do trên đường về nhà chị đã hít thở được hơi hướm của lễ tết: chợ hoa mọc lên, đèn hoa giăng mắc, cây cảnh (thiệt và giả), dưa hấu, quần áo, giày dép...tràn ra lề đường và dòng người vốn hối hả càng thêm hối hả.

Làn gió se lạnh vờn đuôi đám cây lơ thơ sau nhà. Gió còn rút luôn những chiếc lá chưa kịp ngả vàng. Lá xanh, lá úa lão đảo chơi vơi rồi rơi xuống đất. Tim chị bỗng đập dồn. Chị nghĩ tới cái khoảnh khắc run rẩy như cổ bám vào cành của những chiếc lá. Lại nghĩ đến những giới hạn, nghĩ đến những cuộc hành trình. Đến và đi. Mất và còn. Và chị nghĩ đến bà ngoại.

Chị vẫn nghĩ đến ngoại. Không về thăm được thì chị gọi điện thoại và vẫn được nghe giọng nói quen thuộc, vẫn biết được ngoại thường uống loại thuốc gì, biết bà ăn uống ra sao và đôi khi cũng nghe được buồn vui của ngoại. Nhưng, trong chị đang có điều gì đó, cứ thôi thúc, là phải được gặp bà, đừng do dự, đừng trì hoãn như có lần chị chậm trễ và mãi ray rứt.

Đó là hồi đầu năm, cũng vào lúc trời chạng vạng như vậy, chị nhận được điện thoại của một người bạn. Anh bảo anh nhập viện mấy hôm rồi, ngày mai sẽ lên bàn mổ, anh linh cảm...Chị át tiếng anh, bảo anh đừng nghĩ tào lao, rằng anh khỏe như một vận động viên, lại có nụ cười hiền, có cái tâm bồ tát, anh sẽ thọ hơn ông Bành. Chị nghe anh cười, nhắc lại là anh muốn gặp chị...Chị chuẩn bị vào thăm anh thì trời đổ mưa. Cơn mưa trái mùa, bất chợt mà dai dẳng. Chị lưỡng lự nhìn mưa, hình dung ra sự bức bối ngột ngạt khi mặc áo mưa mà phải chụp cái nón bảo hiểm lên đầu, rồi đường xá ùn tắc, nước ngập ngụa...Chị ngại ra đường trong gió mưa, đành gọi điện thoại, hẹn anh hôm sau. Hôm sau, chị vào thì anh đã chìm vào hôn mê và vĩnh viễn ra đi.

Cơm nước xong, chị không ăn, đeo cái túi vào vai. Con gái chị cản: "Mẹ vào bà cố giờ này làm sao về kịp?". Chị bước ra cửa, nói: "Về không kịp thì mẹ ở lại, ngủ với bà cố của con một đêm."

Ý định ở lại, ngủ với bà ngoại một đêm khiến chị thấy rưng rưng. Đã lâu thật lâu, chị quên đi, hay đúng hơn là đã lờ đi cái nhu cầu được nằm ngủ bên ngoại, được hít thở mùi vôi mùi trầu oi oi, được sờ nắn bàn tay gầy guộc nham nhám đôi môi, và được thủ thủ với bà như ngày nào.

Ngày nào...cách đây đã có đến mấy chục năm. Hồi đó, chị và các anh chị em con các dì, mỗi khi được về thăm ngoại, đứa nào cũng nài nỉ cha mẹ để cho mình được ở lại chơi với ông bà. Ông bà và đám cháu thường quây quần bên bếp lửa bập bùng. Bếp lửa vừa xua muỗi lại vừa làm cái lò nướng. Từ bếp lửa, than hồng được ngoại cời ra. Lúc nào mùa nào ông bà cũng có sẵn nhiều thứ để đặt lên mớ than hồng: tôm, cua, cá... nhiều hơn cả là bắp và các loại khoai (khoai lang, khoai mì, khoai từ...). Mùi cá chín, tôm chín, cua chín, khoai chín, bắp chín...bốc lên, lan tỏa, thơm lừng. Được ăn nóng, ăn ngon rồi lại được nằm trên bộ ván ngựa kê giữa nhà, được nhõng nhẽo, được bà gãi lưng, vuốt tóc và bao giờ cũng được nghe ngoại hát ru. Giọng ngoại nghe thật buồn. Chị nhớ hoài những câu: "Chồng chài vợ lưới con câu. Sông Ngô bể Sở biết đâu là bờ", hay: "Con cò mà đi ăn đêm. Đâu phải canh mềm lộn cổ xuống ao...", rồi: "Mẹ già như trái chín cây. Gió đưa mẹ rụng, con rầy mò xôi"...Nhiều lần chị vừa nghe vừa thút thít khóc và rút sát vào ngoại. Lời ru buồn, giọng ru buồn khiến mặt mũi người được ru ướt nhèm nhưng trong lòng lại thấy ấm áp, thấy được che chở, được đủ đầy chứ không bơ vơ thân cò, không lênh đênh trôi dạt.

Và vui nhất là được về ngoại vào những ngày cận tết. Nhà ngoại sực nức mùi thơm. Mùi rơm rạ, mùi lúa chín, mùi cốm dẹp, mùi bánh phồng, mùi bánh bông lan nướng...

Hương vị ấy như vẫn còn phảng phất, thì chiếc xe máy chị điều khiển rẽ sang con đường chạy dọc bờ sông. Con đường ngập ngề nước. Nước dâng từ mặt sông. Mặt đường chìm dần dưới nước. Chị dừng xe, xắn cao ống quần, rồi chạy tiếp. Xe chạy thêm một đoạn, chết máy. Chị nhảy xuống xe. Dắt bộ. Nhiều người cũng như chị. Lầm lũi, lúc dắt, lúc đẩy. Nước nhiều lúc dềnh lên thành những con sóng mỗi khi có ô tô, xe khách hay xe tải chạy qua. Nước cũng ghì chiếc xe chị lại. Tay mỏi, chân ngấm lạnh, trời tối dần, chỗ sửa xe...không biết có hay không, đột nhiên, chị thấy cay cay nơi sóng mũi. Chị muốn gọi "ngoại ơi!" nhưng không thốt ra lời.

Chị giữ lại tiếng gọi ngoại trong lòng rồi gồng người, đẩy xe, đi tiếp.

Chị tin, bằng linh cảm, ngoại sẽ nghe được tiếng gọi của chị. Chắc bà đang lọ mọ đi ra đi vào, trông ngóng. Bà sẽ lui cui nhóm lên bếp lửa. Rồi chị sẽ được hong đôi chân tái lạnh bên ngọn lửa của ngoại.

Rồi chị lại được ủ ấm. Và mãi được ủ ấm bằng tình yêu thương của ngoại.

Ngoại ơi!

BÍCH NGÂN



thơ

ĐINH HƯƠNG

RƯỢU XUÂN

*Rót ra lưng chén rượu đào
Mời nhau uống cạn ngọt ngào, đắng cay
Nửa đời biết chúc gì đây
Chúc nhau mãi được tháng ngày bình yên.*

ĐINH HƯƠNG

ĐÊM GIAO THỪA Ở PHIỀNG SA

HUY ĐỊNH

Tết này là tết thứ hai Bình có mặt ở Phiềng Sa. Căn phòng nhỏ được bà con trong bản làm cho cô giáo Bình ở gọn và xinh xinh. Từ cửa sổ Bình thỏa sức thả tầm mắt nhìn xuống thung lũng trắng hoa Mơ, hoa Mận. Cứ cuối mùa Đông khi sương giăng trắng núi Nùng là bắt đầu hoa nở. Hoa nở chỉ chút, cảnh nọ nối cảnh kia, cây đan cây thành rừng và một màu trắng muốt kéo dài như trải tấm phong trắng khổng lồ. Hai bên đầu nhà có hai cây Đào gốc to như cây khế ngọt ở dưới quê Bình. Những cành đào mọc thếch, khẳng khiu tua tủa ngủ im qua ngày đông giá lạnh và bất chợt một sáng cuối năm lộc xanh nhú, nụ đơm chúm chim và gặp nắng bùng nở những cánh hoa phơn phớt hồng mới đẹp làm sao. Bình đang kê lại chiếc bàn nhỏ, cô đặt lọ hoa làm bằng ống bương và cắm chiếc hoa chuối rừng đỏ như ớt, ngấm ngấm. Tiếng hát từ chiếc đài cũng nhỏ xíu đang thao thiết trong câu kết của Bài ca trên núi : “..Rừng núi kia chỉ có hai người, hai người yêu..yêu...nhau...”...

- Cô giáo Bình à, trưa nay xuống ăn cơm với bố đấy !

Bình ló ra cửa, Bố Sùng A Múa trưởng bản đã bước đến thềm. Tay bố cầm con gà trống, tay kia cầm chai rượu đứng nhìn Bình trân trân.

- Sao bố không vào lại cứ đứng nhìn thế ?

Bố thấy nhà cô giáo hôm nay nhiều tranh đẹp, nhiều hoa đẹp lạ mắt lắm mà!

- Phải trang trí để đón Tết, đón bà con, đón học sinh đến chơi chứ !

Bố Múa ngồi xuống ghế, nói sang sảng :

- Cô giáo à, năm nay cô giáo ở lại với bản đón Tết là vui lắm. Bố mang cho cô giáo gà và rượu đây. Bố biết dưới ở xuôi đêm giao thừa hay thắp hương cầu may mắn cho một năm bằng gà non và rượu mà . Thế bao giờ anh cán bộ của cô giáo lên ? Bản Phiềng Sa của người Mông ta sang năm mới chắc sẽ có nhiều lộc lắm đấy !

Bình nhìn theo bước chân của ông trưởng bản Phiềng Sa thấp thênh trên con đường đá, lòng cô như vơi những ưu tư tràn nặng lúc ban chiều. Nhà Bình ở thành phố. Tốt nghiệp cao đẳng sư phạm Bình lên Phiềng Sa dạy học. Mỗi học kỳ Bình ghé về thăm mẹ được đôi lần. Nhà có hai anh em, anh Biên vào tận Vũng Tàu công tác và lấy vợ ở luôn trong đó. Bố Bình là sỹ quan hải quân ở tận Trường Sa. Mấy năm rồi, năm nào ông về ăn Tết là hoa Đào đã rụng hết. Tết năm ngoái Bình không về được vì tại cái chân đau. Sau buổi tan lớp, đêm Bình theo học sinh đi chào bà con trong bản để về quê thì chẳng may vấp ngã. Thế là ba ngày Tết cả bản mất vui vì cái chân cô giáo sưng vù. Thịt, bánh và bao nhiêu thức ăn ngon bà con đem đến chất đầy trên bàn. Khi mọi người về rồi, Bình nằm khóc sưng cả mắt. Không điện thoại, không có người về xuôi Bình nằm trách mình, lo cho mẹ ở nhà. Bình nằm đợi mùa Xuân, thẫn thẫn chờ giao thừa trong tĩnh lặng của bản nhỏ nơi rừng đá xa xăm, heo hút. Mừng ba Tết, Bình đang chống gậy đứng ở cửa thì hai chiếc xe máy lách trên con đường đá ngoằn ngoèo lao đến. Nhìn thấy anh Biên, Bình mừng quỳnh. Anh trai Bình trách khéo :

- Tao tưởng mày vui với núi bỏ mẹ một mình. Hóa ra lại nên nông nổi này hả em ?

Bình cứ đứng như trời trồng và ứa nước mắt vì vui buồn lẫn lộn. Khi anh Biên bấm nhẹ vào vai, đưa mắt về phía anh bạn. Bình then đỏ cả mặt, lấy tay lau vội những giọt nước mắt còn hoen trên má. Anh Biên giới thiệu :

- Đây là Thành-kỹ sư đường ống làm cùng anh. Thành quê xa, năm nay anh rủ về ăn Tết với nhà mình cho vui. Chờ mãi cô em, càng chờ càng mất hút. Thôi chuẩn bị đi, anh em mình về !

Mới vậy mà một năm đã qua đi, một mùa Xuân mới đang đến với Bình, với Phiêng Sa. Tháng trước Bình nhận được thư của Thành, anh hứa năm sẽ ra Bắc và lên ăn Tết cùng cô ở nơi sương thăm, núi đá chon von này. Hôm nay đã là ba mươi Tết sao vẫn chẳng thấy bóng anh. Tuần trước Bình về thăm và xin phép mẹ ở lại ăn Tết với học sinh và bà con trong bản. Mẹ bịn rịn dặn dò con gái cứ như ngày Bình mới lên Phiêng Sa dạy học :

- Con phải chú tâm dạy con cháu người ta thật tốt thì họ mới quý. Người vùng cao họ không ưa nói hay cái miệng đâu mà phải làm được cái hay để người ta nhìn thấy con ạ !
Bình ôm lấy mẹ, thì thầm :

- Con gái mẹ lớn khôn rồi, mẹ đừng lo nhiều. Con là cô giáo dạy giỏi của huyện đấy, năm học mới con phần đầu là giáo viên giỏi cấp tỉnh cho mẹ vui !

- Nếu con nghĩ và làm được như thế thì mẹ mới cho đi lấy chồng!

- Còn lâu, con còn học tiếp đại học mấy năm nữa cơ mà !

- Cha bố cô, lấy được bằng đại học thì sắp ba mươi tuổi, đến lúc ấy còn ai nó ngó tới. Không khéo trở thành bà cô thì mẹ xấu hổ lắm !

Bình đang tủm tỉm cười một mình vì sự lo lắng vô cớ của mẹ, bỗng nghe tiếng trẻ xôn xao. Nhìn qua cửa sổ, Bình thấy một lũ học sinh đang chạy theo xe máy của Thành, trống ngực cô đập thành thịch. Bình cầm chiếc gương soi qua quýt khuôn mặt đang ửng đỏ. Vứt gương xuống, Bình thay vội bộ quần áo ngủ. Cô luống cuống y như học sinh mở vở xem trộm bài lúc kiểm tra.

- Cô giáo ơi, có khách xa đến đây này !

Bình bước ra sân, Thành hồn hên toét miệng cười :

- Anh không lên ăn Tết, em có buồn không ?

Bình dặt tay thẳng Sùng A Mí, Sùng A Sinh, Sùng A Sáng vào nhà, giọng nhẹ tênh :

- Anh không lên, em vẫn vui vì có bao nhiêu học sinh, có bà con ở Phiêng Sa đón về nhà, đúng không các em ?

Tiếng đáp “ Vâng ạ ” của bọn trẻ kéo dài phá tan không gian tĩnh lặng chiều cuối năm trong căn nhà nhỏ của Bình ở ven rừng...

Đêm ba mươi Tết vùng sơn cước đẹp tựa một bức tranh. Những bóng điện ở sân các ngôi nhà trong bản lung linh lẫn với sương mờ. Tiếng nước từ con suối Sao trên núi Nùng dội vào vách đá như một bản nhạc không dứt. Năm nay bản Phiêng Sa được mùa ngô, mùa chè, mùa dong nên nhà nào cũng chuẩn bị Tết to lắm. Trước cửa nhà văn hóa của bản điện giăng thành chùm như những vì sao nhấp nháy đủ màu. Thành và Bình chen vai cùng các chàng trai, cô gái người Mông trong trang phục còn thơm mùi sáp. Tiếng khèn réo dặt gọi bạn tình cất lên từ các nẻo đường. Tiếng cười giòn tan, ánh mắt con gái Mông lúng liếng đưa tìm bạn trong ánh điện lúc mờ, lúc tỏ. Đêm đón giao thừa ở Phiêng Sa vui như ngày hội. Bình dặt tay Thành đến giới thiệu với trưởng bản Sùng A Múa, bí thư chi bộ Vừ A Tín. Bố Múa vỗ vai Thành, nói thật vang :

- Thế này thì cô giáo Bình vui lắm rồi, không buồn như Tết năm ngoái nữa đâu. Bà con bản Phiêng Sa mình quý cô giáo lắm đấy !

Bí thư chi bộ Vừ A Tín cũng hồ hởi :

- Cán bộ Thành thấy Tết người Mông ta có vui như dưới xuôi không. Nhờ Đảng, nhà nước bảo cho người Mông Phiêng Sa biết làm giàu mà không cần cái cây anh túc. Nhà nào cũng nhiều tiền do bán chè, bán dong, bán hoa quả. Nhà nào cũng nhiều gà , lợn nên Tết càng vui mà !

Đêm đã về khuya, hai người chào bà con bản trở lại gian nhà ấm cúng ven rừng. Song Thành vẫn còn mông lung bởi tiếng khèn, câu hát, hình ảnh chiếc ô xoay tròn trong tay cô gái người Mông duyên dáng. Anh thủ thỉ với Bình :

- Thế mà người ta bảo người Tết người Mông chỉ có rượu và rượu làm vui. Người Mông ăn Tết, đón Xuân còn phong phú hơn bọn anh ở cơ quan đấy. Con trai người Mông khỏe mạnh, cường tráng, thổi khèn rất hay. Con gái Mông xinh ời là xinh, múa dẻo quá em nhỉ ?

- Anh Thành bắt đầu mê vùng cao từ lúc nào đấy?

Một nụ hôn đầu nhẹ lên má Bình và một giọng nói thầm ngọt ngào xua tan giá lạnh :

- Từ ngày Xuân năm ngoái gặp em !

Bình dạo dục, cô ngả mái đầu thơm mùi hương lá cây mới gội lúc chiều vào vai Thành. Cứ nghĩ đến người phải vượt cả ngàn cây số lên với cô, Bình ghi lấy anh thổn thức :
- Đừng quên em, đừng quên đêm nay ở Phiêng Sa anh nhé !

Tiếng reo của chuông nhà thờ vang lên từ chiếc ra đi ô, báo hiệu giao thừa đến. Một khoảnh khắc bình thường của thời gian nhưng với Bình đêm nay sao thiêng liêng là thế. Bình tựa hẳn người vào ngực Thành, vòng tay anh cũng ôm trọn lấy thân thể mềm mại của cô. Hai người cứ đứng như thế giữa khoảng sân nhỏ ngấm đất, ngấm trời Phiêng Sa trong đêm giao thừa. Ngày đầu tiên của mùa Xuân mới đã đến với họ, với vùng cao của Tổ quốc thân yêu.

HUY ĐỊNH



thơ

LÊ VĂN TRUNG

nửa đêm xem quỳnh nở

thoảng mùi hương giữa chiêm bao
từ trong sâu thẳm cõi nào rất xa
nỗi tình riêng của quỳnh hoa
chảy trong xương tủy thịt da rợn người

em từ đâu đến bên tôi
mà che kín cả đất trời khói sương
hồn tôi quán lạnh ven đường
nửa đêm ngát mộng quỳnh hương diệu kỳ.

Đồng Nai 1995

LÊ VĂN TRUNG

TẾT NÀY ANH CÓ VỀ KHÔNG ?

HỒ THỦY

Bây giờ đang là những ngày cuối năm nhưng trời vẫn còn nhiều hơi sương lạnh của cuối Đông nên không khí thật dễ chịu. Tết sắp đến rồi, nhà nào cũng rộn rã sắm sửa mọi thứ để đón Tết, người lớn làm như cũng nhỏ lại giống mấy đứa con nít khi trong lòng háo hức mừng vui với những bộ quần áo mới. Nhà giàu thì sơn phết lại từ trong ra ngoài, nhà nghèo hơn một tí thì cũng cố gắng làm cho mới mặt tiền với phòng khách. Nhưng có một cái mà nhà nào cũng giống nhau; đó là sự chưng dọn trên bàn thờ Ông Bà: rất trang trọng và cung kính với đủ thứ trái cây tốt nhất, hoa tươi nhất và bộ chân đèn, lư hương được đánh bóng sáng ngời.

Trong mỗi nhà thường thì ưa bày ra bàn khách một bộ khay trà có đủ thứ bánh mứt với đủ sắc màu. Rồi cặp dưa hấu dán một tờ giấy đỏ hình vuông viết chữ Tàu, cặp dưa càng to chừng nào càng chứng tỏ sự giàu có chừng ấy, nói vậy thôi chứ không có điều gì gọi là tuyệt đối cả, mọi thứ đều ở vào một mức độ tương đối. Lại thêm mấy chậu cây bông Vạn Thọ, Cúc Đại Đóa, Mâm Xôi, ...chưng ở hai bên cửa ra vào làm cho ngôi nhà sáng lên với màu vàng rực rỡ của các loài hoa, có nhà chưng bày thêm cặp hoa Mận Đình Hồng tươi hơn hớn nhìn rất đẹp mắt.

Cây Mai là biểu tượng mùa Xuân, đó cũng là một loại cây đặc trưng của miền Nam; nó có sức sống dẻo dai, bền bỉ mà lại rất dễ trồng, cũng khá đơn giản không kén chọn phân bón hay tay người chăm sóc. Đến ngày rằm tháng Chạp người ta tước hết lá để ngay ngày mùng một Tết thì cây Mai chỉ toàn là một màu vàng rực rỡ của hoa, vì vậy nên trước sân nhà nào cũng trồng mấy cây. Không khí đón Tết coi bộ rộn ràng rôm rả khi vài ba nhà trong xóm hùn lại cùng mổ thịt một con heo để chia nhau; (hể đông thì vui, mà vui thì hao, mà hao thì phải hùn hạp, gọi tắt là: “đông vui hao hùn hạp”)...vừa để gói bánh tét, làm chả đầu heo, kho một nồi thịt gọi là “thịt kho nước dừa”...Nhà nào nhà nấy cũng mở loa thật lớn để cho máy hát phát ra những bản nhạc mừng Xuân làm cho lòng mọi người nôn nao.

Riêng nhà chị thì vẫn lặng lẽ, một ngày như mọi ngày, một năm như mọi năm vì từ lâu lắm rồi trong nhà đã thiếu vắng bóng dáng của người đàn ông. Mỗi năm chỉ có cái bàn thờ là được dọn mới và “chưng diện” lên đó một bình bông với đĩa trái cây tươi mơn mẫm.

Chiều xuống từ từ khi những sợi nắng di chuyển lên cao, cùng nằm ngả ngón trên mấy ngọn cây me già ở sau vườn, và khi mặt trời như một cái bánh tròn đỏ rực chìm xuống sát mặt đất không còn thấy được nữa thì màu xám của mây đặc quánh lại; bấy giờ là hoàng hôn.

Chị ngồi trên chiếc ghế đầu sau hiên nhà mà chải đầu, mái tóc dài đen mượt óng ả hình như lẫn quất đầu đó vài sợi bạc, chị chép miệng thở dài nói thầm:

- Mình đang già đi thì phải.

Một nỗi buồn không phải là vô cớ đang len vào hồn chị, lúc đầu nó nhỏ xíu, nhưng càng lúc càng to lên, cuối cùng khi trời đã nhá nhem, nỗi buồn trong tâm hồn chị vỡ òa...chị khóc lặng lẽ, ngon lành.

Có tiếng gọi của má chị ở trước nhà:

- Sim à Sim...sao chưa chịu nấu cơm? Muỗi bay hàng bầy đây nè, trời tối thui tối thui rồi...

Chị đứng dậy bước từng bước chậm rãi vào nhà, vì nỗi buồn của chị đang ghì xuống đôi chân làm cho nó trở nên nặng nề, lúc này đây chị không muốn làm bất cứ một việc gì, dù đó là việc nấu cơm, chị chỉ muốn ngồi một chỗ để gặm nhấm nỗi buồn của mình, nó có một cái tên rõ ràng; đó là sự đợi chờ trong vô vọng, sự khắc khoải của nhớ mong.

Má chị đang ngồi ăn trầu xỉa thuốc trước sân nhà, trên chiếc giường tre kê dưới tán một cây khế ngọt lũng lẳng những chùm trái chín vàng úa trong màu chiều của hoàng hôn tranh tối tranh sáng, bên kia con đường đất là dòng sông nhỏ quanh năm nước đục ngầu vì luôn bị khuấy động bởi những chiếc ghe thuyền qua lại, một bà má chưa già lắm nếu tính theo tuổi, nhưng thật là già vì những nếp nhăn hằn sâu trên mắt, má và trán, vì màu da đen mốc bởi nước phèn của sông.

Chị thương má của chị lắm; như đang thương cho số phận của mình, thương cho sự đợi chờ đến mỗi mòn làm trôi đi tuổi xuân thì; mà người con gái nào cũng chỉ có một thời. Má chị cầm nhúm thuốc rê trên tay, miệng bồm bồm nhai trầu, mấy ngón tay khéo léo vo tròn cục thuốc rê rồi đưa lên miệng xỉa lên xỉa xuống hai hàm răng ố vàng, sau đó bà nhét cục thuốc xỉa vô một bên khốe hàm trên; làm bên đó bị nhô lên một chút. Má chị thở dài hỏi vọng vô trong nhà:

- Sao hôm nay con lơ đãng quá vậy? Giờ này mà chưa chịu nấu cơm, má đói bụng rồi đây này.

Chị đưa tay áo lên quệt nước mắt, hỉ mũi rồi nói trống không:

- Đã đói bụng mà còn ăn trầu xỉa thuốc...say chịu gì nổi.

Ánh sáng của ngọn đèn bóng tròn treo lủng lẳng giữa nhà chiếu theo khung cửa chính hắt ra ngoài hiên một vệt sáng có màu vàng vọt, mâm cơm dọn ra chỉ có hai má con, hai đôi đũa, hai cái chén và một tô canh rau, một đĩa cá bống kho mặn, má chị nói băng quơ:

- Mau quá, chỉ còn mấy ngày nữa là năm hết Tết đến...má thì già thêm một tuổi, bước gần tới "cửa lỗ" hơn một bước...mỗi năm trong người lại thấy nhức mỗi nhiều hơn.

Chị đang bưng chén cơm đưa lên miệng, nghe má nói; chén cơm nằm lưng chừng giữa khoảng không, chị buông ra một tiếng thở dài:

- Con cũng vậy...chừng này tuổi rồi mà còn quạnh hiu.

- Lấy chồng đi con, coi có ai đó vừa tầm thì ưng đại, chờ đợi mà chỉ một người không thấy về.

Chị cúi nhìn đĩa cá bống kho hai lửa đã quéo lại đổi màu đen thui, buồn giọng trả lời má:

- Khi ra đi ảnh dặn tới dặn lui hoài là phải chờ ngày ảnh về, ảnh nói bằng mọi giá nhất định anh sẽ về trong những ngày cuối năm để cùng đón Tết với má con mình.

- Thì con cũng đã chờ đợi nó bao nhiêu năm rồi, đến nỗi thành gái già hời nào không hay...không chừng nó đã có vợ có con đầy đàn rồi.

- Má à, thôi thì con ráng chờ thêm một năm nữa, nếu như Tết này ảnh không về...Qua Tết năm sau...rồi năm sau nữa con sẽ đi lấy chồng.

Má chị lắc đầu:

- Lúc đó con đã thành gái lỡ thì, ai cưới? Cưới ai? rồi ở vậy một mình ên ha? Má già rồi nên thêm có một đứa cháu để ẵm bồng nựng nịu.

Chị thở dài; trời ơi; chị cũng có nỗi thèm khát như má lắm chứ, là đàn bà ai mà không ham có một người chồng, vài đứa con để cuộc đời không lắm lủi quạnh hiu kia chứ. Làm gái già khổ lắm, đêm đêm nằm ngủ một mình với chăn đơn gối chiếc, nghe tiếng hai con thần lẩn trên nóc nhà

đang tắc lưỡi với nhau, chung quanh thì lạnh lẽo, thềm lấm một vòng tay cứng cáp của người đàn ông, thềm nghe từng hơi thở; đôi khi là những tiếng ngáy “ồ ồ” của chồng trong đêm vắng, rồi tiếng đứa con nhỏ trọ trẹ khóc vì mớ... Nghỉ lại mình thiếu vắng những thứ đó, lòng chạnh buồn rồi cảm thấy tủi thân đến chảy nước mắt, nhưng không phải vì thềm những thứ đó mà bạ ai cũng có thể quơ quào lấy làm chồng để cho có. Chị cần tình yêu và chị cũng đã có một tình yêu nồng cháy. Người yêu của chị, người tình đầu tiên và duy nhất mà chị yêu bằng cả trái tim mình, người đã dặn dò chị phải chờ anh ấy ngày trở về để cưới chị. Chị yêu tâm hồn của anh, nó mãi mãi là của chị và chị nhất định phải chờ đợi anh...

...Đó là một chàng trai da ngăm ngăm, chiều cao vừa tầm xứng với chị, nét mặt hơi khắc khổ nhưng đôi mắt thật trong sáng. Cuộc đời của anh cũng đầy gian nan sóng gió... Năm anh mới tám tuổi ba má cho anh về quê sống với ông bà Nội trong mấy tháng hè, đằng sau lưng nhà nội của anh; xa xa là cánh đồng lúa mênh mông gió lồng lộng thổi, ông bà Nội chỉ có anh là đứa cháu trai duy nhất nên cưng chiều anh ghê lắm. Được sống ở quê Nội thích quá, ông Nội khéo tay làm cho anh những chiếc diều nhiều màu sắc và có hai cái đuôi thật dài... chiều chiều anh đi với Nội ra miếng ruộng sau nhà để thả diều cùng với một đám bạn quê, ông Nội còn lấy một ống trúc nhỏ và ngắn làm thành cây sáo gắn trên lưng con diều, mỗi khi diều bay cao; tiếng sáo diều kêu vi vu nghe thật êm tai. Bà Nội thường nấu cho anh món canh chua cá lóc và cá bống dưa kho tộ, buổi tối lại thêm một nồi chè đậu xanh.

Chưa hết ba tháng hè thì ba má anh ở Sài Gòn xuống đón anh về để đi vượt biên, bà Nội ôm anh chặt cứng, còn ông Nội nói với ba anh:

- Vợ chồng bây muốn đi vượt biên thì tùy, nhưng phải để thằng Toại ở đây với cha má, cha má chỉ có một mình bây là con, rồi nay thì chỉ có nó là cháu, tụi bay mà đưa nó đi thì tao với má mày chết liền ngay tại đây...

Cả bốn người lớn đều khóc, riêng anh lúc đó đang mãi mê mê con diều ông Nội mới làm hồi chiều; nó đẹp lắm, đẹp hơn tất cả những con diều có trước; nên anh không để ý lắm đến chuyện của người lớn. Đêm sau ba má anh trở về Sài Gòn lúc anh đang ngủ say... Kể từ ngày đó không bao giờ anh còn được gặp lại ba má mình nữa vì hai người đã chết trên biển. Bà Nội khóc đứng khóc ngồi, hai năm sau bà bệnh nặng, ông Nội bán hết ruộng nương nhưng vẫn không cứu sống được bà. Mất bà rồi, anh ở với ông Nội, hai ông cháu sớm hôm hủ hỉ, chuyện học hành của anh không được suông sẻ cho lắm, vừa học xong lớp chín thì ông Nội cũng bệnh mà chết, mảnh ruộng nhỏ xíu còn lại cũng phải bán, anh được người chú họ xa cho ở tạm nơi cái chòi trong vườn nhà ông, ngày ngày anh đi làm thuê làm mướn, tối tối canh chừng những cây xoài cho chú. Đời anh không may vậy đó, nhưng tâm hồn anh vẫn chất ngất những ước mơ.

Vô tình một ngày gần cuối năm, vì mái lá nhà chị bị mục nát, cứ đến mùa mưa thì nước dột tứ tung, một lần đi chợ chị hỏi thăm để mướn người về lợp lại mái nhà, và anh là người làm mướn, theo chị về...

Tình yêu kỳ lạ lắm, nó không đến với người ta như đơn đặt hàng giao tận nhà, cũng không như đòi khí tượng Thủy Văn mà dò biết được thời tiết sẽ mưa hay nắng? có giông bão hay biển êm sóng lặng?... Mà nó đến một cách thật bất ngờ không cần phải dọn đường; như trong trường hợp này:... Sau khi lợp xong mái nhà, anh vừa lãnh tiền công và được lãnh luôn tình yêu của chị. Mỗi tình đầu đời của hai người theo ngày tháng lớn dần lên, cho đến một ngày khi quyết định phải sống chung, thì anh muốn kiếm thật nhiều tiền để cho xứng với tấm chân tình của chị dành cho anh, và đền đáp lòng thương mến của má chị; không chê anh là đứa tứ cố vô thân, mà vui lòng hứa gả chị cho anh. Anh nung nấu trong đầu một ý định tốt lành để có một tương lai tươi sáng cho hai người.

Mấy năm rồi nhỉ? Lúc đầu thì chị còn nhớ, sau này mỗi mùa Xuân qua đi, tháng ngày chờ đợi quá mỗi mòn, chị chỉ biết sống trong hy vọng là “Tết này anh ấy sẽ về” như lời anh hứa.

Nghèo không phải là một cái tội, nhưng nghèo đôi khi là sự cản trở, nó như một chướng ngại vật vô hình ngăn cản những người yêu nhau đến với nhau một cách bình thường, chân chính, nó là nỗi trăn trở, là lo âu, ngần ngại, là sợ sệt và chùn chân. Nào ai lý giải được “tại sao tôi nghèo”? chỉ có thể đổ thừa rằng “tại cái số của tôi nó vậy” để tự an ủi mình.

Lúc yêu nhau, hai người còn quá trẻ, với thời gian thì số tuổi tăng dần lên, đến khi tình yêu chín mùi nên phải tính đến một cuộc sống chung, nhưng gia cảnh hai bên lại nghèo, nhà chị chỉ có một mẹ một con, má chị lấy chồng muộn, rồi cha chị cũng đã chết vì bệnh khi chị mới ba tuổi, má ở vậy nuôi con, hai má con sống trong cảnh nghèo. Nỗi buồn góa bụa làm má chị tập ăn trầu xỉa thuốc theo một bà cụ ở gần nhà, lâu dần thành thói quen không bỏ được.

Chị nhớ...

Một buổi chiều của tháng Giêng năm đó, hai người ngồi dưới gốc cây me sau nhà chị, anh nói ra ý định trong đầu bấy lâu nay và bàn tính với chị:

- Anh phải đi làm ăn xa một thời gian để kiếm một số tiền kha khá rồi chúng mình cưới nhau.

Chị có tánh an phận nên lắc đầu:

- Thôi anh à, tụi mình yêu nhau là đủ rồi, có rau ăn rau, có cháo ăn cháo, em không muốn xa anh dù chỉ một ngày.

Anh cười:

- Em không chịu nghĩ xa một chút rằng mai này chúng mình có con có cái, nên có đủ thứ để lo. Ở đây anh cứ loanh quanh luẩn quẩn cày thuê làm mướn, chỉ nuôi nổi một thân anh là may lắm rồi. Vì anh nghĩ đến tình yêu của hai đứa mình và cuộc sống mai sau, nên anh phải đi em à.

Chị tựa đầu vào vai anh, buồn buồn:

- Nhưng anh đi làm ăn nơi đâu lận?

Anh xoa xoa bờ vai chị, mơ màng:

- Anh Hạo ở xóm trên mấy năm trước cũng đi mần mướn như anh, sau đó có ông chú làm ăn sinh sống ở bên Ấng Gô Loa về nước thăm gia đình, thấy anh Hạo nghèo khổ quá nên giúp đỡ bằng cách làm giấy rước ảnh qua bên đó hợp tác lao động, hôm Tết anh Hạo về thăm nhà...thấy mà ham, mới mấy năm thôi mà anh ấy giàu có quá chừng, đem tiền về cho cha má cất nhà. Nghe ảnh nói còn ba năm nữa là hết hạn hợp tác lao động nhưng ảnh sẽ ký thêm thêm một đợt nữa.

Chị thở dài:

- Anh ấy có chú lo giúp, còn anh thì...

- Anh Hạo nói nếu anh đồng ý đi thì ảnh sẽ nhờ chú ảnh giúp cho anh, chỉ cần đi quá đó làm thuê chừng năm năm thôi là giàu hơn ở đây làm cả đời. Em à; anh nghĩ kỹ lắm rồi, đây là một dịp may. Là cơ hội để chúng mình đổi đời. Chỉ cần em hứa với anh là em vẫn yêu anh và sẽ chờ đợi anh là anh yên tâm để ra đi.

Chị gật đầu cho anh vui nhưng trong lòng chị thì héo úa.

Ngày anh đi, chị khóc hết nước mắt khi đưa tiễn, anh hứa rằng sẽ cố gắng dành dụm một số tiền để hai năm sau về thăm chị, và sẽ về trước Tết để cùng chị vui Xuân. Chị rất tin vào lời hứa của anh và cứ thế mà chờ đợi cho đến lúc chị thấm thía cái cảm giác của sự mỏi mòn.

Cây khế trước sân nhà là của anh trồng trước ngày đi, anh nói đùa:

- Quê Hương là chùm khế ngọt. Em chính là quê hương của anh.

Thời gian qua đi nhanh quá, cây khế đã cho má và chị những chùm trái ngọt, còn “Quê Hương” của anh thì mỗi ngày một già đi mà anh vẫn biến biệt nơi cái xứ Ấng-Gô-Loa nào đó tận bên Phi Châu. Hai năm đầu anh thường xuyên gửi thư cho chị, chị đếm cả thấy được hai mươi lá. Rồi mấy năm sau thì chị không còn nhận được thêm một thư nào nữa cả. Những lá thư của anh viết; mỗi buổi tối chị mở ra đọc đi đọc lại đến nỗi thuộc lòng, và vì mở ra nhiều lần và đọc nhiều quá nên nó muốn mòn luôn tờ giấy, mòn luôn cả chữ bên trong như nỗi chờ đợi đã làm mòn tuổi xuân của chị, còn nước mắt thương nhớ thì làm mòn đôi má ...

Chị hỏi má:

- Má à, năm nay má có định làm gì để đón Tết không?

Má chị lại xĩa cục thuốc vô kể chân răng:

- Nhà không có đàn ông...cũng buồn. Mấy năm trước không làm gì thì năm nay cũng vậy thôi.

- Mai con mua một cặp dưa hấu thật to chưng trên bàn thờ nghen má, với lại cứ để nhà quạnh hiu như thế này hoài buồn quá, chờ đến trưa ba mươi Tết con ra chợ mua mấy giỏ hoa về để trong nhà cho có không khí Tết một chút. Má à, mình mua ít mức món nữa nghe má.

Má chị cười:

- Lạ hen, muốn thay da đổi thịt rồi ha?

Chị tâm sự:

- Má à, sao con cảm thấy lòng mình lạ lẫm, vui vui buồn buồn làm sao ấy...không chừng Tết năm nay anh ấy về...

Má chị thở ra:

- Hảo huyền, đã sáu, bảy năm rồi chứ ít...con đừng hy vọng để rồi thất vọng, có khi nó về dẫn theo vợ con lùm đùm.

Chị ứa nước mắt; có thể má chị nói đúng, sự thật mà như vậy thì đau đớn cho chị quá chừng. Chị đứng lên đi vô giường giăng mùng để ngủ, một đám muỗi òa ra kêu "o o" và bay tứ tung. Chị nói với ra với má:

- Mai con đi mua sắm ít đồ chưng trong nhà để mừngTết, mua cho má cái áo bà ba có in bông hoa, mua cho con bộ đồ mới. Má à, con muốn thay đổi để đón năm mới.

Bóng má chị in trên vách nhật nhòa vì ánh đèn không được sáng, má đã công thời gian và cái nghèo trên lưng cùng bao năm tháng, nay thì lưng má đã khòm xuống, búi tóc chỉ còn lại một nhúm nhỏ xíu sau gáy vì tóc má bị rụng đi nhiều lắm, đôi mắt má cũng đã mờ...tự nhiên chị cảm thấy vừa thương má vừa sợ cho mình, sợ đến một ngày kia chị cũng sẽ như má: lưng còng tóc bạc với nụ cười buồn, hàm răng sóm sém... Nhưng tuổi già của má thì ít ra là có chị bên cạnh, còn chị thì có ai???

Chộn rộn cho lắm rồi cũng xong ba ngày Tết, sáng nay chị mặc lại bộ áo quần mới có điểm hoa màu hồng mà ngày Mồng Một Tết chị đã mặc qua rồi. Mùa Xuân nên nắng nhẹ nhàng, gió mơn man. Má chị đi Chùa với bà hàng xóm lúc sáng sớm. Một mình chị ngồi đây, trên chiếc giường tre dưới cây khế ngọt. Trước hiên nhà có một hàng chậu hoa hồng, vạn thọ, cúc đại đóa; những chậu hoa này chị mua giữa trưa ba mươi Tết, tiếng là mua chứ thật ra nhà vườn bán đồ bán tháo để kịp về cúng Ông Bà đúng vào mười hai giờ trưa, nên bán với giá rẻ như cho. Năm nay nhà có vài chậu hoa nên có chút sinh khí của mùa Xuân mà mấy năm qua chị đã bỏ quên. Anh đi cũng đã lâu quá rồi, trong nỗi nhớ của chị thì hình bóng anh rõ nét nhất đó là ánh mắt và nụ cười; ánh mắt của anh lấp lánh sáng như sao, nụ cười tươi rói làm rạng rỡ khuôn mặt. Ngồi dưới cây khế ngọt như là "quê hương" của anh, lòng chị bỗng trở nên khát khao quá đối với một loạt câu hỏi " Sao anh không về? Bao giờ thì anh về? Tết này anh có về không?..."

Gió Xuân nhẹ và mát rượi, người đàn ông có dáng đi khập khiễng vì một chân bên phải là thật, còn bên chân trái là giả, gương mặt méo mó dị dạng bởi làn da nhăn nhúm lại kéo thành một đường rãnh sâu, đôi vết sẹo lồi lõm, có lẽ là do di chứng của một trận cháy nào đó làm nó bị phỏng. Không thể đoán được tuổi của ông ta, có thể là còn trẻ nhưng vết sẹo lại làm cho ông ta trở nên già. Ông ta đứng ngoài hàng rào gọi với vào:

- Cô...oi.

Chị giật mình bừng tỉnh nỗi khát khao, nhìn ra ngoài thấy bộ dạng méo mó tàn tật người đàn ông đó, chị hơi sợ hãi nhưng cũng trả lời:

- Dạ...có gì không anh...à...ông?

Gương mặt méo nên nụ cười cũng bị méo, giọng nói ngọng ngịu hơi khó nghe:

- Tui khát nước quá, cô làm ơn cho tui xin miếng nước uống nghen.

Chị vô nhà bưng khay trà ra đặt trên giường, rót một ly đưa ra mời ông ta, mắt ông ta nhìn chị, nó như có một luồng điện chạy vào cơ thể, ánh mắt này...sao mà quen quá...ánh mắt này...chị đã gặp ở đâu?

- Cô ở đây một mình à?

Vừa hỏi ông ta vừa bước những bước khập khiễng qua hàng rào, vào tới sân nhà của chị. Chị thoáng có chút e ngại nhưng cũng trả lời:

- Còn má tôi nữa, bà đi chùa rồi.

Ông ta rất khó khăn khi xoay trở đôi chân rồi mới ngồi được xuống đất trước mặt chị, cái nón vẫn đội sùm sụp trên đầu:

- Cây khế...nhìn ngon mắt quá, chắc nó ngọt lắm ha cô?

- Dạ, ngọt lắm.

- Tui rất thích cây khế, trông nó hiền lành dễ thương hết sức.

Giọng nói ngọng ngịu nhưng âm hưởng thật trầm ấm, chị lơ đãng nhìn xuống mé sông có ý như là không muốn nói chuyện nữa nhưng người đàn ông vẫn cố lì:

- Cô...được mấy cháu rồi?

Chị bực bội, sực nhớ một câu thơ rất quen và chị trả lời luôn:

- "Chồng còn chưa có; có chi con."

Ông ta lại tò mò:

- Còn trẻ lại có duyên như cô mà sao không có chồng?

Không dừng chị lại muốn nói chuyện, ít ra được nói chuyện với một ai đó trong lúc này thì cũng đỡ buồn đôi chút:

- Tui còn phải chờ đợi một người, đã mấy năm nay rồi...ảnh hẹn với tui Tết ảnh về mà sao tui chờ hoài chờ mãi vẫn chưa thấy anh về.

Người đàn ông thở dài tỏ ý thương cảm:

- Chờ mà chi cho uống phí tuổi xuân, cô nên quên người ta mà lấy chồng đi cô à...

Tự nhiên chị khóc ngon lành, đôi mắt ông ta nhìn chị xót xa khi nói:

- Ngày qua ngày, tháng qua tháng...không mấy chốc mà già, cô đừng chờ đợi làm chi một con người thất hẹn, một người lời thề...thứ bội bạc...cô đi lấy chồng kéo muộn, lỡ thì uống lắm đó cô, đừng chờ đợi...

Chị lắc đầu:

- Không đâu, tui tin anh ấy lắm, anh ấy không phải là người bội bạc như vậy đâu, tui vẫn chờ...thế nào anh ấy cũng về, tui tin tình yêu của anh dành cho tui không hề thay đổi, trái tim tui nó nói với tui như vậy đó.

Người đàn ông đứng lên, thở dài thêm một cái nữa rồi nhắc lại:

- Cám ơn cô về ly nước trà...cây khế dễ thương quá...cho tôi xin một trái nghen...cô à... lấy chồng đi kéo uống phí tuổi xuân, đừng chờ đợi mà chi...thôi; chào cô tui đi.

Chị không buồn trả lời - mà đứng lên chiếc giường tre với tay hái một chùm khế đưa cho ông ta - cũng không nhìn một cái về phía người đàn ông đang đi ra ngõ, nên chị không thấy được những giọt nước mắt của ông ta đang chảy dài xuống hai bên má bị kéo rãnh và nhăn nhúm.

Người con gái anh yêu; "Quê Hương là chùm khế ngọt" của anh vẫn còn chờ đợi anh, dù tuổi xuân đã trôi qua để lại trên mắt, trên má, trên khoé miệng của chị những nếp nhăn. Cây khế anh trồng nay đã cho trái ngọt; thế mà anh vẫn chưa về?. Trời ơi, anh đã về rồi đó thôi, đã đứng rất gần chị, đã ngồi dưới chân chị, anh đã cầm ly nước trà từ tay chị đưa...thế mà chị không biết. Biết thế nào được kia chứ khi mà bây giờ mặt anh đã trở nên dị dạng méo mó, đôi chân đi từng bước khập khiễng vì tàn tật.

Phải chi ngày xưa anh chịu sống an phận như chị, đừng ham chi chuyện đi đến xứ người để làm giàu, cái số đã nghèo thì dù có “bôn ba cũng chẳng qua thời vận”. Hai năm đầu anh khỏe lắm, làm cũng được khá tiền, nhưng tưởng đến Tết sẽ về nước thăm chị...nhưng nào ngờ; làm sao anh quên được tai nạn khủng khiếp xảy đến với anh và một số người cũng đi hợp tác lao động như anh. Đám cháy lớn, nhà xưởng các thứ bị thiêu rụi, anh được cứu sống nhưng rồi lại mang thương tật, nó đeo bám theo anh suốt cuộc đời còn lại, anh tha thiết năn nỉ người bạn đã đưa anh qua đây; đừng cho chị biết gì về tai nạn của anh. Hai năm làm mướn ở xứ người rồi bị tai nạn, một năm nằm trong bệnh viện chờ sống chờ chết, một năm nữa sống lây lất ở Sài Gòn sau khi về nước, rồi ba năm lang thang bán vé số dạo...tính ra cả thảy là bảy năm rồi. Bao mùa Xuân qua đi, mấy cái Tết tàn rụi theo những cánh hoa Mai, anh không dám về quê gặp chị, sợ khuôn mặt méo mó dị dạng của mình làm chị kinh hãi. Anh âm thầm sống, những tưởng sự im lặng của anh sẽ làm chị nản lòng mà đi lấy chồng...Nhưng anh đâu ngờ Tết nào chị cũng đợi anh về.

Mấy hôm nay bỗng nhiên anh nhớ chị quay quắc. Khi thấy mọi người chung quanh mình rộn ràng vui đón Tết và mừng mùa Xuân mới, lòng anh dấy lên một sự thôi thúc không làm sao cưỡng lại nổi. Anh lẹ mọ đón xe về quê, lòng dặn lòng là chỉ nhìn chị một chút thôi rồi sẽ đi ngay, anh muốn biết cuộc sống của chị bây giờ ra sao? Đã có chồng? Và được mấy đứa con?... Thế nhưng khi thấy chị ngồi một mình dưới bóng cây khế ngày xưa anh trồng, anh lại nung nấu được nói đôi câu với chị...Trời ơi, “Quê Hương là chùm khế ngọt” của anh vẫn một lòng chung thủy chờ anh, vẫn tin tưởng rằng một ngày kia anh sẽ về để cùng chị cúng Ông Bà trưa ba mươi, rồi đêm Giao Thừa đón Tết và mừng mùa Xuân mới.

Suốt đêm anh nằm trên hàng ghế trống ở bên xe mà khóc nức nở, anh ước chi thà mình chết đi để không thấy được sự chờ đợi mỏi mòn của chị, không thấy rằng chị đang héo úa gầy mòn vì sự thủy chung.

Quê Hương là chùm khế ngọt,

Cho anh trèo hái mỗi ngày...

Chùm khế ngọt của anh...không bao giờ anh được trèo hái mỗi ngày vì anh không thể. Em ơi, chùm khế ngọt ơi...sao em không đi lấy chồng? Chờ đợi mà chi để mai kia cây khế già đi, đâu còn cho ra trái ngọt...em ơi, quê hương của anh ơi... những cái Tết đến...những mùa Xuân qua đi... em vẫn chờ đợi anh...anh đã về rồi đó...nhưng làm sao anh đến được với em bây giờ? khi anh đã thành người tàn tật.

Buổi sáng của mùa Xuân, khi nắng hồng tươi rói rộn ràng nhảy nhót trên hoa lá cỏ cây, khi chim muôn ca hót líu lo mừng ngày mới; thì có một người đàn ông với dáng đi khập khiễng, khuôn mặt méo mó dị dạng đang loanh quanh tìm kiếm thùng thư công cộng...mãi đến trưa mới kiếm được một thùng thư gần chợ huyện, ông ta nhẹ nhàng cẩn thận đút vào đó một lá thư, sau đó lại lẹ mọ khập khiễng quay lại bên xe, khó khăn lắm mới leo lên được chiếc xe đồ đi Sài Gòn.

Kể từ sau khi người đàn ông méo mó dị dạng đến xin chị một ly nước và một chùm khế ngọt rồi đi thì lòng chị mơ hồ một nỗi băng khuâng với ít nhiều bồi hồi xao xuyến. Hôm nay người đưa thư đến kêu to:

- Chị Nguyễn thị Sim ơi... có thư nè.

Chị phóng một cái ào ra ngoài suýt bị té...ôi chao; mấy năm rồi bây giờ mới có thư, chắc chắn là thư của anh ấy rồi...mà đúng thật, nét chữ của anh đây, dù bây giờ chữ viết của anh hơi gầy hơn xưa, chị run rẩy mở lá thư ra đọc, thư anh viết rằng:

“Em yêu dấu,

Anh đã đúng hẹn, đã về trong ngày Tết, vào mùa Xuân. Anh đã thấy em và lại được ngồi dưới chân em, đã uống ly nước từ tay em đưa...Anh đã thấy cây khế anh trồng trước ngày anh đi và nay thì đã có những chùm trái mà em đã hái cho anh... nó rất ngọt.

“Quê hương là chùm khế ngọt”; em là quê hương của anh. Nhưng em ơi, đừng chờ đợi anh nữa dù anh đã về, con người méo mó dị dạng với đôi chân khập khiễng là anh đó. Một tai nạn gây nên một đám cháy và anh là nạn nhân đau đớn nhất.

Hãy quên anh, em ơi, hãy quên anh, anh xin em đó, hãy quên anh mà đi lấy chồng. Anh xấu xí tàn tật rồi nên không xứng đáng với em đâu dù rằng anh luôn dành cho em một tình yêu nồng nàn say đắm, một trái tim chân thành và một tâm hồn trong sáng...

Vĩnh biệt em.

“Toại”.

Đọc xong lá thư thì chị đổ sụp xuống như một cây chuối bị đốn ngã, nước mắt chị tuôn trào lai láng. Trong lòng chị ngổn ngang trăm ngàn cảm giác, những cảm giác ấy nó nhảy múa lung tung loạn xạ làm đầu óc chị quay cuồng đến chóng mặt, làm hơi thở chị như bị nghẹn lại, lồng ngực chị căng cứng chỉ muốn nổ tang tành. Khi đã tạm bình tĩnh đôi chút, chị đọc lại lá thư thêm một lần nữa, rồi một lần nữa...

...Một tuần nghỉ ngơi muốn nát óc, một tuần suy xét kỹ lòng mình, một tuần rà soát lại tình cảm của chị dành cho anh, một tuần soi rọi tận trong sâu thẳm của trái tim. Và chị nhận thấy rằng: đối với chị thì chuyện anh chỉ còn một cái chân, khuôn mặt của anh bị méo mó dị dạng nó không còn quan trọng nữa, đó không phải là rào cản để ngăn không cho anh chị đến với nhau. Điều quan trọng là anh vẫn còn đôi tay khỏe, đôi mắt với ánh nhìn rất dịu dàng đắm thắm, anh còn có một tâm hồn trong sáng và một tình yêu chân thành nồng nàn dành cho chị...so ra thì anh còn rất nhiều thứ; nhiều hơn hẳn những con người tuy có bề ngoài đẹp đẽ bảnh bao nhưng tâm hồn thì què quặt và tình yêu lại giả dối.

Cuối cùng chị đã có một quyết định dứt khoát và rõ ràng, điều này làm cho tâm hồn chị không còn ưu tư khắc khoải nữa.

Sáng nay đọc báo, khi không còn tin tức thời sự nào khác để đọc nữa, bèn đọc qua những mục rao vặt, con mắt lang thang thấy một tin nhắn như sau:

“ Anh Toại, cho dù anh có như thế nào và ra làm sao thì em vẫn yêu anh. Em yêu anh vì tâm hồn của anh chứ không vì thân thể. Em vẫn đợi anh về với em dù qua bao cái Tết chẳng nữa. “Quê Hương là chùm khế ngọt” đang chờ anh về để “cho anh trèo hái mỗi ngày”. Có ai thấy một người đàn ông với khuôn mặt méo mó dị dạng vì bị cháy phỏng và hai chân đi khập khiễng, thì xin hãy báo ngay về địa chỉ: cô S... ấp X... xã Y... huyện T... tỉnh N...rất cảm ơn và xin hậu tạ... người nhắn: cô... S...”

Vậy nếu có ai đó có tình cờ đọc được tin nhắn trên và gặp được người đàn ông nọ thì xin báo ngay cho chị S...nhé. Chị sẽ mừng ghê lắm đó. Bây giờ đang là mùa Xuân chim én bay lượn đầy trời, hy vọng hai người họ sẽ sớm gặp lại nhau.

Tháng 12 năm 2012

HỒ THỦY



tản mạn

NHÌN LẠI NHỮNG MÙA XUÂN

NGUYỄN ĐOAN TUYẾT

Người xưa có câu “Xuân bất tái lai” – xuân của đời người thì không bao giờ trở lại nhưng mùa xuân của thiên nhiên, đất trời cứ quay vòng theo nhịp tuần hoàn của tạo hóa, đến rồi lại đi, rồi lại đang đến thật gần.

Đầu tiên là từ dạo cuối đông, khi hoa cúc quỳ trải thảm vàng rực rỡ trên khắp các nẻo đường ở vùng ven đô hay trên lưng chừng đồi dốc, chen chúc nhau vươn lên đầy kiêu hãnh để thách thức với nắng, gió khô hanh, với tiết trời giá lạnh khắc nghiệt của cao nguyên dù cho mùa đông đã sắp tàn ; lòng tôi bỗng thâm yêu biết bao nhiêu loài hoa hoang dại và có sức sống vô cùng mãnh liệt này. Có lẽ vì thế mà nó còn mang tên là dã quỳ. Nếu “hữu sắc vô hương” là để nói về một người con gái đẹp nhưng vô duyên vô hồn thì cụm từ này hiểu theo nghĩa đen cũng rất đúng đối với hoa cúc quỳ. Tuy nhiên, “vô hương” mà không “vô hồn” chút nào, còn cái sắc vàng quỳên rũ của nó thì đã đi vào thơ ca của núi rừng từ lâu!

Thật vậy, do thời cuộc đưa đẩy mà phố núi Pleiku đã từng hân hạnh được nhiều tao nhân mặc khách tìm đến. Họ chỉ đến trong một thời gian ngắn rồi lại ra đi nhưng đã kịp lưu lại những dấu ấn khó quên khi dừng bước ở nơi này. Hình như cũng vào mùa hoa quỳ nở:

*...Phố núi kia ơi, một đời phố lạnh
Lạnh hoa vàng, núi đỏ, thác đèo cao*

(Hoa quỳ vàng lạnh Pleiku- Nguyễn Bắc Sơn)

Hay một chút luyến nhớ, băng khuâng khi sắp phải rời xa vùng bụi đỏ, hoa vàng:

*Em có về đường hoa quỳ nở
Lung linh vàng sắc nắng tháng giêng
Ngõ gió lạnh buồn không duyên có
Để cho anh mãi mãi đi tìm*

*

*Tình yêu bay xa theo cánh chim
Rừng thông xanh một đời ở lại
Về đâu hồi mùa hoa dăng trái
Bụi đỏ ngỡ còn cay mắt đêm*

(Bụi đỏ- Lê Nhược Thủy)

Tình yêu đối với hoa dã quỳ của những người con Phố núi dường như còn lẫn át đôi với mai vàng - vốn là một loài hoa truyền thống của mùa xuân .

*Dã quỳ vàng thắm
Cuồng quýt gió rông
Má em chợt hồng
Làm mây say đắm*

(Xuân mong- Lê Bích)

Ngày nay, những con đường vàng rực hoa quỳ ngày càng bị đẩy lùi ra xa thành phố.

Tôi nhớ thật nhiều những mùa xuân năm cũ, khi ấy Pleiku còn hoang sơ, thưa thớt lắm. Cứ vào độ rằm tháng chạp trở đi, những người dân tộc địa phương đã mang những cành mai rừng đi bán rong khắp các đường phố nhỏ. Lúc ấy bọn học trò chúng tôi náo nức, rộn ràng vì những tờ đặc san Xuân của học trò sắp được trình làng, để bây giờ có cái mà cùng ôn lại kỉ niệm xa xưa. Náo nức còn vì được nghỉ Tết dài, được xúng xính quần áo mới (không biết cái lệ may đồ mới mặc Tết có từ bao giờ), được du xuân cùng gia đình hay bạn bè... Nói đến du xuân hẳn là người Pleiku ít nhiều còn lưu giữ những kỉ niệm về Biển Hồ. Hồi ấy đường xuống hồ quanh co, lởn ngổn những đá sỏi. Và bụi đỏ mù trời. Thế mà những ngày Tết, Biển Hồ vẫn đông hơn lúc nào hết, vì đâu còn chỗ nào hơn để du xuân và thưởng ngoạn.

Bây giờ, ở Pleiku còn có nhiều nơi để tham quan hoặc vui chơi, giải trí khác như công viên- hồ Diên Hồng, khu du lịch sinh thái Về Nguồn, khu du lịch Đồng Xanh, chùa Quan Âm, nhất là chùa Minh Thành, thủy điện Yaly, thác Phú Cường...luôn thu hút đông người trong dịp Tết. Ngoài ra, còn có hàng trăm quán cà phê với khung cảnh lãng mạn và gợi cảm, nơi để gặp gỡ, tâm tình.

Nói tới Tết đến, xuân về thường không thể thiếu nhạc xuân. Không biết từ bao giờ khúc ca "XUÂN VÀ TUỔI TRẺ" của nhạc sĩ La Hối đã gieo vào hồn tôi một ấn tượng đặc biệt. Đối với tôi đó là một bản nhạc xuân hay nhất, vui tươi rộn rã và từng bừng nhất. Tôi vẫn nghe đi nghe lại bản nhạc ấy qua nhiều thế hệ ca sĩ khác nhau mà không biết chán. Và bây giờ tôi chọn giọng hát của Đoàn Trang vì theo tôi cô ấy đã làm mới những giai điệu của một thời vang bóng "Ngày thắm tươi bên đời xuân mới, Lòng đắm say bao nguồn vui sống, Xuân về với ngàn hoa tươi sáng, Ta muốn hái muôn ngàn đóa hồng,...Tiết xuân huy hoàng muôn sắc hoa, Tiết xuân êm đềm muôn tiếng ca. Xuân tung bừng." Khi mà lòng người đang mở hội hoan ca thì mùa xuân sẽ từng bừng hơn bao giờ hết !

Tôi quên sao được những giây phút thiêng liêng trước lúc giao thừa, năm nào ba tôi cũng viết đôi câu đối đỏ bằng tiếng Việt nhưng cách viết thoát nhìn như chữ Hán, rồi dán lên hai bên bàn thờ với hoa quả, bánh mứt mà mẹ tôi đã chuẩn bị chu đáo. Với đèn nến sáng trưng, khói hương

lan tỏa! Ai đã từng sống trong không khí âm áp của một gia đình đoàn tụ trong thời khắc ấy chắc sẽ đồng cảm với tôi. Xuân đến rồi đi đã mang theo bao kỉ niệm êm đềm, mang đi những người thân yêu nhất để không bao giờ ta còn gặp lại. Còn nhớ cái Tết đầu tiên khi mẹ tôi đột ngột qua đời, tôi chưa từng thấy ba tôi khóc vì biến cố này-có lẽ ông không khóc được thì đúng hơn, hoặc muốn kìm nén đau thương và nỗi đau đã lặn vào trong. Thế nhưng nỗi trống vắng thì không gì có thể bù đắp được nên ông đã trải lòng qua những vần thơ: “Xuân này *khác hẳn những xuân qua, Bời lẽ người thương đã vắng nhà, Hoa, rượu đủ đầy nhưng vẫn thiếu, Người đâu còn lại một mình ta*”. Bây giờ cả hai ông bà đã được ở bên nhau để cùng nhau “kể chuyện trăm năm”. Mỗi mỗi.

*

Tôi thả bộ theo con đường xuôi dốc trong trang trại. Cứ mỗi khi gặp khó khăn hay phiền muộn là tôi tìm về nơi đây, giống như nhân vật Xcarlett O'Hara trong “*Cuốn theo chiều gió*” thường tìm về đồn điền Tara những lần vấp phải bế tắc trong đời để được tiếp thêm sức mạnh- chỉ có khác là tôi chưa có đủ bản lĩnh và tự tin như cô ta để mà “Sau tất cả, ngày mai sẽ là một ngày mới” (“After all, tomorrow is another day!”) và tôi mỉm cười tự chế diễu mình vì sự liên tưởng này. Nhưng lần này không giống trước vì tôi như vừa được trút bỏ bao điều phiền muộn. Phải chăng đó là nhờ trời xuân, sắc xuân đã thấm vào lòng người ?

Tôi vừa đi vừa ngắm đất trời bao la thoáng đãng. Từ vị trí này, tôi có thể nhìn xuống một con suối nhỏ dẫn ra một thung lũng xanh ngát màu lúa đông xuân. Bên kia là đồi thông lộng gió và những con đường đất đỏ uốn lượn quanh đồi, cứ mỗi lần gió lốc xoáy là cuốn bụi bay lên nhuộm đỏ một góc trời. Bên cạnh tôi cũng là một rừng thông nhỏ và trong tương lai nơi đây sẽ là thông xanh bao bọc. Vào mùa này nhiều gió, thoảng đưa khúc nhạc thông vi vu, dịu êm như một điệu đàn bất tuyệt dễ ru hồn người. Nhưng sao trong tôi vẫn có lúc gợn lên những con sóng nhỏ ? Ai mà biết được bao nhiêu mùa xuân còn lại của đời mình và điều gì đang chờ mình ở cuối con đường? Và lúc này đây không hiểu sao tôi lại thấy đồng cảm với tâm trạng của một nhà thơ :

*...“Ai đâu trở lại mùa thu trước
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng ?
Với của hoa tươi, muôn cánh rã,
Về đây đem chôn nẻo xuân sang ! ...”*

(Xuân - Chế Lan Viên)

Với tôi, không mong chờ xuân đến không có nghĩa là sống bi quan mà chỉ là sự ung dung, bình thản . Khi đã trải qua những sóng gió thăng trầm thì lòng người bỗng chững lại trước những đổi thay. Đổi thay của đất trời thiên nhiên, của lòng người. Để rồi cảm thấy không còn nao nức chờ mong như hồi còn nhỏ. Cũng đâu còn những mộng ước xa vời của thời . Nhưng lòng tôi vẫn chưa vô cảm bao giờ mà ngược lại là đang khác! Chỉ có điều càng về xế chiều tôi càng thấy cái vòng khổ ải, lẩn quẩn của kiếp người. Người thì “thả mối bắt bóng”, người thì mãi đuổi theo những khát vọng chưa thành. Điều đem lại hạnh phúc cho người này chưa hẳn đã là hạnh phúc đối với người kia, có người cả đời khát khao hạnh phúc nhưng chưa bao giờ có được trong tầm tay vì thiếu duyên may gặp gỡ, hoặc nếu như không lấy hạnh phúc của người khác làm hạnh phúc cho chính mình.

Phải chăng hãy cứ sống bình thường như mọi người, vui theo cái vui, buồn cái buồn của số đông thì sẽ dễ tìm được sự yên bình và thanh thản. Cái khó là làm sao dung hòa được để không đánh mất chính mình và giữ lấy niềm tin yêu, hi vọng trong cuộc đời này tuy rằng còn có nhiều gian nan, bất trắc. Hãy giữ lấy mùa xuân trong tâm hồn của mỗi người .

Một mùa xuân nữa, không vội vàng, cũng chẳng chờ đợi ai đâu, vẫn đang chậm chậm lướt qua.

NGUYỄN ĐOAN TUYẾT

CHẬU MAI HẠNH PHÚC

NGUYỄN NGUYỄN AN

Reeeng...reeeng...

- A lô. Bác sĩ computer hả ?
- Ông rảnh không ? Đi chợ hoa mua giúp mình chậu mai.

Trong đầu tôi hiện lên hình ảnh anh bạn thân, hai tay kẹp cặp nặng nhôm đi khắp khiêng trong ngôi nhà rộng, chỉ bày cho các anh, chị khuyết tật khác khám chữa những cái CPU đã mở phanh lục phủ, ngũ tạng, lằng nhằng dây dợ, linh kiện điện tử bị hỏng. Mà tôi quen gọi bác sĩ computer. Từ lâu, tôi phục Phương không chỉ vượt qua tật nguyên bản thân để đạt tấm bằng cử nhân Khoa Công nghệ Thông tin loại giỏi, anh còn thực hiện hoàn chỉnh ý tưởng, mở một bệnh viện chữa trị máy vi tính, gồm Khoa Cứng (ổ cứng), Khoa Mềm (chương trình bị lỗi, cài đặt mới), Khoa Mắt (màn hình)... Trong giờ làm việc, nhân viên cho đến giám đốc đều mặc blouse. Năm nay, phát đạt lắm mới chơi mai kiểng ? Tôi nói :

- Đi thì đi. Nhưng bác sĩ nhớ đem tiền nhé, một chậu mai bèo lắm cũng hơn một triệu.
- Chuyện nhỏ. Ông xuống, mình đợi.
- OK !

Tôi và Phương lang thang trong chợ hoa. Bầu trời lâm thâm mưa bụi, bỗng ầm bởi rừng mai hé hé ngàn nụ vàng rực góc trời đông. Gặp một cụ già băng khuâng chòm râu trước chậu lão mai treo giá chín mươi chín triệu đồng, tôi giật mình :

- Người mua chậu lão mai này chơi Tết không kẻ cướp ngày cũng gian thương.
- Bậy ! Các đại gia vùng tiền chơi trội ba ngày Tết hoặc Việt Kiều khoe của chẳng hạn.
- Vậy họ mang tội phung phí. Chúa dạy : "Con có hai chiếc áo ấm, người cạnh con không có chiếc áo ấm nào, con đã có tội"

Phương xệch miệng cười :

- Sao Chúa không dạy : "Thân thể ta ban cho con, con không sắm nổi chiếc áo phủ ấm nó, con đã mang tội"

Tôi nóng mặt ! Hiểu ý Phương, chê người không chịu làm ăn, đợi người khác bố thí, ban, cho nhưng tôi vẫn cãi :

- Mình muốn nói sự đùm bọc giữa con người với con người thôi.

Phương vừa đi vừa ngúc ngắc đầu, cười... rồi lái qua chuyện khác với ý hạ hỏa cuộc tranh cãi không đáng có giữa chúng tôi :

- Năm trước mình ăn Tết ở thành phố, cô đơn hết nói luôn ông. Ở thành phố những ngày giáp Tết mới vui, người ta đi sắm Tết rùng rùng. Sau đó người vui dần. Mừng một Tết phố phường vắng teo. Thành phố đông là do các tỉnh tụ về làm ăn, học hành. Tết họ lũ lượt về quê. Còn dân bản địa quây quần với gia đình đón xuân, ai chạy ra đường làm chi.

Hai đứa tôi rảo quanh một vòng ngắm hoa xuân. Cuối cùng, tôi cũng chọn cho Phương một chậu mai kiểng dáng thác đổ rất đẹp với giá hai triệu một. Tôi và ông xích lô khệ nệ khiêng chậu mai ra xe. Tôi nói :

- Chú chở chậu mai đến Bệnh viện Computer đường...

Phương chống nạng khắp khiêng bước tới :

- Không phải - Phương tỳ nạng vào vách, rút cây viết Parker trên túi áo, viết mấy dòng sau tấm cạt tên và ông xích lô - Nhờ chú chở chầu mai đến số nhà này, nói với anh Tân, chị Xi mua.

Tôi đứng sững giữa nhộn nhạo người đông lao nhao mua bán hoa Tết, nhìn ông đạp xích lô thùng thẳng đạp xe đi ! Phương nhìn tôi với vẻ bí mật. Khi chở tôi trên chiếc xe Wave Anpha ba bánh của Phương, Phương mới lên tiếng :

- Vào quán uống ly cà phê, mình kể chuyện này ông nghe.

“Chiều qua, mình xuống huyện chữa máy vi tính và cài Norton AntiVirus cùng Word 2003 cho khách xong, định về. Ông chủ thấy mình có tật mà thao tác máy móc thành thạo, ông cảm động mời mình ở lại uống với ông vài ly Rémy Martin gọi là “Mừng anh chàng giúp việc của ông sống lại”. Mình chạy xe về nhà cũng gần 23 giờ khuya. Khi qua cầu, thấy một cô gái đứng bên thành cầu, mình sinh nghi. Ông biết đấy, giữa đêm hôm khuya khoắt không bóng người và lạnh cắt da thế này mà có một người đứng trên cầu, thì chắc chắn cô ta muốn tự tử, mình phanh xe : “Cô kia, không được làm liều !”. Cô gái không cần biết sự có mặt của mình, cô từ từ leo lên thành cầu, mình sợ không kịp ngăn cô, liền rút cặp nạng, bước nhanh lên lề cầu, mình vấp lề cầu bổ dúi, úp mặt ngay trên cuốn sổ và đôi dép cô ta cố ý để lại. Nghe mình bị té, cô gái luống cuống bước xuống đỡ mình dậy, mình không cảm ơn cô, còn hét : “Cô coi tôi liệt cả hai chân đây này mà tôi còn muốn sống !”. Cô gái khóc oà không chịu về. Mình năn nỉ hồi lâu cô mới chịu về nhà mình nghỉ tạm qua đêm. Đưa cô gái về nhà, mẹ mình lấy áo quần cho cô thay, chị mình đổ mì tôm cho cô ăn. Ăn xong cô cho cả nhà mình đọc lá thư tuyệt mệnh cô viết trong cuốn sổ để lại trên cầu”. Phương kể xong, tôi lấy cuốn sổ đọc bức thư tuyệt mệnh :

“Con biết không, không phải mẹ làm đổ chầu mai kiếng của ba mà ba con đánh và đuổi mẹ “Đi cho khuất mắt tao !”. Những ngày thường khi mẹ không có lỗi gì, sau những lần ba con say về, ba con lại dùng những lời nói bóng gió khiến cho mẹ không tài nào ngủ được. Mẹ bèn tìm cách khiêu khích ba con nói ra suy nghĩ của mình và cuối cùng mẹ đã làm được. Một hôm, khi đang ngồi xem phim, ba nói con gái Việt Nam đua đòi mặc áo rê dài lút đất. Mẹ nói, bữa ni ra đường, toàn con gái nhuộm tóc xanh, tóc đỏ thiếu chi. Vậy mà ba con chửi mẹ: “Đồ chó, tao có răng thì cũng hơn mi gấp vạn lần, thúi như... mà còn bày đặt khích tao, may tao rước thì cũng là đồ đĩ”. Mẹ cảm thấy tức ngực. Thì ra ba con ngoại tình cũng chỉ vì mẹ có một quá khứ không tốt đẹp. Ba con căm thù mẹ đến nỗi đi ăn nằm với bồ về, mẹ nói thì thẳng tay đánh đập trong lúc bụng mang dạ chửa, may mà nhờ trời Phật phù hộ không thì con cũng không có mặt trên cõi đời này. Khi trước ba con cứu mẹ ra khỏi chốn đầy đoạ nhưng giờ đây ba con lại hành hạ mẹ từng giờ từng phút. Con nghĩ xem, trước khi về làm vợ ba con, mẹ đã biết trước ngày này sẽ đến nhưng ba con hứa hẹn, nào là đạp lên dư luận mà sống. Mẹ cũng cố gắng vượt qua khỏi mặc cảm quá khứ đang đè lên trái tim mẹ. Bốn năm trôi qua, những người xung quanh mẹ đã nhìn mẹ với con mắt khác, mẹ đi ra đường cũng không còn phải cúi mặt. Đó là ba con đã làm được một việc, cưới đĩ về làm vợ, chứ không phải một số người cưới vợ về làm đĩ. Giờ đây mẹ không biết phải làm sao, trong đầu mẹ chỉ tưởng tượng ra cảnh ba con đứng trừng mắt, nghiêng răng thẳng tay vụt những cán chổi vào thân thể mẹ. Mẹ chỉ muốn chia tay ba con. Mẹ biết làm như vậy sẽ tội cho con lắm. Mẹ là một con người vô dụng, chỉ biết ăn bám. Mẹ không muốn cứ tiếp tục sống rồi sau này lớn lên lại chính con lặp lại những lời nói đó của ba con dành cho mẹ. Mẹ sợ lắm, mẹ sợ mẹ không chịu nổi ! Cho nên mẹ xin con hãy tha thứ cho mẹ, đừng trách mẹ bỏ rơi con ở lại mà không tiếp tục chăm sóc con, cho đến khi con khôn lớn. Bởi mẹ không còn sự lựa chọn nào nữa nên mới lựa chọn cái chết để tâm hồn được thanh thản. Mẹ đi đây, hôn con...”

Tôi thần thờ trả cuốn sổ cho Phương và hỏi :

- Cô gái đó nhờ bác sĩ mua chầu mai đèn cho chồng cô, để cô ta được đoàn tụ gia đình à ?
- Không mình bỏ tiền ra, mình nghĩ tốn mấy triệu, biết đâu cứu được một mạng người.

Mồng một Tết tôi đến đạp đất Bệnh viện Computer của Phương. Giáp Tết Phương mời: “Sáng mồng một nhờ ông xuống đạp đất bệnh viện của tôi nhé, rồi ta đi chùa xin lộc đầu năm”. Tôi đến

bệnh viện của Phương đã thấy Xi – cô gái định quyền sinh đang ngồi bỗng thẳng cu con kháu khỉnh. Bên cạnh Xi là Tân - chồng Xi. Tân đang nói với Phương :

- Anh cho tôi trả lại chậu mai...

Phương xua tay, cắt lời :

- Tết nhất nói chi chuyện vay, trả. Anh để đó làm kỷ niệm. Khi nào anh giận cô Xi, anh nhìn chậu mai anh nhớ đêm 23 Tết, Xi định... là được rồi. - Thấy tôi đứng lù lù sau lưng vợ chồng Xi, Phương nói to - Lại đây, chúng ta uống ly rượu mừng xuân nào !

Trước mắt tôi, một gia đình vui vẻ quăn quýt bên nhau. Tôi nghĩ, một chậu mai giữ được hạnh phúc một gia đình thì đúng là chậu mai hạnh phúc. Bác sĩ computer của tôi cũng đang tươi vui từ nguồn hạnh phúc của gia đình cô Xi và anh Tân. Tôi cũng lóm dóm nước mắt bởi lòng nhân ái của bạn tôi - một người khuyết tật thánh thiện.

Chuyện vậy mà đã được một năm.

Huế, xuân 2007

NGUYỄN NGUYỄN AN



thơ

THANH CHƯƠNG

XUÂN LY HƯƠNG

*buồn quá xuân ơi ! trời đất lạ !
cúc mai chẳng thấy nhớ quê nhà
mênh mang tuyết trắng màu đông giá
tê buốt nỗi đau ! mắt lệ nhòa !*

*ly hương cô độc ! đời thay đổi !
ngươi cũng vô tình ! giòng nước trôi ..
bờ bến xa rồi thuyền mất hướng !
lênh đênh biển sóng ! giữa trùng khơi !*

moorpark.dec.2013

THANH CHƯƠNG

MÙA XUÂN

KIM YU-JONG

TỪ VŨ phóng dịch

- **B**a ời, ba có nghĩ là...mùa xuân này thì...

Mỗi khi tôi, gãi đầu gãi tai, thử đề cập đến vụ đám cưới của tôi với con gái ông ấy (cũng phải nói thêm rằng tôi đã dư cái tuổi để bàn về chuyện này) thì y chang, chục lần như một, ông ta hỏi vặn lại tôi :

- Đồ vô dụng ! Trước khi nghĩ đến việc cưới hỏi thì cũng phải để nó lớn lớn một chút nữa chứ ! Chuyện "để nó lớn lớn" ám chỉ Ái Xuân, cô vợ tương lai của tôi.

Tính đến hôm nay cũng được ba năm và bảy tháng rồi, tôi, thằng Đinh Thanh lé kim này, đã phải cật lực lao động tại cái nông trại của ông ấy, bố vợ tương lai tôi, mà chẳng được lãnh một đồng xu các bạc nào. Ông bố vợ tương lai luôn luôn bảo rằng con gái ông ta chưa đủ khôn lớn . Cứ cái điều này thì chẳng biết đến lúc nào thì Ái Xuân khôn lớn được như ông ấy nghĩ ? . Nếu về những chuyện làm lụng thường nhật mà ông ấy trách móc tôi hay chuyện ăn uống (ông ấy thường bảo rằng tôi ăn nhiều quá xá), những chuyện như loại này, tôi không thiếu lý lẽ để trả đũa ông ấy; nhưng về chuyện khi ông bảo là Ái Xuân còn bé hay còn trẻ con thì tôi lại hoàn toàn bó tay chịu thua.

Mặt khác, trong hợp đồng, thật là sơ hở lớn của tôi, sau khi ký xong tôi mới nhận ra được điều này thì đã quá trễ. Lẽ ra phải ghi thật rõ rệt thời hạn trong tờ hợp đồng, để ấn định rằng tôi sẽ được lấy con gái ông ấy sau ba năm lao động thì đằng này lại chỉ ghi rằng tôi sẽ được lấy con gái ông ấy lúc nào cô ta lớn.

Tuy nhiên cứ dần dà theo ngày tháng bất cứ ai cũng không tài nào lấy chuyện này làm một trò vui được vì biết đến lúc nào là lúc con gái ông ấy lớn đây ? . Tôi thì cứ nghĩ rằng theo ngày tháng thì con người phải lớn chứ đâu biết được rằng lại có cái loại người cứ nín lấy mặt đất, thay vì lớn theo chiều cao thì lại lớn theo chiều ngang mới chết . Tôi đã đặt tin tưởng vào ông bố vợ tương lai của tôi vì tưởng rằng đúng lúc là ông ta sẽ lo liệu việc cưới hỏi của chúng tôi nên đã cật lực lao động cho ông, lao động không kể ngày giờ, lao động hết như một con trâu. Theo tôi nghĩ thì khi nhìn được những điều này lẽ ra ông đã phải tự động đề nghị với tôi :

- Thanh này, trông thấy mày lao động vất vả, điều này chứng tỏ rằng mày có rất nhiều thiện chí, thôi bây giờ tao lo liệu việc cưới hỏi cho mày.

Nếu như ông giúp cho chúng tôi thành đôi, thành lứa thì thật tốt đẹp biết bao nhiêu ! Nhưng ngược lại, ông ta lại sợ tôi đề cập việc này nên mỗi khi tôi vừa mở miệng là ngay lập tức ông làm đủ mọi thứ để có thể tránh né vấn đề. Tôi cũng đâu phải là một thằng ngu đến nỗi không biết như vậy tuy nhiên sự kiện cũng kỳ cục đối với tôi. Ngây thơ như tôi, tôi đành phải tự bằng lòng chờ đợi khi nào Ái Xuân lớn lên theo như lời ông nói.

Có một lần, tôi định đem một cái thước để đo chiều cao của cô ả, nhưng chính ông ấy lại cấm đoán tôi, nhân danh những nguyên tắc kiêng cử gì gì đó mà không cho tôi và Ái Xuân sát lại gần nhau, đến nỗi ngay cả khi tôi đứng trước mặt cô vợ tương lai của tôi chỉ để nói giản dị một vài câu mà cũng không được. Chẳng hạn, mỗi lần tôi và Ái Xuân đi qua mặt nhau, gần cái giếng nước, tôi thử ước lượng đại khái chiều cao của cô ta. Lần khác, trên đường đi ra ngoài đồng, tôi đã phải nổi cơn giận, vừa nhổ nước bọt vừa càu nhàu với chính tôi :

- Đồ chó chết! sao bé con này lại như vậy được nhỉ ! thiệt là đồ chó chết !.

Ngay với tất cả mọi thiện ý mà tôi có thì thực ra, Ái Xuân cũng chưa cao được tới nách tôi (cũng phải thừa rằng tôi hơi cao lớn hơn những người đồng lứa với tôi một chút!). Con chó, con heo, những con vật đó thì lớn lên không ngừng nhưng vì lẽ gì mà con người lại lớn chậm nhỉ? Câu hỏi này đã làm tôi lẩn quẩn suy nghĩ hàng trăm lần đến nỗi nhiều lúc làm tôi tê cả óc.

Cũng rất có thể vì Ái Xuân thường ngày phải đội cái chĩnh nước nặng ở trên đầu nên đã làm cho cô ả bị chùn người lại. Nghĩ thế nên tôi đã kín đáo, thay thế cô ta, đi lấy nước từ giếng về đổ vào mấy cái vại để ở hè sau bếp. Còn nữa, cứ mỗi lần đi mót củi, tôi lại lấy một viên sỏi để trước bàn thờ nơi am thờ thần núi rồi lầm rầm khấn: "Tôi hết tâm khấn nguyện xin thần linh làm cách nào cho Ái Xuân mau lớn, lần sau tôi sẽ mang bánh nếp đến cúng tạ ơn!". Những việc đó tôi đã làm biết bao nhiêu lần mà tôi không thể đếm hết được, nhưng quả đúng là công dã tràng: Ái Xuân cũng chẳng cao thêm được một tý tẹo gì!. Và nếu tôi có kiếm chuyện với cái ông bố vợ tương lai của tôi thì cũng không phải là tôi ghét ông ta mà chỉ vì tôi không nhìn thấy được sự tiến triển trong chuyện hôn nhân của tôi mà thôi.

Này nhé, một lần nọ, sau khi đã cấy lúa xong, bắt thần tôi tự nhủ: Mình tiếp tục làm cái việc này để làm cái quái gì nhỉ? Nếu như lúa mọc lên rồi chín để cho Ái Xuân ăn mà lớn lên được thì đồng ý, tôi chấp nhận cấy. Nhưng nếu kết quả không phải như thế thì tội vạ gì mà tôi phải còng xương sống ra mà cấy lúa nhỉ? Tôi không muốn lao động vinh quang để cung cấp cho cái bao tử của ông già vợ tương lai được... Cái bụng của ông ta thì cứ mỗi năm mỗi phình ra đáng trước hơn một tý, ông ấy bảo là vì ông ấy bị vấn đề tiêu hóa gì gì đó. Lại một lần khác trong lúc tôi đang làm ở gần đường mương dẫn nước vào ruộng, tôi nhào lên bờ vừa ôm bụng vừa kêu lên:

- Đau quá, đau quá, đau quá!

Tôi hất chiếc nia đầy thóc đang bưng trên tay, nhào lăn dưới đất. Tôi hiểu rằng việc làm chẳng bao giờ đợi mình nhưng tôi đau bụng quá, tôi đâu có muốn đau như thế! Đau là đau mà! Đau bụng thì làm sao lao động được chứ, có đúng vậy không? Tôi vừa bắt những con đĩa đang bám dưới đuôi vừa ngẩng đầu nhìn ông bố vợ.

Đứng giữa cánh đồng, ông ta có vẻ khinh bỉ nhìn tôi:

- Quân ăn hại, lại kiếm chuyện gì nữa hả?

- Tôi đang bị đau bụng!

Dứt lời, tôi nằm thẳng cẳng trên cỏ. Nhìn thấy thế ông ấy nổi quạo, ba chân bốn cẳng bước lên bờ lạch, tiến lại, cúi xuống túm cổ áo tôi, vừa thẳng cánh xáng cho tôi mấy cú bạt tai (mà tôi không tài nào quên được) vừa hét lên:

- Đồ ăn hại! Mày không muốn làm việc hả? Mày muốn kiếm chuyện gì nữa đây? Mày muốn cho tao sạt nghiệp hay sao chứ? Tao sẽ đập nát vỡ mặt mày cho mày biết tay!

Khi có việc gì mà ông ấy không bằng lòng, tức thời ông ấy trở thành hung tợn, đó là bản chất của bố vợ tôi. Tôi lại xin hỏi các ông, các bà rằng có bố vợ nào lại chửi con rể mình là "quân vô dụng" "đồ chó đẻ" như bố vợ tôi hay không chứ? Chắc chắn là chỉ có một mình ông ta mới có thể "phát ngôn" được vậy mà thôi. Những lời xỉ vả người khác đối với ông ấy là việc tự nhiên: theo lời nhiều người trong làng, chỉ có những người chết trẻ thì mới không có đủ thời giờ để biết những điều ngậm đắng nuốt cay trong đời. Những đứa trẻ trong làng thì chỉ trở sau lưng ông bố vợ tôi mà gọi ông ấy bằng cái biệt danh "Ba Trợn" trong khi tên thật của ông là "Ba Tròn". Nói chung thì người làng không ai ưa ông ấy cả bởi lẽ ông ấy là quản lý cho ông Bái, một đại điền chủ (đây là từ ngày xưa mà người ta xử dụng còn bây giờ thì gọi là đại gia) cư ngụ ở trên quận Diên Khánh. Nói chung thì những người như ông rất giỏi bạc đãi, chửi rủa kẻ cày thuê cuốc mướn và cũng thường có dáng dấp diễn viên tồi nhưng lại luôn luôn khả khịa với người khác giống hệt như ông bố vợ tôi vậy. Ai mà không đưa cho ông ấy con gà mái dầu mà ông ấy thích hay không đến giúp ông ấy một tay vào một dịp nào đó thì cứ yên trí là năm sau sẽ không có được một mẫu đất của ông Bái để mà cày cấy và phân đất này sẽ được giao cho kẻ nào biết đến mời bố vợ tôi đi uống rượu hay biếu xén quà cáp ông cái gì đó. Chẳng có thể mà trong chuồng của bố vợ tôi, như một sự tình cờ, một con bò mập mạp với đôi mắt tròn to mà những người làm thuê, mặc dù những lời nguyện rửa của họ vẫn phải hùn tiền lại, mua biếu để lấy lòng ông bố vợ tôi.

Nhưng đối với tôi, ông ấy bắt buộc phải thương thảo chứ không như thế được. Đã có lần, mới đây thôi, ông ấy tát tôi một cái mà không suy nghĩ đến hậu quả. Ngay sau đó thì ông tự cảm thấy là tội. Tôi trông thấy ông ấy nuốt nước bọt, vẻ cực kỳ lúng túng. Tôi thì tôi hiểu điều gì đang xảy ra trong đầu ông ấy. Mai mốt đây phải chặt sậy, cấy lúa, tất cả những công việc đồng áng trước mắt chúng tôi. Phần tôi, tôi có thể ngả nón, chào ông ấy rồi cấp đít đi về nhà tôi để ông ấy tự mình lo liệu.

Chỉ vừa năm ngoái thôi, cũng gần vào khoảng tháng này, tôi đã chơi ông ấy một cú khi ông ta liệng một hòn đá trúng nhằm mắt cá chân của tôi và hình như là tôi đã bị trật sượng thế là tôi nằm thẳng trên giường ba, bốn ngày giả vờ đau đớn. Cuối cùng thì chính ông ta phải đến năn nỉ tôi - gần như nước mắt lưng tròng :

- Thôi, dạy đi Thanh, thử làm lưng một chút. Năm nay mình phải làm thế nào được trúng mùa để còn làm đám cưới cho hai đứa mày chứ !

Khi nghe ông ấy nói làm đám cưới là tôi ngồi dậy ngay, bắt tay trở lại vào công việc và chỉ một ngày tôi đã làm còn hơn người khác làm trong hai ngày. Nhưng hết mùa hè lại sang mùa đông, ông ta không giữ lời để tổ chức đám cưới cho chúng tôi dù rằng biết bao nhiêu bao lúa đã được đem cất vào kho. Tất cả những gì ông ta làm là chỉ bằng chiếc tàu hút thuốc của ông ấy vào Ái Xuân khi cô ta đội nước đi ngang chúng tôi mà bảo tôi rằng :

- Đây ! mày nhìn xem, đồ ăn hại, nó còn bé xiu, như vậy mà mày đòi làm đám cưới được hả ?

Tôi đỏ mặt vì xấu hổ và nổi giận muốn "tặng" ông ấy một cái tát tai rồi bỏ về làng tôi cho xong chuyện... nhưng tôi cố nhịn vì nghĩ tới việc trở về làng như thế bà con trong làng sẽ bàn ra tán vào : Tưởng đâu thằng Thanh đi ở rể khi về sẽ được vợ ... nào ngờ...công lao đổ sông đổ biển... Thế rồi, tôi lại gần ông ấy và lên tiếng :

- Tôi đi, trả tiền công cho tôi từ ngày tôi tới đây đến bữa nay...

- Mày tới đây để lấy vợ, theo như tao biết, chứ có phải tới đây làm công đâu hở ?

- Nếu thế thì phải tổ chức đám cưới đi. Ông bắt tôi làm việc quần quật cả ngày lẫn đêm nhưng có bao giờ ông nói đến chuyện cưới hỏi bao giờ đâu, vậy thì...

- Đâu phải là tao không muốn, mày cứ thử nhìn xem đã, nó có chịu lớn đâu nào...

Bao giờ ông ấy cũng chỉ lập đi lập lại cái "bài ca con cá sống vì nước"...và thông thả nhồi thuốc vào chiếc tàu đôi mắt hấp háy ngó về phía rặng tre. Cứ mỗi lần tôi đề cập chuyện cưới hỏi là y như rằng tôi bị hù nhưng lần đó, tôi nắm lấy tay áo ông ấy mà bảo rằng tôi sẽ lôi ông ta đi gặp chủ tịch ủy ban nhân dân xã để phân xử.

- Mày làm gì mà lôi kéo tao như vậy ?

Ông ta hét lên và nhất quyết không chịu nhúc nhích nhưng nếu nói đến sức lực thì nhất định là ông không thể bì được với tôi. Ông đã cư xử chẳng ra gì với tôi, bắt tôi làm việc như trâu trong lúc đó thì vẫn giữ khư khư con gái của ông ấy, đã vậy mà ông ta còn nạt nộ tôi nữa chứ ! Nhưng cũng phải nói thực ra nếu tôi làm vậy cũng chỉ vì tôi chẳng ưa gì ông ta mà nhất là hôm qua, khi tôi đang làm việc ở trên núi, bên mé đèo Chim, mỗi lần cây đến cuối luống là tôi ngửi thấy một mùi hoa thực quyến rũ mê hoặc tốc lên tới tận đỉnh đầu rồi như những tiếng ong rì rì. Ở mé dưới hẻm núi, tiếng suối chảy trên triền đá róc rách. Bầu trời mùa xuân, có mặt trời, nóng, chậm rãi sưởi người tôi, phải nói như là tôi đang đắp một tấm chăn nhẹ trên người...hết như trong một giấc mơ và cơ thể tôi như trở thành mềm nhũn hẳn ra giống như tôi bị cúm vậy- chưa bao giờ tôi như thế -, hay là tôi sắp ngã bệnh...

- Tiến, tiến...!

Khi mà tôi đánh trâu như vậy, theo thói quen, tôi cảm thấy đầy sức lực và làm tôi phấn khởi với việc làm nhưng cái bữa đó, không như vậy...Chưa được hết nửa cánh đồng là tôi đã thấy nặng nhọc, mệt mỏi. Tuy thế tôi vẫn tiếp tục đánh trâu bước.

- Đi! Anh! Đồ bẩn thỉu, dĩ thoã ! (bởi lẽ nó là con trâu của bố vợ tôi mà), mày sẽ biết tay tao, tao bảo mày đi thẳng mà...

Nếu tôi bức bối, không phải vì Anh, con trâu, mà vì kích thích của Ái Xuân - tôi nhìn thấy hồi nãy khi nàng đi qua trước mặt tôi sau bữa ăn.

Ái Xuân thực ra không phải là một cô gái đẹp tuy vậy cũng không phải là xấu xí. Nói tổng quát thì nàng ta vừa đúng để trở thành vợ tôi, đáng đáp hơi nặng nề một chút. Kém tôi 10 tuổi, tính như thể là năm nay Ái Xuân được 16 nhưng về vóc dáng thì lại như mới chỉ 14. Những cô gái khác thì cứ lớn theo tuổi nhưng Ái Xuân thì cứ ngấn ngùn hết như một quả dưa vàng...theo lời người ta thường bảo thứ dưa vàng thì ngọt nhất mà cũng lại đẹp nhất trong các loại dưa. Tôi rất thích cặp mắt to tròn của Ái Xuân, cặp mắt linh động và dễ thương cho dù là hơi to một chút. Ái Xuân có một cái miệng hơi rộng nhưng với đôi môi đầy biểu lộ ra rằng suốt đời cô ấy không sợ bị dối. Còn ao ước gì hơn khi được ăn uống đầy đủ nhỉ? Thực là một phép lành trời ban cho! Ái Xuân chỉ có một khuyết điểm: đôi khi bị kích động (ông bố vợ tôi bảo là cô ấy sống động). Một ví dụ, trong bữa ăn mà Ái Xuân mang ra đồng cho tôi, đôi lúc thức ăn đồ nháo nhào đến nỗi cô ta cho tôi ăn cơm trộn đất nhưng nếu tôi không nuốt thì cô ta tỏ vẻ băn khoăn suy nghĩ nên vì vậy tôi nuốt vội nuốt vàng đến nỗi cũng không biết là tôi nuốt cơm hay nuốt sỏi nữa. Có một lần, lạ lùng, Ái Xuân cẩn thận đặt giỏ thức ăn dưới đất, sau đó, vì hai người không thể ngồi đối diện nhau, cô ta nhích xa ra một chút và ngồi xồm, lưng quay lại, đợi tôi xong bữa ăn. Lúc tôi vừa ăn xong, Ái Xuân nhích về phía tôi, thu nhặt chén bát, tôi cũng không biết là cô ta lăm bằm một mình hay nói với tôi mà chỉ nghe:

- Làm việc cả ngày cả đêm quan trọng lắm chứ!

Tôi há hốc mồm kinh ngạc. Cô ấy nói với tôi như thế là có ý gì? trong lúc, cho đến giờ phút đó, tất cả đều theo đúng quy luật đã được ông bố vợ tương lai của tôi đặt ra: cấm không được nói chuyện với nhau. Điều này chứng tỏ là công việc của chúng tôi sắp được giải quyết thoả đáng, thế là tôi chộp cơ hội, làm như tình cờ:

- Như vậy thì mình phải làm sao nhỉ?

Mặt Ái Xuân đỏ lên như một quả cà chua chín, quăng vào mặt tôi một câu:

- Thì cứ bảo làm đám cưới cho mình là xong.

Dứt lời, Ái Xuân đứng dậy chạy như bay.

Bất động, một hồi lâu sau, tôi tự nhủ rằng chẳng biết mình có hiểu hết câu cô ta nói hay không, mà chỉ biết nhìn theo dáng Ái Xuân càng lúc càng xa.

Vào mùa Xuân, cây cỏ, nhựa sống tươm lên, những mầm non từ mặt đất trời lên. Rất có thể nơi đàn ông cũng giống như thế: Tôi thực sung sướng khi biết được là Ái Xuân đã lớn, chắc chắn là ở bên trong, từ mấy bữa nay. Nhất là điều này không còn cho phép nói cô ta còn bé được nữa...

Khi cả tôi và ông bố vợ tương lai của tôi đã tới được nhà chủ tịch ủy ban nhân dân xã thì cũng là lúc ông ấy đang ở trong chuồng heo cho heo ăn. Từ ngày ông ta có dịp về Sài - Côn, học theo phong cách của các đại gia ở thủ đô, thì ông để râu ria xĩa lên hai bên mép nhọn hoắt như hai đầu mũi tên - nếu chỉ nhìn phớt qua người ta có thể bảo rằng đấy là một cái đuôi chim én thò lò ra khỏi tổ - ông lại học được thêm một môn phụ: đưa mấy ngón tay lên ve ve cho mịm.

Sau khi nhìn hai chúng tôi, ông có vẻ hiểu được lý do:

- Chuyện gì đã xảy ra? Bữa nay hai người không làm đồng áng gì sao?

Tôi chen lên trước ông bố vợ tôi, đang sắp sửa trả lời:

- Tại vì, thưa ông chủ tịch, tôi và ông bố vợ tôi...không, "thân phụ tôi" đây và tôi...

Tôi sửa lại vì lẽ ông bố vợ tôi không thích tôi gọi ông ấy là "bố vợ" mà nhất là trước công chúng, mỗi lần như thế ông ấy làm mặt trận mặt thượng hết mấy ngày. Ông ấy bảo là ngay cả một con rắn, ông ấy cũng không thích người ta gọi là con "rắn", nên hai chữ "bố vợ" cũng như thế, rồi ông dạy tôi phải gọi là "thân phụ tôi" cho có vẻ cung cách con nhà đại gia, tuy thế chẳng bao giờ tôi nhớ được. Lần này, tôi nhớ vì lẽ chính lúc đó, ông bố vợ tôi đã vừa dẫm chân tôi một phát như để nhắc nhở vừa liếc tôi bằng cặp mắt bén như dao mới mài xong.

Sau khi đã nghe tôi trình bày, chủ tịch ủy ban nhân dân có vẻ như động lòng trắc ẩn. Ai mà lại không động lòng trắc ẩn khi nghe chuyện của tôi chứ? Chủ tịch ủy ban nhân dân xã thọc ngón tay, móng tay dài ngoằng, vào mũi, lôi ra một đám cứt mũi rồi nhìn mặt ông bố vợ tôi, trả lời đúng như điều mà tôi muốn:

- Ba ơi! nó đã muốn thế tại sao mà lại không cho chúng nó lấy nhau cho rồi đi?

Bố vợ tôi, tròn tròn mắt, lớn tiếng đáp:

- Thì cũng phải chờ cho con bé nó lớn lớn một tý chứ !.

Chủ tịch xã có vẻ bối rối, chẳng biết trả lời thế nào nữa, chỉ còn lắp lửng :

- Trong trường hợp như vậy, thực như thế thì ...

- Nhưng mà bốn năm qua, cô ấy cũng đã lớn, nếu vậy thì bao giờ cô ấy lớn ? Như thế là quá lắm rồi, tôi muốn ông trả tiền công lao làm lụng của tôi ngay bây giờ...

- Lý do gì mà mày trách móc tao chứ đồ vô dụng này ? Có phải là chính tao bảo nó đừng lớn không ? Tao làm gì được lúc nó không muốn lớn chứ ?.

- Bà "thân mẫu" tôi , vợ của chính ông, bà ấy bé như một con chim sẻ (thực như vậy, bà ta còn bé hơn cả Ái Xuân nữa đó), bà ấy còn biết đẻ đẻ nữa, có đúng thế không ?.

Nghe vậy, bố vợ tôi phá lên cười, nhưng ngay sau đó, khuôn mặt ông thay đổi hết như ông ta vừa nhai trúng phải một cục sỏi khi đang ăn cơm. Vừa giả bộ như đang hỉ mũi ông ấy vừa thúc một cùi chỏ vào bụng sườn tôi để trả thù.

Đồ khốn kiếp, đã vậy thì chơi tới luôn, tôi giả bộ như đang đuổi mấy con ruồi đang bám dưới ống chân rồi giáng cho ông ấy một cú vào mông đít, chỉ xem một chút là ông ta bị nhào vào tấm lưới mắt cáo ở cửa . Ông ta rất muốn chửi tôi là đồ chó đẻ như thường làm nhưng vì giữ kẽ trước mặt chủ tịch xã nên chỉ còn nước ngay ngắn đứng lại trợn mắt nhìn tôi dọa nạt. Cảnh tượng lúc đó thật là buồn cười.

Cuộc hội kiến của hai chúng tôi với ngài chủ tịch chấm dứt mà vấn đề vẫn bế tắc : Bố vợ tôi thì thâm vào tai chủ tịch xã điều gì đó (theo lời kể của thằng Mông, bạn tôi, chủ tịch xã nghe lời bố vợ tôi vì cả hai có liên quan với nhau trong vụ "chia lô chiếm đất dành dân" ở gần mé núi, nhưng tôi thì không tin cho lắm) sau đó bố vợ tôi bỏ đi ra trước. Còn tôi, lại quay về cấy lúa tiếp, tuy nhiên trước đó thì chủ tịch cũng nói riêng với tôi :

- Mày có lý, tao hoàn toàn thông cảm với mày vì mày muốn có một thằng con trai, vì cũng đúng vào tuổi cần phải có, nhưng nếu mà mày không tiếp tục làm trong lúc công việc đồng áng đang cần, hay mày bỏ về nhà mày, rất có thể mày sẽ phải đi học tập vì mày đã làm lỗi... vào thời buổi này người ta có thể bắt nhốt mà chẳng cần phải có lý do chính đáng....Hơn nữa theo luật lệ hôn nhân do nhà nước quy định thì mày phải đợi đến lúc con bé đó được đúng mười tám tuổi. Đừng nghĩ ngợi gì về thằng con tương lai của mày nữa mày sẽ có sau này. Phần Ái Xuân, bây giờ nó mới chỉ được có 16 tuổi hơn nữa bố vợ mày vừa nói với tao là sẽ cho chúng mày lấy nhau vào mùa thu năm nay, dầu thế nào chẳng nữa ông ta cũng là người tốt bụng. Thôi về làm việc đi . Bất quá cũng chỉ còn hai năm nữa thôi !.

Với lời hứa hẹn này mà tôi đã lại tiếp tục lao động vinh quang cho đến sáng hôm nay.

Nếu bố vợ tôi và tôi có oánh nhau sáng nay cũng chỉ vì một chút vì "tai nạn".

Lỗi của tôi là đã tới chơi với thằng Mông chiều hôm qua. Thằng Mông biết chuyện tôi và bố vợ tôi dẫn nhau đến gặp chủ tịch xã, nên khi vừa nhìn thấy mặt tôi là nó chế nhạo ngay :

- Ông ấy chơi mày đó, thế mà mày để cho ông ấy chơi mày được hở ?.

- Tao làm cách nào khác chứ ?.

- Đồ ngu, phải quát cho thằng chả nằm liệt dưới đất chứ - lòi thằng chả ra ruộng trần nước một hơi cho thằng chả biết tay !.

Thằng Mông đã nổi nóng thay tôi, nó nóng đến độ làm bể luôn cây đèn dầu nhà nó, lải nhải nói tiếp :

- Mày cứ tiếp tục lao động như trâu như vậy được à ? Thằng Dũng thì chỉ một năm sau là nó đã được vợ, còn mày, bốn năm rồi chứ bộ .! Mày nghĩ là mày sẽ là thằng rể thứ ba của thằng chả hay sao ? đừng có mơ con ơi! Tao biết là không phải chuyện của tao nhưng cũng làm tao nổi cơn điên được mày biết không hở đồ ngốc, chẳng thà mày ra giếng đâm đầu xuống chết đi còn hơn Thanh ơi !. Thằng Mông còn bảo tôi (như dạy con nó vậy): hãy cầm dao mà tự cứa cổ đi con ạ!. Nó nói nhiều điều mà tôi không tiện kể ra đây. Tôi chỉ tóm tắt lại để mọi người biết rõ hơn vì sao lại dẫn đến câu chuyện choảng nhau giữa tôi và ông bố vợ tôi.

Bố vợ tôi có 3 người con gái? Cách đây hai năm cô đầu lòng lấy chồng. Cô ấy không về nhà chồng, chuyện bình thường là như vậy ở đây, mà ngược lại chàng rể lại về nhà cô dâu đóng vai con trai. Ông già vợ tôi, chẳng thiếu gì ứng viên làm rể tương lai theo như lời người làng đồn đãi: từ ngày con gái ông ấy mới được 10 tuổi cho đến khi cô ta được 19 tuổi, nghĩa là suốt gần 10 năm, mười lần thay đổi "rể" - mười lần không phải là chuyện thường đâu nhé! - Vì ông ta chỉ có toàn là con gái nên mỗi khi ông nhận một anh chàng nào đó vào cương vị "rể" ông ta phải "tận tụy khai thác" - khai thác triệt để, khai thác nhanh, khai thác mạnh, khai thác vững chắc cho tới khi cô gái kể có thể thu hút được một chàng khác đến thay vai. Ông bố vợ tôi dư sức thuê một người làm công nhưng trong trường hợp này ông sẽ phải trả tiền, và lại theo luật lao động thì không có chuyện "người bóc lột người" được. Hơn nữa ông lại muốn có một "ứng viên rể" không biết nề hà công tác lao động mà ông ủy thác, nên ông đã thay đổi hết anh này đến anh khác cho tới khi tìm ra được một chàng đúng ý ông. Những ứng viên hụt, khi bị tổng ra khỏi nhà ông, chỉ còn biết tức giận ra đi tay không chẳng một thù lao nào. Ái Xuân là cô thứ hai, và tôi là ứng viên thứ ba. Ông bố vợ tôi đáng lẽ ra cũng đã tìm người thay tôi nhưng vì lẽ là tôi chẳng nề hà công việc gì mà cũng chẳng hó hé gì nên ông ta không muốn thay thế tôi. Cô con gái thứ ba chỉ mới được sáu tuổi và ông ta không thể hứa hẹn với ai được nên ông ta phải khai thác triệt để chàng rể tương lai thứ hai cho tới lúc con gái thứ ba có khả năng lôi cuốn được một ứng viên. Thằng Mông thúc đẩy tôi làm đám cưới nên nó bảo tôi phải quậy, song tôi chỉ trả lời "Ừ hử" thôi mà cũng chẳng chú tâm nhiều vào những lời nó nói. Thằng Mông hận ông già vợ tương lai của tôi từ ngày ông ấy không cho nó thuê đất để cấy cấy nữa chắc vì sự hận thù đó nên nó xúi tôi, song nghĩ lại, nếu lúc đó nó cứ đưa cho ông bố vợ tôi cái nón cổ mục cũ mà nó sưu tầm (chiếc nón này ngày xưa là của một ông quan nào đó) thì nó đâu có bị mất đất lao động. Chính cũng vì thế nên tôi không thể hoàn toàn tin tưởng vào thằng Mông và, nếu tôi mà nghe lời nó thì ngay tối hôm qua tôi đã nện cho ông bố vợ tôi một trận rồi chớ đâu đợi qua bữa nay mặc dù lúc đó ông ấy quả thực quá đáng, hung tợn đến nỗi mà tôi chắc chắn rằng ngay cả chính con gái ông ta cũng không ưa ông ấy được.

Sáng nào cũng vậy, Ái Xuân mang thức ăn sáng đến cho tôi. Tôi chỉ quan tâm đến lượng cơm mà cô ấy đưa cho tôi mà thôi. Trong cái giỏ có đựng một bát canh đậu nành, chút tương, một bát cơm trộn với lúa mạch và hơn phần cơm rất nhiều đó là củ nui mà Ái Xuân thường lên đó lượm về. Ông bố vợ tôi đã căn dặn là phải đưa cho tôi 2 đĩa, nhiều khi 4, nhưng về phần cơm thì bao giờ cũng chỉ đúng một bát.

Sáng nay, lúc đặt chiếc giỏ thức ăn trước mặt tôi, Ái Xuân nói, làm như cô ta nói một mình:

- Tại sao phải đến tận nhà chủ tịch mà cũng chẳng được cái gì?

Chính Ái Xuân cũng đã nói với tôi điều này bữa hôm qua hay hôm kia gì đó lúc ở đám ruộng trên cao kia. Thực vậy, lẽ ra tôi phải cứng rắn hơn, tôi thật là dỏ. Quay mặt về bức tường, làm như tự nói với mình, tôi đáp lại:

- Nhưng ông ấy nhất định từ chối, biết làm thế nào?

- Ít nhất anh cũng phải nắm râu ông ấy chớ. Anh đã để cho ông ấy muốn làm gì thì làm, thiệt là dỏ ẹt!

Ái Xuân bấu môi về giận hờn, rồi, mặt đỏ như quả cà chua chín, bực bội quay đi. May thay, không có ai để chứng kiến bản mặt tôi khi đó: hẳn là tôi giống hệt như một con chim sẻ nhỏ vừa bị lạc mẹ.

Trong đời tôi, chưa bao giờ tôi lại buồn đến như thế. Người nào khác, họ có thể chê bai tôi, nói xấu tôi cái gì cũng được, thầy kệ họ... nhưng cô vợ tương lai của tôi chê tôi "dỏ ẹt" là không thể được với thằng Đinh Lâm Thanh này rồi. Nếu như cô ta thấy tôi ngu xuẩn, tôi thấy tôi chẳng còn lẽ sống trên đời này nữa.

Sau bữa ăn nhạt nhẽo, khi sắp sửa ra đồng làm việc, tôi thay đổi ý kiến. Đặt chiếc giỏ đeo lưng xuống đất, tôi nằm dài người trên nền đất giữa sân, tự nhủ: Thà chết đi còn hơn là cứ tiếp tục cái cuộc sống chó má này Đinh Thanh ạ!

Tôi mà không làm thì bố vợ tôi cũng không thể làm được một mình. Đúng ngay lúc đó, ông từ trong nhà đi ra, tay chấp sau đít, ợ lên một tiếng to rồi quát tháo:

- Mày lại giở trò gì nữa đây, quân ăn hại ?
- Tôi đau bụng...đau lắm...!
- Cái gì ? Mày ăn cho lắm ... phải không ? Nếu mày làm trái với người khác là mày đi tù con ạ, mày biết không ? Mày cứ chống mắt lên mà xem Thanh ơi !...
- Tôi bất cần. Tôi đau bụng !

Tôi nghĩ, điều quan trọng không phải là việc đi tù, đi cải tạo học tập hay không mà là đến lúc nào thì tôi có được một thằng con trai, tôi sẽ còn phải tiếp tục chịu đựng sự đối xử tệ bạc của ông ấy cho đến bao giờ .? Vì thế, phải giải quyết dứt khoát ngay, giải quyết một lần cho xong.

Bố vợ tôi nhìn thấy sau khi ông đã nạt nộ tôi không ngồi dậy. Mắt ông đỏ lửa, tìm một cây gậy, thọc ngay dưới bụng tôi để bẩy tôi lên. Bụng tôi khi đó còn đầy vì mới vừa ăn xong nên thật đau, tuy thế tôi vẫn ráng giữ không cựa quậy gì. Thế là, bố vợ tôi bắt đầu giơ gậy đập . Sức đập của ông cũng mạnh nhưng tôi, tôi vẫn chịu đựng, nhắm mắt, chẳng phản ứng gì mà ngược lại còn làm ra vẻ thích thú nữa , cho đến lúc chiếc gậy rơi xuống bệ sườn tôi đau điếng, thế là không còn chịu được nữa, tôi nhồm dấy, túm râu ông ấy. Chẳng phải là tôi giận dữ đâu mà chỉ vì Ái Xuân, tôi biết, lúc này từ trong nhà bếp, đang theo dõi chúng tôi qua kẽ vách.

Ái Xuân đã xem tôi là một thằng "dở ẹt", đây cơ hội này để tôi chứng tỏ cho cô ta biết. Tôi có thể giang thẳng cánh giáng cho ông bố vợ tôi một chiếc bạt tai nếu tôi muốn, nếu làm thế nhất định Ái Xuân sẽ hài lòng . Tuy nhiên, rất đại lượng, tôi chỉ nắm chặt chòm râu và kêu to cố ý để Ái Xuân nghe : " Tôi nhổ râu ông, nhổ râu ...". Nhất định là Ái Xuân sẽ rất hài lòng ...vì tôi đã làm những gì mà cô ta bảo tôi phải làm mà .

Đến đây thì bố vợ tôi tức giận đến cùng cực, với chiếc gậy cứ thế ông phang trên vai tôi. Đau quá sức, tôi, cố ngẩng cao đầu, rồi nổi cơn điên...Cái ông bố vợ đểu giả này, lần này quá đáng rồi, thế là tôi đẩy ông ta lên bờ dốc cao rồi hất ông ấy xuống. Bố vợ tôi bò lên, tôi lại đập xuống, cứ thế liên tục ba bốn lần.

- Lý do gì mà ông bắt tôi làm như trâu mà lại không cho tôi cưới hỏi gì ? Tôi thét lên. Nếu như ông trả lời tôi là ông sẽ cho lấy nhau vào ngày mai thì tôi đã ngưng lại liền. Như vậy, tôi đâu có đánh đập gì ông ấy đâu để sau này người ta có thể trách móc tôi. Nhưng ngược lại, sau khi đã bò lên được bờ đê, ông ta túm lấy đúng ngay cửa quần tôi. Ái, ái! Đau quá chừng! Tôi có cảm tưởng là trời đất quay cuồng quanh tôi.

- Ba ơi! Ba ơi! Ba ơi!
- Đồ khốn nạn, mày muốn giết tao hả ?
- Ái! ái! ông nội ơi, bỏ tôi ra, xin bỏ tôi ra!

Tôi giơ tay lên trời khua khua, người đầm mồ hôi, tôi đã tưởng rằng tôi sắp chết. Ông ấy vẫn không chịu bỏ ra, tôi như một chiếc rễ rách lê dưới đất, nửa tỉnh nửa mê. À, thực là quân khốn kiếp! khốn kiếp! Bố vợ tôi mà lại làm như thế sao ? Tôi chẳng tài nào đứng lên được nữa. Tôi không nhìn thấy gì nữa, đôi chân tôi mềm nhũn ra như bông gòn. Chẳng biết sức lực nào đã đưa tôi lại gần ông ấy và, đến lượt tôi, tôi túm đúng ngay được đúng quần ông .

Tôi đã túm chặt, xiết chặt cửa quần (hiển nhiên là tôi đang xiết ở cơ quan chỉ đạo trung ương của ông ấy) ông mạnh đến nỗi...

- Ái, ái! đồ lưu manh! Mày có bỏ ra không ? bỏ ra! bỏ ra ! Ông rú lên như một con gà trống bị điều hâu tha đi.

Phải nhìn cảnh ông ấy giơ tay quạy không khí mới thấy thú vị. Sao tôi lại bỏ ra được nhỉ ? Tôi đã khởi sự thì cũng phải kết thúc đến cùng. Đến lượt tôi chơi ông ấy mà . Tuy thế,lúc ông ấy nằm quay dưới đất tôi cũng sợ.

- Ông nội ơi! bỏ ra! bỏ ra!. Bố vợ tương lai của tôi rú lên.

Tôi không bỏ ra nên ông ta gào lên :

- Ái Xuân! Ái Xuân!

Bây giờ thì mẹ vợ tôi và Ái Xuân từ trong nhà hào hển lao ra. Tôi, tôi nghĩ là bà mẹ vợ tôi sẽ theo phe ông chồng, phần Ái Xuân thì nhất định sẽ hỗ trợ tôi và cô ta nhất định hài lòng khi chứng kiến là tôi thắng thế...

Nhưng, tôi hoàn toàn không hiểu nổi điều gì đã xảy ra. Chính Ái Xuân đã yêu cầu tôi phản ứng kháng cự lại cha cô ấy, mà bây giờ, chính Ái Xuân lại nhảy chồm lên người tôi, túm giật tai tôi đến độ muốn đứt ra.

- Trời ơi! nó muốn giết ba tôi, thằng lưu manh này! Vừa giật tai tôi Ái Xuân vừa hét.

Bỗng dưng sức lực trong người tôi như tan biến, và tôi đang quả thực là một tên ngu độn. Bà mẹ vợ tôi cũng thế, chồm lên người tôi, túm lỗ tai bên kia, cứ thế giật.

Tôi hoàn toàn bất động, và đây là cơ hội để bố vợ tôi phang vào đầu tôi một cây gậy. Tôi cũng chẳng cần né tránh mà chỉ dương mắt nhìn Ái Xuân, ngờ ngạc nhiên, và tôi chẳng hiểu gì, tôi cố thử hiểu mà cũng chẳng tài nào hiểu được.

- Đồ đều giả! Ái Xuân xỉa xối vào mặt tôi. Mày dám làm những chuyện như thế này với bố vợ của mày đến nỗi ông ấy phải gọi mày bằng "ông nội" hả ?.

Serénité - Troyes ngày 01.01.2009 lúc 11giờ.28'.

Phóng dịch từ truyện của Kim Yu-Jong

TỪ VŨ



thơ

HẠC THÀNH HOA

CHỢ HOA CHIỀU BA MƯƠI TẾT

*Khi đến chợ hoa, hoa đã hết
Chỉ còn một đóa cúc tàn thôi
Cuối năm chiều lẫn vào sương khói
Đứng lặng chờ hoa khóc hộ người .*

HẠC THÀNH HOA

QUÊ TÔI, NGÀY ẤY – BÂY GIỜ

TRẦN NHUẬN MINH

Ngày ấy là năm 1968. Sau khi nữ nhà báo, nhà thơ Cộng sản Pháp, rất nổi tiếng, Madeleine Riffaud (Ma-đơ-len Ríp-phô) đăng trên hai trang báo *Nhân đạo*, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, xuất bản tại Paris (Pa-ri), bài ***Thơ Trần Đăng Khoa, tiếng hát mạnh hơn cả bom đạn***, đoàn làm phim Pháp do nhà đạo diễn – nhà thơ Cộng sản Pháp, Gérard Guillaume (Ghê – ra Guy – ôm) dẫn đầu, về làng Trục Trì (xã Quốc Tuấn huyện Nam Sách) quê tôi, quay phim ***Thế giới nhỏ của Khoa***. Phim này do Gérard Guillaume trực tiếp viết kịch bản, viết lời bình và đạo diễn. Trần đầy trong phim là hình ảnh làng quê tôi trong đời sống hàng ngày, với bao gương mặt cùng lớp với Khoa, cùng tuổi với tôi, rất nhiều bà con nông dân đang gặt lúa, gánh lúa, đập lúa... trong câu thơ của Khoa đọc bằng tiếng Pháp: “ *Thóc nở bung như sao / Nhuộm vàng cả trời cao...*” rồi họ đến nghe Xuân Diệu nói chuyện về thơ Khoa. Và rất nhiều học sinh đến trường qua các con đường làng nhỏ bé gập ghềnh, luồn hun hút dưới bóng tre, qua cả cái cầu, chỉ làm bằng một thân cây tre bắc ngang con ngòi khá rộng, các em nhỏ vừa lò dò đi, vừa phải bám vào cây sào chống xuống lòng ngòi, rất phiêu lưu đối với sự an toàn của học sinh lớp 3, khoảng 9 - 10 tuổi thời bấy giờ. Đặc biệt có hình ảnh nhà thơ Xuân Diệu. Bây giờ, muốn biết mặt, muốn nghe giọng nói của nhà thơ hàng đầu đất nước này, chỉ còn tìm đến những thước phim trong phim Trần Đăng Khoa này mà thôi.

Theo Xuân Diệu, trong bài viết giới thiệu tập thơ ***Góc sân và khoảng trời*** của Khoa, phim đã được đồng loạt chiếu ở các nước Châu Âu vào lúc giao thừa ngày 1 / 1/ 1969 và mang đến cho tác giả, đạo diễn và các nhà điện ảnh Pháp trong dịp làm phim, một giải thưởng của nền điện ảnh Pháp. Sau tròn 40 năm, năm 2008, phim này mới được chiếu ở Việt Nam. Hiện phim đang được lưu giữ tại Bảo tàng Văn học Việt Nam, Quảng Bá, Hà Nội. Theo nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hội nhà văn Việt Nam, phim sẽ được chiếu thường xuyên trên màn hình chạy dài ở ngay tầng một của Bảo tàng Văn học cho khách đến thăm. Và như thế, hình ảnh của làng quê tôi 45 năm trước (tính đến hết năm 2013) đã được biết đến rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới và các thế hệ hôm nay, các thế hệ mai sau cũng sẽ còn biết đến. Đây là bằng chứng trung thực và rất sinh động của một thời anh hùng nhưng vô cùng nghèo đói và gian khổ, để chúng ta có thực tế mà so sánh, đối chiếu với những bước đi ngày hôm nay ở một làng quê trong tiến trình phát triển của đất nước.

Khi Trần Đăng Khoa mang phim này về làng chiếu cho bạn bè của mình xem, sau 40 năm, chính các bạn của Khoa, những người còn lại và trở về làng sau chiến tranh, cũng không còn nhận ra những con đường làng mà mình đã đi vào những ngày đó là con đường nào, đi qua đâu. Cũng không nhớ hết tên bạn bè cùng lớp. Nhiều người đã khóc khi thấy bạn mình, người thân của mình đã nằm lại trên các ngã đường Trường Sơn những năm chiến tranh, mà nay vẫn còn đây, vật nhau, thả diều, chơi trò bịt mắt bắt dê, vui nhộn, nghịch ngợm, chơi đùa và ca hát. Bây giờ những con đường đã khác, những ngôi nhà đã khác, nhưng lòng người thì vẫn không khác, dù nhiều người ngồi xem lại chính mình, tóc đã đốm bạc, có người do sức khỏe giảm sút vì chiến tranh, đã nghỉ hưu non. Đó là lòng yêu quê hương, sự gắn bó với ruộng đồng và nhiệt tình cách mạng, sẵn sàng vì nước quên thân, nếu đất nước lại có giặc ngoại xâm. Và những cây tre xanh um, mọc chen nhau như lũy, dựng cao như thành, hai bên các nẻo đường nhỏ trong làng và viền quanh làng, biến làng thành cái ốc đảo xanh trên một biển lúa vàng mênh mông, thì nay không còn nữa. Một trong những bài thơ đầu tiên Khoa viết năm 8 tuổi, cùng với bài “***Con bướm vàng***” là bài “***Cây tre***” về hai bụi tre ở sau nhà mình, tôi chỉ còn nhớ một câu: “ *Ta ngồi ta hát / Ta hát*

tre nghe...” nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đã phổ nhạc... Bản nhạc vẫn còn... mà cả làng bây giờ không sao tìm thấy bóng của bất cứ một cây tre nào sau non 30 năm Đổi mới đất nước. Và những ngôi nhà tranh. Trong *Khúc hát người anh hùng* viết năm 1974, khi đã 16 tuổi, Khoa có câu: “*Mái gianh ơi hồi mái gianh / Ngắm bao mưa nắng mà thành quê hương...*” Hầu hết làng tôi lúc đó đều là nhà tranh, chỉ có hai hay ba gia đình có nhà ngói cấp 4 thì ông bà chủ, đều bị qui là địa chủ và đều bị tịch thu chia cho bản cổ nông và các vị bản cổ nông đã dỡ ngói và các xà ngang đòn tay bằng gỗ đem bán lấy tiền đóng gạo, thay vào đó là tre và lợp rạ lên mái. Bây giờ đi khắp cả làng quê tôi, không thấy bóng bất cứ một ngôi nhà tranh nào. Trong phim là ngôi nhà tranh 3 gian của bố mẹ tôi, trong đó, gian phía Nam có cái tủ sách nhỏ và cái cặp hai thanh gỗ treo sách của Khoa, vốn là cái cặp treo sách của nhà nho xưa, do nhà sư ở chùa làng mang đến tặng, sát cạnh đó là cái cối giã gạo: “*Khi mẹ vắng nhà, em cùng chị giã gạo*”. Theo mẹ tôi kể thì bác Phạm Hồ (báo *Văn Nghệ*), cô Trần Thị Nhâm (nhà xuất bản *Kim Đồng*), về nhà vào lúc Khoa “cùng chị giã gạo”, cũng đã tham gia giã gạo ở đây, mà cái giếng cối vốn là cái bia có giá trị văn hóa và lịch sử mấy trăm năm của địa phương bị đục bỏ trong Cải cách ruộng đất, mẹ tôi xin về làm giếng cối. Chính đại úy Ngọc Nhu, phóng viên báo *Quân đội nhân dân* là nhà báo đầu tiên về nhà Khoa, ông đã hi sinh tại Cửa Việt, Quảng Trị, trong một trận đánh giáp lá cà với quân Mĩ đổ bộ lên, mà Nguyễn Sinh đã mô tả trong *Kí sự đất lửa*, được tặng giải thưởng của Hội đồng văn xuôi Hội nhà văn Việt Nam những năm đầu có giải. Theo Ngọc Nhu kể, ông đã giã gạo với Khoa và tình cờ nhặt được ở chân cối gạo này bài thơ *Dặn em* và *Hoa lựu* mà không hiểu sao lại có ở đây, có thể là Khoa viết xong rồi thì bỏ đi chẳng, và ông là người đầu tiên giới thiệu Khoa, đăng cùng ba bài thơ, trong đó có hai bài thơ trên trong bài kí *Nỗi sám đường Năm* trên báo *Quân đội nhân dân*. Nhà thơ Hữu Thỉnh xem phim, kêu lên rằng: Không thể ngờ nhà Minh, Khoa lại nghèo đến mức như thế. Hữu Thỉnh đã về nhà tôi bốn lần, bằng số lần về của Xuân Diệu 40 năm trước. Ông đi từng góc vườn, nhìn từng cây, ra tận các ngõ cống... Trong phim là ba gian nhà nhỏ, tường vách đất, cửa sổ là mấy đoạn trúc cắm dọc, cửa lớn là cái đại đan ken bằng tre, cứ mở suốt đêm ngày và một cái võng, mẹ tôi thường nằm: “*Ba gian nhà nhỏ / Đây tiếng võng kêu...*” Trong nhà chỉ có 2 cái giường tre, trước đó còn không có màn, mùa hè mẹ tôi hun một đồng trấu to ngay giữa nhà để khói đuổi muỗi, rồi phát một nắm lá mía, vạt khắp các góc nhà sâm sẫm tối cho muỗi rụng cánh không bay đến người mà đốt được. Mùa đông thì trải ổ rơm. Nền nhà đất, sân cũng nền đất. Khoa có câu: “*Ngoài sân lội mấy chú gà liếp liếp*”... rồi sau đó, mới là “*Góc sân nho nhỏ mới xây*”... là mô tả đúng quá trình thay đổi của cái sân nhà tôi ngày ấy... Xuân Diệu viết, ông đã đi đi lại lại nhiều lần trên cái sân đất này, để nghĩ về thơ của Khoa. Đây là cái sân khâu của bài thơ *Mưa...* Cái sân đất, Khoa viết: “*Em thường giải cái nông / Ra giữa sân ngồi học*”...

Bây giờ, cái sân ấy tôi cũng đã xây lại, rộng gấp ba gấp bốn lần trước. Còn ngôi nhà, đã ba lần trùng tu, lần cuối cùng sau khi tôi vừa nghỉ hưu, năm 2005, nới thêm 2 gian thành 5 gian, tôn tường cao lên, vẫn trên nền nhà cũ, hướng nhà cũ. Điều ấy giải thích vì sao, nhà 5 gian mà cửa vào và sau cửa là bàn thờ trong nhà lại ở gian thứ hai. Chỉ còn duy nhất một hiện vật của thời “*góc sân và khoảng trời*” là cái chuồng lợn ở phía tay phải cổng vào, cái chuồng ấy bây giờ để không. Nó hiển nhiên là chứng tích duy nhất một thời còn sót lại. Cái giếng Khoa đang kéo nước lên, đã đặt tấm bê tông lên trên để mở rộng đường đi vào sân nhà.

Bây giờ... sau 45 năm. Bố tôi đã mất ở tuổi 93. Mẹ tôi nay đã 95, không thấy cần phải xây nhà tầng. Hơn nữa, tôi muốn căn nhà vẫn còn lưu giữ lại cái hồn vía của thời xưa... Vì thế, nhà tôi vẫn là một nhà vào loại dưới trung bình ở trong làng. Ngay cổng vào nhà tôi, một cháu làm đại lí bán phân bón ruộng, một cháu làm nghề trồng hoa, đã xây mới hai ngôi nhà hai tầng theo mô hình thiết kế Đà Lạt, rất khang trang và mơ mộng... Có năm, làng tôi đã xây mới đến 32 ngôi nhà như thế. Nhiều nhà 4 – 5 tầng. Có người từ Biên Hòa, Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh về thăm nhà, đến cổng nhà mình, còn hỏi thăm xem có phải nhà mình ở đây không? Kết quả của Công cuộc đổi mới đất nước là rất rõ rệt. Nó không chỉ thay đổi cơ bản cảnh quan làng quê mà còn thay đổi đến tận gốc rễ các số phận người. Làng tôi giàu lên, một phần là nhờ cải tiến nông vụ, trồng màu, nhiều năm trước đây cả làng trồng tỏi bán cho các công ti thu mua, sau đó thì làm hương. Và bây giờ xác định làm hương là một nghề chính, đã được công nhận là một làng nghề. Đi trong làng là đi trong ngào ngạt mùi hương và hương phơ ở các sân nhà, phơ ở bên đường làng đã giải bê tông, xoay tròn như những bông hoa kì lạ, giàu hương sắc cả bốn mùa.

Trưởng thôn mới của làng tôi bây giờ là ông Trần Quang Minh, rất được dân yêu, chỉ vì ông tận tụy với công việc của làng, Con đường bê tông rộng và dầy lên nghĩa trang của làng, xa đến

non 3 km, là dấu ấn cố gắng rất đáng ghi nhớ của ông, trong việc huy động sự tự nguyện của sức dân, cùng với cá nhân mình, lo toan từng ngày từng giờ cho chất lượng công trình đúng qui chuẩn, không để thất thoát dù chỉ 1 kg xi măng hay một thùng cát. Đây là một công trình giàu ý nghĩa về đạo lý và nhân văn, vì người chết và vì cả những người đang sống. Theo ông Trần Đức Bá, Bí thư đảng ủy xã, năm 2013, xã đã vận động 11 hộ dân hiến hơn 1 000 m² đất làm đường. Năm nào đường bê tông của các làng cũng được xây rộng dài và dày, theo tiêu chuẩn “xây dựng nông thôn mới”. Năm 2013, toàn xã nối dài thêm 1 800 mét đường bê tông, với tổng số kinh phí xây dựng là 1 tỉ 700 triệu đồng.

Vì có bố mẹ già, nhiều năm nay, tôi về làng nhiều lần hơn, sống cùng bà con lối xóm nhiều ngày hơn. Cảm nhận chung là ai cũng vui vẻ, hài lòng với những bước vượt lên của làng quê, trong phát triển kinh tế nông thôn và trong đời sống xã hội. Kíp lãnh đạo mới của xã có trí tuệ hơn, ăn ở với dân cũng có tình có nghĩa hơn, làm việc cho dân cũng có hiệu quả hơn. Ông Trần Đình Bá cho biết thêm, tổng thu nhập năm 2013 của toàn xã là 147 tỉ 100 triệu đồng, đạt 110,7% so với kế hoạch. Trong đó dịch vụ đã chiếm đến 37% cho thấy làng quê tôi đang hình thành một vùng thị tứ năng động, thích nghi với cơ chế thị trường. Trong xã, nhiều nhà đã có xe con, trong nhà đã sử dụng Internet (in-tơ-nét), có nhà có xe chạy Bắc Nam xuyên suốt tới tận TP Hồ Chí Minh, có dịch vụ đại lý bán vé máy bay... Còn các quán ăn, tiệm may, hiệu tạp hóa cỡ nhỏ bán tại cửa nhà... thì nhiều. Tôi có đoạn thơ vui viết về làng xã: “*Làng tôi thành quán lâu rồi / Bún gà, lòng lợn... cứ xoi suốt ngày / Hàng Tàu cho đến hàng Tây / Hàng nào cũng có phơi ngay ra đường...*” là ghi lại rất chân thật cảnh quan làng xã tôi, xum xuê nhất là các nhà hàng ven đường cái quan từ huyện lỵ Nam Sách đi qua xã lên Cầu Bình... Có gia đình chỉ có một nguồn thu nhập rất phong lưu từ một nghề chỉ đến ngày hôm nay quê tôi mới có là trồng hoa, bán hoa... Những vườn toàn hoa sắc sỡ quanh nhà, những khoảnh ruộng hoa đủ màu trên đồng làng, che chắn sau những tấm lưới ni lông xanh... Từ xóm nọ tới làng kia, rồi ra đồng, vào chợ, lên chùa, qua trường học, đến trạm xá... đường bê tông rộng dài, thẳng tắp...

Tôi nói nhiều tới các con đường, vì cái ám ảnh rất khó quên của tuổi thơ tôi, là tháng 8 năm 1949, ông ngoại tôi mất. Tôi lúc đó 5 tuổi, lò mò lội trên đường làng, nước ngập đến cổ để đi theo những người đưa tang ông... tí nữa thì tôi chết đuối vì sa chân ra khỏi con đường chính của làng đã ngập nước... Làng tôi có câu ca: “Một trăm cái tội, không bằng cái lội ở làng Trục Trì ...” Khi nhìn những chiếc xe con do trai làng lái, bon bon trên các con đường bê tông xuyên qua trước các hiên nhà hai tầng, ba tầng, bốn tầng, đủ các loại mái: mái tháp chọc trời theo kiểu Mỹ, mái nhiều màu vắn chéo củ hành theo kiểu Nga, mái vòm cong rất suy tư theo kiểu Pháp... xanh dịu dàng ánh đèn nê ông, xập xình những điệu nhạc nước ngoài hay véo von những câu dân ca quan họ... lòng tôi lại băng khuâng nhớ tới những xóm đói nghèo xưa, với những mái nhà tranh dột nát, đường làng nhỏ bé gập ghềnh bậc thang, đầy những phân trâu, và tiếng mẹ tôi cầm những nắm lá mía vụn muối tới tấp trong góc nhà tối, những làn khói trấu hun khói đuổi muỗi từ trong nhà bay ra ... nhiều cảnh như thế còn ghi trong kí ức và trong những thước phim về cậu bé Trần Đăng Khoa ngày ấy.

Năm nay, mùa xuân đến sớm. Hoa xoan đã trở chân chó trên các cành cây tường như khô, mưa bụi lay phây mỏng như tơ nhện bay lơ lửng... Trên đường làng, đã bắt đầu treo những đèn điện ông sao ... Các cô gái làng khoác tay nhau đi ăn tiệc cưới, cười nói rúc rích, đã diện những bộ trưng đẹp nhất thướt tha qua mắt tuổi 70 của tôi. Một mùi thơm thoang thoảng và xa xăm của tuổi trẻ... Tôi đi trên đường làng bê tông rộng dài, thầm cảm ơn trời đất, cảm ơn nhiều thế hệ cha ông, cảm ơn nhân dân mình... và nhận ra con đường chúng ta đã đi, đang đi là đúng đắn, là tươi đẹp xiết bao...

TRẦN NHUẬN MINH



XUÂN ĐÃ GIÀ

PHẠM PHÙ SA

Bầu trời cuối năm nặng trĩu, thấp như có thể nhìn thấy và đưa tay với tới được. Từng khối mây ám khói trên đầu, gió lạnh rít từng cơn. Cả không gian như cái tủ lạnh khổng lồ, càng về đêm nhiệt độ càng xuống thấp, chưa bao giờ thời tiết lại lạ lùng như mấy năm nay. Các nhà khoa học nói rằng đó là hiện tượng thay đổi khí hậu toàn cầu, hiệu ứng lồng kính chi chi đó. Mùa giáng sinh đã qua lâu rồi mà rét như càng ngày càng đậm hơn. Và mưa, mưa lất phất, thật là lãnh mạn, ít ra là đối với một tâm hồn nghệ sĩ đầy cá tính như vị khách đặc biệt của chúng ta.

Đó là một người đàn ông tuổi ngoài ngũ tuần, ông ta là tác giả kiêm đạo diễn của hội nghệ sĩ sân khấu thành phố. Như là một lập trình đã được mặc định hàng mấy chục năm nay, đêm đêm, dù có biểu diễn hay không, cứ khoảng gần nửa khuya là ông thích một mình tản bộ ra phố. Đêm nay cũng không ngoại lệ. Một ngọn gió ngược hất nước vào mặt, ông ta kéo cao cổ áo măng tô, để mặc cho mái tóc dài nhuốm sương lòa xòa bết nước. Mưa đã làm cho nó không còn bông bênh cổ hữu nữa.

Năm nào cũng vậy, hễ vào dịp cuối năm là các đoàn nghệ thuật xôn xao dàn dựng chương trình diễn Tết, chỉ hơn một tháng nữa thôi là Tết Nguyên đán lại về. Lần này ông muốn tìm một hơi thở khác hơn cho vở diễn của mình trên sân khấu nhỏ xuân này. Với ông, kịch sân khấu xuân không nhất thiết bao giờ cũng rộn rã, tưng bừng, chọc cười vô bổ. Tại sao không là một số phận, một mảnh đời xuân trong cái sôi sục ngày xuân? Ý tưởng ấy đeo đuổi ông trong suốt mấy tháng nay, len vào giấc ngủ. Miên man đuổi theo những tình tiết kịch bản, chỉ khi một chiếc xe máy vụt qua sát rạt, để lại hàng tràng câu chửi thề thô lỗ của mấy gã choai choai mới làm ông sực tỉnh, chợt thấy mình đã đến trước một quán quen bên đường.

Chọn một chỗ ngồi kín đáo trong góc quán, đưa tay phủi vội những hạt nước mưa, ông gọi một chai Rhum. Quán thưa thớt khách, dường như giờ này hầu hết những người đứng đắn đã về với tổ ấm của mình, hoặc giả vì trời quá lạnh ít người muốn ra đường nếu không có việc gì cần kíp. Trong những góc tối mờ, vài cặp tình nhân còn nán lại như muốn níu kéo thời gian dừng vội trôi đi. Ngoài kia, mấy ngọn đèn đường vàng vọt thả thứ ánh sáng mệt mỏi nhòa lẫn trong hơi nước càng buồn não ruột. Chốc chốc ánh đèn pha các loại xe trên đường quét loang loáng, xuyên qua các ô cửa vào chỗ vị khách đang ngồi, hòa trộn với ánh đèn màu trong quán biến nơi đây thành một sàn diễn nhỏ, làm ông liên tưởng đến một cảnh diễn trên sân khấu. Nơi đó là tình yêu, là cuộc sống của ông. Mà ngay lúc này đây, mình đang là một diễn viên, một nhân vật chứ không hề là một đạo diễn.

Tiếng nhạc từ những chiếc loa trên tường phát ra giai điệu nhè nhẹ, bài "Đêm đông" của nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương :

"Chiều chưa đi màn đêm buông xuống.....

.....

Ôi ta nhớ nhung đường về xa xa..."

Sao mà hợp người, hợp cảnh quá, bất giác ông chợt nhớ câu nói cửa miệng của bao người "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ", như là của tác giả Truyện Kiều thì phải. Khỉ thật, cái ông

Tổ Như đi guốc trong ruột người ta! Lúc này đây càng thêm thấm thía . Không gian này, bài hát ấy như giấc thôi miên đưa ông về khung trời kỷ niệm một thời.

Ngày ấy...Quang là một chàng trai đầy sức sống và tài năng đang độ chín. Tốt nghiệp đại học sân khấu hệ chính quy, về công tác ở một tỉnh ven đô trong một đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp. Anh thuộc mẫu người "hướng nội", trong nghề đạo diễn, biên kịch cũng như ngoài đời, thích đi vào chiều sâu nội tâm nhân vật hơn là diễn hình thể . Đêm đêm anh muốn một mình thả bộ rong ruổi qua các ngõ phố để chiêm nghiệm sân khấu cuộc đời, rồi tìm một quán nhỏ tĩnh lặng để hệ thống những trải nghiệm, xâu kết thành tư liệu lưu trữ trong ngân hàng ký ức. Lâu dần cái sở thích ấy đã trở thành thông lệ, một thói quen đến nghiện ngập mà thiếu nó chưa biết đời anh sẽ nhạt nhẽo đến nhường nào. Và, trong một lần như thế , số phận đã đẩy đưa anh đến với nàng.

Nàng kém anh năm tuổi, là nhân viên của quán và cũng là diễn viên tài năng của đội kịch Nhà văn hoá địa phương. Đẹp mặn mà, ngoại hình cân đối, thông minh, lanh lợi, ăn nói có duyên. Chính vì thế, cho dù không đẹp lộng lẫy, nhưng cô luôn là thời nam châm đa cực hút mọi người về phía mình.

Lần gặp đầu tiên mãi khắc đậm trong ký ức anh một dấu ấn không thể xoá nhoà. Thoa, tên cô gái trong bộ comple bằng dạ đen quý phái, tấm khăn voan màu mỡ gà choàng quanh cổ, vắt ngang, buông thõng qua vai kiêu sa và điệu nghệ. Suối tóc dài óng mượt buông xoã ngang vai. Cái "nền" ấy tôn lên vẻ đẹp sang trọng của làn da nõn nà. Anh không thể nào quên dáng đi nhẹ như lướt trên đệm cỏ đến bên bàn, một nụ cười khiêm tốn nở rộ rực rỡ như thiên thần làm nóng ấm đêm đông. Từ phút giây định mệnh ấy, nàng đã trở thành nhân vật chính của kịch bản đời anh và trên sân khấu của đoàn. Được Quang quan tâm tạo điều kiện, sẵn có năng khiếu bẩm sinh, nàng thăng tiến rất nhanh. Đôi trai gái tài sắc vẹn toàn, họ từng có một thiên đường hạnh phúc bên nhau trong tình yêu và hào quang nghề nghiệp. Quang vừa là người anh, người yêu, người thầy, người bạn , người đồng nghiệp. Ngược lại, nàng là nguồn động viên, nguồn cảm hứng vô tận cho anh chấp cánh. Tình yêu của họ đã khiến cho bao người ao ước, trầm trồ ngợi khen và cũng khiến không ít kẻ ganh ghét gièm pha. Anh thường nói đó là giai đoạn mà vườn xuân cuộc đời và sự nghiệp của anh rực rỡ đơm hoa. Cả nàng và anh đều biết, anh yêu nàng hoàn toàn không phải vì sự quyến rũ hình thức mà là quý trọng tài năng, sự thông minh tháo vát, sáng tạo trong nghề diễn. Một lẽ khác là sự cảm thông sâu sắc về cú vấp ngã nặng nề đầu đời của Thoa. Và, theo nàng thổ lộ thì nó như một vết thương lòng khó có thể liền sẹo khi tuổi mới vào yêu. Anh hi vọng bằng tình yêu chân thành của mình sẽ xoá đi dĩ vãng đau buồn ấy như một danh nhân nào đó đã nói: "Khi tình yêu bị tổn thương, chỉ có tình yêu mới chữa khỏi".

Nhưng dòng đời vốn không bình lặng như mặt nước hồ thu. Cuộc sống bất ngờ mang nàng đến với anh, trao vào tay anh như trao một món quà vô giá thì nó cũng bất ngờ mang triều dâng bão nổi cuốn nàng đi như bọt bèo tan biến mù khơi. Tiên nữ trên cung Hằng chợt một đêm nhàn du hạ giới nặng lòng xe kết duyên trần cũng chợt hóa thành làn sương mỏng mù khơi. Chú họa mi bé bỏng nhỏ xinh ngày ngày từng bay nháy, líu lo trong vườn mộng đời anh chợt vút bay về phương trời xa thẳm. Như một sự sắp đặt của tạo hóa, đến rồi đi cũng vào những ngày cuối đông khi mùa Xuân nắng ấm sắp dâng tràn.

Vị khách đặc biệt gọi thêm một cốc lớn khi chai Rhum đã cạn đến giọt cuối cùng. Dường như men rượu không đủ sức sưởi ấm cái giá buốt về khuya và khó có thể làm tan chảy tảng băng trong lòng nên càng uống ông càng thấy lạnh. Chiếc loa trên tường lại ngân lên giai điệu "Đêm đông". Quái lạ, ông thầm nghĩ , hay là mình say quá nên nghe nhầm ? Không, rõ ràng là bản nhạc ông ưa thích đang đều đều rả rích như cơn mưa ngoài kia chảy ngược vào hồn, ướt sũng, và đâu đó trong căn phòng có người nhâm nhảm hát theo...

Ông đưa tay xem đồng hồ trong ánh lửa que diêm vừa mới bùng lên. Gớm, mới đó mà đã hơn 3 giờ làm tượng đá buồn nơi góc quán ! ông tự nhủ.

Vị khách ngược nhìn quanh, tuyệt không còn một người khách nào ngoài ông. Đây đó, vài nhân viên co ro trong lớp áo bông thời trang đắt tiền, mắt lơ đãng dỗi ra phía cửa, nơi phía sau quầy sáng là bóng đêm đen thẫm. Quán chưa có biểu hiện đóng cửa, ông thầm nghĩ vậy và buột miệng khe khẽ hát theo như để xua đi cái không gian tĩnh mịch :

“Thời gian như ngừng trong tê tái...”

.....”

Mớ tóc đã khô nước, lại bông bênh, buông rũ, đung đưa theo cái đầu gục xuống, lắc lư trong điệu nhạc. Giữa cơn mê đại tan hòa trong âm nhạc, ông cảm nhận rõ ràng một giọng nữ đâu đó hòa theo, thánh thót bên tai như vừa đủ để ông nghe thấy, nửa như dịu vợi, mơ hồ, nửa như trong gang tấc. Rồi, một làn hơi ấm như nhiệt độ da người mềm mại ôm trùm lấy bàn tay rét cứng của mình đang hờ hững giữ lấy ly rượu trên bàn. Theo quán tính, ông rút tay lại, suýt chút nữa làm rơi ly rượu xuống sàn, sững sốt...Thì ra, cái hơi ấm ấy chính là từ đôi bàn tay một người đang ngồi phía đối . Đôi bàn tay ấy cố giữ lấy, không cho cái bàn tay kia rút lại theo quán tính của chủ nhân. Ông chưa kịp định thần nhìn kỹ việc gì đang xảy ra thì giọng nữ ấy lại vang lên rành rọt :

- Anh Quang ! anh đang nhớ về ngày ấy, có phải không ?

Vị khách mở to mắt nhìn, phút giây ông ngỡ như mình chưa hề uống rượu. Trước mặt ông, một người phụ nữ đã ngồi đó tự bao giờ.! Dưới ánh đèn qua hướng nhìn trực diện, Thoa hiện hiện như vừa chui ra từ trong trí nhớ ông. Cô vẫn rực rỡ trong bộ complet đen quý phái, tấm voan màu mỡ gà quanh cổ, buông thõng qua vai, điệu nghệ và...đẹp như thiên thần ! Một bản sao của bóng hình ký ức? hay người chết linh hiển hiện về ?

Một luồng nước đá chạy ngược lên sống lưng: Ngần ấy năm, liệu nàng có làm sao!?

- Thoa, Thoa có phải không? có thật Thoa không ? .Ông buột miệng.

- Ôi, em biết mà, anh chưa thể quên em. Thoa đây mà , anh Quang . Cánh chim làm lỗi của anh đây !

Như một vai kịch, nàng vừa nói vừa ôm chặt bàn tay ông như để tìm một sự đồng cảm. Vị khách không rút tay về. Ngược lại, ông kéo nhẹ người phụ nữ về phía mình gần hơn để kiểm chứng.

- Đúng rồi, là Thoa thật rồi. Không phải tôi say, cũng không phải mộng. Là em thật rồi ! - Nỗi mừng vui trào dâng, ông nói như sợ để lâu ngôn từ sẽ bốc hơi bay mất.

Thoa bằng xương bằng thịt, người con gái của ngày xưa; vẫn giọng nói ấy, bản nhạc ấy, cũng trong một quày bar nơi góc quán, vào một đêm đông...Trời ơi, sao lại có sự trùng hợp ngẫu nhiên đến thế ?!- Như đọc được suy nghĩ của ông, người phụ nữ phân bua:

- Không phải ngẫu nhiên đâu anh, mà là do em thiết kế. Quán này của em mà, em muốn tìm về lại khung trời nhỏ ngày xưa, và em biết sớm muộn gì rồi em cũng được gặp anh.

- Em về đây khi nào ? cùng với người ấy à? – Vị khách đưa mắt nhìn về cuối căn nhà, giật vội tay về.

- Không, vẫn một mình như khi ra đi. Em về đây đã hơn hai năm, những lúc đoàn về đây lưu diễn, em vẫn nhìn thấy anh mỗi ngày kia đấy. Em vẫn cứ trốn chạy anh mà lại vẫn muốn có một lần gặp mặt.

Người khách buông tiếng thở dài, dõi nhìn ra cửa, phía ấy mưa đang mỗi lúc một dày hạt hơn.:- Để làm gì ? khi mùa Xuân đã ở phía sau lưng !.

Người phụ nữ xoay mặt ông ta lại đối diện với mình:- Anh Quang, em biết là mình không đáng được tha thứ, nhưng mong anh hãy hiểu cho em. Anh có biết vì sao em ra đi không?

- Có biết, nhưng vẫn ngỡ ngàng và hụt hẫng.- Ông lại lảng đi cái nhìn như xoáy của Thoa.

- Không , anh không thể nào biết , không một ai biết ngoài mỗi mình em. Em đã chọn cách ra đi khi nhận ra ảo giác đã lừa dối mình, và em không thể tiếp tục lừa dối anh nữa. Những ngày tháng ấy, em đã lừa dối anh, anh có biết không ?

Vị khách cay đắng :- Thật vậy sao? !- Thoa điềm nhiên :- Em nhận ra anh chỉ là cái bóng của người trước, người mà em từng yêu, từng thù hận mà vẫn cứ luôn yêu.

- Thế sao Thoa lại chấp nhận tôi ? Và tôi cũng biết rằng em cũng yêu tôi thật lòng. Nếu không, tại sao...

Người phụ nữ đứng lên, đi về mảng tường đối diện, đưa tay bật công tắc ngọn đèn trên vách , ánh sáng đủ soi rõ một bức tranh lớn được vẽ bằng bột màu, là bức chân dung bán thân một nam ca sĩ, có mái tóc cột túm phía sau như cầu thủ Italia "Roberto đười ươi", đang say sưa với cây đàn.

- Tôi yêu anh chỉ vì anh quá giống người đàn ông bội bạc ấy. Đây, anh ta đây, giống anh từ cái chất nghệ sĩ đến ngoại hình.

Vị khách thần thờ bước lại gần, ngỡ ngàng khi thấy đó chính là chân dung của mình, chỉ khác cái đuôi gà túm tóc và cây đàn. Ông bỗng nghe cổ họng như có vật gì trôi lên, nghẹn đắng.- Trời ơi ! Em thật vô tâm. Em thật tàn ác ! nhưng ...Không, tôi là tôi, tôi không là bản sao của ai cả.

- Em biết, nhưng khi nhận ra thì đã quá muộn. Và cũng vì vậy mà em không dám gặp lại anh.

- Tôi cay đắng vì bị biến thành người đóng thế. Thì ra, tôi chỉ giỏi trên sân khấu, còn ngoài đời Thoa giỏi hơn tôi. Tôi đã chẳng đạo diễn được kịch bản đời mình, còn Thoa, Thoa đã ...đạo diễn cả cuộc đời tôi !

- Không, Em cứ ngỡ rằng khi đã ở đỉnh cao danh vọng rồi em sẽ dễ dàng giành lại được anh ấy, sẽ thay đổi được cách nhìn của anh ấy, nào ngờ...Chỉ khi bị phụ bạc lần thứ hai em mới hiểu ra. Thì ra *chiếc bóng* mới chính là người yêu thương mình nhất. Anh sống quá thực cả sân khấu lẫn ngoài đời. Sự thật thà đến khờ khạo đáng thương.

Với tôi, nghệ thuật là cái đẹp. Làm nghệ thuật là phải hết lòng yêu cái đẹp.Trung thực cũng là một cái đẹp. Tôi không bao giờ phải ân hận vì sự trung thực của mình.

Vị khách nhếch môi cười gượng gạo, bước lại phía bàn của mình, ngửa cổ dốc cạn chỗ rượu còn lại. Như đã quá quen thuộc giá cả, ông đặt tờ giấy bạc có mệnh giá đúng với Menu lên bàn, đề chiếc ly rỗng lên trên, diêm nhiên cho 2 tay vào túi áo. Một động thái sẵn sàng tiếp tục cuộc dạo hành trong cơn mưa. Thoa vội lướt đến , chắn ngang lối ra cửa, giọng tha thiết:- Anh Quang, em đã sai và đáng bị nguyên rủa, vì vậy em muốn dành phần đời còn lại để bù đắp lỗi lầm, em yêu anh, Anh Quang, hãy cho em cái điểm phúc được yêu anh !

Bình thần lấy thuốc lá, xòe diêm châm lửa, ông rít một hơi dài, ngược mặt nhả lên không trung những vòng tròn nhỏ, nắn nót để cho những con số 0 xinh xắn lượn vờn như thói quen thường ngày, nói qua làn khói:

- Xin cảm ơn em một tình yêu muộn . Nhưng rất tiếc, tôi đã có một tình yêu. - Ông chậm rãi thả bước lại chiếc bàn gần nhất, nhón tay rút một đóa hoa cẩm chướng màu tím nhung trong bình : - Trong tôi từ ấy đến nay không hề là kẻ cô đơn mặc dù vẫn sống một mình. Với tôi, chỉ có mỗi một người con gái lắm lỗi của lần gặp gỡ đầu tiên ấy theo tôi đến trọn đời. Người ấy cũng có tên Thoa. Chỉ có thể là Thoa của ngày ấy mà thôi.

Người nữ chủ quán nghẹn ngào, cô chợt nghe có cái gì đó cay đắng đến tái tê trào dâng, không gian như nhòe hazy trong màn nước :- Như vậy là...anh không thể tha thứ cho em ! Thì ra...Có những sai lầm không thể nào tha thứ được !

Vị khách tiến lại, trao cho người nữ chủ quán đóa hoa :- Hãy giữ cho mình một hình ảnh xuân đẹp nhất, một tình Xuân chơn chất. Còn nay, dấu Xuân chưa đến nhưng...Xuân đã già !

Vị khách đặc biệt ấy xoay người bước ra khỏi quán, ông kéo cao cổ áo rảo bước trong cái lạnh cắt da. Phía trong quán, tiếng nhạc văng vẳng vọng ra , còn dâng như sóng quện níu bước chân

“Đêm đông, ta mơ giấc mơ gia đình yêu thương...Có ai thấu tình cô lữ đêm đông không nhà” .

Bóng ông bị nuốt chửng vào màn đêm và sau lưng ông, có một hòn vọng phu đóng băng nơi đầu ngõ.

Lẽ ra , chuyện đến đây đã kết thúc. Nhưng sẽ là thiếu sót nếu tôi không thông tin đến độc giả một chi tiết liên quan đến kịch nghệ thú vị. Nghe đâu có một vở diễn của đoàn kịch ông ta, (người khách đặc biệt ấy) trên sân khấu xuân năm đó rất thành công, gây tiếng vang lớn, được khán giả đón nhận nhiệt tình dù rằng kịch bản ấy không có hồi kết.Và, có một nữ khán giả đặc biệt, đêm nào đoàn trình diễn vở kịch ấy cô ta cũng lấy vé hai chỗ ngồi dù chỉ một mình, lặng lẽ nơi cuối khán phòng, và luôn là người khách cuối cùng ra về sau đêm diễn.

PHẠM PHÙ SA

MAI ANH ĐÀO ĐÀ LẠT NĂM NAY

ĐÀO HỮU THỨC

Trở về DaLat lần này, tôi thật sự ngạc nhiên vì Mai Anh Đào ! Gần hết đèo Prenn, một cây mai Anh Đào nở rộ, đẹp quá ! Trên nền xanh lục của rừng thông, những bông hoa màu hồng mẩn khai, nổi bật một cách rực rỡ. Vào thành phố, đầu đường Hồ Tùng Mậu, rồi trước khách sạn Palace...màu hoa đào vừa nở làm sáng lên, lạ hẳn những con đường. Nhưng thật sự làm tôi xúc động là những cây đào từ Thủy Tạ đến cầu Ông Đội ! Những cây đào xếp hàng, soi bóng xuống hồ Xuân Hương nở rộ, nở hết như tặng cả cho đời, cho người những gì chất chiu, tìm ẩn trong thân thể khẳng khiu, đen sần đã ấp ủ qua một chu kỳ năm tháng. Có vài cây tưởng đã chết, chỉ còn một thân thể gãy cụt, tàn tạ, dị dạng... cũng bật lên những bông hoa lẻ loi, rực rỡ !

Ai đã đến DaLat vào dịp cuối đông hoặc đầu xuân thế nào cũng thấy được Mai Anh Đào DaLat. Mai Anh Đào hoa nhỏ, mỏng manh hơn hoa đào (lông) , màu hồng nhạt nhưng không nhiều sắc trắng như “đào phai”, nhưng có duyên hơn vì có nhụy hồng đậm, nhỏ nhắn và rõ ràng nó dịu dàng, không gây ấn tượng sắc sỡ như Bích đào đất Bắc. Nhìn Mai Anh Đào, người ta sẽ thấy đất trời dịu lại, trời đất như ấm hơn. Gặp những cây Mai Anh Đào đẹp – từ thân đến cành và hoa, không ai muốn bước đi mà chỉ muốn nấn ná nhìn ngắm, và rục rịch hỏi : Vì sao đất lại cho một sắc hồng dịu dàng đến thế ! Thật là khó, khi muốn bấm riêng hoa một kiểu ảnh vì lúc nào bên hoa cũng có năm, bảy người chọn thế đứng, chuẩn bị nụ cười để chụp ảnh với hoa. Đêm, mai Anh Đào lung linh dưới ánh điện đường, sáng lên trên nền phố chập chờn ánh điện. Có lẽ vì “nhan sắc hoa đào” ấy mà không ít người rình rập, nín thở để hy vọng chụp được mai Anh Đào ban đêm.

Vào dịp Festival hoa Dalat , trên báo Thanh niên có một bài viết về “ Một phù thủy Mai Anh Đào “, ý nói do sự tác động của một con người, đã chăm bón, tỉa cành để Mai Anh Đào nở đúng ngày tháng cần thiết ! Thực ra, Tất cả mọi cây Mai Anh Đào Dalat , từ bờ hồ Xuân Hương, đến mọi đường phố, cho tới những cây Mai Anh Đào lẻ loi tận Đa Thiện, Thái Phiên, Hà Đông, Tuyền Lâm... đều nở. Mai Anh Đào nở vì thời tiết Dalat, vì thổ nhưỡng Dalat...vì tự thân hoa nở như một người đàn bà đã đến kỳ...thể thôi !

Lần đầu tiên nhìn thấy dãy Tam Điệp – Ninh Bình vào lúc mờ sáng, thấy núi chồng lên nhau như tranh thủy mặc, người tôi xúc động đến rợn lạnh cả cột sống giống như lần đầu... nắm tay người yêu. Lần này, bên Mai Anh Đào DaLat, tôi chợt thấy mình cũng bắt gặp một cảm xúc như vậy, mới thấy được sự kỳ diệu của trời đất, mới thấy ớn và yêu DaLat làm sao !

Đi dưới Mai Anh Đào, tôi nghe như phản phát tiếng nhạc ngũ cung của đàn Samisen*, tiếng sáo Shakuhachi* của xứ hoa đào, hồn như dịu lại, cứ lâng lâng hạnh phúc. Làm sao có thể còn tạp niệm, còn giận, còn ghét ai được khi đã hoà vào không gian Mai Anh Đào của DaLat năm nay !

** Hai loại nhạc cụ truyền thống của Nhật bản (Japannese traditional Musical Intrument)*

ĐÀO HỮU THỨC

VỀ TẾT

ĐÀO THỊ THANH TUYỀN

Hùng tắt máy xe, quay sang nói với Ngân:

- Em coi xe, anh vào nhà nói tụi nó ra xách đồ, rồi anh đi gọi xe.

Thằng Bình đang ngủ trong lòng của Ngân, choàng tỉnh dậy hỏi thật to:

- Đến rồi hả ba ?

Phía sau, con An cũng đã thức dậy, chồm tới trước, gương mặt tươi tỉnh hẳn, chẳng bù lúc nãy ở trên đèo điệu bộ nó hết như một con gà mắc mưa, ba nó phải dừng xe liên tục để nó ới. Hai đứa nhỏ loi choi, bây giờ Ngân mới thấy buồn ngủ, hơn nửa ngày ngồi trên xe, Ngân không hề chớp mắt được một chút nào, cô vừa lo cho hai đứa nhỏ, vừa phải nói chuyện với Hùng để quên đường dài. Gia đình cô vượt gần ba trăm cây số từ đồng bằng lên cao nguyên ăn tết.

Mấy đứa nhỏ rộn ràng xuống xe. Hùng cùng người em trai ra phụ đem mấy thứ lặt vặt vào nhà, Ngân thấy bóng mẹ chồng thấp thoáng bên trong hàng rào.

Cô kéo hai đứa nhỏ:

- Vào nhà, thưa bà nội liền nghe.

Nguyệt từ trong nhà bước ra đỡ mấy túi xách trên tay Ngân:

- Đưa cho em, chị đi cả ngày chắc mệt

Ngân vào nhà, cô chào mẹ chồng, rồi theo Nguyệt xuống nhà dưới, trên nhà mấy anh em Hùng rôm rả, cười nói lao xao. Nguyệt rủ cô ra nhà bếp ngoài vườn:

- Ra ngoài này đi chị, em đang nấu dở ấm nước.

Ngân nhìn nhà bếp mới xây:

- Nhà xây bếp mới mà vẫn nấu bếp cũ hả em ?

- Mợ không chịu nấu bếp mới, mợ tận dụng củi cà-phê trong vườn.

Nguyệt khười khười mấy cây củi, ánh lửa bùng to lên, nước trong ấm reo reo. Ngân nhìn Nguyệt:

- Lúc này có gì mới không ?

- Vẫn vậy chị à, không buồn, không vui.

- Tết này Thắng có về không ?

- Em không biết, chẳng nghe bên đó nói gì, người ta không nói, mình cũng ngại hỏi.

Nguyệt là em út và là em gái duy nhất của Hùng. Nhà chồng Ngân có bốn anh em, ba anh trai đi làm xa, Nguyệt học mấy năm sư phạm rồi về dạy gần nhà. Năm tháng trôi qua, từ ngày lấy chồng, cứ mỗi lần về tết, Ngân thấy Nguyệt ngày càng héo rũ, như một bình hoa cắm trên bàn, chủ nhân chẳng buồn thay nước. Ngân chứng kiến Nguyệt từ một cô gái dậy thì, đến một cô sinh viên trưởng thành, rồi một cô giáo điềm đạm, đến bây giờ, tự nhiên cô có cảm giác Nguyệt đang mất dần sự tự tin. Thắng ngày xưa học cùng sư phạm với Nguyệt, hai nhà sát cạnh nhau, rồi Thắng bỏ cơ quan xuống Saigon làm việc, thắng hoặc về thăm Nguyệt. Tết năm rồi, Ngân còn thấy hai người đi chơi với nhau. Nguyệt rót nước vào bình thủy, cô nấu tiếp một ấm nữa:

- Chị chờ nước nóng, pha tắm cho mấy đứa nhỏ, chiều rồi.

Ngân và Nguyệt ngồi im lặng trong gian bếp nhỏ, củi nổ lách tách, bắn ra những đốm lửa li ti, trong cái bếp kiềng ba chân, lửa đỏ bùng ra ôm lấy cái ấm, soi thấy rõ khói ám đen một gian bếp, trên một thanh tre bắt ngang hai tấm liếp, lủng lẳng mấy túm cá khô, mạng nhện giăng đồng củi nhỏ nằm trong góc bếp, làm thành một bức tranh màu tối, buồn hiu hắt. Buổi chiều đang xuống chậm, cái lạnh cao nguyên thấm dần vào da thịt. Nguyệt nhìn chăm chăm vào bếp, lấy tay trở mấy cây củi nhỏ, gương mặt cô vừa nghiêm, vừa buồn, Ngân cảm thấy có một buổi chợ chiều ba mươi trên gương mặt Nguyệt, đó là nhan sắc bắt đầu giảm, và nỗi buồn lại tăng. Cô nhẩm tính số tuổi

của Nguyệt, con gái ở quê hai mươi bảy tuổi là đã quá muộn màng. Có tiếng dép mẹ chồng Ngân đi xuống, bà nhìn vào gian bếp gọi Nguyệt:

- Thăng Toàn đến chơi, lên nhà tiếp nó đi, để đó chị làm.

Nguyệt cau mặt:

- Con đã nói với mẹ rồi, nó có đến nói không có con ở nhà.

Mẹ chồng Ngân gắt:

- Con này, chẳng lẽ chiều ba mươi mà tao nói mày vắng nhà, nó biết ngay là nói dối, cái xe mày lại để ngoài sân. Thôi, lên tiếp chuyện nó một lát.

Vợ chồng Thảo về cuối cùng. Mấy đứa con nít có bạn la hét ồn ào hẳn lên, căn nhà ngày thường trống trải lắm giờ bỗng dưng hóa chật. Ngân cùng vợ Thảo lui húi dưới bếp, mẹ chồng cô thoát ra, thoát vào, hết ngoài vườn, lại vào bếp, lên nhà trên, tự nhiên Ngân cảm thấy vui vì bà vẫn còn mạnh khỏe. Bữa cơm chiều ồn ào, mấy anh em trai ngồi lai rai với nhau, chuyện vãn, mấy đứa con nít vừa ăn, vừa hét. Lớp người lớn nói chuyện, lớp con nít ồn ào, đúng nghĩa một bữa cơm chiều ba mươi tết.

Buổi tối, Nguyệt rủ Ngân đi lang lang xuống chợ. Đêm cuối năm ở cao nguyên thật lạnh, dù đã khoác thêm một cái manteau bên ngoài cái áo len, Ngân vẫn thấy lạnh quá. Cô choàng tay qua vai Nguyệt, hai chị em đi chậm chậm xuống con dốc. Quê chồng Ngân bây giờ đã đổi khác nhiều lắm so với ngày cô về làm dâu chỉ có đất đỏ, nhà gỗ, mái tôn chìm trong những khu vườn xanh ngun ngút, ban đêm phải thắp đèn dầu. Còn bây giờ, nhà cửa san sát, ánh điện sáng trưng. Những ngôi nhà mới mọc lên nhiều hơn năm ngoái; nhà hai, ba tầng, kiến trúc kiểu mới, hàng quán nhiều hơn, nhưng cũng vẫn là một thị trấn hiền hòa và bình yên bên Quốc lộ, tiếng động cơ xe chạy vù qua không làm cho thị trấn thức dậy ồn ào. Chợ tết hình như thức suốt đêm với đầy đủ nhịp điệu cần thiết của nó, những quán hàng, những tà áo đủ màu sắc sỡ..... Giọng Nguyệt tự nhiên buồn hẳn:

- Chị thấy không, thị trấn này mỗi năm mỗi khác, mới hơn, đẹp hơn, chỉ có em là vẫn vậy nếu không nói là tàn tạ theo thời gian, em có cảm giác mình đang tuột dốc, mà tuột dốc với một chiếc xe đạp không thắng Chắc chị không biết thằng Toàn, nó là con bà Giáo ở xóm trên, ngày xưa học cùng lớp với em, giờ giàu có lắm, nó có một cái ga ra, nhà nó mấy năm nay liên tiếp trúng cà phê, cứ theo tán tỉnh em hoài. Lúc này có tiền trông nó phách phách thế nào ấy, cứ nhìn thấy điệu bộ nó là em nản, nó không hợp với mình, nhưng tỏ thái độ thì sợ gia đình bên ấy nghĩ rằng mình kiêu. Ở quê mà kiêu là không sống nổi, dù gì cũng bà con chòm xóm...

Ngân không biết nói gì, cô hỏi băng quơ:

- Thế Thăng thì sao?

- Cả năm rồi em có tin tức gì đâu, cũng không qua bên đó, em ngại lắm. Thỉnh thoảng mẹ Thăng có sang nhà chơi, nhưng chẳng thấy bà nói gì về anh. Mẹ bảo em ưng Toàn, quên Thăng đi là vừa, mẹ nghĩ đơn giản, chuyện hôn nhân mà làm như chuyện con cá, mớ rau ngoài chợ, không ưng hàng này qua mua hàng khác.

- Mẹ đang sốt ruột ấy mà.

- Đôi khi em thấy buồn ghê chị ơi, phải chi em đừng học hành gì cả, cứ lớn lên, rồi đi lấy chồng, sinh con, quanh quẩn ruộng vườn, thế mà lại hay, học hành làm gì để bây giờ thấy khó khăn quá. Nhà vắng, mẹ buồn, mẹ cứ nói em thế này thế khác, cứ cố ghép em với Toàn, làm em không sốt ruột cũng không còn bình tâm được nữa, bề ngoài trông cứng cỏi thế đấy, nhưng bên trong em cảm thấy mình không còn tự tin vào mình nữa.

Đêm càng lúc càng lạnh, hai chị em quay trở lên con dốc về nhà. Ngang qua công viên, đèn điện sáng rực đủ màu, từ trong hội chợ phát ra đủ mọi loại âm thanh, từ tiếng rao lô tô, tiếng quảng cáo, đến tiếng đàn, tiếng hát Một vài chiếc xe máy chạy vụt qua, mấy cô gái người dân tộc váy áo sặc sỡ đủ màu, búi tay nhau cười nói lao xao. Nguyệt im lặng suốt con đường về nhà, hai chị em rẽ vào ngõ, Ngân thấy Nguyệt nhìn vào nhà Thăng, hình như có bóng một người quen, Nguyệt nắm tay Ngân, kéo nhanh vào nhà.

Buổi sáng mông mẫm, Ngân co ro bước ra vườn, mẹ chồng cô đã dậy từ hồi nào đang loay hoay trong gian bếp nhỏ. Có mùi khói bếp quyện với mùi sương sớm, không gian yên tĩnh đến nỗi Ngân nghe được tiếng từng giọt sương nhỏ trên những lá cà phê. Cô bước vào gian bếp, tiếng lửa nổ lách tách như kéo cô ngồi xuống, đây là nơi duy nhất cô có thể nói chuyện thân mật với mẹ chồng. Cô kéo một cái đòn, ngồi xuống bên cạnh bà.

- Mẹ nấu gì vậy?

- Tôi nấu nước để chốc nữa bọn con nít đánh răng, rửa mặt Có việc gì đâu mà chị dậy sớm Năm nay lạnh hơn mọi năm.
- Năm rồi mùa màng được không mợ ?
- Cũng tạm tạm, tôi với con Nguyệt ở đây có tiêu xài gì nhiều đâu ... Tiền bạc không lo, chỉ lo cho con Nguyệt, ngày càng lớn tuổi, bạn bè nó tay bông, tay bế cả. Chị biết thằng Toàn con bà Giáo không, con Nguyệt nhà mình cứ đồng đánh chệ nó
- Chắc nó còn thương Thắng
- Thương gì mà thương, nghe nói thằng Thắng sắp lấy vợ Saigon

Có tiếng dép của Nguyệt đi xuống, bà im bật. Trời bắt đầu sáng, Ngân nhìn ra vườn vẫn còn sương mù dày đặc, có tiếng gà gáy, tiếng chó sủa, rồi không gian yên ắng trở lại, có tiếng hót một vài con chim lạ trong vườn buổi sớm. Ngân chợt hiểu những nỗi buồn của Nguyệt, nỗi buồn khi thấy thời gian ngày nào cũng giống nhau, không gian ngày nào cũng yên tĩnh, của sự chờ đợi mà không biết mình chờ đợi điều gì.

Toàn chở bà Giáo đến chúc tết. Chiếc xe suzuki sport nổ máy thật to, khiến con Vàng, con Phèn bất bình sủa inh ỏi. Nhìn điệu bộ của Toàn, Ngân hiểu tại sao Nguyệt thấy nản. Cả ngày, Ngân và vợ của Thảo loay hoay dưới bếp, buổi tối lúc bước xuống nhà dưới, Ngân chợt thấy thấp thoáng bóng Nguyệt ngoài vườn. Nửa đêm cô chợt tỉnh giấc, hình như có tiếng cựa mình, rồi tiếng thở dài của Nguyệt ở giường trong. Ngân chợt thấy buồn, cô biết làm gì, biết nói gì để an ủi cô em chồng. Rồi tự nhiên cô không ngủ được, nằm suy nghĩ mông lung về những ngày tháng đã qua, cái ngày chân ướt, chân ráo về quê chồng. Ngày ấy tóc Nguyệt thắt bím, hay cột thật cao, má trắng mịn, ửng hồng khi đi ngoài nắng. Hồi ấy Ngân cứ ngắm mãi tuổi dậy thì của Nguyệt. Rồi cô nghĩ lan man đến vợ chồng Thảo, đến đứa em trai kè Nguyệt, nó cũng bỏ thị trấn này mà đi, ba người con trai của mẹ chồng cô không ai muốn ở đây, chỉ có Nguyệt Về sáng, có tiếng con chim cú mèo kêu văng vẳng từ xa. Mỗi lần trở về Ngân đều nghe được tiếng cú mèo, cô không tin dị đoan rằng đó là một con chim mang điềm gở, bởi đã bao năm rồi, mỗi khi trở về Ngân đều nghe tiếng cú kêu, đến nỗi khi về nhà cô lại thấy nhớ mà gia đình vẫn bình yên. Rồi có tiếng mưa rơi thì thầm trên mái tôn, cơn mưa sớm của cao nguyên, mùi đất ướt phảng phất, lành lạnh. Ngân chợt nghĩ đến những buổi sáng ở những thành phố cô đã đi qua. Huế dịu dàng, Sài Gòn trong trẻo, Nha Trang yên bình, Cần Thơ nồn nao, Cà Mau muộn màng, Bạc Liêu hồn nhiên, Rạch Giá yên tĩnh.... Chỉ có quê chồng cô là khác nhất, nhịp điệu sinh hoạt buổi sáng trầm lắng nhưng vội vàng, cái vội vã khó nhìn thấy, khó đoán ra.

Rồi cũng qua đi hết mấy ngày tết. Bọn trẻ con chịu khí hậu miền cao nguyên, gò má đứa nào cũng ửng hồng, trời lạnh, chạy nhảy ngoài vườn suốt ngày, chúng ăn được, ngủ được, có mấy ngày mà thấy đứa nào cũng khác. Tối qua cả nhà ngồi quay quần chuyện gẫu với nhau, Hùng nói đùa:

- Cho mấy đứa nhỏ ở đây luôn với bà nội.

Nguyệt nói:

- Ở lại đây làm gì để giống cô Nguyệt.

Người lớn ngồi lặng đi, vợ Thảo nói:

- Tại cô Nguyệt đẹp, cô Nguyệt kén.

Ngân rủ Nguyệt đi ra ngoài, hai chị em yên lặng bên nhau, lang thang xuống con dốc. Đêm cao nguyên sao buồn quá. Nguyệt bỗng nói: "Chị ơi, em sợ em phải đầu hàng mất, nghe lời mợ, ưng Toàn là xong". Ngân không nói gì, cô mãi nhìn con đường trước mặt. Hàng cây thông hai bên đường thẳng tắp, bệ cỏ trên vệ đường vệt sáng, vệt tối. Con dốc không cao, thị trấn không lớn, nhưng đi mãi cũng thấy mỏi chân. Ngân hiểu, khi mỏi chân người ta cần phải có chỗ dừng. Buổi sáng, Ngân thức giấc thật sớm khi nghe tiếng lục cục mở cửa sau của mẹ chồng. Trời lạnh quá, cô muốn nằm lơ mơ một chút nữa, nhưng cô phải dậy thu xếp đồ về nhà. Xuống nhà dưới, ra vườn, cô bước vào gian bếp nhỏ, không phải mẹ chồng cô mà là Nguyệt. Ngân ngồi xuống cạnh Nguyệt, cô hơ tay vào bếp cho ấm. Hai chị em ngồi im lặng nghe tiếng lửa nổ lách tách trong cái bếp kiềng ba chân, rồi thay phiên nhau đưa từng cây củ nhỏ vào lò. Mùi khói bếp, mùi lá mục ngoài vườn, mùi sương buổi sớm tạo thành một cái mùi khó tả, Ngân thấy quen thuộc làm sao. Tiếng nước reo reo nghe vui tai, Nguyệt bỗng nói:

- Chắc sang năm chị về, em đã làm dâu nhà người ta.
Ngân muốn nói: "Hôn nhân không phải chuyện con cá, mớ rau", nhưng cô kìm lại. Trời bắt đầu sáng, nhưng sương mù vẫn còn dày đặc, cô đứng lên:
- Chị lên nhà, kêu bọn trẻ dậy để đi về.
Có tiếng con Phèn, con Vàng sữa băng quơ cái gì đó. Cao nguyên lạnh và yên tĩnh quá. .

Chú thích:

(*) Nói chuyện qua điện thoại trực tiếp một lần với nhiều người ở những nơi khác nhau.

ĐÀO THỊ THANH TUYỀN



thơ

NGUYỄN TAM PHÙ SA

RƯỢU CUỐI NĂM

*Nhấp môi ly rượu cuối năm
Mà say hết một tàn canh nhớ nhà
Cội mai đếm tuổi khóc già
Mẹ tám mươi khổ vì ta cũng gầy
Tóc gòn qua ải mây bay
Từ trâm lược gãy dấu tay chải mòn
Gót chì mẹ gọt thành son
Vai Gò Nổi cồng Thu Bồn mà đi
Đến từ Ngũ phụng tề phi
Lẽ đâu té sấp vào ly rượu buồn
Kiều làm Từ Hải rơi gươm
Rớt vào ta chút đoạn trường Nguyễn Du.*

NGUYỄN TAM PHÙ SA

HÀNH TRÌNH ĐÊM GIAO THỪA

KHẢI NGUYỄN

Còn cách bến phà vài chục mét. Yển thôi đạp để cho chiếc xe tự dừng khi hết đà. Dừng phanh hãm xe đột ngột sợ làm kinh động đứa con đang ngủ. Thằng bé được bọc và đệm kĩ trong chiếc ghế con buộc chặt trên cái đèo hàng. Đầu nó trùm một cái mũ len kín xuống tận vai chỉ chừa một cái khe hẹp ngang mắt, lại được giữ trong một cái chụp gồm có gối, khăn bông, khăn len, nịt giữ cẩn thận cho khỏi gà gật. Bến phà vắng và lạnh. Đêm mù mịt. Ánh sáng vàng mờ từ cái "đèn pha" tự tạo - một cái đèn dầu hỏa giấu trong một đoạn ống tre có trổ một lỗ vuông lắp kính và một lỗ thông khói - hắt ra một khoảng nhỏ nhoi trên mặt đường càng làm cho bóng tối xung quanh thêm đặc. Chỉ có thể đoán nhận dòng sông trước mặt qua những cảm giác rất mơ hồ. Chiếc phà có lẽ đang ở bờ bên kia. Vinh nó nói đúng. Mình những tưởng... "Chán cái bà Yển! Bà cứ nghĩ theo nhu cầu của mình. Ngày thường người ta tranh thủ vận chuyển suốt đêm thật, để tránh thằng Giôn-xơn; nhưng đêm ba mươi Tết thì người ta cũng phải thư thư một chút chứ". Bây giờ là mấy giờ nhỉ? Biết thế mang theo cái đồng hồ Vinh nó cho mượn. Mà cái Vinh dở quá. Sắp làm cái gì mà có người gàn quải thì thế nào cũng xúi quẩy, y như rằng! Vào lúc khác, chắc Yển thấy ngay được là mình lầm lẫn và đã trách bạn một cách bất công. Vinh biết làm sao được vì lẽ gì mà Yển nhất quyết về nội thành lúc này. Từ ngày bệnh viện sơ tán về nông thôn, Tết nào Yển cũng xung phong trực thay cho bạn bè cùng khoa cần nghỉ. Mọi năm thường thường một phần ba cán bộ, nhân viên được đi phép. Năm nay, bệnh viện trưởng ra lệnh trăm phần trăm ăn Tết tại chỗ. Trên đã báo rằng mùng một Tết sẽ có đoàn đại biểu cấp trên về. Và oái ăm thay! Yển lại nằm trong số được phân công trực chính vào sáng ngày mai. Không thể viện lí do gì để xin đổi ngày. Càng không thể nói ra cái duyên cớ thực sự. Chuyện dở hơi! Đêm hôm kia, Yển nằm mơ thấy chồng về đúng giao thừa. "Anh ghé qua rồi phải đi ngay". Anh đưa tay đón con, nhưng thằng bé rụt lại. Anh thối cái bóng bay căng phồng trao cho nó. Bé Tâm để cho anh bế. Anh bồng con đi nhong nhong trong sân. Thằng bé toe toét cười. Bỗng anh run cầm cập, hai hàm răng đánh vào nhau. Điều sốt rét rồi - Yển lo sợ nghĩ. Tay anh run lẩy bẩy. Anh đánh rơi thằng bé mất! Yển muốn đến đỡ mà không sao nhấc nổi chân. Chị la hoảng lên. Nghe tiếng ú ớ kéo dài, Vinh ở phòng bên đập mạnh vào vách. Yển tỉnh dậy thao thức cho đến sáng. Hôm sau, chị định đăng kí xin nghỉ Tết thì đã có lệnh "cấm trại". Mẹ con mình phải về nhà! Chị cố dẹp cái ý nghĩ kia nhưng khó quá. Có khi nghe tim bệnh nhân mà tưởng đâu nghe chính tim mình. Hôm nay khi hoàng hôn xuống, Yển thấy lòng nôn nao. Chị cứ đi ra đi vào, chẳng làm sao khuây khỏa được. Có người bạn thân nhất là Vinh có thể tâm sự cho vơi bớt xồn xang thì "hắn" ta có chồng về ăn Tết. Yển quyết định đến nhà bệnh viện trưởng. Bác sĩ bệnh viện trưởng có dáng nho nhã nhưng cặp mắt sắc và lạnh. Ông ta tiếp Yển có vẻ niềm nở như thường vẫn vậy, nhất là khi ở nhà riêng ông ta. Nhưng... - Cô điên à? Bây giờ là mấy giờ? Và đây về nội thành bao nhiêu cây số? (Ông ta cố đùa) Giao thừa mà bắt gặp cô đang rong xe trên đường thì cô sẽ rong cả năm đây nhé. - Báo cáo anh, em có việc rất cần. - Việc gì cần? Chú ấy về thăm à? - Vâng. - Thế thì chú ấy phải ra đây chứ. - Em đoán thế. Mà anh ấy không biết em sơ tán về đây. Anh cho em vắng mặt một ngày thôi. - Không được! Các Tết trước cô tự nguyện ở lại rất đáng hoan nghênh. Còn Tết này, tôi đã nói rồi. Sáng mùng một, có các đồng chí lãnh đạo thành phố và có thể có cả đại diện bộ nữa. Cấm bệnh nhân về ăn Tết trong nội thành mà bác sĩ lại về thì coi ra làm sao? Giữ các cô lại cũng chỉ vì muốn tốt cho các cô thôi. - Anh chuyển cho em trực vào chiều mùng một vậy. - Không được là không được! Sáng mai, mọi cán bộ, nhân viên bệnh viện đều phải có mặt, có lệnh gọi là tập hợp ngay. - Được rồi! Sáng ngày mai tôi sẽ có mặt.

Yến về phòng mình thu xếp mấy thứ, nhất là... Bánh chưng em tự gói đấy nhé. Ngày anh còn ở nhà, anh mà dỗi thì em chỉ việc... chờ. Thứ mứt gừng anh thích này, hành quân đêm lạnh anh là dễ bị ho khan lắm. Em chọn toàn loại củ bánh tẻ. Thằng Tâm đang ngủ, Yến cũng quyết mang theo. Chị công phu chuẩn bị cái ghế ngồi cho thằng bé. Vinh can thế nào cũng không được. - Thôi "mụ" hấp thì cho "mụ" chết rét dọc đường. Đừng làm tội thằng bé. Để lại tôi trông cho. Mà "mụ" định đi thế nào để sáng mai kịp có mặt ở đây? - Tớ đi được. - "Mụ" định để thằng bé sụn lưng, vẹo cổ à? - Không sợ. Tớ chèn đệm đầu vào đấy cả rồi. Các cậu đón giao thừa vui vẻ nhé!

Khu nhà tập thể tạm bợ của nhân viên bệnh viện đã bắt đầu lắng tiếng ồn. Các công việc sửa soạn tết nhất thu vào sau các cửa liếp khép kín. Nào! Mẹ con ta làm cuộc hành trình đêm giao thừa nào! Cô Vinh biết thế nào được vì sao mẹ con ta phải về con nỉ. May đường sá không đến nỗi quá xấu.

Yến tìm chỗ chắc chắn dựa xe, rồi ngồi xồm xuống bên cạnh. Vắng vẻ quá. Chị đã toan đánh thức con dậy để chuyện trò cho đỡ sốt ruột, nhưng đã kịp nghĩ lại. Mình đạp thông thả thì hai giờ nữa cũng đến nơi. Chắc là còn lâu mới giao thừa. Cái bến phà này người ta thường nhắc đến như nhắc một thứ của nợ. Riêng Yến, những ngày này xa anh, mỗi khi nghĩ đến lại tủm tỉm một mình. Lần ấy, chuyến phà đã chậm rồi bến lại còn bị trôi. Yến đang đứng tựa vào xe đạp nhìn xuôi dòng sông thì một mẩu thuốc lá rơi ngay nơi ngực áo. Yến quay ngoắt lại quắc mắt nhìn kẻ "phạm tội":

- Chỗ anh ném rác đấy à?

Người kia chừng chưa đến ba mươi tuổi, ăn mặc xuềnh xoàng, cười ngượng nghịu:

- Xin lỗi. Tôi không định... tại gió...

Quả thật anh ta không như những người khác quẳng bừa xuống chân hoặc xuống bất cứ nơi nào tiện tay, mà đã cẩn thận ném ra sông. Song Yến vẫn chưa thôi:

- Anh không có mắt nhìn chiều gió à?

Một hành khách đứng gần đấy bất bình nói đồng:

- Con gái gì mà chua thế! Người ta đã nhận lỗi rồi mà còn...

"Thủ phạm" cười xòa:

- Chắc cô ấy đang có chuyện bức mình.

Người ta bảo: "Có những câu nói đáng giá ngàn vàng", chẳng biết có ngoa không, nhưng đối với Yến thì câu nói của anh chàng quả đáng giá. Trước hết, nó gỡ thế khó xử cho cả Yến, cả anh ta. Quan trọng hơn, nó quá đúng. Yến đang bức mình thật. Bức mình từ trước lúc lên xe đạp cho đến tận bây giờ. Bà chị ruột của Yến công tác ở một huyện lỵ ngoại thành nhắn em khẩn cấp: "Chủ nhật đến nhà chị có việc rất cần". Tưởng gì, té ra bà chị giới thiệu cho một "đám". Đám ấy là một anh chàng kĩ sư xây dựng khá bảnh trai, ăn mặc rất mát, nói năng bắt thiệp, nhưng mà... "thanh liên nhà quê chúa hay phạm *nuật nệ* giao thông". Đã thế lại nói nhiều. Yến mới đưa nhẹ một "bài": "*Lếu thanh liên ló chỉ no nấu cám nợ rồi ló nại no nằm cỏ núa* thì ló chẳng biết *nuật nệ* giao thông nà gì đâu, anh ạ". Chàng kĩ sư đang cười tươi, từ từ khép môi lại ngớ ngàng nhìn người đối thoại, từ từ đỏ mặt lên, rồi từ từ rút lui một cách lịch sự. Bà chị bèn nổi đóa lên: "Nó đẹp trai. Nó có bằng cấp cao. Nó sắp được đề bạt trưởng phòng. Mà còn kén chọn cái gì nữa nào? Nó lại rất tốt. Nó đang lo chạy vật liệu theo giá cung cấp cho tao lên cái nhà mái bằng (của hiếm trước thời chiến tranh phá hoại của Mĩ) mà chẳng hề đòi hỏi gì cả. Mà tìm được ai hơn nào? Mà không ưng thì cũng phải ăn nói cho có ý tứ chứ. Con gái, con lú mà ăn nói chổng lòn thì chỉ có ế. Cầu cho mày đi đường gặp phải một thằng chẳng ra gì nó gây gổ cho trắng mắt ra". Xem chừng người này chẳng phải là một "thằng chẳng ra gì" như bà chị đã cầu. Nếu câu chuyện chỉ vậy thì chẳng có gì để nhớ. Nửa tháng sau, lớp bổ túc văn hóa cấp ba khai giảng. Yến đang là y sĩ; cô muốn được học chuyên tu bác sĩ. Đến giờ toán, nào ngờ người bước lên bục giảng lại là người gặp gở trên chuyến phà ngày nọ.

Quái! Những người chở phà về nhà hết cả rồi hay sao ấy. Chẳng thấy le lói tí ánh lửa nào. Phải quay lại thì thật là nhục. Bệnh viện trưởng biết là mình đi chắc là cáu lắm. Tất nhiên là biết, mình có đi lên đâu. Yến thoáng rùng mình. Ông ta là người biết cầm cương và biết chịu đeo cương. Chẳng hạn, ông ta theo rất chặt nguyên tắc: những thuốc quí và hiếm thì tùy người mà cho. "Tùy bệnh chứ ạ"? - Trong một lần giao ban, một bác sĩ còn mắng tở buột miệng hỏi vậy. Rất lâu về sau, anh ta còn thăm thía cái bạo miệng đó, nhất là những khi xét lương và bình thi đua. Yến cũng

đã từng được biết mùi hai "vũ khí" ấy của ông ta - mà không chỉ hai ngón đó. Ông ta lại hay thích nắn gân cấp dưới, mặc dù gân ông ta khá nhũn trước cấp trên. Nhưng Yến là một thầy thuốc có lương tâm và tự trọng.

Có tiếng âm ì. Chẳng lẽ thằng Giôn-xơn nó mò vào? Tiếng ô tô. Hay quá! Nhưng ô tô ở phía bên kia sông. Cũng được! Tiếng còi gọi phà. Một vệt trắng đục lia trên mặt sông rồi biến đi. Có lẽ ô tô đang xuống bến đấy! Đang lên phà đấy! Có lẽ phà đã rời bến và đang sang ngang. Sao mà lâu vậy? Khéo con phà bị trôi. Sao tiếng máy bỗng dừng tắt? Đột ngột tiếng cầu treo đầu mũi phà xiết vào mặt bê tông ràn rạt cùng lúc với ánh đèn ô tô bật sáng. Hai chiếc xe tải quân sự, vài bạt trùm kín thùng xe, nối nhau bò lên. Tiếng máy hự hự không làm cu Tâm thức giấc. Nó cũng đã quen với tiếng keng báo động, tiếng súng nổ, tiếng máy bay gầm gào. Chờ cho hai chiếc ô tô vượt khỏi bến, Yến mới thận trọng dắt xe xuống phà. Nhiều tiếng nói lao nhao cất lên.

- O! Cái chị này ở đâu ra thế này? Đêm hôm thân gái dậm trường...

- Hay là giận chồng, đêm ba mươi Tết bỏ đi cho biết mặt.

Yến lấy giọng từ tốn:

- Các bác, các anh giúp cho mẹ con tôi qua phà.

- Xăng dầu đâu sẵn để phục vụ mỗi mẹ con nhà chị riêng một chuyến phà. - Một giọng trẻ, không ra chọc, không ra bực. - Chị khó chờ nhá!

- Trời đất! Đi vào giờ này lại còn đèo thêm con nhỏ. Một giọng đã có tuổi ôn tồn - Chị về đâu bây giờ?

- Dạ cháu chỉ sang bên kia sông thôi ạ. - Để ngựa bắt trắc, Yến đành nói dối.

- Thôi, chúng mình cho chị ta sang ngay, kéo lạnh cháu bé. - Tiếng người có tuổi - Chắc người ta có việc cần không dừng được.

- Không có việc cần thì họa là điên. - Tiếng thanh niên lâu bầu.

Ca-nô mở máy. Chiếc phà như miễn cưỡng rời bến. Tiếng máy trầm đục bị đêm dày hoang lạnh làm nghẹn lại không rền vang, đáng lẽ là ngược lại. Hay chỉ là cảm giác của riêng Yến? Mình có điên không nhỉ? Thư chồng đến tay Yến vào ngày 28 Tết. Thư anh kèm một đoạn nhật ký: "... Trùng sốt rét chộp mình đúng lúc giao thừa. Kể cũng lạ! Lúc ấy mình chỉ nhớ bát nước chè xanh nóng pha đường Yến thường ép mình uống mỗi khi mình kêu mệt. Giá đúng giao thừa mình bay về nhà nhỉ! Mẹ con cô ấy bỗng nhiên thấy mình lù lù hiện ra thì mừng hay hoảng? Mình không hình dung được rõ nét khuôn mặt cu Tâm. Nó cứ mờ mờ ảo ảo. Chẳng biết con giống tính bố hay giống tính mẹ?..." Thế rồi có giấc mơ kia. Chẳng phải chuyện dở hơi đâu. Nhất định là thần giao cách cảm. Anh bị sốt rét nặng. Anh được đưa ra Bắc an dưỡng. Anh ghé về nhà. Linh tính của mình ít khi bị sai. Ngày ấy, mấy con bạn học viên biết chuyện mình "va" với thầy giáo trên một chuyến phà đã dọa: "Mày xin chuyển lớp đi thôi. Ông ấy thì cho mày lưu ban đến hai năm". Sau mãi chẳng thấy "ông ấy" gọi cô học trò nào lên kiểm tra bài, chúng nó lại phán: "Thầy giáo này bộ nhất gái chúng mày ạ". Không hẳn! Linh tính bảo mình thế. Và linh tính cũng báo cho mình là sắp bị gọi lên. Quả nhiên thật. Mình làm ra bộ dáng hoảng đi lên bảng mà trong bụng run ghê quá. Mình chuẩn bị đã khá kĩ, phải cái bài hình học chết tiệt! Tan buổi học, con bé "thương nghiệp" vênh váo bình: - Điểm hai ấy là để trả nợ cái câu "anh không có mắt" đấy em ạ. Thế quái nào mà chính con bé cũng cảm "chàng" mới chết chứ! Nhưng linh tính mách mình... Yến chợt bật cười. Chị nhớ lại lần hai đưa rủ nhau đến thăm thầy giáo. Yến bàn với cô bạn mua một bó hoa. Nhà thầy giáo là một gian nhỏ trong khu tập thể. Gian phòng gần như trống trơn. Đào đâu ra bình hoa mà cắm. Điều đó thì Yến đã biết thừa. Nhưng cô giả vờ cũng ngỡ ngàng khó xử như cô bạn, rồi nảy ra "sáng kiến" - Nhà cậu có lọ hoa đẹp đang bỏ không phải không? Cô bạn sốt sắng: - ừ nhỉ! Để mình... Xin phép thầy, em chỉ đi một nhóang thôi. Một nhóang của cô ta là quá đủ. Khi cô ta mang lọ hoa đến thì "thủ tục" khó khăn nhất trong những chuyện tương tự - những thủ tục chẳng có qui định chung, chẳng có mẫu sẵn, rất "tùy nghi" từng đối tượng cụ thể trong từng hoàn cảnh cụ thể, nhưng mà nhất thiết phải trải qua để có được "tuyên bố chung" - đã xong xuôi.

Con đường nhựa trôi chậm dưới bánh xe. Thỉnh thoảng người mẹ quai tay ra sau sờ nhẹ đứa con, trong khi tâm tưởng không thôi hướng về người chồng. Tội nghiệp anh! Từ lúc cưới vợ không ngơi vất vả. Yến còn phải học hơn năm nữa mới xong chương trình bổ túc văn hóa. Đến khi được học đại học, cô đã toan thôi, vì thương anh cũng có mà ngại học cũng có. Anh đã phải khi thì

thuyết phục, động viên, khi thì làm mặt giận. Yến học chuyên tu được hai năm và cu Tâm được mười tháng thì có đợt tuyển giáo viên nhập ngũ. Kể ra anh có thể xin hoãn một năm chờ vợ học xong và con cứng cáp hơn. Được tin báo, Yến tức tốc xin phép về thăm nhà. - Anh đi, e em phải xin nghỉ học mất. - Đừng! Ai lại thế? Trèo cau sắp chạm buồng rồi, em! - Anh chỉ biết xung phong cho thỏa chí, chẳng nghĩ gì đến mẹ con em cả. - Anh không xung phong, nhưng anh cũng không thoái thác. Em nghĩ kĩ mà xem, anh phải xử sự thế nào cho đúng? Anh đi rồi, Yến ân hận mãi về câu nói dần dỗi mình trót thốt ra. Chẳng qua mình muốn làm nũng một tí, chứ thực ra nếu anh hỏi ý kiến trước hẳn mình chẳng ngăn cản. Nhưng mà giá lùi lại một năm thì khi ấy đã có chủ trương tạm hoãn nghĩa vụ cho các giáo viên cấp ba. Thôi, lại nghĩ lần thần rồi!

Đi quá một ngã ba, Yến thấy một quảng sáng lơ mờ di động phía trước. Chị dẫn lên. Đó là một phụ nữ đi xe đạp một mình. Nơi ghi-đông phải chiếc xe có buộc một cái đèn pin. Có lẽ nguồn điện pin gần cạn nên ánh đèn phát sáng ra vàng vọt, lòà nhòa.

- Chị về đâu? - Giọng còn rất trẻ.

- Tôi về nội thành. Còn chị?

- Tôi cũng về nội thành đây. - Tiếng nói như reo - Hay quá! Cầu được, ước thấy. Đang lo đi một mình thì đường sẽ xa thêm. Trời lạnh thế mà chị cũng đem cháu theo à?

Người bạn đồng hành tình cờ là một công nhân cảng. Cô ra ăn cỗ trừ tịch với mẹ và em sơ tán gần chỗ ngã ba rẽ vào, bây giờ về trực tụy vệ. Biết cô có người yêu đi công tác B, Yến thấy gần gũi và tin cậy. Rồi không định, thậm chí cố tránh nữa, thế quái nào chị lại nói ra lí do thầm kín khiến mình xông pha thế này. Thổ lộ xong, chị tự thấy mình hổ. Rõ vớ vẩn! Cô ta cười cho thôi mũi. Không ngờ cô bạn cùng đi lại sẽ sàng nói.

- Nếu là em, em cũng đi. Đi mà không được gặp còn hơn cứ thấp thỏm. Chẳng gặp nhưng yên tâm, không thì cứ ân hận mãi cho đến khi biết chắc người ta không ghé về.

- "Người ta" của cô đi xa lâu chưa?

- Mới hơn một năm, chị ạ. Hai bên cha mẹ đều muốn chúng em "tổ chức" trước khi "lão" đi, nhưng "lão" khẳng khái "không muốn buộc cả" em. Em mới giận cho mấy giận. Lão xin lỗi rồi rít và thuyết: Hồng mới mười tám, anh mới hai mươi. Cưới sớm, đoàn phê bình chết. Em mới "mắng" cho: Gớm! cứ làm như người ta nôn cưới lắm ấy. Đừng hồng! Lão lười viết thư lắm cơ. Có người để mà nhớ kể cũng hay đấy chứ chị nhỉ. Lắm khi cứ thấy lằng lằng, muốn sống tốt hơn, làm việc tốt hơn; cứ cảm thấy có cái gì đẹp để đang chờ mình phía trước. Như mà... chị đừng cười em đấy nhé. Chị thì qua khúc này rồi. Cũng có khi em nôn nao nhớ. (Cô bé tưởng thế chứ..., Yến nghĩ). Họ nói nhớ ngẩn ngơ, em chẳng thấy thế. Em nhớ thì em tìm việc em làm. Làm cứ làm mà nhớ cứ nhớ. Đêm nay họ định miễn cho bọn con gái khỏi trực. Em với một con bạn xung phong cho cánh con trai biết. Đừng có mà ra về chiều cổ nữ!

Hai người đang ở đoạn đường giữa đồng trống. Trời hình như đỡ tối hơn. Trong một cái quán vắng bên đường thoáng tiếng động cựa. Yến lạnh người, muốn phóng ào qua. Nhưng Hồng đã hãm xe lại, nói to:

- Chẳng hiểu sao mà ba ông mãnh mãi không đuổi kịp chị em mình nhỉ? Hay là họ đã vượt qua khi hai đứa mình tạt vào trận địa pháo rồi?

Suýt nữa thì Yến đã hỏi lại: Ba ông mãnh nào? Hồng hướng về cái quán lớn tiếng hỏi:

- Ai ở trong lều kia cho hỏi tí: có thấy ba người đàn ông đạp xe qua đây không?

Không có tiếng đáp. - Thế nào? - Hồng nói như quát và quay đầu xe cho đèn pin chiếu thẳng vào quán. Quả nhiên, trong góc khuất đằng sau cái bụi đất đắp cao làm quây bán hàng thấp thoáng bóng người. Từ phía đó phát ra tiếng nói chùng chằng:

- Có ma!

Hồng lại cao giọng:

- Thôi ta cứ đi tà tà, họ đuổi kịp mình ngay đấy mà.

Cô từ từ đạp xe đi. Yến bám theo mà cứ rờn rợn sau gáy. Chị chờ nghe tiếng chân chạy đuổi. Muốn ngoảnh lại xem chừng mà không dám. Khi đã khá xa, chị quay nhìn khoảng không im lìm và tối thui phía sau rồi nói với Hồng:

- Cô nhanh trí thật đấy. Kể gian hay người ngay nhỉ?

- Chẳng biết đâu ổ con chuồn chuồn. Phải net phủ đầu, chứ nếu quả là quân gian thì mình chạy cũng chẳng thoát. Xe mình không hôn cây, tẩm ruộng, hấn chạy chân không vẫn thừa sức vô được mình.

Sắp đến cầu phao cách chiếc cầu bê-tông cốt thép bị bom Mĩ phá sập không xa. Chấn ngang đường là một băng trắng nhờ nhờ cao khoảng tầm người đứng. Khi tới gần, hai người soi thấy một tấm cốt quét vôi trắng trên đó viết nguệch ngoạc hai hàng chữ đen đậm nét: "Còn bom nổ chậm. Cắm qua lối cầu phao. Đi đò Đầu", và một cái hình nom như một củ khoai tây thủng ba lỗ gác trên hai que củi bắt chéo. Yển tần ngần:

- Chết thôi! Đò Đầu cách đây năm ki-lô-mét. Đường đê lổn nhổn đất cục dất xe ban ngày còn không nổi nữa là. Vả lại, giờ này ai chở!

- Hồi sáng em đi vòng đường khác, có biết đâu cái thằng Mĩ nó còn rình ở đây. Muốn qua đò Đầu phải quành lại đi đường trong làng mới dắt xe được. Đến sáng chưa chắc sang được bên kia, - Hồng tặc lười - Ta liều thôi, chị ạ. Số em còn thọ lắm. Em có chết thì cũng chờ "l•o" ấy về đ• rồi mới chết. Chị đi trước, em bám sát xe chị làm thần hộ mệnh cho chị.

- Hay là ta quay lại theo đường Hồng đi sáng nay ấy.

- Ôi, chị ơi! Phải đi gần hai mươi ki-lô-mét, qua hai bên đò xa làng, giờ này chẳng ma nào trực đò đợi chị em mình đâu. ở đây, thằng Mĩ thả bom hôm kia. Chậm lắm, hôm qua họ đã phải phá rồi chứ. Chắc các bố sợ còn sót nên trưng biển phòng hờ thôi. Nếu không thì nổi cầu phao làm gì? Đi, chị nhá!

Chẳng chờ Yển gật, Hồng nhảy lên xe đạp đi luôn. Yển đành nói sau. Gần đến vùng bom. Hồng chậm lại:

- Chị vượt lên đi! Cứ nghĩ "sắp đến nhà rồi" là sẽ đạp thoải mái.

Nói vậy, chứ chính cô cũng chẳng thể thoải mái. Đoạn đường đã được những người phá bom gạt bớt đất đá vung vãi, nhưng mặt đường nhựa đã bị ngoạm vệt đi từng mảng lớn, nên xe phải lượn tránh ngoằn ngoèo, muốn đạp nhanh cũng không được. "Nó" ở phía trước? đằng sau? bên phải? hay mé trái? Yển thấy người gai gai và như tê đi, mất cả ý niệm về thời gian và không gian, chỉ còn cảm giác một cái gì dằng dặc và mông lung. Toàn bộ ý thức hầu như tập trung vào một điểm duy nhất: đưa con đang ngồi sát ngay sau mình. Nỗi hiểm nguy dường như chẳng dính dáng mấy đến chị mà đang uy hiếp đứa con. Chung quanh là cái im lặng phản trắc và bóng đêm đồng loã. Bỗng một tiếng hát cất lên: "*Tùng đôi chim bay đi tiếng ca rộn ràng...*". Yển chưa nhận ra ngay là Hồng hát. Tiếng hát vào lúc này, ở một nơi như thế này! Hát để che cái sợ hay để thách thức cái sợ?

- "*Đường ta đi xây đời...*" Thoát rồi chị ơi!

Tiếng reo lãnh lớt của Hồng dội vào cái căng thẳng của Yển khiến tay lái của chị loạn choạng. Chị bóp nhẹ phanh và xuống xe. Bấy giờ chị mới nhận thấy người mình đầm đìa mồ hôi.

- Có dễ đến mấy trăm mét đấy em nhỉ. Khéo chị em mình bạc hết tóc rồi.

- Độ năm mươi mét thôi, chị ạ. Để em dựng xe em, rồi em cùng chị đẩy xe chị lên cầu phao. Cẩn thận kéo thẳng bé giật thột. Chỗ này mấp mô nhiều đấy, chị ạ.

Cầu phao bập bênh, hơi chao đảo. Tiếng nước vỗ khẽ róc rách. Tiếng tre gõ ồm ộp va nhau dưới bước chân. Chợt Hồng bật cười:

- Chị có biết khi đang đạp xe qua "cửa tử" ấy em nghĩ gì không? Em nghĩ bom mà nổ thì chẳng biết lão ấy sẽ nói sao. Có khi mình chết rồi l•o ấy còn mắng cho ấy chứ.

- Cô không sợ à?

- Không sợ, chỉ thon thót thôi. - Hồng cười hi hí - khi giương súng nhắm vào thằng Mĩ trên trời đang lao xuống thì lại không thế.

Bên kia cầu phao đã thuộc nội thành. Con đường chạy kề một bệnh viện bị bom huỷ hoàn toàn. Trong đêm tối, vài bức tường lởm chởm còn sót lại làm nặng nề thêm không khí hoang phế. Đã có những lời đồn đại về những con ma (!) khoác áo choàng trắng lờn vờn những lúc khuya khoắt. Yển không tin có ma, tuy vậy chưa lần nào chị dám qua đây trong đêm vắng. Lần này chị đã quên khi "hạ quyết tâm" ra đi. May mà gặp Hồng.

Họ lên xe đi mới được khoảng hai trăm mét thì phía cầu phao đưa tới một tiếng nổ "uc". Tiếng nổ không rền, và không thấy chớp loé. Có lẽ quả bom bị vùi sâu trong đất. Hồng, giọng ân hận:

- Em bậy thật, xui chị liều. Chết đại! Nhất là lại có cả cháu bé. Đáng lẽ em nên khuyên chị quay lại. Nếu xảy ra chuyện gì thì tội em để đâu cho hết.

Yến an ủi:

- Tại chị nóng về nhà, chứ em các vàng chị cũng chẳng liều, nói gì em xui được chị. Thôi, chị em ta thế là may rồi. Bây giờ em đến thẳng cảng chứ?

- Vâng. Sáng mai mấy giờ chị đi?

- Chị phải có mặt tại nơi làm việc trước bảy giờ rưỡi. Có lẽ bốn rưỡi đã phải đi rồi.

- Vào giờ ấy em cũng đã xong phiên trực. Em sẽ đến đón chị cùng đi cho vui. Em về xông nhà để còn vôi mẹ em quà mừng tuổi chứ. Chắc cụ sẽ mắng: "Con gái to như cái bồ rồi còn tị quà với em. Đừng để thằng ấy dắt mũi thì có phải bây giờ tao có cháu bé rồi không". Các cụ cứ nghĩ con người như con gà ấy, chỉ biết đẻ.

Chia tay cô bạn gái mới quen mà đã thân thiết, Yến thấy vui vui. Chị như gặp lại thời hoa niên của mình. Mình cũng hơi "ngổ" như cô bé này, nhưng không hồn nhiên và vô tư bằng. Mình con may hơn Hồng: mình có đứa con và công việc để lấp bớt khoảng trống của nỗi đợi chờ. Cô ta thì chỉ có công việc thôi. Tất nhiên cô ta không cô độc. Nhưng sự trống vắng vẫn là sự trống vắng.

Phố xá im lìm, hiu quạnh. Người sơ tán rất ít nhà về ăn Tết trong thành phố. Một số nơi có đèn đường thừa thớt, ánh sáng yếu ớt. Đó đây, vài nhà có ánh đèn lọt qua khe cửa. Đầu một ngã tư, cánh cửa trông ra ban công của một căn phòng trên gác mở rộng. Những nén nhang đang toả khói trên bàn thờ. Khói hương như quện lấy bình hoa và đĩa ngũ quả. Một cảnh ấm cúng và yên bình lẻ loi, nhưng sao không có vẻ lạc lõng! Thoảng đâu đây mùi hương trầm...

Căn hộ của Yến nằm trong một khu nhà tập thể ba tầng. Chỉ một đường phố ngắn nữa thôi là mẹ con mình đã về tới nhà. Yến thầm nói với đứa con vẫn đang ngủ say, mà cũng là nói với chính mình: Có khi bố con đã ở nhà rồi. Bố có chìa khoá riêng, bố chỉ việc mở cửa phòng vào nằm khoèo chờ mẹ con mình. Chắc là đói meo, đang gặm lương khô.

Đã đến ngõ vào. Từ đây có thể nhìn thấy căn phòng của vợ chồng Yến. Chỗ đó tối đen. "Có khi khu mình mất điện". Chiếc xe đạp bon nhẹ trên con đường đất pha sỏi trở tới trước thềm nhà. Cửa phòng đóng im ỉm. Chẳng cần rọi đèn, linh tính cho Yến biết chiếc khóa vẫn y nguyên. Chị dồn sự bình tĩnh vào động tác dựng xe áp tường, rồi ngồi xuống bậc thềm. Mệt rồi. Thôi thế cũng yên trí, đỡ canh cánh, ít ra là trong mấy ngày Tết. Hẳn là lúc này đây anh không thể biết đến nỗi gian truân mà mẹ con chị vừa trải qua. Còn mai ngày? Có thể mai ngày cũng vậy, chẳng hề biết. Nhưng chị đã đi và chị đã đến. Bây giờ phải dọn phòng. Để thằng bé ngủ ngon mãi thế nó khom lưng mất. Mình cũng phải nghỉ một tí, mai còn đi. À, phải dậy sớm hơn, nấu chút gì nóng để cái Hồng cùng lót dạ...

Yến giật mình ngừng đầu lên. Một bóng đen đang lừ lừ đi tới. Chị ngồi chết trân mấy giây, rồi đứng bật giật quát hỏi:

- Ai?

Bóng đen chùng chột hiểu, dừng lại, ôn tồn:

- Tôi. Chị có phải là chị Yến không?

Yến ngạc nhiên nhưng nhẹ người:

- Anh hỏi gì?

Người lạ rút bật lửa bật lên, ý tứ giơ cao trước mặt. Yến nhìn thấy một người trang phục bộ đội nhưng không gắn cấp hiệu, phù hiệu, không mang ba lô, một bên vai đeo một cái xác-cốt vải bạt to. Anh ta khoảng ba mươi lăm, mặt xương xương, ánh mắt tươi tỉnh, đứng đắn:

- Thế này chị ạ. Tôi cùng đơn vị với anh Thảo... - Tim Yến lặng đi, tay chị muốn đưa ra tìm một chỗ vịn - Không! Không có chuyện gì đâu, chị ạ. - Anh ta vội lần túi ngực - Thư anh ấy đây.

Yến luýnh quýnh mở tờ thư. Anh bộ đội ghé bật lửa soi cho chị đọc. ánh sáng nhấp nháy nhưng Yến nhận ngay ra nét chữ thân thương: "Em yêu..." Chị thở ra nhẹ nhẹ và sức nhớ:

- Chết thôi! Để mời anh vào nhà đã.

Chị vội mở khóa cửa, nhưng chị tra lẫn chìa, loay hoay mất một lúc. Chị bật công-tắc. A! Có điện. May quá! Anh bộ đội giúp chị đưa xe vào nhà và giục chị soạn chỗ cho cháu bé nằm. Chị định nấu nước nhưng người khách ngăn lại:

- Thế này chị ạ - anh ta xem đồng hồ tay - tôi chỉ được ghé lại đây hai mươi phút thôi. Tôi đã đứng chờ trước nhà này có đến năm phút. Đã tưởng sẽ chẳng gặp được ai. Tôi đi loanh quanh, rồi quay lại đây một cách hú dọa. Cũng thật là may. Tình hình anh ấy không có gì đặc biệt, chắc anh ấy đã viết trong thư. Chúng tôi ra ngoài này công tác đột xuất. Lẽ ra anh ấy cũng cùng đi. Anh ấy đang được an dưỡng tại chỗ, sau khi ở bệnh viện đã chiến về, không phải do bị thương đâu, mà do sốt rét ác tính. Nhưng rồi có công tác khẩn, thiếu người, anh ấy xung phong nhận phụ trách. Anh ấy nhờ tôi nếu có dịp thì trao thư và món quà này cho chị và cháu. - Anh lục xác cốt lấy ra một cái nhẫn và một mô hình máy bay màu đũa-ra sáng lên dưới ánh điện - Anh ấy làm lấy bằng mảnh xác trực thăng Mĩ đây chị ạ. Chị có tấm ảnh nào của chị và cháu ở đây không? Ông Thảo khẩn khoản tôi cố mang vào cho ông ấy.

Yến đang mân mê hai kỉ vật, nghe hỏi sửng người bối rối:

- Ôi! Thế mà tôi không nghĩ ra. Tôi để cả ở nơi sơ tán mất rồi. - Chị tự giận mình quá, mặt lộ rõ sự tiếc hối gần như là một nỗi đau khổ.

Anh bộ đội miệng chum chim, hình như đang ngâm thích thú:

- Có thì càng tốt, không có thì cũng chẳng sao đâu chị ạ. Tôi đã dự tính một "kế hoạch" dành cho ông ấy một sự bất ngờ lớn nhất. Được gặp cả chị và cháu thế này là hay quá rồi.

Yến trở mắt nhìn anh ta, chẳng hiểu ra làm sao cả. Phái viên của chồng chị lôi từ trong chiếc xác-cốt ra một cái hộp da khá vuông vắn và mở nắp. Đó là một thứ máy mà Yến chưa thấy bao giờ.

- Thế này chị ạ - Câu mở đầu cửa miệng của ông này, Yến hơi buồn cười nghĩ - trên đường ra ngoài này, tôi có ghé mấy cậu bạn thân ở phòng chính trị sư đoàn. ở đấy, họ mới có một cái máy ghi âm chạy pin chiến lợi phẩm. Họ định dùng cái đó thu các bài hát qua đài phát thanh. Tôi mới tán họ là ra đây tôi sẽ tìm cách ghi âm trực tiếp một số danh ca. Tôi có một băng trắng riêng, sẽ dành một đoạn cho tiếng nói của chị và cháu. Ông Thảo chỉ có sướng mê đi thôi.

Yến mừng đến bàng hoàng, song chị hơi ngần ngừ:

- Máy của cơ quan mà anh?

- Không sao. Mượn họ chút xíu, nghe xong trả lại. Chừng nào cần, mượn nữa. Bây giờ chị đánh thức cháu dậy đi, nhanh nhanh lên một chút. - Không cho chị biết, anh ta mở máy.

Yến đến bên giường khẽ lay đưa con:

- Tâm ơi! Dậy đi con! - Thằng bé oằn mình một cái, rồi quay nghiêng ngủ tiếp. - Nào! Dậy đi con! Có quà của bố Thảo đây này.

Chẳng biết có phải vì thường ngày, những lúc mẹ con thủ thủ, người mẹ đã truyền nỗi mong nhớ sang đứa con hay không mà vừa nghe vậy, bé Tâm đã choàng mở mắt. Và khi Yến giơ cho nó xem chiếc máy bay đồ chơi, nó tỉnh hẳn và lồm cồm bò dậy:

- Cái gì đây? Con có thích không?

- Cái *chà*u bay. Con *xích* bố *Xảo* cũng về cơ.

- Bố Thảo làm gì ở đâu nhỉ?

- Bố đi *đẩn* *chặc*.

- Con có nhớ bố không?

- Có.

- Nhớ như thế nào nào?

- Như hôm mẹ *ọc xư* bố mẹ *hóc* ấy.

- Bậy nào!

Người mẹ nóng bừng mặt, liếc nhanh người khách. Nhưng người bạn chồng đã ý nhị quay mặt đi, môi chum lại một cách không tự nhiên đến thành khó coi. Anh tắt máy, bảo Yến:

- Giờ chị nghĩ một câu gì nhắn anh ấy đi.

Yến nhắm mắt: nhẩn gì đây? Biết bao nhiêu điều muốn nói, gói trọn sao được trong một câu! Có tiếng còi ô tô. Anh bộ đội nói nhanh:

- Họ đến đón tôi đây. Chị nói đi! Tôi lại mở máy rồi đây.

Thật khó hơn cả phát biểu trên diễn đàn hội trường lớn. Yến bặm môi, rồi "liều" một câu mà ngay sau đó chị chẳng vừa ý chút nào.

- Tuyệt lắm! Xong rồi. - Anh bộ đội thu dọn đồ lễ đứng lên - bây giờ xin phép chị tôi đi đây. Chúc chị và cháu xuân mới vui, khỏe.

Còi ô tô giục. Yến nói vội:

- Anh ăn chút gì đã. Để tôi ra mời anh lái xe vào đây.

- Thôi chị ạ. Cảm ơn chị. Chúng tôi phải đi ngay. Giờ giấc quân sự mà. Bắt tay cháu Tâm cái nào!

- Thế thì anh cầm mấy cái bánh này đi ăn đường. Còn đây là mứt gừng, tôi đã bọc gói kĩ lưỡng.

- Hay quá! Tết đến ông Thảo nhớ nhất món này. Nhưng mà phải là mứt nhà cơ.

Yến bế con đứng cạnh chiếc com-măng-ca còn phảng phất hơi hướng khói bụi chiến trường. Đường như anh cũng có mặt đâu đây. Điều nhạc quen thuộc từ chiếc đài bán dẫn người lái xe đeo bên mình chợt ngừng, rồi những âm thanh tròn, ngọt và ấm thảnh thót buông từng giọt, từng giọt ngân nga. Bỗng tạch, tạch, tạch, đoàng, tạch tạch... tiếng pháo dậy lên ròn rã. Giao thừa! Chiếc xe từ từ lặn bánh và lao đi, đem rắc tiếng nổ vui tai và ấm lòng trên đường phố vắng lặng. Trong cái thành phố im lìm này, trên cả nước Việt Nam này, vào giờ khắc này, đây là những tiếng nổ duy nhất được người ta đón đợi. Yến nhìn theo ánh đèn ô tô xa dần rồi khuất hẳn. Tâm tưởng chị trải dài theo bánh xe lặn. Chị bỗng ớn lạnh ôm chặt lấy con, nước mắt tự nhiên ứa ra. Vậy là anh không về... Trời loáng thoáng mưa phùn, gió mùa đông - bắc đang tràn về. Chị khẽ rung vai nghĩ tới chặng đường mẹ con chị vừa đi. Đầu kia chặng đường lấp ló cặp mắt sắc và lạnh của bệnh viện trưởng. Chị hôn đầm lên má con. Ngày mai, không chính là hôm nay, chị phải có thêm sức lực để lên đường.

Trời lạnh hơn, song khí vị thanh tân nhẹ lâng của năm sớm đang dâng lên, tin rằng sẽ mơn giấc ngủ của mẹ con chị.

*

Tiếng pháo dồn dập, râm ran, gọi nhau, ganh nhau, nôi nhau, vượt nhau; chớp lửa và tiếng nổ thi nhau xô toác màn đêm. Không gian như dần ra mà thời gian dường như bật đi. Sự náo động ấy dần dần lắng. Yến với tay lên chiếc bàn thờ nhỏ bát công-tắc chiếc cát-xét. Một tiếng nói đàn ông gọn và vang phát ra:

- Em và con yêu dấu! Vậy là mùa xuân này anh đã gặp em và con, không phải chỉ trong tâm tưởng nữa, mà có bằng chứng vật chất hẳn hoi, không chỉ là vật chất, vì tiếng nói mang theo nó những dạng thức tâm hồn. Sau khi điều dưỡng tại chỗ anh đã khỏe lên, bây giờ càng khỏe thêm nhiều.

Tôi vừa lắng nghe, vừa ngược nhìn lên tấm hình một anh bộ đội trên bàn thờ. Một khuôn mặt xương xương, ánh mắt điềm tĩnh hướng thẳng tới bất cứ ai nhìn vào. Khó mà hình dung được rằng những tiếng nói này được phát ra từ cặp môi đang mím lại kia cách đây mười mấy năm trời.

Tôi quen Yến sau khi Thảo đã vào chiến trường. Yến có kể tôi nghe hành trình đêm giao thừa năm ấy của chị. Tôi rất thú cái sáng kiến của bạn chồng Yến; -ngày ấy chẳng dễ nghĩ ra mà cũng chẳng dễ thực hiện. Không ai có thể ngờ đó là những tiếng nói cuối cùng của vợ con mà Thảo được nghe. Sau ngày toàn thắng, cũng chính anh bạn ấy mang ra cho Yến đoạn băng từ ghi tiếng nói của chồng chị cùng cái tin mà chẳng người trong cuộc nào muốn đón nhận: Thảo không còn nữa. Như có linh tính báo trước, khi anh sắp lĩnh một nhiệm vụ đặc biệt, ngay sau lúc được nghe tiếng nói của Yến và bé Tâm, Thảo đã đề nghị anh bạn dành cho mình một đoạn băng từ. Yến đã giữ gìn đoạn băng ấy từ bấy đến nay. Mỗi lần Tết đến, đón giao thừa xong, chị lại mở nghe tiếng nói của anh từ quá khứ xa xôi như từ một mảnh đất phương nam anh đã chiến đấu và ngã xuống - mảnh đất mà dù đã tốn bao công sức chị vẫn chưa lần ra - vọng về.

- Ngoài ấy rồi sẽ còn ác liệt hơn đây em ạ. Không có bom đạn kẻ thù thì em cũng đã phải chịu đựng nhiều rồi. Nếu anh không về nữa...

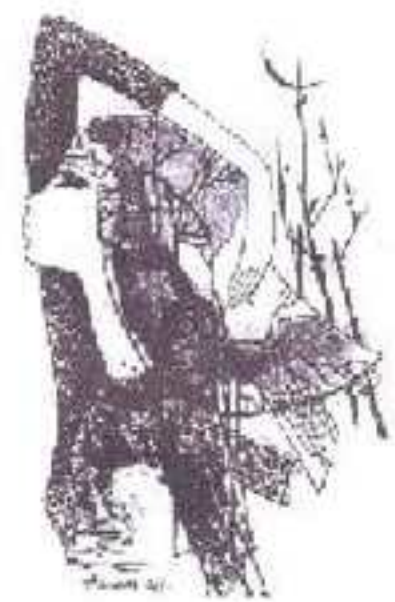
Giao thừa năm ấy, giá như Yến không dám đi, hoặc đi không trọn hành trình thì những năm tháng sau đó sẽ nặng nề đối với chị biết bao nhiêu!

- *Nhớ thương anh, em hãy tưởng tượng rằng anh đang ở đâu đó mỉm cười dõi theo mỗi bước đi tới của những người thân.*

Tôi trở về nhà ngồi trước trang viết của mình: "*Đừng để cho những kẻ phản bội lại những người đã ngã xuống, những kẻ phè phỡn trên những kỉ niệm máu xương của cả một dân tộc chặn bước đi tới của mình và con cái chúng ta, nghe em!*" Hừm! Những người dám hi sinh chẳng ai đã nghĩ thế. Tôi cầm bút. Nhưng đáng lẽ gạch bỏ, tôi chỉ khoanh lại. Phải có ai đó nghĩ như thế chứ! Song le, trong phác thảo truyện của tôi, chưa có nhân vật nào đủ tư cách nói lên câu ấy. Tôi cắn đầu bút nhìn ra trời đêm. Những ai làm cuộc hành trình đêm nay? Ngoài kia không gian lạnh. Đêm trở giấc. Khói pháo còn vương vất. Khói pháo thơm và ấm, không như khói súng và khói bom.

XII/1985 - VIII 1986

KHẢI NGUYỄN



thơ

NGỌC HẢI

TÌNH XUÂN

Ngày Xuân đi giữa bụi mưa
Biết anh hàng xóm ngày xưa đợi mình ?
Bâng khuâng giữa nghĩa, giữa tình
Cái xuân xanh đã bay nghìn năm xa
Một lần bước vội xe hoa
Trăm năm làm kiếp đa đa chợt buồn
Về quê gặp lại người thương
Mơ gì cái mộng dư hương ngọt lành
Thì thôi Chuyện cũ mong manh
Sao trong khoé mắt long lanh hỡi người ?

NGỌC HẢI

XUÂN MUỘN

VƯƠNG HOÀI UYÊN

Cánh cửa sổ bị gió thổi bật mở tung, đập hai lần vào vách tường. Một cơn gió lạnh buốt thổi thốc vào phòng. Uyên vừa đóng cửa sổ vừa nghĩ chốt cửa đã hỏng, hôm nào rảnh phải sửa lại. Mùa này hay có gió chướng. Những ngày cuối đông năm nào cũng vậy, gió ào ạt và mưa phùn rất nhẹ, có khi kéo dài suốt tuần lễ. Ra đường cứ nghĩ là không mưa nhưng đi đâu trên một lát đã thấy ẩm tóc. Những buổi chiều gió lạnh ào ạt như chiều nay, Uyên thường nhớ tiếng chổi quét lá khô xào xác của bà nội trong mảnh vườn thời thơ ấu. Tiếng chổi xào xác và tiếng ho hung hắng của nội vẫn là những âm thanh khó phai nhòa trong một miền ký ức xa xăm. Rồi nội gom lá khô lại thành từng đồng nhỏ, đốt lên trong buổi chiều muộn màng. Ý nghĩ trở về lại làm Uyên nao lòng.

Cả mấy tuần nay, Uyên cứ trăn trở với ý nghĩ nên về hay nên ở lại. Có mấy người bạn nhiệt tình nhận dạy thay để Uyên có thể về quê ăn tết sớm hơn một chút. Nhưng rồi chính Uyên cũng không quyết định được nên về hay nên ở. Ba mẹ lần lượt qua đời, anh chị em ly tán mỗi người mỗi nơi. Mảnh vườn xưa hoang vắng tiêu điều. Mỗi lần về lại mảnh vườn xưa lại thấy nhớ thời con gái xa xăm với bao nhiêu ước mơ đã vụn vỡ, nhớ quay quắt những bữa cơm gia đình thời còn đông đủ, với những tiếng cười đùa và mùi thơm của hương vị cá kho khô, tô canh khế chua hái ở sau nhà. Về để thắp hương cho ba mẹ ư? Uyên cũng có bàn thờ ba mẹ trong phòng. Uyên thắp hương ở đây cũng được. Con cái ở đâu, ba mẹ ở đó. Dù là đông con nhưng chắc ba mẹ cũng “tạt qua” nhà Uyên. Gọi là nhà nhưng chỉ là một căn phòng mười mấy mét vuông và một cô giáo muộn chồng. Thế giới của Uyên quá chật nhưng đôi khi lại trở thành quá rộng. Nhất là khi hàng xóm khóa cửa tắt đèn đi ngủ, chị lại thấy mình thật lẻ loi đơn chiếc trong thế giới của riêng mình. Quả thật không còn ai để sẻ chia. Thế giới của người ta đậm âm tiếng cười. Còn Uyên thật lạnh lẽo và trống trải.

Không khí tết đã tràn ngập phố phường những ngày cuối năm. Đi dạy về đã thấy hàng xóm phơi những nong dưa món đủ màu: màu xanh nhạt của đu đủ, màu trắng muốt của củ kiệu, màu đỏ cam của cà rốt ... trông như một bức tranh lập thể phơi trong nắng hanh vàng. Những núi hươu hầu xanh vỏ tròn căng chất đồng bên đường. Hàng xóm í ới rủ nhau làm bánh, bận rộn tíu tít như muốn chạy đua với thời gian đang nhích dần từng giây từng phút đến với cái tết.

Suốt ngày hôm nay Uyên bỏ thời gian ra để sắp xếp lại cái tủ sách vốn đã quá ngăn nắp – như để có việc mà làm, vì chị không sắm sửa gì cho tết. Với chị thế nào cũng xong, chị đâu có khách khứa gì nhiều, chỉ có mấy đứa học trò cũ – có những đứa rất chân tình còn nhớ đến Uyên. Chúng đến, căn phòng trở thành quá chật, ồn ào một lát lại đi. Trả lại cho chị khoảng không gian lại trở thành quá rộng, như nỗi trống vắng trong lòng.

Buổi tối Uyên đang ngồi xem ti vi thì điện thoại reo, từ một nơi cách xa hàng nghìn cây số tiếng Thảo Nguyên vọng về:

- Dì Uyên còn thức hả? Con định tết này về ăn tết với dì được không?

Uyên hơi ngạc nhiên :

- Thế hả? Được chứ. Nhưng ba mẹ con có cho phép không?

- Đây là quyết định của con. Con sẽ báo cho ba mẹ con biết. Hiện nay con đã mua vé rồi, chiều mai hai giờ tàu chạy. Bảy giờ sáng một đến nơi. Con đi tàu SE2. Thôi thế dì nhé.

Uyên chưa kịp nói gì Thảo Nguyên đã cúp máy, chị lắc đầu nói một mình, như thói quen của những người sống cô đơn: “ Cái con bé này! Chắc lại giận mẹ nó đây.”

Cú điện thoại bất ngờ của Thảo Nguyên đã quyết định dứt khoát cái ý tưởng nên về hay nên ở vẫn lảng vảng trong đầu Uyên. Chị vạch chương trình trong đầu : sáng một đi đón Thảo Nguyên.

Sau đó đi siêu thị mua sắm chút đỉnh, hôm nay đã hai bốn tháng chạp, cái tết đã lừng lững đến gần sát vách.

Tàu đến trễ một giờ, nhà ga thông báo trong nỗi bức dọc của người đi đón và cả những người ra đi. Một số bỏ về, một số ngồi nán lại. Uyên cũng ở lại Nổi nồn nao chờ gặp người thân khiến họ kiên tâm chờ thêm một giờ nữa. Phòng đợi đầy người. Một bà ngồi gần Uyên bắt chuyện với chị như để giết thì giờ:

- Chắc chị đi đón con học xa về?

Uyên định nói rõ mối quan hệ, nhưng không hiểu sao chị lại gật đầu.

Bà nọ vui miệng hỏi tiếp:

_ Chị được mấy cháu?

Uyên ngần ngừ và tiếp tục nói dối:

_ Hai cháu.

Người đàn bà gật đầu cười:

_ Đúng qui định của nhà nước.

Uyên nghĩ thầm: May mà bà ấy không hỏi tiếp: “ Một trai một gái chứ ?”, và mình lại tiếp tục nói dối. Chị lảng ra ngoài hành lang đứng nhìn cây mai vàng nở rộ trước tiền sảnh nhà ga. Hoa đã nở nhiều nhưng vẫn còn bao nhiêu là búp xanh, chắc chắn nở kịp vào ngày tết. Lại thêm một trường hợp “ đúng quy định ” với đời. Chỉ có Uyên là ở ngoài những quy định của cuộc sống.

Một giờ sau tàu đến. Con tàu bám đầy bụi bặm đường xa mỗi một trườn vào sân ga, nằm thờ phì phò như người chạy đua đến đích. Trong đám đông nhốn nháo, Uyên thấy Thảo Nguyên nhảy xuống tàu, vai mang ba lô, túi xách, quần jean, áo pull, tóc ngắn. Mới có vài năm không gặp mà trông Thảo Nguyên lớn quá. Dáng cao gầy và khuôn mặt của nó chính là khuôn mặt của Uyên thời con gái. Thảo Nguyên giống mẹ như tạc mà mẹ nó là em sinh đôi với Uyên. Hai dì cháu đi bên nhau người ta sẽ nghĩ là hai mẹ con. Cũng như ngày xưa Uyên và Oanh giống nhau như hai giọt nước, người nhà cũng khó phân biệt, nói gì đến người ngoài. Họ giống nhau từ khuôn mặt, đến giọng nói, đến dáng dấp ... Có thể nói người này là phiên bản của người kia. Chỉ có tính tình là khác hẳn. Uyên dịu dàng ân cần với mọi người, Oanh đốp chát gắt gỏng, ít quan tâm đến người khác. Mẹ bệnh, Uyên có thể thức trắng đêm, trong khi Oanh vẫn ngủ ngon lành. Hai tính cách hoàn toàn trái ngược đặt trong hai hình hài giống nhau như hai giọt nước, như một trò đùa của tạo hóa. Để phân biệt, mẹ bắt một trong hai đứa phải cắt tóc ngắn. Oanh không chịu cắt, Uyên phải hy sinh mái tóc dài óng ả. Cứ nhìn mái tóc mà gọi tên. Cả hai học cùng lớp suốt thời kỳ phổ thông, thầy cô giáo nào lần đầu tiên bắt gặp hai khuôn mặt ấy đều ngỡ ngàng. Giáo viên chủ nhiệm nào cũng tách Uyên một nơi, Oanh một nơi. Oanh vốn ghét những môn học thuộc lòng, và thường nhờ Uyên đọc hộ bài nếu bị kiểm tra. Thương em, Uyên nhân nhượng. Được vài lần trot lọt, có lần giáo viên nhìn vào sơ đồ lớp, phát hiện sự gian dối, Uyên bị giáo viên chủ nhiệm khiển trách. Thở nhỏ Uyên hay gặp những rắc rối vì Oanh như vậy.

Lớn lên, vào đại học, xa nhà, hai chị em thuê chung một căn phòng trọ tự nấu ăn. Oanh hay đùn đẩy việc nhà cho Uyên, Uyên lại nhường em. Cái con người ra đời trước em mười lăm phút ngắn ngủi ấy lại mang trong mình trách nhiệm của một người chị lớn. Người ta thường nói những cặp sinh đôi thường rất yêu thương nhau, điều này chỉ đúng với Uyên.

Trong những năm tháng sinh viên ấy, Quân đã đến với căn phòng trọ bé nhỏ của hai chị em. Quân là bạn trai của Uyên. Ban đầu Quân cũng bối rối khi gặp Oanh mặc dù Uyên đã nói trước với Quân rằng Uyên có một đứa em sinh đôi. Quân thú nhận: “ Anh đã gặp nhiều trường hợp sinh đôi, nhưng chưa thấy ai giống nhau như Uyên và Oanh. Anh thực sự không thể phân biệt được nếu không có mái tóc .” Nhưng đó là sự khác nhau có sắp đặt, nếu không hai người cũng như hai bức danh họa được vẽ lại, mà nếu không có con mắt nghệ thuật thì cũng khó lòng phân biệt. Quân chỉ còn biết “ bám” vào mái tóc để nhận ra người yêu, mà cái điều ấy thì thật mong manh, nếu một ngày kia Oanh cũng cắt tóc ngắn. Có điều Uyên không hề biết là Oanh cũng yêu Quân. Khoa học đã chứng minh những cặp sinh đôi thường yêu chung một người. Điều này thì lại đúng với Oanh mà không hề đúng với Uyên.

Một lần nhận được tin mẹ đau nặng từ nơi quê nhà xa xôi, Uyên xin nghỉ học về quê đột ngột nhờ Oanh báo lại cho Quân biết. Đúng với bản chất thờ ơ của mình, Oanh thản nhiên ở lại. Rồi

Oanh đột ngột cắt tóc ngắn, kiểu tóc y hệt như chị và nhập vai Uyên vẹn toàn. Không hề có chút nghi ngờ, Quân vẫn tưởng rằng Uyên ở lại, Oanh về quê thăm mẹ. Họ sống với nhau như những đôi tình nhân khác. Thật trớ trêu, lần đó bà mẹ đau nặng, Uyên phải ở lại quê nhà gần nửa tháng. Mẹ vừa bớt, Uyên trở lại, nhận ra Oanh đã cắt tóc ngắn giống hệt mình. Oanh than trời nóng quá không chịu nổi mái tóc dài nữa. Thoáng một giây linh cảm giúp Uyên nhận ra mọi chuyện. Dĩ nhiên Quân không có lỗi gì trong chuyện này, nhưng Uyên vẫn thấy có một cái gì đó vớ không thể nào hàn gắn. Nhưng Uyên không phải là người duy nhất đau khổ, Quân cũng điên đầu vì ngang trái. Nhiều lần Quân tìm gặp, Uyên đều tránh mặt. Quân gửi cho Uyên một bức thư phân trần mọi lẽ, xin Uyên tha thứ - mặc dù anh không có lỗi gì - Uyên vẫn lặng thinh. Tình cờ Quân đã gặp Uyên lần cuối trong một quán cà phê sinh viên, Uyên vẫn còn nhớ câu nói cuối cùng của Quân: “ Em đúng là người có trái tim bằng đá ”. Họ xa nhau từ đó. Cho mãi đến bây giờ Uyên cũng không thể nào phân biệt được rằng hồi đó mình đã hành động vì một chút tự ái, hay vì muốn hy sinh cho Oanh.

Năm sau, Uyên lặng lẽ xin chuyển trường về học ở một thành phố khác. Oanh và Quân vẫn ở lại Sài Gòn. Một người bạn thân vẫn thường viết thư cho Uyên kể chuyện: “ Uyên biết không, Oanh đã lao vào Quân như con thiêu thân lao vào ánh lửa, bọn mình cược với nhau rằng trước sau gì Quân cũng “ đổ ” thôi ”. Và đúng là Quân đổ thật. Hai năm sau Quân lấy Oanh. Uyên ra trường đi dạy xa nhà, hai chị em ít khi gặp nhau. Có những cái tết vợ chồng Oanh về nhà thì Uyên ở lại. Rồi Thảo Nguyên ra đời, con bé có khuôn mặt, dáng dấp giống mẹ, nhưng cặp mắt lại giống bố. Cứ nhìn vào mắt Thảo Nguyên, Uyên như thấy lại những năm tháng sinh viên của đời mình, những năm tháng có Quân và những con đường rợp lá me bay. Sài Gòn của một thời chột nắng, chột mưa. Mưa ào ạt nhưng thật ngắn ngủi, rồi nắng lại bùng lên bất ngờ như chưa có cơn mưa bao giờ. Sài Gòn bây giờ đã khác, mùa mưa kéo dài lê thê còn dài hơn cả mùa mưa ở miền Trung. Vào những ngày cuối năm tiết trời cũng se se lạnh gợi nhớ giờ phút giao mùa. Khí hậu đã đổi thay, lòng người cũng thay đổi. Quân cũng đã sống yên ấm bên Oanh – ít ra là cái nhìn từ bên ngoài. Còn bên trong nào ai biết được. Uyên vẫn nhớ mình đã nói với Quân, khi hay tin Quân cưới Oanh: “ Chỉ mong anh đối xử tốt với Oanh, từ nhỏ nó đã quen được người khác chăm sóc ”. Quân chưa chát: “ Vì tấm lòng của một người chị như Uyên, anh đã trở thành nạn nhân của một cuộc đánh đổi ngu xuẩn ”. Uyên không dám nhìn vào mắt Quân, chị biết nếu nhìn vào mắt Quân chị sẽ khóc mất. Uyên như người sắp chết đuối cố gì lấy mảnh ván để trôi nổi bập bênh trong khi bến bờ còn xa lắc. Cuối cùng Uyên đã nói với tất cả tấm lòng của một người chị: “ Nhưng dù sao đi nữa anh vẫn phải có trách nhiệm với cuộc đời Oanh ”.

Đúng như vậy, với một người như Quân, trách nhiệm đã gắn anh với cuộc đời Oanh. Quân trở thành con rể của gia đình Uyên, hai người đều chủ động tránh mặt nhau. Vì thế Uyên cũng ít gặp Oanh, từ khi Oanh lấy chồng. Như hầu hết các cặp sinh đôi khác, Uyên vẫn còn thương Oanh. Phần Oanh có một chút mặc cảm tội lỗi, một chút day dứt ân hận khi thấy Uyên vẫn còn sống cô đơn đến mãi tận bây giờ. Khi còn sống mẹ Uyên thường ân hận vì đã trót sinh ra một cặp con gái quá giống nhau. Cuộc sống cô đơn của Uyên cứ day dứt trái tim người mẹ cho đến khi bà nhắm mắt lìa đời. Uyên không trách ai cả, cũng không cố tình sống độc thân để “ trả thù ” ai. Chẳng qua Quân đã mang đi một nửa đời của Uyên. Cũng có vài cơ hội đến với Uyên nhưng rồi không đi đến đâu. Cánh cửa số phận hình như chỉ hé mở một lần rồi lạnh lùng đóng sập ngay trước mặt Uyên. Thảo Nguyên lớn lên hiểu được những uẩn khúc của gia đình, nó dành tình cảm thật nhiều cho người dì bất hạnh. Thời còn nhỏ, những dịp hè Thảo Nguyên hay về chơi với Uyên. Đây là lần đầu tiên Thảo Nguyên về ăn tết với dì.

Có thêm một người, căn phòng nhỏ bớt đi vẻ quạnh hiu. Mọi năm không có Thảo Nguyên, Uyên sắm tết qua loa, chiếu lệ. Có đứa cháu gái mà Uyên yêu như con, Uyên mua sắm đầy đủ hơn, như với một đứa con quanh năm xa nhà về ăn tết với mẹ. Thảo Nguyên lớn lên với tính tình mạnh mẽ và bướng bỉnh. Có lần Thảo Nguyên nói với Uyên: “ Dì Uyên ạ, lẽ ra con là con của dì chứ không phải con của mẹ Oanh đâu ”. Uyên cốc nhẹ vào đầu cháu: “ Đừng nói thế mẹ con nghe sẽ buồn đấy ”. Con bé vẫn thẳng thừng: “ Mẹ con buồn cũng không làm sao bằng dì. Cả cuộc đời dì chỉ nhận lấy toàn thua thiệt. Nhưng dì đã hy sinh vô ích. Mẹ con đâu có yêu thương gì ba con. Dì có biết những năm sau này mẹ con ngoại tình, ba con vì thương tội con nên không muốn làm to chuyện. Gia đình con cứ như địa ngục, con chán lắm ”. Uyên thật sự bàng hoàng trước những lời thổ lộ của Thảo Nguyên. Năm nay việc Thảo Nguyên đột ngột bỏ về quê ăn tết với dì, Uyên đoán có lẽ cũng có nguyên nhân từ những xung đột của gia đình.

Bữa cơm trưa hội ngộ Uyên nấu toàn những món Thảo Nguyên vẫn thích: canh cua, hoa lý xào thịt bò, chả giò, một bữa ăn hoàn chỉnh. Đã lâu lắm Uyên mới có dịp chăm chút cho bữa cơm gia đình. Đối với một người bàn bà độc thân như Uyên, chuyện ăn uống đã không thành vấn đề từ lâu. Không có gì buồn hơn là cặm cụi nấu những bữa ăn thịnh soạn để rồi phải ngồi ăn một mình. Nhìn Thảo Nguyên ăn uống ngon lành lòng Uyên chợt ấm lại. Chị nghĩ giá như chị có một đứa con, chị sẽ dễ dàng sống nốt quãng đời còn lại một cách có ý nghĩa. Nhưng chị chỉ có một mình, một nửa cuộc đời đầy bất trắc, đầy chông chênh còn ở phía trước, chị sẽ đi qua con đường đó cho đến khi nhìn thấy “ánh sáng cuối đường hầm” mà trở về với cát bụi.

Buổi trưa Thảo Nguyên không ngủ, ngồi lục lọi tủ sách của dì. Uyên cũng không ngủ mặc dù trời rét đậm và bên ngoài đang mưa nhẹ - đầy đủ tiêu chuẩn cho một giấc ngủ trưa thật đầy. Uyên gọi chuyện – những chuyện chị định hỏi từ bữa cơm trưa nhưng vẫn còn chần chừ, linh cảm cho chị biết có lẽ Thảo Nguyên cũng không vui gì:

- Ba mẹ con vẫn khỏe chứ hả?

Thảo Nguyên đang vui bỗng xịu mặt:

- Họ vẫn khỏe, quá khỏe nữa là khác. Và họ cãi nhau lại càng khỏe hơn trước.

Uyên hỏi tiếp:

- Và đó là lý do để con ra đây?

Thảo Nguyên gật đầu:

- Con chán lắm dì ạ. Chỉ thương ba con và em con. Nếu không có hai người đó con đã đi khỏi gia đình từ lâu.

Uyên nói đỡ cho Oanh:

- Con đừng nói thế. Mẹ con bao giờ cũng thương con.

Thảo Nguyên lắc đầu bướng bỉnh:

- Không, mẹ con không thương con, mẹ con chỉ thương bản thân mình. Giá như con là con của dì ... Dì Uyên ơi, sao mẹ con lại khác dì lắm vậy?

Uyên thấy hai mắt cay xè, nỗi thương con trẻ khiến chị thấy lòng se thắt. Oanh vẫn sống như vậy sao? Oanh đã từng tách chị ra khỏi đời Quân, để rồi dấn lên đời Quân như đã từng bóp chết đời Uyên. Và còn Thảo Nguyên – cô bé xinh xắn hồn nhiên đáng lẽ phải được hưởng một cuộc sống tràn đầy hạnh phúc, thì lại vật vờ như một chiếc bóng trong cái ngôi nhà sang trọng nhưng lạnh lẽo như nấm mồ ấy. Thảo Nguyên đã chọn nhầm chỗ để ra đời. Tuy có gia đình nhưng nó cũng cô đơn như Uyên. Bất giác Uyên vòng tay ôm lấy đôi vai gầy của nó như ôm đứa con của mình và Quân, dịu dàng bảo:

- Thôi ngủ đi con!

*

Mùng 6 tết, Thảo Nguyên từ giả dì Uyên để trở về Sài Gòn. Sợ Thảo Nguyên bỏ nhà đi bụi như bao nhiêu đứa trẻ khác nạn nhân của những gia đình không êm ấm, Uyên cũng đã khuyên nhủ cô bé rất nhiều. Cuối cùng Uyên nói:

— Cùng lắm cứ ra đây sống với dì, dì bao giờ cũng coi Thảo Nguyên như con. Đừng làm liều con nhé.

Uyên cũng viết cho Oanh một bức thư, khuyên Oanh hãy vì con mà chấm dứt những cuộc phiêu lưu tình ái. Nhưng chị biết lời nói của chị chắc không đi đến đâu, chị vốn biết tính Oanh từ nhỏ.

Thảo Nguyên lên tàu ra đi, Uyên lại trở về với căn phòng quạnh hiu, với những công việc hàng ngày: lên lớp, soạn bài, chấm bài ... và những bữa cơm một mình, một bóng.

Năm học qua đi, mùa hạ lại về. Những ngày cuối niên khóa, cuộc sống tĩnh lặng của Uyên lại bận bịu hơn một chút với những cuốn lưu bút của học sinh lớp mười hai. Vốn rất thương yêu học sinh, Uyên lại thức khuya hơn, miệt mài trên những trang lưu bút. Nhìn những bông phượng đầu mùa đỏ rực được học sinh nâng niu ép trong những trang giấy trắng – dù cái thời đi học đã mờ xa tít tắp - lòng Uyên cũng chợt nao nao buồn. Một đêm đã khuya, Uyên vẫn còn thức soạn đề cương ôn thi cho học sinh cuối cấp, bỗng nghe điện thoại đổ dồn. Uyên nhìn đồng hồ lo lắng, hỏi hộp: “Đã mười hai giờ khuya, ai còn gọi giờ này?”. Từ đầu giây bên kia tiếng Thảo Nguyên vừa nói vừa khóc:

- Mẹ con mất rồi dì Uyên ơi. Mẹ mất trong một chuyến đi Sa pa. Xe đổ trên đèo ...
Tai Uyên ù đi, thẳng thốt Uyên ôm ngực thả rơi chiếc điện thoại xuống bàn: “ Trời ơi, Oanh ...”

*

Uyên gặp lại Quân trong đám tang của Oanh. Dễ cũng gần mười năm rồi hai người mới gặp lại nhau. Cặp mắt kính của Quân dày hơn, mái tóc xanh dày ngày xưa đã có nhiều sợi bạc. Trong khói hương nghi ngút đôi mắt Oanh dường như xa xăm hơn, cái nhìn dường như mỗi một hơn. Cũng lâu lắm rồi Uyên chưa gặp lại Oanh, rồi bây giờ Oanh bất chợt ra đi, không kịp trời trăng điều gì. Uyên chợt xót xa nhận ra phận người thật mong manh biết bao. Khi trở về với đất con người đều giống nhau: nhỏ nhoi và tội nghiệp, dù sinh thời giàu sang danh vọng hay cơ cực nghèo hèn... Dù người nhà không ai nói ra, nhưng Uyên tình cờ biết được một sự thật đau lòng qua những lời xì xầm của những người cùng công ty với Oanh: thì ra Oanh chết trong một chuyến du hành cùng người tình trên một đoạn đèo Sa pa. Thì ra là thế! Oanh bao giờ cũng thế! Không dễ gì thay đổi được bản chất một con người!

Mãi những năm sau này, Uyên vẫn không khỏi kinh ngạc trước sự sắp đặt kỳ lạ của số phận. Hai năm sau đám tang của Oanh, có một mùa hè Uyên đăng ký đi du lịch tour Singapore – Malaysia cùng với một người bạn. Hai người vào Sài gòn đăng ký rồi chờ chuyến đi. Lúc làm thủ tục xuất cảnh Uyên bàng hoàng khi thấy Quân cũng có mặt trong đoàn. Quân cũng không dấu được vẻ ngạc nhiên. Phản ứng đầu tiên của Uyên là nói nhỏ vào tai Thục:

- Hay mình đừng đi nữa.

Thục nhăn mặt:

- Cậu đang làm cho mọi việc trở thành tệ hại hơn đây. Cứ bình thường hóa đi.

Hiểu rõ tâm tư bạn, Thục mỉm cười nghĩ thầm: “ Biết đâu không phải là cơ hội ngàn năm có một ”. Những ngày ở Singapore, trên đỉnh đồi Faber nhìn xuống mênh mông biển cả, xa xa là hai nước Malasia và Indonexia, có lần Uyên và Quân đứng cạnh nhau, Quân hỏi Uyên:

- Uyên có thấy chỗ này giống như đứng trên đỉnh núi non nước nhìn xuống vùng biển Hòa hải không?

Uyên hiểu Quân muốn nhắc đến một kỷ niệm đã có giữa hai người, một mùa hè nào đó đã mờ xa tít tắp ... Uyên lái câu chuyện sang một hướng khác :

- Thảo Nguyên và Khôi Anh sao rồi?

Quân gật đầu:

- Tốt rồi, con bé đã hết u uất, biết chăm em và học rất tốt, nó hay nhắc đến dì Uyên. Ngừng một chút, Quân nói:

- Uyên có tin rằng có số phận không? Anh còn nhớ câu nói của Lev. Tolstoi: “ Đời người như một dòng sông. Sông có lúc ấm, lúc lạnh, lúc trong, lúc đục, lúc êm đềm, lúc qua nhiều ghềnh thác”. Cứ nghĩ đến đoạn đời đã qua, anh tưởng như mình vừa trải qua một cơn ác mộng.

Uyên gật đầu :

- Em cũng tin như vậy. Thay mặt Oanh, xin lỗi anh về tất cả. Ghềnh thác của đời anh đã qua rồi, chúc anh tìm thấy hạnh phúc.

Quân hiểu câu nói bóng gió của Uyên, anh chưa kịp trả lời thì một ánh flas lóe lên, Thục đã kịp chụp ảnh hai người. Và cả đoàn lại kéo nhau sang vùng đảo Sentosa. Ngày hôm sau trên đoạn đường dài từ Sing sang Malasia cả đoàn di chuyển trên xe buýt du lịch. Đêm đầu tiên trên Cao nguyên Genting, đoàn đi tham quan một casino lớn nhất Đông nam á. Uyên bị mệt vì hành trình trên xe buýt quá dài, nên từ chối không đi, ở lại khách sạn một mình. Thành phố cao nguyên đẹp quá , mặc dù mệt Uyên cũng tranh thủ mang máy ảnh xuống tiền sảnh khách sạn chụp hình. Đêm cao nguyên mờ sương, từng luồng lớn sương trắng từ trên cao phủ xuống, bay vào phòng tiếp tân. Khung cảnh mờ ảo cùng ánh đèn xanh đỏ như chốn bồng lai. Bất ngờ, Uyên chợt nghe tiếng nói của Quân sau lưng mình:

- Uyên vẫn mê chụp ảnh như ngày nào nhỉ ?

Uyên quay lại, Quân đang đứng trước mặt. Không biết vô tình hay cố ý, Quân cũng không đi tham quan casino. Đêm ấy trong cái lạnh và trong sương mù mờ ảo tuyệt đẹp của cao nguyên Genting, Uyên đã không thể từ chối lời cầu hôn tha thiết của Quân. Vì Quân? vì Thảo Nguyên?

hay vì những ân hận khi thấy mình có lỗi trong cuộc sống không hạnh phúc của Quân? Uyên không thể nào biết đích xác được. Chỉ có một điều Uyên biết chắc chắn: Trái tim mỗi mồn của chị vẫn luôn hướng về Quân. Sau này trong cuộc sống vợ chồng, có lần Uyên thắc mắc hỏi Quân:

- Đêm đó vô tình hay cố ý mà anh không đi tham quan casino?

Quân mỉm cười có vẻ bí mật:

- Có những điều không nên biết vẫn hay hơn em ạ.

Chỉ có Thục là hay mỉm cười khi nhớ tới điều này. Những năm về sau chị vẫn không quên được đôi mắt lấp lánh niềm vui của Quân, và cái dáng hời hả vội quay về của anh khi Thục cho biết Uyên ở lại khách sạn một mình.

VƯƠNG HOÀI UYÊN



thơ

NHƯ' HOÀI

XUÂN TÌNH

*Môi em
chúm chím nụ đào
Hồn ta
vật nằng vương màu
ngắn ngơ*

*Mắt em
lóng lánh sương mơ
Hồn ta
dịu ngọt – Một mùa xuân tươi*

*Tóc em – óng mượt buông lơ
Ta chơi vơi
giữa dòng trôi ý tình.*

NHƯ' HOÀI

MƯA ĐÊM MÙA XUÂN

TỪ KỂ TƯỜNG

Cơn mưa ập xuống vào lúc nửa đêm đã đánh thức Trà dậy, căn phòng không để đèn, tối om. Trà nằm trong bóng tối lắng nghe tiếng mưa đổ bên ngoài, Trà giật mình vì có một con mắt đỏ nhỏ xíu đang nhìn mình. Con mắt đỏ bất động ấy ở phía đầu tủ sách, nó không đủ sức mạnh xuyên qua bóng tối, chỉ là một đốm sáng nhỏ nhưng cũng đầy vẻ dọa nạt khiến Trà sợ hãi. Cô liên tưởng đến một ngọn đèn ma, rồi lại nghĩ tới con mắt của một loài rắn độc và Trà gần như khiếp đảm trùm kín cái mền dày. Nhưng một lúc sau, Trà chợt nhớ ra chiếc máy hát đĩa để trên đầu tủ sách. Thôi rồi, Trà đã quên không tắt máy khi nghe nhạc trước lúc ngủ. Cho nên khi băng nhạc dứt, đèn báo của máy vẫn sáng. Đó là con mắt đỏ của máy ở chế độ standby.

Trà mỉm cười, tự trách cái tính nhát gan của mình và tung chiếc mền đang đắp, choàng dậy nhảy xuống giường tắt chiếc máy hát. Không hiểu giờ này mẹ về chưa? Và Trà cũng chợt nhớ cô chưa hề nghe tiếng chuông gọi cổng, nghĩa là bà Loan cũng chưa về. Trà không mở đèn, cô đi loang quanh trong căn phòng và mở một cánh cửa sổ để nhìn ra bên ngoài. Cơn mưa thật to nhưng không ào ạt, những giọt mưa hiền hòa rơi trên cây lá trong vườn. Đó là một cơn mưa đêm mùa xuân. Những cái cây im ỉm, thu bóng trong mưa đêm, như những bóng người co ro bất động.

Bây giờ Trà mới thấy đói bụng, cơn đói cồn cào làm Trà thấy khó chịu. Tuy nhiên, cứ nghĩ tới chuyện xuống nhà, mò vào trong bếp để làm thức ăn, Trà thấy ngại ngùng, lười biếng. Chiếc tủ lạnh nhỏ đặt trong góc phòng của Trà cũng đã hết thức ăn, trái cây cũng không còn từ mấy ngày nay mà Trà cũng buồn mua. Cơn mưa dai dẳng này đã đến trong giấc ngủ mệt mỏi của Trà và hình như Trà chỉ chớp mắt chừng khoảng một tiếng đồng hồ trở lại thôi. Trà biết với cơn mưa sụt sùi thế này, và thức dậy lúc nửa đêm, Trà sẽ khó mà dễ được giấc ngủ trở lại.

Bỗng có tiếng chuông gọi cổng. Tiếng chuông vang lên trong mưa làm Trà giật mình. Người gọi chuông nhấn lại lần thứ hai, vội vã hơn. Trà bật công tắc đèn và mở cửa phòng chạy xuống nhà. Không thấy cây dù đi mưa để chân cầu thang như thường lệ, Trà chạy ra khoảng sân, cảm thấy những giọt mưa lạnh buốt quất vào mặt mình. Chú Phan và mẹ hiện ra, hai người say khướt. Chú Phan ướt ngoi ngóp đang lảo đảo dắt xe vào nhà, còn mẹ gần như đứng không nổi phải vịn vào Trà. Cô nhìn mẹ thở dài, bà Loan cũng ướt ngoi ngóp và lạnh run.

- Cháu dẫn mẹ vào nhà nhanh lên, bị mưa trong lúc say rượu dễ bị cảm lạnh lắm đấy – Chú Phan vừa dựng chiếc SH vừa lè nhè nói.

Trà làm thinh dìu mẹ lên cầu thang. Vậy là đêm nay chú Phan sẽ ở lại. Trà cảm thấy khó chịu và không muốn nhìn thấy gương mặt đỏ như con gà chọi của người đàn ông đó. Đêm nào cũng vậy, ông ta cứ chở mẹ Trà đi uống rượu, đi nhảy, ít khi về trước nửa đêm và bao giờ hai người cũng ở trong một cơn say ít hay nhiều. Những lúc say lảo đảo chú Phan thường lấy cớ để ngủ lại. Tối nay cũng vậy.

Đặt mẹ nằm yên trên giường, Trà mở tủ quần áo của mẹ lấy bộ quần áo ngủ và một chiếc khăn lông mang tới. Trà nói:

- Mẹ thay quần áo đi, không thể để người ướt ngoi ngóp như vậy được đâu.
- Để đó chú lo cho mẹ.

Chú Phan đứng sau lưng Trà, lên tiếng. Trà khẽ liếc nhìn người đàn ông không phải là ba cô đứng trong căn phòng của mẹ tự nhiên Trà thấy bức tức. Trà có cảm tưởng sự xúc phạm ấy không phải chỉ có đối với cô, mà đối với cả ba mình nữa.

Trà nổi nóng:

- Tại sao chú cứ rủ mẹ cháu đi uống rượu hoài vậy, đêm nào cũng say sưa. Cháu chán quá rồi. Chú Phan cười cười:

- Cũng là bàn chuyện làm ăn mà thôi, người ta ép mẹ cháu uống. Biết làm sao được. Và đây cũng là buổi gặp gỡ để bàn chuyện làm ăn cho năm mới.

- Chú cũng ép mẹ cháu uống chứ gì?

- Cũng để mẹ cháu vui thôi, bởi vì mẹ cháu luôn luôn than buồn chán, chú biết làm sao hơn được? Khi buồn người ta sẽ uống rượu cho say để quên buồn.

- Chú đừng ngại biện. Chú vừa nói đây là buổi gặp gỡ, tiếp khách để bàn chuyện làm ăn trong năm mới. Thế thì tại sao lại buồn?

- Mẹ cháu buồn vì có lý do riêng. Hơn nữa trong niềm vui vẫn có nỗi buồn và trong mùa xuân cũng còn hơi hám của...mùa đông chứ. Khi nào lớn lên, biết yêu rồi cháu mới hiểu.

Trà giận dữ bỏ xuống nhà ngồi trong ghế xa-lông ở phòng khách, bỏ mặc cho chú Phan chăm sóc mẹ. Trà đã chán ngấy cảnh mẹ say sưa, nằm lả lóc, người nồng nặc mùi rượu, mùi bia. Tại sao mẹ lại có thể sống buông thả như vậy được nhỉ? Lâu nay khi viết thư cho ông Toàn, Trà không bao giờ đề cập tới mối quan hệ của mẹ và chú Phan. Trà không muốn cho ba buồn và thất vọng về mẹ, người đàn bà mà một thời ba yêu thương, quý trọng. Nhưng hành động bao che giấu diếm này, Trà cũng thấy mình có lỗi với ba rất nhiều.

Ở bộ ghế xa-lông này, hồi chưa bỏ nhà đi, ba đã thường ngồi hút thuốc lặng lẽ. Cái tẩu thuốc của ba giống như ống khói của con tàu đi biển, lúc nào cũng phun ra những cụm khói khét lẹt. Trà rất sợ mùi khói thuốc của ba, nhưng lại thích mỗi thuốc vào tẩu giùm ông, bao giờ cũng vậy, Trà giành công việc nhồi thuốc, sau đó mới đưa tẩu thuốc cho ba hút. Có khi hai cha con ngồi đối diện nhau, ông Toàn ngắm con gái và bảo Trà: "Lớn lên con gái của ba sẽ là một cô gái đẹp, nhưng số phận có thể không may". Trà có hỏi tại sao, ba không giải thích, chỉ cười. Có phải số phận ấy đã đến với Trà đúng như lời ba đã từng nói không?

- Trà nghĩ gì thế? – Chú Phan đi xuống nhà ngồi ở chiếc ghế của ba và lên tiếng hỏi Trà.

- Cháu đang nghĩ tới ba. Mùa xuân rồi ba cháu vắng nhà. Trong căn nhà này không có ba, cháu thấy vắng vẻ quá, nhất là những ngày đầu năm, lại có mưa đêm.

Chú Phan sững người, nhưng sau đó là một giọng cười cố tạo sự vui vẻ:

- Ông ấy có cho cháu biết bỏ mẹ để đi đâu không?

- Không.

- Chắc Trà nhớ ba lắm hả?

- Đúng.

- Trà cũng rất thương ba, phải không?

- Dĩ nhiên.

- Nếu ba Trà quay về thấy chú ở đây rồi ông ấy sẽ ở đâu?

Câu hỏi chú Phan làm Trà tức giận. Trà nhìn chú bằng cặp mắt căm thù:

- Ba Trà về ở trong ngôi nhà này cùng mẹ con cháu chứ ở đâu. Còn chú là người ngoài, tức nhiên chú phải ra đi. Nhưng tại sao chú lại hỏi như vậy?

- Chú buột miệng hỏi thế thôi.

- Tưởng chú biết rõ vấn đề này hơn ai hết chứ – Trà cười mỉa mai.

- Cũng chưa chắc – Chú Phan khinh khỉnh nói.

- Mẹ cháu thế nào?

- Ngủ say rồi.

- Chú không về nhà sao?

- Chú ở lại.

- Vậy cháu đi ngủ đây.

Trà đứng lên, cô tỏ thái độ bức dọc bằng cách xô cái ghế thật mạnh. Sau đó Trà đi lên cầu thang để về phòng mình. Chú Phan chỉ nhìn theo bóng ra một giọng cười nhạt nhẽo. Người đàn ông

này luôn luôn có thái độ dễ ghét. Không bao giờ Trà có cảm tình với ông ta. Trà nằm vật ra giường, cô ôm chiếc gối dài vào lòng cảm thấy nỗi chán chường đè nặng tâm hồn mình như cả một sức mạnh vô hình chột xô tới. Cơn mưa xuân vẫn đổ bên ngoài, tiếng mưa đêm nghe buồn thê thảm, dù nó mang lại nỗi xôn xao của một năm mới. Hay tại Trà đang có tâm sự, đang nhớ ba nên không vui? Trà cố nhắm mắt dỗ giấc ngủ, nhưng không làm sao ngủ nổi.

Có tiếng gõ vào cửa phòng, rồi tiếng của chú Phan:

- Trà ơi, cháu ngủ rồi à?

Trà làm thinh. Chú Phan tiếp tục gõ cửa và nói:

- Chú biết cháu chưa ngủ đâu, cháu làm gì trong phòng vậy?

Trà cáu quá, gắt lên:

- Cháu ngủ chứ làm gì, còn chú, sao cứ phá người ta hoài vậy?

Chú Phan cười:

- Chú muốn nói chuyện với cháu.

- Chú say rồi, đi ngủ đi, có gì sáng hãy nói.

- Sáng mai cháu đi học rồi, làm sao mà nói?

- Cháu sẽ không đi học nữa.

- Tại sao?

- Chú không cần biết.

- Cháu không mở cửa sao?

- Không.

- Cháu giận chú lắm à?

- Không biết. Nhưng chú đừng làm ồn nữa, hãy lịch sự một chút. Cháu ngủ đây.

Và Trà im lặng giả vờ ngủ, nhưng thật ra Trà không tài nào chợp mắt được. Hai mắt cô mở thao láo nhìn lên đỉnh mùng. Trong đêm tối chỉ có tiếng mưa, tiếng đồng hồ để bàn nhích từng phút rồi rạc, cô đơn. Thái độ của chú Phan thật kỳ lạ, cứ nghĩ tới gương mặt của người đàn ông này tự nhiên Trà cảm thấy sợ sệt và căm ghét.

Có lẽ biết Trà sẽ chẳng bao giờ mở cửa nên chú Phan bỏ xuống nhà. "Ông ta khùng chẳng?" Trà tự hỏi như vậy, và vùi mặt vào chiếc gối. Và chẳng bao lâu cô ngủ thiếp đi.

Chú Phan đã đi từ sớm, có lẽ lúc đó Trà hãy còn ngủ. Cơn mưa đêm qua để lại cho buổi sáng khoảng không khí lạnh và bầu trời trong sạch như được lau kỹ bụi bặm. Bà Loan sau một giấc ngủ vui, sáng ra đã tỉnh hẳn. Bà lên phòng Trà, đứng ở cửa hỏi con gái:

- Sáng nay con không đi học thêm à?

- Con mệt quá. Vả lại những ngày đầu năm còn được nghỉ Tết.

- Xuống nhà ăn sáng với mẹ.

- Con cũng không thấy đói.

Thật ra Trà rất đói, hồi hôm vì lười biếng Trà đã nhịn đói mà ngủ. Tuy nhiên, Trà ngại phải ngồi đối diện với mẹ. Có thể chú Phan chẳng nói gì với mẹ, nhưng câu chuyện căng thẳng giữa Trà và chú cứ làm Trà ngại ngùng.

- Không đói cũng phải ăn. Dạo này mẹ thấy con thay đổi và gầy lắm rồi. Tại sao vậy?

- Con không biết.

- Hồi hôm mẹ say lắm phải không?

- Gần như mẹ không còn biết gì hết – Trà đáp.

- Bậy thật.

Trà theo mẹ xuống nhà. Bữa ăn sáng đã được bà Loan làm xong từ lúc bà ngủ dậy. Vẫn chỉ có hai mẹ con ngồi đối diện nhau ở bàn ăn. Trà nhai bánh mì mà chẳng thấy ngon.

Trà nhìn mẹ nói:

- Sáng nay mẹ có đi đâu không?

- Phải đi lo chuyện làm ăn chứ, mẹ không ở nhà được đâu. Nhưng con hỏi như vậy để làm gì?
- Và tối về mẹ lại say?
- Đâu phải hẳn về nhà là say, hình như con có ác cảm với mẹ. Đúng không?
- Tốt nhất mẹ đừng say sưa như vậy nữa, mẹ hãy nghĩ tới ba con một chút.
- Lúc nào mà mẹ không nghĩ tới ba con, mẹ đã không làm như vậy.
- Con không có quyền trách mẹ – Bà Loan cũng nghiêm giọng.
- Con không còn chịu đựng nổi nữa rồi – Trà hét lên.
- Tôi cũng không còn chịu đựng nổi nữa rồi – Bà Loan cũng hét lên.

Trà buông dũa nói:

- Tốt nhất là mẹ bảo chú Phan đừng bao giờ tới nhà này nữa, còn mẹ có còn nghĩ tới ba con hay không thì tùy mẹ. Con chán nhìn thấy cảnh này quá rồi.
- Cô không phải dạy khôn tôi.

Bà Loan cũng buông dũa, hai mẹ con dìu nhau, gầm gừ. Trà không ngờ mẹ có phản ứng như vậy, mặt bà tái xanh vì tức giận. Trà cũng giận mẹ không kém, nhưng cô không biết nói gì hơn. Trà cứ nhìn sững mẹ, nước mắt trào ra. Trà đứng lên nói một cách dứt khoát:

- Nếu chú Phan còn về trong ngôi nhà này thì con sẽ bỏ đi.

Và Trà bỏ chạy về phòng mình, cô nằm vật trên giường, úp mặt vào gối khóc nức nở. Trà oán giận mẹ vô cùng, đồng thời cũng căm thù người đàn ông đã lợi dụng mẹ cô trong hoàn cảnh khó khăn đã cướp mẹ ra khỏi vòng tay của ba Trà. Người đàn ông ấy là chú Phan, Trà sẽ thù ghét ông ta suốt đời.

- Trà ơi, mở cửa cho mẹ.

Bà Loan vừa gõ cửa vừa gọi con gái, nhưng Trà không muốn mở cửa, không muốn nó chuyện với mẹ trong lúc này. Và Trà làm thinh.

- Mẹ muốn nói chuyện với con.

Trà thét lên:

- Nhưng con không muốn nói chuyện với mẹ. Con muốn được yên.
- Thôi được, tối về mẹ sẽ nói chuyện với con.

Bà Loan bỏ đi, tiếng chân bà xa dần. Trà vẫn khóc trong chiếc gối còn thơm mùi tóc của cô. Nước mắt làm vơi một phần nỗi buồn. Trà nằm ngửa nhìn lên trần nhà mênh mông này nữa, mẹ đã đi. Tiếng con chim sâu ríu rít trên cành cây mạn ngoài cửa sổ, nó đang tìm bắt sâu, không biết con chim đang vui hay đang buồn.

Trà xuống nhà rửa mặt, khi nhìn vào tấm gương soi gắn trên tường Trà bỗng giật mình khi thấy gương mặt mình tái xanh, tóc tai rũ rượi, đôi mắt có quầng thâm. Trà thấy trong gương mặt mình lạ lẫm, giống như gương mặt của một người con gái nào khác.

- Trời ơi...

Trà kêu khẽ và ôm lấy gương mặt lạnh tanh của mình chạy ra phòng khách ngồi xuống chiếc ghế xa-lông rộng. Một cảm giác sợ hãi dâng lên làm Trà thấy bàn tay của mình run lẩy bẩy. Không ngờ chỉ trong vòng một tuần nay mà Trà xuống sắc đến như vậy. Trà dùng hai bàn tay chà xát lên gương mặt mình, chà đến khi gương mặt nóng lên, rồi Trà dùng khăn lau những giọt nước còn bám trên chân tóc ở hai bên thái dương.

- Sao ta lại giống một con khủng quá đi.

Trà nghĩ như vậy và thừ người nhìn ra cửa sổ. Trong mắt Trà hiện ra một chùm hoa đỏ rực rỡ, chùm hoa đó đang đong đưa trong ánh nắng. Hàng cây già sát tường rào nhà Trà đã đơm đầy lá non sau một đêm mưa xuân, và bật ra chùm hoa đỏ lạ lùng, chùm hoa tuyệt đẹp nhưng trông quá lẻ loi, lẻ loi như Trà vậy trong căn nhà rộng thênh thang này trong những ngày đầu năm mới. Trà nhớ thương ba đến lịm người và rồi những giọt nước mắt tự nhiên trào ra không kiềm nén được. Trà ơi đừng khóc. Đừng khóc trong mùa xuân đang tới.

TỪ KÉ TƯỜNG

QUÁN RƯỢU CUỐI NĂM VÀ MỘT NGƯỜI VIẾT VĂN TRẺ

VŨ HỒNG

- **N**ào, bữa nay chúng ta bắt đầu câu chuyện như thế nào đây? Xin lỗi hai ông là tui đến trễ. Hồi trưa mới vừa đặt bút ghi được cái tên truyện thì không hiểu sao bị mất hứng ngang xương nên mới điện thoại hẹn mấy ông đến quán này. Ờ, cái truyện dài mà tui đã kể cho hai ông nghe cách đây bốn năm ấy. Vậy mà tới nay vẫn chưa viết được một chữ. Ngày nào cũng bận tối tăm mặt mũi luôn. Tui định khi nào cuộc sống kha khá thì sẽ bỏ hết mọi chuyện, dành hẳn cho nó hai năm ròng. Chuyện cơm áo gạo tiền nó cứ bắt tui phải chạy vắt giò lên cổ, không thể đùa được. *Kim đừng có cười mĩa tui! Còn ông Lưu hỏi sao?* À, ông tui ngày chỉ biết lo buôn bán lật vặt nên không rành cái nghiệp văn này đâu; thấy rảnh, đi tới đi lui nhàn nhã vậy chứ trong đầu óc lúc nào cũng bận rộn với những con chữ, nhân vật này nói gì, nhân vật kia làm sao, chính nghĩa có, phi nghĩa có, lẫn lộn và rối tung cả lên. Cứ nghĩ về nó suốt bốn năm rồi, nhất định tới nay về tui sẽ viết, tề lăm cũng mười mười lăm trang. Ngày nào cũng cày như vậy chừng hai, ba tháng sẽ xong. Chẳng phải có rượu vào tui nói cứng, tui chưa đến nỗi say đâu. Nhất định tới nay tui sẽ viết được cho mấy ông coi.

- *Kim nói cái gì?* Thì ba đưa mình từ nào giờ xem như một, ông cứ gọi mời và rượu thoải mái đi, bày đặt khách sáo như Ăng-lê. Hồi chủ quán xem còn món ếch xào lá cách không, món đó lai rai coi bộ được. Rượu phải là rượu Phú Lễ chính hiệu, đừng pha thuốc thiếc gì cả. Lúc nào tui cũng tâm niệm là phải viết về con người, nhất là nghị lực của những con người biết vượt qua mọi hoàn cảnh, số phận. Thế giới này nếu không có con người hiện hữu thì sẽ đi về đâu? Con người là một kiệt tác tinh xảo của vũ trụ. Họ tốt có, xấu có, cao thượng có, hèn hạ có, đủ thứ chuyện trong khi nhà trường và xã hội trang bị cho tui chỉ có hai mươi tám chữ cái. *Kìa, cô chủ quán duyên dáng kìa ời, đừng có nhăn mũi nhú mày như thế!* Bữa nay nhậu xong tui trả hết nợ của ba tháng trước cho cô kết sổ năm chứ không thiếu nữa đâu mà mỗi lần đi ngang qua mặt tui đều nện gót chân ầm ầm như một lực sĩ vậy.

- *Đi uống với tui mà hai ông cứ nói chuyện riêng hoài.* Bữa nay phần rượu này tui trả tiền thì phải ưu tiên phần nói cho tui chứ. Thấy ở mấy nước giàu không? Ai bỏ tiền ra hùn nhiều thì được quyền làm cái gì thì làm. Bữa nhậu của tui mình như là cái vi mô của thế giới vĩ mô mà những con ếch trong đĩa kia là những số phận thấp cổ bé miệng. *Lưu hỏi cái gì thì làm ơn nói lớn lên một chút coi!* À, câu chuyện của mình sẽ đề cập đến những số phận nhỏ bé nhưng những số phận ấy có một lòng quả cảm rất lớn. Tui không có tham vọng xây dựng được tính cách điển hình của con người như trong truyện "Ông già và biển cả" của cụ Hê-ming-way đâu. *Hai ông mới đọc truyện đó lồm bồm thôi à? Do chuyện cơm áo gạo tiền à?* Thiệt tình... Cụ Hê hồi đó thường nhậu với món gì mà viết tài hoa quá! Tui đọc, biết nó rất đặc sắc nhưng mình không thể bắt chước phong cách của

cụ Hê được. Thời đại mỗi lúc mỗi khác chứ. Bây giờ mình phải viết mới hơn, hiện đại hơn, ra dấu ấn thế kỷ của tuổi trẻ mình hơn. Tui sẽ không cho là mình đại ngôn đâu.

- *Thôi, xê ra cho người ta nói chuyện ông nội ơi! Mới uống cà phê hồi sáng gặp cha, cha nói vừa xuất viện hết tiền về quê tôi đã cho 5000 rồi mà giờ còn lảng vảng xin xỏ ở đây. Bài bản này lập đi lập lại đã năm lần trong tuần rồi đó nhé. Đi lừa thì cũng phải động đây cái bộ nhớ để tránh trùng người chứ.* Con người sẽ chinh phục thiên nhiên. Thiên nhiên không là cái đình gì dưới ý chí và nghị lực con người. Truyện ngàn trang của mình chỉ xoay quanh ý tưởng đó, nếu thành công thì truyện rất hay. Con người lúc nào và bao giờ cũng phải tự đấu tranh để hoàn thiện bản thân, hoàn thiện xã hội và hoàn thiện vũ trụ. *Hay chỗ đó khó cũng chỗ đó!* Ông Lưu coi vậy mà nói trúng cốt lõi vấn đề tác giả muốn gởi gắm.

- Nhân vật chính của mình tên Can. Can là can trường chứ không phải can thiệp. Tui cho anh ta chỉ chừng 18 tuổi thôi. Vấn đề là mình phải tin vào lớp trẻ. Can còn nhỏ nhưng có một nghị lực phi thường. Tui sẽ không để cho Can chống chọi với biển cả, không cho băng qua sa mạc hay rừng rậm hoang vu, cũng như không cho anh ta đi chinh phục mặt trăng mà tui sẽ cho anh ta đi thám hiểm lòng đất, từ mặt trái đất bên này xuyên qua mặt trái đất bên kia. *Đồ ăn, thức uống, hít thở ra sao hả?* Thì viết đến đâu tui xử lý tình huống đến đó, lo gì. Ông Kim lại nghi ngờ khả năng của người cầm bút rồi!

- Nói thiệt tui đang gặp khó khăn nhất là cái vốn sống trong lòng đất. Bốn năm rồi chưa viết được chữ nào cũng do nguyên nhân này. *Tới vòng của ông rồi đó, Kim. Ông uống rồi rót thêm vào cho tui với ông Lưu. Nào, uống nhanh đi chứ, sao cứ nhìn lom lom mấy em tiếp thị bia vậy?*

- Nhưng dù có khó khăn như thế nào tối nay tui nhất định viết được. Nhà văn sẽ trở thành cái gì nếu không hiện hữu bằng tác phẩm. Tui thực sự phục sức viết của Sô-lô-khốp. So với tuổi của cụ Sô khi viết "*Sông Đông êm đềm*" thì tui mình thuộc lớp già rồi, vậy mà sự nghiệp không ra thế thống gì. Nhưng không phải vì vậy mà mình nôn nóng đâu. Nôn nóng chỉ đẻ ra những quái thai. *Con nhỏ này, qua mấy bàn khác bán. Người ta đang nói chuyện văn chương cao siêu mà mua với bán vé số nổi gì.* Tui sẽ cho dưới lòng đất vẫn có đường đi lối lại với nhau mà chưa có ai tìm ra được. Chính Can của tui sẽ tìm. Hai ông cứ tưởng tượng đi, núi như là hệ thống xương của trái đất và hệ thống xương này gắn kết với nhau. Còn hang động trong những dãy núi giống như những mạch máu trong cơ thể chúng ta. Tui sẽ cho Can đi lần theo mạch máu này. Dĩ nhiên tui phải lấy khoa học làm căn cứ. *Lưu nói truyện của tui là giả tưởng à?* Không đâu. Khi nào viết xong bản thảo lần một tui sẽ ưu tiên cho hai ông xem trước thì biết. Có thể tui còn cho Can gặp mấy con khủng long cách đây hàng triệu năm đang nằm ngủ yên dưới đó. Nói chung ở dưới cũng có những cuộc chiến tranh ngầm giữa các loài thú.

- Tiếc cái là mấy năm nay công việc tui dồn dập quá nên cái truyện tui dự định cỡ ngàn trang vẫn còn nằm trong đầu. Ngày ngày đưa rước con đi học, làm việc hành chánh do thủ trưởng phân công. Tối lo ba cái chuyện lật vật trong nhà cũng như tâm sự với vợ để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Lại còn bạn bè, đám tiệc, thăm viếng lẫn nhau... Thời gian dành cho văn chương của tui chỉ tính bằng giây, bằng phút.

- Nhưng tui thì không bỏ cái nghiệp mình đeo mang đâu; gì thì gì cũng phải tranh thủ thời gian. Mấy nhà văn lớn làm được thì mình làm được, thậm chí có những nhà văn đời sống cơ cực hơn tui mình gấp bội. Tối nay về tui sẽ cố ngồi vào bàn viết. *Nè, trong túi xách mình còn gói Con Mèo, Kim thuận tay lấy dùm! Sao, chỉ còn hai miếng thôi à?* Ủa, tui hút bao giờ tui cũng không nhớ. Đầu óc tui dạo này lúc nào cũng chỉ tập trung cho cái truyện ngàn trang sắp tới. Thiệt là...

- *Ủa, mới ngồi hồi chiều đây mà giờ đã 12 giờ khuya rồi hả, cô chủ? Lẽ ra đóng cửa hồi 10 giờ nhưng nể khách văn chương mới cho thêm 2 giờ nữa à? Cám ơn!* Nói chuyện chưa đâu vào đâu mà sao thời gian trôi nhanh dữ vậy ta! Tối nay về tui viết... À, mà ngày mai chứ, ngày mai tui hứa chắc chắn với hai ông sẽ viết những dòng đầu tiên cho truyện "*61 năm xuyên qua lòng đất*". Mà chết cha, ngày mai đã 29 Tết rồi, tui đã lỡ hứa chở vợ con đi chợ mua sắm vài thứ, sau đó thì về quê. Cái số mình bận thì lúc nào cũng thấy bận rộn. Xe Kim chưa bật đèn kìa. Còn cái truyện ngàn trang của mình chắc phải để ra giêng mới tính.

VŨ HỒNG

Sống lâu gọi là thọ, ít ai gọi là thụ. Nhưng trong tiếng Hán lại gọi thụ là thọ. Thọ hay thụ có những nghĩa khác nhau và ngay cả khi dùng để gọi. À, cây cổ thụ không gọi là cây cổ thọ (có chữ mộc đứng bên)! Mà thụ lĩnh hay thọ lĩnh cũng vậy thôi. Thụ hay thọ ở đây lại nghĩa là chịu nhận lấy, trao cho như thụ hưởng, thọ mệnh. Chưa kể thụ còn mang nhiều nghĩa khác như là bán ra, bình phong, trồng trọt, áo vải thô, kẻ hầu trai, hèn mọn như thụ nho ấy mà! Nói thì nói, nhưng khi viết ra chữ lại khác nhau ... Quả là rắc rối như chuyện đời người.

Trên trái đất này, con người là sinh vật rất sợ chết, biết hy sinh cái sống quả là bậc phi thường, đâu dễ gì tự vẫn quyên sinh tuấn tiết! Suy nghĩ đau khổ đến bạc đầu “chỉ sau một đêm” là chuyện thường mà ngay cả tiểu thuyết gia Kim Dung đã viết về nhân vật của mình trong truyện kiếm hiệp từ đời nào đời nào hay những nhân vật có trong lịch sử nhân loại ham muốn sống đến mức cầu luyện linh đơn trường sinh bất lão, trẻ mãi không già!

Sống qua cái tuổi 62 đã là hưởng “xái” hay được số phần khuyến mại thêm một thời gian là quá đủ rồi. Có chi đòi sống thật dai, để làm gì? Để chiêm ngưỡng cuộc đời, tham gia thế sự, để thế giới này còn ta hiện diện, càng già càng dẻo càng dai và thích được làm những điều mình muốn vì cứ nghĩ rằng ta sẽ ở mãi vị trí này trong khi người khác luôn cung cần câu “kính lão đắc thọ!” Cả bên nhận lẫn bên cho, bên hưởng thụ bên ban phát đều muốn sống thọ!

Con người cứ đòi vượt lên trên cả thiên nhiên sắp đặt. Đem hình ảnh mà so đo con đom đóm một chút sáng đời sống bao lâu so với con rùa có vai thật cổ? Ngoảnh lại chỗ ngồi đã rêu phong bám phủ nhìn ra bên ngoài chói lọi hào quang văn minh tiến bộ của nhân loại kia còn phải bó tay nữa là!

Tìm chữ thọ cho mình mà không chịu thụ. Đã cựu mang chữ thọ phải chấp nhận chữ thụ. Cái án tử hình treo lơ lửng trên đầu không biết đổ ập xuống khi nào mà cứ mãi bon chen đua đòi ham hố. Thích người khác chúc tụng và thích chúc tụng người khác. Cuộc sống cứ loanh quanh mãi xin cho- cho xin, đón nhận từ kẻ này rồi đem ban phát cho kẻ khác, lòng vòng sinh tử- tử sinh.

Mùa xuân cứ lại về. Đầu lưỡi cung chúc sống lâu trăm tuổi. Kể cũng lạ. Biết người ta khó bề sống trăm tuổi mà cứ chúc. Chúc sao cho “phúc như Đông hải, thọ tử Nam sơn”! Cầu mong điều khó được cho người khác phải chăng là thách đố trêu người? Hay sợ tổn tiền phúng điếu lỡ khi người ấy ra đi? Mà có khi người ta sống lâu được thì lại phàn nàn già lắm lắm, sống chi cho chật đất! Đố ai biết được lòng người?

Tiếng pháo đầu năm bây giờ không còn nữa. Cái mùi hăng hăng đến ngạt thở trong khói lam mù lại khiến cho mấy người sống vì quá khứ lại nao nao tiếc nhớ. Hình ảnh trẻ con chòm hóm giành giật những viên pháo nghệt vòi bên cạnh đám người đau khổ vì chiếc áo mới bị cháy xém đóm loang! Kẻ tiếc tiền vì pháo, kẻ sập nhà vì pháo cũng có kẻ hí hửng vay mượn âm thanh từ cái loa to ùng ùng trước cửa phòng để xua tà đuổi quỷ! Thoạt lúc có viên đạn lửa bắn lên trời ở nơi nào đó chẳng biết kèm theo tiếng nổ đi sau vọng về. Ừ, xét cho cùng cũng đều thuộc nổ.

Mùa xuân cứ lại đến. Vạn vật cứ đáo lai quy vãng. Chấp nhận người đi kẻ ở, kẻ mất người còn là chuyện thường tình.

Ta tìm về chữ thọ. Thọ ở đây là lâu dài với tất cả ý nghĩa của nó nhưng rất đơn giản : Hạnh Phúc!

(2012)

BẢO LỄ

VỀ QUÊ NHÀ ĂN TẾT

KHAI TRIỆU

1. “Quê Nhà” với tôi vẫn là một dấu ấn đồ chọi trong tâm khảm tôi ngay từ những năm sau ngày đất nước chia hai, nhất là năm mẹ tôi mất, 1964. Lúc này, hai miền Nam-Bắc vẫn được trao đổi thư từ giữa những người thân thuộc với nhau, bằng một tấm thiệp vuông vức, không có phong bì, theo thể thức được ấn định tại Hội nghị Geneve, Thụy Sĩ, năm 1954, để giải quyết cuộc chiến chống Pháp từ 1945-1954. Màu vàng nhạt dùng cho miền Nam, còn miền Bắc là màu trắng. Trên tấm thiệp màu trắng năm đó, một người cháu của tôi viết rằng:

“Cậu ơi! Bà đã mất. Chúng con ngồi bên áo quan bà, đi bên cạnh bà vào nhà thờ, xuống nghĩa trang...lúc nào cũng nhớ đến hai cậu. Con nhìn quanh nhìn quẩn, ngó tới ngó lui như thể tìm hai cậu, mà chẳng thấy hai cậu đâu...”

Năm trước đó, 1963, tôi làm được một tập thơ coi như tập “Mở tay”, trong có bài “Nhớ Quê”:

Chai nước lã trên bàn và những viên thuốc trừ lao
Chiếc đồng hồ chết đã ba hôm
Dăm tạp chí nói những chuyện tầm phào
Con chim kêu ngoài sân
Một tôi ngồi đây và bức bản đồ Việt Nam
Tôi tìm quê hương trên đó
Hàng chữ nào mang tên quê hương tôi
Con đường nào đưa tôi về đó
Quê hương tôi có Thánh đường và tháp chuông cao
Những đêm Giáng Sinh rét mướt ngày nhỏ
Tôi đi lễ với mẹ cha và anh chị
Rồi xã hội cướp giật tôi đi
Bây giờ tôi ngồi đây với những viên thuốc trừ lao
Tôi ngồi đây với chai nước lã
Tôi gạch dưới hàng chữ mang tên quê hương tôi
Và tôi lại con đường đi về đó
Con chim kêu ngoài sân
Tôi ném những viên thuốc trừ lao vào thùng giấy.

Đến nay, bài thơ “Nhớ Quê” này đã được 45 năm. Cái “bây giờ” của ngày đó trong bối cảnh chính trị, xã hội ở miền Nam Việt Nam đang bày ra một cuộc tranh giành quyền lực giữa phe quân nhân vừa lật đổ ông Tổng Thống Ngô Đình Diệm và sát hại hai anh em ông, sau khi vài người trong nhóm này “khảo của” ông Ngô Đình Nhu tại Tổng Nha Cảnh sát, lúc chiếc xe M 113 chở hai ông từ trong Chợ lớn đi qua ghé vào, sáng ngày 2/11/1963 (Theo lời chứng của một quân nhân lúc đó cũng có mặt trên chiếc M 113, giấu tên, hiện ở Australia.)

Tôi gửi gắm tâm trạng chán chường và mệt mỏi của tôi trong bài thơ này. Không có nơi nào để tôi trú ẩn cho qua cái giai đoạn căng thẳng đó bằng thơ và cầu nguyện. Quê tôi ngày đó chắc cũng chẳng được yên lành đâu, vì ở nông thôn đang trong thời kỳ thành lập các Hợp tác xã, nhất là mấy năm trước đã có chiến dịch đấu tố địa chủ. Trong hoàn cảnh ấy, lòng người dân làm sao có được bình an. Nhưng tôi vẫn nhớ quê lắm.

Có một lần tôi đi trên con tàu Như Long, chạy đường sông Vàm Cỏ Đông, từ Tân An đi Mộc Hóa, tàu dừng ở bến Tân An vào một chiều cuối năm. Vào lúc mặt trời vừa lặn thì từ một quán giải khát trên bến, bỗng nổi lên bản nhạc “Quê Mẹ”:

... “Nơi xa xăm kia tôi say nhìn quê cũ dấu yêu. Ôi tình quê hương nơi chốn xưa có người mẹ hiền. Tóc màu hoa bạc chiều chiều mắt hoen mờ vì con. Ra đi con dâng đời cho gió mưa. Quê người ngời nhớ đến ngày vui qua”...

Tôi nhớ mẹ và ngôi ôm mặt khóc trong đêm ấy.

Sau khi cuộc chiến Bắc-Nam chấm dứt vào năm 1975, người nhà tôi đã vội vã nhờ người ở Hà Nội có dịp vào Sài Gòn tìm tôi, để biết tôi “còn” hay “mất”, bình yên hay “vướng mắc”. Bây giờ con đường trở về đã có. Anh chị tôi viết thư vào gọi về: “Thầy nhắc đến em. Cứ lắm bầm, sao chú ấy mãi chưa thấy về.”

Tôi phải về thôi, nhưng mãi đến 5 năm sau, 1980, cho dù với hai bàn tay trắng và với thân phận của kẻ thất thế. Trước khi về, tôi nhớ có mấy buổi sáng sớm, trời Sài Gòn vào cuối thu rồi, tôi đạp xe đến một quán cà-phê ở phố vắng, ngồi ở vỉa hè nhìn hàng cây sao trước mặt, cho lá vàng rơi bay bay trong gió nhẹ. Thấy cảnh đó mà lòng cồn cào nhớ quê. Hình bóng của người cha già âm thầm lặng lẽ, hơn ba mươi năm gian nan của cuộc đời tận hiến, hy sinh, phải ứng phó với những thử thách từ ngoài đến và nhất là ngay nơi mảnh đất thân yêu của mình với một vài thành phần của xã hội mới. Tôi như chìm vào thời gian của dĩ vãng nơi quê nhà an bình, không vướng âu lo và khắc khoải như bây giờ. Tôi như quên tách cà-phê trước mặt, quên có hơi gió lạnh và hình như có cả những giọt sương mong manh rơi xuống vai áo, rơi trên mặt tôi, rơi trên mặt bàn cà-phê. Tôi thoáng giật mình khi người chủ quán lịch sự đến cúi thấp mình, nói nhỏ mời tôi vào trong nhà, vì trời đang có mưa. Sau đó ông mang ra cho tôi bình trà nóng, thay tách cà-phê bằng tách uống trà thanh lịch. Tôi rót ra tách, thưởng thức hương vị trà thơm. Ngoài trời mưa không nặng hạt, khách đi đường lặng lẽ, như đã có từ mấy năm nay.

Sau đó tôi đã trở về, khi tôi nhận được tờ giấy “bảo lãnh” của anh tôi, do chính quyền địa phương cấp, bảo đảm về hành vi chính trị của tôi trong thời gian tôi có mặt ở nhà. Từ lần về đó cho đến nay, tôi đã sáu lần trở về, thì có năm lần đã để lại trong tôi những ấn tượng khác nhau nhưng rất yêu dấu nơi quê nhà.

Trong bài này, tôi chỉ nói đến lần trở về thứ tư, năm 2004, kỷ niệm 50 năm ly hương, ăn Tết ở nhà.

Lần trở về này là một bất ngờ, khi tôi đến thăm người bạn họa sĩ và làm thơ. Vừa ngồi xuống bàn mời nước tôi, có cả bánh đậu xanh Hải Dương nữa, anh đã nói luôn đến việc sắp về Bắc dự lễ Bế mạc Năm Thánh nhà thờ quê anh, Hà Hồi, kỷ niệm 100 năm xây dựng {1903-2003}. Hai làng chúng tôi gần nhau, nhưng khác huyện. Anh thuộc Thường Tín, còn tôi ở Phú Xuyên, phía Nam Hà Nội. Anh vẫn coi tôi là “thân hữu đồng hương Hà Hồi”. Trong quá khứ cũng như hiện nay, cả hai làng đều có những mối tương giao, những gắn bó thân tình về mặt tôn giáo. Anh bạn tôi cho biết, năm nay còn là năm thứ 50 mình xa quê, nên dự lễ Bế mạc xong, cũng muốn ở lại quê “ăn Tết” rồi mới vào. Tôi “À” lên một tiếng rồi nói “Phải rồi”. Một quyết định hay.

Ai xa quê mà không nhớ quê thì kể như người đó đánh mất một phần lớn cái tình tự quê nhà, người đó thiếu một “mái ấm” trong lòng. Mà những ai xa quê lại luôn mang trong tâm khảm mình cái “tình hoài hương” hay cái “mộng hoài hương” thì không thể quên cái không gian ngày “Tết” ở “nhà mình”, ở “làng quê mình”. Nó đầm ấm, chan hòa niềm vui, nó biểu hiện trên mọi khuôn mặt của mọi thành phần ở nông thôn, từ người giàu đến người nghèo, từ người cao quý được dân làng kính trọng cho đến “thằng mỗ”. Đi về quê “ăn Tết” là đi vào một thế giới nhân văn, một tương giao nhân bản giữa con người với nhau và giữa con người với một không gian huyền diệu. Có lẽ không ở đâu như Việt Nam, từ xưa cho đến nay, tức là cái bây giờ, mỗi năm cứ vào tháng cuối năm âm lịch, lại có tình trạng người từ phương xa về quê nhà “ăn Tết”. Hoàn cảnh những năm sau này, vì nông thôn dân số tăng cao, đất nông nghiệp mỗi ngày một thu nhỏ lại, công việc không có đủ, lại vì giới trẻ muốn thay đổi, nên họ đã tìm đến những thành phố lớn để mong có được việc làm, bằng không thì cũng phải tự kiếm sống bằng đi lượm ve chai trong các ngõ ngách của thành phố. Họ đi rất sớm trong lúc dân chúng còn say ngủ. Vì không chỉ có một vài người tới lui một địa điểm trong ngày, mà nhiều lắm. Người này chọn vật này, bỏ vật kia, nhưng người khác lại lượm vật đó, cho đến khi cái thùng rác trước cửa mỗi nhà chẳng còn cái gì để lấy nữa. Vậy mà không, thành phần đi đổ rác thường xuyên, nhận tiền công hàng tháng, lại lượm một đợt nữa. Đợt cuối cùng có lẽ là tại bãi rác khổng lồ, tập trung rác thành phố về. Nơi đây túc trực thường xuyên cả một đội quân lượm rác đông đảo, đàn bà, trẻ em... Ngoài việc này, người ở xa đến còn mưu sinh bằng bán hàng rong, như bán xôi, chè, cháo, tàu hũ. Có người sắm được chiếc xe ba bánh,

trên đó bán hàng chợ như các loại rau, củ v.v...Chợ gần tan, họ lại đẩy xe vào các ngõ hẻm. Khách hàng của họ lúc này là những bà nội trợ không có giờ ra chợ. Số trai trẻ thì tìm việc trong các đội xây cất nhà cửa.Những thành phần này, có người lâu lâu lại trở về quê, mang theo số tiền kiếm được giúp chồng con ở nhà. Có người, chồng và con trai làm rẫy ở Lâm Đồng, trồng cao su ở Ban-mê-thuột... Họ để lại trong lòng một số người ở thành phố cái mẫu người lao động nông thôn miền Bắc, chăm chỉ, cần cù.Cho nên ngày Tết đến, làm sao những thành phần này lại không muốn trở về để có những gặp gỡ, sum họp, quây quần bên mâm cơm gia đình.Hiểu được lòng người xa quê trong dịp Tết đến, người ta mới hiểu được tình trạng chen chúc nhau tại các nhà ga xe lửa, xếp hàng cả mấy ngày để có chút hy vọng mua được cái vé. Ngành hỏa xa, và ngành đường bộ đều phải tăng các chuyến đi, nhưng trước nhu cầu về quê như vậy, vẫn không đáp ứng được nhu cầu của cả trăm ngàn người phải rời xa nhà đi làm ăn ở phương xa.

Khi tôi quyết định về quê ăn Tết, thì ngày Tết cũng đang tới nhanh. Cho nên, ai nấy đều chuẩn bị cho ngày này. Với tôi, “hành trang” mang theo về quê thì nhẹ tênh, nhưng tâm tư thì không thể đưa lên bàn cân để xem nó nặng hay nhẹ là bao nhiêu lạng, bao nhiêu cân. Có lúc nó nhẹ như làn gió thu, có lúc lại nặng như gió bắc mùa phùng. Vì trong tôi có cả một quá khứ đậm ảm giữa gia đình và giữa một làng quê xứ đạo, có cả một không gian yên vui, an lành của tình người. Không gian ấy, tình người ấy, quện theo tiếng chuông ngân vào mỗi buổi sáng mai, vào giờ Kinh Truyền Tin ban trưa, và hồi chuông tắt lửa lúc chiều về, đưa lòng nhân thế lên chốn trời cao thăm thẳm. Nơi đó, họ được rửa sạch, được trở nên thanh khiết.

2. Ngày tôi lên tàu về là 25.12 Quý Mùi, 2003. Đúng 5g sáng ngày 27, tàu vào ga Hàng Cỏ.Khi con tàu ngừng bánh, tôi nhìn xuống sân ga, trong số những người đi đón người nhà, tôi đã thấy bóng dáng các cháu tôi đang hồi hả nhìn vào toa xe tôi đi, đã báo về trước. Vừa bước xuống sân ga, gặp tôi, các cháu đã vội hỏi: “Cậu lạnh không? Ngoài này năm nay rét lắm cậu ạ. Cậu mặc cái áo lạnh này vào, đội cả cái mũ này nữa, không thì đi đường...” Sau đó là những câu hỏi về sức khỏe của người này người kia, người ở Sài-Gòn cũng như người ở quê mà chỉ sau một tiếng đồng hồ nữa thôi là tôi được gặp.

Khoảng 6g hơn, chúng tôi về đến đầu làng. Xe vừa dừng bánh thì một số các cháu ở nhà, đã đứng đón ở đó, chạy ùa ra, đưa cầm tay, đưa ôm vai tôi, hỏi han rồi rít, làm ồn cả một góc đầu làng.Hai cháu lớn đã có chồng có con, đi hai bên khoác tay tôi về đến nhà, lâu lâu lại gục đầu xuống vai tôi. Những cử chỉ của chúng làm người trong làng nhìn thấy, cũng nở nụ cười chào hỏi: “Ông về thăm quê hương đây à?” Những người đi xe đạp hay xe máy ngang qua, gặp tôi, cũng có lời chào, khác với lần tôi về đầu tiên năm 1980, lúc thời thế đổi thay chưa được bao lâu, tôi vào nhà thờ, đi thăm nhà xứ v.v..., ở đâu tôi cũng thoáng thấy có người đi theo từ xa. Gần đến nhà người chị tôi thì mấy đứa con của bà chạy vội vào trong báo cho mẹ, “cậu về”.Chị tôi ở trong bếp đi ra, thấy em về thì mừng, khóc, rồi cầm tay tôi dắt lên nhà. Vừa ngồi xuống ghế thì anh tôi cũng vào tới. Chị tôi nói ngay: “Em vừa về, chắc còn mệt. Ngồi trên tàu mấy ngày liên còn gì mà không mệt. Rồi vào trong nhà tổ em ạ.” Anh tôi cười hiền từ, không nói gì.Cậu con trai của ông, là một trong số các cháu vừa lên Hà Nội đón tôi, nói: “Nhà cháu đã làm cơm, chú vào nghỉ rồi dùng cơm với bố cháu. Ngoài này cô đừng làm gì hết.”

Những lần về trước đây, chỉ có lần đầu là chị tôi dẫn tôi vào thẳng nhà tổ, vì ngày đó thân phụ của chúng tôi còn sống. Những lần về sau, bao giờ tôi cũng ghé qua nhà chị tôi trước, như lần về này vậy, ngồi nghỉ trong chốc lát, rồi mới vào nhà tổ. Căn nhà của chị tôi hiện nay, xưa kia là cái vườn, trồng mấy luống cải, mấy luống rau, xu hào, giàn mướp, giàn bầu, bí. Chung quanh vườn, ba mặt là cái ao.Lối vào vườn quay ra ngõ, con ngõ này dẫn vào phía trong, là khu vực của dòng họ tôi. Cho nên, từ ngoài đường cái vào đó, phải đi qua vườn rau này, bây giờ nó là nhà chị tôi. Vì vậy, sau khi thân phụ chúng tôi mất, tôi về mà ghé qua nhà chị tôi trước thì cũng không nghe ai trách cứ gì.Nhà chị tôi còn một mặt giáp với con đường cái, nó nối liền với con đường cái quan, quen gọi là Quốc lộ số 1, có đường rầy xe lửa.Con đường bên cạnh nhà chị tôi dẫn vào nhà thờ, vào các ngõ trong làng. Nó còn là con đường đi tới các làng ở phía dưới, như Đồng Cả, Đồng Sầu, làng Tre có nghề khảm gỗ truyền thống, rồi qua sông là Chuôn. Xưa kia, giếng nước, cây đa, cái đình đều ở phía trước mặt vườn rau nhà tôi. Bây giờ, tất cả đã không còn nữa. Khoảng đất này, hiện trở thành cái chợ, nhóm vào buổi sáng. Người ở các làng

chung quanh, có mớ rau, con cá, mấy con gà, con vịt hay là vài cân thịt lợn, đều đem tới đây bán. Khoảng 9 hay 10g thì chợ tan.

Dừng chân ở nhà chị tôi mấy phút rồi theo anh tôi vào trong nhà tổ, nó cũng là nhà anh tôi. Bà chị tôi cũng vào, đi bên cạnh, nắm lấy tay tôi, y như ngày tôi còn nhỏ, mẹ tôi thường hay nắm tay tôi dẫn vào nhà thờ hay những khi đi học xa.

Nhìn thấy nhà tổ, lòng tôi bồi hồi. Bước chân như có vướng mắc nỗi lòng nào đó. Cái cổng vào nhà đây rồi. Đột nhiên tôi bước nhanh vào sân, nhìn ngay đến cái cột gỗ tròn ở mái hiên. Cái cột này in đậm hình ảnh người cha già của chúng tôi, ra đứng tựa vào đó, đợi tôi, khi được tin tôi về, lần đầu tiên năm 1980, vào lúc chập choạng tối. Nhưng nay, người đã khuất. Mái nhà tổ xưa cũng đã đổi thay. Khung nhà cũ làm bằng gỗ quý, có chạm trổ những nét hoa văn tinh xảo, mà nghe các cụ trong dòng họ kể lại, mất cả trăm công thợ, nay cũng thay bằng gạch, sắt và bê tông. Hai cái bể nước ngoài sân, sát với bờ tường, cái lớn hình chữ nhật, mái vòm; cái nhỏ thấp hơn, hình vuông, không nắp, lần trước tôi về hãy còn, nay không còn nữa. Chỉ còn lại cái sân với lớp gạch tàu có từ thời tôi còn nhỏ.

Lúc bước lên vỉa hè, tôi vẫn nhận ra nơi trước kia là cái cột bằng gỗ tròn, với bóng hình run run của cha già đưa hai tay ra ôm chầm lấy tôi khi tôi về đến. Tôi thoáng dừng lại ở vị trí cái cột gỗ đó. Biết đâu, trong cái khoảnh khắc này, bàn chân viễn xứ của tôi đã chạm đến dấu chân xưa của thầy tôi. Tôi bước vào nhà mà thấy chân như nặng hơn. Anh chị và các cháu đi theo tôi vào nhà, có lẽ không ai nhận ra có một cái gì đó trong tôi đang thúc giục tôi cầu nguyện và thỉnh lạng. Trước giờ kinh chiều, anh tôi dẫn chị em tôi và mấy cháu lớn, vào chào cha xứ, Linh mục Nguyễn Văn Tuyên, quê Bái Đō. Trước khi ngài về đây, xứ đạo chúng tôi có Linh mục Nguyễn Ngọc Oánh (1922-2007), sau là Đức Ông, Tổng quản một vùng đạo ở huyện Phú Xuyên hơn 10 giáo xứ lớn nhỏ, số giáo dân trên 10.000 người. Ngài cư trú ở Hà Thao Ngoại, nhưng vẫn thường xuyên lui tới các xứ dưới quyền để cử hành các lễ nghi trong đạo. Đức Ông Nguyễn Ngọc Oánh đã để lại một công trình lớn lao cho quê hương chúng tôi, đó là việc đại tu ngôi nhà thờ: nâng cao hai tháp phụ cho điều hòa với tháp chính ở giữa, nới rộng hai bên hông nhà thờ theo nhu cầu tăng dân số của làng. Tất cả những sửa chữa đều theo lối kiến trúc nguyên thủy. Linh mục Nguyễn Văn Tuyên là nghĩa tử của Đức Ông Nguyễn Ngọc Oánh. Ngài về xứ chúng tôi chưa lâu và cư ngụ hẳn ở đây như vậy, được coi là cha xứ đầu tiên kể từ năm 1953 khi cha xứ lúc đó là Linh mục Đỗ Đức Hanh, rời xứ lên Hà Nội nghỉ vì thời cuộc biến động gât gao. Sau hơn 30 phút cha con chuyện trò thân mật, mặc dù với tôi, đây là lần thăm viếng đầu tiên, giữa một cha sở và một thành viên của giáo xứ, rời xa quê vừa tròn 50 năm. Tôi đã thấy những công trình ngài xây dựng trên mảnh đất quê hương thân yêu của tôi, như hang đá ở ngoài sân nhà thờ, nhà khách giáo xứ và một nhà nguyện đang xây dựng ở đầu làng, chỗ chúng tôi xuống xe ở đầu làng lúc ban sáng. Ngoài ra, ngài còn sửa và cho sơn lại Tòa Đức Mẹ và Nhà Tạm, bằng sơn son và mạ một lớp vàng như cũ.

3. Mấy ngày trước Tết, tôi đi thăm họ hàng hai bên nội ngoại và các thông gia với anh chị tôi. Riêng với vị trưởng tộc dòng họ chúng tôi hiện nay, anh tôi đã dẫn tôi đến nhà chào ông từ sáng ngày đầu tiên tôi về đến nhà. Tôi cũng đến thăm những người anh em linh tông đã sống với nhau trong “Nhà chung” thời còn nhỏ. Trong số này có người đã đi học ở Trảng Tập Hoàng Nguyên ít năm với tôi.

Có điều là tất cả những nhà tôi đến thăm, hầu như không thấy nhà nào có những chuẩn bị gì cho ngày Tết cổ truyền. Ngay đến hai gia đình anh chị tôi cũng thế, anh tôi chỉ làm một ít bánh chưng vào lúc rất sớm, khoảng 3g sáng và làm để dùng trong nhà thôi. Anh làm rất gọn nhẹ, không linh kỉnh và cũng chẳng cần ai phụ giúp. Phải chăng đây là cách người dân đã quen làm từ những năm phong trào Việt Minh nổi lên ở những vùng gọi là “tự do” dưới sự kiểm soát của họ? Rồi chuyển sang giai đoạn Hợp tác xã nông nghiệp, chiến dịch Cải cách Ruộng đất, nên mọi sinh hoạt của thời cũ, những biểu hiện của văn hóa cũ đều bị ngăn cấm gât gao.

Chiều ngày thứ hai của tôi ở quê, sau giấc ngủ trưa, tôi ra sân trên lầu nhà bà chị, căn nhà đầu tiên tôi dừng chân lúc về đến, đứng ở đây nhìn toàn cảnh làng. Không còn thấy một mái nhà tranh nào nữa. Toàn thể mái nhà là ngói. Nhìn vào đây, chẳng ai tin đời sống của người dân vẫn còn nghèo. Nổi lên trên tất cả toàn cảnh ấy, vẫn là ngôi nhà thờ, mái ngói đỏ au và tháp chuông cao. Đang miên man với những hình ảnh của quê nhà, những suy nghĩ về một quá khứ và những giai

đoạn mới hôm qua, hôm nay, thì ơ kìa, ở dưới đường có hai chiếc xe máy vừa dừng bánh ngay trước cửa nhà chị tôi. Một trong ba người còn ngồi ở trên yên xe là anh bạn họa sĩ trong Sài Gòn tôi đến thăm rồi nảy ra ý định về quê “ăn Tết” này. Tôi gọi vọng xuống:

- Anh Quế.

Nghe có tiếng gọi, cả ba người cùng nhìn lên nơi tôi đang đứng. Thế là nhận ra nhau, gặp nhau nơi quê nhà. Tôi hẹn là sẽ đi thăm anh, nhưng nay anh xuống tôi trước. Tôi chạy vội xuống, ra mời “khách” vào nhà.

Họa sĩ Quế giới thiệu hai người cùng đi với anh, là những người anh em linh tông với tôi, tức con của cha già Phao-lô Đỗ Đức Hanh. Đây là anh Yên còn đây là anh Hiệp. Cả hai anh cũng là người trong gia tộc của Quế.

Nghe nói đến anh em linh tông với nhau, tôi cảm nhận được ngay cái tình cảm thiêng liêng này. Và có lẽ cũng phát xuất từ cảm nhận này mà hai người anh em linh tông với tôi đã nôn nóng yêu cầu anh Quế khởi sự ngay việc đi thăm tôi trước. Thật là cảm động.

Cái cơ duyên để mấy anh em chúng tôi có cuộc gặp gỡ hôm nay, chính là tấm hình nghĩa phụ chúng tôi, Linh mục Phao-lô Đỗ Đức Hanh (1888-1968). Vì thời cuộc, cha phải rời giáo xứ quê tôi, để trở về Tòa Giám mục Hà Nội. Năm 1958, người được điều về làm chính xứ Hà Hồi cho tới năm người mất. Năm 2003, Hà Hồi kỷ niệm 100 năm xây dựng ngôi nhà thờ lớn hiện nay. Trong chương trình chuẩn bị cho ngày này, có việc thu thập tài liệu và hình ảnh các linh mục chính xứ và quản xứ Hà Hồi trong 100 năm qua. Tôi có tấm hình của cha già Hanh và trao lại cho anh Quế để gửi về quê. Anh kể lại với tôi, ngoài quê khi nhận được tấm hình cha già Hanh, một nghĩa tử của ngài, anh Nguyễn Văn Yên, nói rằng người mà đến nay còn giữ được tấm hình cha già Đỗ Đức Hanh, phải là một người trọng kính cha già lắm đấy. Cho nên, ngay ở buổi gặp gỡ đầu tiên này, anh Yên đã kể những năm anh được sống với người, được người yêu thương như thế nào... Nghe anh nói, tôi cũng lại nhớ về những năm tôi sống bên người. Hình bóng người trở nên một phần làm nên nhân cách tôi.

Họa sĩ Quế vừa viết cái gì đó, rồi trao cho tôi. Đó là thiệp mừng năm mới Giáp Thân 2004. Anh viết 4 câu thơ:

Năm mươi năm mới có một lần
Một phần hai thế kỷ được gần quê hương
Yêu thương xuân nở mai đào
Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn

Sau những giây phút gặp gỡ ban đầu, giữa chúng tôi như hình thành đoạn đường nối tiếp một nhân cách, một nếp sống tu trì của linh mục nghĩa phụ giữa đời thường của chúng tôi. Người là một gương sáng về đạo đức, về đời sống phục vụ và là một phong cách điển hình của mẫu thức linh mục thời trước Công Đồng Chung Vaticanô II. Như không mà nên, chúng tôi biết rằng bắt nguồn từ tiềm thức, trải qua thời gian với những thăng trầm của lịch sử, của những biến động tưởng như không còn gì, lúc này chúng tôi cảm nhận được niềm tự hào mình là những môn đệ của một Ki-tô khác, Linh mục Phao-lô Đỗ Đức Hanh.

Trước khi tạm chia tay, chúng tôi vào thăm cha xứ.

Sáng Ngày Mồng 1 Tết: Sau giờ lễ ban mai trở về nhà, hai anh em tôi ngồi uống cà-phê. Có lẽ, trong cái không khí lặng lẽ của ngày Tết, anh cũng như tôi lúc đó, đang nhớ về những mảng kỷ niệm của từng thời kỳ, từng giai đoạn của cuộc đời mình. Cái năm, anh và người chị lớn, đã mất, của chúng tôi, dẫn theo một cháu gái con bà chị thứ hai, vào Sài-Gòn thăm tôi. Ngày trở về Bắc, tôi ra bến xe đưa tiễn, lúc đó đường xe lửa chưa nối liền được hai miền. Trước lúc anh bước lên xe, tôi nói với anh: “Anh về chăm sóc thầy”. Thế là anh òa lên khóc. Tôi cũng khóc theo. Ngày đó tôi chưa hiểu được nhiều tiếng khóc của anh. Nhưng sau mấy lần trở về thăm nhà, tôi đã hiểu nổi lòng của anh trong tiếng khóc ấy. Trong lúc ấy, tiếng cười nói của nhiều người ở ngoài ngõ, và trong sân nhà, đã làm thay đổi cái không khí ở nhà tổ chúng tôi. Anh tôi quay mặt ra phía sân, mỉm cười: “Các cháu đến, chú ạ.” Tôi đứng lên đi ra cửa đón các cháu. Hầu như có cuộc tập trung con cháu của ba nhà ở đây trong giờ phút này. Một cuộc tập hợp như vậy là có mục đích: Anh chị tôi được con cháu tặng hai bó hoa tươi, vì năm nay bước sang tuổi 80. Dịp này, làng cũng đã tổ chức một buổi mừng thượng thọ các cụ. Cả làng chỉ có 9 cụ, anh tôi là cụ ông duy nhất. Tiếp theo, một cháu trai sẽ là trưởng họ sau này, hướng về phía tôi, nói: “Thưa chú, năm nay chú về ăn Tết ở nhà

với bố mẹ cháu, cô và với các cháu, đó là một niềm vui và có lẽ sẽ không có lần thứ hai đâu. Vì chúng cháu hiểu nỗi lòng của chú, nhớ đến năm chú rời xa nhà ra đi, năm nay kỷ niệm tròn 50 năm rồi, thưa chú. Vậy để tỏ nỗi vui mừng về sự có mặt của chú ở nhà trong ngày này, các cháu xin kính tặng chú bó hoa đầu xuân này. Chúc chú mạnh khỏe và năm tới chú lại về với quê hương và với các cháu." Tôi đứng lên nhận hoa. Một trận pháo tay nổ ra. Tôi cũng nói vài lời, cảm ơn anh chị tôi và các cháu. Đây là một điều bất ngờ, chắc chắn không thể nào quên cái Tết ở "Nhà Mình" như thế này.

Sau khi các cháu ra về, hai anh em tôi đi chúc Tết vị trưởng tộc. Nhà ông cũng đang có cảnh con cháu ở Hà Nội về chúc Tết. Từ nhà ông trưởng tộc, anh em tôi ra ngoài chị tôi, rồi đến một vài gia đình bên ngoại. Sau cùng là các thông gia với anh, và một hai người cùng làm việc với anh trong nhà thờ.

Nhìn chung, cảnh Tết ở quê năm tôi có mặt, không rộn rã tiếng cười, không có quần là áo lượt, không mâm bánh chưng như thời tôi được mặc bộ quần áo mới, chân đi đôi giày da, theo cha mẹ đi chúc tuổi ông bà và các vị cao niên trong dòng tộc.

Nhưng làng tôi bây giờ lại xuất hiện một hình thức sinh hoạt nhóm bạn theo tuổi, trường lớp và mừng sinh nhật của thành viên trong nhóm. Những thanh niên, thiếu nữ dù có gia đình và có con cái, họ vẫn tham gia những buổi họp nhóm của mình như khi chưa lập gia đình. Việc họp nhóm cũng rất là đơn giản. Họ chọn một nơi nào đó khá kín đáo, nhằm tránh gây phiền hà cho ông bà hay bố mẹ. Chỉ cần vài chục đồng đóng góp của mỗi thành viên trong nhóm, là tạo được một không khí thân mật, thắt chặt tình liên đới lâu bền với nhau. Sau Tết mấy ngày, tôi đã thấy một đứa cháu nội của anh chị tôi nhóm bạn để mừng sinh nhật của nó ở một góc trên sân thượng nhà anh chị tôi. Bạn bè mua hoa tặng nó, vừa ăn bánh, kẹo vừa ca hát với nhau. Có một nhóm đã mời tôi tham dự buổi họp mặt của họ vào tối ngày Mồng 1 Tết. Đó là Nhóm Hy Vọng. Nhóm này có gần 20 người, nữ nhiều hơn nam, tất cả đã tốt nghiệp Phổ thông Trung học, cũng có người đang học đại học. Tôi chỉ được biết khái quát mục đích của Nhóm Hy Vọng là gồm những người đang tìm hiểu về đời sống tu trì, dòng hay triều. Người trưởng của Nhóm này là Chứng sinh Đại Chứng viện Thánh Giu-se Hà Nội, nếu không có gì trở ngại, sẽ thụ phong linh mục vào tháng sáu hay cuối năm 2005 gì đó. Nếu điều này xảy ra, tôi chắc là phải có mặt, vì linh mục tương lai này là cháu nội của bà chị tôi, người đã mất. Ngoài ra, trong Nhóm Hy Vọng, về Nữ, cũng có người đang là nữ tu của Dòng Mến Thánh Giá, Đa Minh, Phao-lô, Nữ tử Bác ái thánh Vinh Sơn v.v... Còn Nam, thì hiện có 4,5 người đang phục vụ tại một giáo xứ nào đó, đợi để vào Đại chứng viện. Có người thì hy vọng ra nước ngoài học, như Hoa Kỳ, Italia.

Lúc tôi bước vào nhà thì Nhóm Hy Vọng đang ngồi dưới đất sinh hoạt. Tôi cũng ngồi xuống và tham gia vào trò chơi "Bắt tên-Bắt tên"- "Tên ai? Tên ai?". "Tên" ở đây là ngón tay trỏ. Trỏ vào ai thì gọi tên người ấy. Tôi mắc trúng "tên", nên theo lệ, tôi phải kể một câu chuyện, không có thì hát một bài. Tôi xin hát bài Tán Tạ Hồng Ân thay cho kể chuyện. Cả Nhóm cùng hát với tôi. Hát xong, tôi được yêu cầu nói về những kinh nghiệm sống đạo mà tôi đã trải qua. Tôi kể về một gương tu trì vì phù hợp với tinh thần Nhóm. Câu chuyện tôi kể thuộc về một linh mục, mà quê mình đây là "quê ngoại" của ngài. Sau biến cố năm 1975, Chứng viện của ngài ở Đà Nẵng đóng cửa. Để theo đuổi ơn gọi, ngài đã làm nhiều việc để sống, trải qua nhiều đoạn trường đau thất con tim. Cuối cùng thì ngài vượt qua, Tòa Giám mục Đà Nẵng gọi ngài về và truyền chức linh mục cho ngài. Ngày lãnh ơn cao trọng này, một nhóm trẻ bụi đời đã kết một bó hoa gồm nhiều màu sắc, tượng trưng cho các việc nhóm trẻ này làm, như bán vé số, đánh giày. Một đại diện nhóm đến nhà thờ tặng hoa cho "Anh Ba", tên mà bọn trẻ thường gọi ngài. Lúc đó, ngài đang đi giữa một số giám mục, và một đoàn linh mục hơn 100 người hướng về nhà vương, sau thánh lễ truyền chức linh mục cho ngài tại nhà thờ Chính tòa Đà Nẵng.

Sáng Mồng 2 Tết: Tôi đột nhiên muốn lên ga Hàng Cỏ, mua vé tàu trở về Sài-Gòn. Người nhà không muốn tôi đi ra đường trong mấy ngày này, vì thời tiết rất xấu lại thêm mưa phùn. Tôi vịn cớ, về quê vào dịp này là muốn "mua" cái lạnh của đất Bắc, nên ra đường vào lúc này thì vừa ý quá rồi. Cậu con trai duy nhất của chị tôi ủng hộ việc tôi đi Hà Nội, mua vé tàu rồi vào Hà Đông. Điểm đến sau đó là làng tơ lụa Vạn Phúc.

Con đường từ quê tôi lên Hà Nội dài khoảng 30 cây số. Mới là sáng Mồng 2 Tết, nên đường vắng người đi. Tôi mặc 2,3 áo. Có cái cổ cao lại còn quàng cái khăn len do hai cháu nữ tu của tôi đan tặng; chụp lên đầu cái mũ len, bịt kín hai tai; tay mang bao da; chân đi bít tất dài, thế mà vẫn

lạnh lắm. Nhưng lòng thật thanh thản. Bước vào nhà ga, khách chỉ có vài người. Ở quầy bán vé đi Sài Gòn, một nữ nhân viên ngồi nhàn nhã. Thấy chúng tôi đi tới quầy, chị nở nụ cười tươi như một cử chỉ chúc mừng Năm Mới. Tôi hỏi chuyến tàu vào Sài Gòn sớm nhất, nhưng tàu nhanh hay chậm cũng đã hết vé, chỉ còn vé chuyển vào Sài Gòn, khởi hành ngày 2 tháng 2, tức 12 tháng Giêng. Như vậy là tôi còn ở lại quê đúng 10 ngày nữa. Người cháu tôi không muốn để tôi đi chuyến này, vì phải ngồi trên tàu suốt 39 tiếng.

Từ nhà ga, chúng tôi vào Hà Đông. Qua cầu Đơ, nhìn về bên phải là thấy ngay bảng hiệu: Tơ Tằm Vạn Phúc. Chúng tôi rẽ xuống con đường vào làng, đi chậm lại. Các cửa hàng đều đóng, đường vào làng cũng ít người qua lại. Tôi hơi thất vọng trước cảnh vắng người ở đây. Nhưng kia rồi, một cửa hàng mở cửa. Tôi muốn dừng lại, nhưng người cháu của tôi nói, mình cứ đi thêm vào trong làng, xem có chỗ nào bán nữa không. Tuyệt nhiên là không, bèn trở ra cửa hàng trên đường vào đây. Một cô bé thư thả bước ra tiếp khách. Tôi ngỏ ý muốn mua mấy món hàng. Cô bé, ánh chừng còn đi học, dẫn chúng tôi sang gian hàng bên cạnh, cửa ngoài vẫn đóng. Gian này có đủ thứ, từ lụa tấm nhiều màu sắc, hoa văn rực rỡ và trang nhã, đến các mặt hàng dành cho các bà các cô, như túi xách tay, khăn choàng đầu, quần cổ v.v... Hàng cravatte của giới đàn ông cũng nhiều và đẹp. Tôi đứng trước mặt hàng này. Chúng như thôi miên tôi. Đã lâu lắm, tôi vẫn ước ao có được một cái cravatte này. Vì nói đến Hà Đông là nói đến lụa tơ tằm, mà mình là người Hà Đông mà không có một cái gì làm ra từ tơ lụa thì kể như thiếu một nét văn hóa đặc thù của Hà Đông. Tôi vừa chọn hàng, vừa nói mấy câu cho vui ngày Tết, vì ngoài cậu cháu tôi ra, không có khách hàng nào khác. Mặc dù mở cửa là muốn có khách, nhưng khách có đến vào ngày này thì chắc là từ phương xa đến. Cho nên cô bé miệng cười tươi, hỏi tôi:

- Ông ở xa đến ạ? Tôi "ừ", rồi nói luôn một chuỗi lý do có mặt ở đây vào ngày Mùng 2 Tết này. Tôi vô tư: Tôi ở trong Sài Gòn ra được mấy hôm. Nhớ quê vì xa cách đã 50 năm, lại nhớ cả cái thị xã Hà Đông này nữa. Xưa kia tôi đã học ở đây. Nhớ Hà Đông là nhớ lụa Hà Đông... Bây giờ chỉ còn mặt hàng này thôi. Còn thì đã mất hết dấu tích xưa, duy có ngôi nhà thờ là không, cổ kính và rêu phong. Cô bé nói: "Cháu cũng có ông ngoại từ trong Sài Gòn về ăn Tết." - "Thế à? Vui chứ?"

- "Vâng ạ".

Chúng tôi từ biệt cô hàng lụa Vạn Phúc, ra về mang theo mấy món quà cho vợ, con gái và bạn hữu.

Sáng Mùng 4 Tết: Sáng hôm nay, chúng tôi đi trên ba xe máy để tiễn một đứa cháu ngoại của chị tôi lên nhà dòng Mến Thánh Giá Hà Nội, sau mấy ngày về nhà "ăn Tết". Trước khi đi, bố mẹ cháu có làm một mâm cơm gia đình. Ngoài ông bà nội của cháu, bên ngoại chúng tôi có: bà ngoại của cháu, chủng sinh Trần Đình Sơn, cuối năm tới 2005, sẽ thụ phong linh mục, tôi và con trai của chị tôi..

Từ làng tôi đi Hà Nội chỉ có khoảng 12 cây số, qua chợ Tía. Tới đường vào làng Hà Nội, chúng tôi ghé vào nghĩa trang của giáo xứ Hà Nội, viếng mộ cha già Phao-lô Đỗ Đức Hạnh. Vừa lúc ấy, họa sĩ Quế cũng từ trong làng đi ra. Anh dẫn chúng tôi tới mộ ngài, thắp nhang và đọc kinh. Sau đó anh mời chúng tôi vào nhà, trưa trở lại dùng cơm. Vì hôm nay nhóm họ, mở tiệc tiễn anh trở lại Sài Gòn, ngày hôm sau, Mùng 5 Tết. Anh giới thiệu chúng tôi với bào huynh của anh, một bậc lương y. Ông có một phong thái của một mẫu nhân vật văn hiến trong lịch sử dân tộc. Từ bộ y phục của các bậc hiền nho đến mái tóc bạc của một ẩn sĩ và đôi mắt sáng.

Ở dưới nhà, trong bếp cũng như ngoài sân, các bà các cô đang bận rộn cho bữa tiệc nhóm họ. Chúng tôi cũng xin phép chủ nhà dẫn đứa cháu về nhà dòng. Anh Quế tiễn chân đoàn chúng tôi ra ngõ và nhắc lại lời mời chúng tôi trở lại dùng cơm trưa ..

Ngõ vào nhà dòng nữ xưa kia có khác, gần 300 năm xây dựng, tường hai bên dựng đứng, cổng nhà dòng đóng. Có một chút vắng vương, một chút nhớ, một chút thương trong lòng tôi khi chúng tôi đứng trước cổng nhà dòng.

Cô cháu nữ tu của chúng tôi xách túi quần áo bước vào phía trong. Lát sau, chị bẻ trên đi ra, mời chúng tôi vào phòng khách và ngỏ ý mời chúng tôi ở lại dùng cơm trưa với các chị. Tôi quay sang thầy Sơn như muốn hỏi ý kiến. Thầy mỉm cười vì có lẽ nơi này hay các nhà dòng khác trong giáo phận Hà Nội, chẳng xa lạ gì với thầy. Vì thế, thầy muốn để tôi quyết định thì hay hơn. Tôi lưỡng lự một chút vì đã có lời mời của họa sĩ Quế, cho dù tôi chưa nhận lời. Cuối cùng thì tôi nhận lời chị

bê trên M., vì “ăn cơm nhà Đức Chúa Trời thì có phúc”. Thầy Sơn cho việc tôi nhận lời ăn cơm ở nhà dòng là hay.

Còn hơn một tiếng đồng hồ nữa mới tới giờ cơm, 11g30, chúng tôi nói với chị bê trên để ra ngoài làng đi thăm mấy người thân. Chúng tôi đến ông Yến, nhưng ông vắng nhà. Bà Yến thấy tôi liền hỏi: Có phải ông là ông Tuy, con cha già Hanh? Tôi đoán là ông Yến đã nói điều này với bà, nhưng tôi cười, nói: Chưa biết mặt mà đã biết tên. Rồi bà kể, ông nhà tôi nói từ mấy hôm trước là có ông ở trong Sài Gòn ra, về quê ăn Tết, chắc chắn sẽ lên đây. Ông nhà tôi có ý mong ông mãi. Tôi cảm ơn và nói vài lời để lại cho ông Yến là sẽ gặp nhau mấy hôm nữa. Sau đó chúng tôi đến thăm ông Hiệp.

Hiện ông là Phó Ban Hành Giáo của Giáo xứ, chìa khóa trong tay, nên cũng thuận tiện cho việc chúng tôi đi thăm nơi này nơi khác, như Đền Cha thánh Giuse Nguyễn Đình Nghi, Phòng Truyền thống của giáo xứ và sau cùng là vào bên trong ngôi thánh đường Hà Hồi. Ở Phòng Truyền thống, nơi đây có một cái tủ trưng bày những bộ lễ phục của Linh mục thời trước Công Đồng Vaticanô II; trên tường thì treo hình các linh mục quê Hà Hồi và các linh mục ở những nơi khác được cử về đây làm chính xứ hay quản xứ, trong đó có hình của cha Phao-lô Đỗ Đức Hanh. Phòng Truyền thống còn dành một khoảng tường treo hai văn bản của họa sĩ Quế. Một là bài thơ “Làng tôi”, viết trên tờ giấy trắng khổ lớn. Văn bản thứ hai, anh trình bày bài thơ dưới hình thức Zig Zag. Anh viết bài thơ “Làng tôi” vào trong mỗi ô vuông và đường Zig Zag. Bài thơ có 24 câu lục bát, tổng cộng có 168 chữ. Số chữ này anh viết trong 48 ô vuông và đường Zig Zag, còn hai ô chính giữ viết hai chữ Hà Hồi. Cũng dưới hình thức này, thay vì 168 chữ của bài thơ, anh viết 168 chữ số vào các đường Zig Zag và ô vuông, còn hai ô trống, anh viết hai chữ Hà Hồi. Nhưng cái chính yếu của Hà Hồi vẫn là ngôi nhà thờ, vừa kỷ niệm 100 năm xây cất (1903-2003) và lễ Bế mạc Năm thánh. Dưới đây là những nét căn bản của ngôi nhà thờ này, dựa theo tài liệu do họa sĩ Quế cung cấp.

Bên ngoài nhà thờ mang kiến trúc Tây Phương, có 3 tháp cao, mỗi tháp có 5 tầng và trên cùng mỗi tháp là mũ tháp. Trên mũ tháp giữa có tòa Đức Mẹ, trên đỉnh tháp là thánh giá. Bên trong nhà thờ, kiến trúc theo phong cách Á Đông, như bộ vì kèo theo lối chồng giường giá chiêng hình cánh sen cách điệu; nách kèo nối cột với câu đầu, trang trí hoa văn cách điệu làm cho lối kiến trúc Nam thêm đặc sắc. Toàn bộ gỗ làm nhà thờ đều bằng gỗ lim.

Trên Cung thánh có 3 bàn thờ, bộ thánh giá nền cao, cùng với 11 đôi câu đối dài treo ở các cột gỗ cao, to; có 3 kiểu cổ (một kiểu bát cống, một kiểu hậu bành và kiểu hoa, cùng các đồ rước kèm theo, được đóng từ thế kỷ XVIII). Tất cả đều được trạm trổ công phu, sơn son thiếp vàng lộng lẫy, đã làm nổi bật tính cách dân tộc độc đáo. Bởi tính cách này, nhà thờ giáo xứ Hà Hồi còn quen gọi là nhà thờ Nam. Hiện nay, số nhà thờ Nam còn lại rất ít.

Giờ cơm của nhà dòng đã tới lúc 11g30, lẽ ra giờ này chúng tôi đã phải có mặt ở nhà. Nhưng, ông Hiệp gọi điện về xin lùi lại 30 phút, nhà dòng đồng ý. Do đó, chúng tôi mới có thêm giờ vào bên trong nhà thờ chiêm ngắm những nét kiến trúc rực rỡ của các Nghệ nhân xa xưa. Chúng tôi đành chia tay với ông Hiệp và cảm ơn ông đã dành những tình cảm đặc biệt cho chúng tôi. Chúng tôi trở lại nhà dòng. Cơm đã được dọn sẵn. Chúng tôi ngồi vào bàn, một cái bàn dài. Các nữ tu cũng như chị bê trên M. cùng ngồi với chúng tôi. Chị bê trên luôn chiều cổ đến bát cơm trên tay của chúng tôi, chị không chịu để nó chỉ có cơm mà không có miếng thịt gà v.v... Chúng tôi vừa ăn xong thì ông Hiệp đã có mặt ở nhà dòng, cùng tiếp chúng tôi tại nhà khách. Ông mở đĩa thu hình buổi lễ Bế mạc Năm Thánh của giáo xứ Hà Hồi để chúng tôi xem trong lúc ngồi uống trà. Lúc này có lẽ đã tới giờ nghỉ trưa của nhà dòng, nên chúng tôi xin cáo biệt và cảm ơn chị bê trên và các nữ tu đã cho chúng tôi được thưởng thức một bữa cơm “trong nhà Đức Chúa Trời” thật ngon.

Ngày hôm sau, Mồng 5 Tết, chúng tôi lại tiễn một người cháu nữa trở về nhà dòng MTG ở Hà Nội, sau mấy ngày ăn Tết ở nhà. Lần này là cháu nội của chị tôi. Cô cháu nữ tu này, vào lúc chính quyền Hà Nội cho lính và chó săn, đêm ngày 19/9/2008 bao vây Tòa Giám mục Hà Nội và dòng Mên Thánh Giá, không cho ai ra hay vào, dù là các nữ tu của nhà dòng cư trú hợp pháp. Cô cháu của tôi lúc ra để đi học thì được nhưng về thì lại không được, nên phải trọ ở ngoài hơn một tuần lễ. Ngay sau đêm bị bao vây, nhà trường có cuộc trao đổi với cháu:- Em còn cầu nguyện không?- Em vẫn cầu nguyện, vì cầu nguyện là một việc rất quan trọng của người công giáo- Em đừng cầu nguyện nữa, vì có thể ảnh hưởng đến việc học của em.- Thừa cô, em thấy mình không có gì gọi là

vi phạm nội quy của nhà trường. Nhưng còn cầu nguyện thì em vẫn phải cầu nguyện. Còn nhà trường quyết định như thế nào về việc học của em thì đây là quyền của nhà trường.- Chị trao đổi với em một tí thế thôi chứ không có gì.- Em cảm ơn cô.

Đây là nội dung cuộc nói chuyện qua điện thoại của cháu với tôi, ngay sau buổi học hôm đó. Đến ngày Mùng 10 Tết, chúng tôi tiễn thầy Sơn trở về Chứng viện. Theo dự định, chúng tôi ghé vào Hà Hồi, chia tay với ông Hiệp và ông Yến. Khi biết ý định của chúng tôi sẽ ghé vào nghĩa trang viếng mộ cha già Phao-lô Đỗ Đức Hanh, ông Hiệp cùng đi với chúng tôi. Vào tới nơi thì thấy ông Yến đã có mặt, đang thắp nhang và nến trên phần mộ cha cố Phao-lô. Ông Hiệp đề nghị thầy Sơn chủ trì mấy phút cầu nguyện này. Sau khi cầu nguyện, chúng tôi chia tay nhau ở đây. Một người bác của thầy Sơn chở thầy lên nhà trường, còn chúng tôi trở lại nhà. Lúc đi cũng như lúc về, trời có mưa nhẹ, không rét lắm. Nhưng với tôi thì đây là những lúc tôi cảm thấy hài lòng về những ngày ở quê nhà.

Khi tôi viết về những ngày này, tháng 1/2009, thì thầy Trần Đình Sơn ngày đó đã là Linh mục rồi, trong thánh lễ truyền chức linh mục do Đức Hồng Y Crescenzo Sepe, Tổng Trưởng Thánh Bộ Phúc Âm Hóa Các Dân Tộc chủ sự, ngày 29/11/2005 tại nhà thờ Chính Tòa Hà Nội. Đến đầu năm sau, 2006. Lm Trần Đình Sơn đã đi du học tại Italia, ngành Giáo Phụ.

4. Tạm Biệt Quê Nhà.

Tôi chỉ còn được ở quê hai ngày nữa thôi, nên thời gian này tôi đã đi chào những người thân trong gia tộc và mấy anh em linh tông trong làng. Chiều ngày 11 Tết, chị em tôi và mấy cháu, xuống nghĩa trang viếng mộ các cụ, các anh chị, như ngay sau ngày tôi có mặt ở nhà. Sáng ngày hôm sau, 12 tháng Giêng Giáp Thân, ngày cuối cùng của tôi ở nhà, thân phụ thầy Sơn đi với tôi vào chào cha xứ. Hôm đó là Thứ Hai đầu tháng (2.2.2004), cha xứ có buổi họp với các giáo lý viên trong vùng, nên ngài mời chúng tôi vào đợi ở văn phòng giáo xứ. Trong lúc chờ đợi, chúng tôi đứng ở ngoài sân ngắm cảnh nhà xứ cha mới xây dựng, xem hòn non bộ đặt trong cái bể bằng gang, mà nghe kể, thì ngài mua từ Ninh Bình, mang về bằng xe cẩu, hòn non bộ tách riêng ra. Một lát sau cha xứ về, ngài mời chúng tôi vào trong nhà uống nước, nhưng chúng tôi xin được ở ngoài sân để giảm bớt thì giờ của cha. Tôi thưa với ngài: Chiều nay con tạm biệt cha, gia đình và dân làng để trở về Sài Gòn. Con kính chúc cha luôn được bình an, mạnh khỏe, Ân thánh và Niềm vui. Ngài cũng chúc tôi trở lại Sài Gòn được bình an và mạnh khỏe.

Như những lần trước tôi về, lúc ra đi, tôi đều từ trong nhà tổ, sau khi thắp nến trên bàn thờ Chúa và ba cây nhang ở bàn thờ Tổ Tiên, có hai hình thầy mẹ chúng tôi. Đọc kinh xong, tôi nhìn lên di ảnh các ngài, lặng đi phút giây, rồi bật khóc, thú nhận mình bất hiếu, không ở nhà để chia sẻ những gian nan, những thử thách, những khổ đau chẳng những của người dân, mà nhất là những đắng cay, xót xa, tủi nhục của một tông đồ giáo dân dưới chế độ vô thần, suốt mấy thập niên. Đứng sau lưng tôi là anh chị và hầu như có mặt tất cả các cháu trong gia tộc, có cả các chị bên mẹ chúng tôi nữa. Mọi người đều im lặng. Khi tôi quay ra, có cháu gái lấy tay gạt nước mắt. Ai cũng muốn lên tới ga Hàng Cỏ đưa tiễn tôi, khi tàu chuyển bánh mới trở về, như những lần trước. Nhưng lần này tôi đi khi thời tiết miền Bắc còn rất lạnh, mà nếu đợi tới sau lúc tàu rời sân ga, thì về đến làng là khuya. Tôi bước ra cổng, ngoái đầu nhìn lại ngôi nhà yêu dấu. Khi ra tới nhà bà chị, tôi tạt vào thắp nhang và vái chào người anh rể của tôi đã mất. Một số người khác đã đến đây đợi tôi ra để chào chia tay, trong đó có ông Trưởng Ban hành giáo của giáo xứ. Trước lúc ngồi lên xe, tôi chào tạm biệt mọi người có mặt, dặn dò mấy cháu đang còn đi học, cần mẫn, chăm chỉ.

Lúc ra đến đường cái, cậu con trai của chị tôi chở tôi, nói: Cậu ạ, có tất cả là 10 xe, tổng cộng 20 đứa nhất định đi theo tiễn cậu đấy. Tôi bảo cháu chạy chậm chậm lại, để các xe đó tiến lên đi trước, cậu sẽ chào từng cặp từng đôi. Cháu nào thấy thế cũng mỉm cười, mặc dù tiết trời lúc chiều tối rất lạnh.

(Ngày 19/1/2009)

KHAI TRIỀU

Tôi vốn dĩ rất ấn tượng với màu hoa trắng. Bất cứ loài hoa nào mang màu trắng cũng đều cho tôi một cảm giác nhẹ nhàng thanh thoát, băng khuâng.

Niềm cảm xúc đó khiến tôi chưa một lần bỏ qua dịp sở hữu hay chiêm ngưỡng nó. Đặc biệt là hoa hồng trắng. Thật đáng buồn khi màu hoa thánh thiện ấy lại mong manh vô cùng. Hoa trắng luôn có tuổi thọ thấp hơn những loài hoa mang các sắc màu khác. Có lẽ đó là một quy luật hiển nhiên khi sự thanh khiết, thánh thiện thường không thể tồn tại lâu trong thế giới cuộc đời. Mặc dù vậy, tôi vẫn rất yêu màu hoa trắng, một màu hoa bất diệt.

Chắc chắn rằng không một ai trong đời lại chưa một lần đi dạo chợ hoa ngày tết. Một bức tranh hội tụ toàn cảnh sắc thiên nhiên. Bức tranh đã cho ta một sự cảm xúc sâu sắc, khi được đắm mình trong chiếc thảm rực rỡ và ngào ngạt hương thơm. Và khi đã lạc vào chốn thiên thai tại thế ấy, thì không ai ghìm nổi nỗi xúc động đang đưa tâm hồn mình bay bổng giữa vườn xuân. Như đã thành thói quen, chưa năm nào tôi từ chối nỗi cái thú đi dạo chợ hoa ngày tết, ngoại trừ những trường hợp bất khả kháng. Cũng như lúc này, tôi đang chìm giữa biển sắc, nhưng vốn trung thành với ấn tượng, tôi vẫn ném tia nhìn sục sạo khắp các ngõ ngách của những khóm hoa. Khốn nỗi, màu hoa tôi yêu lại rất hiếm hoi trong những ngày này. Vì người ta quan niệm rằng: đầu năm không nên chưng hoa trắng trong nhà, không khéo lại trắng cả năm thì khổ. Dù sao tôi vẫn không bỏ cuộc khi chưa ra khỏi khu chợ hoa. Hơn nữa, chẳng đại gì, khi cả năm mới có được một lần ngắm hoa thỏa thích lại không mất tiền. Đang tiếp tục với cuộc thưởng ngoạn, tôi bỗng nghe có tiếng trầm trồ:

- Ô, cảnh mai đẹp quá!

Nhìn về phía phát ra tiếng nói, một cô gái trong bộ quần áo lam lũ, chân đi đôi ủng với nửa phần bùn đất, đang ngậy người dán mắt vào một cành mai gần đó. Tôi bất giác nhìn theo và cũng thầm công nhận: cảnh mai thật tuyệt. Sự phân chia cân đối của các nhánh cành cùng với những chùm nụ như phụ kín, lác đác trong số nụ ấy là ánh vàng của vài cánh hoa nở vội. Có lẽ những cánh hoa ấy đang háo hức tung ra giữa thanh thiên chiếc áo xuân rực rỡ. Dù rất ít tình cảm với màu vàng (vì tôi nghe nói màu vàng là màu phản bội) nhưng tôi buộc phải công nhận một điều: Thượng đế đã rất có lý khi chọn màu vàng của hoa mai làm biểu tượng của mùa xuân. Thử tưởng tượng xem, khi những ngày đầu năm, căn nhà như sáng hẳn lên với một cành mai đang rũ tung sắc vàng ra tứ phía. Và cái ánh sắc chói lòa ấy dễ đem đến cho con người ta nguồn hy vọng vào một cuộc sống no đủ, sung túc. Không biết có phải màu vàng ấy trùng với màu của một thứ kim loại có giá trị rất cao, và là màu của một thảm lúa vàng trong mùa bội thu. Dẫu sao thì hoa mai không thể thiếu trong mùa xuân. Có điều, số phận cành mai tuyệt đẹp kia sẽ thuộc về ai thì tùy thuộc vào sự quyết định của người đang tạm là chủ nó. Lẽ đương nhiên nó sẽ không thuộc về tôi hay cô gái đang sững sờ trước vẻ huy hoàng của nó kia. Cô gái đã dậm bước đi, lại chợt dừng lại, trong mắt cô, một ánh nhìn khao khát đến nao lòng. Cái nhìn ấy gây cho tôi một niềm hoài cảm. Một sự thúc đẩy vô hình nào đó, khiến tôi đuổi theo cô gái. Khi đã bắt kịp cô, tôi mở lời bắt chuyện:

- Cành mai ấy đẹp quá cô nhỉ?

Nhìn tôi với một thoáng ngạc nhiên nhưng rồi cô gái cũng gật đầu:

- Vâng! Đó là cành mai đẹp nhất từ trước giờ tôi đã thấy.

- Thế sao cô không tìm cách sở hữu nó?

Cô gái mỉm một nụ cười buồn:

- Tôi làm sao có được diễm phúc đó hở anh?

Vẫn biết đó là câu trả lời mà tôi đã ước đoán, nhưng chẳng qua chỉ là cái cớ để làm quen. Chuyển đề tài, tôi lần la:

- Chắc cô đi sắm tết?

- Tôi đi ngắm tết thì đúng hơn.

Bật cười vì lỗi chuyển ngữ sát sườn của cô gái, cô chột nhìn tôi vẻ lạ lẫm, như nhìn một gã ngớ ngẩn. Tôi nhận ra sự vô ý của mình, vội nói:

- Xin lỗi cô, tôi cười là vì dường như tôi đang có bạn đồng hành.
- Bạn đồng hành? Ồ thế thì anh đã nhầm rồi, tôi đang rất bận.
- Thì tôi cũng có rảnh rồi đâu.
- Không rảnh rồi? vậy sao anh lại có thời gian đi vớ vẩn thế này?
- Là vì... tôi đang bận... bận làm quen ấy mà.

Cô gái vờ lẽ phì cười, rồi bằng một thái độ ần ý, cô nói:

- Tôi có cảm giác như đang nói chuyện với người ngoài hành tinh vậy?

Tôi sượng lại, nhìn từ ngực đến chân, trừ cái mặt vì tôi không đem theo cái gương. Tôi có gì khác với mọi người đâu nhỉ? Vậy không lẽ cái mặt tôi giống người ngoài hành tinh lắm sao? Thấy tôi ngơ ngác, cô gái lại cười:

- Anh giống như người ngồi dưới gốc cây đa trên mặt trăng ấy.

Ài chà, cô ta cũng đáo để đấy chứ, nhưng tôi cũng kịp trả đũa ngay:

- Ồ cô nói đúng đấy, vì tôi đang đi cạnh Hằng Nga mà.

Cô gái khẽ “hứ” một tiếng và quay ngoắt đi, nhưng tôi đã kịp nhìn thấy một ráng hồng lan trên má cô. Tôi bỗng cười, và cô cũng bật cười. Một lần nữa xin cảm ơn Thượng đế khi Ngài đã sáng tạo ra nụ cười, vì chính nụ cười đã góp phần chuyển tiếp thái độ rất hiệu quả. Hai chúng tôi đã tự nhiên hơn và rồi qua câu chuyện tôi được biết. Cô gái là chị của bảy đứa em. Một tình cảnh thường thấy trong các gia đình ở nông thôn. Đó là sự thiếu hụt, khó khăn trong cuộc sống hàng ngày. Với một mảnh vườn rau trên diện tích hơn ba sào, chỉ đủ để đánh đổi từ những giọt mồ hôi mặn đất lấy từng hạt gạo nuôi sống bấy nhiêu con người đã là khó nhọc, thì lẽ đương nhiên khó mà sắm sửa một cái tết cho ra trò. Cô gái bùi ngùi nói thêm :

- Đã bao năm rồi, mẹ tôi chỉ ước có một cành mai thật đẹp cho vui nhà, nhưng rồi năm nào cũng như năm nào, mẹ tôi lại lui cui ra vườn cắt vài nhành hoa có sẵn, và nói vui rằng: Không có mai rừng thì ta chưng mai nhà vậy .

Ngang qua một quầy bán tranh và lịch, tôi lướt mắt và bắt gặp một sắc vàng đỏ xòa trên một khung tranh. Tôi nói vội với cô gái :

- Cô đứng đây chờ tôi tí nhé.

Rồi không đợi cô gái kịp trả lời, tôi len vào hỏi giá tờ tranh. Ít phút sau, trước khi tờ tranh được cuộn lại, tôi đã kịp nhìn thấy hai chữ ghi chú bên dưới “Sắc Xuân”. Trở lại nơi cô gái đang đứng đợi, tôi ngập ngừng:

- Chút quà nhỏ cho mùa xuân mới, cô vui lòng nhận nhé.

Cô gái lúng túng:

- Tôi không thể nhận quà của một người lạ được.
- Có thể chúng ta chưa quen, nhưng cũng không còn là lạ, coi như kỷ niệm của buổi đầu gặp gỡ, có được không?

Tôi vừa nói vừa ấn bức tranh vào tay cô gái, cô gái run tay đỡ nhẹ và mở ra, cô reo lên:

- Đẹp quá!

Chỉ vào hai chữ ghi chú, tôi nói:

- Có thể bức tranh này không đẹp bằng cành mai thật kia, nhưng tôi hy vọng “Sắc xuân” sẽ ngự suốt bốn mùa trong gia đình cô.

Cô gái không giấu vẻ xúc động, ngược mắt nhìn tôi với tia ấm áp, lời cảm ơn thốt ra cùng lúc hơi ấm từ bàn tay cô truyền sang bàn tay tôi. Trong tôi như rộn lên vầng sáng của “Sắc Xuân”

ĐÀM LAN

ĐÃ GIÀ MAI CŨ VƯỜN QUÊ HẾT RỒI

NGÔ ĐÌNH MIÊN

Mùa xuân năm đó, tôi tình cờ gặp được bài thơ “Nguyên nhật” của Lê Cảnh Tuân trong một tuyển tập văn học⁽¹⁾. Tôi cố gắng đi tìm những tác phẩm khác của ông trong các tư liệu văn học và cả trong sử liệu, nhưng sự nghiệp văn chương của ông cũng chỉ còn lại không bao nhiêu bài. Có lẽ những sáng tác của ông đã bị giặc Minh, khi thực hiện “đốt sách giết học trò”, đã bị hoá thành mây khói. Nhưng thật may mắn, một bài thơ của ông viết trong nhà tù của giặc Minh vẫn còn được lưu lại. Nhớ về cố hương, Lê Cảnh Tuân đã gửi gắm nỗi lòng mình vào bài thơ:

Nguyên nhật

Lữ quán khách nhưng tại
Khứ niên xuân phục lai
Quy kỳ hà nhật thị
Lão tận cố hương mai

(Hoàng Việt thi tuyển - *Bùi Huy Bích*)

Dịch nghĩa: “Ngày đầu năm. Khách còn ở lữ quán. Mùa xuân năm ngoái nay trở lại. Ngày về chưa biết chừng nào. Cây mai ở quê cũ đã già hết”

Bài thơ chỉ hai mươi chữ, rất ngắn, đọc hết nhanh, nhưng đã làm cho lòng tôi lặng đi thấy xót xang khó tả. Tôi thật sự xúc động, rồi tưởng tượng ra chính mình là Lê Cảnh Tuân, một năm qua nằm trong nhà ngục của giặc Minh, tuy chí còn mạnh mẽ, muốn vượt thoát ra khỏi cảnh tù đầy, như ông đã viết trong bài thơ “Vô ý”:

Thân như lão hĩ, tâm như tráng
Nghĩa hữu đương nhiên từ bất tì

(*Thân dầu già rồi lòng vẫn trẻ
Nghĩa nên làm ấy chết bao nài*)

Nhưng rồi chỉ vô vọng mà thôi. Cả người con trai trưởng của ông cũng vì theo cha mà bị mắc vào cảnh ngộ tù đầy trên đất giặc. Tôi lại liên tưởng, nếu Nguyễn Phi Khanh, ngày bị giặc Minh bắt sang Tàu, nơi Ái Chi Lăng, không cương quyết buộc con trai mình là Nguyễn Trãi phải quay trở về để lo việc cứu nước, thì không biết dân tộc ta có bản “thiên cổ hùng văn” “Đại cáo bình Ngô” không?

... Hôm nay là nguyên nhật, ngày đầu của năm mới. Đã sang năm thứ hai rồi. Ngày này là ngày sum họp gia đình, ngày con cháu mừng tuổi ông bà cha mẹ khang an trường thọ. Ông bà, cha mẹ thì lì xì phong bao cho cháu con. Rồi đốt pháo, những âm thanh đi đoàng làm cho con người thêm hứng khởi. Người già ngồi nhâm nhi li rượu thơm, ngắm nhìn những bông hoa mùa xuân, đặc biệt là những cây mai vàng, mai trắng, mai đào đang khoe hương, khoe sắc. Nhớ lắm cây mai trong vườn nhà, chắc là nó cũng nhớ mình như mình nhớ nó. Chắc hẳn chung quanh nơi ông bị giam, thành Yên Kinh, người ta cũng nô nức đón xuân, vui Tết. Trong thời gian này, không gian đó, làm

sao mà nỗi nhớ gia đình, quê hương, đất nước không dội lên như sóng ngầm? Nó không ồn ào mà thật là da diết. Nó trộn lẫn với nỗi nhớ vườn quê và những cây mai quê nhà. Vậy là ý thơ được ghi lại. Ngôn ngữ bài thơ thật dung dị, không hề có điển cố văn học (như thói quen làm thơ của những nhà nho). Ý thơ cũng thật là mộc mạc, hết mực chân thành, như chính thịt da, máu huyết của mình. Năm cũ đã qua, ta đã bị giam giữ đến năm thứ hai rồi, không biết chừng nào mới có thể về quê được, cây mai cũ trồng trong vườn nhà chắc đã già lắm rồi. Thật ra, cây mai cũng chỉ là hình tượng ước lệ, nhưng trong bài thơ này, nó là tâm của cơn bão lòng của tác giả. Bao nhiêu nỗi nhớ nhung, cả những uất nghẹn trong lòng chất chứa dồn cả vào cây mai. Cây mai già rồi, thời gian không chờ đợi ta nữa. Cội mai già còn là biểu tượng của bậc thân sinh. Đọc các câu thơ sau đây trong bài thơ “Đi thuyền giữa sông Cam Châu gặp ngày giỗ mẹ”, tôi biết ông là người nặng tình cảm gia đình, một người dễ xúc động. Ông viết:

**Bát thiên lí lộ tha hương khách
Tứ thập ngũ niên vô mẫu thân
Tâm chiếc thủ thời cảm bất đắc
Lâm phong sái lệ bội thương thân**

Dịch nghĩa:

***Là khách tha hương ở xa tám ngàn dặm
Đã bốn mươi lăm năm nay không có mẹ
Tấm lòng đau đớn lúc này không gì ngăn giữ được
Trước làn gió rơi lệ mà tinh thần khổ não bội phần***

(Hợp tuyển Thơ Văn Việt Nam)

Do vậy, khi viết bài thơ “Nguyên nhật”, lòng ông buồn bã biết chừng nào...

Khi đọc những bài thơ viết trong tù ngục, có những bài hào khí ngất trời, coi cái chết tựa lông hồng, tôi rất khâm phục. Như chí khí của Phan Chu Trinh khi bị giặc Pháp bắt đày ra Côn Đảo:

**Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn
Lùng lắt làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi
Mưa nắng càng bền dạ sắt son
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể sự cùn cùn !**

(“Đập đá Côn Lôn”- Phan Châu Trinh)

Nhưng nói thật lòng mình, tôi chỉ xúc động thực sự với những bài thơ bày tỏ tâm trạng buồn bã của người tù nhớ quê, nhớ vợ, nhớ con, nhớ nhà. Tình cảm của họ có thể yếu mềm, rơi nước mắt. Người làm ra những bài thơ đó thường bị người đời cho là uỷ mị, là bạc nhược, nam nhân mà không có chí khí và gì gì nữa... Nhưng tôi luôn thấy họ mới là người thể hiện một cách tự nhiên nhất, đầy đủ nhất bản chất của một con người.

Năm 1406, nhà Minh mượn cớ "phù Trần diệt Hồ" sang xâm lược nước ta. Tháng 10 năm Đinh Hợi (1407), Lê Cảnh Tuân⁽³⁾ gửi cho một người bạn cũ là Bùi Bá Kỳ, đang làm chức Tham nghị cho nhà Minh một bức thư; đó chính là "Vạn ngôn thư" (bức thư muôn lời). Trong thư, ông khuyên Bùi Bá Kỳ nên đòi nhà Minh giữ lời hứa lập lại nhà Trần⁽⁴⁾. Không may bức thư bị lọt vào tay giặc. Chúng lòng bắt ông, nhưng ông đã trốn thoát được. Năm 1411, quân Minh lập "Giao Châu học hiệu" tại Thăng Long, ông giả làm khách ra kinh đô, rồi xin vào dạy học tại đây với mục đích để vừa dò xét tình hình vừa có điều kiện để kết nạp sĩ phu nhằm cùng lo việc cứu nước. Chuyện bại lộ, ông bị quân Minh bắt giải về Tàu, giam ở ngục Yên Kinh. Theo truyền thuyết, trong thời gian ở đây, có lần ông gặp vua nhà Minh, Minh Thành Tổ hỏi ông:

- Người khuyển Bá Kỳ làm phản là có sao?

Ông đáp:

- Người nước Nam mong nước Nam còn, hỏi mà làm gì?

Vua Minh nghe xong tức giận, trả ngay ông về ngục. Vào năm 1416, ông bị bệnh và mất trong ngục tại xứ người⁽⁵⁾. “Lịch triều hiến chương loại chí” của Phan Huy Chú đã trân trọng xếp ông vào trong nhóm bảy người bề tôi tiết nghĩa đời Trần.

Tôi đã đọc bài thơ NGUYỄN NHẬT được Đinh Văn Cháp dịch thành thơ Việt ngữ đăng trên *Nam Phong tạp chí* (năm 1927):

Ngày đầu năm

Đất khách ngày bao trái
Trời xuân năm thứ hai
Kỳ về còn chưa định
Quê cũ đã chỗi mai⁽⁶⁾

Đọc bài dịch thơ trên đây, tôi cảm thấy có gì đó không ổn. Hình như bài thơ dịch chưa chuyển tải được đúng tâm tình của tác giả đã gói gắm trong bài thơ. Bài thơ dịch đã thoát ý, thậm chí còn có chỗ ngược lại. Là hậu sinh, tôi không có ý mạo phạm tác giả dịch thơ từ gần 100 năm trước, nhưng rất chân tình, tôi xin được mượn bản dịch thơ tiếng Việt này để nói lên cảm nhận của mình khi đọc bài thơ NGUYỄN NHẬT của Lê Cảnh Tuân.

Câu thơ mở đầu: “*Lữ quán khách nhung tại*” (khách còn ở lữ quán) đã xác định rõ về hành tung, vị trí của tác giả, là vẫn còn đang nguyên vị “tại” “lữ quán”. Vị khách này không thể nào xê dịch đi đâu được nữa, đơn giản chỉ vì “khách” đang bị quản thúc “tại tù”. Vì vậy, tình cảnh này hoàn toàn không phải là đang trong hành trình “*đất khách ngày bao trái*” như lời thơ dịch. Lê Cảnh Tuân đang bị giam tại một nhà giam của giặc tại Kim Lăng. Ở đây, có lẽ tác giả mượn tên “lữ quán”, chỉ để bớt đi phần nào cảm giác nặng nề mà thôi.

Đọc câu thứ hai của bài thơ: “*Khứ niên xuân phục lai*” (Mùa xuân năm ngoái nay trở lại) làm ta nhớ đến câu thơ của Thôi Hộ (đời Đường) trong bài thơ bất hủ của ông “*Đề Đô thành nam trang*”: “*Tích niên kim nhật thử môn trung*” (ngày này, năm ấy, tại cửa này), một sự bắt cầu để rồi dẫn đến cảm giác mất mát đau buồn nằm ở hai câu thơ cuối: “*Nhân diện bất tri hà xứ khứ/ Đào hoa y cựu tiếu đông phong*” (gương mặt người cũ bây giờ không biết ở đâu; hoa đào năm cũ còn cười với gió đông). Nguyễn Du có mượn ý này thành: “*Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông*” để viết trong Truyện Kiều. Câu thơ đau đáu trên đây của Lê Cảnh Tuân cũng có sự đồng hiện cả quá khứ (*khứ niên*) và hiện tại (*phục lai*) như câu thơ của Thôi Hộ, nói lên được cảm giác buồn bã của sự luyến nhớ, tiếc nuối cho hoàn cảnh gắn liền với tình cảm yêu thương của mình, giờ đã không còn hiện hữu nữa, mà trong tâm tưởng của tác giả, lúc này, thời gian đã chuyển dịch từ hiện tại thành quá khứ và từ quá khứ trở về hiện tại. Người dịch thơ đã dịch câu thơ trên ra tiếng Việt, thành: “*Trời xuân năm thứ hai*”. Câu thơ dịch thiếu sắc thái tình cảm, giống như một tiếng chuông đồng hồ điểm, một cách thông báo về thời gian giờ giấc, hoàn toàn vô cảm. Vả lại, đọc câu thơ nguyên văn chữ Hán, người ta cũng biết ngay là tác giả còn ở “lữ quán” đó qua năm thứ hai rồi, không cần thiết phải xác định thời điểm cụ thể nữa.

Câu thơ thứ ba: “*Quy kì hà nhật thị*” (nghĩa là: ngày về chưa biết chừng nào), thể hiện một sự bị động hoàn toàn của chủ thể. Bởi vì, cái ngày “*quy kì*” đó phải do giặc Minh quyết định, có trả tự do cho Lê Cảnh Tuân hay không. Trong khi đó, câu thơ dịch của Đinh Văn Cháp là: “*Kỳ về còn chưa định*”. Chữ “*định*” là động từ, chủ ngữ ẩn ở đây là chủ thể sáng tạo bài thơ. Như vậy, ý của câu thơ dịch đã trao quyền quyết định ngày trở về quê hương cho chính tác giả, một điều không thể nào có được!

Câu thơ cuối: “*Lão tận cố hương mai*” (nghĩa là: cây mai ở quê cũ đã già hết). Câu thơ có ba từ liên tiếp: “*lão*”, “*tận*” và “*cố*”, đã đẩy cảm giác đến giới hạn tột cùng, khi đọc lên nghe đau buốt tâm can. Đó là sự thể hiện rõ nét về chiều của thời gian một đi không trở lại, là sự biến mất, mang theo cả tình cảm sâu nặng với gia đình, với quê hương, đất nước của tác giả. Sự hy vọng hầu như không còn nữa. Do vậy, tôi thấy khó hiểu về dụng ý của tác giả dịch thơ, khi ông lại dịch ra câu thơ

cuối này, mà trong đó, ý, tình và nghĩa của nó khác hẳn với câu nguyên văn đến như vậy, thậm chí là ngược nghĩa: từ chỗ cây mai ở quê cũ đã “lão tận” (già hết) trở thành “*Quê cũ đã chồi mai*”. Ai cũng biết, người đọc thơ dễ dàng nhận ra ẩn ý của câu thơ dịch này, sự “*chồi mai*” là đã nhen nhóm một niềm hy vọng mới. Đọc “Khứ niên xuân phục lai”, tôi nghĩ, thời gian chỉ hơn một năm, về mặt sinh học, làm sao vườn mai ở quê có thể già nhanh, già hết như vậy được. Trong đầu tôi cứ mường tượng không nguôi hình ảnh, trong đêm giao thừa và cả ngày nguyên nhật, Lê Cảnh Tuân cứ ngồi (hoặc đứng) quay mặt về phương Nam, lòng đau như cắt, không còn chút tia hy vọng nào sớm thoát khỏi ngục tù của giấc để trở về quê hương. Vì vậy, trong tâm trạng thật sự thất vọng đó, câu “*lão tận cố hương mai*” chính là hình ảnh vườn mai ở quê nhà mà ông tưởng tượng ra, đẩy nó ra xa hiện tại, rồi đặt nó vào thời điểm quá khứ rất nhiều năm sau đó nữa, khi thời gian đã làm cho vườn mai đã già cỗi hết rồi. Hoặc đó là kết quả của quy luật về thời gian tâm lí “nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”. Tất cả đều từ một điểm xuất phát: tâm trạng không còn hi vọng gì nữa ở ngày trở về.

Trong bài thơ “*Tĩnh dạ tư*” (Nỗi nhớ trong đêm vắng) nổi tiếng cả ngàn năm nay, nhà thơ đời Đường, Lí Bạch : “*Cử đầu vọng minh nguyệt/ Đê đầu tư cố hương*” (Ngẩng đầu nhìn trăng sáng/ Cúi đầu nhớ cố hương) đã bộc bạch nỗi niềm nhớ quê rất rõ (“vọng” và “tư”). Trong NGUYỄN NHẬT, toàn bài thơ không có một từ nào có nghĩa đen là nhớ nhung cả, nhưng khi đọc lên, ta cảm nhận được một nỗi nhớ nhung da diết, nỗi nhớ cố hương trong sự tuyệt vọng...

Xúc động trước nỗi niềm đau đớn nhớ quê của Lê Cảnh Tuân, nên vào năm đọc được bài thơ này, tôi đã mạo muội dịch thơ bài NGUYỄN NHẬT của ông và coi đây như một cảm nhận hòa điệu kính dâng lên hương hồn của tác giả.

NGÀY ĐẦU NĂM

*Quán xa khách trọ còn đây
Mùa xuân năm cũ lại quay trở về
Còn ta nào biết ngày về
Đã già mai cũ vườn quê hết rồi*

(1): Hợp tuyển Thơ Văn Việt Nam (tập II) – Văn học thế kỉ X - thế kỉ XVII”. Nhà xuất bản Văn học- Hà Nội, 1976.

(2): Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam. Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1992.

(3): Không biết Lê Cảnh Tuân sinh năm nào, không thấy sử sách nào nói rõ. Lê Cảnh Tuân có tên chữ là Từ Mưu, hiệu là Tinh Trai, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An, phủ Thanh Hóa. Lê Cảnh Tuân đỗ Thái học sinh vào năm Canh thìn (1400), dưới triều Hồ.

(4): Bức thư có đoạn: “Nhà Minh đã sắc phong cho ngài (tức Bùi Bá Kỳ) theo quân họ sang đánh, chờ bắt được nhà Hồ, chọn lập con cháu họ Trần, gia thêm tước để giúp nước. Thế mà nay chỉ thấy họ lập ty Bô chánh, phong ngài tước cao, còn nhà Trần thì chỉ cho người quét dọn miếu thờ. Vậy nếu ngài có thể lại tâu lên, xét lời nói của các quan lại, kỳ lại bày tỏ việc con cháu họ Trần chưa tuyệt, để họ tuyên chiếu khác sắc phong cho họ Trần. Đây là thượng sách. Không thể thì ngài xin thôi chức, chỉ xin làm viên quan coi miếu nhà Trần, đây là trung sách. Còn nếu ngài nhận chức quan cao, ăn lộc nhiều, thì là hạ sách vậy. Như ngài theo thượng sách, thì tôi xin làm các vị nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trần bì sung vào giỏ thuốc để cho ngài dùng. Theo trung sách thì tôi xin bưng khay chén đi lại trong miếu cũng để ngài sai bảo. Còn nếu theo hạ sách thì tôi sẽ đi cày ruộng nơi tịch mịch, nhàn hạ, để cho trọn những năm sống thừa mà thôi”.

(5): Theo “Đại Việt sử ký toàn thư”

(6): Bản dịch thơ này được in trong “Hợp tuyển Thơ Văn Việt Nam” (tập II) – Văn học thế kỉ X - thế kỉ XVII”. Nhà xuất bản Văn học- Hà Nội, 1976.

NGÔ ĐÌNH MIÊN

MỘT CÁI TẾT KHÓ QUÊN !

TRẠCH AN TRẦN HỮU HỘI

Từ Châu Âu, Hòa qua Canada thăm hai đứa em, rồi từ đó về nhà...đã gần cuối tháng chạp. Anh chuẩn bị cho mấy ngày Tết, giản dị như tính cách của mình .

Vừa dọn xong bàn thờ, anh thắp ba cây nhang...Xoa hai bàn tay vào nhau, nhìn nén nhang tỏa mùi thơm và làn khói mỏng bay lên, anh nhìn tấm hình Cha và Mẹ... Tự dưng nước mắt Hòa rưng rưng !

Hòa là con trai thứ nhưng anh chứng kiến sự vất vả khốn khó của cha mẹ nhiều hơn ai cả. Những năm trước 75 . Cha mẹ anh, với đồng lương công chức, lo cho sáu đứa con ăn học. Anh con trai trưởng thì đi tu từ nhỏ , hàng tháng cũng đóng tiền cho nhà dòng, nhưng không đáng kể. Hòa đậu tú tài phần hai xong anh thi vào Đại học , phải vào Huế chứ ở quê anh không có trường. Sống xa nhà, ký túc xá buồn cũng còn chịu được. nhưng số tiền ít ỏi mẹ dành dụm hàng tháng không đủ vào đâu...May nhờ có một anh sinh viên lớp trước, cũng xa nhà và khó khăn như anh, đang làm Giám thị cho một trường tư thực bậc tiểu học, nhà trường tuyển thêm giám thị, anh được nhận qua sự giới thiệu của anh bạn. Anh bảo mẹ thôi gửi tiền hàng tháng, tự xoay xở với số tiền lương kiếm được.

Năm 72 quê anh phải di tản, gia đình vào Ninh Thuận. Còn anh, vào ở với chú ruột ở Sài Gòn. Tiếp tục học ở trường Đại Học Văn Khoa !

Năm 75, anh chuẩn bị thi tốt nghiệp thì toàn bộ thay đổi...Cha anh đi cải tạo...mẹ anh chỉ làm Y tá nên không phải đi lâu, được làm Y tế thôn, không lương...

Ngày cha anh trình diện đi cải tạo cùng với những người trong thôn, trong xã... Cứ tưởng rằng chỉ vài tuần, ai ngờ sau khi phân loại, cha anh được đưa đến một trại khác, tận Tuy Hòa !

Sáu năm sau cha anh trở về ...ông còn còi dần...Hai năm sau ông chết với chứng ung thư phổi.

Mẹ và mấy anh em vất vả làm thuê làm mướn cũng qua được, nhưng trong túi thiếu vô ngần...Các em đều bỏ học , trừ bé út,

Là lao động chính trong nhà...anh có mặt trong toàn bộ công tác nghĩa vụ: Từ thủy lợi, khai hoang đến lao động công ích địa phương...

Hòa đưa tay vuốt chút bụi nơi tấm hình mẹ, nhớ tới bà với những sáng đi chặt mía thuê, thức dậy từ 3 giờ sáng, đi bộ bảy cây số đến rẫy mía chờ, có lúc chủ chèo yếu không thuê...chỉ lấy đàn ông hoặc con trai ! Mẹ thất thiếu trở về, nước mắt rưng rưng !

Những khi có anh đi cùng, anh chặt, mẹ bó thì đỡ khổ , có việc cho cả hai người !

Nhớ tới những ngày ấy, anh còn cái cảm giác sợ sệt, lo lắng... dù đã qua rất lâu !

Cha anh mất ba năm, đến mẹ anh phải nhập viện ! Cũng vào những ngày cuối năm !

Nhà bươn chải vẫn không đủ cái ăn, người ta ăn cơm độn, nhà Hòa chỉ ăn toàn sắn lát, hoặc khoai , chế biến cách gì rồi cũng ngấy...Thau canh cũng là khoai...nhờ chút nước mà nuốt trôi được những lát sắn lộn chồn ! Mẹ và anh thì không sao, nhưng mỗi bữa ăn, nhìn các em , Hòa cúi mặt xót xa, còn mẹ thì nước mắt đọng khóe mi !

Trạm xá không tìm ra bệnh gì, bệnh viện tỉnh cũng chịu...nghe là ung thư , chuyển vào bệnh viện ung bướu tận sài gòn , đành bỏ mặc cho mấy anh em ở nhà, nhờ hàng xóm trông giùm , anh đưa mẹ lên chiếc xe chạy bằng than, về tỉnh rồi vào sài gòn, lưng lỏi chỉ ba tờ máy cày , một trăm rưỡi đồng bạc...bà con ai cũng thương nhưng không có mà cho ! May là anh mướn được của một bà buồn , hứa là sẽ lột hết tôn căn bếp cho bà sau khi mẹ về !

Mẹ bị ung thư gan thật ! Anh nhớ lại mặt và da mẹ càng ngày càng vàng đi, trước thời gian phát bệnh !

Nhập được viện cũng là một khó khăn ! Hơn 10 ngày anh chỉ ngủ ngoài phòng bệnh . Chiếc chiếu một người mới quen , cho sau khi thân nhân chết , anh trải một nửa để ngồi ban ngày, đêm

đến mới trải ra nằm, nhưng hành lang cũng không nằm thẳng người được. Người bệnh đã đông, thân nhân càng đông hơn... Những gương mặt âu lo từng phút...!

Chuyên ăn uống cũng nhờ người mua hộ, anh chỉ ăn một bữa trưa, còn nhịn đói hai bữa sáng và tối ! vậy mà số tiền mang theo cũng vơi đi rất nhanh ! Một mũi thuốc cũng hỏi thân nhân có tiền đóng không đã mới chích ! Mẹ anh thều thào đòi về :

-Trước sau mẹ cũng chết, con đem mẹ về ,chết ở nhà còn thấy được các em ...

Bao giờ anh cũng nói dối :

-Bác sĩ bảo mẹ không sao , chỉ thời gian ngắn là xuất viện được thôi mà!

Có Chú và cậu ruột ở sài gòn, nhưng sợ phiền nên anh chưa báo tin cho ai, với lại anh không dám để mẹ một mình . Đêm nằm vừa lo mẹ vừa thương các em ! Giá mà đứa em kế chưa lấy vợ thì cũng còn đỡ, chú ấy lấy vợ và sinh con rồi ở riêng, một gia đình cũng không hơn gì !

Đứa con gái đầu bụng lọ hoa vừa cấm xong đến đặt lên bàn thờ, nói như trách móc:

-Ba lại khóc nữa rồi, thời đó ông bà nội có sống thêm thì cũng khổ thêm thôi mà ba !

Hòa bỗng khóc òa, nói trong tiếng nấc:

-Ừ, ba lại nhớ... và thương ...ông bà nội !

Vị bác sĩ đứng thẳng người nhìn Hòa nói, giọng nói khô không khóc , không chút cảm xúc :

-Tôi đã bảo không chữa được là không chữa được. đem về , chữa chỗ nằm và thuốc cho người khác, bệnh viên chật quá câu không thấy à !

Thất vọng và đau đớn đến tột cùng, Hòa không khóc mà chỉ thẫn thờ nhìn chiếc quạt trần chậm rãi quay...Anh ra khỏi phòng bác sĩ trưởng khoa như kẻ không hồn. Hai ngày nay bệnh viện không chích , chỉ cho uống cầm chừng mấy viên thuốc...Mẹ chỉ còn thoi thóp, những cơn đau cũng thôi không hành hạ . Nhìn tấm thân chỉ còn da bọc xương của mẹ, anh khóc òa:

-Mẹ ơi !!!

Thân nhân người bệnh nằm chung giường với mẹ anh, an ủi :

-Giai đoạn cuối thì không chữa được nữa, thôi đưa bà về còn sống thể này dễ hơn là chết, khó khăn ngàn lần!

Hòa gởi người ta trông hộ mẹ, chạy ra thuê một cái xe ba gác. Trong đầu nghĩ ngay đến nhà cậu, chú thì không ruột rà gì với mẹ, cậu là anh ruột của mẹ, hy vọng nhờ vài hôm rồi lo xe đưa mẹ về quê !

Mẹ nhẹ hiền ! Anh và mẹ ngồi trên chiếc xe ba gác mà vẫn rộng thênh thang...người mẹ lạnh như không còn sự sống !

Về đến nhà cậu, anh gọi cậu, chiếc cửa sắt im ỉm thật lâu, chó sủa inh ỏi ! Mợ ra mở cửa rồi quay vào thật nhanh :

-Ôi trời, tét nhất tới nơi mà đem cái gì tới đây nữa trời !

Lát sau cậu ra :

-Sao vậy, mẹ con sao vậy, bây giờ làm sao đây ?!

Hòa ấp úng “

-Mẹ con bệnh vào nằm đây hơn mười ngày nay , giờ bệnh viên bảo không chữa được. cậu cho mẹ con nằm đây con đi thuê xe đưa về quê .

Cậu bối rối hơn là xúc động ! chỉ cái bàn bóng bàn:

-Đặt xuống đây rồi đi thuê xe mau đi, còn sống không ?!

-Dạ mẹ còn thở !

-Mau đi, biết bến xe Bình Triệu không? Cứ ra đó !

Anh chạy ra đường phóng lên chiếc xích lô !

Hai giờ sau anh quay lại với chiếc xe chở khách loại nhỏ , anh khóc òa khi ôm tấn thân mẹ lạnh ngắt. Mẹ vẫn nằm như lúc anh đặt vào chiếc bàn bóng bàn, không thêm một tấm chăn hay chiếu ! thấy anh trở về, cậu anh chạy ra, thấy anh khóc lớn...chạy lại xem, Mẹ anh không còn thở nữa !

Anh tài xế lẳng lặng bỏ đi, gần tết gần nhất không hơi đâu chở xác chết !!!

Cậu nói với anh , như người nằm đó là một kẻ xa lạ :

-Cháu chạy qua báo cho chú Ngân của cháu đi ! Nói chú qua đây !

Hòa chạy bộ, đến nhà chú . Chú chạy xe thô vừa về tới nơi. Hai chú cháu lên xe trở lại nhà cậu , Vừa thấy mặt chú, cậu đã than thở :

-Anh coi, tết nhất tới nơi rồi mà làm vậy thì chết tôi !

Chú không nói, chỉ nhìn cậu bằng ánh mắt buồn bã !

-Cháu ở đó với mẹ, chú đi thuê xe !

Hơn hai giờ sau chú trở về , sự thất vọng hiện rõ trên mặt :

-Không có xe nào chịu chở !

Cậu nóng nảy:

-Giờ làm sao?!

Chú nói, giọng buồn thương :

-Đưa mẹ về nhà chú, tính sau con ạ , nằm đây lạnh lẽo quá !

Cậu như thoát gánh nặng :

-Ừ, nhờ anh lo giúp cháu, tôi nhiều việc lu bu quá !

Chú như hết chịu nổi sự vô tâm vô tình của cậu , trừng mắt :

-Không phải chị ruột ông đó sao! Đồ...

Trong khi hai chú cháu loay hoay đưa xác mẹ ra xe ba gác...Cậu đến nhét vào tay Hòa mấy tờ giấy bạc năm mươi đồng màu xanh, anh mím môi không nói, bỏ mấy tờ giấy bạc lại trên chiếc bàn bóng bàn, ẵm mẹ đi nhanh ra cổng.

Chó vẫn sủa inh ỏi sau lưng anh .

Chú của Hòa nghèo hơn cậu, nghèo hơn nhiều lắm, các con chú cũng phải đi làm đầu tắt mặt tối mới cầm cự được nơi thành phố này. Cậu thì giàu lại thông thả, các con qua Mỹ hết, Hai ông bà ở căn nhà lớn đến hoang lạnh...nhưng cậu mợ không sợ ma , chỉ sợ bà con nghèo khổ đến quấy nhiễu !

Mẹ nằm ở nhà chú hai ngày. Chú chạy vạy xin xỏ từ tổ dân phố đến phường. Cuối cùng, xin được chôn mẹ nơi nghĩa trang Gò Vấp. Đưa mẹ ra nghĩa trang, chỉ có chú và đứa em gái con chú, tất cả ngồi trên chiếc xe ba gác. ..

Phu đào huyết của nghĩa trang , xem qua tình cảnh, để mặc cho chú và Hòa tự đào tự chôn...

-Ba , có điện thoại .

-A lô,tôi nghe đây.

-Phước Hòa à, Phim vừa được thêm hai giải ở Đức , có giải Đạo diễn xuất sắc , cậu biết chưa ?!

-Mình phải qua Canada trước nên chưa biết gì cả...

-Vậy tất cả là bảy giải rồi nhé, chúc mừng cậu !

-Cảm ơn cậu, hẹn gặp nhé...

Đạo diễn Nguyễn Phước Hòa lại nhìn lên bàn thờ.

Mẹ mất hai năm, anh thi vào trường Điện ảnh. Từ ngày tốt nghiệp, anh đã làm nhiều bộ phim . Thể hiện nhiều góc ngách tình cảm của con người. nhiều cảnh đau khổ và hạnh phúc. Nhưng có một bộ phim cưm mang từ khi tốt nghiệp , 27 năm rồi , anh không làm nổi...không đủ can đảm , không đủ bất nhẫn... để làm, phim cũng không cần giải thưởng nào...đó là bộ phim “Đời Mẹ !...”

27 tháng 1 năm 2013.

TRẠCH AN TRẦN HỮU HỘI

TÂY BẮC MÙA XUÂN

PHẠM VŨ

Vẫn biết rằng xuân sẽ đến nhưng sao ta vẫn cứ chờ, cứ đợi. Ta đợi hoa đào, hoa ban, ta đợi cánh én từ phương nam xa xôi trở về quê hương xây tổ ấm, ta đợi chuyến tàu đang từ ga Mùa Đông đi tới ga Mùa Xuân đón ta vào hành trình mùa xuân... Dù đang hoa niên hay đã trung niên ta vẫn không khỏi bồn chồn mong đợi thấp thỏm; để rồi sau một thoáng chớp mắt, ta giật mình trước làn mưa bụi nghiêng bay trong gió, rắc cườm trên chồi biếc non tơ, cơn gió còn thoảng hơi sương nhưng nồng nàn hơi ấm mơn man trên mái tóc khiến trái tim ta bồi hồi bồi hồi. Mùa xuân đây ư?

Tây Bắc mùa nào cũng đẹp, thơ mộng và đắm mê đến nao lòng. Nhưng mùa xuân với sức sống mãnh liệt đậm sức hoang sơ của cảnh vật và con người đưa ta phiêu du về một vùng đất cội nguồn thấm đượm màu huyền thoại. Xuân Tây Bắc không rực rỡ ánh đèn màu và các gian hàng sang trọng đắt tiền như vùng đô thị mà đi vào chiều sâu của không gian và thời gian, của cảnh vật và lòng người, cứ lạ lẫm nguyên sơ háo hức. Đây là những triền núi, những sườn đồi bung nở hoa Ban. Hoa Ban trắng trinh bạch dịu dàng, hoa Ban đỏ nồng nàn đậm lắng, đẹp như một ý thơ Đường:

"Hoa đồi như dải gấm thêu" (Lý Bạch)

Vâng! bàn tay kỳ diệu của nàng xuân đã tỹ mĩ thêu lên đất trời Tây Bắc những nhành hoa ban độc đáo. Oí loài hoa bình dị thân thương đã trở thành nguồn đề tài, nguồn cảm hứng vô tận cho thơ ca nhạc họa. Bởi vì khi hoa nở ta biết mùa xuân tới, xuân hiện hữu nghìn đoá hoa cười bên mắt lá hình tim.

Trên những ngôi nhà sàn ấm áp khói lam, các thiếu nữ Thái nhẹ tay đưa sợi chỉ hồng thêu chiếc khăn piêu, đôi má thanh xuân thoảng ửng hồng nhớ lời hò hẹn ngày xuân trong ánh lửa hội xoè. Xuân rộn ràng trên khung cửu say mê, sợi chỉ ngang dệt nỗi nhớ thương, sợi chỉ dọc dệt niềm mong ước

**"Sắp đôi bàn tay đã thành hoa văn
Ngửa bàn tay đã thành hoa lá" (Tình ca Thái)**

Tiếng thoi đưa vui từng bản nhỏ, hương xuân thơm trong thổ cẩm đượm tình.

Gió xuân nâng quả còn bay cao chao liệng cùng cánh én xuân, bay bổng bao ước mơ xanh thắm. Ý xuân bay bổng cùng điệu nhạc say mê, uyển chuyển trên mỗi ngón tay cong mời gọi và nồng nàn trong ánh mắt trao duyên thầm kín.

Rừng hoa "tứ dãy" đầu bản Mông qua mùa đông sương giá trở cảnh vút hồng cả triền núi biếc xanh. Sắc hồng dịu dàng thầm kín tình khôi như má hồng thiếu nữ Mông e thẹn dưới bóng ô hồng chao nghiêng trước tiếng khèn gọi bạn hội chơi núi đầu xuân. Những dòng suối đổ từ vách núi cao reo vui tung bọt trắng xóa tạo nên muôn ánh cầu vồng trong nắng xuân hồng. Con hoạ mi cất tiếng hót thiết tha tìm bạn cặp đôi. Những ruộng bậc thang xanh dập dờn sóng nhạc gửi bốn phương trời giai điệu bất tận của tình yêu cuộc sống. Bản nhỏ đêm đêm lung linh ánh điện cùng những vì sao. Tiếng trẻ học bài âm vang đầu núi. Đôi trai gái nào đang gửi tâm tình qua tiếng khèn du dương, tiếng đàn môi ngọt lịm khúc "Khâu xia plênh" (tình ca).

Hội mừng "mùa măng mọc", em gái dân tộc Khơ Mú say mê lướt trong tiếng nhạc. Tiếng cồng trầm như tiếng vọng tự ngàn xưa nhắc lại quá khứ buồn đau của người Khơ Mú phải sống trong kiếp nô lệ ngựa trâu và chỉ còn có hơn ba trăm người sống chui lủi bên dòng suối tử hờn. Cách mạng về hồi sinh cho cả dân tộc-diệu kỳ như mùa xuân hồi sinh cho vạn vật. Tiếng nhạc "tăng bu", "tăng bẳng"... âm vang bản nhỏ. Những chàng trai cô gái gửi niềm tin và hy vọng vào lời dân ca "Phun tôốc" (mưa rơi)

**"Mưa rơi cho cây tốt tươi
Búp chen lá trên cành..."**

Mưa xuân Tây Bắc đẹp vô ngần. Mưa rắc bạc trên lá cây ngọn cỏ. Mưa xuân đánh thức mặt đất bừng tỉnh sau giấc ngủ đông, mặt đất cũng phập phồng băng khuâng chờ đợi. Mưa gieo những viên ngọc li ti trên khăn piêu hồng em gái vừa hái rong ngoài suối. Mưa xuân tươi tốt cả cây nêu mới trồng trước sân nhà để cầu mong những điều tốt lành cho gia đình làng bản. Tâm hồn ta cũng muốn hoá thành một nốt nhạc xanh cho bản hoà tấu chiều xuân Tây Bắc du dương, hiền hoà.

Bên bếp lửa nhà sàn mờ tỏ, ta "lắng nghe" vị cơm lam lan trên đầu lưối, vị bụi thơm ngọt mát của các món ăn đầu xuân chế từ hoa ban, rêu đá, cá sinh đậm chất dân dã và huyền thoại; vị thơm cay lằng lằng của rượu cần và thả hồn trong điệu "khắp" "Xống chụ xon xao" (hát: Tiễn dặn người yêu). Xuân tan hoà trong huyết quản người Tây Bắc.

Mỗi gia đình xum họp ấm cúng trong tình cha mẹ, nghĩa bản làng họ tộc. Trên bàn thờ gia tiên thơm ngát hương trầm. Ta như được chạm vào lịch sử: Quá khứ - hiện tại - tương lai đều ở trong ta. Ta chợt nhận ra khoảnh khắc giao mùa cái hữu hạn của đời người hoà vào cái vô hạn của cuộc sống, thiêng liêng và vĩnh hằng mà ý thức hơn trách nhiệm của chính mình với cuộc sống mến yêu. Ta nhận ra sức bật Phù Đồng ngời trong những đôi mắt trẻ.

Ta tin, ta yêu và xúc động vô cùng khi cảm nhận được hơi thở của mùa Xuân trên Rừng núi Quê hương.

CÁC CA KHÚC VỀ XUÂN TRÊN RỪNG NÚI TÂY BẮC & TÂY NGUYÊN

1/- SÁNG RỪNG – của Phạm Đình Chương

Hù hu hu hú. Hù hu hu hú
Rừng xanh lên bao sức sống
Ngàn cây xôn xao đón hương nồng
Của vầng thái dương hồng bừng lên trời Đông

Cỏ cây vươn vai lên tiếng
Cùng bao nhiêu chim chóc tung bừng
Dậy sau giấc đêm dài triền miên triền miên

Nhà sàn ai lam khói trong sương mai
Ngọt ngào hương tre nứa trong rừng thưa
Có dăm đôi chim thơ lú lo trao duyên mơ
Trong hơi gió đưa xa về dật dờ, dật dờ tình chan chứa
Gió vi vu, vi vu .Suối xa êm như ru,như ru
Lá khô xuôi giòng ngủ ngờ, ngủ ngờ xuôi về đâu ?

Bình minh xuyên qua khe núi
Nguồn vui leo tia nắng đây rồi
Đem hơi ấm cho đời trẻ như đôi mươi

Và thiên nhiên như đôi mới
Rừng xanh vươn câu ngát hương đời
Mênh mang khắp một trời ngàn đời đẹp tươi

2/- HỒ LEO NÚI – của Phạm Đình Chương

Vượt đèo vượt nương. Dô!
Đi qua đồng hoang. Dô!
Băng suối băng ngàn. Dô!
Sương rơi mênh mông. Dô!
Lấp che cây cảnh. Dô!
Chim muông trong hang . Dô!
Lú lo... kêu đàn

Nào cùng leo (echo) Qua đồi núi cao (echo)
Bao nhiêu gai góc đời . Đang dơ tay đón mời . Mời đoàn ta đi tới !

Vượt rừng sâu (echo) Lên đỉnh núi cao (echo)
Trông bao la khắp trời. Anh em ta hát cười . Đời tự do thắm tươi .

Vượt đèo cùng leo. Dô!
Đi trên đỉnh non. Dô!
Đường về bản thôn. Dô!
Suối dốc chân đôn. Dô!
Vun ngô trong nương. Dô!
Hát vui cô nương. Dô!
Tay ôm cơm lam. Dô!
Biểu anh... lên đường
Anh em hò reo. Dô!
Rừng thẳm hò theo. Dô!
Tiếng hát lên đèo. Dô!
Chân đi cheo leo. Dô!
Sống trong hiểm nghèo. Dô!
Gương xanh trong veo. Dô!
Vẫn trôi ...yêu kiều.

Vượt ngoài rừng hoang. Dô!
Đi trên đỉnh non. Dô!

Đường về bản thôn. Dô!
Suối dốc chân đôn. Dô!
Vun ngô trong nương. Dô!
Hát vui cô nương. Dô!
Tay ôm cơm lam. Dô!
Biểu anh... lên đường.

3/- XUÂN CHIẾN KHU – của Xuân Hồng

Mùa Xuân về trong chiến khu tiếng chim rừng vang hót khắp nơi
Mùa Xuân về trong chiến khu gió đưa cây rừng cành lá vi vu ú u ú u chim hót mừng mùa xuân
thắng lợi..
Mai vàng Mai vàng đang nở lưng đồi chào anh bộ đội thêm một tuổi đời mừng anh thêm một tuổi
quân thêm nhiều chiến công toàn dân đang mong..
Xuân Chiến khu khói mù còn loang quê nhà em chẳng có chi để làm quà có chi hơn là hát tặng
bài ca.
Xuân Chiến khu nhớ tình làng quê xóm cũ quyết lòng diệt tan kẻ thù toàn dân ta hưởng trọn
mùa Xuân..
Mai vàng Mai vàng đang nở lưng đồi chào anh bộ đội thêm một tuổi đời mừng anh thêm một tuổi
quân thêm nhiều chiến công toàn dân đang mong..
Xuân Chiến khu khói mù còn loang quê nhà em chẳng có chi để làm quà có chi hơn là hát tặng
bài ca.
Xuân Chiến khu nhớ tình làng quê xóm cũ quyết lòng diệt tan kẻ thù toàn dân ta hưởng trọn
mùa xuân..
Xuân Chiến khu nhớ tình làng quê xóm cũ quyết lòng diệt tan kẻ thù toàn dân ta hưởng trọn
mùa xuân..

4/- TÌNH CA TÂY BẮC

Nhạc: Bùi Đức Hạnh - Thơ: Cẩm Giang

Rừng cây xanh lá muôn đoá hoa Mai mừng đón Xuân về
Vui trong nắng vàng từng đàn bướm trắng bay khắp rừng hoa
Ngập ngừng bên suối nước reo quanh mình như muôn tiếng đàn
Bâng khuâng nỗi lòng nhịp sáo ai đưa tiếng ca rộn vang

Em là dòng Sông Mã. Anh là núi Mường Hung
Cho thuyền em ngược (ơ) dòng gió đưa em về núi
Em hãy về bên suối, đợi anh anh ở bên khuâng
Anh làm no lòng nương. Em làm vui ấm bản.

Rừng rừng hoa với chim ca vui từng bừng
Suối nước trong xanh soi bóng anh và bóng em
Bên nhau cùng sống vui êm đềm cùng núi rừng
Đất nước hoà bình hạnh phúc ta như mùa Xuân

Anh là rừng xanh thắm. Em là suối ngàn sâu
Cây rừng anh là (ơ) cầu vắt ngang trên dòng suối
Khi nắng mùa Xuân tới rừng anh in bóng suối em
Nước chảy quanh êm đềm bao ngày đêm vắng vẻ

Rừng rừng hoa với chim ca vui từng bừng
Suối nước trong xanh soi bóng em và bóng anh

Bên nhau cùng sống vui êm đềm cùng núi rừng
Đất nước hoà bình hạnh phúc ta như mùa xuân.

5/- XUÂN VỀ TRÊN TÂY NGUYÊN – của Phạm Hồng Sơn

Tây Nguyên ơi còn gì vui hơn
Lúc xuân về tiếng trống râm ran
Náo nức với lòng người
Ta nghe trong lòng đất
Nhịp sống đang sinh sôi
Mùa xuân đang gọi tới
Vui tết với buôn làng
Vui trong từng câu hát
Xuân về trên Tây Nguyên

Quê hương ơi nụ cười xuân sang
Tới mỗi người đến với mọi nhà
Náo nức với lòng người
Âm vang trong ngày mới
Nhịp sống đang sinh sôi
Mùa xuân đang gọi tới
Vui tết với buôn làng
Vui trong từng câu hát
Xuân về trên Tây Nguyên

Nghêu ngao qua các Ca khúc về Núi rừng trên Quê hương, ta cảm thấy thấm thía là Đất Việt Rộng Tiên đẹp biết bao!

Nhân dịp Xuân Mới về trên Quê hương, xin chúc toàn thể Quý vị

“Một Năm Mới An Lành và Hạnh Phúc trong Lòng mỗi chúng ta”.

(Tham khảo: tài liệu trong sách về du lịch và trên Internet)

PHẠM VŨ



ĐÔI ĐIỀU VỀ CHIẾC BÁNH CHƯNG NGÀY TẾT

TRIỆU VĂN ĐÔI

Trong văn hoá tâm linh, văn hoá ẩm thực của người Việt Nam có nhiều loại nghi lễ, sản vật, đồ cúng tế cho đến nay chỉ còn lại trong truyền thuyết, trong ca dao tục ngữ ... Cùng với thời gian và những đổi thay của thời thế chỉ còn sót lại trong tiềm thức, trong nỗi hoài niệm của dân tộc. Thế cũng là điều may mắn cho hậu thế bởi nó đã được lưu giữ và chuyển hoá từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ văn hoá vật thể sang văn hoá phi vật thể .

Bánh chưng

May thay không rơi vào những trường hợp nói trên. Bánh chưng là một sản vật xuất hiện từ trước thời văn minh lúa nước của người Việt (Bởi lúa nương là loại cây lương thực đã được người Việt cổ gieo trồng trước khi tìm ra và phát triển kỹ nghệ canh tác lúa nước. Dĩ nhiên khi con người đạt đến trình độ tìm cho mình một loại cây trong nhóm các cây ngũ cốc thì việc chế biến các sản phẩm cũng đồng thời xuất hiện), và cho đến nay cũng như mãi mãi về sau, bánh chưng luôn có sự hiện diện trong đời sống văn hoá ẩm thực và văn hoá tâm linh của người Việt Nam. Có thể nói bánh chưng là một sản vật vừa có sức trường tồn mà lại rất gần gũi với đời sống thường nhật của người Việt Nam trong cả hai lĩnh vực: Văn hoá ẩm thực và văn hoá tâm linh.

Phong bánh chưng ngày Tết được bày trên mâm cúng ông bà, ông vải là một mỹ tục, được truyền lại từ thời các Vua Hùng trong truyền thuyết Lang Liêu, một trong những người con của Vua Hùng đã dùng lúa nếp làm nên những chiếc bánh chưng, bánh dày thay cho các thứ sơn hào, hải vị dâng tiến vua cha. Có lẽ cũng từ đó mới xuất hiện hai từ “ngọc thực”. Nó là biểu trưng cho lòng thành kính đến mộc mạc của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên mà không có thứ ngọc nào sánh nổi. Nó là thứ “ngọc” (Được hiểu rộng cho các loại ngũ cốc trong đó có lúa gạo) đã nuôi sống con người, nuôi sống dân tộc từ thuở hồng hoang của lịch sử cho tới muôn sau.

Trong những ngày tết Nguyên Đán, không có gia đình Việt Nam nào lại thiếu vắng những chiếc bánh chưng xanh trên bàn thờ, trên mâm cúng ông bà, ông vải. Bánh chưng có thể được tự làm ra từ khi gieo hạt, trồng cấy, thu hái, xay giã, gói luộc đối với người nông dân ở miền xuôi, miền ngược, miền Bắc, miền Nam. Và, bánh chưng cũng có thể được mua như mua các loại hàng hoá khác đối với những người dân các vùng đô thị trong nước và ở nước ngoài. Chiếc bánh chưng ngày tết dù tự túc, tự sản hay được mua bán như những thứ hàng hoá khác nhưng đều có chung một điểm: Đó là sản vật không thể thiếu để dâng cúng lên cha mẹ, ông bà, tổ tiên trong ngày Tết. Một nét đẹp lâu đời nhất, truyền thống nhất trong văn hoá tâm linh của người Việt Nam.

Ngày nay, trong sản xuất nông nghiệp với xu thế chuyển đổi nông sản thành hàng hoá, việc trồng cấy đại trà và tạo ra những vùng nguyên liệu chuyên canh là một xu thế tất yếu. Tuy vậy, vẫn còn không ít những gia đình nông dân vẫn còn lưu giữ một tập quán lâu đời: Đó là việc dành riêng một khoảnh, một thửa đất (Kể cả thời HTX, ruộng đất tập trung thì đã có đất 5%) để trồng cấy các giống nếp quý, chỉ dùng cho việc cúng lễ hay những ngày trọng trọng năm. Từ việc chọn giống như giống nếp cái hoa vàng, giống nếp hương ..., lúa gặt về được nhật từng bông, lựa những bông có hạt chắc, mẩy đều rồi buộc thành từng túm nhỏ treo trên sào cốt tránh lẫn các loại lúa khác. Đến mùa gieo mạ mới đem xuống dùng đĩa xới, hoặc vỏ con trai cạo từng túm chứ không đập. Quá trình chăm sóc luôn giữ đủ nước, vừa phân và xa các khu ruộng trồng các loại lúa tẻ để tránh lai tạp. Khi gặt về cũng lựa từng bông và bảo quản bằng các túm nhỏ trên sào tre. Giáp tết hay những ngày trọng mới đem suốt và xay giã làm gạo để gói bánh chưng hoặc đồ xôi. Những việc làm cẩn thận, cầu kỳ đến tỉ mỉ này không chỉ thể hiện sự “sành ăn” vì giống nếp quý lại không lẫn tẻ, không bị lai tạp nên khi gói luộc, bánh chưng sẽ dẻo, rền và thơm hương nếp cùng lá dong xanh mà còn thể hiện sự tôn kính đối với các thế hệ tiền nhân. Nhớ lại cái tết Mậu Thân, trước tổng tiến công các má, các chị đã ngày đêm gói rất nhiều đòn bánh tét cho bộ đội ăn tết trước và đem theo làm lương ăn trong những ngày Tết đánh giặc. Hình ảnh anh bộ đội giải phóng với vành mũ tai bèo, bên hông cột gọn gàng gói bọc phá với một đòn bánh tét mãi mãi là bức phù điêu của những mùa xuân đại thắng của dân tộc Việt Nam. Trước đó hơn hai trăm năm (Bính Ngọ – 1786), bánh chưng (bánh tét) cũng theo bước chân thần tốc của đoàn quân của người anh hùng áo vải Tây Sơn - Nguyễn Huệ phò Lê diệt Trịnh. Bánh chưng theo suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Bánh chưng có mặt trong mọi hoạt động xã hội, tín ngưỡng. Bánh chưng làm dẻo mềm hơn câu ca dao, gắn kết quá khứ với hiện tại và trong xu thế hội nhập, bánh chưng Việt Nam trong những ngày tết cổ truyền của dân tộc lại có mặt trên khắp năm châu. Bánh chưng Việt Nam trong vai trò sứ giả, mang thông điệp của một Việt Nam đổi mới, mong muốn hoà bình, hợp tác, hữu nghị với thế giới, cùng hướng tới tương lai ...

Tìm hiểu về bánh chưng và những quan niệm triết học xung quanh những truyền thuyết về bánh chưng Việt Nam trong ngày Tết chính là để hiểu sâu sắc thêm những giá trị văn hoá, giá trị nhân văn của tổ tiên qua bao đời truyền lại .

Lâu nay trong các văn bản, các sách (đặc biệt là các sách phục vụ việc giảng dạy trong các nhà trường) khi nói về sự tích bánh chưng (Hình vuông) và bánh dày (Hình tròn) của Lang Liêu là tượng trưng cho trời tròn, đất vuông. Truyền thuyết này cho thấy: Từ thời các Vua Hùng, người Việt cổ đã biết trồng lúa (Lúa nương rồi sau này là lúa nước) và người Việt cổ đã biết chế biến các nông phẩm trong sinh hoạt hàng ngày và trong việc tế lễ . Để gắn kết sự phát triển kỹ nghệ trồng lúa và chế biến nông sản (Phát triển sản xuất) với phát triển văn hoá tâm linh **chúng ta** (Tôi xin nhấn mạnh hai chữ **chúng ta**) đã đưa ra một quan niệm triết học về thế giới tâm linh của người Việt cổ rằng : Bánh dày (Hình tròn) là tượng trưng cho trời tròn và bánh chưng (Hình vuông) là tượng trưng cho đất vuông . Điều này có vẻ lô gíc về quan niệm của con người thời tiền sử trước sức mạnh siêu nhiên, huyền bí của thiên nhiên như sấm chớp, nắng mưa, bão lũ cùng trời, đất, giăng, sao ...

Nhưng ngược lại, cũng dễ nhận thấy ở cái thời Lang Liêu, người Việt cổ chưa đủ phát triển tư duy về toán học để có thể định dạng hay nhận diện các khối hình học có góc cạnh, ví như khối hình hộp chữ nhật 6 mặt và 8 góc như chiếc bánh chưng vuông bây giờ, mà họ chỉ biết vò, nặn, túm một chiếc bánh chưng không hẳn là một hình vuông hay hình trụ tròn, nó có thể ô van, có thể một đầu to đầu nhỏ, chiếc ngắn, chiếc dài thì giả thuyết về quan niệm bánh chưng vuông tượng trưng cho đất vuông sẽ thiếu cơ sở khoa học. Nó là cách suy diễn, giả thuyết của những con người sau hàng nghìn năm tiến hoá, với đầy đủ chỉ số thông minh và sự khéo léo – Những người đó là **chúng ta**. (và trong chúng ta bây giờ, với chỉ số thông minh và sự khéo léo hiện có hẳn nhiều người nếu cho tự mình gói một chiếc bánh chưng vuông thì cái sản phẩm ấy cũng chưa chắc hơn gì người tiền sử thời Lang Liêu). Mặt khác, trong cách gói bánh chưng ngày Tết hiện nay vẫn tồn tại một kiểu bánh tày ở miền Bắc và bánh tét ở miền Nam (Hình trụ tròn) .

Vậy thì bánh chưng vuông hay bánh “tày” có trước (?) .

Được biết ở nhiều vùng nông thôn, kể cả miền xuôi và miền núi bánh chưng gói kiểu “tày” hiện nay vẫn được duy trì và chiếm số lượng nhiều hơn. Ai cũng biết ở những nơi chậm phát triển, ít chịu ảnh hưởng của sự giao thoa văn hoá là những nơi còn giữ được nhiều nhất những phong tục, tập quán cổ. Mặt khác, khi nền kinh tế phát triển, nhu cầu hình thức, thẩm mỹ trong việc chế biến, bài trí đồ lễ, đồ ăn cũng dần được hoàn mỹ hơn. Tôi cho rằng bánh chưng vuông là sản phẩm của văn hoá đô hội, đô thị. Nó là hậu duệ của chiếc bánh chưng tày ở miền Bắc và bánh tét ở miền Nam.

Từ cách nhìn này, chúng ta dễ nghiêng hơn về cách sắp xếp thời gian ra đời của hai loại bánh chưng vuông và bánh chưng tày.

Nếu đúng như vậy thì quan niệm về bánh dầy, bánh chưng vuông tượng trưng cho trời tròn, đất vuông của chúng ta sẽ là một giả thuyết chưa đủ cơ sở, khó thuyết phục. Mặt khác, có một thời mà chúng ta “nệ” đủ thứ, không dám nhìn thẳng và sự thật lịch sử, luôn né tránh những gì chúng ta cho rằng dung tục mà quên mất rằng: **Lịch sử phát triển con người không chỉ dân tộc Việt Nam mà toàn nhân loại đều đã đi qua giai đoạn quần hôn – Mẫu hệ (Tục thờ Mẫu là một minh chứng cụ thể)**. Bởi thế nên **chúng ta** mới đưa ra quan niệm “Trời tròn, đất vuông” để dung hoà và cũng để cho phù hợp với quan điểm thẩm mỹ thời bấy giờ.

Theo ý kiến của cố giáo sư Trần Quốc Vượng thì trong truyền thuyết Lang Liêu, những sản vật dâng tiến phải là bánh dầy (âm) và bánh chưng tày (dương). Hai loại sản vật này không theo quan niệm tượng trưng cho trời tròn đất vuông mà theo một quan niệm phồn thực. Quan niệm này có luận cứ khoa học hơn bởi con người tiền sử thật quá bé nhỏ trước thiên nhiên huyền bí. Việc sinh mười chết chín, chỉ còn một lại phải chống trọi với thiên nhiên nghiệt ngã thì sự phồn thực chính là cứu tinh cho con người thời bấy giờ khỏi hoạ diệt vong. Tuy nhiên, ý kiến của cố giáo sư Trần Quốc Vượng không phải đã được nhiều học giả, nhiều người ủng hộ. Có vẻ như chúng ta khi nói về sự phồn thực trong cái nhìn về truyền thuyết lịch sử dân tộc lại sợ làm méo mó lịch sử, sợ sẽ bị xa vào dung tục hay bị quy chụp theo trường phái hiện sinh chủ nghĩa.

Ngày nay chúng ta coi sinh đẻ có kế hoạch, sức khoẻ sinh sản là chiến lược để cải thiện nòi giống thì tại sao tổ tiên chúng ta lại không coi sự phồn thực như một sự cứu rỗi cho con Lạc cháu Hồng?

Ngày tết, ăn một đồng bánh chưng sau khi cúng lễ tổ tiên, ông bà, cha mẹ, dư vị thời gian, không gian huyền thoại của lịch sử như cùng quy tụ trong màu xanh của bánh, mùi thơm thảo của hạt nếp tiên nhân để cùng suy ngẫm về ý nghĩa triết học và giá trị nhân văn của các truyền thuyết, các sự tích về bánh chưng của người Việt. Đó cũng là một cách di dưỡng tinh thần, làm giàu thêm bản sắc văn hoá tâm linh và văn hoá ẩm thực Việt Nam.

TRIỆU VĂN ĐÔI



THIÊN THAI

MAI THỤC

Từ Thức con quan đời Trần ở châu Ái. Hai mươi tuổi đỗ cao. Được bổ tri huyện.

Khác bọn quan tham. Từ Thức phóng khoáng. Không chịu ràng buộc. Khuôn phép chặt hẹp. Không nịnh trên. Không nạt dưới. Không tham lam, vợ vét, lọc lừa. Chẳng mưu ma chước quỷ. Thích uống rượu ngâm thơ. Đi chơi xa ngắm cảnh.

Gần vùng có chùa lớn. Sân trồng toàn mẫu đơn.

Tháng Giêng hoa nở rộ. Dâng mẫu đơn cúng Phật. Người đua chen đồ về. Xem hội hoa mẫu đơn. Hoa tươi hồng sân Phật.

Hoa Mẫu Đơn sống trên núi khô cằn, sỏi đá, gập ghềnh, gai góc, ẩn hiện khoe vẻ đẹp tiên Phật của mình.

Chỉ có vợ chồng bác tiểu phu, trẻ chăn trâu, hay bé gái chân đất, lặn lội bên sườn núi nhật nham, hái sim mới hiểu được vẻ đẹp trong trẻo của Mẫu Đơn là chúa tể của muôn loài hoa rừng. Nó có màu đỏ trái tim. Từng cánh hoa dài nhỏ như những chiếc tấm có mũi xoè bốn cánh, nương tựa vào nhau, chiếc cao, chiếc thấp như chị em hợp thành đoá hoa, nép vào cành lá màu xanh trên thân gỗ nhỏ mà dẻo dai sức sống. Mẫu Đơn thắm đỏ trong rừng xanh.

Hình như bác tiểu phu chẳng bao giờ nhìn bông hoa Mẫu Đơn héo tàn, chỉ biết rằng mỗi khi thấy Mẫu Đơn thấp lửa trong rừng chiều xám lạnh, lòng bác ấm lại. Ngưỡng mộ vẻ đẹp thiên nhiên hoang dã mà cao quý ấy, các thiền sư, ẩn sĩ tu từ trên núi xuống, mang theo khóm Mẫu Đơn về trồng trong các chùa.

Từ Thức vào hội hoa. Cải trang thành học trò. Hành hương ngắm cảnh. Không lính hầu theo.

Chùa được triều đình trọng. Sư sãi thả sức hoành hành. Ai bẻ hoa bị phạt tiền hoặc nô lệ suốt đời cho sư.

Một cô gái xinh đẹp dịu hiền xem hoa. Vô tình nàng ngắt một bông. Nâng niu chiêm ngắm. Bông hoa thắm tình.

Thủ hộ xông ra. Bắt giữ đòi tiền. Nàng không có tiền. Chúng trói nàng vào cột chùa. Nước mắt nàng lã chã. Thân mềm lả.

Từ Thức đến cổng nhìn cảnh nàng bị đầy đọa. Rất thương. Không nén nổi cơn giận. Sấn đến đòi cưới trói cho nàng.

Chúng chỉ mặt chàng:

- Nếu không đủ tiền chuộc. Chờ động vào sinh chuyện.

Từ Thức bưng bưng tức tốc cởi phăng áo ngoài. Vứt cho chúng thả nàng.

Nàng xinh đẹp bạo dạn. Tạ ơn chàng thiết tha.

Từ Thức muốn làm quen:

- Nàng ở đâu? Giọng không giống vùng này?

- Thiếp ở châu Ái- Tống Sơn.

Không ngờ nàng cùng quê. Từ Thức thêm thân thiện cùng nàng men lối cổng chùa. Chàng nàng tâm sự.

Từ già, nàng mời chàng. Đến chơi nhà thăm quê...

Chàng ra về, buồn nhớ nàng khôn khuây. Công đường chàng chán ngán. Không roi vọt trị dân. Không ăn của đút lót. Không tiền hầu quan trên. Chàng bị họ hạch sách. Gây phiền nhiễu nhiều phen.

Một lần thuế chậm trễ. Bị quan phủ mắng. Chàng một mình than:

- Chẳng lẽ vì mấy bó thóc. Ta chịu nhục thế này?

Chàng cời ần, từ quan. Bỏ đi. Không tiếc.

Chàng vội thẳng về quê. Thăm bố mẹ làng nước. Nhớ nàng mời hội hoa. Chàng lặn lội tìm kiếm.

Tống Sơn nhiều cảnh đẹp. Chàng ngâm vịnh hát ca.

Không thấy dấu người đẹp. Ngơ ngẩn buồn nhớ thương.

Sớm nhìn cửa Thần Phù. Trước mắt chàng hiện lên

Hòn đảo như hoa sen. Giữa nước xanh biển cả. Say sưa ngắm đắm mê. Chàng gióng buồm ra khơi. Thuyền ghé đảo tươi xanh. Sườn núi hang rộng đẹp. Rẽ cỏ tìm tận nơi.

Chàng vào hang. Bỗng tối sầm. Sờ soạng, thấy ánh sáng. Núi chót vót, đá lởm chởm. Lên đỉnh, nhà lộng lẫy.

Hai người con gái nói:

- Chú rể mới đến nhà.

Chàng táo bạo theo họ. Đường hoa thơm cỏ lạ. Đến lâu đài kiêu sang. Bà quý phái ra đón:

- Đây hang thứ sáu. Ba mươi sáu hang động. Cối Tiên ta cai quản. May được đón. Chàng phong nhã chí tình. Cảnh đẹp làm chàng mê?

Từ Thức khẽ gật đầu. Bà cho gặp người cũ.

Một cô Tiên bước ra. Thuốt tha kiều diễm chào. Cô gái bẻ mẫu đơn. Chàng mừng vui reo vang:

- Tôi tìm nàng không thấy. Không ngờ gặp ở đây.

Bà tưng bừng giới thiệu:

- Giáng Hương xưa xem hội mẫu đơn. Không may gặp rủi ro. Nhờ chàng tận tình cứu. Ấu cũng là duyên Trời. Đạo không tu mà tự đến. Những cuộc gặp gỡ hiếm lạ. Đời nào cũng có. Đừng cho câu chuyện thần tiên là hoang đường. Chàng có lòng đi tìm. Gặp nhau mở tiệc hoa. Thỏa lòng mơ khao khát.

Từ Thức vui phấn chấn. Hai người làm lễ cưới. Làng Tiên mừng chúc tụng. Tiệc rượu, nhạc tấu ca. Những món ăn rất lạ. Đĩa bát bằng ngọc thạch. Hương tình nao nức bay.

Ngày nối ngày qua mau. Chàng ở rể ba năm.

Cối Tiên khác trần gian. Cơm ăn áo không thiếu. Giáng Hương hiền đẹp nét. Luôn thỏa lòng chàng. Sớm tối ngao du động Tiên. Ngâm vịnh vui bất tận.

Từ Thức đề thơ bình phong trắng: *"Khói rợp mây che khắp bốn trời/ Non thần trong sáng đó là nơi/ Hoa thắm theo gió đưa hương ngát/ Dắt dẫn thuyền câu khách một người/ Một đêm gió thổi nguyệt đầy non/ Rèm cuộn hoa vàng lọt cửa son/ Rượu mệ mê say lòng nặng trĩu/ Mượn đem bút thức gửi thi hồn/ Đốt lại lò trầm nhóm lại hương/ Dẫn đo đỏi mới khúc nghe thường/ Đạo sĩ một đi tìm khó thấy/ Không trung tản mát tiếng ngân dài/ Sông nước bao quanh núi một vùng/ Mộng về quê cũ lối khôn thông/ Mây vàng nước biếc thân nương đậu/ Trần giới xa coi, ngút mịt mừng".*

Bên người đẹp ái ân. Vật chất đủ đầy. Chàng vẫn thiếu cái gì. Buồn cô liêu trông vắng.

Một chiều buồn bã. Chàng tâm sự với Giáng Hương:

- Nhà tôi ở phía bên kia. Song biển trời cách biệt. Chẳng biết mình đang ở đâu. Đắt khách bơ vơ. Lòng quê bịn rịn. Xa cha mẹ đã lâu. Muốn về thăm một chuyến. Rồi sẽ trở về ở với nàng đến đầu bạc răng long.

Giáng Hương khóc lã chã khuyên:

- Thiếp chẳng dám vì tình mà ngăn cản mối lòng thương nhớ quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp. Kiếp trần ngắn gang tay. Cối tục và cối Tiên. Hai con đường cách biệt. Chàng về cối tục. Sẽ vĩnh viễn mất Tiên.

Nhưng nỗi nhớ dâng đầy. Từ Thức gầy héo hơn.

Mẹ nàng thương xót. Không ngờ chàng nặng nợ. Mối tình trần bám đeo. Cho Từ Thức trở về. Xa Thần Tiên mãi mãi.

Giáng Hương trao chàng. Bức thư viết trên lụa. Nước mắt tràn chia biệt. Im lặng vỡ không gian.

Chàng giã từ vợ, mẹ. Từ giã các bạn Tiên. Lên xe cầm vận về trần thế.

Chàng thấy lại quê hương. Ruộng đồng, sông núi, lũy tre. Mái tranh hiên, ao làng, mắt giếng. Cây đa, bến nước, chùa, đình, đền, miếu. Bóng trâu già kéo cày lê thê. Tiếng gà kêu, chó sủa bên hè. Bà ru cháu bên nôi vời vời. Mực đồng thối sáo lưng trâu. Lão nông rít thuốc lào nghiêng ngả. Khói lam chiều buông rơi...

Cảnh làng thôn. Không khác xưa. Chàng bồi hồi xao xuyến. Ngỡ ngàng lạ mà quen.

Nhìn kỹ chàng ngỡ ngợ. Nhà cửa vườn đã khác.

Dân làng không quen mặt. Hỏi bố mẹ không ai biết. Chàng quặn thắt ruột đau. Bơ vơ và lạc lõng. Giữa nơi mẹ cha sinh. Không chút tình máu đào. Không nghĩa nặng tao khang. Hồn phách chàng xiêu lạc. Chốn này. Quê hương đâu? Vật đổi sao dời. Người cảnh xưa đảo khác. Chàng bơ vơ. Vờ vật. Ngay giữa lòng quê hương. Bì kịch này lớn quá. Đâu rồi thân thương xưa?

Từ Thức xưng tên họ. Người ta ngẫm nghĩ đáp:

- Hồi nhỏ tôi nghe truyền. Cự tổ năm đời Từ Thức.

Làm quan huyện treo ấn từ quan, đi chơi mất tích.

Đã gần ba trăm năm.

Từ Thức ngậm bồ hòn. Bụi ngùi và đau đớn. Ôi! Kiếp sống phù du. Biết đâu mà chọn lựa. Chàng thấm lời vợ Giáng Tiên. Cõi trần và cõi Tiên. Hai không gian tách biệt. Thời gian cũng không giống.

Không gian và thời gian, là mơ hồ tương đối. Không gian khác. Thời gian đổi khác. Thời gian chỉ tồn tại trong một không gian nhất định. Không gian mất. Thời gian cũng mất. (*)

Chàng bụi ngùi ngắm cây đa cổ thụ cành chi chít. Cây đa không có tuổi. Rễ thả cội đâm cành. Xanh tươi cùng thế gian. Chẳng cần biết. Tháng năm trôi. Bão nổi. Sóng cồn. Bỗng tiếng nói mông lung, từ không trung vang lại:

“Con người thân hữu hạn, không chiếm lĩnh nổi không gian. Vòng luân hồi bất tận. Muôn vạn ức kiếp người. Nổi trôi đời muôn nẻo. Trôi về đâu? Về đâu? Những vòng quay nghiền nát. Không thể tham lam quá. Phải chọn và chọn một. Chỉ một lối riêng mình. Không giống bất kỳ ai. Không nhìn núi này trông núi nọ. Phải đầy đủ thông minh. Trí tuệ và bản lĩnh. Tự trọng và tự tin. Tự thân mình đứng dậy. Một mình. Một mình thôi. Tự tìm ra con đường. Cho riêng mình vui sống. Chân Thiện Mỹ An Bình. Kiếp sống chẳng tày gang”.

Chàng xa xót bụi ngùi. Chắp tay dâng tâm hương tạ muôn hồn muôn kiếp. Hỏi mình trôi về đâu?

Chàng thần thờ ngơ ngác. Đám đông vây quanh mình. Như có mà lại không. Chàng phải về Tiên thôi. Mau mau tìm lại Tiên. Thiên Thai mơ và thực. Không lấm bận tục trần. Thân và tâm nhẹ nhõm.

Chàng trở lại chỗ xe mây. Không ngờ xe biến mất. Nhớ bức thư thả lựa, Giáng Hương trao. Chàng mở đọc:

“Kết lửa phượng trong mây. Duyên xưa đã hết. Còn dịp nào nữa đâu. Tìm non Tiên trên biển”.

Buồn rầu. Đau vô hạn. Lúc này chàng mới biết. Nàng đã nói trước với chàng. Lời vĩnh biệt.

Chàng mò đến cửa Thần Phù. Định quay về động Tiên. Mịt mù cây kín lối. Nàng ở đâu? Ta biết đi đâu?

Bơ phờ. Ngất ngờ. Cô lẻ. Chàng đi. Đi xa mãi. Không biết là đi đâu. Không có một con đường. Chỉ mơ hồ ngờ ngợ rằng chàng vào hang núi.

Người ta gọi hang núi đó là Động Từ Thức gặp Tiên.

Ngàn đời sau người Việt thương nhớ chàng Từ Thức. Rủ nhau tới Động Từ Thức cửa Thần Phù- Huyện Nga Sơn Thanh Hóa, cảnh đẹp Thần Tiên, sông núi, cánh đồng, biển xanh, bãi cát, cây cỏ hoa hữu tình. Ai đến động Từ Thức cũng đều thốt thành thơ.

Nhà bác học Lê Quý Đôn khắc bài thơ trên động Từ Thức có câu:

Thế nhân khổ tác Thiên Thai mộng

Thùy thức Thiên Thai điệp hý trường

(Thiên Thai do người đời đặt ra

Ai ngờ Thiên Thai cũng là hý trường thôi)

Còn người kể chuyện Từ Thức gặp Tiên, đến thăm động Từ Thức cũng thốt lên tiếng lòng thời cuộc:

Thiên Thai

Theo chàng Từ Thức tới động Tiên

Dẫu biết Thiên Thai cũng hý trường

Còn hơn mê huyễn vòng trần tục

Còng lưng sắp ngựa, vẫn vô minh

Ham hố chồn vờn, nổi nhục vinh

Chen chúc được thua, quyền với chức

Nhón nháo bán mua, tình tiền bạc

Thói đời tranh đua, sao mà thương.

** Dân gian Việt Nam (Người Việt cổ) quan niệm thời gian,*

không gian, như thuyết tương đối của Albert Einten.

MAI THỤC



BẦY TÒ CUỐI NĂM

TRIỆU TỪ TRUYỀN

1-

biết mình ở nơi xa vẫn ngỡ chiều Đà Lạt, đã quỳ vàng sáng mỗi chân dung, cây thông biếc cứ mong mình hoang dã bên lề quốc lộ xuyên Đông Dương, thác xả nước cạn lòng cao nguyên cũ, em có còn tìm tiếng chim non thẳng thốt, bụi cỏ nào ẩn dấu nguy cơ. Không ai cấp visa vào vương quốc ngây thơ, anh làm sao về thuở ấy? người lính biên phòng của lãnh địa ý thức giữ anh lại bên này, em vẫy tay xa dần trên chuyến xe vào sâu nội địa của tâm linh, con sóc hồng bay qua rồi ngày mai hồn nhiên quay trở lại, biên giới là nghiệp chướng phận người, con người thích tự xích chân nhau.

2-

nhớ thương nhiều đâu dễ bên nhau, chim hồng hạc khắng khít một đôi, tiếc rằng mình không phải loài có cánh, cánh máy bay chưa hóa thành cánh chim tự do, cánh của cạnh tranh, cánh của ly tan, cánh của hủy diệt, hạnh phúc của đôi sam biển bao giờ đến được loài người? em bé con chưa thành tượng đá, anh cầm tri thức trên tay làm công cụ khai phá mở đường về lại quê nhà, ai đánh tráo công cụ của anh thành duy lý, nên không chặt dọn được bụi gai tâm tư, ngăn ngại kẻ đại khờ.

3-

hàng triệu năm loài người bước đi, vài ngàn năm dọn mãi lối mòn, kỳ tích không phải đền đài thành quách làm bằng xương máu người để lên mặt trăng vẫn nhìn rõ được, bắn rã hạt nhân hay chất vàng thành núi, lối mòn thâm họa kiếp người, kỳ tích là thiên nhiên vô thường, anh ở miền nhiệt đới cùng bán đảo với em, sao đất này là vô thường của oi bức? Ngôi chùa mát lạnh kỳ diệu dưới bóng rặng thông, giữa mùa đông rừng đã quỳ lợp kín sắc vàng, mười ba cánh vảy đài hoa ngây ngất hút say hạt vũ trụ chảy đến từ hàng tỷ năm ánh sáng, tiếng réo gió cao nguyên Paksong nhắc lời về Đà Lạt, vô thường nóng chính là vô thường lạnh! anh lặng thinh bước lên dãy vũ trụ, thế giới tâm tiêu vong biên giới, anh về với em không cần passport, công cụ tâm thức xóa tan hòn đá chặn đường.

Paksong – Laos, 5.12.2008

TRIỆU TỪ TRUYỀN

THEO BÚT NGÀY CẠN, THÁNG TÀN, NĂM BAY TRÓT !

Chính xác hôm nay ngày thứ 365— tròn chu kỳ quay của quả đất xung quanh mặt trời-(1/4 ngày lẻ sẽ tính vào năm nhuận) .Blocs lịch mới hôm nào tân niên dày cộp sung mãn tràn trề sức trẻ,giờ đây gầy nhom, mỏng dính - duy nhất chiếc lá cuối cùng lắt lay trước gió – Ngồi lặng lẽ trong bóng chiều xa,tôi nghe chừng thời gian chậm chậm rút rời – chỉ còn mỗi tấm bìa cứng màu hồng xác pháo – chỉ còn mỗi hình rồng quẫy đuôi,giương vẫy khoan thai bơi trong mây buồn tênh – Thời gian như hạt sương treo đầu ngọn cỏ- “*mỗi giây rụng xuống,vàng bay theo mùa*”... Chỉ tích tắc nữa thôi năm 2012 khép lại,trôi tuột về phía sau – Căn phòng trống vắng như không hề có tôi hiện diện và em cùng những ngày cũ chỉ còn là xa xôi - mùa đông ngoài kia hanh hao làm đầy trong tôi nỗi hắt hiu.- Những hình,những bóng,từng chặng đời nhập nhòa ,quên nhớ ...

Ngẫm nghĩ tuổi tác mình mới hôm nào trai tráng đánh vèo một cái được nằm trong 10% dân số Việt cao niên (>60). -Trước đây tuổi thọ ngắn,ít nghe nói mỡ máu,tiểu đường,cao huyết áp,thoái hóa suy khớp,alzheimer,parkinson...- Chẳng ai có kinh nghiệm sống già,cứ mảy mò trời cho đến đâu vui vẻ biết đến đó - nhưng nên nhớ qui luật lão hóa xuống cấp là một tất yếu. Cụ ông Mancha Aich - người Ấn Độ,nguyên là cựu Nam vương Thể hình Hoàn vũ năm 1952 - tổ chức tại London Anh- vừa bước qua tuổi 100,đã tiết lộ bí quyết sống vui khỏe : “***Đừng quá nghiêm trọng hóa cuộc sống –Hãy suy nghĩ tích cực để vượt qua những lúc khó khăn***” . (Sgpp online 20/3/2012)

Thôi thì có thân lo thân hãy tích cực vận động tự rèn,sống phù hợp với độ tuổi mình đang sở hữu : - Sáu mươi – “*Lục thập nhi nhĩ-thuận*” đạt mức độ hoàn hảo về mặt tri hành, kiến văn và kinh nghiệm về cuộc sống. Nhờ đó,ta có thể nhận xét và phán đoán được ngay tức khắc và chính xác về các sự kiện và nhân vật trong thiên hạ. Khi nhìn hay nghe thấy điều gì, người ta không những không cảm thấy chướng ngại mà còn hiểu thấu ngay mọi lẽ. Không phải tự nhiên mà ta đạt được trình độ “*nhĩ nhĩ thuận*”. Muốn đạt được trình độ này, con người cũng phải có căn bản giáo dục, đạo đức, kiến văn, và kinh nghiệm từng trải về sự đời.

- Bước sang “*Thất thập nhi tàng tâm,sở dục bất du cử*”,con người sẽ đạt đến tình trạng rất hoàn hảo về cách xử sự và xử thế. Nhờ đó mà mỗi khi người ta định nói điều gì hay làm việc gì thì tự nhiên thể hiện đúng với chủ tâm của lòng mình, muốn sao được vậy, và không bao giờ vượt ra khỏi khuôn khổ của đạo lý hay lẽ thường. Đây là trình độ tuyệt hảo của con người ở vào tuổi từ 70 trở lên nếu trước đó họ được giáo dục đúng cách, tự tìm tòi học hỏi, có kiến-văn quảng bác, có tu tâm dưỡng tánh, và đã từng trải cũng như rút được ưu khuyết điểm trong các kinh nghiệm về nỗi ê chề đớn đau của cuộc đời.

- Hồi kết câu chuyện đời người : còn thân còn nặng nghiệp, chẳng ai thoát vòng *sinh-lão-bệnh-tử* !

Thời tiết cuối năm se se buồn buồn - các tỉnh phía Bắc rét đậm - Hà Nội 14.7oC- vùng núi Mẫu Sơn(Lạng Sơn)1.8oC - Saigon 23oC mây thay đổi,trời hiu hiu . Anh bạn thư sinh nào đó giả giọng sên sên rao lên mấy câu băng quơ - “*cuối năm ngồi tính lại số đời – ba trăm ngày hơn đã qua mất rồi - đời mình lại tay trắng tay -công danh thì chưa được thấy - năm tháng dài vẫn còn bôn ba...*” ,làm tôi nhớ GS Phạm Văn Diêu có lần nói với sinh viên Chứng chỉ văn chương Việt Hán – (năm 1971-Đại học Văn Khoa Saigon): “*Khi bước vào độ tuổi trung niên định làm gì các anh hãy thực hiện ngay kẻo muộn*” .Ngày ấy đầu xanh chúng tôi lơ mơ lắm,giờ hồi tưởng lại,nghe lời thầy quá chính xác. Sống trên đời ai cũng được giao sở hữu một ngân quỹ thời gian nhất định.Và thời gian không được sử dụng là thời gian mất đi không bao giờ trở lại – Thông điệp thầy muốn nhắn nhủ:

các anh hãy biết trân trọng, tiết kiệm từng giây, từng phút trong hành trình đi tìm cuộc sống. – Franklin (1706 – 1790) bảo rằng: “Chớ nên bỏ phí thời giờ vì đời người chẳng qua là một khoảng thời gian rất ngắn” - Pascal (1623 – 1662) lưu ý chúng ta: “Bỏ phí một phút, đời ta ngắn thêm một chút”

Lan man thế sự cuối năm - lòng thương quá 20 thiên thần nhỏ trường tiểu học Sandy Hook, thành phố Newtown, tiểu bang Connecticut Hoa Kỳ bị thảm sát cùng với 6 cô giáo bởi một tay súng trẻ man rợ. - Trang mạng văn hóa ồn ào chuyện một nhan sắc tái hôn - tiệc cưới sang trọng - áo váy xiêm y, xe bạc tử - giữa muôn trùng “vui sướng” là những “nỗi niềm” nhân thế. - Tin ca sĩ Duy Quang trưởng nam của nhạc sĩ Phạm Duy qua đời ở bệnh viện Orange Coast – California làm nhiều người ái mộ thương tiếc, chia sẻ buồn đau với gia đình họ Phạm. - Nhiều vụ án ghê rợn chặt xác nạn nhân thành nhiều khúc bỏ vào bao bố đem phi tang (P. Bình Đa - TP. Biên Hòa); sát hại cả nhà bạn gái, cướp tài sản (phố Doãn Khuê, P. Phúc Khánh - TP. Thái Bình); dìm con 10 tháng tuổi chết trong nước, cho vào bao xi măng, chôn sau nhà thờ và lảng xi măng lên (P. Định Công, Q. Hoàng Mai - Hà Nội) ... - Phải chăng “nhân tính” con người đến hồi “tận thế”!?

Nhìn lên ảnh mây vệ tinh tự dựng “lạc đề” sang chuyện thời sự khi nhắc thấy tên cướp đội lốt Ngộ Không (Wukong), hô phong hoán vũ từ ngoài khơi khu vực bắc đảo Palawan (Philippines) trực chỉ **Biên Đông** theo hướng giữa tây và tây tây nam đổ bộ các tỉnh phía Nam Việt Nam, gió cấp 8, giật cấp 9 - cấp 10. Cơn bão cuối mùa đe dọa nước ta - cây muồn lặng, gió chẳng ngừng – chúng ta không còn cách nào khác phải đương đầu – Uy vũ Thánh Gióng, Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung Nguyễn Huệ ...; tinh thần “*Điện Biên Phủ trên không*” còn đó !

Trong thời khắc giao mùa, tôi băng khuâng đứng giữa càn khôn, hòa vào bản thể vũ trụ, chia sẻ cùng ông thánh thơ Bùi Giáng :

*Ngày sẽ hết tôi sẽ không trở lại
Tôi sẽ đi và chưa biết đi đâu
Tôi sẽ tiếc thương trần gian mãi mãi
Vì nơi đây tôi sống đủ vui sầu.*

*Cây và cỏi bầu trời và mặt đất
Đã nhìn tôi dưới sương sớm trăng khuya
Mở buồng phổi đón gió bay bát ngát
Dừng bên sông bến cát buổi chia lìa*

*Hoàng hôn xuống, bình minh lên nhịp nhịp
Ngàn sao xanh lúi bước trước vùng hồng
Ngày rực rỡ đêm êm đêm kể tiếp
Đón chào tôi chung cười khóc bao lần...*

*...Ta gửi lại đây những lời ảo não
Những lời yêu thương phụng hiến cho em
Rồi ta gục đầu trên trang giấy hão
Em bảo rằng: - Đừng tuyệt vọng nghe không
Còn trang thơ thắm lại với trời hồng.
(Phụng Hiến)*

Buồn vui trần gian chia đều cho nhân thế, không ai có thể đào thoát chạy trốn, không ai có thể đứng trên, đứng ngoài cuộc sống, tôi hiểu như vậy nên : “*Còn trang thơ thắm lại với trời hồng*” !

(Saigon, khép lại 2012)

PHAN VĂN THẠNH

XUÂN NHẬT

PHAN

Nếu ông bạn già đừng trượt chân suýt ngã ngoài bậc thềm thì chả ai đi làm lại cả bậc thềm bằng gạch, đá cuối mùa đông, bao nhiêu lạnh miền bắc đã cuối mùa nên xưa nam tàn nhẫn, tuyết làm gãy cành hồng mới ra hoa, tróc gốc hải đường sắp tới mùa rực rỡ. Coi vậy mà tết tới khi những bông tuyết tan trên thềm nhà; không phải cái nắng hanh hao vàng, se se tí gió cho lòng chột băng khuâng như giáp tết quê xa; nắng đông nơi này loé lên vài tiếng giữa trưa, không đủ cạn ly cà phê nhớ; đôi tay buốt chưa tan đã hết nắng. Mỗi mùa xuân không về như bao lớp tuyết tan đi, tuyết lại rơi và mùa xuân vẫn về sau đông giá. Bao giờ về lại quê xưa, ăn cái tết ở trần, khê khà dựa giá chাম nước thịt kho tàu đưa cay cho chung rượu đế. Tiếng ồn sông bầu cua, lét đét đem tiếng pháo ròi của mấy tên nhật pháo đem Giao thừa, thằng bé khóc áo mới vướng bờ rào kẽm gai, con mèo no mỡ tắm nắng xuân, tiếng trống lân xưa bày trẻ nhỏ ra đình, bỏ lại căn nhà yên vắng khói hương... bỗng nhớ ông bạn không về từ lần bái biệt đã biết xác thân gọi lại quê người. Có những người đi không mong trở lại thật lòng, dù nỗi buồn trong ly rượu đỏ không đủ quên hết những gì đã qua, màu hổ phách sóng sánh trong ly cognac càng gọi sâu cổ thổ... những đồng cảm nên có món ngon rượu quý phải gọi mời cho được một tâm khảm tương đồng. - Muốn hay không cũng phải làm lại cái thềm nhà gạch vỡ, đá lở để biết lòng người không sờn, bảo vệ người đồng điệu là bảo vệ niềm vui còn lại nơi viễn xứ xa xôi. Nhưng nói gì với đá ngậy ngô, đá sần sùi tủi nhục tới vô ưu, đục vãi máu tay cũng không nhúc nhích. Gạch vỡ dễ như bánh tráng, nhưng đập nát để xúc đi thì cứ văng men gạch lên mặt mũi như những mũi kim châm. Thân trong mấy lần áo vải, giày nón, găng tay... càng luộm thuộm khó làm mà lạnh thì cứ len lỏi vào cổ áo, ống chân như cố tình tìm lên, dò xuống cõi lòng trống hoác những mùa xuân... mai chưa nở viết về xuân thế chớ/ nào được đây ý nghĩa mùa xuân/ pháo chưa đốt lân châu trước ngõ/ xuân chưa về báo hồi bài đầu... biết xuất ngoại làm nghề báo chí thì ở cha nó trong nước cho khỏi lạnh teo hờn, quần tóc với xứ quỷ tha ma bắt này.

Gã buồn bã đục từng viên đá cuội, tiếng xe thứ tư ghé lại trước nhà, gã không buồn quay lại vì biết chắc là người đi lượm rác. - Bà Mỹ đến hàng xóm dọn ra đường một đồng rác vĩ đại và nham nhở từ cuối tuần, nhìn qua chỉ thấy thùng, hộp nhựa thủng bể, bàn ghế ngoài trời đã mục vì nắng mưa, cành cây mục gãy bởi tuyết đá, mớ mớ áo không xài vương vãi ra tận giữa đường... Nhưng từ ngày kinh tế suy thoái, nhiều người đi nhặt rác hơn xưa; những người mất việc tới hết luôn tiền thất nghiệp thì làm gì? Những người đàn ông ở Texas chỉ đi xe truck (Texas man-truck only) sẽ đổ vào xe vài gallon xăng, chạy rảo khắp nẻo đường từ đầu tuần và thứ Tư là đông đảo nhất. Thứ Tư đổ rác nên nhà nhà kéo thùng rác ra sau nhà, nhưng rác commercial, rác xây dựng, sửa chữa nhà cửa, tủ bàn ghế cũ, cành cây lá rụng... phải kéo ra trước nhà cho xe rác có cần cầu tới lấy. Thế là người Mỹ đầu tiên, đến từ sáng sớm. Anh ta lục tung đồng rác, nhặt mớ chân ghế bằng sắt để bán sắt cũ. Người Mỹ đến thứ hai chỉ còn nhặt được những thùng rác, hộp nhựa bể để bán nhựa. Người da màu thứ ba, bới tung đồng cành lá mục, rồi thở dài, bỏ đi. Không chừng hôm nay anh ta lổ sỏ hụi mấy gallon xăng vì trên thùng xe anh ta chỉ vón vện một cái máy tập thể dục loại nhỏ, cũ sét. Tiếng xe thứ tư của kẻ không may làm gã không muốn nhìn gương mặt tím tái vì lạnh không

bằng thất vọng. Thời buổi đi nhặt rác cũng lỗ vốn tiền xăng. Dù sau lưng gã, phía ngoài đường vẫn có tiếng bới rác, tiếng động kết thúc bằng câu chửi thề tiếng Việt. Hắn quay mặt ra đường để bái kiến đồng hương, chưa kịp thì bề trên đã hỏi: “Anh, Việt Nam hả?”

“Dạ phải. Anh cần tôi giúp gì không?”

“Có hút thuốc không? Cho tui xin một điếu. Lạnh quá!”

“Anh chờ chút nha...”

Gã vô nhà lấy bao thuốc lá, cái quẹt, rót ly trà nóng. Rồi bưng ra cho khách.

Người đồng hương với gã rít thuốc ngon lành, hớp trà quỳnh quáng. Cuối cùng là dựa ngửa vì say. Gương mặt hốc hác, xanh gầy phần phật gió đông tàn. Anh ta lim dim như người hút thuốc phiện, thỉnh thoảng run lên vì lạnh. Không biết anh ta có đói bụng không, vì trà với thuốc lá không đủ làm người ta vật vã đến thế! Gã vào nhà lần hai, mở tủ lạnh - chỉ có chả lụa là món ăn liền được. Nhưng nghĩ tới bên ngoài băng giá, gã xé gói mì gói, rót nước trà nóng vô mì cho mau ăn, cắt vài lát chả lụa phủ mặt tô mì, bỏ microway.

Bưng trở ra cho người đồng hương không còn ở đó, anh ta đã đi. Không từ biệt, ắt có nguyên do! Gã nhìn quanh-chẳng mắt gì vì có gì để mắt ngoài cây búa, vài cái đục, cái máy cắt gạch đã cũ mềm-không đáng cho ai lấy. Lòng gã ân hận sau ánh mắt nhìn quanh, thế giới này xấu xa từ những ý nghĩ không tốt về người khác. Gã buồn bã nhìn qua công viên trước nhà, cả công viên tro cành trụi lá thê lương như lòng gã vậy; người đồng hương của gã đang bỏ lên xe truck những thứ nhà kia vừa bưng ra đường cho xe rác lấy. Gã đứng hồ thẹn, phân vân... cuối cùng bước qua công viên để phụ người đồng hương khiêng lên xe cái bếp điện người ta bỏ rác. Gã nhìn nụ cười mãn nguyện trên gương mặt hốc hác, xanh gầy mà cảm khái nghị lực phi thường của người đồng hương di dân.

“Anh qua Mỹ lâu chưa?”

“6 tháng. Còn anh?”

“Tôi thì lâu rồi, anh mới qua 6 tháng, không có việc làm hả?”

“Tui có đi làm, nhưng bị đuổi vì không biết tiếng Anh.”

“Hãng nào cà chớn vậy?”

“Tiệm phở chứ hãng Mỹ nào mà nói!”

“Tiệm nào?”

“Tiệm của chị tui.”

“Trời đất!”

“Anh đừng có nghĩ xấu chị tui à nha. Tự ông anh rể không muốn tui làm nên kiếm cớ đuổi tui. Chị tui có cho chút đỉnh để xài, nhưng lấy làm chi cho mang tiếng. Tui chưa tìm được việc làm nên đi lượm rác, mỗi thành phố đổ rác khác ngày nên tui cũng làm full-time đó anh. Tiếc là thời buổi người đi lượm rác đông hơn người đi làm nên chậm chân, ngủ trễ là bơ mỗ...”

“Anh khá lắm, tôi có nấu cho anh tô mì gói với chả lụa, sang tôi ăn đi cho ấm lòng viễn xứ.”

“Ngon à nha, tui không từ chối đâu. Nhưng anh đẩy giùm tui cái xe một cái. Lạnh quá, bình quăng không nổi.”

Chả biết hắn làm full-time kiểu gì mà không đủ tiền mua cái bình điện mới cho chiếc xe tàn, vỏ cũ còn cồng trên lưng nó toàn đồ phế liệu nặng chịch. Hắn qua nhà gã, ăn tô mì đã lạnh - khen ngon. Ăn xong, cảm ơn, chào tạm biệt, lên đường. Không quên chúc mừng năm mới phát tài, sức khỏe dồi dào... theo kiểu bình dân học vụ. Hắn lái xe đi, làn khói ống pô mù trong sương tình đồng hương viễn xứ. Chưa kịp hỏi hắn tên gì thì hắn đã quay lại, “Kệ mẹ nó, hôm nay kiếm được bao nhiêu cũng bỏ. Tui ở đây giúp anh, thấy anh đục đá bỏ mà như người ta đục tượng đá thì chừng nào mới xong! Trời lạnh thấy mẹ.”

PHAN

LÒNG MẸ

BÙI THANH MINH

Tâm đeo ba lô bước trên con đường đá gập ghềnh, không để ý đến quán nước ở ngã ba, Tâm rẽ con đường đất vào làng thì có tiếng gọi:

- Tâm ơi ! có phải Tâm đây không? Tâm quay lại .

Người đàn bà trạc bốn mươi tuổi trong quán nước bước vội ra, chị sượng lại như rụng rời, kêu:

- Đúng rồi ! chú Tâm con bà Hằng thật, các bà ơi!

Trong quán có tiếng :

- Tâm con bà Hằng báo tử rồi kia mà.

- Thì ban ngày, ban mặt, rành rành thằng Tâm đây, chứ còn ai nào. Mọi người chạy ra, đổ xô lại kéo Tâm vào trong quán, hạ ba-lô xuống, kéo ghế cho anh ngồi . Bà chủ quán rót cho anh một bát nước chè xanh. Giọng hoan hỷ:

- Thế thì mẹ cháu mừng lắm đấy. Còn ...

Tiếng “còn” đọng lại ở thanh quản khiến mọi người đang hào hứng bỗng im bật. Vài người phụ nữ kín đáo đưa mắt cho nhau. Linh tính của người lính trinh sát cho anh biết đã có điều chẳng lành. Bà chủ quán phá tan bầu không khí im lặng bằng giọng rành rẽ:

- Cháu ạ, chẳng nói thì chốc nữa về cháu cũng biết. Ở nhà báo tử cháu được một năm thì mẹ cháu gả chồng cho cái Mận, vợ cháu. Chồng nó cũng khá. Hai vợ chồng ở luôn với mẹ cháu, săn sóc, trông nom chu đáo lắm. Thật chúng nó sống có tình có nghĩa cháu ạ.

Không ai góp thêm lời, họ nhìn Tâm với con mắt ái ngại. Người ta sợ không dám khơi sâu thêm điều mà ... chỉ cần đụng sâu một chút nữa là Tâm có thể triệt tiêu hết nhiệt huyết về phép thăm mẹ và vợ. Tâm choáng váng khi nghe tin sét đánh này, anh đặt bát nước xuống bàn, cố gắng nhấn cái vị đắng chát của miếng nước chè xanh cứ lập lờ ở cổ họng, hai ngón tay run run nhón đầu điều thuốc lá đưa lên môi. Không biết vì khói thuốc đượm vào mắt hay xúc động mạnh mà nước mắt Tâm cứ chực ứa ra. Tâm chào mọi người, xin phép về. Khoác chiếc ba-lô trên lưng, mà đôi chân

Tâm cứ lảng chãng vô định. Thì ra, Tâm nghĩ : con người ta từ quả đời hạnh phúc rơi xuống vực thẳm bất hạnh chỉ qua mỗi vạch khác. Tâm không ngờ cuộc đời anh lại có thể trượt qua cái vạch khác trớ trêu, tàn nhẫn nhanh như vậy. Gia đình đã tách anh ra khỏi cái tổ ấm tình yêu rồi sao? nụ hôn cháy bỏng dài bất tận, như không bao giờ có thể dứt ra được của vợ chồng Tâm hôm chia tay giờ vẫn còn hơi ấm của làn môi...thế mà bây giờ làn môi ấy đã thuộc về người khác. Tại sao Mận không để tang mình hết ba năm, chẳng hạn? Tại sao họ không mang nhau đi chỗ khác mà ở? Thì ra, người ta sống là vậy, không may chết đi là trần thế nhanh chóng xóa hết mọi dấu vết(!). Bây giờ, về chứng kiến cảnh họ hú hí ở nhà mình, buồn mình ư ? Đời, trớ trêu đến thế là cùng. Tâm ơi !...anh tự gào thét, tự nguyên rủa đời, nguyên rủa mình, nhưng chỉ bằng tiếng thét trong lồng ngực, trong đáy họng, cho đến khi anh thấy kiệt lời thì ngồi phịch xuống vệt cỏ bên đường. Tâm gỡ ba-lô, xuống sông vã nước lên mặt cho tỉnh táo. Theo thói quen nghề nghiệp của người lính trinh sát từng trải, Tâm tĩnh tâm suy nghĩ, lần giờ đầu mỗi để xác định cho mình một quyết định chính xác trước khi về nhà. Bắt đầu từ đâu nhỉ ?...Tháng 8 năm 1978 thành lập sư đoàn của quân khu 7 sang Cẩm-Pu-Chia chiến đấu . Tháng 1 năm 1979, một trận chiến đấu ở Krchel làm mình bị thương và bị lạc. Được đơn vị bạn cứu, đưa về bệnh viện . Điều trị khỏi vết thương lại bị sốt rét. Sốt tưởng không sống được. Đến khi cắt sốt lại bị liệt đôi chân. Hết viện này đến viện khác, thoát khỏi thần chết trở về đơn vị, thì sư đoàn đã chuyển qua Quân khu 9 từ lâu. Tâm được Quân khu đưa về làm đại đội phó trinh sát của một mặt trận. Thấm thoát gần hai năm trôi qua, Tâm không còn điều kiện ghi thư về nhà. Ngoài thời gian ốm đau nằm ở bệnh viện, phải giành giật sự sống hàng giờ, hàng phút, rồi đời lính trinh sát phải sống chui lủi trong rừng, chủ yếu ở bên đất địch, thì làm sao còn gửi được cái thư về nước. Mặt khác, Tâm thấy mọi cái cũng đã ổn, bằng lòng và yên tâm với hậu phương. Lại nữa, đã lỡ cho lỡ một thể...Tâm cũng không ngờ, sau khi tìm kiếm một thời gian không thấy, đơn vị đã làm thủ tục báo tử Tâm gửi về gia đình trước khi sư đoàn rời địa bàn Quân khu 7 chuyển sang bổ sung cho chiến trường Quân khu bạn. Chắc là khi báo tử, mẹ đau khổ lắm... Bố Tâm hy sinh khi mẹ anh mới 23 tuổi . Mẹ chỉ có một mình Tâm. Tâm hiểu, anh là tất cả của đời mẹ. Mất Tâm là mẹ mất hết, đời mẹ chỉ còn là cái bóng, cái xác không hồn . Hai năm qua mẹ sống ra sao? Mẹ sống, mẹ chứng kiến người ta hạnh phúc... Ôi! mẹ hiền từ hãy tha thứ cho con, hãy tha thứ cho sự lơ đãng, bông bột tuổi trẻ của con. Hình ảnh người mẹ rất đỗi kính trọng, yêu thương, chịu đựng mất mát suốt đời cứ soáy vào trí não, khiến Tâm như quay cuồng. Nước mắt ứa ra lúc nào không biết, đến khi một giọt thấm vào miệng mằn mặn, Tâm mới chợt tỉnh, cảm nhận nổi đắng cay như ngấm vào đường gân thớ thịt. Anh đứng dậy xốc ba-lô, miệng khẽ thốt "mẹ"...và anh bước dứt khoát để trở về nhà mình.

Người quân nhân chứng trạc, da xạm nắng, khuôn mặt từng trải buông cái bay trong chậu vữa, đứng dậy nhìn Tâm, sừng đi giấy lát, rồi điềm tĩnh nói:

- Anh Tâm phải không? Anh vào nhà đi. Tâm bước vào nhà. Hình ảnh đầu tiên đập vào mắt làm Tâm choáng váng: một bàn thờ trang nghiêm với bức chân dung Tâm viên đen cỡ 18x24 đặt trang trọng ở giữa, khói hương như một làn mây trắng phủ ngát tấm hình. Chỗ này, trước đây anh treo tấm ảnh anh và Mận chụp chung ngày cưới. Mận ngả đầu vào ngực anh cười âu yếm, thì nay không còn nữa, người ta đã chuyển sang thế giới bên kia rồi. Tâm chưa bao giờ chứng kiến cảnh người ta thờ mình như thế này.Sao mà ghê gớm và bi thương...Bị bắt ngờ về tâm thế, Tâm đứng ngây như người mộng du. Tâm muốn khóc nhưng không ra lời, con tim anh như có bàn tay ai bóp nghẹt. Người quân nhân đỡ Tâm ngồi xuống ghế, lấy nước cho anh uống. Thái độ bình tĩnh, ân cần của anh ta phần nào làm Tâm thăng bằng trở lại. Tâm hỏi:

- Mẹ tôi đâu?

- Mẹ và cô Mận đi giỗ bên ngoại, tối mới về, anh Tâm ạ.

Bây giờ thì Tâm và anh ta ngồi đối diện với nhau. Họ nhìn nhau, rồi lại lảng tránh ánh mắt nhau. Họ đang phán xét nhau, rồi lại nghĩ về mình. Ở đâu đó như vang lên câu hỏi: "ai là chủ ngôi nhà này?".Im lặng một lúc, người quân nhân cất lời:

- Tôi là Đức... chắc anh Tâm đã biết... Tâm hơi gật đầu, mím môi như sợ phải bật ra lời không đúng lúc. Đức rủ rỉ kể: - Quê gốc tôi ở Nam Hà... cha tôi ngày trước cũng là bộ đội. Khi rời quân

ngũ ông đưa mẹ tôi lên định cư ở Điện Biên từ những năm 60. Bây giờ ông bà đều mất cả rồi. Tôi có vợ và một cháu gái nhỏ. Họ đều bị giết chết trong cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc vừa qua. Bà cụ nhà, tôi, cô Mận đều là những người mất mát, đơn côi nên nương tựa vào nhau để có gia đình. Tâm hỏi:

- Anh vẫn còn trong quân ngũ ?

- Đơn vị đang chiến đấu ở Cao Bằng. Nhận được điện cụ ốm, tôi xin nghỉ tranh thủ. Nay cụ khỏe rồi, anh Tâm ạ.

Tâm muốn nói điều gì, nhưng không biết chọn lời nào cho phải. Đã vài lần anh định cất lời nhưng rồi lại lặng thinh ở tư thế chủ không ra chủ, khách không ra khách. Nhà mình đây, mà sao Tâm như vừa quen, vừa lạ. Bộ bàn ghế mình mua hồi cưới Mận mà sao như ai mới đặt vào. Anh bước lại nơi treo chiếc bằng tổ quốc ghi công. Đôi môi của Tâm mấp máy:

“ Liệt sĩ Nguyễn Văn Tâm. Quê quán... Đã anh dũng hy sinh ở mặt trận phía tây nam của tổ quốc”.

Tâm bỗng nhận ra, tấm bằng- cái vạch khắc để phân định giữa dương gian và âm phủ. Nó là dấu ấn chiến tranh còn lại ở mỗi gia đình; tờ thông điệp báo cho mọi người biết đây là ngôi nhà mất nhiều máu và nước mắt trong cuộc chiến tranh vệ quốc vừa qua của dân tộc. Tâm ngậm ngùi, rớm nước mắt, tủi phận nhìn bát nhang với ba nén hương nhả những sợi khói ngoằn ngoèo. Thế là họ đã tách anh khỏi dương gian, khỏi cái tổ ấm rất đỗi thân thương máu thịt này rồi.

- Chuyện đâu ta tính sau anh Tâm ạ- Đức nói - bây giờ anh nghỉ ngơi đi, tôi làm cơm đây. Ta sẽ liên hoan mừng anh sống sót trở về.

Đến tối bà Hằng và Mận vẫn chưa về, nên bữa cơm liên hoan chỉ có hai người đàn ông. Đức thắp chiếc đèn toạ đăng, rồi tiện tay dọn luôn bàn thờ Tâm . Tâm bảo:

- Cứ để đó, anh Đức ạ, mai hẵng hay. Nhỡ tôi không phải Tâm thật thì sao. Đức làm xong công việc, trở lại nâng chén cùng Tâm. Chừng nửa tiếng sau, hai người đã ngất ngưỡng say. Tâm ôm vai Đức giọng đã lè nhè. Họ kể cho nhau nghe những trận chiến đấu họ đã tham gia ở hai mặt trận; những kỷ niệm không thể nào quên trong những ngày hành quân đánh giặc. Không biết vì ngấm men, hay ngấm tình người mà xem ra hai người tâm đắc lắm. Trong căn nhà, khi thì bùng lên tiếng cười vô tư, khi thì im bất lặng ngắt. Họ chột cười, chột lặng. Khoảng tám giờ tối bà Hằng và Mận về. Vừa bước vào sân, bà Hằng chột như có luồng điện chạy qua tim, đôi chân bà như tê đi, hai cánh tay đưa ra phía trước rồi như cứng lại, mười ngón tay khẳng khiu run lẩy bẩy, khuôn mặt đờ đẫn. Bà chỉ kịp thốt lên một tiếng “con!”, rồi đổ vào vòng tay Mận, nhưng đôi tay vẫn đưa ra phía trước như muốn nắm lấy báu vật bị mất từ lâu, nay thoáng nhìn thấy được. Sự chấn động mạnh thần kinh gây căng cứng của các cơ đã làm bà kiệt sức, khuỵu xuống sau những cố gắng đột ngột. Còn Mận, cô muốn chạy vào buồng vui đùa xuống gối để khóc, để rửa mình, để trốn chạy, nhưng vì còn bà Hằng nên cô phải kìm nén, cố sức dìu mẹ vào nhà. Tâm và Đức, mặc dù đã được chuẩn bị tâm thế từ trước, nhưng sự xuất hiện đột ngột của bà Hằng và Mận, lại ở tư thế dìu nín nhau, nên hai chén rượu trên tay hai người đang cộng bỗng tuột, rơi xuống mâm vỡ đánh “choang”. Đức và Tâm cũng nhảy xuống đất, lao đến đỡ lấy bà Hằng. Hai bàn tay khô nứt của bà Hằng ôm ghì lấy hai mái đầu của hai người lính như sợ kẻ khác giằng cướp mất. Chỉ chờ có thế, Mận buông mẹ lặn vào buồng. Cô vui đùa xuống để nước mắt chan xuống chiếu. Khuôn mặt thanh tú của cô cứ vật vờ như ăn vạ với chiếc gối mềm. Cô khóc vì vui, hay khóc vì buồn? cô cũng không biết nữa. Cô được hay mất? nào cô có hay. Cô nhớ lại, cô và Tâm yêu nhau từ ngày còn đi học. Tình yêu của họ gắn liền với trang sách học trò. Hết cấp ba, Tâm đi bộ đội, Mận ở lại làm “ cô gái đảm hậu phương”. Hai năm sau họ làm lễ cưới. Đám cưới hầu như có mặt đủ cả lớp. Mười lăm ngày họ quần quện bên nhau như vừa tìm thấy nhau sau một trăm năm bị mất; họ tan vào nhau làm một. Ở họ chưa bao giờ có khái niệm “mất” hoặc “chia cắt”. Đùng một cái, tin Tâm hy sinh làm cô sững sờ, không thể tin đó là sự thật. Cô suy sụp tinh thần đến ghê gớm. May thay, trời ban cho cô một điểm tựa vững chắc và tin cậy đó là bà Hằng. Bà chăm chút cô, cuốn cô vào công tác xã hội. Sau một chuyến đi thăm và tặng quà các chiến sỹ ở biên giới cùng bà Hằng, Mận đã tìm được cái mảnh vỡ bên kia-đó là Đức. Cảm nhận cảnh goá bụa đời mình, bà Hằng vun vén, đôn đốc và đứng ra tổ chức đám cưới cho họ . Gần một năm trôi qua, tưởng rằng an phận với sự hàn gắn này, nào ngờ có ngày hôm nay. Tâm còn sống trở về... Khi bà Hằng đã nắm giữ được hai mái đầu của hai người lính trong khuôn ngực gầy tóp của mình thì bỗng dưng tỉnh hẳn. Cuộc đời đau khổ đã hơn một lần trải qua những cú sốc tương tự, thành ra bà cũng không phải không có

kinh nghiệm làm chủ tâm lý, ít ra cũng không để kéo dài trạng thái. Bà tĩnh tâm ngay lại. Với tác phong còn nhanh nhẹn của tuổi hơn 50, bà tuyên bố:

- Ta vào mâm liên hoan mừng thằng Tâm trở về, mừng cả nhà xum họp. Nào, các con. Mận ơi, con ơi. Mận lau nước mắt, thừa mẹ, rồi lặng lẽ sắp lại mâm cơm. Bữa cơm cũng kết thúc chóng vánh, ấm trà được bày ra. Đức tỉnh táo vào đề ngay:

- Mẹ và vợ chồng em rất vui mừng khi anh Tâm còn sống trở về... Nhưng đứng trước thực trạng mối quan hệ gia đình, cả nhà ta cần phải giải quyết cho hợp tình, hợp lý. Đôi môi Tâm chọt mím lại trong chén nước đang nghiêng ở miệng. Từ "vợ chồng em" phát ra nơi miệng Đức như một lưỡi lam tách bóc Tâm ra khỏi tổ ấm vốn dĩ của mình; bút mắt Mận của anh. Làn khói của chén trà nóng xông vào mũi, nước mắt Tâm như muốn trào ra, cảm giác tủi tủi văng vất trong đầu. Nhưng liền đó cái bản lĩnh đàn ông trỗi dậy, kết hợp với tâm thế người lính chiến, tạo cho Tâm hành động vừa quyết đoán, vừa cao thượng. Tâm tợp gọn ngụm trà, đặt chén dứt khoát xuống bàn nói:

- Không việc gì phải "giải quyết" anh Đức ạ. Theo tôi, chúng ta không nên thay đổi hiện trạng.

- Nhưng mà- Đức ngẩng lên phản ứng- một hiện trạng không hợp lý.

- Tâm nhìn thẳng vào mắt Đức triết lý:

- Chiến tranh đã tạo ra nhiều điều vô lý và ngược lại.

- Như vậy ... chúng ta phải chấp nhận cái hợp lý do chiến tranh tạo ra từ cái vô lý ?

- Có những cái cũng cần như vậy nó tốt hơn, anh Đức ạ.

Mặc dù cuộc đời bà Hằng đã từng trải qua những tấn kịch bi phần nhưng chưa bao giờ chứng kiến tình huống phức tạp này. Nó vừa bi, vừa hùng, vừa hài, vừa phần; nó vượt quá nhận thức của bà làm bà khó xử. Bà không nở bút đôi trẻ vốn là nạn nhân của chiến tranh, họ thương đau, mắt mắt tìm đến nhau, hàn gắn cho nhau đang an phận để bù đắp lại mất mát cho con để mình. Nhưng bà cũng không thể can ngăn con mình khi nó từ chối trở lại với Mận. Trước mắt bà, dưới ánh đèn dầu bây giờ là hai người đàn ông- hai người lính nhường vợ cho nhau. Nhưng dầu gì, chúng nó cũng không có quyền xúc phạm lòng tự nguyện của Mận. Nó là con dâu bà, nó cũng là con gái bà và về phương diện nào đấy, nó chính là bà. Điều này đã được khẳng định qua mấy năm trời Mận chia cay, sẻ ngọt với bà. Hai người đàn ông thoả thuận không xong, cuối cùng họ thống nhất để hỏi ý kiến Mận. Đến đây, bà Hằng nhả bã trà lên tiếng:

- Các con ạ. Các con đều là những chàng trai xứng đáng được hưởng hạnh phúc. Không ai có thể tước mất cái quyền ấy của các con. Nhưng ở đây, trong trường hợp này mẹ chỉ xin góp ý với các con là không nên hỏi ý kiến cái Mận. Là đàn bà, mẹ hiểu lòng Mận hơn các con. Hỏi nó, các con sẽ không nhận được câu trả lời mà các con mong muốn đâu. Theo mẹ... trước mắt ta cứ giữ nguyên thế này, rồi ra... Đức như đĩa phải vôi: - Không được đâu mẹ ơi. Sống với Mận con biết tình nghĩa của anh Tâm với Mận sâu nặng nh thế nào. Câu chuyện phải chấm dứt ở đây vì bà con trong xóm sang chơi thăm Tâm. Họ vui vẻ chúc tụng, khen Tâm béo khỏe, chỉ có điều tóc hơi dài, môi hơi thâm nên nhìn có già đi một ít. Họ hỏi Tâm làm sao lại "chết"? Vậy mà, hai năm qua rằm, mồng một nào tao cũng thấp hương khấn mày phù hộ cho tao tai quan nạn khỏi, ăn nên làm ra... té ra mày cũng chết dở, sống dở với đời lính trinh sát của mày". Không ai nở chạm đến cái điều phức tạp đang bày ra. Ai cũng thấy vắng Mận, nhưng không ai dám hỏi rằng cô ấy đi đâu? Họ chuyển sang chuyện đồng áng, chuyện bọn trấn lột ở đâu đó.v.v... rồi cáo lui về đi ngủ. Đêm ấy, Đức ý tứ nằm lại giường ngoài với Tâm. Bà Hằng vào buồng nằm với Mận. Suốt đêm, cả nhà không ai trở mình hoặc dậy. Nhưng sự thật thì cả đêm không ai chợp mắt. Mận dậy trước nấu nướng chuẩn bị bữa sáng. Tiếp đó là bà Hằng dậy cho lợn, gà ăn. Đức và Tâm vẫn ngủ, họ ngáy đều, nhưng tai vẫn lắng nghe từng tiếng động trong nhà. Mọi ngày, giờ này Đức đã dậy tập thể dục, làm lụng một số việc buổi sáng theo thói quen của mình. Nhưng hôm nay anh ngại, vì như vậy vô tình đẩy Tâm thành vị khách và khẳng định vai chủ của mình, hơn nữa Mận cũng đã dậy rồi, Đức cũng dậy nữa thì Tâm sẽ nghĩ sao? Vì vậy anh cố nằm giả vờ ngủ chờ cho Tâm dậy trước. Còn Tâm, mặc dù đi đường xa rất mệt, nhưng cả đêm anh có ngủ chút nào đâu. Hoàn cảnh đặc biệt đẩy anh đến trạng thái thần kinh mất thăng bằng, gây căng cứng trí não. Dù vậy, Tâm cũng cố nằm đóng vai vị khách. Nỗi khát khao vợ chồng gần nhau, được áp vào khuôn mặt xinh đẹp của vợ giờ đã nhường lại cho ý tưởng vô định trong Tâm. Anh không thể dậy sớm khi Mận đã dậy mà Đức còn nằm đây. Anh cố gắng không làm một cử động nào, khiến cuộc sống của Đức và

Mận bị xáo động... Những công việc sáng sớm của ngời phụ nữ trong gia đình đã xong, Mận mang ghế ra thêm ngời chải tóc. Mớ tóc dài, đen mượt xòa phủ kín khuôn mặt đang lúng túng của cô. Bà Hằng bước lại gần Mận, hai tay chống đầu gối khó nhọc ngời xuống:

- Này, con... - bà Hằng cất tiếng.

Hai ngón tay Mận rẽ đôi mớ tóc, khuôn mặt trắng trẻo lộ ra, cô khẽ " Dạ". Bà Hằng ngập ngừng:

- Con tính sao... Mận?

Mận cầm lược đưa lên đầu chải xòa đường ngời danh giới giữa hai mớ tóc. Khi khuôn mặt cô đã được giấu kín sau bức màn bằng tóc thì ở đây cũng phát ra âm thanh yếu ớt:

- Con... cũng không biết nữa...

Cả hai mẹ con im lặng, lát sau bà Hằng chống gối mệt mỏi đứng dậy nhìn vào nhà. Chúng nó vẫn chưa dậy. Mận ngời chải tóc để che đi cái ngổn ngang của lòng dạ. Cô không dám nghĩ sẽ trở lại với Tâm hay vẫn ở vậy với Đức. Nghĩ cách nào cô cũng cảm thấy xấu hổ, không phải với phận mình và có lỗi. Nhiều khi nhát lược đang chải bỗng ngưng lại giữa mái đầu. Và rồi cái buổi sáng khó xử ấy cũng chấm dứt bằng tiếng kêu của chiếc ống bơ đong gạo mà bà Hằng để rớt. Thời cơ để Đức và Tâm bật dậy giải tỏa sự kìm nén. Cơm sáng xong, Tâm xin phép gia đình đi chơi thăm bà con xóm giềng, nhưng mặt khác là anh cố gắng không xâm phạm đến cuộc sống tự do của Đức và Mận. Tâm nghĩ, anh sẽ không để một phút nào chỉ có anh và Mận bên nhau. Chỉ có làm như vậy thì Đức và Mận mới an phận được. Tâm còn đang chuẩn bị, thì Đức đã đi ra ngõ. Đức nghĩ anh không thể ở nhà cùng Mận khi Tâm không có mặt. Làm như vậy là nhẫn tâm, là xúc phạm đến hạnh phúc của Tâm. Nhà của Tâm, vợ của Tâm, Tâm xứng đáng được hưởng hạnh phúc với người vợ xinh đẹp, nết na. Đức cảm thấy mình không còn lý do gì để nấn ná lại ngời nhà này nữa. Nhưng chẳng lẽ, Đức lại ra đi về đơn vị ngay. Tâm có đi đâu thì trưa cũng phải về. Nào ngờ chẳng vạng tối, Đức về đến đầu ngõ thì cũng gặp Tâm về đến đó.

Tân bi kịch diễn ra trong mái ấm nhỏ nhoi này được một tuần thì Đức hết phép phải trở lại đơn vị. Bất ngờ trước thực trạng, Tâm phản ứng bằng cách níu giữ Đức ở nhà thêm một vài ngày nữa, nhưng Đức một mực nhất quyết ra đi với lý do là đã hết phép mà đơn vị đang làm nhiệm vụ chiến đấu.

Đức ra đi buổi sáng thì buổi tối Tâm bắt được thư Đức để lại đầu giường. Đọc xong thư, Tâm lẳng lẳng sắp ba lô rồi xin phép mẹ sáng mai cho anh lên đường tìm đơn vị Đức có việc gấp. Tiễn Tâm đi rồi, Mận lui vào phòng ép vàng trắng xuống gối để vắt nước mắt. Bà Hằng lặng lẽ đến bên Mận nói:

- Cứ để chúng đi, rồi chúng lại về con ạ.

Nhưng rồi, họ đi mãi chưa thấy họ về. Ngời nhà còn lại hai bóng người đàn bà đơn chiếc như nó vốn có. Một năm trôi qua, hai người đàn bà đã như lửa đốt thành than. Họ né tránh không dám đụng vào lòng nhau. Họ hiểu, chỉ cần một sơ xuất là có thể họ tan ra, òa vào nhau rồi biến thành nước mắt hết. Mận âm thầm duy trì một ngọn lửa chờ một người, chỉ một người thôi. Nhưng cô không nỡ nói ra sợ phạm tội với người khác. Đã bao lần cô định cầm bút để có cánh thư bay đi trao gửi mong nhớ của lòng, nhưng cô sợ có lỗi với một người. Và lại, Tâm không để lại địa chỉ. Rồi một hôm không thể kìm được nữa, Mận đến bên giường bà Hằng khẽ khàng run run nói:

- Mẹ ơi, không ai trở về...

Chỉ chờ có thế, sự kiên nhẫn của bà Hằng được có bỏ cuộc. Bà ôm choàng lấy Mận. Hai người đàn bà tan vào nhau, tắm nước mắt cho nhau.

- Con hãy viết thư cho chúng nó- Bà Hằng nói sau khi buông Mận.

- Nhưng... (cô định nói chỉ có địa chỉ của Đức thôi).

- Đứa nào cũng được... chỉ cần có tin của chúng nó.

Tất cả mọi cố gắng của mẹ con bà Hằng đều vô ích.

Hơn một năm sau khi Tâm và Đức ra đi, gia đình bà Hằng nhận được tin Đức hy sinh ở mặt trận phía Bắc của Tổ quốc. Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân tổ chức lễ truy điệu Đức ngay tại gia đình bà Hằng. Bà Hằng đón nhận cái lễ báo tử đến bàng hoàng. Quấn vòng khăn trắng lên đầu mình và đầu con dâu, bà đau đớn nghĩ: "có ở đâu trên thế gian này... người phụ nữ chưa kịp làm mẹ thì đã phải hai lần đội tang chồng?" Nghĩ đến Đức, bà thương nó quá. Nó mất hết trong cuộc chiến tranh. Tìm được Mận chúng nó gá lấp vào nhau, nương tựa với bà để có một gia đình, một tổ ấm, một quê hương mà tiếp tục chiến đấu. Thôi, cũng may nó còn địa chỉ này để báo tử. Bà bỗng nghẹn lại, một âm thanh vang lên trong tim. Bà nguyện ghi nhận hình ảnh Đức vào bia lòng- nó sẽ là con đẻ của bà mãi mãi. Trời còn cho bà khỏe mạnh, bà sẽ đưa hài cốt của Đức về đây để nó nằm trong vòng tay ấm của gia đình.

Lễ báo tử Đức được một tuần, một buổi sáng có anh bộ đội đi xe đạp đèo chiếc ba - lô hỏi thăm vào nhà bà Hằng. Trẻ con kháo nhau, anh Tâm về rồi, giờ thì chị Mận yên tâm nhá. Lại có người nói, khéo thằng Đức lù lù về cũng nên, chiến tranh nó buồn cười vậy đấy. Nhưng anh bộ đội đó không phải là Đức, cũng không phải là Tâm. Bà Hằng ngừng nhai trầu. Còn Mận hỏi hộp đưa mắt nhanh sang bà Hằng, rồi nhìn anh bộ đội chờ đợi. Anh lính chào và gọi đúng tên hai mẹ con bà Hằng. Anh gỡ chiếc ba- lô trên xe bước vào nhà. Nhìn thấy chiếc bàn thờ nhỏ, khói hương nghi ngút, một tấm bằng Tổ quốc Ghi công đặt sâu bên trong, người lính hốt hoảng hỏi:

- Thế ra họ báo tử rồi, hả mẹ?

- Báo tử một tuần nay rồi, anh ạ- bà Hằng buồn rầu trả lời.

Người lính giải bày:

- Con cùng đơn vị, lại cùng tỉnh với anh ấy, nên các thủ trưởng cho con được phép mang di vật của anh ấy về trao tận tay mẹ.

Bà Hằng buồn rầu nói mà mắt vẫn nhìn ra nơi vô định:

- Con hãy kể cho mẹ và em nó đây nghe... lúc hy sinh nó có dặn gì không?

Người lính uống ngụm trà nóng rồi buồn rầu nói:

- Anh ấy hy sinh trong một trận chiến đấu truy quét bọn tàn quân Pôn Pốt ở mặt trận Bát-Đom - Boong...

Bà Hằng ngắt lời:

- Hà! con bảo sao? Đứa nào ở Bát- Đom-Boong?

- Ấy là con nói, anh Tâm ấy. Anh Tâm hy sinh ở Bát- Đom-Boong ngày...

- Trời! - Bà Hằng hét lên như tiếng kêu của quả chuông bị đứt dây, rớt xuống. Cùng với tiếng thét động trời, bà vụt đứng dậy, hai tay bà đưa ra phía trước như níu bắt báu vật của mình vừa bị kẻ cắp lấy đi. Dáng gầy đét nghiêng nghiêng của bà như cái dấu chấm than buông giữa trời... Mận chạy lại đỡ lấy mẹ, như bị truyền cảm xúc nên cô cũng quy ngay xuống. Người lính hốt hoảng đứng bật dậy, lao đến đỡ lấy hai người phụ nữ. Một chùm tia sáng mặt trời lọt qua cả sổ rơi thẳng vào họ chói lòa. Trời hỡi! Ba cơ thể con người bằng xương, bằng thịt kết vào nhau, nâng đỡ cho nhau bây giờ tạo hình như một khối tượng vàng- khối tượng mà chiến tranh đã tạc vào giữa đời của một thời sao mà bị hùng đến như vậy.

BÙI THANH MINH



CHIỀU 30 TẾT Ở ĐÌNH BẢNG XƯA

NGUYỄN KHÔI

Vào thời điểm trước năm 1945...

Cụ Tú Xương xưa đã từng viết: "đêm 30 công nợ rồi Canh tân..." Thật vậy! Nếu ở làng quê thuần Việt thì ngày này cũng yên ả thôi; Còn ở Làng buôn như Đình Bảng (Phủ Từ Sơn) thì là rồi rít tít mù, cái ngày thiêng liêng...sướng vui đỉnh điểm hoặc buồn tủi thất vọng cực độ cũng "kết" lại ở ngày này với một con người, một gia đình ở làng. Đó là ngày "tập kết" của các nhà giàu sang, quyền thế (của trôi vào nhà) để khoe tài, khoe sướng...Còn cánh nhà nghèo (ở đâu mà chả có người nghèo, dù rằng tỷ lệ này ở Đình Bảng không cao so các nơi) thì:

Đêm 30, tết lại 30...

Bánh Chung không gạo, vợ trông chồng

Tranh pháo không tiền, con cầu bố...

Đó là chiều và tối của những con "nặc nô", những thằng "Chí Phèo" đi đòi nợ thuê tha hồ mà dọa dẫm, gào thét ầm ầm ngõ xóm. Chiều 30 tết cũng là dịp các chàng rể sang "gửi tết" bố mẹ vợ. Đó là con gà sống thien "mào thâm như cục tiết", hai cặp bánh Xu Xê, một chai rượu tằm, ít tiền mặt (tùy khả năng)...đồng thời cũng không quên "bánh pháo chuột", bức tranh Đông Hồ (sang là tranh Tàu), con lợn đất để dựng tiền mừng tuổi cho Thằng Cò em vợ.

Chiều 30 tết, nhà nhà ở Đình Bảng cứ như ngày hội.

Ông chủ nhà đang loay hoay đặt bày mấy chậu hoa cây cảnh hoặc đang thả bút làm bài Đường thi "tổng cựu" tổng vịnh một năm đã qua...Bà chủ nhà thì còn đang đi thanh toán công nợ chỗ nợ chỗ kia hoặc đang lên Chợ Giầu (Phù Lưu) bán bán mua mua nốt những món hàng cuối năm.

Bữa chiều 30 là làm cỗ thịt Vịt để cúng tất niên. Nó có ý nghĩa (như ăn thịt chó cuối tháng) nhằm tẩy xóa đi tất cả những gì xui xẻo, không may trong năm qua-coi như xóa đi những vận hạn một năm (niên hạn) của cái kiếp người! đồng thời là mừng Ông Táo từ Trời về cùng đón một năm mới an khang thịnh vượng.

Chiều 30 tết xưa, với tôi...sướng nhất là cùng Thầy tôi dọn dẹp nhà cửa, trồng một cây Nêu cao ở trước sân nhà để trừ ma quỷ không được về quấy nhiễu; được cùng em bé gái ra vườn nhẩn nha nhặt hoa bưởi rụng về ngâm làm nước hoa để bôi lên đầu nhau cho thơm; được chạy lăng xăng bắm váy mẹ những nhẽo xin tiền đi đánh đáo. Đêm 30, trời tối đen như mực. Nhà nhà kín cổng cao tường. Ngoài ngõ vẫn tiếng chân người đi rình rịch gấp gáp. Tiếng chó sủa. Tiếng lợn kêu. Trong màn đêm, phải chăng là các cuộc lung sục, rượt đuổi của các tay Tuần đinh cùng các tên Đạo Chích tài ba chưa biết mèo nào cắn mèo nào? Và đêm 30, cả nhà sum họp quây quần quanh nồi bánh chưng, được đun bằng củi gốc tre già phơi nỏ...bén lửa thật đượm, "xình xịch, xình xịch" từ từ như chuyến tàu hỏa chở mọi người đi đón giao thừa giữa thời khắc chuyển giao của đất trời mịt mù bao la kỳ lạ. Ôi, mấy chục năm trời mà trôi qua như mộng. Bây giờ đến lượt các con tôi cùng các cháu lại diễn lại cái vòng sinh trưởng "tân trần đại tạ": ngày 30 tết thiêng liêng trong hồn người Việt Nam ta-lũ con cháu Lạc Hồng đời đời sung mãn.

NGUYỄN KHÔI

tân mạn

NGÀY XUÂN TÂN MẠN LAN RỪNG

HỒNG VINH

Mỗi năm khi đến độ xuân về, hoa khắp nơi đua nở, không nhà nào là không có hoa. Hoa mai, hoa cúc, hồng, hướng dương tượng trưng cho ba ngày Tết. Còn có hoa sen cúng Phật và nhiều loại hoa để cúng ông bà, ngày nay rất dồi dào phong phú, nhưng tất cả đều mong manh, trọn một kiếp hoa xôn xao quá lắm cũng vồn vện năm bảy hôm là tàn héo.

Duy nhất là loài hoa lan, không là nữ hoàng giữa rừng hoa xuân rực rỡ phô trương trên khắp đường phố ngõ nhà, mà thầm lặng hương sắc trong khung cảnh khiêm tốn tĩnh yên, không phồn hoa nhộn nhịp nhưng không chịu sự khe khắt mau tàn chóng úa. Thường thức hoa lan từ khi chớm nở đến lúc tàn cũng đến ba tháng, xong lại tiếp tục nở hoa khác. Có đủ thời gian để hòa quyện hồn hoa với hồn người. Tận hiến, không thiếu hụt, không chán chê. Không mau rũ rượi như hồng, không thời khắc như quỳnh. Không rực rỡ mời gọi như dã quỳ nhưng vẫn là thân bờ bãi.

Hàng trăm loài và hàng nghìn giống lan đa sắc đa dạng đầy vẻ kiêu sa lãng mạn thu hút khách yêu hoa. Cánh hoa lan không lớp đơn giản cùng màu cùng sắc như cúc, như mai, thực được mà biến ảo không hoa nào giống hoa nào. Có những bông hoa cỡ đại nở chỉ một nụ, cánh hoa lớn gần bằng bàn tay, cứng cáp nhưng không thô thiển, bởi nhiều màu sắc đặc biệt tươi thắm, hoàng nhai, tím mơ, tím thắm, vàng hồng, đỏ tươi, rang lên những đường kẻ trắng nhỏ như nét bút. Nổi bật trên mình hoa là những đốm nhụy nhiều cách kiểu như nét pinceau đầy tài hoa của người họa sĩ. Khi chỉ một màu đơn thuần, khi thì điểm xuyết hoa văn muôn hình sắc thành những gam màu nhu hòa gợi cảm. Nhụy và hoa kết hợp thành những đóa mỹ miều chấm phá lung linh theo màu ánh nắng, sắc nước hương trời. Có loài lan nở một cành năm ba nụ, có hoa nở cả chùm

dài, hoặc cả bồn lớn, mỗi hoa mỗi sắc độc đáo, hương tỏa ngậy ngát không loài hoa nào có được, mới biết thế nào là nghệ thuật siêu việt của bàn tay tạo hóa, mỹ tâm ban tặng cho loài người.

Đặc biệt có những cánh hoa thon dài trắng muốt như đôi chân mềm mại duỗi xòe không nhịp điệu, kê trên là cánh tay thon thả mượt mà múa lượn như đôi cánh thiên thần, giữa là đài hoa trái dài gam màu tuyệt bích trên nền trắng tuyết nhưng nghiêng nghiêng mở xuống như thắm hoa quý phái dành cho vũ điệu tuyệt luân. Không thẹn với danh xưng Hoàng Hậu, Vũ Nữ, Giáng Hương, và mê hoặc hồn người với tên gọi Tiên Bạch Hải Hồng, Vũ Nữ Hồ Ly, hoặc tính cách văn nhân thiên đạo như lan Kim Cang, Trúc lam, Hồng Nhạn.

Nhiều hình dạng kỳ lạ như hoa *Calanthe Triplicata*, trắng như cánh hạc, một chiếc cổ dài nối với cái đầu thon thon, mỗi hoa màu hồng thắm hoặc đỏ thắm như chiếc mỏ hạc đang cúi xuống mổ nhẹ trên đài hoa trắng muốt trông như tranh vẽ. Nên đặt tên cho loại này là Hạc Thưởng Hoa. Hoặc như *Scuticaria Hadwenii* hình dáng như một chú hề con nhồi bông, đôi chiếc mũ cao thật nhọn, ngồi dạng thẳng hai chân, giữa lòng là một món đồ chơi trẻ con ngộ nghĩnh. Đó mới chỉ là một trong hơn ba vạn nụ bông kiểu dáng thiên hình vạn trạng, không thể nào kể xiết.

Tùy theo duyên hội ngộ mà lan có rất nhiều tên gọi. Dân dã như lan Đuôi Chồn, Bầu Rượu, Móng Rùa. Văn chương hoa mỹ như Bạch Ngọc, Vân Đài, Nhất Điểm Hồng, những tên Việt gần gũi mà cao sang, dù có pha phách Hán tự vẫn làm phong phú thêm cho tên tuổi loại hoa này, như Á Lan Xích Thổ, Mỹ Dung Dạ Hương... Tuy vậy, dù lan mọc ven sườn đồi hay trong rừng sâu vực thẳm trên đất nước Việt Nam, lan vẫn vinh dự được mang sứ mạng khoa học, nên tên lan đã được quốc tế hóa.

Ở Việt Nam có khoảng 150 loài (Genus) và 1000 giống (Species), trên thế giới có khoảng 700 loài lan tự nhiên và 3000 lai tạo, đủ mọi kích cỡ. Hoa lớn nhất đường kính đến 1 mét, hoa nhỏ nhất bằng hạt gạo. Hoa lai tạo có độ bền và nhiều sắc màu kỳ ảo nên rất được ưu chuộng. Nhiều người sành chơi lan rất thích hoa lai tạo vì sắc hương đến mức tuyệt mỹ mà lan thiên nhiên không bao giờ đạt đến, trị giá rất cao, có cây tới ba bốn triệu.

Nước ta không có vườn lan quốc gia như các nước, không nhiều điều kiện để lai tạo nhân giống nên phải nhập từ nước ngoài về ươm trồng với số nhiều để kịp với nhu cầu ngày càng nhiều của người thưởng ngoạn. Bấy chuyển bay một tuần nhưng không đáp ứng kịp. Họ sản xuất hàng triệu cây con nhờ sinh sản vô tính, một kiểu kinh doanh siêu lợi nhuận.

Ở Đà Lạt hiện cũng có nuôi trồng lan lai tạo nhưng qui mô nhỏ, cũng thu nhiều lợi nhuận, chỉ cần hai ha trồng trong một năm đã thu lời 5 tỉ đồng. Sài Gòn hiện có công ty sinh học nuôi lai đang tiến triển, bình quân mỗi tháng cho ra đời 100.000 cây con. Nhiều người Việt ở hải ngoại giàu to nhờ phát triển nuôi lan và đã có Hội Hoa lan do ông Bùi Xuân Đáng thành lập tại Hoa Kỳ từ mấy năm qua.

Lan thích hợp khí hậu nhiệt đới nên phát triển nhiều ở nước ta, nhất là ở nam và trung Trung bộ. Trong thời kỳ chiến tranh, lửa đạn khắp nơi khiến lan gần như tuyệt chủng. Sau chiến tranh, loài hoa này dần hồi sinh. Việt Nam là nơi cung cấp Lan Hải nên là sở trường của người đi rừng, truy tầm tận miền đồi núi cheo leo nên số lượng Hải hoa đã giảm một cách nghiêm trọng do bị khai thác quá mức, bán ra nước ngoài với giá rất cao, rồi lại xuất hiện nhiều ở Đài Loan, Nhật, Châu Âu, Mỹ. Đây là một nghịch lý đáng suy ngẫm. Hiện nay, ta lại có khuynh hướng nhập lan Thái và một số nước khác, màu sắc kiểu cạnh đơn giản hơn, cánh hoa mảnh khảnh, nhưng cũng rất ấn tượng, dễ cảm tình.

Khoảng từ năm 1990, Lan Hải (*Vanda*) lại được tìm thấy ở những vùng có địa thế ít bị ảnh hưởng thiên tai như một số đảo và rừng tỉnh Khánh Hòa, huyện Ninh Sơn tỉnh Ninh Thuận, Hòn Nhạn tỉnh Phú Yên, Krông Bông tỉnh Daklak, nhưng vẫn hiếm thấy trong nội thị.

Một vài giống như: Hải Tiên (*Paphiopedilum vilosum*). Hầu như loài hoa này thường ghép từng đôi cánh trên một nụ, chập chờn trong gió như từng đàn bướm bay, được xếp vào họ *Paphiopedilum* - Hải Vân (*Paph Callosum*) – Hải Cánh Sen (*Paph Appletonianum*), chiếc Hải thon thon ở dưới điểm nhiều hoa văn kiểu dáng đẹp như những chiếc hải vua chúa ngày xưa.

Đặc biệt là Hải Hồng (*Paph Delenatii*), cánh hoa tròn, thon dài hoặc trái tim, trắng muốt nhưng, nhiều loại có điểm hạt như kim cương, đài ở dưới có nhiều hình thể khác nhau như hình chiếc bầu đựng nước, bầu rượu, hình các loại mực biền túi hé mở, húng lấy tinh khiết từ lòng nhụy tràn ra, thắm tươi như vết son trên môi mỹ nhân quyền quý. Nhất là màu nhụy vàng hồng,

xanh lục trên nền hài trắng tuyết như được chiết ra từ bảy sắc cầu vồng. Vì vẻ đặc biệt kiều sa như hút lấy hồn người nên đã lọt vào mắt xanh của một sĩ quan người Pháp tên là Delenut, phát hiện ở Nha Trang năm 1922 và mang về mẫu quốc nuôi dưỡng, lai tạo nhân giống, xong lại bán ra khắp thị trường thế giới, hoa mang họ Delenatii, từ tên của vị sĩ quan người Pháp này.

Màu của trời và hoa của thiên nhiên, Lan Hải là tặng vật đầy ưu đãi của đất trời chỉ có phần nhiều ở Việt Nam. Lạc vào hoa lan với muôn vẻ yêu kiều khiến lòng xao xuyến, không còn muốn nhớ đến hiện hữu của thời gian. Hơi lạnh và sương đêm những tháng thu đông sẽ dâng nhựa lên cành, chờ đến xuân là muôn hoa cùng đua nở. Hoa càng nhiều càng lung linh diệu ảo, không trùng lặp đơn điệu như nhiều loài hoa khác. Lộng lẫy nhưng không phô trương. Quý phái nhưng không kiêu kỳ. Đằm đuối nhưng không trần tục, mặn mà thanh sắc thủy chung. Có người đề nghị nên chọn Hoa Lan làm Quốc Hoa để tôn vinh lan rừng Việt Nam. Có người đã viết :” Hễ nói đến Lan Hải là người ta nghĩ ngay đến cây *Pephiopedilum delenatii*, và khi nói đến cây *Pephiopedilum delenatii* là ta nghĩ đến Việt Nam “, đủ thấy ngôi vị của lan rừng xứ sở.

Nếu có được một đóa rừng thiên nhiên, đưa về nhà, đặt lên đúng nơi thích hợp, không gian sẽ tăng thêm phần trang nhã. Lan núi đồi đượm tình hoang dã, hương thơm phảng phất sương nắng núi rừng, đượm vẻ thuần khiết nguyên khai, thoáng nét giai nhân.

Thanh tĩnh trong thư phòng, hay một nơi nào đó có gió nhẹ mây trong miền tĩnh lặng, điểm vài tiếng chim vui ríu rít trên cành, và lan, cạnh bên như nghe được hơi thở chuyển mình. Thêm một vài tri kỷ, ấm trà, ly rượu, thú thanh tao giục người lạnh lòng đến mấy cũng phải say hoa lụy tình, đưa bước chân trần chạm cội phiêu diêu u mặc, thiên thi chấp cánh. Ngâm nga câu thơ :

Ta mãi mê nhìn ta mãi nghe
Tiếng chim trong nắng gọi xuân về
Cánh hoa tươi thắm trong tĩnh lặng
Ta thành hoa, hoa bỗng thành ta
Nghiêm Xuân Cường

Chợt hồn bay bổng qua miền trí nhớ thên thang, những nơi bước chân đã từng dẫm qua. Đà Lạt xứ sở của muôn hoa, một hôm nào trong đôi tay người tình, nhìn lan rét mướt run rẩy trong sương mù, để thấy trái tim còn nồng ấm. Vào miền thung lũng suối đồi Tây nguyên, người lãng tử bỗng thấy cô đơn, chỉ mong tìm được nhánh lan rừng mang về tâm sự sớm hôm đã là mãn nguyện. Vì xứ biển đảo Nha Trang, lan thật nhiều trên đường phố, trong nội thất, nhưng vẫn chưa thỏa thuê khi biết còn có Suối Hoa lan nổi tiếng đang chờ đợi ở phía đảo xa., phải đến tận nơi mới thỏa lòng ngưỡng mộ dù phải vượt biển leo đồi.

Thuyền lướt êm trên vịnh Nha Trang? khép kín một vòng tay núi, nước trong xanh lặng sóng như mặt hồ. Bước chân lên bờ, tưởng sẽ nghe được tiếng róc rách đâu đó không xa. Nhưng không, trước khi đến chân núi, khách còn lách mình qua một cửa động nhân tạo. Vào trong, qua chiếc cầu cong nhỏ bắc qua dòng nước xinh xinh. Trên tầm mắt, lũng lằng những nhánh lan đang nở hoa. Giữa dòng suối có gộp đá, ngồi lên đó nhìn cá lội tung tăng, cũng là thơ mộng lắm rồi. Tuy nhiên vẫn thấy thiếu vắng một chút hồn hoang dã, vì lan nơi đây đã có bàn tay người can thiệp, không thấy lan mọc tự nhiên trên góc đồi hay ghềnh đá trước tầm mắt mở rộng của khách tầm hoa.

Hóa ra còn phải leo hết bốn trăm tầng cấp nữa mới gặp được quê hương lan rừng nằm trên chót đỉnh. Và muốn chiêm ngưỡng dung nhan thì phải đứng độ thu đông, khi đất khô bắt đầu hứng nước từ trời, tưới khắp vạn vật, khi dòng suối cạn bắt đầu hồi sinh, tuông dòng nước trắng xóa như dải lụa vắt lên trời. Cây cỏ trở lại xanh tươi, chồi non nẩy lộc dưới những tia vũ vụn của suối ngàn đổ xuống cuối ghềnh giữa trời thu sương ướt, mơn man cho mạch nhựa dâng đầy, là lan bắt đầu hé nhụy, thỏa lòng khách du bỏ công tìm nơi trầm mặc thiên thu.

Thiên thai nơi này, Thánh địa cũng là đây. Người và hoa, và khoảnh khắc vô biên, xui khách trần lạc bước chẳng muốn trở về.

Nếu “ Động hoa vàng” gặp được trong tâm thức, có thể nào hơn.

HỒNG VINH

NGUYỄN MAI

XUÂN HƯƠNG

(Tặng Nguyễn Sinh)

Ở THỊ TRẦN 1

Có thật một khoảnh khắc, một giây phút bất chợt hoá đá
Dưới mái lá quán cà phê hoa hồng
Không thể tin đời trôi có thật
Trước khoảnh khắc đó, không thể tin đời trôi sẽ có...
Nàng trong áo len
Khuôn mặt và mái tóc đen dưới đèn, mê hoặc
Một nhan sắc hơn là nhan sắc
Và từ góc quán, ta lãng quên
Ly cà phê trên bàn bất động.

Ở THÀNH PHỐ

Từ xa, nàng xóa khoảng cách
Nàng đến, như hiện bên ta
Giấc mơ trở thành sự thật
Hoa tiết, nàng bên ta
Giữa trăm năm, được gặp.

Nước mắt vui, môi trôi ngửa đón nhận
Đêm nồng nàn khóa thân
Những khoảnh khắc bất tận ngực thiếu nữ
Rực rỡ trong hồi ức.

Ở THỊ TRẦN 2

Ba mươi năm, thuở trước
Anh trở lại chiều nay
Quán xưa thành nhà khác
Và em giữa đời trôi
Nơi nào em có biết
Thị trấn xưa, xa người.

NGUYỄN MAI

bút đàm

NGÀY XUÂN ... NGỒI GẤM CHUYỆN THẾ GIAN

DƯƠNG LEH

Mỗi năm cứ vào độ tháng này, chiếc xe ba gác bán đầu lân rề rề chạy ngang trước nhà tôi. Hình ảnh này thường xuất hiện vào dịp gần cuối năm như báo hiệu cho mọi người chuẩn bị đón mùa xuân mới. Tiếng trống như thúc giục mọi người nên hối hả làm sao có tiền thật nhiều để "ăn" một cái Tết cho ngon lành. Nhìn cái xe ba gác bán đầu lân này, ai thấy cũng cho là một hình ảnh đặc trưng của Sài Gòn. Chung quanh xe treo đủ loại đầu lân và đầu ông Địa, bên trong là một chú nhóc đang ngồi đánh trống. Anh chàng ngồi phía sau vừa đập vừa gõ vào một cái keng rất ăn nhịp với tiếng trống. Khỏi nói ai cũng biết anh chàng đập xe ba gác và chú nhóc đánh trống đều là người Hoa. Đám con nít vừa chạy theo vừa nhìn chăm chăm vào mấy cái đầu lân và đầu ông Địa một cách say mê. Chúng như bị cuốn hút vào tiếng trống và tiếng keng. Người viết tuy tuổi tác cũng khá cao rồi nhưng mỗi lần nghe tiếng trống, tiếng keng đó cũng thấy nôn nao trong lòng. Ngày xưa trong một bài hát nào đó có câu:

Mừng xuân mới về, mừng mùa xuân nay đã về...
Con nít thời vui lòng ông lão thấy cũng vui...

Nhịp sống của người dân đang tăng tốc. Bá nhân bá nghệ, mỗi người một phương án kinh doanh, những chiêu thức tuyệt kỹ được tung ra tới tấp để thu về lợi nhuận thật cao.

Đầu tiên là những đại gia trong ngành buôn bán quốc tế hay còn gọi là ngành xuất nhập khẩu vào ra cửa khẩu biên giới, cảng sông, cảng biển như mắc cửi để tranh thủ xuất cho xong những lô hàng cuối cùng trước giờ giao thừa. Hoặc những nhà nhập khẩu cố gắng ôm về những lô hàng có khả năng tiêu thụ nhanh chóng sau Tết. Những người làm các công việc giao nhận hàng tại cảng thường rất vất vả, phải thường trực hai mươi bốn trên hai mươi bốn giờ cho đến khi mở hàng hay container cuối cùng lên nằm yên vị trên tàu. Đối với các công ty nhập khẩu nhiều khi không cập rập gì cho lắm bởi vì, đối với những loại hàng máy móc thiết bị, nguyên vật liệu họ đã chuẩn bị trong nhiều tháng trước. Tuy nhiên những đại gia này đôi khi lại nhập về những loại hàng không giống ai, ví dụ như chất thải hay nói nôm na là rác, phế liệu. Nhớ cái thời mới rục rịch mở cửa, hầu hết các công ty xuất nhập khẩu đều nhập về các loại xe gắn máy đã qua sử dụng. Lúc bấy giờ

xe gắn máy second hand bắt đầu chạy tung tăng khắp thành phố. Nghĩ mà tội nghiệp một nước mới mở cửa phải chịu hàng phế liệu của các nước tiên bộ.

Trước Tết vài tháng những nhà mua bán quốc tế ở vùng cửa khẩu thường đánh về những lô hàng từ bên kia biên giới để bán lại trong nước, làm giàu cho nguồn hàng nhập khẩu, phục vụ cho dân chúng trong mấy ngày Tết. Tuy nhiên hàng nhập qua các cổng chào ở biên giới này nhiều khi lại là những thứ rau, củ, quả mà trong nước nông dân đã sản xuất thừa mứa, nhưng khổ nỗi người dân lại vọng ngoại thích mua hàng nước ngoài. Lăn hồi hàng trong nước bị ế, nông dân không còn thiết tha đến trồng trọt. Một phần hàng bên kia biên giới đã qua xử lý bằng hóa chất các loại cho nên rau, củ, quả nhập vào thường to xác hơn hàng bản xứ. Thí dụ, ai cũng biết tỏi Phan Rang nổi tiếng ngon nhất trên toàn quốc, nhưng khi tỏi bên kia biên giới tràn vào đã ăn trùm tỏi Phan Rang vì kích thước củ tỏi của họ lớn gấp đôi. Rồi những loại trái cây như hồng giòn, lựu... quả nào quả nấy to đùng, trông rất bắt mắt.

Cũng tại các biên giới, hàng lậu tràn về rất nhiều, đặc biệt là thuốc lá. Quân số cướp vận trùng trùng điệp điệp vận chuyển hàng về theo mọi ngã đường băng qua biên giới. Dân chúng ở vùng sát biên giới bỏ ruộng, bỏ vườn, bỏ cày bỏ cuốc đầu quân vào làm những chiến sĩ cướp vận. Sản xuất nông nghiệp bị oải vì thiếu lao động. Những ngày giáp Tết quân số lực lượng cướp vận càng gia tăng. Số hàng lậu bị Nhà nước bắt giữ không đủ răn đe cái đám trôn xâu lậu thuế này.

Những người mua bán nhỏ tại các chợ cũng đã coi nới để bày bán thêm được nhiều hàng hóa. Lối đi trong chợ hẹp dần vì họ bày hàng hóa lấn ra lối đi. Xe máy đi tràn lan vào trong chợ phun khói mù mịt. Các ông nhân viên trật tự của Ban Quản Lý chợ không thấy tầm hơi, hoặc có mặt nhưng cũng không động dậy lên tiếng hướng dẫn người ta dọn dẹp cho thông thoáng.

Tại các siêu thị, các trung tâm mua bán lẻ, người ta vào ra nườm nượp. Toàn người và người. Ai ra khỏi cổng đều mang về một gói hàng thật lớn. Sức mua của người Việt Nam quả là ghê gớm thật. Tuy nhiên cũng có một bộ phận người dân, tiền nong eo hẹp, thấy người ta sắm Tết, chịu không nổi chạy vay đầu này đầu nọ để đi mua sắm với người ta. Thời buổi này cũng có nơi cho vay nợ trả góp để ăn Tết.

Cũng có một bộ phận người dân thích ăn Tết biểu diễn. Họ mua nào là thịt heo, trứng vịt, củ kiệu, dưa hành về đốt đèn thức sáng đêm để chế biến thức ăn. Món ăn mà nhà nào cũng có là một nồi to tướng, xin tạm đặt tên là "Thiên Bồng Nguyên Soái đá banh", tức là món thịt heo kho với trứng vịt. Tại nhiều gia đình cái nồi thịt heo này cứ kho đi kho lại cho tới ngày mừng 6 cũng chưa hết. Tôi còn nhớ năm đó ở Nha Trang, tôi đến khu Võ Cạnh, trên đường Nha Trang - Thành, ăn tất niên. Chủ nhà dọn món thịt kho tàu (hay tào, nghe họ phát âm là tào), nấu với măng khô Buôn Ma Thuột. Món ăn tuyệt vời. Chỉ một cục thịt kho đã đầy cái chén ăn cơm, có lẫn một ít nước kho. Măng được gắp ra để ngoài đĩa ăn kèm với bún. Ăn hết cục thịt đó cũng đủ trợn mắt vì no và ngán.

Gần gũi với món thịt kho là món bánh chưng. Nhiều nhà là dân Nam Kỳ đặc sệt cũng học nấu bánh chưng. Nhưng bánh làm ra không "rền" bằng bánh do người Bắc làm. Tại một bữa tiệc Tất niên, bánh chưng được dọn ra trước, mỗi bàn hai cái bánh loại lớn cho mười người. Thời điểm này bà con mới bắt đầu ăn bánh chưng trở lại sau một năm nghỉ xả hơi, cho nên vào một cái mười người đã làm lảng hai cái bánh chưng to đùng. Sau đó các món khác được dọn ra tiếp. Nào là gà quay, chả giò, thịt kho trứng vịt, bà con sức tỉnh hồn đã lỡ nuốt bánh chưng quá liều nên các món sau đó khách chỉ hươ hươ đưa cho có lệ, hoặc chấm mút lấy hương lấy hoa, chứ không cách gì nuốt vào thêm được nữa.

Qua đến ngày mồng ba hoặc mồng bốn, người ta ai cũng ngán tới óc cái món bánh chưng. Thế là bánh chưng bây giờ được cải biên thành món bánh chưng chiên. Món này làm cho bánh chưng được khoái khẩu trở lại. Một miếng bánh chưng chiên kẹp với vài lá rau thơm cho vào miệng nhai tự nhiên thấy khẩu vị khác lạ. Tiếp tục cho vào miệng một củ hành ngâm dấm, một miếng dưa món, cắn một miếng ớt, thật tuyệt vời. Nhưng chỉ được một ngày rồi thôi. Chiên hay hấp gì cũng ngán hết. Đám bánh chưng còn lại được khăn gói đi vào thùng rác, tham gia vào việc gây ô nhiễm môi trường.

Người miền Nam thì thích cái món bánh tét. Về nội dung thì bánh tét cũng giống như bánh chưng nhưng khác nhau về hình dáng. Bánh chưng thì khối vuông còn bánh tét thì tròn và dài. Bánh chưng thì được gói bằng lá dong, còn bánh tét thì được gói bằng lá chuối. "Qui trình" ăn

cũng giống nhau. Lúc đầu thì khui thẳng ra ăn. Còn dư đem hấp. Còn dư nữa mà ngán rồi thì cũng chiên. Cách ăn lại càng giống nhau tức là cũng cho vào miệng, nhai và... nuốt.

Một loại hàng hóa nữa ai cũng thích mang về nhà trang hoàng trong ba ngày Tết, đó là hoa cảnh các loại. Năm nào ở Tp. Hồ Chí Minh cũng có Chợ Hoa. Tại các tỉnh thành khác trên toàn quốc cũng có, không lớn thì nhỏ. Hoa từ khắp nơi đổ về bày bán khắp các đường phố, và tập trung nhiều nhất tại công viên 23-9. Những hàng đặc sản như hoa đào từ ngoài Bắc chuyển vào, từ Đà Lạt xuống, từ Sa Đéc lên làm cho công viên vô cùng rực rỡ với đủ sắc màu. Ngoài ra còn có hoa mai. Một loại hoa chưng trong ngày Tết sẽ được nhiều may mắn. Tiếng Nam kỳ đọc "mai" hay "may" giống nhau. Ngày nay người ta chiết nhánh, dăm cành làm sao đó mà làm thành những chậu hoa mai bonsai rất đẹp. Lớn có giá cao từ 2, 3 triệu đến chín mười triệu, vài chục triệu đồng. Loại nhỏ còn gọi là "bonsai nhí" giá từ 150 ngàn đến ba bốn trăm ngàn, một triệu đồng cũng có. Bà con mua loại bonsai nhí này nên cảnh giác, vì mấy ông bán hoa mai này rất xảo. Họ không đổ đất cho đầy chậu mà chỉ bỏ vỏ trấu ở dưới rồi cho một lớp đất ở trên, sau đó lát lên một vạc cỏ nhỏ xíu, có vài hạt lúa vừa lú như những chiếc lá non, giống như một chậu bông mai bonsai trồng lâu năm. Bảo đảm chưng đến ngày mùng ba hay trễ lắm là mùng bốn, cây sẽ héo tàn cho dù tưới tẩm đầy đủ. Những người bán cây cảnh này làm như vậy để sang năm còn bán nữa, chứ nếu để cho người mua giữ lại sang năm chưng tiếp, khỏi phải mua, làm cho sức mua sẽ giảm, chỉ số tiêu dùng rớt.

Một loại cây kiểng nữa bán rất nhiều để chưng trong mấy ngày Tết đó là cây Tắc theo tiếng Nam kỳ, Quất theo tiếng Bắc, tiếng Quảng Đông là "cách", đọc trại là "Cát" theo tiếng Hán Việt có nghĩa là tốt. Chưng cây này trong nhà sẽ được... "tốt" (nhưng không ai nói tốt về cái gì, mà cứ cho rằng cây sẽ hợp với phong thủy).

Một món nữa là dưa hấu. Nhà nào có trưng bày bàn thờ là có mua về một cặp dưa hấu. Càng lớn càng tốt, theo tiêu chuẩn Serena Williams. Mua thêm hai tờ giấy đỏ ghi lên hai chữ "Đại Cát" bằng Hoa ngữ. Màu xanh của vỏ dưa, màu đỏ của giấy và màu đen của mực tàu, "hòa quyện" thành một màu... thập cẩm đẹp mắt trông có vẻ Tết lắm. Sau Tết những phần còn lại của quả dưa nằm đầy trên bãi rác làm cho cái khung cảnh đầy mùi hôi thúi này có những nét chấm phá xanh xanh đỏ đỏ cũng không kém phần đẹp mắt.

Đã có bàn thờ thì phải có bộ lư và chân đèn. Thường thường vào khoảng rằm tháng chạp, chủ nhà thường mang cái bộ tuồng lễ này đưa cho thợ đánh bóng. Dịch vụ này chỉ làm được trong mấy ngày gần Tết. Đi đâu cũng thấy người ta đánh bóng mấy bộ lư và chân đèn rồi đem phơi nắng làm cho cái không khí Tết càng thêm rộn rịp. Có bộ lư sạch sẽ rồi, chủ nhà sẽ mua một vài hộp trầm hương bỏ vô lư đốt cho thơm nhà thơm cửa. Đây là loại trầm vụn, hạng bét, người ta xay nhuyễn ra trộn với bột mặt cưa rồi đắp thành những cục trầm có hình cái tháp để đốt coi cho nó đẹp. Nghĩ tới cái cảnh trong đêm ba mươi vắng lặng, mọi người đi ngủ hết, chủ nhà còn ngồi lại trầm ngâm, nhâm nhi miếng nước trà ô long, ăn một miếng mút hạt sen thưởng thức khói trầm thơm phưng phức, rồi nghĩ tới một tương lai sáng quắc của đàn con cháu sau này. Quả thật tuyệt vời.

Để cho những ngày Tết được đậm đà bản sắc dân tộc, những gia đình khá giả thường mua bia rượu chất đầy nhà. Từ Hennessy đến Johnny Walker hay rượu Mỹ thì có Seagrams số 7, Old Grand Dad, lại còn có Mè trắng mè đen, Na-pồ... Có người còn mua bia về dự trữ, mỗi loại vài thùng, để khách đến được tự do chọn lựa. Ra cái điều chủ nhà rất lịch lãm, hơn hẳn các nhà hàng chuyên nghiệp.

Trên đây là chuyện ăn uống trong nhà. Ngày Tết người ta còn đi chỗ này chỗ nọ, chúc Tết lẫn nhau. Tết còn là dịp để cấp dưới điều đóm cấp trên. Cấp trên điều đóm lên cấp trên nữa. Bảo vệ hay Thủ kho là cấp thấp nhất trong đơn vị, đừng tưởng là không ai điều đóm. Xin thưa rằng có và cũng huy hoàng lắm. Đó là khách hàng.

Tết còn là dịp đi tham quan nơi này nơi nọ. Đại gia thì đi nước ngoài, tiểu gia thì đi lân cận trong nước. Nhiều người nói rằng du lịch trong nước còn chưa hết chứ đi nước ngoài làm gì. Nhiều người cho rằng cần phải đi du lịch nước ngoài để học hỏi cái hay cái đẹp của người ta chứ ru rú trong nước hoài đầu óc sẽ trở nên lảm ca lảm cẩm.

Thời điểm này cũng là lúc người ta hay đi đến những nơi như đền, chùa, am, miếu. Nơi đây người ta có cảm giác như được bước vào chốn linh thiêng, tĩnh mịch. Ai ai cũng dành thời gian

này cho tâm hồn lắng đọng, tư tưởng vọng về tiếng mõ, tiếng chuông, câu kinh, tiếng kệ. Những ưu tư, bực dọc đời thường kể cả những chuyện gâo gổ trong công ty, chuyện bị giám đốc dè dặt sất ván, chuyện cô thư ký đòi ghen ngược với bà xã ở nhà sẽ được hoàn toàn giải phóng, quên tuốt tuột. Sau này có nhớ lại hay không sẽ tính sau.

Đi chùa xong về nhà người ta cũng thường cúng kiếng. Từ ngữ "kiếng" có lẽ do từ chữ "kính" mà ra. Người ta hay nói "cúng thì phải kính". Không kính thì đừng nên cúng. Mà khi cúng thì người ta thường biểu diễn rất nhiều màn. Đặc biệt là cái màn đốt vàng mã. Cái loại hàng hóa này ngày nay được cải tiến rất đa dạng mang tính công nghệ cao. Ngoài chợ, vàng mã, giấy dán trên cửa được bày bán tràn lan. Giấy tiền vàng bạc bằng giấy ngày xưa đã được thay thế bằng tiền giả các loại. Từ Đô la Mỹ, Úc, Canada, đồng Euro, đến các loại đô la châu Á như Sing, HongKong, Rờn mần pí, Đài tệ... muốn loại tiền nào cũng có. Tất cả các loại tiền này đều do Chợ lớn sản xuất, có khi nhập từ nước ngoài về. Ngoài ra còn có nhiều loại giấy vẽ bùa văn vận không giống ai, quần áo Sida bằng giấy, quần áo jeans cũng bằng giấy đến các loại xe hơi, xe máy, tàu bay, tàu thủy, hình người vv... Những loại hàng hóa này được người ta mua về chỉ để đốt. Trong mấy ngày Tết người ta cúng mỗi ngày và ngày nào cũng có đốt giấy tiền vàng bạc. Đã có nhiều trận hỏa hoạn do từ đốt vàng mã. Không biết dưới suối vàng, những người thân của họ có nhận được gì không, hay việc đốt vàng mã chỉ là một thứ dị đoan mê tín.

Hiện nay, các cơ quan nhà nước, công ty quốc doanh hay ngoài quốc doanh đang tính toán tiền thưởng cuối năm cho cán bộ nhân viên. Bà con lên tinh thần rất cao, rất phấn khởi, mừng thầm sẽ thưởng thức một cái Tết sung túc, đầm ấm, nhưng khi nhìn giá cả thị trường đang vù vù leo thang thì đều lắc đầu le lười. Trong khi giá cả hàng hóa trên thị trường biến động theo chiều hướng gia tăng, thì giá cả hàng hóa sức lao động luôn được bình ổn nếu không muốn nói là cố định.

DƯƠNG LEH



**TỪ VŨ VÀ TOÀN BAN BIÊN TẬP VIỆT VĂN MỚI
NEWVIETART THÂN KÍNH CHÚC QUÝ VĂN , THI, HOẠ,
NHẠC SĨ MỘT NĂM GIÁP NGỌ AN KHANG THỊNH VƯỢNG
VÀ HẠNH PHÚC**

NHỮNG MÓN ĂN THIÊNG CỦA MỘT SỐ DÂN TỘC PHÍA BẮC VIỆT NAM TRONG NGÀY HỘI - LỄ – TẾT

HOÀNG BÍCH NGÀ

Vào những ngày lễ, tết, hội, chúng ta thường chế biến các món ăn truyền thống để cúng thần linh, tổ tiên, ông bà, những món ăn đó không còn mang tính phàm tục hàng ngày, nghĩa là ăn để no, để sống và tồn tại mà mang tính linh thiêng, huyền bí. Những món ăn ngon nhất, lạ nhất mà ngày thường ta ít dùng tới thì vào những ngày này người ta làm, trước hết mời các thần linh, sau là mời tổ tiên, ông bà về thưởng thức, còn ta chỉ được ăn sau khi cúng các cụ. Mỗi dân tộc có những nghi thức riêng về ăn uống trong tế lễ, nhưng ai cũng có thái độ kính cẩn mà mong muốn được hưởng cái linh thiêng thần thánh qua các món ăn, họ những muốn ăn những món ăn thiêng trong ngày Lễ- Tết- Hội để được may mắn quanh năm.

Nếu ai có dịp lên các vùng thuộc miền núi phía Bắc Việt Nam vào những ngày lễ, tết thì không sao quên được cái hương vị đậm đà của các món ăn của người dân tộc. Ai muốn tìm hiểu về những đặc trưng dân tộc rõ nét nhất, hãy đến các vùng xa xôi, hẻo lánh, đường xá gập ghềnh, nơi chưa bị quá trình đô thị hóa phá vỡ các phong tục, tập quán cổ truyền của đồng bào các dân tộc. Nếu đi theo hướng Tây Bắc của Tổ quốc, bạn hãy dừng lại đất Hoà Bình. Nơi đây có những món ăn rất cổ nhưng lại rất gần với những món ăn của đất kinh kỳ xứ Huế.

Vào chiều 30 tết bên cạnh mâm cỗ bày trên bàn thờ của người Mường còn có một cái đĩa đẹp, to gọi là Quách, trên đó có bày “Tuôi, Thai, Quai, Chở”(một chiếc tai lợn, cái đuôi, chân giò, mẩu đầu mũi và đầu lưỡi lợn) tượng trưng cho con lợn với ý mời tổ tiên về bàn thờ nhấm nhót vui vẻ để năm mới phù hộ cho con cháu khoẻ mạnh, ăn nên làm ra. Sau khi khấn mời tổ tiên xong, con cháu bắt đầu dọn bữa tết cho cả nhà và anh em trong họ, láng giềng trong Mường(làng) đến dự. Đầu tiên, chủ nhà thường mời ta món chả bưởi. Món chả bưởi thơm tho làm bằng thịt ba chỉ đã ướp gia vị cuốn bằng chiếc lá bưởi được xé dọc đôi, mỗi nửa được cuốn một miếng thịt và nướng chín vàng, thơm trên than của cây lách ngách. Khi cắn miếng chả bưởi vừa thơm vừa giòn ta thấy đầu lưỡi hơi tê tê, nhấp một ngụm rượu chả bưởi càng đậm đà. Tiếp đến, chủ nhà mời khách dùng món ngách lưỡi, món ăn ưa thích của người già được chế biến từ thủ lợn cùng tai lưỡi thái mỏng dính trộn với óc (ngách) hầm nhuyển trộn với gừng già, lá hẹ. Tất cả những thứ ấy ánh lên màu trắng đục, bóng ngậy nhưng không ngấy, mềm như bún. Ngày tết nếu phở đi săn săn được con moong màu vàng như con hoẵng thì năm ấy gặp may và trên mâm cơm của họ còn thêm món thịt moong. Thịt moong được ướp với riềng giã nhỏ, nướng tái, ăn nóng. Nếu ngày xuân đến sớm, khi mưa xuân giăng mờ rừng núi là mùa măng mu(măng đắng). Những búp măng ngon thường nhô lên mặt đất khoảng một gang tay mà được hái thì ăn ngon. Măng mu được đồ kỹ, xé nhỏ chấm với muối tỏi ăn kèm với lá mùi, rau diếp cá. Ngày tết có măng mu là hiếm lắm, cô dâu nào hái được măng mu tặng mẹ chồng thì mẹ chồng rất quý hoá.

Những món khác của người Mường cũng từ tựa như món ăn của người Kinh, nhưng họ hay nướng nên ăn thơm hơn là rán. Các loại bánh ngày tết thì nhiều vô kể, bánh tày(giống như bánh tết ở miền Nam) vẫn là bánh chủ lực trong ngày tết. Ngoài ra còn các loại bánh làm bằng bột lọc và bột nếp có thể ăn đến rằm mới hết.

Còn các món ăn của người dân tộc ở tỉnh Lào Cai cũng không kém phần phong phú. Những ngày lễ tết người ta làm các món ăn kỹ lắm. Ví như nước làm bánh dày trong hội Roóng pọc của người Giáy, hội xuống đồng của người Tày phải lấy ở mỏ nước, nơi có mạch phun chứ không lấy nước suối bình thường. Vào đêm giao thừa người Tày huyện Bắc Hà tổ chức nghi lễ rước nước về nấu xôi do thầy mo(hoặc trưởng bản dẫn đầu) có cả dàn nhạc chiêng, kèn Pí lệ tham gia. Khi gà gáy canh một, người Giáy thắp hương vàng cắm vào thùng hứng nước máng để lấy nước mới về đun nước, pha trà, thổi xôi cúng tổ tiên. Lợn là con vật được nhiều dân tộc dùng làm hiến tế nên suốt một năm được nuôi riêng. Trước khi mổ vài ngày, con lợn kiêng không ăn món tạp mà phải ăn như người (cơm, bã rượu...) Người Dao ở vùng trồng quế trước khi mổ lợn cúng một

ngày phải tắm cho lợn bằng nước đun lá quế, lá thơm nhằm tẩy rửa hết chất uế tạp của lợn rồi mới mổ.

Người Phù Lá trước khi nấu cơm mới cúng tổ tiên phải tổ chức một số nghi lễ phức tạp liên quan đến việc hái lúa, phơi lúa. Chỉ có người nhiều tuổi nhất trong gia đình mới được dùng hái nhất cắt lúa. Họ phải cắt cụm lúa từ phía mặt trời lặn sang phía mặt trời mọc. Trong khi cắt phải nhìn thẳng vào lúa, nín thở, không nói; khi phơi phải cầm ta leo, vừa phơi nắng vừa sấy gác bếp. Khi nấu cơm phải chọn ngày tốt.

Trong món ăn của người Thái món rau dớn là món ăn quen thuộc. Nhưng rau dớn được dâng cúng trong ngày tết phải là loại rau dớn mọc hướng về phía đông. Khi giết các con vật cúng tế bao giờ các dân tộc cùng kèm theo các nghi lễ để các món ăn làm ra càng linh thiêng. Việc giết gà cúng tổ tiên trong đêm giao thừa, người H'Mông cắt tiết gà và thả gà xem khi chết gà quay về hướng nào để đoán định việc làm ăn. Người Dao mổ gà cúng tiết gà, phải cắt đĩa tiết theo hình chữ thập...

Cách chế biến các món ăn trong ngày lễ tết vừa công phu vừa mang tính chất thiêng. Trong ngày lễ hội của cộng đồng, cách chế biến các món ăn cũng khác thường. Trong lễ cúng ma bò nhu đấng của người Mông, khi giết bò phải múa khèn, đánh trống. Khi pha thịt, miếng ức bò chỉ có người cậu mới có quyền cắt để dâng cúng. Các nghi lễ giết gia súc, chế biến các món ăn đều gắn với những tín ngưỡng nhất định, đều được lý giải bằng những hèm, kiêng kỵ. Vì thế các món ăn trong ngày lễ, tết, hội đều có sự khác thường, được thăng hoa, linh thiêng hoá. Sự linh thiêng này cũng được thể hiện qua lúc ăn, họ coi ăn là cộng cảm, là tiếp nhận năng lượng thiêng của tổ tiên, thần linh, tiếp nhận cái may mắn, cái nguyện vọng ước cầu nên khi ngồi ăn phải rất trang nghiêm. Trong lễ hội xuống đồng, khi ông mo tung nắm ngô rang, bỏng rang ra xung quanh, mọi người tranh nhau nhặt và ăn, nhặt đem phần về cho người thân mong năm ấy được mùa. Phần thịt trâu trong lễ hội xên mừng của người Thái phải chia đều cho các dòng họ, các gia đình. Thịt bò trong lễ tì me meo của người La Chí được chia cho người già với quan niệm người già ăn sẽ ít ốm đau, trẻ nhỏ ăn thịt bò ở đây sẽ được khoẻ mạnh. Nước canh luộc lợn sữa cúng ma buồng của người Mông được chia đều cho trẻ nhỏ với niềm tin trẻ khoẻ và sáng mắt. Lễ tết hội càng to thì chất thiêng của các món ăn càng lớn. Các món ăn thường mang tính biểu tượng, mang tính văn hoá của cả cộng đồng. Các món ăn phản ánh những giá trị lịch sử và thẩm mỹ của các dân tộc. Cách bày mâm ăn của các gia đình và nhất là của cộng đồng trong ngày hội, lễ tết không giống người Kinh, họ thường bày bàn dài nhưng phân chia rõ vị trí của từng người. Cách uống rượu của người Mông là có một bình rượu, một cái bát hoặc một cái chén, lần lượt mỗi người trong mâm đều uống lượng bát rượu. Còn người Mường, người Thái, người Kháng, người La Ha vào ngày lễ, tết, hội thường có ché rượu cần mọi người uống chung, đầu tiên là các già làng, trưởng bản, sau là thanh niên, có những bà, những cô cũng vui chung, uống rượu thường bình đẳng giữa các thành viên.

Ngày nay do giao lưu rộng nên ẩm thực Việt nam phong phú hơn. Món lẩu người Nam hay dùng thì người Bắc cũng thích thú nhưng cách làm của hai nơi có khác nhau đôi chút để vừa với khẩu vị của từng vùng miền. Tất nhiên có những món ăn của dân tộc này thì dân tộc khác không có nhưng họ vẫn có thể thưởng thức của nhau trong các ngày lễ, tết.

Ở vùng người Mông, người Dao món thức ăn phổ biến là “thắng cố”. Toàn bộ các bộ phận bên trong của con vật hiến sinh đều cho vào chảo nấu thành canh. Cả cộng đồng ăn chung chảo canh, và ở mỗi mâm món canh thịt là món ăn chính. Do vậy “thắng cố” được dịch đúng là “canh nấu ở chảo”.

Còn người Thái, món ăn phổ biến trong lễ hội là thịt luộc, thịt nướng chấm nộm pịa(món nước chấm lấy từ lòng non của các con vật ăn cỏ như trâu, bò, nai, hoẵng, ngon nhất là hoẵng), canh rau thịt. Thịt lợn luộc nộm với các món lá thơm có vị cay, nóng. Các miếng thịt ba chỉ được xát rau mùi, rau thơm, củ xả, húng chó(húng quế), hạt tiêu, gừng với độ muối vừa ăn được đem nướng vàng, thơm phức. Người Thái thường ăn với xôi nếp nướng, vừa dẻo vừa thơm, đậm đà, da diết. Mỗi dân tộc có nét riêng trong ẩm thực, tìm hiểu và thấy ẩm thực là một dạng văn hoá đặc biệt cần được bảo lưu và giữ gìn như những di sản văn hoá phi vật thể khác của dân tộc Việt Nam./.

HOÀNG BÍCH NGÀ

TẾT NGUYÊN ĐÁN

KIÊM THÊM

Tết Nguyên đán (Tết Cả) là lễ hội lớn nhất trong các lễ hội truyền thống Việt Nam từ hàng ngàn đời nay, là điểm giao thời giữa năm cũ và năm mới; giữa một chu kỳ vận hành của đất trời, vạn vật cỏ cây...

Tết Nguyên đán Việt Nam từ buổi "khai thiên lập địa" đã tiềm tàng những giá trị nhân văn thể hiện mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, vũ trụ qua bốn mùa xuân-hạ-thu-đông và quan niệm "ơn trời mưa nắng phải thì" chân chất của người nông dân cày cấy ở Việt Nam... Tết còn là dịp để mọi người Việt Nam tưởng nhớ, tri tâm tổ tiên, nguồn cội; giao cảm nhân sinh trong quan hệ đạo lý (ăn quả nhớ kẻ trồng cây) và tình nghĩa xóm làng...

Ông Táo hay thần bếp là người mục kích sự làm ăn của mọi nhà. Theo tập tục hàng năm ông Táo phải thu xếp lên trời vào ngày 23 tháng chạp để tâu bày mọi việc dưới trần thế với Ngọc Hoàng. Bởi thế nên, trong ngày này, mọi gia đình người Việt Nam đều làm mâm cơm đạm bạc tiễn đưa "ông Táo ". Ngày ông Táo về châu trời được xem như ngày đầu tiên của Tết Nguyên đán. Sau khi tiễn đưa ông Táo người ta bắt đầu dọn dẹp nhà cửa, lau chùi đồ cúng ông bà tổ tiên, treo tranh, câu đối, và cắm hoa ở những nơi trang trọng để chuẩn bị đón Tết.

Cùng với tranh (tranh dân gian, câu đối), hoa quả là yếu tố tinh thần cao quý thanh khiết của người Việt Nam trong những ngày đầu xuân. Miền Bắc có hoa Đào, miền Nam có hoa Mai, hoa Đào, hoa Mai tượng trưng cho phước lộc đầu xuân của mọi gia đình người Việt Nam. Ngoài cành Đào, cành Mai, mấy ngày tết người ta còn "chơi" thêm cây Quất chi chít trái vàng mọng, đặt ở phòng khách như biểu tượng cho sự sung mãn, may mắn, hạnh phúc...

Tết trên bàn thờ tổ tiên của mọi gia đình, ngoài các thứ bánh trái đều không thể thiếu mâm ngũ quả. Mâm ngũ quả ở miền Bắc thường gồm có nải chuối xanh, quả bưởi, quả cam (hoặc quýt), hồng, quýt. Còn ở miền Nam, mâm ngũ quả là dừa xiêm, măng cầu, đu đủ, xoài xanh, nhành sung hoặc một loại trái cây khác. Ngũ quả là lộc của trời, tượng trưng cho ý niệm khát khao của con người vì sự đầy đủ, sung túc. Ngày Tết, dân tộc ta có nhiều phong tục hay, đáng được gọi là thuần phong như khai bút, khai canh, hái lộc, chúc tết, du xuân, mừng thọ... Từ trẻ tới già ai ai cũng biết, sau đây là một vài phong tục đáng được duy trì phát triển.

Tổng cù nghênh tân: Cuối năm quét dọn sạch sẽ nhà cửa, sân ngõ, vứt bỏ những thứ rác rưởi, cùng mọi người dọn dẹp nhà thờ, lau giắt, cắt tóc, may sắm quần áo mới, trang trí bàn thờ, lau chùi bàn ghế ẩm chén và mọi thứ thức ăn vật dụng.

Con cháu trong nhà từ phút giao thừa trở đi được nhắc nhở không được nghịch ngợm, cãi cọ nhau, không nói tục chửi bậy... anh chị, cha mẹ cũng không quở mắng, tra phạt con em, đối với ai cũng tay bắt mặt mừng, vui vẻ niềm nở, chúc nhau những điều tốt lành.

Hái lộc, xông nhà, chúc tết, mừng tuổi: Ai cũng hy vọng một năm mới tài lộc dồi dào, làm ăn thịnh vượng, mạnh khỏe, thành đạt hơn năm cũ. Nhiều nhà tự đi hái lộc ở chốn đình chùa, nơi tôn nghiêm về nhà, tự xông nhà hay dặn trước người "nhẹ vía" mà mình thích đến xông nhà. Nhiều người không tin tục xông nhà nhưng cũng dè dặt, chưa dám đến nhà ai sớm, sợ trong năm mới gia đình người ta xảy ra chuyện gì không hay lại đổ tại mình "nặng vía". Chính vì vậy, sáng mùng Một lại ít khách.

Sau Giao thừa có tục mừng tuổi chúc Tết. Trước hết con cháu mừng tuổi ông bà cha mẹ. Ông bà cũng chuẩn bị ít tiền để mừng tuổi con cháu trong nhà và con cháu hàng xóm láng giềng, bạn bè thân thích. Lời chúc tết thường là sức khỏe, phát tài phát lộc, những người năm cũ gặp rủi ro thì động viên nhau "tai qua nạn khỏi" hay "cửa đi thay người" nghĩa là trong cái họa cũng tìm thấy cái phúc, hướng về sự tốt lành. Nhưng nhìn chung trong những ngày đầu năm, người ta thường kiêng không nói tới điều rủi ro hoặc xấu xa.

Phong tục ta ngày Tết việc biếu quà Tết, tỏ ân nghĩa tình cảm, học trò tết thầy giáo, bệnh nhân tết thầy thuốc, con rể tết bố mẹ vợ... quà biếu, quà tết không đánh giá theo giá thị trường. Nhưng cũng đừng nên gò bó câu nệ sẽ hạn chế tình cảm: không có quà ngại không đến...

Ở Nước ta, vào dịp đầu xuân thường tổ chức mừng thọ lục tuần, thất tuần, bát tuần, cửu tuần... tính theo tuổi mẹ. Ngày Tết ngày Xuân cũng là dịp mọi người đang rảnh rỗi, con cháu tụ tập đông vui.

Cũng vào dịp đầu Xuân, người có chức tước khai ấn, học trò, sĩ phu khai bút, nhà nông khai canh, người buôn bán mở hàng lấy ngày. Sĩ, Nông, Công, Thương "Tứ dân bách nghệ" của dân tộc ta vốn cần cù, ai cũng muốn năm mới vận hội hành thông, làm ăn suôn sẻ. Sau ngày mừng Một, dù có mãi vui tết cũng chọn ngày "Khai nghệ", "Làm lấy ngày". Nếu như mừng Một tốt thì chiều mừng Một bắt đầu. Riêng khai bút thì Giao thừa xong, chọn giờ Hoàng đạo không kể mừng Một là ngày tốt hay xấu. Người thợ thủ công nếu chưa ai thuê mướn đầu năm thì cũng tự làm cho gia đình một sản phẩm, một dụng cụ gì đó. Người buôn bán, vì ai cũng chọn ngày tốt nên phiên chợ đầu xuân vẫn đông, mặc dù người bán chỉ bán lấy lệ, người đi chợ phần lớn là đi chơi xuân.

Cờ bạc: Ngày xưa các gia đình có nề nếp quanh năm cấm đoán con cháu không được cờ bạc rượu chè nhưng trong dịp tết, nhất là tối 28, 29; gia đình quây quần bên nồi bánh chưng thì người bố cho phép vui chơi. Tam cúc, cờ gánh, cờ nháy, cờ tướng, kiệu, chẵn, tổ tôm... ai thích trò nào chơi trò ấy. Đến lễ khai hạ, tiễn đưa gia tiên, coi như hết Tết thì xé bộ tam cúc, thu bàn cờ tướng, cắt bộ tổ tôm hoặc đốt luôn hóa vàng.

Vì sao có tục kiêng hốt rác đổ đi trong ba ngày Tết: Trong "Sưu thần ký" có chuyện người lái buôn tên là Âu Minh đi qua hồ Thanh Thảo được thủy thần cho một con hầu tên là Như Nguyên, đem về nhà được vài năm thì giàu to. Một hôm, nhân ngày mừng Một Tết, Âu Minh đánh nó, nó chui vào đồng rác mà biến mất, từ đó nhà Âu Minh lại nghèo đi. Kể từ đó kiêng không hốt rác ngày Tết.

KIỂM THÊM

tiểu luận

CÂU ĐỐI TẾT

HOÀNG VŨ ĐÔNG SƠN

Nhu cầu thiết yếu của ngày Tết Nguyên Đán ở mọi gia đình Việt Nam đều phải có:

Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ
Cây nêu tràng pháo bánh chưng xanh

Những di sản tinh thần của “Thuở thanh bình ba trăm năm cũ” ấy đã tàn lụi thành tro thành bụi theo dấu binh lửa mỗi khi cuộc chiến xảy ra trên quê hương trong cảnh:

Mẹ con đàn lợn âm dương
Chia lìa trăm ngã
Đám cưới chuột tung bùng rộn rã
Bây giờ tàn tác về đâu?
(Hòang Cầm)

Nhưng khi bình yên trở lại; thịt mỡ dưa hành cây nêu tràng pháo bánh chưng không thiếu ở những người cần cù lao động. Duy chỉ có câu đối đỏ là nhiều khê đấy. Nếu mua tại đầu đường cuối chợ của những người viết thuê. Dù người đó là một ông Đồ đã không còn học trò để dạy cũng thường quá, sáo quá và giống nhau quá như sản xuất đại trà vậy.

Thầy Vũ Đình Liên cực tả thảm cảnh của ông Đồ ủ rũ trước gió đông:

Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu

Cái thuở người ta hô hào Âu hóa để “sớm rượu sâm banh tối sữa bò” ở nơi thị tứ của một thiểu số người đã làm thầy Vũ buồn thay cho các ông Đồ.

Buồn thay cho rừng Nho tàn rưng!

Buồn thay cho cái học đã đào luyện cho Tổ Quốc Việt Nam được những mẫu người kỳ tuyệt như Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Nguyễn Đình Chiểu ...

Nếu thầy Vũ biết đó chỉ là điều tiên khởi cho những thảm trạng ngày nay: cháu con Việt Nam gần như không còn biết đến hay có biết đến nhưng không tha thiết mấy với nét đẹp từ muôn đời của dân tộc mà ông cha đã dày công vun đắp. Đó mới là cái buồn cho Câu Đối.

Người Việt Nam thuần túy không thể thay bánh chưng bằng bánh Tây (bánh mì), thay dưa hành bằng ca la thầu (xu hào muối).

Cũng vẫn có một thiểu số người do số phận dun dủi mà gặp may hoặc cố bon chen để “Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật” có thể quen. Còn quảng đại quần chúng nếu bắt buộc phải sống phải ăn, phải ở thét rồi cũng ngấy vì không hợp với thể tạng người Việt Nam.

Xuân về Tết đến mà tai không nghe:

Đi đệt ngoài sân tràng pháp chuột Eo sèo trên vách bức tranh gà

Mắt không nhìn thấy cây nêu ở ngoài sân, trong nhà tại bàn thờ Tổ Tiên thiếu mâm ngũ quả, thiếu ba nén hương trầm tỏa khói, thiếu đôi câu đối đỏ thì Xuân và Tết mất hết cả ý nghĩa.

Màu đỏ giấy hồng điều của Câu Đối như đem hồng vận đến cho gia đình. Những chữ dùng trong Câu Đối nếu là của các Đại Gia Văn Học cỡ Trạng Nguyên, Bảng Nhãn, Thám Hoa, Nghè, Cống ban hoặc tặng cho gia chủ thì coi như đã “Bồng được ông Phúc vào nhà”. Chữ nghĩa trong hai vế của Câu Đối mâu thuẫn lại, uẩn tàng chí khí, nổi thiết tha vươn tới tương lai hay mong ngóng một sự tốt lành của người chơi Câu Đối.

Riêng Câu Đối Tết, vẻ trang trọng của ngày Nguyên Đán khiến cho các bậc Danh Nho phải băn khoăn tự hỏi: viết thế nào cho hay cho đẹp. Chúng ta hãy nghe bản khoán của Trần Tế Xương trước và sau khi chấp bút:

Nhập thế cục bất khả vô văn tự Chẳng hay ho cũng phải nghĩ một bài Huống chi mình đã đỗ Tú Tài

Ngày Tết đến cũng phải một hai Câu Đối

Đối rằng:

**Cục nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài
Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt.
Viết vào giấy dán ngay lên cột
Hỏi bà rằng: “Đốt hay hay
- Rằng hay thì thật là hay
Chẳng hay sao lại đỗ ngay Tú Tài
Xưa nay em vẫn chịu Ngại”**

Lúc công chưa thành, danh chưa toại Nguyễn Công Trứ vẫn phê phê:

**Chiều ba mươi nợ hỏi tí mù,
Co cẳng đạp thằng bần ra cửa,
Sáng mừng một rượu say túy lúy,
Giơ tay bồng ông Phúc vào nhà.**

Trái lại, Trần Tế Xương hướng ngoại :

**Đào tiên đã chín hay chưa, bác mẹ em già,
Chấp cánh bay lên xin một quả,
Đổi Tết không hay cũng dán, bà con ai biết,
Dừng chân đứng lại ngắm vài câu.**

Không khí trước thềm Xuân thêm Tết như thúc hối người ta phải tích cực làm việc. Một tay Mã Thượng Giang Hồ, suy ra có thể là một Nhà Văn Nhà Báo cố viết để có tiền chi dụng Tết nên khẩu khí hơi khác thường khi “Cảm Tết”:

**Tết có gì, cũng viết loai viết soai, cũng chữ hoai, dừng dừng với họ ra điều học hiệc
Xuân thì chơi, nào Câu đối Câu điếc nào pháo phiếc, chán cho đời những sự Tết tung.**

Ở Việt Nam xưa, ngày Xuân ngày Tết đến bái niên nhau, trong phần quà cáp nếu có được đôi Câu Đối tặng nhau mới là chân quý. Hậu sinh Tử đệ mừng các đấng phụ chấp phải dâng trước Tết. Đó là lễ, là trật tự xã hội tự nguyện của người Việt Nam xưa.

Trong Giai Thoại Làng Nho, cụ Lãng Nhân có kể lại câu chuyện: “Có bọn thuyền mành Nghệ Tĩnh tải gỗ ra bán trong vùng Hà Đông Hà Nam, hàng bán hết nhưng thu chưa đủ tiền, mà đã quá 24, 25 tháng Chạp rồi, đành ở lại ăn Tết tại bến sông Đáy ngay tỉnh Hà Nam. Bọn chủ thuyền đều là tay có học, sành văn tự, nghe tiếng Quan Âm Chu chân đại khoa, văn hay chữ tốt, bèn rủ nhau gom tiền mua mấy vuông vóc điều, biện cân trà và nén bạc, vào xin đôi Câu Đối để treo Tết lấy khước. Sẵn bút Quan Âm viết luôn:

Vọng Xuân, Xuân khả liên, lĩnh thụ trùng già thiên lý mục,

Quan Âm dùng bút nghĩ: Hồng! hồng lắm! Câu văn thoát nghe thấy hay. Nghĩ ra thì:” Xuân đáng thương “rông” người ta lúc năm mới, thôi đành tìm cách đối về sau để gỡ lại vậy.

Bỗng có lính hầu vào thưa:

- Bẩm có cụ Tú Kim Lũ xin vào vấn an.

Quan Âm mừng lắm, thân ra đón nắm cổ tay bạn, chưa kịp hàn huyên đã thuật chuyện Câu Đối nghĩ gỡ, ân cần nói:

- May quá, còn về dưới ngô huynh nghĩ sao cho khỏi sai, Nghệ Tĩnh lắm tay hay chữ đấy nhé.
- Xin vâng, quan anh viết đi:

Bất qui, qui tiện đắc, cô châu nhất hệ cố viên tâm

Câu Đối trở nên tuyệt cú:

Vọng Xuân, Xuân khả liên, lĩnh thụ trùng già thiên lý mục,

Bất qui, qui tiện đắc, cô châu nhất hệ cố viên tâm

Nghĩa:

Ngóng Xuân, Xuân đáng thương, cây núi kín che tầm mắt rộng,

Không về, về hãn được, con thuyền buộc chặt mối tình nhà

Khi đang viết bài này có người khách lại thăm thấy tôi đang hí hoáy, người đó kêu lên: “Câu Đối cổ hủ lạc hậu, xưa như trái đất. Có chi hấp dẫn bằng tranh sơn dầu của Họa Sĩ Y, tranh sơn mài của Họa Sĩ X ... bằng tranh điện ... văn minh tiên tiến bây giờ.

- Đúng vậy! Thú vui mỗi thời mỗi khác. Lịch sự mỗi thuở mỗi mùi.
- Đã gọi là Văn thì phải Hóa. Có Hóa mới là Văn. Ông còn mất thì giờ sưu tập thứ hủ lậu làm chi. Từ cuối thế kỷ trước, Tây Hồ Phan Chu Trinh đã lên án bằng bài gì hay lắm, tôi quên mất rồi.
- Chắc là bài Chí Thành Thông Thánh.

- Nếu ông còn nhớ đọc lên nghe chơi!
- Không nhớ toàn bài chỉ nhớ bốn câu.
- Bốn câu gì?

Vạn dân nô lệ cường quyền hạ
Bát cổ văn chương tú mộng chung
Trường thử bách niên cam thóa mạ
Bất tri hà nhật xuất lao lung

- Vậy, nghĩa "nô" thế nào?
- Nghĩa thì uyên áo vô cùng. Có bản dịch cũ

Muôn dân trói buộc vòng nô lệ
Tám vế thơ văn giấc ngủ nồng
Chịu mãi suốt đời người mắng nhiếc
Bao giờ đến lúc hết cùm gông

- Ông đã biết và đọc như thế lại còn ...
- Thưa ông, ngay ở Trung Hoa trước hay sau cách mạng Tân Hợi, một danh nhân đã thét lớn: "Khổng Học nghiệt phân chi học". Có người dịch là: "Khổng Học là cái học ăn cứt". Nhưng Sào Nam Phan Bội Châu vẫn để lại cho chúng ta bộ Khổng Học Đẳng đày. Mong ông tìm đọc.

- Thì giờ đâu mà đọc với lại nhức nhức đầu lắm!

- Thế thì đừng dạy dỗ ngăn cản nhau nhé! Cùng có chung một nền Văn Hóa Nho Giáo thế mà quốc dân các nước Tàu, Nhật, Hàn họ đọc vào chính văn chính bản của tiền nhân họ một cách thoải mái. Riêng Việt Nam ta trong khi tửu hậu trà dư đã nói: "Bây giờ cứ bịt hết phần tiếng Anh tiếng Pháp và Quốc ngữ trên một lon sữa bò rồi nhờ các ông Cử Việt Hán đọc âm và giải nghĩa. Có ông tịt đấy!" Tôi nhất định không tin. Nhưng bây giờ thì tin.

- Do tôi mà ông tin?
- Đâu dám, ông dạy quá lời.
- Thế quan niệm của ông về chữ Nho và Nho học ở nước ta hiện tại thế nào?

- Tôi đâu có sức vóc và tài cán ấy để mà quan với niệm, niệm với quan. Chỉ thấy cái huyệt hổng chung cho tất cả người Việt Nam muốn sớm "Đoạn Tuyệt" với cái học cũ từ hồi đầu thế kỷ này cơ. Tôi dốt mà.

Lỗi ấy do ai ? Ai chịu trách nhiệm.

Chẳng do ai. Chẳng ai phải chịu trách nhiệm.

- Đám bị bông à ?
- Làm gì có bị mà đám!

Chẳng qua cũng tại vua Hùng ...

- Đọc cho nghe bài viết
- Không được ! Chỉ vài câu chót để cảm ơn ông ghé thăm xin đừng cười :

Thú chơi tao nhã của cổ nhân đã trở thành nền nếp ở Việt Nam ta từ muôn đời rồi. Thế mà Âu Hóa rồi chiến tranh làm cho tiêu tán. Ngày nay mỗi khi đến bái niên ai vào dịp Tết Nguyên Đán mà được nhìn thấy đôi Câu Đối đỏ treo hoặc dán ở trước bàn thờ Gia Tiên hay chỗ ngồi chơi đều khiến chúng ta kính mến chủ nhân là người còn giữ được phong hóa.

HOÀNG VŨ ĐÔNG SƠN

bút đàm

KHÁN XUÂN PHƯỜNG NỮ NHÂN NGOẠI TRUYỆN

ĐẶNG ĐÌNH TÚY

Sính xài ngoại ngữ là một căn bệnh rất khó chữa. Nhất là đối với kẻ học lóm, nhưng sao mình cứ ưa xỏ nho ..bồi (bồi là chữ *boy* ăng-lê nói trại ý muốn bảo những kẻ hàng tôi tớ ít học nhờ phục vụ ngoại nhân lâu ngày nên cũng biết được một số từ và sử dụng chắp nối đơn giản trong đối thoại) –cũng tựa những kẻ sính nói tiếng Tây tiếng Anh mà không đủ vốn ngữ vựng và văn phạm thì bị cho là nói tiếng Tây bồi, tiếng Anh bồi; kiểu *cuivre lac* , *cuivre* là đồng, *lac* là cái hồ, vậy *cuivre lac* là đồng hồ! Do đó mà phải dịch nghĩa để người ta còn hiểu được là mình muốn nói gì: *Khán xuân phường* là phường Khán xuân, *nữ nhân* là người đàn bà, *ngoại truyện* là chuyện thuộc loại truyện miệng không chắc là sự kiện có thật chép đăng hoàng trong sách vở; tóm một câu, chuyện nghe kể về người đàn bà ở phường Khán xuân. Tôi đang băn khoăn không biết có nên thêm chữ “đích” giữa *nữ nhân* và *ngoại truyện* không đây, nhưng hình như đây là văn bạch thoại cải cách chớ còn hồi xưa thì người ta không đặt tiền trí từ (*préposition d'agent/d'auteur*) vào chỗ này. Thật ra không phải tôi sính xỏ Nho mà có ý muốn xây dựng ngoại cảnh thích hợp cho câu chuyện kể về một người đàn bà phi thường, ngõ hầu bạn đọc nhờ đó mà nhảy một cái phóc vào không khí của thế kỷ mười tám mười chín chẳng. Các nhà nghiên cứu cũng như phê bình văn học đã chúi những cặp kính trắng dày cộm của họ trên trang giấy soi ngắm, trích cú tầm chương, mong làm sáng tỏ thân phận nàng, những cuộc tình duyên mà nàng đã kinh qua, điểm danh những khuôn mặt đàn ông từ kẻ hào hoa phong nhã đến trang tài tử văn nhân trong từng lời từng câu nàng nhắc nhở đến, dù bụi ngùi, dù đôi khi còn nhuốm cả màu cợt nhả nhưng vẫn thấm đậm chất tình. Văn học sử là công tác tuy có ích vẫn rất nhàm chán, vậy nhưng nó đòi hỏi chẳng

những sự nghiên cứu hết sức bác học của những đầu óc đầy chữ nghĩa mà còn vụ tinh thần vô tư rất mực; đừng nên mon men vào chỗ ấy mà e có khi bị tẩu hỏa nhập ma chứ chẳng phải chơi. Bởi tôi yêu nàng quá mà lại không vào được nên đành đứng ngoài và lại được lãi thêm cái quyền nói hươu nói vượn mà chẳng ai thềm bắt bẻ.

Câu chuyện nào cũng bắt đầu bằng gốc gác của nó, nhưng chỉ nội xuất xứ của nàng đã phải làm nên nghi vấn. Nếu ông bố nàng là ông nào cũng đã chẳng được khẳng định thì thử hỏi thân phận chính nàng sao lại chẳng lao đao hời người đàn bà mang tên *hoa mai bay trên hồ* ? Phải chăng nàng là nhân vật tưởng tượng mà cả một tập thơ dày kia cũng chỉ là cách đùa cợt của một văn tài các cớ nào đấy thác lời nàng và lờm dờm hơn hai trăm năm bọn hậu thế chúng ta? Trong văn học Việt Nam cận đại cũng đã có lần mọi người thắc mắc về nguồn gốc một TTKh tác giả dăm bài thơ khóc người tình lỡ trong khi đã có sự hiện diện trên văn đàn nhà khảo cứu văn học nghiêm túc Hoài Thanh nếu không muốn kể đến những bậc tiền phong từ Phạm Quỳnh, Dương Quảng Hàm, Thiều Sơn, Trần Thanh Mại, Lê Thuớc ..v.v... tại sao đội ngũ hùng hậu ấy đành bỏ qua một trường hợp ly kỳ mà không thử soi ngắm qua chiếc loupe cầm sẵn trên tay? Phải đợi đến khi đọc *Long Biên Trúc Chi Từ* của ông hoàng Miên Thẩm kẻ hậu sinh mới biết quả thật nàng đã từng hiện hữu và khổ đau. Nếu không khổ đau quần quai thì làm sao Tùng Thiện vương lại ta thán dường vậy?

*Truyện tàn chi thổ nhất dinh
Xuân Hương qui khứ thảo thanh thanh
U hồn đảo để kim như túy
Kỷ độ xuân phong xuy bất tỉnh*

Một nhà thơ thương cảm cho một nhà thơ khác, *ta cũng nói tình thương người đồng điệu*. Nhưng chưa đủ đâu. Thương chưa đủ, phải uất hận dùm nàng. Quả nhiên người nghệ sĩ có cái nhìn thấu bốn cõi, có cái biết vượt thế nhân thường tình, có cái khắc khoải của sợi tơ li ti run rẩy nơi con côn trùng cảm nhận được những đổi dời mưa nắng. Ngày ấy xã hội Việt Nam còn quá khép kín, tư tưởng Việt Nam còn quá câu nệ, thành thử tư tưởng cùng cách thể nổi loạn của nàng đã không được chấp nhận; cũng may riêng thi ca thì còn được truyền tụng đến giờ. Nhưng hiểu nàng qua văn tự chưa đủ; phải hiểu nàng qua tư tưởng và qua cuộc sống thực kia.

Người đàn bà Mỹ da đen một ngày 1 tháng 12 năm 1955 sau khi tan tầm, trèo lên chiếc xe buýt tìm một chỗ ngồi chỉ trông chóng về đến nhà; xảy có anh da trắng cũng lên xe và người tài xế yêu cầu bà nhường ghế cho anh ta, bà từ chối và như thế bà bị bắt giam mở đầu cho cuộc đấu tranh bất bạo động do mục sư M. L. King khởi xướng kéo dài đến tháng 11 năm sau mới chấm dứt khi tòa án phán quyết rằng xe buýt có phân chia chỗ ngồi cho người da trắng và người da đen là bất hợp hiến. Đó là chuyện xảy ra vào nửa thế kỷ hai mươi và trên đất Hoa Kỳ được xem là một trong những quốc gia có tinh thần dân chủ của thế giới ngày nay, nhưng Hồ nữ sĩ của chúng ta ở xứ phong kiến và vào giữa thế kỷ mười chín thì dù tranh đấu chỉ cho cá nhân nàng cũng chưa được còn mong gì cho người phụ nữ nói chung đang chịu sự đè ép của giới đàn ông. Nói nào ngay, tranh đấu cho đám đông để đạt chính nghĩa hơn là tranh đấu cho cá nhân mình; Rosa Park nhờ vậy trở nên bộ mặt tiêu biểu cho cuộc tranh đấu cho quyền bình đẳng màu da mà chưa chắc khi bước lên chiếc xe buýt và từ chối không chịu nhường chỗ cho anh đàn ông da trắng bà đã tưởng tượng ra hậu quả ...hoành tráng dường ấy! Còn Simone de Beauvoir ở xứ Tây thì lại hoành tráng cách khác. Chữ nghĩa um sùm, đầu óc thông thái, viết hàng ngàn trang sách triết lý cao xa chỉ để xác nhận có một điều: "người ta không sinh ra *đã là* đàn bà mà người ta sẽ *trở nên* !" Trời ơi, nếu hồi xưa không có chút chút Nguyễn văn Trung, không có chút chút Trần Văn Hiến Minh, Lê Tôn Nghiêm... dẫu bụng thì khó mà biết bà ta muốn nói gì. Rõ ràng bố mẹ chúng ta khi đưa bà vợ vào nhà hộ sinh xảy nghe tiếng trẻ khóc oe oe thì ông bố liền lĩnh xông vào mặc kệ cho bà mẹ la ó phản đối, giật lấy trẻ sơ sinh giằng cái háng nó ra mà nhìn thử xem đó là thằng cu hay cái hím, tại sao còn phải chờ bà Beauvoir phán quyết? Nhưng xứ Tây khác xứ mình, nội bà Beauvoir ho lên một tiếng hay khạt đờm trong cuống họng ra là đủ cho quần chúng vỗ tay rào rào. Càng nói thì

càng thương cho người mình, cho nữ sĩ tài hoa xứ Mít. Hôm nọ vào nhà sách thấy bày bán những tác phẩm của Françoise Sagan bèn xông đến dòm ngó, thấy cuốn nào cũng trình trọng mang một cái băng ngang quảng cáo nào là tác phẩm chưa xuất bản nào là tác phẩm đầu khi tác giả mới mười tám tuổi nào là vở kịch bao trùm triết lý muôn thuở muôn nơi nào là những giòng viết trong cơn đau sau tai nạn xe hơi phải nằm bệnh viện chịu giải độc vì dùng quá nhiều morphine. Mỗi sự việc dù nhỏ nhít của nhà văn cũng làm nên cơn chấn động nhiều con số trên bậc thang Richter. Kể hèn này mua về đọc thử mới thấy rằng mình bị lừa. Không phải hề là thiên tài thì khật nhổ đờm giải cũng phải gom cất trong rương đâu. Nghiệm ra bất bình đẳng xã hội không chỉ gồm chất và lượng của bát cơm ta ăn mỗi ngày. Từ chỗ no cơm sẽ đến ẩm cật và rồi còn những chuyện khác nữa. Nhà văn xứ người vài ba năm rặn ra một cuốn sách đã đủ để sống phè phởn trăm năm còn ta suốt đời cày cuốc “An nam nhất thôn thổ” như ông bạn Ngô Phan Lưu của tôi chỉ đủ để uống café!

Kể chuyện người chỉ thêm buồn cho số phận mình hẩm hiu. Thôi thì sẵn hươu sẵn vượn ta cứ thừa thắng mà xông lên. Căn cứ theo những tìm tòi “chân chính” thì nàng kém nhan sắc, có vị lại bảo nàng rõ hoa mè. Theo ý ta thì ba phải hơn: cái đẹp tùy thuộc mắt nhìn, còn hoa mè có khi cũng duyên dáng; mà thêm nữa, thông minh là một thứ nhan sắc đấy. Thông minh là một thứ duyên ngầm; bạn cứ thử trò chuyện với người thông minh một lát rồi sau đó hãy phán xét: có phải bây giờ ngấm lại người ấy đẹp lên bội phần không? Vả cái nhà ông tổng Cóc (tên xấu chứ hẳn người không xấu) là tay tài tử hào hoa, giàu có lại văn chương đầy mình, dễ gì theo đuổi một Thị Nở trong khi bà vợ lớn chắc chắn là một Hoạn Thư sẵn sàng ăn thịt ông? Liệu nó phải có giá của chữ liêu chứ. Điều đáng nói là đời nàng lao đao, lao đao như dân tộc Việt lao đao. Bởi anh chàng quá phong lưu nên phải nợ, mà vì nợ nên phải bỏ nhà trốn đi bỏ lại người vợ lẻ bơ vơ bụng mang dạ chửa. Sống với ông phủ Vĩnh tường thì cũng chỉ sống đời tổng Cóc nổi dài thôi, nhưng nhằm lẫn của người đời thuộc về sự *nhằm lẫn phiên dịch* (hay dùng ngôn ngữ thời thượng: nhằm lẫn trong cách giải mã). Họ bảo rằng nàng thiếu nhan sắc nên đành nhận phận làm lẽ, sao không xoay ngược lại phương trình? Nàng bất chấp chuyện lẽ hay chẳng nhưng đáng kể là đối tượng, liệu đối tượng có đáng để chung giường chẳng. Lại nữa, căn cứ trên những bài thơ ẩm ướt xác thịt mà kết luận vội vã rằng nàng bị ám ảnh bởi *bị đạn rử quai đen*, thì xin cãi lại rằng một đời ta loanh quanh tìm kiếm không phải chỉ tìm đến cuộc cờ người mà còn những gì cao xa hơn đắm thắm hơn sâu thắm hơn hang *các có* nhiều. Lập luận về tác giả Lưu Hương Ký, lý lẽ phủ nhận cho rằng nàng chỉ quen làm thơ rất là trữ ...dục trong khi hơi thơ Lưu Hương Ký điềm đạm nghiêm minh. Nói thế là giản lược cá tính nàng, phong cách nàng đến độ cuối rồi. Con người có nhiều mặt của nó chứ. Lựa chọn một loại hình văn học, nuôi dưỡng một văn phong chỉ là tìm phương cách diễn đạt mà người viết cho là thích hợp; (chứ cứ theo cách lập luận ấy e có ngày người ta tìm núp sau ...chuồng heo nhà văn nữ Lê thị Thắm Vân để xem coi bà xử sự có khác người chẳng), huống chi người ta cũng tìm thấy bút tự nàng ở Vĩnh phú, chẳng hạn trên đôi bình bằng gỗ bốn câu thơ hán văn: *Thảo lai băng ngọc kính/Xuân tận hóa công hương/Độc bằng đan quế thượng/Hào phóng bích hoa hương* như vậy cũng có khi nàng chừng chặc chứ, chẳng lẽ cứ chót nhả treu chọc mãi! Mà ngay khi chót nhả đùa vui không phải người ta không tìm thấy nàng bỗng nhiên trang nghiêm mà van lơn chua chát: *Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi/Này của Xuân Hương đã quệt rồi/Có phải duyên nhau thì thăm lại/Đừng xanh như lá bạc như vôi*. Đã đọc bài ấy thì xin đừng nhếch mép mỉa mai cười đều nữa, hãy nghiêm trang lại coi nào! Điều quan trọng hơn, trong Lưu hương ký có bài gửi “Cần chánh học sĩ Nguyễn Hầu, Hầu Nghi xuân, Tiên điền nhân” thì không chối cãi được đây là chàng Nguyễn hào hoa tác giả truyện Kiều. Bây giờ, vấn đề là sự *thật* thì tài hoa có gặp và có đan díu với tài hoa không? Trời, *thiên lý năng tương ngộ* mà, biết đâu được!

Gió Xuân nhẹ và mát rượi, người đàn ông có dáng đi khập khiễng vì một chân bên phải là thật, còn bên chân trái là giả, gương mặt méo mó dị dạng bởi làn da nhăn nhúm lại kéo thành một đường rãnh sâu, đôi vết sẹo lồi lõm, có lẽ là do di chứng của một trận cháy nào đó làm nó bị phỏng. Không thể đoán được tuổi của ông ta, có thể là còn trẻ nhưng vết sẹo lại làm cho ông ta trở nên già. Ông ta đứng ngoài hàng rào gọi với vào:

Trời Thăng long vào tiết thu vừa đẹp vừa buồn. Mặt nước như sánh lại, mây rặng liễu cơ hồ ủ rũ hơn, những chiếc lá thon hình thuyền uốn cong khép vào nhau e dè không còn muốn reo vui theo cơn heo may làm ngã nghiêng cành, cong cớn sợ phải nhúng mình xuống giòng nước băng giá. Đôi sâm cầm lượn một thoáng qua mặt hồ rồi mất dạng về phía xa nơi đám mây xám giăng ngang có chấm vạch son hồng của tia mặt trời yếu ớt. Con đường lát gạch gập ghềnh bởi hàng vạn bánh xe lại qua nghiêng lên dè xuống khiến lòng đất bên dưới tưởng như đang cắn chặt đôi hàm chịu đựng. Chát đất sét ngấm nước lâu ngày dãi nắng dầm mưa trở nên khô cứng như đá tảng. Rải rác đã thấy những đôi nam thanh nữ tú bên nhau dạo phố. Chốn kinh kỳ về chiều người người, ngựa xe qua lại đông đúc nhưng đến đêm thâu khi cuộc chơi giọng hát tiếng đàn đã vãn, tiếng vó ngựa cô đơn của dăm ba kẻ giang hồ nện xuống mặt lộ nghe nhói buốt cả tâm can đối với người nơi cô phòng. Là nàng đấy, chẳng biết đã bao nhiêu đêm phòng không gối chiếc –khi người khách cuối cùng rời quán và con hầu ra ngã liếp phen che cùng thối tắt dây đèn trên những chiếc bàn rượu– đã dấu tiếng thở hắt chờ đợi những trần trọc đêm dài và tự hỏi mình như câu thơ Giả Đảo:

Thế gian hà vật thôi nhân lão ?

Điều gì trên cõi đời này đã khiến nàng bạc tóc? Tuổi xuân qua vội và vườn Cổ Nguyệt vẫn vắng bóng đàn ông để người sương phụ trẻ đêm đêm nằm đếm tiếng gà eo óc và tiếng vó ngựa gõ lên mặt đường. Tuy đã hai ba đời chồng, thiếu phụ vẫn hầy còn trẻ, còn hừng hực xuân tình. Có một thân xác đầy sức sống, chẳng lẽ đó là một cái tội? Mặc cho thiên hạ diễn dịch nhằm lẫn qua những vần thơ nàng gieo, nàng cũng chỉ là một thiếu phụ như trăm ngàn thiếu phụ khác, chỉ ao ước có người cận kề bên gối; có điều không phải bất cứ con đực nào mà là đáng trọng phụ– nếu không là một Kim Trọng văn vẻ thì ít ra cũng đừng Thúc sinh run rẩy bạc nhược. Trong hồn nàng còn giữ nguyên hình bóng người năm ấy, chàng văn nhân đất Hồng lĩnh một lần ghé vườn Cổ nguyệt cùng vài người bạn. Chàng rụt rè ít nói có lẽ vì quen sống nơi thôn dã, cũng có lẽ bởi cuộc sống quá thanh đạm hay vì ...“danh tiếng” nàng (liệu đối với chàng là phương danh hay xú danh?). Khi được biết đây là tác giả Thanh hiên thi tập thì lòng nàng đã bị choáng ngợp, nàng lúnh quính gọi kẻ con hầu bảo ra vườn moi hủ rượu chôn lâu ngày kê bên gốc bưởi mang vào đãi khách quý. Rượu cất đã nhiều năm lại trộn bằng chất the của loại cam sành, những quả cam không ai nhá nổi vì nhét đắng nhưng lại là chất xúc tác tuyệt vời giữa nồng nàn của mầm gạo đã lên men hòa cùng vị nhân nhẩn the the để khi một lần chảy qua cửa miệng, mùi ngọt ngào chen cùng vị đắng chát bốc lên khiến môi thêm mềm và mắt ai thêm long lanh. Ba người bạn thì đã hai mềm oặt gục xuống bàn. Họ say thật hay say vì lịch lãm? Kẻ đã được chàng nhận làm bạn hẳn cũng phải là kẻ hào hoa tài tử, có lẽ như vậy nên họ đủ tế nhị nhận ra nàng choáng váng. Không vì hơi rượu đãi đằng mà vì niềm hân hoan gặp người đồng điệu. Nguyễn vẫn ung dung tỉnh táo nhấp từng hớp rượu nhỏ. Bây giờ chàng đã bạo dạn hơn và hoạt bát hơn tuy cử chỉ đối xử vẫn không vượt khỏi vòng sơ giao nam nữ. Họ đọc thơ cho nhau nghe. Không ngờ chàng biết khá nhiều những bài thơ nôm nàng viết.

Nguyễn thuộc lớp sĩ phu trưởng thành khi tình trạng đất nước nhiều nhượng tốt độ mà ý thức trung quân ái quốc học trong sách vở khó bề áp dụng vào thực tại xã hội. Trung thành với ai? Với nhà cựu Lê khi mọi thực quyền đã nằm trọn trong tay anh em chúa Trịnh hay tìm về đất Bình Khê ngả theo chúa mới? Mọi đầu óc tự do đều có thể đi đến kết luận đó nhưng nền giáo dục Khổng Mạnh như căn bản tri thức tạo nên tinh thần Nguyễn vẫn không cho phép chàng dứt khoát. Chàng đang đứng giữa ngã ba đường. Khi chàng đã không thi thố được bốn phận làm trai với đất nước thì chàng rất dễ ngã vào đôi mắt giai nhân, như một chọn lựa giữa hai đường xuất/xử. Yêu người đàn bà nhan sắc chỉ mới là dục vọng thỏa thuê; yêu người đàn bà bởi tâm hồn nàng thì mới thật sự là một hòa hợp nam nữ. Nguyễn lãng mạn đa tình nhưng vẫn là một nhà nho “qua vườn dưa không cúi mình sửa dép, qua vườn đào không đưa tay vin giải mũ”. Nàng lại khác. Khi tiếng gà eo óc gáy sang canh và những ngọn hồng lạp leo lét tàn trong gian quán bỗng dựng thênh thang hoang vắng, nàng cầm tay Nguyễn săn sóc: “Hắn quân tử đã thấm mệt, vườn Cổ nguyệt tuy là chỗ thô lậu quê mùa nhưng chắc cũng có thể xoay sở được nơi cho người ngồi nghỉ. Liệu tiện thiếp có được cái hân hạnh rước người ngã mình giây lát trước khi ngày rạng?”

Quá trưa hôm sau, ba văn nhân vái chào nữ chủ ra đi. Thiếu phụ tiễn họ, đứng chân bên rặng liễu, nhìn với cho đến khi ba chiếc bóng vừa người vừa ngựa chỉ còn là ba chấm nhỏ như ba dấu

phẩy xạm màu mực tàu như khi cụ đồ vung bút trên mặt giấy bản. Vườn Cổ nguyệt lại trở về với hoang vắng, có lẽ còn hoang vắng tiêu điều hơn trước khi “Tiên Điền nhân” một buổi ghé lại. Tùy góc nhìn của những kẻ trong cuộc, tình yêu đến với họ theo như cách họ muốn đón nhận. Có thể người nọ chỉ xem như một sẩy chân bất ngờ trong khi kẻ kia ôm ấp nâng niu; cũng có thể nó được chôn dấu không phải vì ta coi thường mà vì một ngăn chặn nào đó. Kẻ hậu sinh vẫn quen thói soi rọi khám phá bằng chính tâm tình mình mà quên mất lẽ thói tập quán cùng lối suy nghĩ của người xưa. Quả thực Nguyễn đã thương vay khóc mượn khá nhiều; chàng đã có lần tự cười mình “khéo dư nước mắt khóc người đời xưa” nhưng liệu có ai giải thích rằng khóc người cũng chỉ là để khóc mình đấy thôi? Cách trao gửi tâm sự kín đáo của nhà nho đã được tìm thấy nhan nhản trong nhiều tác phẩm của chàng qua tình cảm vay mượn đối với những người đàn bà, từ cô gái đánh đàn, cô gái hái sen, kẻ có tên có họ người lại vô danh tính, chung quy vẫn là những phút giây chạnh lòng mà chỉ người nghệ sĩ với nguồn cảm xúc nhạy bén mới bắt chộp được.

Không ai biết mối tình ấy có thật hay không. Nhưng chắc chắn mọi người khi tưởng tượng rằng chàng Nguyễn tài hoa nếu có cơ hội gặp nữ sĩ họ Hồ chắc khó thể cưỡng lại những cuồng hút kéo lôi giữa hai tâm hồn giàu sang phong phú ấy. Còn hạnh phúc nào hơn khi người đàn ông và người đàn bà có tâm hồn vừa phóng khoáng vừa nhạy cảm gặp nhau và được nằm trong vòng tay nhau? Trong Lưu Hương Ký người đời sau tìm thấy bài thơ gửi “Cần chánh học sĩ Nguyễn Hầu -Hầu, Nghi xuân, Tiên điền nhân” Bài thơ ấy như sau:

*Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung
Mượn ai tới đấy gửi cho cùng
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập
Phấn son càng tủi phận long đong
Biết còn mấy chữ sương siu mấy
Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong*

Tên người nhận thì rõ ràng rồi không ai chối cãi được. Danh hiệu, chức tước, gốc gác có đủ. Nhưng người gửi là ai? Không biết! Phải chỉ tìm được anh phắc-tựa mà truy cho ra mọi lẽ. Cụ Nguyễn kín đáo, khiêm tốn quá, ngược lại với tâm lý con người ngày nay. Khi quần chúng đặt dấu hỏi về TTKh thì có ít nhất vài ba ông vỗ ngực nhận mình là người yêu của nàng, kẻ mà nàng dấu trong tim. Ông nào cũng nhắc tới vườn Thanh, tới hoa ăng-ti-gôn. Còn cụ Nguyễn vì sao cụ không chịu khai (hồi ấy cụ bà qui tiên rồi cụ còn ngại ngùng nỗi gì hở cụ?) để câu chuyện giờ này trở thành vắn nạn? Xét thân thế và sự nghiệp nhà thơ, mọi người đều rõ là sau nhiều năm bôn ba Tổ Như tiên sinh đã tìm về dưới trướng nhà Nguyễn. Lúc đầu làm tri huyện, sau lên tri phủ, chỉ là những cấp bậc hành chánh nhỏ nhưng quan trọng là được vua chọn gửi đi sứ và tiếp sứ Tàu nhiều lần. Tinh thần bài thơ cũng rất hợp với hoàn cảnh của Nguyễn, có lẽ là lúc ông đi sứ. Hai câu đầu rất rõ ràng: chàng đi xa, nàng mong nhớ. Câu thứ ba nói về mối tình giữa họ đã kéo dài ba năm. Ba năm không có nghĩa là trong ba năm ấy họ ở với nhau hoặc gặp nhau đều đều (để có thể có chứng cứ rõ ràng); có thể chỉ là một thoáng gặp gỡ và ba năm nhớ thương (tính đến ngày chàng đi sứ). Rõ ràng là trong ấy tâm tình người viết tỏ ra thất vọng: *Giấc mộng rồi ra nửa khắc không*. Đã vậy tại sao các nhà nghiên cứu còn sục sạo chứng cứ? Càng về sau, hoàn cảnh vật chất và tinh thần của đôi bên càng xa cách: *Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập*, nàng cam đành với tình cảnh đó: em (kín đáo) mừng cho anh nay sống cuộc sống kẻ đón người đưa, và cũng buồn tủi cho thân phận mình: liệu nàng sẽ phải kéo dài mãi cuộc sống lẻ loi như thế này ư?

Đấy, cái nói hươu nói vượn của tôi như vậy đấy. Truyền thuyết là giấc mơ của tập thể. Tôi là thành phần của tập thể nên có quyền thừa kế và phát triển theo chiều hướng nào đó. Xin hãy cho tôi được phép kể ra giấc mơ nói dài ấy như một lối lộng ngôn... “Vui thôi mà!”

ĐẶNG ĐÌNH TÚY

NGÀY XUÂN ĐỌC THƠ XUÂN ĐƯỜNG TỔNG

HUYỀN VIÊM

Xuân với thi nhân dường như có duyên nợ từ xưa. Không một nhà thơ nào lại không có ít nhất vài ba bài thơ xuân đặc ý. Ấy là vì cảnh xuân, tình xuân, sắc xuân, hương xuân rất dễ hòa hợp với lòng người khiến cho ai nấy cảm thấy mình như lớn lên, như trẻ ra và lòng chứa chan hy vọng. Các nhà thơ Trung Hoa đã không tiếc lời ca ngợi cảnh sắc mùa xuân với muôn tía nghìn hồng. Nhà thơ Chu Hy đời Tống đã khéo vẽ nên một bức tranh xuân linh động :

*Bến Tứ trời quang dạo gót chân,
Cảnh nào là cảnh chẳng thanh tân.
Gió xuân đã để người xem mặt,
Muôn tía nghìn hồng một sắc xuân.*
(Xuân Nhật – Tùng Vân dịch)

Nói đến xuân là nói đến trắng, xuân thiếu trắng thì xuân kém đẹp mà trắng thiếu xuân cũng giảm đi cái vẻ nõn nường. Nhà thơ Trương Nhược Hư đời Đường đã tả cảnh trắng xuân trên sông thật là kỳ thú :

*Liền mặt biển, sông xuân nước rẫy,
Trên làn khơi, trào đầy trắng ra.
Sóng dòn muôn dặm bao la,
Sông xuân một dải, đâu là không trắng.*
(Xuân giang hoa nguyệt dạ – Ngô Tất Tố dịch)

Trắng xuân trên sông đã đẹp mà trắng xuân trên hồ lại càng đẹp biết bao ! Mặt nước hồ tĩnh lặng in bóng chị Hằng khiến khách nhàn du tưởng chừng hạt châu gieo đáy nước. Cảnh nên thơ ấy đã được Bạch Cư Dị vẽ lại một cách tài hoa trong bài "Xuân đề hồ thượng" :

*Xuân đến trên hồ tựa bức tranh,
Nước êm phẳng phẳng, núi vòng quanh.
Sườn non bích trải : từng muôn cụm,
Đáy nước châu gieo : nguyệt một vành.*
(Khương Hữu Dụng dịch)

Trắng cao, xuân lạnh vì làn gió đêm đã thổi qua ; trong khung cảnh ấy, người ca vũ được vua sủng ái, ban cho chiếc áo cẩm bào ở ngoài hiên hẳn thấy lòng ấm áp biết bao ! Vương Xương Linh đã vẽ nên bức tranh linh động có gió, có trắng, có đêm xuân lạnh và nhất là có tình của đấng quân vương đối với nàng ca vũ :

*Trận gió đêm qua nở giếng đào,
Vị Ương điện trước, bóng trắng cao.
Vua vừa sủng ái người ca vũ,*

*Xuân lạnh ngoài hiên tặng cảm bào.
(Xuân cung khúc – Trần Trọng San dịch)*

Với Vương An Thạch thì đêm xuân tuy đẹp nhưng gió lạnh lất phất từng cơn, màu xuân nào người đến không ngủ được, nhìn ra thấy ánh trăng xuân lung linh huyền ảo đã dòi bóng hoa đến tận lan can :

*Giọt rông lặng tiếng, đỉnh hương tàn,
Lất phất từng cơn ngọn gió hàn.
Xuân sắc nào nề thao thức mãi,
Bóng hoa, trăng nhắc tới lan can.
(Xuân dạ – Nam Trân dịch)*

Mùa xuân là mùa của muôn hoa khoe sắc. Buổi chiều, khi các loài hoa khác đã tàn thì riêng hoa mai vẫn tươi nở làm rực lên một khoảng vườn con và hương thơm tỏa bay trong ánh trăng dịu nhẹ lúc hoàng hôn. Lâm Bô đời Tống đã cảm thụ được vẻ đẹp ấy của hoa mai :

*Giữa đám hoa tàn giữ vẻ tươi,
Vườn con một mảnh đẹp mười mười.
Cành thưa ngả bóng ngang lòng nước,
Hương thoảng vờn trăng lóe góc trời.
(Mai hoa – Nguyễn Văn Tú dịch)*

Nếu hoa mai có vẻ đẹp thanh nhã thì hải đường lại có vẻ đẹp rực rỡ với sắc hồng quyền rũ khiến cho đêm xuân đã về khuya mà Tô Đông Pha vẫn còn kêu ca ngọn đèn để ngắm hoa vì sợ hoa ngủ :

*Phe phẩy màu xuân ngọn gió đông,
Bên thềm sương ngát ánh trăng lồng.
Cành khuya những sợ rồi hoa ngủ,
Kêu ngọn đèn cao ngắm vẻ hồng.
(Hải đường – Hoàng Tạo dịch)*

Màu hồng của hoa ánh với màu hồng của gương mặt giai nhân thì càng đẹp biết bao ! Một ngày xuân, Thôi Hộ đã có cái duyên may gặp người đẹp đứng bên hoa đào, đôi má giai nhân ứng hồng vì màu hoa xuân rực rỡ khiến cho thi nhân quyền luyến chẳng nở rời. Năm sau trở lại thì giai nhân đã vắng, chỉ còn hoa đào cười với gió đông :

*Hôm nay, năm ngoái, cửa này,
Hoa đào ánh với mặt người đỏ tươi.
Mặt người chẳng biết đâu rồi,
Hoa đào còn đó vẫn cười gió đông.
(Đề tích sở kiến xứ – Trần Trọng Kim dịch)*

Mãi say sưa với giấc xuân, đêm tàn lúc nào không hay, đến khi chim kêu riu rít thì thi nhân mới biết trời đã sáng. Chợt nghĩ đến đêm qua mưa gió to bời, biết bao cảnh xuân đã tả tơi trong gió, Mạnh Hạo Nhiên cảm thương cho số phận mỏng manh của những cảnh hoa tan tác rụng :

*Giấc xuân trời sáng không hay,
Chim kêu riu rít từng bầy khắp nơi.
Đêm qua mưa gió to bời,
Biết rằng hoa cũng có rơi ít nhiều.
(Xuân hiều – Trần Trọng Kim dịch)*

Nhưng Vương Duy lại không thương tiếc hoa rụng, hoa bay. Đối với nhà thơ này, vui xuân không có gì bằng uống rượu. Mỗi năm, xuân lại về một lần, người ta mỗi ngày một già thêm, cuộc đời ngắn ngủi, vậy còn gì hơn là vui say với vò rượu cho quên hết sự đời, còn hoa nở, hoa tàn, hoa rụng, hoa bay là chuyện tự nhiên, thương tiếc làm gì cho mệt. Ngày xuân cũng vậy, hơi đâu mà tiếc xuân qua. Vương Duy đã bày tỏ ý ấy trong bài "Tống xuân từ" :

*Mỗi ngày người một già thêm,
Năm qua, năm tới lại đem xuân về.
Vui say vò rượu sẵn kia,
Công đâu mà tiếc làm gì hoa bay !*
(Trần Trọng Kim dịch)

Trước cảnh xuân không phải ai cũng vui. Xuân về giữa lúc chiến tranh ly loạn, non sông bị tàn phá, trong thành xuân cây cỏ mọc đầy không ai chăm sóc đến nỗi hoa cảm thương cho thời thế cũng phải rơi lệ, chim sợ hãi trước cảnh sinh ly tử biệt của người đời. Đỗ Phủ đã cảm khái trước cảnh đổ vỡ hoang tàn của chiến tranh :

*Nước tàn, sông núi còn đây,
Thành xuân cây cỏ mọc đầy khắp nơi.
Cảm thời, hoa cũng lệ rơi,
Chim kia cũng sợ hận người lìa tan.*
(Xuân vọng – Trần Trọng San dịch)

Buồn nào cho bằng cảnh hiu quạnh của khu vườn hoang lúc xuân về. Vườn ấy trước kia sầm uất vui vẻ biết bao, thế mà giờ đây đều hiu cô tịch. Mỗi khi chiều xuống chỉ có đàn quạ bay lượn lững lờ, xa xa vài nóc nhà lơ thơ, thưa thớt. Riêng cây cối trong sân không biết người nhà đi hết nên vẫn nở hoa đều đặn lúc xuân về. Hai câu cuối trong bài thơ "Sơn phòng xuân sự" của Sầm Tham thật là gợi cảm :

*Trời tối, vườn Lương quạ dập dìu,
Nhà xa mấy nóc, cảnh đều hiu.
Cây sân chẳng biết người đi hết,
Xuân tới, hoa xưa vẫn nở đều.*
(Ngô Tất Tố dịch)

Nhưng buồn nhất trong ngày xuân có lẽ là những thiếu phụ sống trong cảnh cô đơn chiếc bóng. Điểm trang cho đẹp để ai ngắm ai nhìn? Cả một trang viện đều buồn. Nàng bước xuống lầu, một mình đi dạo trong sân, đếm từng đóa hoa xuân đã nở. Có con chuồn chuồn từ đâu bay đến đậu vào cành trâm trên đầu nàng khiến nàng càng cảm thấy cô đơn. Lưu Vũ Tích đã tả nỗi cô đơn ấy của người thiếu phụ trong bài "Xuân từ" :

*Điểm trang nàng bước xuống lầu,
Buồn chan chứa viện, khóa màu vẽ xuân.
Bước ra đếm đóa hoa sân,
Chuồn chuồn bay đậu cành trâm trên đầu.*
(Trần Trọng San dịch)

Xuân về mà chàng đã đi xa, trong cảnh cô quạnh ấy chỉ có gió xuân len lén vào phòng khiến người thiếu phụ nhớ đến dòng Tương chia cách. Nàng đắm chìm vào giấc mộng xuân, mơ thấy theo chàng đến tận Giang Nam muôn dặm. Sầm Tham đã nói lên nỗi lòng của người thiếu phụ xa chồng :

*Gió xuân đêm trước vào phòng,
Mỹ nhân xa nhớ trên dòng Tương giang.*

*Mộng xuân một giấc mơ màng,
Giang Nam muôn dặm một đường ruổi mau.
(Xuân mộng – Trần Trọng Kim dịch)*

Nói đến cảnh xa chồng lúc xuân về, thi vị nhất là bài thơ "Xuân tứ" của Lý Bạch. Nàng thiếu phụ ở nước Tần có chồng đi lính ở nước Yên. Khi cỏ Yên xanh như tơ biếc thì dâu Tần cũng nảy cành xanh. Khi chàng nhớ nhà muốn quay về thì cũng là lúc nàng nhớ chàng đến đứt từng đoạn ruột. Nhưng mong chàng chẳng thấy, chỉ thấy ngọn gió xuân vốn không quen biết, cứ chi lại tự tiện lọt vào chốn phòng khuê?

*Cỏ Yên vừa phát tơ xanh,
Dâu Tần cũng nảy mươi cành lục thâm.
Lúc chàng đau nỗi xa xăm
Ấy khi thiếp cũng tím bầm ruột gan.
Gió xuân ơi! Chớ sổ sàng,
Ai quen biết với, vào màn với ai?
(Hồ Đắc Định dịch)*

Còn nàng thiếu phụ kia, tuổi trẻ chưa biết buồn rầu, vì ham chút công danh đã xui chồng ra trận để tìm ấn phong hầu. Đến khi sống cô đơn, lên lầu nhìn màu xanh cây liễu mới hối tiếc cho tuổi xuân qua mau mà không được sống gần chồng, nhưng hối tiếc thì đã muộn. Nỗi hận ấy của người thiếu phụ chốn phòng khuê đã được Vương Xương Linh diễn tả bằng nét bút tài hoa trong bài thơ "Khuê oán":

*Trẻ trung nàng biết đâu sầu,
Buồng xuân trang điểm, lên lầu ngắm gương.
Nhác trông về liễu bên đường,
"Phong hầu" nghĩ đại, xui chàng kiếm chi!
(Tản Đà dịch)*

Người khách phương xa mỗi khi xuân về sao khỏi cảm thấy nhớ nhà. Nước trôi hoa rụng vô tình có hiểu đâu nỗi lòng người lữ thứ. Đêm nằm mơ thả hồn về cố lý mà cảm thấy chua xót ngậm ngùi, soi gương thấy tóc đã trắng như sương, vậy còn chờ gì nữa mà không về với phong cảnh ngũ hồ đang mong đợi. Nỗi niềm ấy được Thôi Đồ tả lại trong bài "Xuân tịch lữ hoài":

*Suốt năm vắng bật tin nhà,
Ngày xuân giục giã tóc hoa bạc đầy.
Muốn về là được về ngay,
Năm hồ phong cảnh còn ai tranh giành.
(Trần Trọng Kim dịch)*

Từ xưa, các nhà thơ nổi tiếng của Trung Hoa đã lưu lại cho đời biết bao vần thơ xuân tuyệt tác. Ngày nay, tuy sống giữa thời đại văn minh nhưng mỗi lúc xuân về, ngồi bên cạnh mai đoá cúc, nhấp ngụm trà thơm, ngâm câu thơ xuân Đường Tống há chẳng phải là cái thú tiêu khiển tao nhã hay sao?

HUYỀN VIÊM



MÙA XUÂN NÓI CHUYỆN ... MÊ GÁI

TUỆ CHƯƠNG HOÀNG LONG HẢI

Tuổi Xuân, tuổi người

Người ta thường ví một đời người như bốn mùa xuân hạ thu đông. Vì vậy, mùa xuân là mùa của tuổi trẻ, mùa của yêu đương. Từ yêu đương mà đâm ra mê thì đâu có bao xa!

Đầu đề tôi viết là mê gái, mê vợ, nhưng có lẽ nào lại không có chuyện mê trai, mê chồng. Có điều lạ, trong lịch sử cũng như trong văn học, trong đời thường, đàn ông, con trai mê gái nhiều hơn đàn bà, con gái mê chồng, mê trai.

Vậy thì bây giờ, nói cái gì trước, về phái nam hay phái nữ?
Nếu nói về đàn bà, trước hết xin nhắc đến câu ca dao:

“Tay mang khăn gói sang sông,
Mẹ kêu mặc mẹ thep chồng cứ theo.”

Sự kiện này, không hẳn chỉ có một mình cô gái trong câu ca dao nói trên, mà hầu như gần hết cô nào, bà nào cũng vậy. Nghe theo tiếng gọi của chồng là bỏ nhà, bỏ mẹ, có khi đi không quay mặt ngoái lại nữa. Thế có phải là ... mê trai???

Người con gái VN khá lãng mạn. Này nhé: “Thương nhau cởi áo cho nhau, Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay.” Ở cái xã hội xưa, nặng lễ giáo mà dám cởi áo cho.. trai, huống chi đời bây giờ thì sao?

Trong lịch sử nước ta (VN), người đầu tiên mê trai là ai?

Là Công chúa Tiên Dung đấy.

Cô là con vua Hùng Vương thứ 3, đi chơi tới một khúc sông, thấy cảnh đẹp và buồn tình lên bãi cát bên sông tắm chơi. Các con hầu vây màn, che kín cho công chúa tắm. Nước sông trong mát, thế là công chúa dội ào ào vào mình. Nước làm cát trôi đi, làm lộ ra anh chàng đánh cá Chử Đồng Tử đang phủ cát trên mình, trốn ở dưới. Tuy hoảng hồn, như công chúa Tiên Dung cũng đủ bình tĩnh hỏi ra có sự. Hồi xưa trai gái gặp nhau đã khó, huống chi gặp nhau trong cảnh ai nấy cũng A-Dong và Ê-Và. Thế rồi Tiên Dung bảo đây là duyên trời định, bèn chọn Chử Đồng Tử làm chồng, và dựng nhà ngay ở bờ sông ấy mà sống với người mới.

Nhà vua gọi, Tiên Dung không chịu về. Vua cho quân lính đến bắt, chuyện xảy ra lung tung cả lên, để rồi cuối cùng, hai người cùng bay lên cõi tiên (xem phụ lục).

Câu chuyện này có vài điều vượt khỏi luân lý ngày trước. Công chúa Tiên Dung tự ý chọn chồng mà không hỏi ý kiến cha mẹ, nói chi tới việc xin xỏ phép tắc. Lấy nhau mà chẳng cưới hỏi gì cả, “ba miếng trầu” cũng không là điều trái phong tục, lễ nghĩa. Cha mẹ gọi không về! Không về, nếu không phải là mê trai thì là còn cái gì nữa đây???

Người ta thường tranh cãi việc người đàn bà đã mê chồng nhưng ít thấy họ thiếu thủy chung. Chuyện Dương Quý Phi chẳng hạn. Có thể Dương Quý Phi yêu vua Đường Minh Hoàng nhiều lắm chứ, yêu thêm Lý Bạch, lại yêu luôn cả An Lộc Sơn, nên mới có cái loạn An Lộc Sơn?

Bao Tự có khác chi?

Châu U Vương mê Bao Tự đến nỗi cho phóng hỏa trên núi Cam Tuyền. Thế nhưng Bao Tự có thủy chung với Châu U Vương đâu? Tây Thi của Ngô Phù Sai, lại bỏ theo Phạm Lãi sau khi ngai vàng Ngô Phù Sai sụp đổ. Còn như “con Điều Thuyền” (tiếng gọi của mấy bà ưa đọc truyện xưa) thì quá lắm. Trong khi làm vợ Đồng Trác, lại liếc mắt đưa tình với Lữ Bố. Có người bênh vực, cho rằng Điều Thuyền “hoàn thành xuất sắc” cái nhiệm vụ được giao đấy!

“Quốc sắc Thiên hương”

(Sắc đẹp đàn bà con gái)

Văn chương không thiếu những câu tán tụng sắc đẹp đàn bà con gái.

Quốc sắc triêu hàm tửu Thiên hương dạ nhiễm y

Có nghĩa là “Sắc nước sáng say rượu. Hương trời tối ướt áo.
Diễn tích về người đẹp thì như trong Cung Oán Ngâm Khúc viết:

**Chìm đáy nước cá lò dò lặn
Lửng da trời nhạt ngấn ngời sa
Hương trời đắm nguyệt say hoa
Tây Thi mất vía, Hằng Nga giặt mình**

Câu thứ nhứt thứ nhì là “Chim sa, cá lặn”, câu thứ ba là “nguyệt then, hoa nhường”. Câu cuối có nghĩa là đẹp hơn cả Tây Thi, Hằng Nga.

Nụ cười của Bao Tự hay của giai nhân làm tổn không biết bao nhiêu giấy mực:

Thơ Vương Tăng Nhu vịnh người hầu yêu: “Nhất tiểu thiên kim mĩ” có nghĩa là “một nụ cười nghìn lạng vàng cũng mua”.

“Nhất tiểu khuynh quốc, tái tiểu khuynh thành”. Cười một cái thì làm “ngiên nước”. Cười lần nữa thì “ngiên thành”, người ta thường gọi tắt là “Ngiên nước, ngiên thành”.

Sắc đẹp làm cho “ngiên nước ngiên thành” mà người đời ca ngợi, có hay ho gì đâu? Đó là thói đa tình, cái đa tình chỉ làm hư thiên hạ. Người xưa họ cũng biết đấy chứ: “Khuynh quốc khuynh thành vì đa tình” (Ngiên nước ngiên thành bởi thói đa tình)

Biết thì biết vậy mà bỏ thì không bỏ được. Thành ra, **Tự cổ mĩ nữ danh họa thủy** (Từ xưa người con gái đẹp đều là mối tai họa).

Cái đẹp của người đàn bà, và cái giỏi của người đàn ông gần nhau mà kết quả ngược nhau: Kinh thi có câu:

Triết phu thành thành, Triết phụ khuynh thành.

Nghĩa là: Người đàn ông giỏi dựng nên một thành trì, người đàn bà đẹp làm ngiên đổ thành trì.

Hồi còn nhỏ, nhỏ lắm, nhà tôi ở cạnh bệnh viện Quảng Trị, tôi từng thấy một anh thanh niên bị bệnh điên. Người ta bảo anh ấy bị sa tình. Sa tình là cái gì? Là sa vào đường tình ái, rồi thất tình nên phát bệnh điên. Tôi không tin điều ấy. Nhưng khi lớn lên, đọc lịch sử, lịch sử văn học, tôi thấy nhiều người, phần nhiều là đàn ông, mê gái còn hơn bị bệnh điên nữa, yêu hay mê đến nỗi xiêu đổ thành quách, đến nỗi mất nước mất nhà thì không là điên hay sao, hay còn tệ hại hơn cả điên, hơn cả “đem tiền cho gái có đòi được không?” Mất tiền là còn nhẹ quá. Trong lịch sử, người ta còn “nặng” hơn nhiều.

Số đàn ông mê gái thì đông hơn mà cũng khủng khiếp hơn. Người ta có thể điểm mặt từng người trong sách sử:

Vua Châu U Vương mê Bao Tự chẳng hạn.

1)- Châu U Vương “nước mất nhà tan” vì Bao Tự:

U Vương nhà Tây Chu vì mê Bao Tự đến nỗi mất mạng, mất nước. Dĩ nhiên, Bao Tự là một giai nhân, tuy không được liệt vào “tứ đại mỹ nhân” của Tàu.

Trong văn học Tàu có câu “Nhất tiểu thiên kim”, có nghĩa là nụ cười đáng giá ngàn vàng cũng chưa nói hết cái tai hại của nụ cười Bao Tự. Còn như câu “Nhất tiểu khuynh quốc, tái tiểu khuynh thành” (cười làm nghiêng nước, nghiêng thành) thì cũng xứng với nụ cười Bao Tự.

Bao Tự ít khi cười, mà khi đã cười thì làm mê mẩn tâm thần ông vua nhà Chu. Vì vậy, ông Châu U vương bèn tìm cách làm cho Bao Tự vui, Bao Tự cười.

Trong Tỳ Bà Hành có câu “*Bình bạc vỡ tuôn đầy mạch nước, Ngựa sắt rong, sà sạt tiếng đao, Cung đàn lựa khúc tiêu tao, **Tiếng chuông xé lụa, lụa vào bốn dây***” là nói tới nụ cười Bao Tự. Đó là việc thứ nhất Châu U vương cho xé lụa từng cây làm cho Bao Tự cười. Tiếng lụa bị xé vang lên nghe như tiếng đàn.

Thứ hai là khói báo tin có giặc. Trong Chinh Phụ Ngâm có câu: “**Khói Cam Tuyền** mờ mịt thức mây” (Trống Trường thành lung lay bóng nguyệt, Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây) là việc Châu U Vương đốt lửa trên “Phong hỏa đài”.

Phong hỏa đài là một phương tiện thông tin ngày xưa, để báo cho chư hầu biết kinh đô có giặc. Một hôm U Vương cho đốt khói lên, chư hầu tưởng có loạn kéo quân về cứu giá. Té ra đó chỉ là việc vua nhà Chu gạt chư hầu cho Bao Tự cười vui. Cái trò chơi đại đột ấy làm cho chư hầu tức giận. Về sau, khi giặc có thật, vua đốt khói trên Phong hỏa đài, chư hầu cứ nghĩ rằng vua lại gạt, nên không đem quân về, để cho U Vương nhà Chu bị giặc giết chết ở núi Ly. Bao Tự thuộc về tay họ Khuyển Nhung, cuối cùng thất cổ tự tận, xong một đời khuynh quốc khuynh thành.

2)- Hán Nguyên Đế giữ được giang sơn nhà Hán, nước Tàu được yên nhờ có Chiêu Quân

Chiêu Quân còn gọi là Vương Tường, Vương Chiêu Quân, một trong “tứ đại mỹ nhân”. Cái đẹp của Chiêu Quân thuộc hàng “chim sa” trong thành ngữ “chim sa cá lặn”, Tàu gọi là “trầm ngư lạc nhạn”. Trong “Cung Oán Ngâm Khúc” có câu “Lững da trời nhạn ngẩn ngơ sa” là mượn điển tích này.

Sách cũ viết rằng khi Chiêu quân sang đất Hồ, ngang qua một sa mạc lớn, lòng buồn vì thân phận, vì xa quê, đang ngồi trên lưng ngựa, Chiêu quân bèn gảy bản đàn tên “Xuất tái khúc”. Tiếng đàn hay đến nỗi con ngỗng trời đang bay ngang qua, nghe tiếng đàn mà ruột gan đứt đoạn, sa xuống đất chết. Đó là điển tích “lạc nhạn”.

Hồ Hán Tà là vua xứ Hung Nô dọa đem quân đánh phá nước Tàu, nếu vua Tàu không gả cho y một công chúa. Thay vì gả công chúa, vua Nguyên Đế nhà Hán gả cho y 5 cung nữ, dĩ nhiên, cung nữ thì không ai xấu bao giờ. Thấy vua Hán lấy 5 mà đổi 1, y bằng lòng. Một trong năm cung nữ, có Vương Tường.

Tuy nhiên, trường hợp Chiêu Quân có nhiều oan trái hơn.

Chiêu Quân vốn có sắc đẹp tuyệt hạng, lại có tài đàn hay hát giỏi. Vì vậy, khi được tuyển vào cung, Chiêu Quân không chịu dứt tiền hồi lộ cho tên thợ vẽ Mao Diên Thọ. Mao Diên Thọ trả thù bằng cách khi vẽ hình Chiêu Quân xong, y thêm một chấm đen dưới con mắt của cô. Sách tướng nói chấm đen đó là nốt ruồi “thương phu trích lệ” (Giọt nước mắt khóc chồng), tức là tướng sát phu (giết chồng).

Khi gọi Chiêu Quân lên để đưa sang xứ Hung Nô, nhà vua thấy Vương Tường đẹp quá, muốn giữ lại, nhưng ngại triều thần, đành phải cho đi mà lòng tiếc rẻ.

Về cái chết của Chiêu Quân có nhiều giả thuyết khác nhau:

a)- Đến “Nhạn Môn Quan”, Chiêu Quân gieo mình xuống sông tự vẫn. Khi đi qua cửa ải cuối cùng này, Chiêu Quân cảm tác nhiều bài thơ hay, hòa cùng tiếng đàn của Chiêu Quân, trở thành điển tích **Hồ Cầm**.

**Cung thương lầu bạc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương**

là hai câu thơ nói về tài đàn của Thúy Kiều (truyện Thúy Kiều)

b)- Chiêu Quân đến đất Hồ, nàng yêu cầu vua Hồ giết chết gian thần Mao Diên Thọ, rồi sau đó nàng tìm cách tự tử, nhảy xuống sông để xác nàng theo dòng trôi trở về đất Trung Nguyên.

c)- Một thuyết khác cho rằng Chiêu Quân đã sống một thời gian dài bên Hung Nô.

Chiêu quân đã góp phần mang lại hòa bình trong 60 năm giữa nhà Hán và Hung Nô.

Phải nhờ đến sự hy sinh của một người đàn bà để vua quan dân chúng Tàu được yên thân, có thể đó là điều không vinh dự gì cho người Tàu và cho cả lịch sử Tàu.

Người Việt Nam khéo léo phê phán bằng một bài thơ:

Vương Tường oán triều đình (1)

Vật chi muông cỏ dám lăng loàn?
Âu hãn trong triều ít kẻ ngoan? (2)
Mặt thấy thư Hồ, văn võ mặt,(3)
Tai nghe nhạc bắc, võ run gan.
Mỡ thơm luống để nuôi thù khấu? (4)
Bùn sũng nào hay đắp ải quan?
Vực nước ví dầu tài Vệ, Hoắc, (5)
Tanh hôi chi để lụy hồng nhan ?

ghi chú:

1)- Vương Chiêu Quân là cung nữ của vua Hán Nguyên Đế, gả Chiêu Quân cho chúa Hung Nô để đổi lấy quan hệ hòa hiếu. Nàng chịu sang Hung Nô nhưng cuối cùng vì buồn thương và uất hận nàng đã tự vẫn.

2)- Câu thơ 3 và 4: Sự hèn nhát của các quan trong triều.

3)- Chỉ Diên Thọ, tên thợ vẽ gian tham

4)- *Thù khấu*: Kẻ thù

5)- *Vệ, Hoắc*: Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, hai người đánh tan được quân Hung Nô (đời Hán)

Năm 1309, Huyền Trân Công chúa về Chiêm quốc với Chế Mân. Triều thần có người không thuận. Trong dân chúng có bài thơ nói về việc Chiêu quân cống Hồ để ám chỉ việc gả công chúa Huyền Trân.

Vua Hán dụ Vương Tường gả cho chúa Thuyền Vu

Hán Hồ dầu muốn vẹn trăm đường
Há trăm riêng tây có phụ nường
Bắc quốc tuy rằng ngoài dị vực
Biên đình song cũng một biên cương
Ở đây hạnh thắm nên mai nhật
Về đây sen tàn lỗi cỏ hương
Hơn thiệt tôi đừng ai oán nữa
Chờ ngày áo gấm lại hoàn hương.

Việc ví von như thế này là khiên cưỡng. Hành động của Huyền Trân Công Chúa cao quý hơn hành động của Vương Tường nhiều!

Quang Dũng có bài thơ chê vua Hán như sau:

Tuyết lạnh che mờ trời Hán Quốc
Tì bà lạnh lạnh buốt cung Thương
Tang tình năm ngón sầu dâng lệ

Chiêu Quân sang Hồ xừ hồ xang
Đây Nhạn Môn Quan đường ải vắng
Trường Thành xa lắm Hán Vương ơi!
Chiêu Quân che khếp mền chiên bạch
Gió bắc trời Phiên thấm lạnh rồi
Ngó lại xanh xanh triều Hán Đế
Từng hàng châu lệ thấm chiên nhung
Quân vương chắc cũng say và khóc
Ái khanh! Ái khanh! Lờn ghen ngừng
Hồ xang hồ xang xự hồ xang
Chiêu Quân nằng ơi lệ dâng hàng
Lã chã trời Phiên mưa tuyết xuống
Chiêu Quân sang Hồ, xừ hồ xang.

Tản Đà có bài văn tế, Nguyễn Thiện Kế dịch ra Nôm

Cô ơi, cô đẹp nhất đời
Mà cô mệnh bạc, thợ trời cũng thua
Một đi, từ biệt cung vua
Có về đâu nữa, đất Hồ nghìn năm!

3)- Trường Hận Ca: thiên tình hận giữa Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi

Khi xưa ta là Đường Minh Hoàng
Ta mơ nàng làm Dương Quý Phi

(Diễm Trang - Vũ Hân)

Dương Quý Phi (719-756, sau CN) là cung phi của vua Đường Minh Hoàng, một trong “tứ đại mỹ nhân”, sắc đẹp khiến hoa héo vì hổ thẹn (*tu hoa*).

Dương Quý Phi tên thật là Dương Nguyệt Nhi, sau gọi là Dương Ngọc Hoàn, quê ở Tứ Xuyên. Năm 17 tuổi, Ngọc Hoàn được tuyển vào cung làm vợ Thọ Vương Lý Mạo, con vua Đường Minh Hoàng. Khi ấy Lý Mạo còn nhỏ lắm.

Khi ấy, Vũ Huệ phi, rất được Đường Minh Hoàng sủng ái, mới qua đời. Vua Đường thương nhớ vô cùng.

Cao Lực Sĩ bèn lập mưu, đưa Ngọc Hoàn vào chùa chăm sóc nhang khói cho Vũ Huệ Phi. Sau đó, đưa Ngọc Hoàn vào chầu Đường Minh Hoàng. Nhà vua được Ngọc Hoàn, bèn say mê, phong làm Quý Phi, gọi là Dương Quý Phi. Như vậy, có nghĩa là Dương Quý Phi lấy cha chồng.

Dương Quý Phi thường đi tắm suối ở Tây An. Nay ở đây người ta dựng tượng Dương Quý Phi tắm suối để kỷ niệm

Câu chuyện tình Lý Bạch và Dương Quý Phi

Lý Bạch là người nổi tiếng hay thơ. Ai cũng ca ngợi. Riêng Cao Lực Sĩ và Dương Chấp Trung, anh của Quý Phi, chê rằng tài Lý Bạch chỉ đáng mài mực và cởi giày cho thiên hạ.

Bấy giờ vua Hung Nô gởi thư cho vua Đường Minh Hoàng bằng tiếng Hung Nô. Triều thần không ai đọc được, vua phải triệu Lý Bạch vào. Lý Bạch đọc thư và giải thích cho vua nghe. Vua rất tán thưởng, lệnh cho Lý Bạch viết thư trả lời. Bạch vâng mệnh nhưng để trả mối hận bị chê bai, xin vua ra lệnh Cao Lực Sĩ cởi giày và Dương Chấp Trung mài mực cho ông ta viết thư.

Dương Quý Phi và Lý Bạch là người cùng thời. Lý Bạch cũng được Đường Minh Hoàng trọng vì tài, thường vời vào cung cùng vua và Dương Quý Phi ngắm hoa, ngắm cảnh và làm thơ. Bạch Cư Dị làm thơ tả sắc đẹp Dương Quý Phi, có hai câu đời sau còn nhắc nhở:

Phù dung như diện, liễu như mi

nghĩa là mặt như hoa phù dung, mày như lá liễu.

Về sau, Đường Minh Hoàng không còn trọng đãi Lý Bạch nữa, ông xin cáo quan, chỉ xin một điều, vua ban cho một lệnh bài, đi đến đâu, uống rượu khỏi trả tiền. Chủ quán nhận tiền ở quan lại địa phương.

Một đêm, Lý Bạch quá say, chơi thuyền trên sông. Thấy trăng ở đáy nước, bèn nhảy xuống sông, ôm trăng mà chết.

Tôi không tin câu chuyện này. Quan hệ giữa Lý Bạch và Dương quý Phi có thể quá gần gũi, không khiến cho Đường Minh Hoàng ghen hay sao! Vì vậy, khi Đường Minh Hoàng không ái mộ Lý Bạch nữa nên Bạch buồn tình xin cáo quan. Biết đâu, cái đêm trăng Lý Bạch chết, không phải ông ta nhảy xuống sông mà có thể một tên nào đó, giả dạng theo hầu Lý Bạch, đã đạp cho ông ta một đạp rớt xuống sông, để Đường Minh Hoàng thỏa mãn cái tính ghen.

Chuyện đã gần hai ngàn năm. Thuở ấy, sợ vua, ai dám điều tra. Ngày nay dù “ăn ốc nói mò”, biết đâu lại là chuyện thiệt!!!

Sắc đẹp Dương Quý Phi

Như đã nói, sắc đẹp của Dương Quý Phi được Bạch Cư Dị mô tả là “*Phù dung như diện, liễu như mi*”. Xin nói thêm, hoa phù dung là tên chữ. Tiếng Việt gọi là bông cần, người Bắc gọi là hoa dâm bụt.

Lý Bạch trong *Thanh Bình Điệu* ca tụng sắc đẹp của Ngọc Hoàn.

Vân tường y thường, hoa tường dung,
Xuân phong phát hạm, lộ hoa nùng.
Nhược chi quần ngọc sơn đầu kiến,
Hội hướng Đào đài nguyệt hạ phùng.

Ngô Tất Tố dịch:

Thoáng bóng mây hoa, nhớ bóng hồng.
Gió xuân dật dặt giọt sương trong
Ví chẳng non ngọc không nhìn thấy,
Dưới nguyệt đài Đào thử ngóng trông.

Trong “Trường Hận Ca”, bài thơ nói về mối hận tình giữa Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi (vua ra lệnh giết cô ta), Bạch Cư Dị tả sắc đẹp của Dương Quý Phi như sau:

Qui lai trì uyển giai y cữu
Thái Dịch phù dung Vị Ương liễu;
Phù dung như diện liễu như mi
Đối thử như hà bất lệ thủy?

Cũng trong bài thơ, tả tình vua Đường Minh Hoàng nhớ Dương Quý-Phi có câu:

“*Phù-dung như diện liễu như my*” nghĩa là hoa phù-dung như mặt, lá dương-liễu như mày.

Tản Đà dịch:

Phù dung đó! Mặt ai đâu tá?
Mày liễu đâu? Cho lá còn như!
Càng trông hoa liễu năm xưa,
Càng xui nước mắt như mưa ướt đầm.

Nhà thơ Đinh Hùng tán tụng:

...
Thoáng nét sương, nụ cười in khuôn ngọc,
Em băng khuôn hé nửa cặp môi hồng,

Mắt nhắm nghiền, và sóng ngực rung rung,
Hơi thở ấm nũng nùng hương phấn đại ...

(Giáp Mặt Phù Dung)

Phù dung, trong tiếng Việt, cũng có nghĩa là “hút thuốc phiện”, có khi gọi là “Ả Phù Dung”. Đình Hùng là một đệ tử của “Ả”.

Khi ở cung, Dương quý Phi thường nhớ nhà. Một hôm ra vườn ngự uyển, nhằm lúc hoa đang nở rộ. Thấy hoa, Dương Quý Phi than thở phận mình, nước mắt tuôn rơi. Khi Phi đưa tay sờ vào hoa, hoa khép cánh lại. Do câu chuyện này, sử Tàu gọi Dương Quý Phi là “người đẹp tu hoa”, nói theo thành ngữ là “hoa nhường nguyệt thẹn”.

Có người không tin câu chuyện hoa này, cho rằng thiên hạ vẽ vờ, biết đâu Dương Quý Phi sờ nhằm vào cây mắc cỡ, vẽ về thì gọi là cây trinh nữ.

Dương Quý Phi đã đẹp lại có tài gảy tì bà, giỏi về âm nhạc.

Nàng lại đặt được nhiều khúc hát và điệu múa làm cho Huyền Tông càng thích thú say sưa hơn.

Loạn An Lộc Sơn

An Lộc Sơn (ALS), gốc là người “Rợ Đột Quyết” là tướng được Đường Minh Hoàng yêu vì. Khốn nỗi, Dương Quý Phi lại tư thông với ông tướng đẹp trai này. An Lộc Sơn thù ghét Dương Quốc Trung, anh của Dương Quý Phi. Ông này dựa vào thế em gái, lộng quyền ở cung. An Lộc Sơn đem quân về Trường An, quyết dẹp bỏ gian thần.

Quân của An Lộc Sơn đánh bại quân của triều đình.

Vua Đường Minh Hoàng phải nhường ngôi cho con để lên làm thái thượng hoàng. Tuy vậy, quân của triều đình vẫn liên tiếp bị đại bại. Thượng hoàng cùng Dương Quý Phi chạy vào đất Thục.

Đến Mã Ngôi (năm 756), binh lính không chịu chống giặc nữa. Chúng buộc nhà vua phải giết Dương Quý Phi mới chịu tuân lệnh vua vì cho rằng chính sự giam cầm giữa Dương Quý Phi với ALS mới gây nên mối loạn này.

Vì sức ép của binh lính, Đường Minh Hoàng ra lệnh thắt cổ Dương Quý Phi, lúc ấy bà mới 38 tuổi, chôn xác ở ven đường.

Sau đó vua quan nhà đường dẹp được loạn An Lộc Sơn, giành lại đất đai cũ.

Dương Quý Phi là giai nhân. Câu chuyện tình giữa bà và An Lộc Sơn không phải là sự dâm dục mà ra? Vua thì đã già, lại từng hoang dâm vô độ, làm sao “gánh” Dương Quý Phi đang tuổi hồi xuân.

Sự dâm dục đã tạo nên một thiên tình hận, mà Bạch Cư Dị gọi là “Trường Hận Ca”. Không ít người tiếc cho cái sắc đẹp của bà, nên cũng không ít người làm thơ.

Người xưa đâu thì tận mắt tôi không thấy, nhưng thi sĩ Vũ Hân khi dạy trường Bồ Đề Huế thì tôi gặp không ít lần, gặp ngoài đường phố, hay ở tòa soạn báo Mùa Lúa Mới hay ở nhà thi sĩ Đỗ Tấn. Nhìn ông thấy mà tội nghiệp. Ông bị tật bẩm sinh, đi đứng không bình thường. So sánh ông với Đường Minh Hoàng thì cũng là khiên cưỡng. Và ông cũng có một Dương Quý Phi. Điều đáng buồn là sau khi Dziel Cộn “giải phóng miền Nam”, ông bị đuổi khỏi trường Bồ Đề, và Dương Quý Phi của ông cũng “ôm cầm thuyền ai”, theo một An Lộc Sơn “nón cối dếp râu”. Ông chết trong cảnh nghèo đói, cô đơn (xem phụ lục)

Ông cũng từng mơ Dương Quý Phi hay sao nên ông ước:

“Khi xưa ta là Đường Minh Hoàng
Ta mơ em là Dương Quý Phi.”

4)- Ngô Phù Sai mất nước vì Tây Thi?

Sự ưu ái của Ngô Phù Sai đối với Tây Thi, trong sử sách cũng ít thấy ai sánh bằng. Để làm vui lòng giai nhân, vua sai:

- Dựng **Cô Tô đài**
- **cung Quán Khuê** ở núi Linh Nham, trang sức toàn bằng châu ngọc để làm chỗ cho Tây Thi ra chơi.
- Ở đây có lập ra **Hưởng Điệp lang**. Tại sao lại gọi là Hưởng Điệp? Điệp là chiếc guốc. Nguyên là người ta đào hầm ở dưới đất chỗ hành lang, đặt ở đây rất nhiều chum, bên trên lát ván, để Tây Thi và cung nhân đi guốc lượn ở đây, tiếng kêu leng keng, cho nên gọi là hưởng điệp.
- Trên núi có hồ **Ngoạn Hoa**, ao **Ngoạn Nguyệt**.
- Lại có giếng gọi là **giếng Ngô Vương**, nước trong suốt, Tây Thi thường đứng ở trên mà soi mặt, Phù Sai đứng ở bên cạnh, sẽ lấy tay vuốt tóc cho Tây Thi.
- Lại có động gọi là **động Tây Thi**, Phù Sai và Tây Thi cùng ngồi ở đây, đá ở ngoài cửa động có nhiều chỗ sụt, nay người ta gọi là vết chân Tây Thi.
- Trên núi lại có **Cầm Đài**, Phù Sai thường cùng với Tây Thi gảy đàn ở đây.
- Phù Sai còn sai người **trồng hoa ở Hương Sơn**, để Tây Thi và cung nhân chèo thuyền đi hái hoa. Nay vẫn còn một dải nước ở phía nam núi Linh Nham, đó tức là chỗ Tây Thi hái hoa ngày xưa.
- Lại có **Thái Liên** hình ở phía đông nam thành đô, đó là chỗ Phù Sai cùng Tây Thi hái sen.
- Phù Sai lại bắt đào một con sông nhỏ ở trong thành, từ nam sang bắc, rồi làm cái buồm gấm để đi chơi thuyền, gọi là **Cầm Phàm hình**.
- Phía nam đô thành có **Trường Châu uyển**, để làm nơi săn bắn.
- Lại có **Ngư Thành** để nuôi cá, **Áp Thành** để nuôi vịt, **Kê Bi** để nuôi gà, **Tửu Thành** để nấu rượu.
- Lại thường cùng với Tây Thi ra nghỉ mát tại Nam Loan ở **Tây động đình**, đó là một cái vịnh độ hơn mười dặm, ba mặt đều là núi, chỉ có mặt nam trông như cửa khuyết. Phù Sai cho chỗ ấy là một nơi có thể qua mùa hè được, mới đặt tên là **chỗ Tiên**.

Tây Thi người nước Việt, sống vào thời Xuân Thu, 506 trước CN, không rõ mất lúc nào, năm nào, ở đâu, là một trong "tứ đại mỹ nhân" của Tàu.

Khi cô gái giặt áo bên bờ sông, bóng soi trên mặt nước sông trong suốt làm thêm xinh đẹp. Cá nhìn thấy nàng, say mê đến quên cả bơi, dần dần lặn xuống đáy sông. Từ đó, người trong vùng xưng tụng nàng là "Tây Thi Trầm Ngư".

Ngô Việt đánh nhau, Việt Câu Tiễn đại bại, bị bắt. Văn Chủng, quân sư của Việt Câu Tiễn, hiến kế mỹ nhân để lung lạc, làm suy yếu nước Ngô.

Câu Tiễn tuyển hai ngàn mỹ nữ dâng cho Phù Sai, trong đó, đẹp nhất là Trịnh Đán và Tây Thi.

Tây Thi góp công lớn trong việc làm cho Ngô Phù Sai ham mê tửu sắc, bỏ bê triều chính, nên Việt Câu Tiễn phục hận, giành lại đất nước.

Sau khi đại thắng, vợ Việt Câu Tiễn muốn mưu hại Tây Thi vì sợ Câu Tiễn sẽ mê say cô ta mà đi vào con đường như Phù Sai.

Tây Thi và Phạm Lãi có tư tình với nhau từ trước nên cả hai trốn vào Ngũ Hồ, về sau không ai biết hai người đi đâu. Có người bảo rằng Tây Thi đã tự vẫn.

Tô Đông Pha có bài thơ về Tây Thi:

Thủy quang liễm diễm tình phương hảo
Sơn sắc không mông vũ diệc kỳ
Dục bá Tây Hồ tử Tây Tử
Đạm tran nồng mật tổn tương nghi

*Nước dập dờn bùng khi nắng dọi,
Nước nhạt nhoà xanh lúc mưa về
Tây Hồ ví tựa Tây Thi
Điểm tranh đậm nhạt vẽ gì cũng xinh*

Người ta thường cho rằng Ngô Phù Sai mất nước là vì Tây Thi. Vì vậy, La Ôn minh oan cho Tây Thi bằng mấy câu thơ:

**“Nước mất nhà tan bởi cơ trời
Sao cứ Tây Thi đổ tội hoài
Tây Tử nếu làm Ngô mất nước
Thì xưa Việt mất bởi tay ai?**

5)- Khúc Ca Tàn Hoài

**(Ai luyện, ai tiếc Khúc Ca Tàn Hoài
- Dương Thiệu Tước - Đêm Tàn Bến Ngự)**

Trần Hậu Chủ tên thật là Trần Thúc Bảo (553-604), nhà Hậu Trần thời Nam - Bắc triều bên Tàu.

Ông nổi tiếng là người tài tử phong lưu, ưa đàn hát vui chơi, trong cung lúc nào cũng có hàng ngàn mỹ nữ giai nhân, nổi tiếng nhất là Khổng Quý Tần và Trương Lệ Hoa, hai người rất được nhà vua sủng ái.

Vua cho xây điện Quang Chiêu, toàn bằng gỗ trầm hương để cùng các tài tử giai nhân xướng họa thơ phú, vui ca đàn hát.

Những bài thơ khúc hát soạn ra được chép thành 3 tập là: Nghinh Xuân nhạc, Ngọc Thu và Hậu Đình Hoa (Hoa ở sân sau). Riêng tập Hậu Đình Hoa toàn sưu tập những bài bay bướm, bóng bẩy, dâm đãng. Những cuộc vui này làm cho nhà Trần suy vi.

Trần Hậu Chủ cũng soạn một khúc hát Hậu Đình Hoa:

Nguyên tác là:

***Lệ vũ phương lâm đối cao các
Trân trang điểm chất bản khuynh thành,
Ánh hộ ngưng kiều sa bất tiến,
Xuất duy hàm thái tiểu tương nghinh.
Yêu cơ kiểm tự hoa hàm lệ,
Ngọc thu lưu quang chiếu Hậu Đình.***

Nghĩa:

**Bóng rợp hương thơm chốn lâu các,
Nghềnh thành vẻ đẹp với màu tươi.
Ngoài cửa dịu dàng khoan dạo bước
Trước màn chào đón mỉm môi cười,
Má hồng tựa đoá hoa đầy móm
Cây ngọc sân sau chiếu sáng ngời**

Vua Văn Đế nhà Tùy thừa dịp nhà Hậu Trần này, sai đem quân sang vây Đại Thành. Giữa lúc ấy, Trần Hậu chủ còn đương say rượu, chưa tỉnh.

Nhà Hậu Trần bị diệt vong, người ta cho rằng sở dĩ nước mất nhà tan cũng do khúc hát “Hậu Đình Hoa” ấy,

Đỗ Mục, nhân một đêm ghé thuyền trên bến Tàn Hoài, gần một quán rượu. Đêm đã khuya mà bấy giờ trong quán, khách còn say sưa ăn uống, bên cạnh những ả buôn son bán phấn hát xướng để mua vui cho khách.

Lắng nghe giọng hát réo rất bên kia sông, Đỗ Mục làm bài thơ, thường gọi là Tàn Hoài Dạ Bạc Nguyên văn:

Yên lung hàn thủy, nguyệt lung sa,
Dạ bạc Tàn hoài cận tửu gia.
Thương nữ bất tri vong quốc hận,
Cách giang do xướng "Hậu Đình Hoa"

dịch:

Khói bay, nước lạnh, khói trắng pha,
Thuyền đậu sông Tàn cạnh Tửu gia.
Hận nước gái buồn không biết rõ,
Cách sông còn hát "Hậu Đình Hoa".

Trong "Cung Oán Ngâm Khúc" của Nguyễn Gia Thiều ở nước ta, cũng có câu:

Vườn Tây Uyển khúc trùng thanh dạ,
Gác Lâm Xuân điệu ngã Đình Hoa.
*Thừa ân một giấc canh tà,
Tờ mờ nét ngọc, lặn lòe vẻ son.*

Trong bài hát Đêm Tàn Bến Ngự có câu...

*Thuyền mơ trong khúc Nam Ai,
Đàn khuya trên sông ngân dài.
Ai luyện ai tiếc khúc ca Tàn Hoài!*

Khúc ca Tàn Hoài chính là khúc Tàn Hoài Dạ Bạc nói ở trên.

Sông Hoài, còn gọi là Hoài Hà, Hoài Thủy, lớn thứ ba sau Dương Tử và Hoàng Hà, không chảy ra biển mà đổ nước vào sông Dương Tử. Sông chảy qua Tàn Hoài là một quận của Nam Kinh.

6)- Điều Thuyền

**"Bọn ta đều chết cả về tay người đàn bà này"
(Lý Nho, mưu sĩ Đồng Trác)**

Đồng Trác lộng quyền. Vương Doãn muốn trừ bèn lập mưu với Điều Thuyền là con gái nuôi, hát hay, đàn giỏi, sắc đẹp khiến trăng phải xấu hổ mà dẫu mình đi ("bế nguyệt"), Cung Oán Ngâm Khúc gọi là "Hương trời đắm nguyệt say hoa). Điều Thuyền là một trong "tứ đại mỹ nhân".

Vương Doãn gả Điều Thuyền cho Đồng Trác, nhưng xúi Điều Thuyền ngoại tình với Lã Bố, con nuôi Đồng Trác. Thế rồi hai cha con Đồng Trác - Lữ Bố giết nhau.

Đồng Trác bị giết rồi, dân chúng thoát khỏi ách cai trị tàn ác.

Đồng Trác mê say tiếng đàn, giọng hát, ánh mắt của Điều Thuyền được mô tả như sau:

Nhất điểm anh đào khai giáng thần.
Lưỡng hàng toái ngọc phún dương xuân.
Đinh hương thiết thổ hành cương kiếm.
Yêu trăm tà gian loạn quốc thần!

Dịch:

Một đóa anh đào chúm chím môi,
Đôi hàng răng ngọc rạng xuân tươi.
Hương đưa đầu lưởi tâng hơi kiếm:
Chém chết gian thần có lúc thôi!

Bài hát ca ngợi vẻ đẹp Điêu Thuyền:

Phải người cung cũ Chiêu Dương?
Xiêm y mây cuốn vương vương cánh hồng
Nhẹ nhàng mình liễu như bông,
Gót hài uyển chuyển trên lòng bàn tay
Động đình lạc lối hoa bay,
Lương châu thoăn thoắt sen cài bước chân
Nhà vàng gió cột cảnh xuân,
Trăm hoa nhường vẻ thanh tân một người!

Mao Tôn Cương trong “Thánh Thán Ngoại Thư” bàn về Điêu Thuyền như sau:

“18 lộ quân chư hầu không giết nổi Đồng Trác, mà một thiếu nữ đào tơ liễu yếu như Điêu Thuyền lại giết nổi Trác.

Ba anh em Lưu, Quan, Trương hùng liệt không thắng nổi Lữ Bố, mà chỉ một nàng Điêu Thuyền thắng nổi.

Ôi, lấy chần chiếu làm chiến trường,
lấy son phấn làm khôi giáp,
lấy mây ngai làm cung nỏ,
lấy nước mắt nũng nịu làm tên đạn,
lấy lời tình tứ ngọt ngào làm chiến lược mưu cơ.

Xem thế thì cái bản lĩnh của “nữ tướng quân” quả là tuyệt cao cường, đáng sợ thay!”

Chuyện Vặt:

- Tề Tuyên Vương:

Vua Tuyên-vương nước Tề trong khi nói chuyện trị nước (chính-trị) với thầy Mạnh-tử, có nói câu “Quả-nhân hữu-tật, quả nhân hiếu sắc (kẻ quả-nhân (tự xưng) này có tật, kẻ quả-nhân này hiếu sắc). Đó chỉ là một câu nói ví-dụ ở trong việc chính-trị, mà đây dùng lối “đoạn chương thủ nghĩa” (cắt câu lấy nghĩa) cho thêm lý thú khôi hài. Bệnh Tề Tuyên đã nổi lên, tức bệnh ưa sắc đẹp của một đấng quân-vương.

Tài-sắc đã vang-lừng trong nước,
Bướm-ong càng xao-xác ngoài hiên,
Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn,
Bệnh Tề Tuyên đã nổi lên đùng đùng.

- Thành Thái

Vua Đồng Khánh mất, ông Bửu Lân lên nối ngôi, hiệu là Thành Thái. Vua thành Thái là người tiến bộ, chọn Tây học, và cũng âm mưu chống Pháp, giành độc lập.

Để chuẩn bị công việc này, nhà vua thành lập một đội nữ binh (lập nam binh sợ Tây lưu ý). Ông thường đi vi thiềng tìm người, giả bộ nói là đi tìm người ông yêu. Do đó, trong dân chúng Huế có câu ca dao, có người nói là do nhà vua đặt ra:

**Kim Long có gái mỹ miều
Trăm thương, trăm nhớ, trăm liêu, trăm đi.**

Kim Long, là nói trại tên làng Kim Long, phía tây ngoại thành Huế, làng trù phú, có nhiều nhà quan, cũng là nơi có họ đạo của ông giám mục Gaspar là “tên thực dân mặc áo chùng đen” như cách thường gọi của người Huế.

Dù vậy, việc làm của vua Thành Thái cuối cùng cũng bị bại lộ.

Người ta nói chính là Trương Như Cương, quan to trong triều, biết việc này, liền báo cho Tây biết, để lật đổ vua Thành Thái mà đưa con rể của ông là Bửu Đáo, lên làm vua, tức là Khải Định.

Cũng có người nói con gái Nguyễn Thân, cung phi, cũng ở trong đội nữ binh, bị thương khi tập đánh gươm. Nguyễn Thân vào thăm con, biết việc bèn báo cho Tây để lập công. (Theo sử, Nguyễn Thân là đại Việt gian. Theo ông Nguyễn Đức Cung, Nguyễn Thân là nhà ái quốc!)

Tây không đủ lý do truất phế ông về việc chống Tây bèn ngụy tạo lý do bảo rằng ông bị bệnh điên, hoang dâm, không làm vua được.

Tây nói đúng hay dư luận dân chúng Huế đúng?

- Ngô Tam Quế

Ngô Tam Quế làm tướng nhà Minh, được giao nhiệm vụ trấn giữ Sơn Hải Quan là biên giới giữa lãnh thổ nhà Minh và Mãn Thanh. Bấy giờ thế lực nhà Thanh ở Mãn Châu mạnh lắm, muốn cướp Trung Nguyên nhưng không vượt được Sơn Hải Quan.

Bấy giờ ở kinh thành có loạn, Lý Tự Thành đã diệt được nhà Minh, dự tính sẽ lên làm vua, cho người liên minh với Ngô Tam Quế. Tam Quế có một người thiếp yêu ở kinh đô, bị một tướng của Lý Tự Thành cướp mất. Vì vậy, Ngô Tam Quế tức giận, bỏ Sơn Hải Quan, liên hợp cùng quân Thanh kéo về kinh đô để trừng trị kẻ đã cướp người thiếp của y. Nhờ đó, nhà Thanh lên ngôi ở Bắc kinh, cai trị Trung nguyên 300 năm. Người Tàu không ngo ngoe gì được, phải chờ đến cuộc cách mạng Tân Hợi để “nồi da xáo thịt” cho tới khi Tưởng thua chạy ra Đài Loan. (xem phụ lục trích từ “Sử Trung Quốc” của Nguyễn Hiến Lê)

Dĩ nhiên, người được mê phải là người đẹp, còn như nói yêu người xấu, không hẳn là không có, nhưng có thể coi như đó là ngoại lệ, ít khi.

Dã sử còn nhắc chuyện vua nhà Lý gặp Ý Lan phu nhân. Bà xấu đẹp không biết nhưng mặt lại rõ. Khi bị bắt tới “trình diện” vua Lý, thấy mặt nàng, vua bảo sẽ ra một câu đối, nếu đối được thì vua tha tội “khi quân” vì không chịu quì xuống, đứng dựa (ỷ) vào cây “lan” khi kiệu vua đi qua. Câu vua ra là:

Rõ chàng, rõ chệt, rõ chín mươi mười

Cô gái đối là:

Yên nước, yên dân, yên luôn bốn bề.

Mê? Người đàn ông mê gái, mê vợ bé, ít ai mê vợ cả. Vì vậy mới có câu ca dao:

**“Gió đưa bụi chuối, sau hè,
Anh theo vợ bé bỏ bè con thơ”**

Câu thơ đầu thuộc thể hứng. Người vợ đêm nằm nghe tiếng lá chuối xào xạc sau hè, khó ngủ nên nhớ tới người chồng bạc bẽo.

Thôi! xin bà ngủ đi bà vợ cả. Sở dĩ bà bị chồng phụ là vì bà lớn tuổi rồi, bà già rồi, bà là “gái xề” năm, ba mặt con rồi, bà chỉ còn là:

Chàng ời phụ thiếp làn chi
Thiếp là cơm nguội để khi đói lòng.

Chỉ là “cơm nguội” thôi!!!

Tứ đại mỹ nhân và hầu như gần hết người đẹp nước Tàu, nước ta, nước Nhật... có mấy ai được “trường thọ”. Người thương cũng nhiều mà người ghét cũng không ít. Thậm chí, nhiều khi cây cỏ cũng ghen.

Trong “Tần Cung Nữ Oán Bái Công Văn” có câu:

“Cặp mày xanh chiếc lá cũng ghen,
Câu khiến hứng đánh chìm giòng nước chảy”

Chiếc lá ghen với đôi mày đẹp, nên khi cung nữ viết vào lá vài câu thơ, thả xuống giòng suối trong cung, nhờ lá trôi ra ngoài cung cấm, để lời tâm sự của cung nữ được ai đó ở ngoài kia nhặt lá lên xem mà biết tới. Nhưng lá vì ghen sắc đẹp với cung nữ, không trôi đi mà chìm xuống đáy nước.

Trong truyện Kiều, Nguyễn Du nói rõ hơn: “Hoa ghen sắc thắm, liễu hờn kém xanh”.

Cô Kiều không chết sớm, nhưng cô phải chịu 15 năm lưu lạc.

Xưa thì cho người tài giỏi và người đẹp đều mệnh yếu như nhau:

“Giai nhân tự cổ như danh tướng
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu”.

(Danh tướng cũng như giai nhân, không hứa ở với đời đến khi đầu bạc)

Ngay thế kỷ 20, nhà thơ Jean Leiba cũng đồng ý như vậy:

“Người đẹp thường hay chết yểu
Thì nhân đầu bạc sớm hơn ai!”

Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Quách Thoại qua đời khi chưa quá tuổi ba mươi!

Xưa gọi là « tài mệnh tương đồ ». Ngày nay, tôi không tin như vậy. Tin vào số mệnh, chỉ là điều an ủi...

Trích một đoạn trong sách *Sử Trung Quốc* của học giả Nguyễn Hiến Lê:

Ngô Tam Quế được lệnh về cứu kinh đô từ mười ngày trước, vẫn chùng chình, tiến binh rất chậm, có lẽ vì còn tính xem có nên nhận đề nghị chia chác sau đó của Lý Tự Thành không. Khi Tư Tôn (tức Sùng Trinh Hoàng đế) tuần quốc, thì Quế mới tiến được có nửa đường tới Bắc Kinh. Hay tin, hấn quay trở về liền để chờ xem tình thế ra sao.

Lý Tự Thành đã thành công một cách dễ dàng...Duy có Ngô Tam Quế là có thể gây rối cho ông. Ông nhờ cha của Quế (lúc đó đã theo ông) làm trung gian để điều đình với Quế. Nhưng Quế vẫn không quyết định gì cả, có lẽ muốn đợi Lý Tự Thành trả cho mình một á thiếp bị một tướng của Tự Thành bắt. Đồng thời Quế cũng thương thuyết với quân Thanh, nhờ quân Thanh giúp khi cần. Tự Thành hay tin đó tặng Quế 40.000 lạng (bạc?), Quế vẫn làm thỉnh.

Bực mình, Tự Thành phái hai tướng đem 20.000 quân tấn công Quế. Nhưng đáng lẽ phải cấp tốc đánh Tam Quế trước khi quân Thanh can thiệp, thì họ lại kéo dài ra. Tự Thành phải đích thân đem 200.000 quân đánh Quế ở gần Sơn Hải Quan, khi vây Quế ba mặt rồi, quân Quế sắp bị tiêu diệt thì quân Thanh tới cứu Quế. Tự Thành thua, rút lui, đề nghị chia giang sơn với Quế; Quế không chịu, Tự Thành giết cha Quế rồi vội vàng về Bắc Kinh (vì quân địch theo bén gót) vợ vét vàng bạc, châu báu chất lên xe, đưa về phía Tây, đốt cung điện rồi cùng với quân đội rút lui...

Quế hy vọng đuổi được Tự Thành rồi, nhường cho nhà Thanh một số quyền lợi nào đó thì họ sẽ lui về Mãn Châu. Không dè viên phụ chính (Đa Nhĩ Cổn), chú vua Thanh bảo chưa lập được trật tự nên không về, lại sai Quế đem quân Thanh đuổi theo Lý Tự Thành tới Thiểm Tây. Trong khi đó, vua Thanh mới 7 tuổi được chú (tức viên phụ chính) đưa vào Bắc Kinh, đặt lên ngai vàng.

Quế hay tin như người mất hồn, suốt ngày đóng cửa không tiếp ai, rất rầu rĩ. Hấn tiếc vì mất á thiếp, lại mất ngôi vua hay chức Tế tướng. Hấn ân hận vì để cho cha bị giết và mang tội phản quốc.

Khóc Vũ Hân

(Vũ Hân, quê Quảng Nam, bị tật bẩm sinh, là một nhà thơ, - tác giả thi phẩm “Diễm Trang”, nhà giáo nổi tiếng ở trường Bồ Đề Huế. Sau 1975, ông bị buộc phải thôi dạy học, sống lây lất ở Saigon, vợ bỏ. Ông chết trong cảnh nghèo khó. Bài thơ này Hoàng Vũ khóc Vũ Hân khi nghe tin Vũ Hân qua đời)

Ức Vũ quân hề lệ mẫn khâm
Trường Sơn Quảng địa nhất tinh trầm
Yên hoa phong bút, hồn như tại
Hà hướng tao nhân ảo tỵ trần bản nôm:

Thấm bầu lệ nhớ bao lần
Quê hương bỗng xót một vì sao rơi
Bút hoa gởi lại với đời
Đành sao anh vội về nơi chia đường.

Nhất phiến tài tình vạn cổ thương
Nhàn văn độc khứ thế hà phương
Ô hô! Thế sự mai trường mộng
Hốt kiến trần khôi sở đoạn trường

bản nôm:

*Tài hoa một kiếp thân thương
Cánh mây biền biệt cuối đường phiêu du
Mộng trường chôn chặt nghìn thu
Màu tro xám lạnh bụi ngùi tâm can*

Hoàng Vũ

Truyền Thuyết:

Tương truyền Chử Đồng Tử sống cùng cha là Chử Cù Vân tại Chử Xá huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Chàng may nhà cháy, mất hết của cải, hai cha con chỉ còn lại một chiếc khố phải thay nhau mặc. Lúc người cha lâm chung, ông gọi con lại bảo rằng hãy giữ chiếc khố lại cho bản thân. Thương cha nên Chử Đồng Tử liệm khố theo cha, mình thì chịu cảnh trần truồng khổ sở, kiếm sống bằng cách ban đêm câu cá, ban ngày dầm nửa người dưới nước, đến gần thuyền bán cá hoặc xin ăn.

Thời ấy vua Hùng Vương thứ ba có cô con gái tên là Tiên Dung đến tuổi cập kê mà vẫn chỉ thích ngao du sơn thủy, không chịu lấy chồng. Một hôm thuyền rồng của công chúa đến thăm vùng đó. Nghe tiếng chuông trống, đàn sáo lại thấy nghi trượng, người hầu tấp nập, Chử Đồng Tử hoảng sợ vội vùi mình vào cát lẩn tránh. Thuyền ghé vào bờ, Tiên Dung dạo chơi rồi sai người quây màn ở bụi lau để tắm, ngờ đâu đúng ngay chỗ của Chử Đồng Tử. Nước xối dần để lộ thân hình Chử Đồng Tử dưới cát. Tiên Dung kinh ngạc bèn hỏi han sự tình, nghĩ ngợi rồi xin được cùng nên duyên vợ chồng.

Vua Hùng nghe chuyện thì giận dữ vô cùng, không cho Tiên Dung về cung. Nàng biết ý nên cùng chồng mở chợ Hà Thám, đổi chác với dân gian. Buôn bán tấp nập, phồn thịnh, ai cũng kính thờ Tiên Dung - Chử Đồng Tử làm chúa. Một hôm có người bày cho cách ra ngoài buôn bán nhiều lãi, Tiên Dung khuyên chồng nghe theo. Chử Đồng Tử bèn theo khách buôn đi khắp ngược xuôi. Một hôm qua ngọn núi giữa biển tên *Quỳnh Tiên*. Chử Đồng Tử trèo lên am trên núi và gặp một đạo sĩ tên Phật Quang. Chử Đồng Tử bèn giao tiền cho khách buôn đi mua hàng, còn mình thì ở lại học phép thuật. Sau thuyền quay lại đón, Phật Quang tặng Chử Đồng Tử một cây gậy và một chiếc nón lá, dụ rằng đây là vật thần thông.

Về nhà, Chử Đồng Tử truyền mọi sự lại cho vợ. Tiên Dung giác ngộ bèn bỏ việc buôn bán, cùng chồng chu du tìm thầy học đạo. Một hôm tối trời, đã mệt mà không có hàng quán ven đường, hai vợ chồng dừng lại cắm gậy úp nón lên trên cùng nghỉ. Bỗng nửa đêm, chỗ đó nổi dậy thành quách, cung vàng điện ngọc sung túc, người hầu lính tráng la liệt. Sáng hôm sau, dân chúng quanh vùng kinh ngạc bèn dân hương hoa quả ngọt đến xin làm bày tôi. Từ đấy chỗ đó phồn thịnh, sung túc như một nước riêng.

Nghe tin, vua Hùng cho là có ý tạo phản, vội xuất binh đi đánh. Quân nhà vua đến, mọi người xin ra chống cự nhưng Tiên Dung chỉ cười và từ chối không kháng cự cha mình. Trời tối, quân nhà vua đóng ở bãi Tự Nhiên cách đó một con sông. Đến nửa đêm bỗng nhiên bão to gió lớn nổi lên, thành trì, cung điện và cả bày tôi của Tiên Dung - Chử Đồng Tử phút chốc bay lên trời. Chỗ nền đất cũ bỗng sụp xuống thành một cái đầm rất lớn.

Nhân dân cho đó là điều linh dị bèn lập miếu thờ, bốn mùa cúng tế, và gọi đầm đó là đầm Nhất Dạ (Đầm Một Đêm), bãi cát đó là Bãi Tự Nhiên hoặc *Bãi Màn Trù* và chợ đó là chợ Hà Thị.

Anh em trai chúng tôi có 4 người, khi đến tuổi thành niên, mẹ tôi thường răn dạy, ngăn ngừa trong việc quan hệ nam nữ, sợ chúng tôi mắc bệnh phong tình, kỵ nhất là bệnh giang mai, gây họa đến mấy đời.

TUỆ CHƯƠNG HOÀNG LONG HẢI

LỄ RƯỚC NGƯỜI NGÀY MỪNG 7 TẾT

TRẦN NHUẬN MINH

Cho đến bây giờ, trên đất nước ta, chỉ duy nhất có một nơi là các làng xã vùng đảo Hà Nam, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, còn duy trì được một tục lệ đặc biệt: Lễ Rước Người ngày mừng 7 tết âm lịch. Theo quan niệm cổ xưa ở phương Đông, trong 7 ngày đầu tiên của năm mới, thì ngày mừng 7 ứng với người.

Đây là nơi 17 vị Tiên Công, đã quai đê, lấn biển, lập các làng xã trên một vùng đảo phía nam sông Bạch Đằng (vì vậy gọi là Hà Nam), sau chiến thắng Bạch Đằng, cách đây hơn 700 năm. Ca dao cổ địa phương có câu: *Đảo Hà Nam là bãi chiến trường*. Ở làng Trung Bản xã Liên Hoà trong vùng, theo truyền thuyết, Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn đã từng đóng **bản** doanh **trung** tâm tại đây (nên đời sau gọi là **Trung Bản**). Trong đền thờ tại bản xã, hiện còn bức tượng Đại vương ngồi, tóc xoã buông xuống ngang lưng, tay phải cầm trâm cài tóc. Không ở đâu trên đất nước ta, có bức tượng Ngài đặc sắc như vậy. Dân gian kể rằng: Ngài đã từng xoã tóc gội đầu tại đây, sau trận kịch chiến trên sông Bạch Đằng ngày 9 tháng 4 năm 1288, mang lại nền thái bình muôn thủa cho non sông Đại Việt.

Các cụ trưởng lão trong vùng cho biết, Lễ Rước Người được duy trì đến nay là hơn 500 năm. Người được rước năm nào là năm ấy cụ thượng thọ, tròn 80 tuổi, được gọi một tên chung là cụ Thượng, không phân biệt cụ ông hay cụ bà. Theo quan niệm xưa, khi người đàn bà mãn kinh là đã hoàn thành thiên chức của giới mình, từ 9 vía chỉ còn 7 vía như đàn ông, nên được coi như đàn ông.

Từ chiều 28 tết, nhà nào có cụ Thượng, đều đã bày xong bàn thờ lớn, chiếm hầu hết gian trung tâm, trên đó có bài vị thờ đến cụ 5 đời. Chủ lễ là con trai cả, hoặc con dâu trưởng hay con gái cả, tùy hoàn cảnh từng gia đình. Các con thứ và các cháu nội ngoại lo dựng rạp, kê bàn ghế tiếp khách. Ngay đầu ngõ, cổng chào được dựng lên tết bằng lá dừa, có treo đèn lồng. Trong sân, đèn điện sáng trưng, tiếng nhạc phát qua loa, tiếng các cháu lần lượt hát mừng cụ. Cỗ bày trên bàn hoặc trên chiếu hoa. Cụ Thượng được tắm nước lá thơm, mặc quần áo lụa màu, trông rất quý phái. Trước đây, trong ngày đại lễ này, các cụ tuổi thất thập (70 tuổi) thì mặc đồng phục màu xanh, cụ bát thập (80 tuổi) đồng phục màu đỏ, cụ cửu thập (90 tuổi) thì đồng phục màu vàng. Bây giờ thì điều qui ước ấy không còn chặt chẽ nữa, nhưng nói chung, các con cháu vẫn gom tiền lại sắm cho cụ bộ trang phục đúng lệ. Cụ Thượng ngồi trên ghế tựa có đệm bông, nếu tiết trời lạnh thì

khoác thêm chiếc áo choàng rộng, khi cần, chiếc áo choàng ấy có thể làm chắn đắp, chân xỏ trong tất, giày, đặt trên đệm bông. Suốt đêm mừng 6, rạng mừng 7, cụ ngồi trong trạng thái ung dung trang trọng đó, để con cháu dâu rể xa gần về chúc thọ, tặng quà mừng. Khi mệt, cụ có thể ngủ thiếp đi trên ghế, trong chiếc áo choàng, con cháu vẫn đứng bên cạnh trực.

Đêm mừng 6, tại ngôi đình chung của các xã, gọi là đình Tổng (Tổng Hà Nam - đơn vị hành chính cũ), thờ 17 vị Tiên Công, là một đêm hội kéo dài tới sáng. Mỗi năm, Tổng cử một cụ Trưởng Lễ, tuổi từ 60 đến 70, có tín nhiệm về tài đức, có con cháu đỗ đạt hoặc trưởng thành, để điều hành buổi lễ vào sáng ngày mừng 7 tết. Cụ Trưởng Lễ thường mời 2 vị khách, một người có tiếng ở nơi xa đến dự lễ, một người là cư dân trong vùng, có chức tước hoặc danh vọng cao, được mọi người nể trọng, cùng với mình, thắp một tuần hương danh dự, trước bàn thờ các nhà khai sáng vùng đất này trong tiếng trống đình trang nghiêm vang dội. Sau đó, cụ Trưởng Lễ tuyên đọc công trạng của các thế hệ cha ông, đã đổ mồ hôi và xương máu tạo lập và bảo vệ vùng đất này. Rồi lần lượt từng cụ Thượng một, do cụ Trưởng Lễ xướng danh, trân trọng bước vào bái đình làm lễ các vị Tiên Công, con cháu túc trực và lễ theo cụ ở phía sau cụ. Rồi sau đó, mọi người dự lễ mới lần lượt thắp hương, nghe đọc thơ, xem ca hát hay diễn kịch.

Tưng bừng nhất là sáng mừng 7 tết, từ 7 đến 9 giờ, các con cháu rước cụ Thượng ra đình. Cụ ngồi kiệu hay nằm vồng, có lọng che, lọng không nhất thiết phải một màu nào, xanh đỏ hay vàng đều được. Dọc đường, nếu có nhà của con cháu, thì nhà nào cũng phải dựng một trạm đón tiếp ở trước cửa, trong đó có bàn thờ nhỏ, giường gấp, hoặc ghế tựa bọc vải điều, để cụ Thượng ghé thăm, thắp hương và ngồi nghỉ, có trà thuốc, trầu cau mời khách đi cùng cụ.

Quang cảnh náo nhiệt nhất là lúc kiệu hay vồng cụ Thượng ra đường chính. Đi đầu là 8 chàng trai, tượng trưng cho *bát tiết*, mặt sơn phấn như lên sân khấu, đầu quấn khăn rìu, áo quần nẹp đỏ, lưng thắt đai điều, vừa khuỳnh khoạng bước những bước cách điệu rất nghệ thuật, vừa múa gậy dán giấy từng khúc xanh đỏ, để đẹp đường, đuổi ma tà. Sau đó là đội kèn rước (có nhà dùng nhạc băng phát qua loa), rồi đến 4 cô gái đẹp của gia tộc, tượng trưng cho *tứ thời*, mang lễ vật, đều là sản phẩm nông nghiệp, thể hiện sự phồn thực của đời sông thôn dã. Rồi đến một biểu tượng chúc thọ. Biểu tượng này mỗi nhà làm một khác, tùy ý thích và cũng tùy trình độ thẩm mỹ của chủ lễ, nhưng thường thấy là một bức tranh vẽ một cụ già phúc hậu, mặt hồng hào rạng rỡ, tóc trắng như cước, vây quanh là một đàn cháu nhỏ, trai có, gái có, đứa nào cũng mũm mĩm, tươi cười... Sau đến kiệu hay vồng của cụ Thượng, do các cháu là trai tân hay gái tân khiêng. Hàng danh dự là các cụ thất tuần, mặc quần áo xanh đi tháp tùng. Tiếp đến là một hoa hậu của chi họ hay dòng họ đi sau cụ Thượng, trang phục đẹp tự chọn, đầu đội một mâm xôi trắng, trên có cái đầu lợn luộc, cỡ lợn từ 80 cân trở lên, mồm lợn ngậm một bông hoa hồng. Rồi đến hai hàng con cháu, người cầm hoa, người mang hộp trầu cau, thuốc lá bánh kẹo... gặp ai cũng vui vẻ mời chào. Có năm, đình Tổng đón 10 đến 15 cụ Thượng, đường các làng xã chật ních người, trẻ con trèo cả lên các mái nhà ở hai bên đường để xem rước. Ai có việc gì hoặc từ đâu đến, cần vào trong xóm có cụ Thượng, phải tìm đường vòng khác mà đi.

Vài năm gần đây, cảnh rước cụ Thượng ra đình Tổng và thể thức tiến hành nghi lễ có đôi chỗ khác so với trước, so với cả những ghi chép điền dã của tôi từ những năm xa xưa, khi tôi đã có nhiều tháng ăn ở tại vùng đất cổ này, nhưng đại thể, nét chung nhất như trên thì không thay đổi mấy. Ấu cũng là điều bình thường trong sự phát triển của một phong tục lễ hội đẹp.

Sau khi cụ Thượng làm lễ xong, trưởng nam hay trưởng nữ của cụ, san lại một phần lễ vật cúng tế cho nhà đình, rồi rước cụ Thượng về và cho phép con cháu tham gia vào các hoạt động vui xuân của dân làng như kéo co, chơi đu, đánh vật, chơi gà, đấu bóng chuyền...

Tôi đã nhiều lần về dự lễ vụ may mắn cả một lần, được mời cùng cụ Trưởng Lễ thắp tuần hương đầu tiên vào khoảng 6 giờ tối ngày mừng 6, mở đầu cho đêm hội làng. Tôi thấy lòng mình dâng lên niềm tự hào về nền văn hoá dân tộc, về sức mạnh của giống nòi và hiểu vì sao đại thắng mùa xuân năm 1288 lại diễn ra ở đây, để từ đó, sông Bạch Đằng trở thành con sông thiêng, chảy trong tâm hồn mọi người dân Việt Nam, dù ở trong nước hay ở nước ngoài.

TRẦN NHUẬN MINH

TẾT NGUYÊN ĐÁN

TOAN ÁNH

Tết Nguyên Đán là tiết lễ đầu tiên của năm bắt đầu từ lúc giao thừa với lễ trừ tịch.

Nguyên là bắt đầu. *Đán* là buổi sớm mai. Tết *Nguyên Đán* là tết bắt đầu năm, mở đầu cho một năm mới với tất cả mọi cảnh vật đều mới mẻ đón xuân sang.

Năm mới đến, những sự may mắn mới cũng đến, và bao nhiêu những điều đen tối, không may của năm cũ đều theo năm cũ mà hết.

Theo sử Trung Quốc, âm lịch có từ đời nhà Hạ và lấy tên mười hai chi đặt cho mười hai tháng.

Tháng *Dần* là tháng Giêng được chọn làm tháng đầu năm và người ta ăn Tết Nguyên Đán vào đầu tháng *Dần*.

Về sau đến đời nhà Ân, có thay đổi, lấy tháng *Sửu* làm tháng đầu năm, rồi đến đời nhà Chu sửa lại lấy tháng *Tý*. Sang đến đời nhà Tần, Tần Thủy Hoàng lại sửa nữa, lấy tháng *Hợi*, nhưng đến đời vua Hán Vũ Đế, đầu năm lại bắt đầu từ tháng *Dần* như đời nhà Hạ, và từ đó không có sự thay đổi nữa.

Thực ra Tết Nguyên Đán bắt đầu vào tháng *Dần* là rất phải, vì lúc đó mùa đông vừa qua, tiết lạnh vừa hết, ngày xuân ấm áp tới, hoa cỏ đua tươi, khiến cho con người cũng hầu như biến đổi cả tâm hồn sau một năm làm ăn vất vả.

Người người vui vẻ đón xuân mới, lòng chứa chan hy vọng ở những sự may mắn. Ai cũng vui, nên không ai bảo ai, gặp nhau người ta đều cầu chúc cho nhau những điều tốt đẹp: *Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh*.

GIAO THỪA

Tết Nguyên Đán bắt đầu từ lúc giao thừa.

Lễ trời đất có khởi thủy phải có tận cùng, một năm đã bắt đầu ắt phải có hết, bắt đầu từ lúc giao thừa, cũng lại hết vào lúc giao thừa.

Giao thừa là gì? Theo Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh nghĩa *cũ giao lại, mới tiếp lấy*. Chính vì ý nghĩa ấy, nên hàng năm vào lúc giao tiếp giữa hai năm cũ, mới này, *có lễ trừ tịch*.

LỄ TRỪ TỊCH

Trừ tịch là giờ phút cuối cùng của năm cũ sắp bắt qua năm mới, giữa giờ Hợi ngày 30 hoặc nếu tháng thiếu, thì ngày 29 tháng chạp năm trước và giờ Tý ngày mồng một tháng Giêng năm sau.

Vào lúc này, dân chúng Việt Nam tuân theo cổ lệ có làm lễ trừ tịch.

Ý nghĩa của lễ này là đem bỏ đi hết những điều xấu dở, cũ kỹ của năm sắp qua để đón những cái mới mẻ, tốt đẹp của năm mới sắp tới.

Lễ *trừ tịch* theo người Tàu, còn là một lễ khu trừ ma quỷ. Tục Tàu xưa vào ngày trừ tịch, tức là ngày 30 Tết có dùng 120 trẻ con trạc 9, 10 tuổi, mặc áo thâm, đội mũ đỏ, cầm trống vừa đi đường vừa đánh để “khu trừ ma quỷ”, do đó có từ “*Trừ tịch*”.

Lễ trừ tịch cử hành vào lúc giao thừa nên lễ này còn mang tên là lễ giao thừa.

CÚNG AI TRONG LỄ GIAO THỪA?

Phan Kế Bính trong Việt Nam Phong tục viết:

“Tục ta tin rằng mỗi năm có một ông hành khiển coi việc nhân gian, hết năm thì thần nọ bàn giao công việc cho thần kia, cho nên cúng tế để tiễn ông cũ và đón ông mới.”

Cúng tế cốt ở tâm thành, và lễ cúng vào giữa nửa đêm nên đượm vẻ thần bí trang nghiêm. *Cựu vương hành khiển* bàn giao công việc cho tân vương thay đức Ngọc Hoàng để coi sóc nhân gian trong một năm cho đến giờ phút giao thừa năm sau.

Lễ trừ tịch bao hàm một ý nghĩa trọng đại, *tổng cựu nghinh tân*, nên lễ được cử hành rất trịnh trọng từ tư gia tới các đình chùa. Những năm về trước, trong giờ phút này, chuông trống đánh vang, pháo nổ luôn không ngớt, truyền từ nhà này sang nhà khác, khắp kẻ chợ, nhà quê.

SỬA LỄ GIAO THỪA

Tại các đình, miếu, cũng như tại các tư gia, lễ giao thừa đều có cúng mặn. Các ông thủ từ lo ở đình, miếu, còn tại các tư gia do người gia trưởng trừ liệu.

Xưa kia người ta cúng giao thừa ở đình, ông Tiên chỉ hoặc thủ từ đứng làm chủ lễ, nhưng người ta cũng cúng giao thừa ở thôn xóm nữa.

Lễ giao thừa ở các thôn xóm được tổ chức hoặc tại các văn chỉ nếu văn chỉ làng xây tại xóm, nếu không thì cũng tổ chức ngay ở tại điểm canh đầu xóm. Ở đây, vị được cử ra để làm chủ lễ là vị Niên trưởng hoặc vị chức sắc cao nhất trong thôn xóm.

Bàn thờ giao thừa thiết lập ở giữa trời.

Một chiếc hương án được kê ra, trên hương án có đỉnh trầm hương hoặc bình hương thấp tỏa khói nghi ngút. Hai bên đỉnh trầm hương có hai ngọn đèn dầu hoặc ngọn nến. Lễ vật gồm chiếc thủ lợn hoặc con gà, bánh chưng, mứt kẹo, trầu cau, hoa quả, rượu nước và vàng mã, đôi khi có thêm cỗ mứt của vị Đại Vương hành khiển. Lễ quý hồ thành, bát quý hồ đá, nhưng dù nhiều ít, lễ vật bao giờ cũng phải *gồm có vàng hương, vàng lá hay vàng thoi* tùy tục địa phương, và nhất là không quên được rượu, vì vô tửu bất thành lễ.

Lễ vật được trần thiết trên hương án trước giờ trừ tịch.

Đến giờ phút này, chuông trống vang lên, ông chủ ra khấu lễ, rồi dân chúng kẻ đó lễ theo, với tất cả sự tin tưởng ở vị tân vương hành khiển, cầu xin ngài phù hộ độ trì cho được một năm may mắn, bao nhiêu sự không may năm trước sẽ qua hết.

Tại đình làng, cùng với lễ cúng ngoài trời còn lễ thành hoàng hoặc vị phúc thần tại vị nữa.

Các chùa chiền cũng có cúng lễ giao thừa, nhưng lễ vật là đồ chay, và đồng thời với lễ giao thừa nhà chùa còn cúng Phật, tụng kinh và cúng Đức Ông tại chùa.

Ở các tư gia, các gia trưởng thường lập bàn thờ ở giữa sân, hoặc ở trước cửa nhà, trường hợp những người ở thành phố chật chội không có sân, cũng một chiếc hương án, hoặc một chiếc bàn kê ra với lễ vật như trên.

Ngày nay ở thôn quê, rất ít nơi còn cúng lễ giao thừa ở các thôn xóm, ngoài lễ cúng tại đình đền. Và ở các tư gia, tuy người ta vẫn cúng lễ giao thừa với sự thành kính như xưa, nhưng bàn thờ thì thật giản tiện. Có khi chỉ đặt lên trên một chiếc ghế đầu. Hương thắp lên được cắm vào một chiếc ly đầy gạo hoặc vào một chiếc lọ nhỏ để giữ chân hương!

Có nhiều gia đình lại quá giản tiện hơn, hương thắp đặt ngay trên mâm lễ, hoặc cắm vào khe nải chuối dùng làm đồ lễ!

ĐẠI VƯƠNG HÀNH KHIỂN VÀ PHÁN QUAN

Theo quan niệm xưa mười hai vị đại vương, mỗi ông cai trị một năm cõi nhân gian là *Thập nhị hành khiển hiệu*, tính theo thập nhị chi, bắt đầu là năm Tý, cuối cùng là năm Hợi. Hết năm Hợi lại quay trở lại năm Tý với Đại vương hành khiển của mười hai năm về trước. Các vị đại vương này còn được gọi là *đương niên chi thần*, mỗi vị có trách nhiệm như trên đã nói là cai trị thế gian trong toàn niên, xem xét mọi việc hay dở của từng người, từng gia đình, từng thôn xã cho đến từng quốc gia để định công luận tội, tâu lên Thượng đế.

Mười vị đại vương hành khiển đều có một vị PHÁN QUAN giúp việc.

Vị đại vương hành khiển lo việc thi hành những mệnh lệnh của Ngọc Hoàng Thượng Đế, trình lên Ngọc Hoàng những việc xảy ra. Còn vị phán quan thì lo việc ghi chép công, tội của mọi người, mọi gia đình, mọi thôn xã, mọi quốc gia.

Trong các vị hành khiển vương hiệu, có vị nhân đức, có vị cương trực và cũng có vị khắc nghiệt. Nhiều năm có các loạn thiên thời, loạn đao binh, nạn thủy tai, hỏa tai... tục cũ tin rằng đó là do các vị đại vương hành khiển trừng phạt nhân gian vì tội lỗi của mọi người.

VĂN KHẤN LỄ GIAO THỪA

Như trên đã trình bày, lễ giao thừa là lễ “tống cựu nghênh tân”, tiễn vị đại vương hành khiển cũ và đón vị mới.

Có lễ nghi phải có văn khấn, cũng như ăn phải có mời.

Dưới đây là mẫu văn khấn giao thừa tại tư gia, văn khấn này chỉ cần thay đổi một vài bài, khi dùng tại các nơi khác:

(.... văn khấn bằng âm tiếng Hán – Việt.....)

LƯỢC DỊCH

Nước Đại Việt, năm Đinh Mùi, ngày mồng một tháng Giêng, xuân tiết.

Đệ tử là Nguyễn Đức Cầu, quán làng Cổ Mễ, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, cư ngụ tại xã Phú Nhuận, quận Tân Bình tỉnh Gia Định, cùng toàn thể gia đình cúi đầu trăm bái.

Kính cẩn có hương đèn, vàng bạc, hoa quả trầu rượu trà nước thêm một phẩm vật dâng lên.

Vọng bái:

Trước bệ ngọc đức Tổng Vương hành khiển, Ngũ đạo chí đức tôn thần:

Lâm tào phán quan tại vị ở trước

Đức Thổ địa nơi đây tại vị ở trước

Đức Thành Hoàng bản cảnh tại vị ở trước

Cầu chư vị chứng giám

Cúi đầu kêu xin:

Chư vị phù hộ cho toàn gia chúng tôi, từ già đến trẻ, quanh năm được tăng phúc tăng thọ, người an, vật thịnh, vạn sự hanh thông.

Cẩn cáo

Trong khi cúng khấn đức đương niên đại vương hành khiển, người ta khấn theo đức Thổ Thần và đức Thành Hoàng, vì khi đức đại vương hành khiển, đại diện của Ngọc Hoàng Thượng Đế đã giáng lâm. Thổ Thần và Thành Hoàng có nhiệm vụ nghênh tiếp và do đó cũng được phối hưởng lễ vật.

Trong bài văn khấn trên, khi làm lễ tại làng tại thôn, chỉ cần thay đổi mấy chữ, ví dụ:

Kim thân đệ tử Nguyễn Đức Cầu, thành:

“Kim chúng thần đệ tử, toàn dân Cổ Mễ xã

Và ở chỗ cầu xin cũng đổi mấy chữ:

Toàn gia đồng niên tự lão chi ấu thành:

“Toàn xã đồng niên tự lão chi ấu” v.v...

LỄ CÚNG THỔ CÔNG

Sau khi cúng giao thừa xong, các gia chủ cũng khấn Thổ Công, tức là vị thần cai quản trong nhà, thường được gọi là “Đệ nhất gia chi chủ”. Lễ vật cũng tương tự như lễ cúng giao thừa nghĩa là gồm trầu rượu, nước, đèn nhang, vàng bạc, hoa quả cúng các thực phẩm: xôi, gà, bánh, mứt, v.v...

Cúng Thổ Công cũng phải khấn, và dưới đây là một mẫu văn khấn:

(... văn khấn bằng âm tiếng Hán – Việt...

.....)

LƯỢC DỊCH

Nước Đại Việt, năm Đinh Mùi, thứ XII, tiết xuân ngày mồng một tháng Giêng.

Nay tín chủ là Tô Văn Ngọc, quê xã Nam Ngạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, ngụ tại xã Tân Sơm Hoà, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định, toàn thể gia đình cúi đầu trăm bái.

Kính cẩn dâng trầu rượu, trà nước, vàng bạc, đèn nhang hoa quả cùng mọi phẩm vật.

Cung mời:

Đức bản gia Thổ Công tại vị ở trước

Đức Thổ Địa thần kỳ tại vị ở trước

Xin chư thần giáng lâm chứng cho lòng thành, phù hộ cho cả nhà gia chủ, từ già đến trẻ, từ đầu năm đến cuối năm, được hưởng phúc bình an, không tai không nạn, không hạn, không áchm đắc tài sai lộc, vạn sự hanh thông.

Thượng hưởng.

MẤY TỤC LỆ TRONG ĐÊM TRỪ TỊCH

Bắt đầu lúc lễ giao thừa là năm cũ đã hết và đã bước sang năm mới. Kể từ giờ phút này là giờ phút của Tết Nguyên Đán.

Theo người xưa, trong đêm giao thừa, sau khi làm lễ giao thừa xong, ta có những tục lệ riêng, mà cho tới ngày nay, từ thôn quê đến thành thị, vẫn còn nhiều người tôn trọng thực hiện.

LỄ CHÙA, ĐÌNH, ĐỀN

Lễ giao thừa ở nhà xong, người ta kéo nhau đi lễ các đình, chùa, miếu, điện để cầu phúc cầu may, để xin Phật, Thần phù hộ độ trì cho bản thân và cho gia đình. Và nhân dịp người ta thường xin quẻ thẻ đầu năm.

KÉN HƯỚNG XUẤT HÀNH

Khi đi lễ, người ta kén giờ và kén hướng xuất hành, đi đúng hướng đúng giờ để gặp may mắn quanh năm.

Ngày nay ở nông thôn, đi lễ là người ta đi, ít người kén giờ và kén hướng. Các đền chùa, trong đêm trừ tịch luôn luôn có thiện nam tín nữ tới lễ bái, có nơi rất đông phải chen chúc nhau.

HÁI LỘC

Đi lễ đình, chùa, miếu, điện xong, lúc trở về người ta có tục hái một cành cây mang về ngụ ý là “lấy lộc” của Trời đất Thần Phật ban cho. Trước cửa đình cửa đền, thường có những cây đa, cây đề, cây si cổ thụ, cành lá xum xòa, khách đi lễ mỗi người bẻ một nhánh, gọi là *cành lộc*. Cành lộc này mang về người ta cắm trước bàn thờ cho đến khi tàn khô.

Với tin tưởng lộc hái trong đêm giao thừa sẽ đem lại may mắn quanh năm, xưa kia người dân Việt trong buổi xuất hành đầu tiên bao giờ cũng hái lộc. Cành lộc tượng trưng cho tốt lành may mắn. Tục hái lộc là một tục tốt đẹp. Ngày nay có nhiều người khi đi lễ trong đêm trừ tịch vác cả dao búa đi đẵn cây trong vòng các đình, đền, chùa, miếu, thật ra người ta đã biến tục lệ tốt đẹp trên thành một tai hại cho các nơi thờ tự vậy.

Về tục “xuất hành” cũng như tục “hái lộc” có nhiều người không đi trong đêm giao thừa, mà học kén ngày tốt giờ tốt trong mấy ngày đầu năm và đi đúng theo hướng chỉ dẫn trong các cuốn lịch đầu năm để có thể được một năm hoàn toàn may mắn.

HƯƠNG LỘC

Có nhiều người trong lúc xuất hành đi lễ, thay vì hái lộc cành cây, lại xin lộc tại các đình đền, chùa, miếu bằng cách đốt một nắm hương hoặc một cây hương lớn, đứng khấn vái trước bàn thờ, rồi mang hương đó về cắm tại bình hương bàn thờ Tổ tiên hoặc bàn thờ Thổ công tại nhà.

Ngọn lửa tượng trưng cho sự phát đạt. Lấy lửa từ các nơi thờ tự mang về, tức là xin Phật, Thánh phù hộ cho được phát đạt, tốt lộc quanh năm.

Trong lúc mang hương từ nơi thờ tự trở về, nhiều khi gặp gió, nắm hương bốc cháy, người ta tin đó là một điềm tốt báo trước sự may mắn quanh năm.

Thường những người làm ăn buôn bán hay xin hương lộc tại các nơi thờ tự.

XÔNG NHÀ

Thường cúng giao thừa ở nhà xong, người gia chủ mới đi lễ đền chùa. Chùa đình có nhiều người, thường người ta kén một người “dễ vía” ra đi từ lúc chưa đúng giờ trừ tịch, rồi khi lễ trừ tịch tới thì dự lễ tại đình chùa hoặc ở thôn xóm, sau đó xin hương lộc hoặc hái cành lộc về.

Lúc trở về đã sang năm mới, người này đã tự “xông nhà” cho gia đình mình, mang sự tốt đẹp quanh năm về cho gia đình theo quan điểm của ông bà xưa.

Đi xông nhà như vậy tránh được sự phải nhờ một người tốt vía khác đến xông nhà cho mình.

Nếu không có người nhà dễ vía để xông nhà lấy, người ta phải nhờ một người khác trong thân bằng cố hữu tốt vía để sớm ngày mừng một Tết đến xông nhà, trước khi có khách tới chúc tết, để người này đem sự dễ dãi may mắn lại.

TỤC LỆ VỀ TẾT NGUYÊN ĐÁN

Ở trên, mới nói về trừ tịch và mấy tục lệ trong đêm giao thừa. Thực ra với ngày Tết Nguyên Đán dân ta có những tục lệ trước và sau lễ trừ tịch.

Người dân Việt thuần túy rất tha thiết với Tết, nhất là ở nông thôn. Quanh năm vất vả. Tết mới là dịp nghỉ ngơi. Bao nhiêu lo nghĩ người ta gác một bên để hưởng thú xuân cho đầy đủ. Cảnh xuân muôn hồng ngàn tía, pháo xuân rền nổ rắc hồng trên ngõ, nhất là ở miền Trung và miền Bắc, thêm mưa xuân phơi phới, thử hỏi ai là người không xúc cảm trước cảnh xuân, trước màu Tết.

Người ta đón Tết một cách nồng nàn, người ta đợi Tết một cách trịnh trọng, người ta vui Tết một cách náo nhiệt hân hoan. Từ ngàn xưa, những tục lệ ngày Tết vẫn làm cho Tết thêm ý nghĩa và cũng một phần nào tăng niềm vui phấn khởi cho con người lúc xuân sang.

SỬA SOẠN NGÀY TẾT

Tết Nguyên Đán tuy bắt đầu từ mùng một tháng Giêng, nhưng sự thực người ta đã sửa soạn Tết ngay từ đầu tháng Chạp.

Nhà nhà lo mua gạo nếp, đậu xanh để đến ngày gần Tết gói *bánh chưng*, và tại nhiều vùng, gói bánh chưng bằng lá dong, người ta phải mua lá về, đem luộc chín, bó vào các cột nhà, để khi gói bánh thì dùng. Gói bánh bằng lá chín dễ gói, nhưng bánh bóc ra kém màu xanh. Nhiều nơi gói bằng lá sống, họ không luộc lá, nhưng độ ngoài rằm tháng Chạp họ đã phải mua sẵn sợ đến khi giáp Tết giá sẽ cao và có khi không có.

Người ta cũng sửa soạn cho vại *dưa hành* ngay từ đầu tháng Chạp, vì dưa hành cần muối sớm đến Tết mới kịp ăn. Và người ta cũng lo sắm sửa những phẩm vật dùng cho ngày Tết, mua sẵn gà què thả trong vườn, rủ nhau chung đụng để ngày Tết rủ nhau mổ lợn.

Người ta sắm sẵn vàng hương dùng để cúng ở trong nhà cũng như dùng để gửi Tết, và người ta cũng mua sẵn những *bánh mứt hoa quả*, một phần dành cho gia đình, một phần gửi Tết, một phần mang Tết đến những người mình chịu ơn như thầy học, ông lang, chủ nợ v.v...

Người ta cũng lo tới bộ *quần áo* ngày Tết, nhất là đối với các cô gái mới lớn, ngày xuân là dịp các cô chưng diện để dân làng nhìn vào, có cậu nào vừa mắt muốn “giương cung bắn sỏ”.

Dân làng cũng sửa soạn Tết chung cho cả làng, trừ tính việc mở hội đầu năm, việc cúng thần ngày Tết.

Và các em cũng rồi rít lo Tết, thúc giục bố mẹ may quần áo mới và mấy ngày gần Tết đi chơi chợ Tết mua tranh mua pháo.

TRANG HOÀNG NHÀ CỬA

Tết là bắt đầu cho một năm. Người ta phải đón xuân trong một *khung cảnh sáng sủa, sạch sẽ và đẹp đẽ*. Do đó, trước ngày Tết, nhà nào cũng lau quét cửa nhà trang hoàng trong nhà cho xứng với năm mới.

Con cháu *lau chùi lại các đồ thờ*. Những đồ đồng được đem đánh bóng. Án thư mâm bần đều lau rửa lại kỹ lưỡng cùng với tất cả các vật khác kể cả hoành phi câu đối. Những câu đối đỏ cũ được thay bằng những đôi câu đối mới, những đôi liễn mới.

Bàn thờ được cắm thêm hoa, các y môn được đem giặt lại hoặc thay thế.

Từ trong nhà đến ngoài cửa, chỗ nào trông cũng như mới, thật ăn khớp với khung cảnh từng bừng của mùa xuân với mưa phùn lấm tấm, với lời chúc tụng nhau tốt đẹp trong ngày Tết.

Đây là chưa nói đến trên tường, ngoài cổng còn có dán những tranh Tết, tranh đàn gà mẹ con, tranh lý ngư vọng nguyệt, tranh hứng dừa, tranh thầy đồ Cóc, đám cưới chuột, tranh tiền tài tiền lộc, tranh gà gáy sáng v.v...

GỬI TẾT

Hàng năm gần ngày Tết đến, nghĩ tới tổ tiên, con cháu, những người đã ở riêng hoặc thuộc các ngành thứ, đều phải *gửi Tết* tới nhà trưởng, tức là người có trách nhiệm giữ giỗ Tết các bậc đã

qua đời. Gửi Tết tức là đem đồ lễ đến nhà gia trưởng để người gia trưởng cúng tổ tiên trong dịp Tết.

Thường đồ lễ bao giờ cũng có vàng hương. Tùy theo tình liên lạc gia đình, có những thứ vàng riêng dùng trong việc gửi Tết.

Những ngành trực thống phải gửi vàng hoa, còn những ngành khác dùng vàng hồ hoặc vàng lá. Vàng hoa làm bằng toàn giấy màu vàng, làm kỹ lưỡng có mặt kính, có trang kim óng ánh, tượng trưng cho vàng thoi, do đó mỗi nghìn vàng là một nghìn thoi nhỏ. Vàng hồ là một thứ vàng gồm một phần ba những thoi vàng ở lớp trên làm bằng giấy bồi vàng và hai phần ba lớp dưới là những thoi bạc làm bằng giấy bồi trắng có mặt kính nhưng ít hơn, hoặc có khi không có.

Những ngành trực thống, ngoài vàng hương, còn phải gửi Tết *thêm bánh mứt, gạo nếp, gà*. Người gia trưởng sẽ dùng những đồ lễ gửi Tết của các ngành thứ cúng tổ tiên trong mấy ngày Tết. Lễ tất nhiên bao giờ người gia trưởng cũng phải chi tiêu thêm, nhưng những đồ lễ gửi Tết bao giờ cũng đem cúng hết trong dịp Tết.

Con cháu gửi Tết để tỏ lòng nhớ ơn và kính mến tổ tiên. Tục này cũng thắt chặt thêm mối giây liên lạc giữa những người trong quyền thuộc xa gần.

“Cây có gốc mới nở ngành sinh ngọn,
Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu.
Người ta nguồn gốc từ đâu?
Có tổ tiên trước rồi sau có mình.”

BIỂU TẾT

Cùng với việc gửi Tết nhà trưởng, người ta cũng nghĩ đến việc biếu Tết. Đây là dịp để người ta trả ơn những người đã có công với mình:

Học trò biếu Tết thầy học,
Con bệnh biếu Tết ông lang,
Bạn bè biếu Tết lẫn nhau,
Kẻ dưới biếu bề trên... v.v.

...

Trong việc biếu Tết này, quà biếu thường chẳng đáng bao nhiêu, nhưng tấm chân thành thật là đáng kể.

Tôi không nói đến những trường hợp con cháu biếu tết ông bà cha mẹ, việc biếu Tết này có thể coi như gửi Tết, nhưng chỉ nói đến những trường hợp khác để nhắc lại tục lệ lấy ân tình ràng buộc.

Thầy dạy học, hàng năm đã có lương vua, hoặc như ngày nay đã có lương chính phủ, nhưng Tết đến học trò không bao giờ quên thầy, nói chi đến những ông đồ dạy học quanh năm không có lương vua hoặc lương chính phủ, ngày Tết học trò có bốn phận phải nghĩ đến thầy, và phải nghĩ đến một cách rất chu đáo.

Các ông lang chữa bệnh thì lấy tiền, vậy mà con bệnh, nhờ được ông lang chữa cho khỏi bệnh, tuy đã trả tiền ông lang, nhưng cũng không bao giờ quên ơn ông đã cứu mình thoát bệnh. Hàng năm, mỗi lần Tết đến con bệnh lại nhớ tới ông lang, và ít nhiều cũng kiếm chút lễ mọn tới Tết ông lang để tỏ lòng biết ơn.

Con nợ biếu Tết chủ nợ phần vì sự giúp đỡ của chủ nợ đã cho mình vay tiền trong lúc túng thiếu, và cũng nhân dịp để khất nợ.

Dân biếu Tết quan, kẻ dưới biếu Tết người trên đều là vì tình cảm ân nghĩa, không ai bắt buộc ai nhưng ai cũng nghĩ đến sự ăn ở sao cho phải đối với những người đã có ơn đối với mình.

Bạn bè biếu Tết nhau cũng vậy, đây là những dịp để chứng tỏ sự quý mến bạn hữu đối với nhau, nghĩ đến nhau.

Tôi tưởng cũng nên nói tới trường hợp các chàng rể chưa cưới biếu Tết bố mẹ vợ tương lai. Biếu Tết thật là trịnh trọng để tỏ lòng biết ơn các người đã sinh ra vị hôn thê của mình. Sau khi cưới được vợ rồi, hàng năm các chàng rể cũng không bao giờ quên Tết bố mẹ vợ.

BỮA TIỆC TẤT NIÊN

Các bạn hàng buôn bán sống với nhau thành phường, những công chức cùng làm tại một dinh, một sở, nhân ngày Tết đến đều có bữa tiệc tất niên để cùng nhau họp mặt trước khi chia tay về ăn Tết.

Các bạn hàng trong buổi tất niên này có sửa lễ cúng thành sư rồi cùng nhau ăn uống.

Các công chức nơi công sở lấy bữa ăn tiệc tất niên để cùng vui và nhân đó chúc Tết nhau trước rồi ai nấy về quê ăn Tết.

BUỔI HỌC TẤT NIÊN

Tại các lớp học, có buổi học tất niên. Nhân buổi học này, học trò chúc Tết thầy, và thầy gửi lời chúc Tết bố mẹ học sinh và cùng nhau chúc cả học sinh một cái Tết vui vẻ.

Trong buổi học tất niên này, thầy trò thường đem những chuyện trong niên học ra nhắc lại, và cùng nhau nói về chuyện Tết thay vì học hành như những buổi học trước.

PHIÊN CHỢ TRẺ CON VÀ PHIÊN CHỢ TẾT

Đây là phiên chợ họp sau phiên chợ cuối của năm, thường vào ngày 28 hoặc 29 tháng Chạp. Gọi là “phiên chợ trẻ con”, vì dân quê, trong ngày phiên chợ này, chợ nào họp ngày nào thường đã thành lệ, bố mẹ cho trẻ con tiền để đi sắm Tết, tức là đi mua tranh mua đồ chơi Tết.

Cần phân biệt phiên chợ trẻ con với phiên chợ Tết. Phiên chợ Tết là phiên chợ cuối cùng của năm, tùy theo từng chợ họp từ ngày 26 đến 30 tháng Chạp. Chợ vùng quê họp một tháng sáu phiên, chợ làng này vào ngày một ngày sáu, chợ lân cận vào ngày hai ngày bảy, chợ một làng thứ ba vào ngày ba ngày tám, rồi một chợ vào ngày bốn ngày chín, lại một chợ vào ngày một năm ngày mười. Trong một vùng mỗi ngày thường có hai ba chợ họp, và ngày hôm sau lại hai ba chợ khác. Phiên chợ Tết sớm nhất vào ngày hai mươi sáu tháng Chạp đối với những chợ ngày họp là ngày một và ngày sáu, và phiên chợ Tết muộn nhất vào ngày ba mươi, hay nếu tháng thiếu vào ngày hai mươi chín tháng Chạp đối với những chợ ngày họp là ngày bốn ngày chín hoặc ngày năm ngày mười.

Trong phiên chợ Tết, người bán hàng muốn bán hết hàng, nhất là trong những phiên chợ vào mấy ngày hai mươi chín, ba mươi Tết, và người sắm Tết cũng cố mua cho đủ những cái gì còn thiếu.

Các ông đồ, nhân dịp phiên chợ Tết cũng đem bán chữ. Người ta nhờ các ông viết cho những đôi câu đối, những bức đại tự v.v...

THĂM MỘ GIA TIÊN

Tây phương thường cho ta gần người chết hơn họ. Thực vậy, thi hài của tổ tiên ta thường mai táng ngay giữa thửa ruộng mảnh vườn của chúng ta, và quanh năm trong những dịp vui mừng hay tang tóc, chúng ta đều khấn tới gia tiên, đều đi viếng mộ để đắp thêm mấy vàng đất, cắm mấy nén hương.

Và Tết, vui xuân, người Việt cũng muốn gia tiên về hưởng Tết. Bởi vậy, ở nhiều nơi, sau khi sắm sửa Tết xong người ta có tục đi viếng mộ, đắp lại mộ, thắp hương khấn mời hương hồn những người đã quá cố về hưởng Tết.

Làng Đáp Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh ngày xưa, hàng năm vào ngày 30 tháng Chạp, dân làng đều đi viếng mộ khấn mời gia tiên về ăn Tết.

Tục này có ở rất nhiều nơi khác.

SÚC SẮC SÚC SẺ

Tối hôm ba mươi Tết, ngày xưa tại các làng xã, các trẻ em nghèo, họp nhau thành từng bọn rủ nhau đi chúc Tết, tuy chưa hẳn là ngày Tết.

Các em, mỗi bọn có một chiếc ống trong đựng tiền, thường là ống tre. Các em tới từng gia đình, và các em cùng nhau hát, vừa hát vừa lắc ống tiền:

“Súc sắc súc sẻ,
Nhà nào còn đèn còn lửa,
Mở cửa cho chúng tôi vào:
Bước lên giường cao
Thấy đôi rồng ấp;
Bước xuống giường thấp,
Thấy đôi rồng châu;
Bước ra đằng sau
Thấy nhà ngói lợp
Voi ông còn buộc,
Ngựa ông còn nằm.
Ông sống một trăm
Linh năm tuổi lẻ.
Vợ ông sinh đẻ
Những con tốt lành:
Những con như tranh,
Những con như rối.
Tôi ngồi xó tối.
Tôi đối một câu.
Đối rằng:
Thịt mỡ, dưa hành câu đối đỏ:
Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh.

Các em vừa súc sắc súc sẻ vừa hát, trong lúc gia đình chủ nhà chăm chú nghe, và sau câu hát gia đình nào cũng tặng các em chút ít tiền, tiền đó các em bỏ luôn vào ống. Tục cho rằng, các em đến đem sự may mắn lại. Không gia đình nào không tặng tiền các em. Nhiều ít ai cũng tặng các em một số tiền trước khi các em rời sang nhà khác.

ĐÒI NỢ CUỐI NĂM

Các chủ nợ có lệ cuối năm thường thúc con nợ, cố đòi cho được số tiền đã cho vay, dù rằng đòi được tiền về để đây. Người ta cho rằng, nếu không đòi được tiền trước giao thừa, ngày hôm sau, món tiền nợ đã ra nợ cũ, và ngày mùng một đầu năm và những ngày sau nữa, người ta không dám đòi nợ, vì con nợ kiêng “sợ giông”. Đòi nợ vào ngày Tết, không những con nợ không trả nợ, mà có khi còn mắng lại chủ nợ vì không biết kiêng cho mình.

Tục lệ như vậy nên cái ngày tất niên này, những người có nợ làm ăn kém may mắn không có tiền trả mà khát chủ nợ không chịu, đành phải đi trốn nợ cho đến lúc giao thừa mới trở về.

Ta có câu:

“Khôn ngoan, đến cửa quan mới biết,
Giàu có, ba mươi Tết mới hay.”

Đến cửa quan, người khôn ngoan đủ lý lẽ để đối đáp, còn người giàu có, ba mươi Tết không có chủ nợ tới ngỗ thức.

CÚNG GIA TIÊN

Chiều ba mươi Tết, mọi việc sửa soạn đã xong xuôi, sau khi đã đi viếng mộ gia tiên về, người ta sửa lễ cúng gia tiên, và sau đó đèn nhang, nhất là nhang phải giữ thắp suốt mấy ngày Tết cho tới khi hóa vàng.

Trong mấy ngày này, trên bàn thờ luôn luôn có sự hiện diện của tổ tiên. Để giữ cho hương khói bị tắt, từ chiều ba mươi Tết, người ta thường dùng *hương vòng* hoặc *hương sào*. Hương vòng là một cuộn hương thắp được suốt đêm tới sáng, còn hương sào là một cây hương thật to, có thể thắp được suốt ngày đêm mới hết.

Ta cúng gia tiên lúc chiều ba mươi Tết, bởi vậy, lúc cúng giao thừa, ta không cúng gia tiên nữa.

Cùng với lễ cúng gia tiên, lễ tất niên phải có cúng Thổ Công.

Cúng gia tiên ba mươi Tết, sáng ngày mồng một cũng lại cúng. Và trong mấy ngày Tết cho đến khi hóa vàng, ngày hai buổi có lễ cúng gia tiên.

VĂN KHẤN GIA TIÊN

Tục cúng tổ tiên cũng phải có văn khấn, như cúng Thổ Công và cúng giao thừa. Dưới đây là một mẫu văn khấn tổ tiên trong ngày Tết thuở xưa:

(... văn khấn bằng âm tiếng Hán – Việt...

.....)

LƯỢC DỊCH

“Nước Đại Việt, năm Đinh Mùi, tiết xuân ngày mồng một tháng Giêng.

Nay con giữ việc phụng thờ tên là Đàm Sĩ Nguyên, quán tại xã Quất Động phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông, hiện nay toàn gia cư trú tại xã Tân Sơn Nhì, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định, đồng gia quyền cúi đầu trăm bái.

Kính cần có hương đèn, vàng bạc, hoa quả, cỗ bàn, rượu nước, trầu cau cùng mọi phẩm vật dâng lên.

Kính mời các cụ họ Đàm, kỵ, cụ, ông, bà, cha mẹ, chú, bác, anh, em, cô, dì, chị, em cùng về chứng giám.

Giám mong:

Tiên tổ bảo hộ gia đình, từ già đến trẻ, hạnh phúc an khang, vạn sự hanh thông, người tăng vật vượng

Thượng hưởng”

Người gia trưởng khấn lễ tổ tiên xong, toàn thể người nhà đều lần lượt theo thứ bậc tới lễ trước bàn thờ. Trong lúc đó đến đón mừng tổ tiên về cùng con cháu. Mùi khói pháo quện với mùi hương khói khiến cảnh Tết càng đượm vẻ tưng bừng trong sự thân mật, đầm ấm.

CHÚC TẾT

Sáng ngày mồng một, các cụ sau khi đã làm lễ tổ tiên xong, ngồi ở nhà thờ để con cháu tới lạy mừng chúc Tết. Con cháu chúc các cụ một năm mạnh khỏe bình yên khang thái. Các cụ cũng chúc lại con cháu những điều tốt đẹp.

Trong lúc chúc Tết các cụ, con cháu thường dâng các cụ hoặc một món quà Tết như bánh trái, hoặc một món tiền đặt trong một bao giấy hồng. Tiền này gọi là “tiền mở hàng” đem may mắn lại cho các cụ.

Các cụ cũng mở hàng lại cho con cháu. Tiền mở hàng của cụ cho con cháu gọi là *tiền mừng tuổi* (lì xì).

Giàu nghèo các cụ cũng mừng tuổi cho con cháu, giàu thì nhiều tiền, nghèo cũng mừng tuổi tượng trưng một vài đồng tiền để cho con cháu được gặp tốt đẹp quanh năm.

Tại các xã, các cụ được đại diện dân làng mừng tuổi chúc Tết ngay tại đình, sau buổi lễ cùng đức thần linh sáng ngày mồng một. Trước người ta có những bài chúc Tết riêng trong những dịp này:

“Năm cũ đã qua,
Năm mới đã đến,
Bước vào đình trung,

Tôi xin kính chúc:

Trước tôi chúc thánh cung vạn tuế, tại thượng dương dương, bảo quốc hộ dân, lưu ân, tích phúc.

Tôi lại chúc kỳ lão sống tám chín mươi, thêm thọ.

Tôi lại chúc quan viên trù mĩ, niên tăng, phú quý, nhật trường vinh hoa.

Tôi lại chúc quan lại binh viên ta đột pháo xông tên, công thành danh toại.

Tôi lại chúc đồng trang thượng hạ, già sức khỏe, trẻ bình yên, nhà no người đủ...”

Trên đây là lời chúc Tết chung tại đình làng, tại các thôn xóm, các phường, dân chúng cũng có họp nhau để cùng chúc Tết các ông trù mĩ phường, đây là các phường buôn bán, các phường nghề nghiệp và các thủ chỉ thôn cũng như mọi người đồng thôn đồng phường.

CHÚC TẾT VỌNG

Thuở xưa, tại triều đình, nhân ngày Nguyên Đán, các quan đại thần họp nhau lại chúc Tết nhà vua. Tại các tỉnh, các quan tỉnh cũng cùng nhau họp tại vọng cung để chúc Tết vọng nhà vua.

Đối với những người ở xa xôi không về nhà, đến tận nơi chúc Tết được, người ta thường dùng như để chúc Tết, đây cũng là một lối chúc vọng, như ngày nay người ta cùng thiếp để gửi cho nhau để chúc mừng năm mới vậy.

TỤC MỪNG TUỔI

Với năm mới, người ta thêm một tuổi. Đó là một điều đáng mừng: đối với người già là tăng thêm tuổi thọ, đối với các em bé là thêm tuổi để thêm lớn. Bởi vậy, như trên đã trình bày, trong lúc chúc Tết người ta có lệ “mừng tuổi”.

Tiền mừng tuổi phong bao trong những giấy hồng, bao giờ cũng có tiền lẻ có ý là *tiền đó sinh sôi nảy nở* thêm nhiều.

Tiền mừng tuổi còn gọi là “tiền mở hàng để lấy may”. Bạn bè gặp nhau cũng thường “mở hàng” cho nhau để lấy may mắn.

Tiền mở hàng, người ta thường giữ cất đi, ít khi lấy ra tiêu dùng, trừ trường hợp bắt buộc dĩ.

Trong Nam mừng tuổi các trẻ em gọi là lì xì.

Ngày Tết các chú các cô dì thường mừng tuổi cho các cháu, và những khi tới nhà một người bạn chúc Tết, có trẻ nhỏ người ta cũng thường mừng tuổi cho các em, hay khi một người bạn tới nhà mình chúc Tết, có em nhỏ đi theo, chủ nhà thường mừng tuổi cho các em nhỏ, mừng tuổi để em hay ăn chóng lớn, học hành thông minh, sáng láng, khỏe mạnh và ngoan ngoãn.

TỤC XÔNG NHÀ

Tục này đã trình bày ở trên khi nói về mấy tục lệ trong đêm trừ tịch.

Trong trường hợp, người nhà không có ai tự xông nhà lấy, người ta phải kén người xông nhà. Người được kén là người “tốt vía” là đàn ông nhanh nhẹn để dãi dể sáng mồng một tới xông nhà, mang lại ảnh hưởng tốt đẹp cho nhà chủ quanh năm.

Người đến xông nhà, chúc tụng nhà chủ những điều may mắn quanh năm. Nhà chủ cũng chúc tụng lại khách xông nhà và cảm ơn khách đã mang lại sự may mắn cho nhà mình.

Xông nhà còn được gọi là “xông đất”. Nay không còn.

TỤC XUẤT HÀNH

Tục này cũng đã trình bày ở trên về tục lệ đêm trừ tịch, nhưng có nhiều người không xuất hành vào đêm trừ tịch mà người ta còn kén ngày kén giờ.

Những người làm ăn quanh năm phải ra đi, nhân ngày Tết thường chọn ngày giờ để xuất hành và thường người ta đi ra khỏi đất làng xã mình, hay ít nhất cũng ra khỏi thôn mình.

Người ta chọn hướng. Theo quan niệm cũ, mỗi năm chỉ có một hướng hợp. Ra đi theo hướng tốt bằng một lối và lúc trở về làng mình lại theo một lối khác. Không ai xuất hành nghịch hướng vì e gặp sự không may mắn trong năm.

Người ta lại kén ngày kén giờ, vì trong ba ngày đầu năm có ngày xấu, có ngày tốt, và một ngày có giờ xấu có giờ tốt. Người kiêng kỵ chỉ xuất hành nhằm hôm tốt ngày vào giờ hoàng đạo.

Trong một làng, thường thường dân làng theo một hướng xuất hành, cùng đi trên một nẻo đường. Họ gặp nhau vui vẻ lắm, chúc tụng lẫn nhau, nói nói cười cười, áo quần xúng xính.

Đi xuất hành, người ta đồng thời hái lộc như đã nói ở trên. Đến nay hiện tượng này hầu như không còn.

LỄ TẾT

Dân ta thờ phụng tổ tiên. Người ta thờ phụng tổ tiên nhà mình, lại tôn trọng cả tổ tiên người khác. Nhân ngày Tết, người ta đến nhà nhau, trước là để lễ Tết, sau là để chúc tụng lẫn nhau.

Việc lễ Tết các cụ là một việc rất hệ trọng. Ngày Tết, các cụ đi lễ hết các nhà họ xa họ gần trong làng, và khắp hết các nhà lân bang hàng xóm. Các cụ đi không hết, các cụ cất con cháu đi thay.

Đừng ai tưởng đi lễ Tết như vậy là nhẹ nhàng. Rất mệt. Thuở xưa đến mỗi nhà phải lễ trước bàn thờ bốn lễ, ba vái, phải lên gối, xuống gối cúi đầu. Có nhiều nhà, có ông bà mới mất, thờ riêng một bàn thờ, khách đến lễ Tết phải lễ cả bàn thờ này. Đi lễ như vậy, đi suốt buổi, khắp họ hàng bè bạn, hàng ngày phải “lên gối xuống gối” mấy trăm lần. Tới mỗi nhà lại chúc Tết nói chuyện, ăn trà uống nước. Có nhà lại ép mời khách nếm bánh chưng, xơi chè bánh nóng, mút kẹo do nhà làm ra. Khách không dám từ chối vì sợ làm “giông” chủ nhà.

Người mỗi mệt vì lễ bái, bụng luôn no vì ăn uống, môi cắn chỉ vì nhai trà. Lại thêm suốt ngày phải bận quần áo chỉnh tề, khăn đóng áo dài, chân đi giày đi dép. Tuy vậy, vẫn không ai nhãng việc lễ Tết. Đây là một bổn phận đối với họ hàng bè bạn. Người ta đến lễ tổ tiên mình, mình phải đáp lễ.

Đi lễ Tết không như ngày nay đi chúc Tết ở thành thị. Ở thành thị, bây giờ người ta đến chúc Tết nhau vì xã giao, còn xưa kia, mục đích chính của việc đi chúc Tết là lễ Tết trước rồi mới chúc Tết sau.

Con rể đến lễ Tết nhà bố mẹ vợ, học trò đến lễ Tết nhà thầy, người dưới đến lễ Tết nhà người trên, kẻ hàm ơn đến lễ Tết nhà người đã ra ơn cho mình...

KHAI BÚT

Nhà văn, nhà thơ thường có lệ *khai bút* đầu năm vào ngày Nguyên Đán.

Các văn nhân, thi sĩ sẵn sàng son mực bút nghiên giấy tờ, đốt bình trầm trước án thư kén giờ hoàng đạo khai bút viết văn làm thơ.

Thơ làm xong, gặp có khách đến nhà hoặc khi đến bạn hữu chúc Tết, người nọ đọc cho người kia nghe rồi cùng ngâm vịnh.

CHƠI CÀNH ĐÀO

Hoa đào màu đỏ nhạt rất hợp với cảnh xuân. Ngày Tết người ta thường kén hoa đào để cắm ở trong nhà. Tục còn tin rằng đào trừ được ma quỷ do tích cũ đã lưu truyền.

CỦA VÀO NHƯ NƯỚC

Nhân ngày mùng một Tết, tại các thành thị cũng như thôn quê, thuở xưa thường có những người đi gánh nước thuê, gánh nước tới đổ vào mọi nhà và chúc những nhà này quanh năm làm ăn phát đạt “cửa vào như nước”.

Gia chủ vui vẻ mở hàng cho người gánh nước một món tiền gấp mấy lần ngày thường và cũng mong cửa sẽ vào như nước quanh năm như lời chúc tụng của người gánh nước.

“GIÔNG”

“Giông” theo quan niệm người xưa nghĩa là gặp sự không may quanh năm.

Ngày đầu năm người ta tránh mọi sự có thể “giông”

Đứa trẻ phải ngoan ngoãn kéo phải máng, phải máng, phải đòn, “bị giông” sẽ phải máng, phải đòn quanh năm.

Người lớn phải giữ gìn trong mọi cử chỉ, luôn luôn vui vẻ để quanh năm vui vẻ, không cau có, giận dữ sợ “bị giông” sẽ cau có giận dữ suốt năm.

Tóm lại, người ta tránh tất cả những cái gì có thể là một điềm gở đem lại sự không may quanh năm, nghĩa là tránh để khỏi bị “giông”. Ngày nay không còn lối nghĩ ấy.

KIÊNG QUÉT NHÀ

Trong ngày Nguyên Đán, người ta kiêng quét nhà, và nếu nhà cửa có bẩn quá, người ta chỉ quét sơ. Vun rác vào một xó, đợi ra ngoài ngày rồi mới đem đổ.

Tục này do ở trong *Sưu Thần Ký* về sự tích thần Tài mà ra. Nay không còn.

NHỮNG ĐIỀU KIÊNG KHÁC

Ngày Tết còn rất nhiều điều kiêng cử theo thói tục cũ, như:

- . Kiêng mặc áo trắng, e có điều tang tóc.
- . Kiêng nói tiếng “khỉ” e làm ăn xúi quẩy.
- . Kiêng nói những điều tục tĩu, kiêng nhắc tới những chuyện chết chóc v.v....

HÓA VÀNG

Sau ba ngày Tết, sáng mùng 4, người ta cúng tiền các cụ và “ hóa vàng”.

Bao nhiêu vàng đã cúng trong ngày Tết, do người gia trưởng mua hay do con cháu và các ngành thứ đem gửi Tết đều được đem đốt sau tuần cúng tiền các cụ.

Những nghìn vàng dành riêng cho người mới chết trong năm qua sẽ được hóa riêng cho người mới chết trong năm qua sẽ được hóa riêng một đồng.

Khi vàng hóa gần hết, người ta đổ vào những đồng tro vàng, mỗi đồng một chén rượu cúng. Tục tin rằng có như vậy ở dưới cội âm các cụ mới “nhận” được vàng, và vàng mã mới biến thành vàng tiêu được ở nơi âm phủ.

Rồi người ta đem hai cây mía đã mua trong năm và đã để thờ trong ba ngày Tết ra hơ trên những đồng tàn vàng còn đang đỏ ối.

Hai cây mía đó, theo tín ngưỡng xưa, người ta bảo là gậy của các cụ. Các cụ sẽ dùng hai cây mía này để “gánh” vàng về cội âm, và cũng dùng làm khí giới chống lại bọn quỷ sứ muốn ăn cướp vàng.

Lễ “hóa vàng” chấm dứt ngày Tết tại các gia đình. Trong buổi cúng tiền các cụ ngày mùng bốn, các con cháu thường tề tựu tại nhà gia trưởng, và sau lễ “hóa vàng” họ cùng nhau ăn uống để kết thúc ngày Tết. Sau bữa cơm hóa vàng này, những con cháu làm ăn nơi xa lại ai đi phương nấy.

Ngày nay, một số nơi còn giữ tục này thì thường người ta hóa vàng sớm hơn, nhất là tại các đô thị, rất ít nhà cúng các cụ cho hết mấy ngày Tết.

VIẾNG MỘ ĐẦU XUÂN

Có nơi thay vì đi thăm mộ trước Tết, người ta đợi đầu xuân sau khi hóa vàng tiền các cụ, mới cùng nhau đi viếng mộ.

Ở làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, có lệ đi viếng mộ vào ngày mùng bốn tháng Giêng.

Sáng hôm đó, mọi nhà trong làng đều làm lễ gia tiên từ sáng sớm. Sau cuộc lễ, có hóa vàng đốt pháo rồi nhà nhà đều rủ nhau đi thăm mộ.

Phần đông gia đình, già trẻ lớn bé đều đi viếng mộ hết. Gia đình nào cũng mang theo hương để cắm lên mộ, mang theo vàng lá để đốt tại mộ, và nhất là mang theo cuốc xẻng đi đắp lại các nấm mộ cho cao, vun lại các nấm mộ cho đẹp, đánh nhổ hết những khóm cây dại mọc lẫn vào mộ.

Ở nghĩa địa đủ nam phụ lão ấu với áo màu sắc sỡ của ngày xuân.

Thăm mộ là một tục rất đẹp và có ý nghĩa. Tục này còn, gia đình còn và con người sẽ không bao giờ “mất gốc”.

Tết Nguyên Đán là Tết trọng đại nhất trong năm. Với Tết này không những người ta thêm tuổi mà chính là một dịp để có sự đoàn tụ toàn thể gia đình sau một năm mỗi người mỗi ngả. Cũng là dịp để nhớ lại công đức tổ tiên đã tạo dựng nên trong mỗi gia đình.

TOAN ÁNH

MỤC LỤC

cành đào nguyên huệ - truyện ngắn - tiến thảo – trang 6 – 9.
cánh én mùa xuân - truyện ngắn - lý thị minh châu – trang 10 – 13.
hồn đất - truyện ngắn - vũ đảm – trang 14 – 16.
mùa xuân đến muộn - truyện ngắn - trúc linh lan – trang 17 – 20.
cội hoàng mai - truyện ngắn - vũ lưu xuân – trang 21 – 24.
bên kia mùa xuân – thơ – tô mặc giang – trang 25.
bạch mai - truyện ngắn - quý thể – trang 26 – 28.
xuân tha hương – thơ – huỳnh long sơn – trang 28.
đêm xuân - truyện ngắn - nguyễn ngọc tuyết – trang 29 – 31.
ly rượu cuối năm - thơ – trần hậu – trang 32.
bảng lảng như hoa mùa xuân phan trang hy – trang 33 – 34.
xuân mới – truyện ngắn - trần minh nguyệt – trang 35 – 36.
cây mai nhà nội – truyện ngắn - nguyễn hoàng trung – trang 37 – 39.
tiếng hô bài chòi đêm cuối năm – truyện ngắn - nguyễn mỹ nữ – trang – 40 – 44.
từ nay ngày tết – thơ – lê nhiên hạo – trang 44.
cưới vợ ăn tết – truyện ngắn - nguyễn lệ uyên – trang 45 – 48.
chiều hồ tây – thơ - hoàng gia cương – trang 48.
chú bé bán hoa mai – đào phạm thủy trang – trang 49 – 51.
xuân thì thầm – thơ – hồ chí bửu – trang 51.
kè đánh chuông trên đèn thượng – phùng phương quý – trang 52 – 55.
tôi đếm mùa xuân – thơ – dung thị vân – trang 55.
chuyện hoa – thâm tâm – bùi đẹp – trang 56 – 57.
mùa xuân ở trên cao – truyện ngắn – mang viên long – trang 58 – 61.
khúc tình xuân – thơ – bàng ái thơ – trang 62.
khoảng khắc mùa xuân – tản bút – bích ngân – trang 63 – 64.
rượu xuân – thơ – đình hương – trang 64.
đêm giao thừa ở phiềng sa – truyện ngắn – huy định – trang 65 – 67.
nửa đêm xem quỳnh nở – thơ – lên văn trung – trang 67.
tết này anh có về không – truyện ngắn – hồ thủy – trang 68 – 75.
nhìn lại những mùa xuân – tản bút – nguyễn đoan tuyết - trang 76 – 78.
chậu mai hạnh phúc – truyện ngắn – nguyễn nguyên an – trang 79 – 81.
xuân ly hương – thơ – thanh chương – trang 81.
mùa xuân – truyện phóng dịch – từ vũ – trang 82 – 89.
chợ hoa chiều 30 – thơ – hạc thành hoa – trang 89.
quê tôi, ngày ấy – bây giờ – hồi ký – trần nhuận minh – trang 90 – 92.
xuân đã già – truyện ngắn – phạm phù sa – trang 93 – 96.
mai anh đào năm nay – tản mạn – đào hữu thức – trang 97.
về tết – truyện ngắn – đào thị thanh tuyền – trang 98 – 101.
rượu cuối năm – thơ – nguyễn tam phù sa – trang 101.

hành trình đêm giao thừa – truyện ngắn – khái nguyên – trang 102 – 110.
 tình xuân – thơ – ngọc hải – trang 110.
 xuân muôn – truyện ngắn – vương hoài uyên – trang 111 – 116.
 xuân tình – thơ – như hoài – trang 116 .
 mưa đêm mùa xuân – truyện ngắn – từ kế tường – trang 117 – 120.
 quán rượu cuối năm và một người viết văn trẻ – truyện ngắn – vũ hồng – trang 121 – 122.
 mùa xuân nói chuyện sống lâu – tản bút – bảo lễ – trang 123 .
 về quê nhà ăn tết – bút ký – khái triều – trang 124 – 132.
 sắc xuân – truyện ngắn – đàm lan – trang 133 – 134.
 đã già mai cũ vườn quê hết rồi – bút luận – ngô đình miên – trang 135 – 138.
 một cái tết khó quên – truyện ngắn – trạch an trần hữu hội – trang 139 – 141.
 tây bắc mùa xuân – bút luận – phạm vũ - trang 142 – 146.
 đôi điều về chiếc bánh chưng ngày tết – tiểu luận – triệu văn đời - trang 147 – 149.
 thiên thai – bút ký – mai thực – trang 150 – 154.
 bày tỏ cuối năm – thơ – triệu từ truyền – trang 155.
 theo bút ngày cận, tháng tàn, năm bay trót – tản bút – phan văn thanh – trang 156 – 157.
 xuân nhật – truyện ngắn – phan – trang 158 – 159.
 lòng mẹ – truyện ngắn – bùi thanh minh – trang 160 – 165.
 chiều 30 tết ở đình bảng xưa – tản bút – nguyễn khôi – trang 166.
 ngày xuân tản mạn lan rừng – tản mạn – hồng vinh – trang 167 – 169.
 xuân hương – thơ – nguyễn mai – trang 170.
 ngày xuân ... ngồi gẫm chuyện thế gian – bút luận – dương leh – trang 171 – 174.
 những món ăn thiêng của một số dân tộc phía bắc việt nam ... - tìm hiểu – hoàng bích nga – trang 175.
 tết nguyên đán – biên luận – kiêm thêm – trang 177 – 178.
 câu đối tết – tiểu luận – hoàng vũ đông sơn – trang 179 – 182.
 khán xuân phường nữ nhân ngoại truyện – bút đàm – đặng đình túy – trang 183 – 187.
 ngày xuân đọc thơ xuân đường tống – biên luận – huyền viêm – trang 188 – 191.
 mùa xuân nói chuyện mê gái – biên luận – tuệ chương hoàng long hải – trang 192 – 205.
 lễ rước người ngày mồng 7 tết – tìm hiểu – trần nhuận minh – trang 206 – 207.
 tết nguyên đán – biên luận – toan ánh – trang 208 – 221.
 mục lục - trang 222 - 223.





tủ sách việt văn mới



văn học nghệ thuật

VIỆT VĂN MỚI



số đặc biệt
Xuân Giáp Ngọ



tủ sách việt văn mới
2014